

TÂM SỰ NƯỚC NON 2 - MINH VÕ

HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CUỘC CHIẾN QUỐC-CỘNG



***TÂM SỰ NƯỚC NON 2 - MINH VÕ
HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ
CUỘC CHIẾN QUỐC-CỘNG***

Tâm sự nước non 2
Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm
và cuộc chiến Quốc-Cộng
Minh Võ
Midway Press 2024

Copyright © 2012 by Minh Vo

TÂM SỰ NƯỚC NON 2 - MINH VÕ

HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CUỘC CHIẾN QUỐC-CỘNG



Midway Press

Mục lục

Thay lời tựa	9
1. Hồ Chí Minh – Ngô Đình Diệm và cuộc chiến Quốc-Cộng	17
2. Chiến tranh ý thức hệ	89
3. Tại sao thua?	153
4. McNamara và chiến tranh Việt Nam	175
5. Chiến Tranh Việt-Pháp?	195
6. Trở lại danh xưng “chiến tranh Việt-Pháp”	205
7. Chống cộng hay chống độc tài?	223
8. Đừng oán trách nàng	263
9. THIỆN TÂM nhưng ĐẢNG TRÍ?	279
10. Khủng bố 911 và viễn ảnh thế chiến IV	307
11. Hoàng Xuân Hãn đúng hay sai?	349
12. Một thể chiến lược toàn cầu mới đã lộ dạng	359
13. Bầu cử ở Iraq và Phiếu Trắng	367
14. Một cơ hội bằng vàng	377
15. Trở lại vấn đề PHIẾU TRẮNG	383
16. Con tố cha, vợ tố chồng	393
17. Chuyên chính vô sản và các đại hội ĐCS	417

18. Từ Đại Hội (X) đến Quốc Hội (XII) (hay Quốc Hội của Đảng)	431
19. Hãy nhắm trúng tâm điểm	455
20. Linh mục Chân Tín định siết cổ “đảng ta”	489
21. Tin tặc và sự thật thật	495
22. Đấu tranh cho một lá cờ	509
23. Cố Tổng Thống Ronald Reagan và Giáo Hoàng John Paul II	521
Thư mục	535
Danh mục	541

Thay lời tựa

Mấy năm vừa qua chúng tôi có viết được gần một trăm bài đăng trên *DCVOnline*. Mới đây tờ báo điện tử này liên tục bị tin tặc đánh phá, đã biến mất trong một thời gian dài. Khi tái xuất hiện thì không còn đọc được những bài cũ nữa. Vì vậy chúng tôi chọn in lại một số bài có tính thời sự và/hay lịch sử từng được nhiều độc giả theo dõi. Hy vọng chúng có thể giúp các bạn trẻ hiểu thêm những vấn đề có liên quan đến cuộc chiến tranh quốc cộng đã tàn phá đất nước ta và hãy còn làm dân ta trầm luân trong bể khổ. Những bài này phần nhiều nhằm trả lời hai câu hỏi sau đây:

Tại sao ta đã thua Việt Cộng để nhân dân cả nước rơi vào cảnh bị nô lệ và Tổ Quốc có thể sẽ bị Trung Quốc thôn tính bằng cách này hay cách khác?

Tại sao đã gần 36 năm rồi mà đất nước ta vẫn chưa thoát ra khỏi sự thống trị tàn bạo của Cộng Sản, trong khi các nước Đông Âu và cả Liên Xô cũ đã được giải phóng từ lâu?

Đây chỉ là công việc nhỏ bé của một người không có tham vọng chính trị, nhằm trình bày một số ý kiến trong phạm vi nghiên cứu thuần túy. Công việc đại sự, như cứu nguy tổ quốc hay giải thể chế độ độc tài tàn bạo hiện nay, chúng tôi không dám lạm bàn. Xin dành cho các chính trị gia và đảng phái đang có dư phương tiện với những chương trình, kế hoạch rộng lớn.

Tồn Võ Tử, binh pháp gia số một của Trung Quốc, ở thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch, khi bàn về chuẩn bị tấn công trong thiên thứ 3 của 13 thiên chiến pháp đã viết: “*Tri bỉ, tri kỷ, bách chiến bách thắng*”. (Biết người, biết mình, trăm trận trăm thắng). Đến nay danh ngôn đó ai cũng rõ. Nó không còn chỉ được áp dụng trong nghệ thuật dụng binh mà thôi. Từ đó suy rộng ra và lật ngược lại vấn đề, có thể nói: Lý do hàng đầu của chiến bại là không biết địch và không biết mình. Phần lớn nội dung tập sách này chú trọng hơn đến vấn đề biết địch.

Người Quốc Gia chúng ta ngay từ đầu đã không biết Hồ Chí Minh là Cộng Sản nên đã giúp đỡ, chứa chấp, nâng đỡ giải cứu ông ta khi còn ở Hoa Nam. Về sau vì không biết ông ta là Cộng Sản, nên những trí thức hàng đầu trong nước đã đi theo, ủng hộ, ca ngợi ông ta như là một anh hùng, một lãnh tụ yêu nước, có công trong việc giải phóng dân tộc. Không cần nhắc tới những Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Xiển, Dương Đức

Hiển, v.v. mà ngay như kỹ sư Hoàng Văn Chí, người đã kết án nặng nề Hồ Chí Minh như một tội phạm trong Cải Cách Ruộng Đất; tác phẩm *Từ Thực Dân Đến Cộng Sản* của ông là một trong mấy cuốn đầu tiên được người Quốc Gia tham chiếu để lên án Hồ Chí Minh. Vậy mà ngay trong cuốn sách đó Hoàng Văn Chí cũng đã gọi Hồ Chí Minh là anh hùng “*vì đã làm được việc mà các đảng phái và nhân sĩ yêu nước không làm được là đánh đuổi được thực dân Pháp.*”

Rồi Tiến Sĩ Nguyễn Khắc Huyền, tác giả cuốn sách đầu tiên bằng Anh ngữ do người Quốc Gia viết về Hồ Chí Minh, sách này về sau được từ điển Bách Khoa Americana tham khảo và trưng dẫn, cũng viết rằng “*Hồ Chí Minh... đồng thời cũng là nhà ái quốc lớn, mà sự dẫn thân cho Cộng Sản không làm lu mờ lòng thiết tha yêu tổ quốc.*” Ở một chỗ khác ông còn gọi HCM là “*an ardent nationalist*” (nhà ái quốc nồng nàn, hay người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt tình).

Tiến sĩ Nguyễn Khắc Huyền viết cuốn *Vision Accomplished? The Enigma of Ho Chi Minh* vào năm 1971. Đến đầu thiên niên kỷ thứ 3 giáo Sư Hoàng Xuân Hãn cựu bộ trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, nổi tiếng vì cuốn từ điển khoa học, lại cũng ca tụng ông Hồ là người có công to lớn vì đã đánh đuổi Pháp giành độc lập cho Việt Nam (xem chương 11).

Tại sao nhiều người biết rõ Hồ Chí Minh đã giết hại hàng triệu đồng bào, cũng biết ông ta là Cộng

Sản mà vẫn gọi ông ta là nhà ái quốc nông nân và có công giành độc lập? Theo chúng tôi thì chính vì các vị đó chưa hiểu rõ thế nào là người Cộng sản, và chủ nghĩa CS mà họ tôn thờ nó ra làm sao cả.

Cũng vì lý do đó mà nhiều người vỗ ngực tự xưng mình chống Cộng nhiệt tình lại cũng ca tụng HCM một cách trực tiếp hay gián tiếp. Chẳng hạn nhà văn nữ Dương Thu Hương đã dành không thiếu từ ngữ xấu xa nào để lên án và chửi rửa nhà cầm quyền CS trong nước hiện nay, lại đã viết cuốn *Đỉnh cao chói lọi* để ca tụng ông Hồ.

Hay một tiến sĩ giáo sư đã viết dưới bút hiệu Nguyễn Thiện Tâm một bài dài để kết tội và nguyên rửa đảng CS Việt Nam. Nhưng cuối cùng cũng ca tụng Hồ Chí Minh là người có công lớn đối với dân tộc. (Xin xem chương 9)

Buồn cười hơn cả là Lữ Phương, một người tự cho mình là phản tỉnh, đã viết nhiều bài phê bình Mác, cũng hết lời tán tụng ông Hồ như vậy.

Tôi không nói đến những tác giả ngoại quốc ở đây, vì trong cuốn *Hồ Chí Minh nhận định tổng hợp* của Minh Võ đã có danh sách gần trăm người rồi.

Nhưng không thể không nhắc đến nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam Lê Xuân Khoa. Ông không trực tiếp ca ngợi công của Hồ Chí Minh giành độc lập cho Việt Nam. Nhưng đã gián tiếp coi ông Hồ như người lãnh đạo toàn dân chống Pháp thực dân thành công, bằng cách gọi cuộc chiến tranh Quốc-

Cộng tại Việt Nam từ 1946 đến 1954 là “chiến tranh Việt Pháp” (xem 2 chương 5 và 6).

Lỗi lầm của ông Lê Xuân Khoa cũng giống như lỗi lầm của những sử gia và ký giả ngoại quốc từng gọi cuộc chiến này là chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh lạnh, hay chiến tranh Đông Dương I và chiến tranh Đông Dương II. Tất cả đều đã không nghiên cứu đến nguồn gốc của nó là cuộc thế chiến 3 tức trận chiến toàn cầu giữa các người Cộng Sản và thế giới tự do. Nó là một cuộc chiến tranh ý thức hệ (xem chương 2).

Cuộc chiến quốc cộng nói trên là cuộc chiến giữa những người Quốc Gia và những người Cộng Sản Việt Nam được toàn khối cộng sản thế giới chi viện và lãnh đạo. Trong cuộc chiến Quốc Cộng này chỉ có hai nhân vật xứng đáng gọi là kỳ phùng địch thủ. (Xem chương I.)

Sở dĩ trong cuộc chiến này phe Quốc Gia đã thua và cả Hoa Kỳ cũng đã thua là vì những lỗi lầm chiến lược trong đó quan trọng nhất là lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa do ông Ngô Đình Diệm dày công xây dựng. Khi ông Diệm bị lật và bị giết thì phe Quốc Gia Việt Nam chẳng những đã mất một lãnh tụ tài ba, có viễn kiến chính trị lạ lùng, mà quan trọng hơn là mất cái lợi thế vững vàng mà ông Diệm đã tạo nên của một miền Nam tương đối an bình, phồn thịnh hơn hẳn miền Bắc của ông Hồ.

Khi nền tảng của thể chế chính trị miền Nam

bị *sụp đổ tan tành* (chữ của TT Richard Nixon) thì coi như miền Nam đã hấp hối. Rồi tắt thở vào cuối tháng tư năm 1975. (chương I)

Sau khi nắm trọn đất nước, Cộng Sản đã thiết lập một nền độc tài hà khắc trên toàn quốc, công khai tự đặt đảng Cộng Sản vào vai trò lãnh đạo với quyền hành tuyệt đối như một hoàng đế thời phong kiến. Những đại hội đảng được tổ chức long trọng, rền rang, như ngày đăng quang của tân vương. Những cuộc bầu cử gọi là “quốc hội” được kiểm soát gắt gao, để mọi người dân phải đi bầu, không được vắng mặt trong ngày “toàn dân đi bầu”. Mục đích để chứng tỏ với thế giới rằng toàn dân VN tán thành và hoan nghênh cái đại hội của đảng đó chính là đại hội của quốc dân, coi như toàn dân đã chấp nhận nền độc tài đảng trị này qua một cuộc trưng cầu dân ý gián tiếp. (Chương 17.)

Trong chương 13 và chương 15 chúng tôi đã nhân cuộc bầu cử tại Iraq để đề xuất phương cách bỏ phiếu trắng, và/hay phiếu bất hợp lệ để cho cử tri bày tỏ *sự phản đối* cái lối “đảng cử dân bầu” phi dân chủ đó của CS.

Chỉ mấy tháng sau ở trong nước linh mục Nguyễn Văn Lý và khối 8406 đã gián tiếp hưởng ứng phương pháp của chúng tôi bằng cách kêu gọi tẩy chay bầu cử kiểu đảng cử dân bầu này. Và chúng tôi liền kêu gọi đồng bào trong nước cũng như hải ngoại hãy nắm lấy *cơ hội bằng vàng* này để tấn công CS bằng một

vũ khí phi vũ trang. (Chương 14). Tiếc rằng giới trí thức trong nước và cộng đồng người Việt Hải Ngoại đã quá thờ ơ cho nên cơ hội bằng vàng đã bị bỏ lỡ.

Xem ra đa số người ta thích những lời tuyên bố đao to búa lớn và những lời cổ vũ cho bạo lực hơn là những phương pháp bất bạo động, đối với họ còn quá mới mẻ.

Ở chương 8 chúng tôi đã khai triển thêm khái niệm chiến tranh ý thức hệ để chứng minh rằng chính những nhà báo và sử gia thiên tả phải chịu trách nhiệm về sự thất trận của chúng ta và Đồng Minh Hoa Kỳ, chứ không phải những Jane Fonda hay Trịnh Công Sơn và John Kerry.

Chương 23 về cố TT Ronald Reagan và giáo Hoàng John Paul II đã cho thấy thành quả của một cuộc chiến phi vũ trang tại Ba Lan ra sao. Chế độ Cộng Sản Ba Lan đã nhanh chóng sụp đổ kéo theo toàn bộ các nước CS Đông Âu đổ theo chúng tỏ những phương pháp tấn công bằng báo chí và đài Phát Thanh (Tự Do và Âu Châu Tự Do) đã hữu hiệu hơn vũ khí hạch tâm bội phần.

Và đó là nguồn hy vọng của chúng ta, những kẻ đã mất nước và hiện trong tay không có một tác sát.

Cuộc đời của một cá nhân cũng như *sinh* mệnh của một dân tộc. Hiện tại là hậu quả của dĩ vãng và là nguyên nhân của tương lai. Những gì đang diễn ra tại quốc nội khiến nhiều người ưu tư về hiểm họa tổ quốc bị Trung Quốc thôn tính bằng cách này hay

cách khác, là kết quả của chiến lược sai lầm dẫn đến mất miền Nam vào cuối tháng Tư năm 1975. Thi cũng tương tự như vậy, những gì đang diễn ra trong nước và tại hải ngoại ngày hôm nay sẽ là nguyên nhân của một tương lai đen tối trong tương lai. Không thể khác được. Trừ phi sự thực lịch sử được tôn trọng và trình bày trung thực để con em chúng ta hay hậu duệ của chúng nhìn ra khuyết điểm của cha ông mà tránh hầu tìm ra hướng đi chiến lược đúng đắn cho một cuộc phản công thắng lợi.

Tác giả

*Miền Nam Cali những ngày cuối năm Canh Dần
(Tháng Giêng 2011)*

1. Hồ Chí Minh – Ngô Đình Diệm và cuộc chiến Quốc-Cộng

Hiện thời dư luận của đồng bào trong và ngoài nước đang chú tâm vào những vấn đề nóng bỏng sau đây:

1. Vấn đề Biển Đông: Các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, cùng với việc Trung Cộng lập huyện Tam Sa thuộc tỉnh Hải Nam; với ý đồ chiếm cứ vùng biển này bất chấp các nước liên hệ trong vùng, và với nguy cơ biến vùng này thành bãi chiến trường trong một trận thế chiến tương lai v.v...

2. Vấn đề khai thác bô-xít ở Trung Nguyên không những làm hại môi trường mà còn mở đường cho hàng vạn công nhân Trung Quốc ồ ạt tới vùng lãnh thổ xung yếu chiến lược của ta.

3. Vấn đề cho người nước ngoài thuê, mua hàng chục vạn mẫu tây thuộc những khu rừng đầu nguồn vùng biên giới.

4. Vấn đề các đoàn thể, tổ chức tôn giáo đứng lên “cầu nguyện” cho các quyền tự do tôn giáo và bị nhà cầm quyền CS đàn áp, đánh đập, như tại tòa Khâm

Sứ, các giáo xứ Thái Hà, Tam Tòa, Đồng Chiêm, Loan Lý, Cồn Dầu, v.v.

5. Vấn đề công nhân biểu tình đòi tăng lương, đòi đổi xử công bình bị đàn áp.

6. Vấn đề các nhà đấu tranh cho dân chủ tự do bị đàn áp, bắt bớ, hành hạ trong ngục tù.

7. Vấn đề vô số phụ nữ, thiếu nữ, thậm chí cả những trẻ em 8, 9 tuổi bị bán như những món hàng hay xô đẩy ra nước ngoài để làm trò chơi ô nhục cho ngoại nhân.

8. Vấn đề đại hội XI của đảng CS vào đầu năm tới, đáng lẽ không liên quan gì đến tập thể quốc dân, nhưng đảng lại cố lôi kéo quốc dân vào, để chứng minh và củng cố vai trò thống trị của đảng.

9. Và nhiều vấn đề tranh chấp đất đai giữa nông dân và nhà cầm quyền CS, khiến hàng loạt nhóm dân oan ngày đêm khiếu nại chẳng những không được giải quyết. mà còn bị đàn áp dã man v.v...

Đó là những vấn đề có tính thời sự cao, nếu không nói là có liên hệ mật thiết đến vận mệnh của dân tộc. sự tồn vong của Đất Nước.

Ấy là chúng tôi đã gác ngoài những vấn đề quốc tế có liên hệ đến sự tồn vong của nhân loại, như bầu khí quyền càng ngày càng ảm lên, càng ngày càng có nhiều nước nhỏ cũng muốn có bom nguyên tử, che giấu dưới chiêu bài xây dựng các nhà máy nguyên tử sử dụng vì mục tiêu hòa bình, không kể âm mưu đe dọa nền hòa bình thế giới của những nước như Bắc Hàn hay Iran v.v.

Tại sao trong hoàn cảnh đó mà chúng tôi lại đem bàn ở đây một vấn đề cũ, hầu như đã bị quên lãng, là cuộc chiến đã qua 35 năm rồi, với những cái tên đã đi vào lịch sử như Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm? Mỗi lần nghe nhắc đến hai nhân vật này, một số người lại mỉa mai: Hãy để họ cho lịch sử phán xét. Hãy bàn các vấn đề trước mắt để tìm cách giải quyết cho quốc dân nhờ.

Không phải chúng tôi không tán thành các cá nhân và đoàn thể đảng phái đang nêu gần chục vấn đề trên và tìm cách tranh đấu để buộc nhà cầm quyền CS phải giải quyết vì quyền lợi đất nước hòng tránh một cuộc thôn tính của phương Bắc.

Nhưng suy đi nghĩ lại, chúng tôi thấy những vấn đề đó chỉ là cái ngọn, là hậu quả của sự thất trận của phe Quốc Gia. Còn cái gốc, cái cốt lõi, nguyên nhân chính của mọi vấn đề nêu trên chính là vì phe quốc gia chúng ta đã thất trận, để cả nước lọt vào tay CS từ 30 tháng tư năm 1975. Nếu Đất Nước không lọt vào tay CS, thì có lẽ đã chẳng có những vấn đề trên.

Thế mà cho đến nay hầu như không còn mấy ai nhớ đến cái gốc, cái nguyên nhân, mà chỉ chú tâm vào cái ngọn, cái cành, cái hậu quả. Nhiều người còn cố ngụy biện rằng chúng ta không thua, vì chúng ta chiến đấu anh dũng, lập được nhiều thành tích, chiến công lẫy lừng. Chúng ta chỉ bị đồng minh phản bội, “tháo chạy” trước địch quân (!).

Xem lại những hình ảnh kỷ niệm xưa của các

chiến sĩ thuộc mọi quân binh chủng, kê cả hình ảnh hàng ngàn nữ quân nhân mặc đồng phục hàng ngũ chỉnh tề đi diễn hành; và đọc những hồi ký hay phóng sự chiến trường nhắc lại những chiến công oanh liệt của các chiến sĩ Nhảy Dù, hay Thủy Quân Lục Chiến, người viết thật không còn lòng dạ nào kêu gọi mọi người hãy tìm hiểu lý do tại sao chúng ta thất trận. Chúng tôi thật lòng chỉ muốn mãi mãi ca tụng những chiến công hiển hách của quân ta, và lớn tiếng sỉ vả Cộng quân...

Đó là về mặt tình cảm. Chúng tôi chỉ muốn tin như nhiều người rằng Mỹ đã phản bội và bỏ rơi chúng ta để cho lòng nhẹ bớt đòn đau và chua xót. Nhưng xét về mặt lý trí, và nhìn lại những cảnh máu đổ đầu rơi trong chiến tranh và cảnh mẹ trẻ bỗng con thơ đội khăn tang khóc chồng vừa tử trận, có hàng chục vạn, hàng trăm vạn cảnh như vậy khắp nơi trong nước, chúng tôi không thể nào phủ nhận những sự thực lịch sử, và những luận cứ do lý trí cung cấp để tiếp tục lừa dối con cháu chúng ta về trách nhiệm của phe ta, dù rất muốn tin rằng chúng ta không hề thua...

Chúng tôi đồng ý là chiến sĩ VNCH đã chiến đấu anh dũng. Tướng lãnh và chỉ huy các cấp trong Quân Lục VNCH, phần nhiều đã làm tròn trách nhiệm của mình.

Nhờ vậy, về mặt chiến thuật quân dân miền Nam đã thắng những trận quyết định.

Nhưng về mặt chiến lược, các nhà lãnh đạo tối cao đã có những sai lầm căn bản, vì đã không hiểu rõ tính chất của cuộc chiến. và thế chiến toàn cầu. Kể cả một số nhà lãnh đạo Đồng Minh.

Trong chương này chúng tôi sẽ lần lượt mổ xẻ khuyết điểm quan trọng nhất về mặt chiến lược theo 3 đề mục chính: Tính chất của cuộc chiến, sự lãnh đạo cuộc chiến của phe Cộng Sản qua vai trò của ông Hồ Chí Minh, và vai trò và lợi thế của ông Ngô Đình Diệm khi sáng lập Cộng Hòa Việt Nam và lãnh đạo phe Quốc Gia.

I. Về cuộc chiến

Định danh cuộc chiến.

Trước hết không nên gọi cuộc chiến này là “chiến tranh ủy nhiệm”, hàm ý rằng chúng ta đánh Cộng Sản theo ủy nhiệm của Hoa Kỳ, hay của các cường quốc phương Tây, còn phe Cộng Sản thì chiến đấu do ủy nhiệm của Liên Xô và Trung Cộng. Vì cuộc chiến chống Cộng Sản Quốc Tế là nhiệm vụ sống chết của mọi người mọi nước trong cộng đồng nhân loại. Riêng tại Việt Nam thì đây là cuộc chiến sinh tử của toàn dân, vì sự tồn vong của Tổ Quốc chứ làm sao lại có thể là vì sự ủy nhiệm của một đại cường nào?

Cũng không nên gọi “chiến tranh Đông Dương I”, và “chiến tranh Đông Dương II”.

Về cái gọi là chiến tranh ĐD I, có người như ông

Lê Xuân Khoa còn gọi là “chiến tranh Việt-Pháp”, hàm ý rằng đó là cuộc chiến tranh giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp, hay giữa nước Pháp (Cộng Hòa Pháp Quốc) và nước Việt Nam (Dân Chủ Cộng Hòa). Không gì sai lầm và tai hại về mặt chiến lược cho bằng. Vì như thế mặc nhiên đã thừa nhận phe Cộng lãnh đạo toàn dân Việt Nam chống Pháp thực dân. Lẽ tất nhiên trong cuộc chiến gọi là “chiến tranh Việt Pháp” đó, vẫn theo hàm ý của ông Lê Xuân Khoa, phe Quốc Gia chỉ là tay sai của thực dân Pháp, chống lại nhân dân Việt Nam.

Về “Chiến tranh ĐD II”, phe Cộng đã chính thức gọi là “cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, như nhan đề cuốn sách của Văn Tiến Dũng. Nếu chúng ta cũng theo đó nhận cuộc chiến theo danh xưng đó, thì chúng ta cũng tự coi phe Quốc Gia chỉ là tay sai hay lính đánh thuê của Mỹ.

Cũng không nên bắt chước một số sử gia, học giả hay ký giả ngoại quốc gọi cuộc chiến giữa khối Cộng và Thế Giới Tự Do là “chiến tranh lạnh”. Vì thực ra có nơi có lúc nó đã chẳng lạnh chút nào, ví dụ như ở Triều Tiên những năm đầu thập niên 50, hay ở Việt Nam từ 1945 đến 1954 rồi từ 1965 đến 1975, hay ở Trung Hoa từ 1927 đến 1949. Vậy phải định danh cuộc chiến thế nào mới chính xác?

Trước hết muốn hiểu rõ cuộc chiến Việt Nam phải đặt nó vào trong bối cảnh và khuôn khổ cuộc chiến toàn cầu, toàn diện (bằng đủ mọi hình thức, vũ

trang cũng như phi vũ trang) do Cộng Sản Quốc Tế chủ xướng nhằm vào toàn thể nhân loại. Vấn đề này trước khi xuất hiện phong trào Quốc Tế CS không cần đặt ra. Nhưng nay thì đã thành tối ưu cần thiết.

Về cuộc chiến toàn cầu giữa khối Cộng và Thế Giới Tự Do trong thế kỷ XX, ít nhất có 7 người đã gọi nó là Thế Chiến III. Trước hết là Giáo Sư Robert Strausz-Hupé và 3 đồng tác giả của tác phẩm *Protracted Conflict*. Sau đó là Max Eastman, người giới thiệu cuốn *Protracted Conflict*. Bốn người này đều bảo Thế Giới Tự Do đang thua (năm 1959) vì không biết mình đang ở trong thế chiến III. Kế đến là văn hào Nga ly khai Alexander Solzhenitsyn. Khi thấy CS đã chiếm toàn cõi Việt Nam năm 1975 ông đã viết trên tờ *Le Monde* của Pháp (số ngày 1-5-1975): “Thế Chiến III đã kết thúc”, ngụ ý (một cách bi quan và sai lầm) rằng phe thế giới tự do đã thua hẳn rồi. Và sau cùng nhưng quan trọng hơn cả là cố Tổng Thống Richard Nixon. Nixon đã bảo thế chiến III đã bắt đầu khi thế chiến II kết thúc. Dĩ nhiên không phải chỉ có bấy nhiêu người...

Tại sao lại gọi là thế chiến III? Có phải vì nó có tính cách toàn cầu và khởi sự liền ngay sau thế chiến II, như TT Nixon đã viết không?

Có thực đó là một cuộc chiến tranh diễn ra trên toàn thế giới để đáng gọi là thế chiến không? Nếu không nghiên cứu sự hình thành và phát triển của nó và mưu đồ cuồng vọng của các lãnh tụ Cộng Sản

thì khó có thể đồng ý với danh xưng đó. Về vấn đề này, chúng tôi đã dành hẳn một bài dài (“Chiến tranh ý thức hệ”) để phân tích và đi đến kết luận rằng cuộc chiến tranh giữa Khối Cộng và Thế Giới Tự Do là cuộc chiến toàn cầu, toàn diện và thường trực. Một cuộc chiến tầm cỡ với 100 triệu người bị CS giết đó không đáng mệnh danh là thế chiến sao? Ở đây chỉ xin nhắc lại một cách tóm tắt tối đa.

Cuộc chiến do Cộng Sản chủ xướng phát xuất từ chủ trương giai cấp đấu tranh. Giai cấp theo CS, thì ở nước nào cũng có. Vì vậy nó có tính cách toàn cầu.

Cuộc chiến do CS chủ xướng còn nhằm mục đích bá chủ toàn cầu, tiêu diệt các giai cấp, để cuối cùng đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính. Vì vậy trên lý thuyết đó là cuộc chiến toàn cầu.

Trên thực tế, từ khi Quốc Tế Cộng Sản của Lê-nin ra đời (1919), các chi bộ cộng sản, rồi các đảng CS bắt đầu xuất hiện và mau chóng tràn lan ra khắp thế giới. Đến năm 1960, tại đại hội 81 đảng CS trên thế giới người ta đã có con số chính thức là trên toàn thế giới có 87 đảng CS. Nếu ta nhìn vào sách lược và kỹ thuật tác chiến của CS, thì sẽ thấy mỗi đảng trong số 87 đảng đó đều là một mặt trận, một đơn vị tác chiến, có thể là một lộ quân, một đại đoàn, quân đoàn hay sư đoàn..., tùy tầm cỡ và thành tích, tất cả đều là những mũi nhọn tấn công nhằm vào thế giới tự do.

Tại các mặt trận ấy, với các đơn vị tác chiến ấy, CS

chủ yếu đã không dùng tới vũ khí vật chất như súng ống, đạn dược, bom bay hỏa tiễn và các đơn vị bộ binh, thiết giáp, nhảy dù, không quân, hải quân, như ta thường thấy trong các thế chiến I và thế chiến II. Mà hầu như luôn luôn chỉ dùng các vũ khí tinh thần, vô hình như tuyên truyền bằng mọi hình thức, báo chí... các đài phát thanh bí mật, các cuộc đình công, bãi khoá; các cuộc xâm nhập các đoàn thể đảng phái quốc gia, để biến chúng thành cái nhân của những đảng CS; các cuộc tranh luận tại nghị trường nhằm loại bỏ một dân biểu quốc gia để thay vào đó một dân biểu, nghị sĩ CS, hay thiên cộng, để cố gắng dần dần biến cái quốc hội đó thành một quốc hội CS hay thiên cộng. Dĩ nhiên không phải lúc nào CS cũng thành công.

Ngoài tính toàn cầu, cuộc chiến mà CS chủ xướng chống lại nhân loại còn mang tính toàn diện theo khái niệm toàn bộ chiến của Karl von Clausewitz là thầy dạy Friedrich Engels (tức Ăng-ghe-nh). Nghĩa là với người CS cái gì cũng có thể là vũ khí. Từ một hiệp ước, đến những cuộc hòa đàm, thương thuyết, hội nghị, tranh luận, bút chiến v.v... Lãnh vực nào cũng có thể là một mặt trận. Mặt trận ngoại giao, mặt trận văn hóa, mặt trận kinh tế, mặt trận tôn giáo, mặt trận giáo dục, v.v...

Cuộc chiến VN nằm trong khuôn khổ cuộc chiến toàn cầu toàn diện và thường trực đó. Cho nên nó không phải là một cuộc chiến giữa một nước với một

nước, hay nội chiến thường mà tất cả các nước tham chiến đều đứng về một bên, hoặc là thuộc khối Cộng hoặc thuộc thế giới tự do. Với khái niệm chiến tranh đó, và trong khuôn khổ cuộc chiến đó, nếu có những đoàn quân của một đại cường hay một quốc gia láng giềng chiến đấu bên cạnh chúng ta thì phải hiểu đó là vì mục đích chống CS Quốc Tế.

Do đó nếu đặt cuộc chiến VN vào trong bối cảnh hay khuôn khổ cuộc chiến toàn cầu, chúng ta có thể mệnh danh đó là cuộc chiến quốc-cộng, nghĩa là giữa một bên là Cộng Sản và một bên là người Quốc Gia (phi cộng sản).

Cuộc chiến Quốc-Cộng ở Việt Nam bắt đầu khi nào?

Nếu hiểu chiến tranh theo khái niệm chiến tranh ý thức hệ như được trình bày ở trên, thì cuộc chiến giữa các người quốc gia Việt Nam và đảng Cộng Sản đã bắt đầu từ khi có đảng CS vào ngày 3-2-1930; hay rộng hơn nữa là ngay từ khi có cái nhân của đảng CS là tổ chức Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Nguyễn Ái Quốc khai sinh. Họ Hồ đã xâm nhập, thao túng, lũng đoạn, lôi kéo những phần tử Quốc Gia đồ đệ của nhà cách mạng Phan Bội Châu trong tổ chức có tên là Tâm Tâm Xã, để cuối cùng biến họ thành thành viên của TNCMĐCH. Vũ khí mà HCM dùng ở đây là xâm nhập, thao túng rồi chiếm đoạt một tổ chức của đối phương. Chiến tranh bắt đầu từ đó.

Nếu mở rộng hơn nữa, thì còn phải nói đến sự xâm nhập, thao túng lũng đoạn rồi chiếm đoạt 2 tổ chức sớm hơn của các nhà cách mạng dân tộc như Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của cụ Hồ Học Lãm ở Quế Châu. Trung Quốc, rồi sau đó “gia nhập” (tức xâm nhập) Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội của cụ Nguyễn Hải Thần ở Quảng Châu.

Nếu không nhìn ra những “kỹ thuật tinh vi” của chiến tranh ý thức hệ thì không thể hiểu nổi tại sao CS trong nhiều trường hợp xem ra chẳng chiến đấu gì cả mà lại thu đoạt được những thắng lợi như đã thấy, hay sau một trận thua liểng xiểng như trận Mậu Thân mà lại bắt buộc đối phương phải xin hòa (hòa đàm Paris 1968). Những sách lược và kỹ thuật đấu tranh của CS đã được chúng tôi trình bày tóm lược trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*, xuất bản lần đầu năm 1963. Ở phần thứ hai chương này chúng tôi sẽ trở lại chi tiết hơn về vũ khí lợi hại nhất được HCM dùng để tấn công chúng ta là chiêu bài dân tộc, là thứ vũ khí quyết định đưa đến sự thất bại của phe quốc gia chúng ta.

Nhưng để đơn giản hóa vấn đề, dựa trên thực tế lịch sử chiến tranh, chúng ta tạm phân định một cách cụ thể, kể từ khi Quốc Gia Việt Nam ra đời dưới thời Quốc Trưởng Bảo Đại, do thông cáo chung vịnh Hạ Long ký kết giữa cao ủy Pháp Bollaert và Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân ngày 5-6-1948. Từ đó coi như đã có một Quốc Gia Việt Nam độc lập không

Cộng Sản, dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại, để đương đầu với cái gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Hồ Chí Minh.¹

Vị thế của Quốc Gia Việt Nam năm sau được tăng cường với hiệp ước Élysée mà Quốc Trưởng Bảo Đại đích thân ký với chính Tổng Thống Pháp Vincent Auriol ngày 8-3-1949. Nếu với hiệp định sơ bộ mong 6 tháng 3 ba năm trước, nước Pháp đã gián tiếp, mặc nhiên công nhận chính quyền Hồ Chí Minh, thì với hiệp ước Élysée, nước Pháp đã trực tiếp minh thị công nhận cựu hoàng Bảo Đại là quốc trưởng Việt Nam. Từ đó tại Việt Nam đã chính thức bắt đầu cuộc chiến tranh nóng Quốc-Cộng.

Tiểu một điều là Quốc Gia Việt Nam, tuy đã độc lập, nhưng còn yếu và còn ở trong Liên Hiệp Pháp. cho nên về tài chính, ngoại giao và quốc phòng còn lệ thuộc vào Pháp. Và Pháp tự coi mình có nhiệm vụ bảo vệ các nước thành viên trong Liên Hiệp Pháp đã đem đại quân tới đê cùng với quân của Quốc Gia Việt Nam chiến đấu chống Việt Minh Cộng Sản. Về pháp lý không có gì sai. Về thực tế, nếu xét cuộc

¹ Chúng tôi tạm bỏ qua sự kiện Vua Bảo Đại tuyên bố Việt Nam Độc Lập ngày 11 tháng 3 năm 1945, với chính phủ Trần Trọng Kim ra đời sau đó. Vì nhiều người coi đó là một nền độc lập do Nhật ban cho, chúng ta không phải tranh đấu gì cho việc thu hồi nền độc lập đó. Và lại nó chỉ tồn tại trong một thời gian vắn, trước khi chính phủ Trần Trọng Kim từ chức, rồi nhà vua bị Việt Minh ép phải thoái vị.

chiến theo nghĩa thông thường (là một cuộc đối đầu bằng quân sự) thì còn ích lợi và cần thiết.

Nhưng nếu nhìn cuộc chiến theo khái niệm chiến tranh ý thức hệ như đã nói ở trên, thì lại bất lợi. Vì đối phương sẽ dựa vào sự hiện diện hàng trăm ngàn quân Pháp và quân Lê Dương, một con số áp đảo so với số quân của Quốc Trưởng Bảo Đại, để có cơ tuyên truyền rằng Việt Minh Cộng Sản có chính nghĩa chống thực dân Pháp, còn Quốc Gia chỉ là tay sai hay lính đánh thuê của Pháp. Và dân chúng thường bị ảnh hưởng bởi sự thông tin một chiều của CS, rất dễ tin theo luận điệu tuyên truyền lừa phỉnh như vậy.

Lịch sử đã chứng minh, chẳng những dân chúng phần đông tin Việt Minh mà ký giả, sử gia thế giới phần nhiều cũng tin và do đó đã cho HCM cái hào quang chiến thắng. Mà điển hình là những chiến thắng trong “Cách Mạng tháng 8” (1945) và chiến thắng Điện Biên (1954). đưa đến hiệp định Genève chia đôi đất nước mà nửa miền Bắc đông dân hơn (17 triệu, so với 14 triệu ở miền Nam) đã thuộc quyền kiểm soát của Hồ Chí Minh. Hiệp định này đã mang chữ ký của Thủ Trưởng Quốc Phòng Tạ Quang Bửu, đại diện “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” và Đại Tá Henri Delteil, đại diện Chính Phủ Pháp, vào giờ thứ 25 (nghĩa đen) của ngày 20 tháng 7 năm 1954.

Hơn nữa trong suốt cuộc chiến 9 năm dư luận thế giới chỉ nói đến các tướng lãnh Pháp chỉ huy cuộc

chiến. Nào Jean Étienne Valluy, Blaizot, Alexandri, Leon Pignon rồi anh hùng thế chiến II De Lattre De Tassigny, Marcel M. Carpentier, Raoul A. L. Salan, Henry Navarre, René Cogny, v.v... Không có một tướng lãnh nào của Quốc Gia Việt Nam được nêu tên.

Dĩ nhiên trong đám bộ đội Việt Minh không thể nào không có quân Trung Cộng ngầm giúp. Nhưng bên ngoài chỉ nghe tên hai tướng Trần Canh và Vi Quốc Thanh với vai trò “cố vấn” bên cạnh tướng Giáp.

Đó là điều hết sức bất lợi cho phía người Quốc Gia về mặt tuyên truyền (vũ khí lợi hại nhất của chiến tranh ý thức hệ).

Cuối cùng phe Quốc Gia đã thua. Đến đây kết thúc phần I của cuộc chiến Quốc Cộng (thường được gọi là chiến tranh Đông Dương I).

Với hiệp định Genève Việt Nam đã được hưởng một nền hòa bình tạm thời, nghĩa là không có chiến tranh quân sự quy mô, nhưng với khái niệm chiến tranh ý thức hệ, CS vẫn không ngừng khủng bố, bắt cóc ám sát người quốc gia. Nhất là VC còn quí quyết tuyên truyền rằng từ đây Pháp đã ra khỏi miền Nam, nhưng thay vào đó là Mỹ. Và luận điệu thường nhắc đi nhắc lại với hai từ “Mỹ Diệm” đi kèm với nhau, mặc dầu sự thực lịch sử là ban đầu bên cạnh chính phủ Ngô Đình Diệm chỉ có vài trăm cố vấn, sau này dần dần mới tăng lên đến con số ngàn. Và chính quyền Ngô Đình Diệm đã phải đương đầu với tình hình đó. Dấu sao thì thời gian từ 1954 đến tháng 11

năm 1963 có thể coi là thời gian tạm hòa hoãn. Về lợi thế do ông Ngô Đình Diệm tạo được chúng tôi sẽ bàn sau ở phần III.

Chỉ một tháng sau khi được tin ông Diệm bị lật đổ và bị giết, Bắc Việt đã ra nghị quyết lập tức đưa quân vào miền Nam để “chớp thời cơ”, trước khi Mỹ có thể đem đại quân vào. Cho nên tình hình miền Nam đã đang xáo trộn do cuộc đảo chính gây ra, lại càng thêm nguy ngập trước quyết tâm xâm lăng của Bắc Việt. Lúc ấy các tướng đảo chính đã hủy bỏ trong thực tế chương trình ấp chiến lược của chế độ cũ. (Mặc dù mấy tháng sau tướng Nguyễn Khánh mới ký văn kiện chính thức hủy bỏ). Cộng quân càng dễ xâm nhập và đã có thể mở những trận đánh lớn như trận Bình Giả.

Trước mối nguy miền Nam có thể bị cộng quân thôn tính, chính phủ Johnson đã phải vội đem quân tác chiến vào, mà không màng hỏi ý hay bàn thảo với chính phủ Phan Huy Quát. Nhân vật được mệnh danh là “kiến trúc sư của chiến tranh Việt Nam” là bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert McNamara. Trước đó cả McNamara lẫn Lyndon B. Johnson đều chống việc hạ ông Diệm, là điều mà hai ông coi như sẽ gây ra hậu quả tồi tệ khôn lường. Lúc ấy hai ông cũng chẳng nghĩ đến việc có thể phải đem quân tác chiến vào VN, vì họ biết ông Diệm không muốn, và với ông Diệm cầm quyền, cũng không cần tới đại quân Mỹ.

Nay hai ông bất đắc dĩ phải giải quyết những hậu

quả đó của cuộc đảo chính do chính quyền Kennedy để lại bằng chiến tranh, mà không có hy vọng thắng. Chúng tôi nói không hy vọng thắng, vì chỉ một năm sau McNamara đã chán nản, nghĩ đến việc từ chức, và ông đã đệ đơn từ chức vào cuối tháng 11 năm 1967. Sau đó ít lâu chính Tổng Thống Johnson cũng tuyên bố không ra ứng cử nữa. Như vậy cũng chẳng khác gì từ chức, bỏ cuộc.

Tại sao sau khi đã đổ vào Việt Nam hai triệu quân, trong đó có trên nửa triệu thường trực, với hải lực không quân hùng hậu, vũ khí tối tân mà hai nhân vật quan trọng nhất trong chính quyền Mỹ lại không hy vọng thắng được Cộng quân?

Hầu hết sử gia Mỹ, kể cả Mark Moyar được coi như thuộc trường phái xét lại, cũng đã không nhìn ra nguyên nhân chính yếu. Người thì bảo tại địa hình địa vật hiểm trở ngoài sức tưởng tượng, thời tiết, khí hậu lại khắc nghiệt. Người thì nói vì Hoa Kỳ không biết lịch sử Việt Nam đầy rẫy chiến công hiển hách trước sức tấn công của Trung Quốc; chiến sĩ Việt Nam không ngần ngại liều chết xông ra tiền tuyến diệt thù, như những con thiêu thân. Người thì cho rằng Cộng quân dùng du kích chiến mà Hoa Kỳ áp dụng vận động chiến. Kẻ khác lại đổ cho tổng thống và quốc hội Mỹ trói tay các tướng lĩnh ngoài mặt trận, không cho họ có sáng kiến tấn công địch v.v...

Tất cả những lý do nêu trên đều có một phần sự thật, nhưng không phải là lý do chính.

Hai phần sau đây chúng tôi sẽ nêu ra lý do chính của sự thất trận.

II. Hồ Chí Minh với chiêu bài dân tộc

Phần đông người Việt Quốc Gia chỉ thấy Hồ Chí Minh là tên cộng sản gian manh xảo quyệt, tàn ác, chủ trương giết người không gớm tay. Nhiều người cho đến nay vẫn không ngừng rửa xả ông ta là tên đại Việt gian, Việt gian số một của thời đại, có khi bằng những lời lẽ thiếu tao nhã. Có người còn nổi giận: Với Việt gian cần gì phải lịch sự.

Chúng tôi đồng ý, và cũng đã chứng minh với tài liệu riêng (trong 2 tác phẩm trên một ngàn trang về Hồ Chí Minh) rằng ông Hồ là tội đồ dân tộc, phải chịu trách nhiệm về tất cả các cuộc tàn sát tập thể trên quê hương ta, khiến hàng triệu người đã vong mạng.

Nhưng thật là thiếu sót, nếu chỉ nhìn thấy mặt trái, mặt xấu của đối phương, mà không tìm hiểu nguyên do vì đâu mà con người xấu xa đó lại có khả năng gây nên những tội lỗi tày trời như vậy. Và chúng ta có nên tự hỏi “Phe Quốc Gia đã có lỗi lầm gì để gián tiếp tiếp tay cho kẻ ác phạm tội không?”

Hồ Chí Minh đã từng là đảng viên sáng lập đảng Cộng Sản Pháp, từng là ủy viên tuyên truyền thuộc trung ương Quốc Tế Cộng Sản và giữ nhiều nhiệm vụ quan trọng trong tổ chức này. Tài liệu chính thức còn cho biết ông ta đã nhận tiền và chỉ thị của QTCS

xây dựng những cơ sở đảng CS tại nhiều nước Á châu, mở những lớp huấn luyện về tuyên truyền cho các cán bộ tại đó. Trong thời gian từ 1933 đến 1938, có người cho rằng ông ta đã chết. hay mất tích, hay bị gọi về Liên Xô để chịu sự kiểm thảo gắt gao. Nhưng trong thời gian dài đó HCM cũng đã dự những lớp huấn luyện cao cấp dành cho những đảng viên ưu tú tại học viện Lê-nin, và từng là huấn luyện viên của trường Lao Động Đông Phương, cũng được gọi là trường Stalin...

Tại những trường này họ Hồ đã được học không thiếu ngón nghề gì, từ tuyên truyền, tình báo gián điệp cho đến các kỹ thuật đấu tranh chính trị, kỹ thuật tác chiến, kể cả du kích chiến, để chuẩn bị trở thành một lãnh tụ Cộng Sản có tầm cỡ và một quốc trưởng tương lai.

Hai trường Stalin và Lê-nin thời ấy là những lò đào luyện cán bộ cách mạng hiểm hoi của thế giới. Cho nên chính nhà cách mạng Tôn Dật Tiên của Trung Hoa đã thỏa hiệp với Nga Cộng về một cuộc hợp tác để cán bộ của ông có thể thâm nhập những tinh hoa về kỹ thuật cách mạng của Liên Xô.

Cũng thế, chính nhà cách mạng Phan Bội Châu đã có lúc tiếp xúc với cán bộ Nga Cộng để yêu cầu họ huấn luyện cho cán bộ của ông. Nhưng khi Nga đặt điều kiện là phải truyền bá và xây dựng chủ nghĩa Mác tại Việt Nam, thì nhà cách mạng lão thành của chúng ta đã thôi không tiếp xúc, cầu cạnh với Nga Cộng nữa.

Nhưng Hồ Chí Minh đã nhận làm tay sai cho CS và được huấn luyện để trở thành tay gián điệp quốc tế nổi tiếng với nhiệm vụ xích hóa chẳng những Việt Nam mà còn cả vùng Đông Nam Á Châu, cụ thể là các nước Thái Lan, Miến Điện, Nam Dương, Mã Lai. Đó là chưa kể đã giúp mở mang củng cố đảng Cộng Sản Trung Quốc, trong vai trò phụ tá cho Borodin, một cán bộ cao cấp được QTCS phái sang làm việc cạnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng, với một sứ mạng bí mật là yểm trợ, mở rộng đảng CS Trung Hoa.

Cứ xem vậy đủ biết Hồ Chí Minh đã có nhiều khả năng đa dạng về kỹ thuật đấu tranh chính trị, hay tác chiến trong chiến tranh ý thức hệ. Nhưng ở đây chúng tôi chỉ bàn đến một “bầu bới” của ông ta là chiêu bài dân tộc mà ông ta đã khéo léo, cẩn thận tạo được cho mình và đã sử dụng nó một cách tinh vi, tài tình, khiến cho ngày nay dư luận thế giới vẫn còn ngưỡng mộ ông ta về khả năng phi phàm đó. Và đó là mối đại họa cho dân cho nước mà chúng ta chưa làm sao thoát ra được.

Chiêu bài dân tộc mà Hồ Chí Minh dùng để lôi cuốn quần chúng đi theo ông ta phát xuất từ *Đề cương chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc* của Lê-nin. Đây là một sách lược đấu tranh dựa vào những kinh nghiệm của đảng Cộng Sản Nga trong giai đoạn đầu. Theo lý thuyết chủ nghĩa Mác thì sách lược đấu tranh phải dựa vào giai cấp vô sản là chính, không có chỗ đứng cho các thành phần dân tộc.

Càng không có cái gọi là chủ nghĩa dân tộc. Nhưng kinh nghiệm của cách mạng ở Nga trong giai đoạn đầu với nhiều khó khăn trở ngại, nếu Lê-nin không dựa vào các thành phần dân tộc thì đã không thể nào thành công. Vì vậy chủ nghĩa dân tộc của Lê-nin chỉ là một sách lược (tactic) giai đoạn mà thôi chứ không phải là một chiến lược (strategy) dài hạn. Càng không phải là mục tiêu chiến lược cuối cùng.

Nói một cách nôm na, Lê-nin không chủ trương kêu gọi lòng yêu nước thực sự để đấu tranh chống thực dân, đế quốc, nhằm mục đích giải phóng các dân tộc bị trị, vì quyền lợi tối thượng của các dân tộc đó. Mà chỉ dùng nó như một chiêu bài giả dối. Nghĩa là sau khi đã đánh đuổi thực dân, thì sẽ không còn cần tới dân tộc nữa. Vì thực ra khái niệm dân tộc không tồn tại trong chủ nghĩa Mác, vốn là chủ nghĩa vô tổ quốc. Mà mục tiêu cuối cùng của đấu tranh giai cấp của Mác là thế giới đại đồng, không còn quốc gia dân tộc nữa.

Hồ Chí Minh đã chuẩn bị để sử dụng chiêu bài dân tộc như thế nào?

Ngày 11-11-1924 Hồ Chí Minh đến Quảng Châu, miền Nam Trung Quốc trong vai trò phụ tá cho Borodin trưởng đoàn Liên Xô bên cạnh chính phủ Trung Hoa Quốc Gia. Trong vai trò này và đồng thời cũng là một vỏ bọc kiên cố cho một điệp viên cao cấp của Quốc Tế CS Hồ Chí Minh (lúc ấy còn mang

tên Nguyễn Ái Quốc), lấy bí danh Lý Thụy đã có cơ hội tiếp xúc với những nhân vật Trung Cộng trong bí mật, nhưng quan trọng hơn và, đáng nói ở đây là, những giới chức thuộc Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Thậm chí ông ta đã được phu nhân của lãnh tụ Tôn Dật Tiên tiếp kiến và giúp đỡ tận tình. Dĩ nhiên không phải với tư cách là một điệp viên của Quốc Tế CS, mà với tư cách là một người Việt Nam “yêu nước”. Khi mối liên hệ giữa Trung Hoa Dân Quốc và Liên Xô tạm ngưng từ 1927, họ Hồ theo phái bộ Borodin trở về Nga, rồi từ đó trở lại Thái Lan qua ngã Âu Châu. Tại Thái Lan ông tiếp xúc với những kiều bào yêu nước, để lập nên đảng CS Xiêm (tên gọi Thái Lan thời ấy). Tuy mang tên là đảng CS Xiêm, nhưng đảng viên hầu hết là người Việt và người Hoa. Có lúc ông đã mặc áo sư vào ẩn náu trong các chùa chiền, để dễ dàng bí mật chỉ huy. Theo Hoàng Văn Hoan, trong thời gian HCM ở Thái Lan, từ 1928 đến 1930, có một đồ đệ của cụ Phan Bội Châu là Đặng Thúc Hứa, tục gọi Cổ Đi (mất năm 1931), đã hết lòng giúp đỡ các tổ chức yêu nước ở đây, kể cả các nhóm CS, vì nghĩ họ đều là người yêu nước muốn đánh đuổi Pháp thực dân giành độc lập cho tổ quốc.

Khi Cộng Sản còn yếu nó thường phải dựa vào uy tín, thế lực của người quốc gia phi cộng sản để che giấu bộ mặt thật đáng ghét, hay chưa có tiếng tăm. Ở đâu cũng vậy chứ không cứ gì ở Xiêm.

Cũng chính Hồ Chí Minh đã xâm nhập, thao

túng, lũng đoạn các tổ chức người Việt yêu nước ở Hoa Nam như Tâm Tâm Xã của các thanh niên đồ đệ của cụ Phan Bội Châu, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, gọi tắt là Việt Minh, của cụ Hồ Học Lãm, một đồng chí của cụ Phan, và cả Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội của cụ Nguyễn Hải Thần.

Chính Nguyễn Ái Quốc đã chiêu dụ nhóm thanh niên nhiệt thành trong Tâm Tâm Xã như Hồ Tùng Mậu (cháu cụ Hồ Học Lãm), Lâm Đức Thụ, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Sơn... theo ông ta để dần dần biến tổ chức này thành Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, là cái nhân của Đông Dương Cộng Sản Đảng vào năm 1930.

Trong hồi ký *Giọt Nước Trong Biển Cả* mà chúng tôi đã phân tích tóm tắt trong cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*, chương 33, Hoàng Văn Hoan còn nói kỹ về việc Hồ Chí Minh sau khi từ Nga trở về Trung Hoa, vào năm 1940, đã hướng dẫn, chỉ thị cho nhóm Hoàng Văn Hoan (Lý Quang Hoa) Phạm Văn Đồng (Lâm Bá Kiệt) và Võ Nguyên Giáp (Dương Hoài Nam)... lợi dụng uy tín và lòng chân thành của cụ Hồ Học Lãm ra sao để xâm nhập rồi tiếm danh tổ chức của ông là Việt Nam Độc Lập đồng minh hội, mà chính ông Hồ Học Lãm đã đặt tên tắt là Việt Minh. Cũng chính Hồ Chí Minh đã chỉ thị đàn em phải tách ra khỏi tổ chức của đại tá Trương Bội Công, người Việt Nam Quốc Gia nhưng thuộc quân đội của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. HCM sợ một

đại tá của THQDD không dễ bị đánh lừa và lợi dụng như cụ Hồ Học Lãm tính tình cởi mở chân thành (khoảng đầu năm 1945 họ Trương bị Cộng Sản giết).

Khi Hồ Chí Minh về nước lập ra Mặt Trận Việt Minh ngày 19-5-1941 tại Pác Bó là ông ta đã lập lòe đánh lận con đen, khiến nhân dân trong cả nước có thể hiểu lầm rằng đây là một mặt trận của các nhà cách mạng ái quốc như Hồ Học Lãm. Nguyễn Hải Thần.

Hồ Chí Minh cũng đã xâm nhập, lợi dụng Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội do cụ Nguyễn Hải Thần làm chủ tịch.

Theo Hoàng Văn Đào, một chiến sĩ lão thành thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng, trong cuốn *Lịch Sử Đấu Tranh Cận Đại, 1927-1954, Việt Nam Quốc Dân Đảng* (ấn bản thứ 5, năm 2006, trang 185), thì trong khi các nhà cách mạng thuộc các đảng phái Quốc Gia làm lơ hay còn do dự chưa biết xử trí ra sao, trước câu hỏi có nên xung phong về nước tranh đấu, khi thế chiến II sắp kết thúc không, thì (nguyên văn): “*Trước hội nghị, duy chỉ có ông Hồ Chí Minh giơ tay xin xung phong.*”... “*Ông ta liền được cấp đầy đủ giấy tờ và công tác phí là 20 vạn Quốc Tệ và 20 thanh niên cán bộ, do ông ta tự ý lựa chọn những phần tử dễ điều khiển, mà hầu hết là đảng viên VNPDQĐMH*”.²

Trước khi xuất phát, ông Hồ cùng đoàn cán bộ đã

² Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, có xu hướng QTCS, trái với Việt Nam Quang Phục Hội của cụ Phan Bội Châu.

tuyên thệ dưới cờ của Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, nguyện trung thành với VNCMĐMH.

Với hành động này Hồ Chí Minh đã đi bước trước và chiếm lợi thế hoàn toàn hơn các đảng phái quốc gia khác. Đồng thời còn dựa vào uy tín và thành tích của các đảng phái đó để có thể lôi cuốn quần chúng nhân dân trong nước ủng hộ Mặt Trận Việt Minh của CS. Ta đã biết Cộng Sản rất sở trường về kỹ thuật vận động, lôi cuốn quần chúng.³ Mà ông Hồ thì rành hơn ai hết về xảo thuật xâm nhập, thao túng rồi lợi dụng danh nghĩa các đảng quốc gia để dễ đánh lừa nhân dân chất phác, cả tin với chiêu bài dân tộc giả dối.

Đó là đối với các đảng phái Quốc Gia. Họ Hồ còn khôn khéo chinh phục được các nhân vật trọng yếu trong Trung Hoa Quốc Dân Đảng, như tướng Trương Phát Khuê cũng qua trung gian VNQDD. Khi ông ta từ biên giới VN vào lãnh thổ Trung Hoa bị bắt thì lại chính mấy lãnh tụ VNQDD là Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ đã can thiệp với tướng Trương Phát Khuê để xin thả ông ta ra cùng với lãnh tụ Nguyễn Tường Tam của VNQDD.

Chẳng những thế, cũng với mục đích tranh thủ

³ Agit-Prop (có nghĩa là Khuấy Động và Tuyên Truyền, có ý nói cơ quan khuấy động hay vận động quần chúng và tuyên truyền) là một bộ phận vô cùng quan trọng trong các đảng CS hay chính quyền CS khắp nơi trên thế giới. Trong cuốn Ai Giết Hồ Chí Minh? chúng tôi đã dành 2 chương để bàn về Agit-Prop.

sự ủng hộ của Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh tự đặt mình vào vị thế đồng minh với Liên Xô, lúc ấy hẳn còn là đồng minh với Mỹ, để chỉ thị cho đàn em tìm cách cứu các phi công Mỹ bị Nhật bắt rơi ở Cao Bằng, gần biên giới Việt Trung. Rồi ông ta đích thân đi bộ nhiều ngày vượt biên giới để mang một phi công Mỹ tên là William Shaw tới Côn Minh trao tận tay cho tướng Claire Chennault tư lệnh Không Đoàn Flying Tigers (Hổ Bay), cũng là tư lệnh các lực lượng Mỹ trấn đóng ở Hoa Nam. Vị tướng này đã tiếp HCM và tặng ông ta bức chân dung của mình với hàng chữ đề tặng sẽ được ông Hồ lợi dụng để khoe với đồng bào rằng ông ta được Hoa Kỳ ủng hộ.

Trong số những sĩ quan Hoa Kỳ tỏ ra có cảm tình hay hành động giúp đỡ Việt Minh vào thời gian đó, lịch sử còn ghi những cái tên như Paul Helliwell, đại tá, trưởng lưới tình báo Mỹ tại Trung Hoa, Charles Fen, trung úy, trưởng toán tình báo địa phương có cái tên dễ thương là Deer Team (nhóm con nai), và Archimedes Patti. đại úy OSS (tiền thân của CIA), tác giả cuốn *Why Vietnam? Prelude to America's Albatross*, một tác phẩm khá đồ sộ, ảnh hưởng tai hại cho hàng ngũ người Việt Quốc Gia, vì phải nói thực tác giả đã bị Hồ Chí Minh mê hoặc, luôn luôn tin lời ông ta nói dối rằng mình không phải Cộng Sản. Ngày “Quốc Khánh”, 2-9-1945 viên đại úy này đã được Hồ Chí Minh mời tham dự trên khán đài danh dự, nhưng đã khước từ, chỉ “xin được đứng

trong đám đông để dễ quan sát mọi sự”. Nhưng ngày hôm trước, Patti đã nhận lời dùng dạ tiệc với họ Hồ và hai phụ tá là Hoàng Minh Giám và Võ Nguyên Giáp. Tại bàn tiệc Patti ngồi bên phải Hồ Chí Minh đối diện với Võ Nguyên Giáp.

Tất cả các hoạt động của Hồ Chí Minh kể trên đều nhằm một mục tiêu là vận dụng một cách hữu hiệu chiêu bài dân tộc theo đúng sách lược của Lê-nin. Với sách lược này, ông ta đã đi trước các đảng phái quốc gia và đã thành công trong cuộc cướp chính quyền ngày 19-8-1945. Lịch sử đã ghi ngày đó là ngày Cách Mạng Tháng Tám. Dù ghét Hồ Chí Minh và đảng CS đến đâu chúng ta cũng không thể nói họ đã cướp công của người quốc gia.

Vì theo chính tài liệu của Việt Nam Quốc Dân Đảng lãnh tụ của Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội là Nguyễn Hải Thần chỉ về đến Hà Nội sau khi mọi sự đã xong xuôi, Hồ Chí Minh đã trở thành chủ tịch nước và đã đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945, trước hàng vạn dân thủ đô, trong đó có cả hàng giáo phẩm Công Giáo và Phật Giáo, theo lời tường thuật của đại úy Patti có mặt tại chỗ. Còn Vũ Hồng Khanh và các đồng chí của ông thì mãi đến 20 tháng 10 mới về đến Hà Nội (xem Hoàng Văn Đào nói trên, tr. 242). Cho nên nếu bảo rằng trong cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp hồi giữa năm 1945 cũng có các đơn vị của VNQDD, thì cũng đúng. Ví dụ VNQDD đã chiếm đóng 3 tỉnh là Hà Giang,

Vĩnh Yên và Hà Đông trong một vài ngày, và một số đồng chí gan dạ dám chống lại Việt Minh như Quảng Dưỡng, Nguyễn Thế Nghiệp, Đào Chu Khải và vợ chồng Nguyễn Ngọc Sơn đã hy sinh. Chúng tôi nhắc lại một vài chi tiết này để ghi nhớ công ơn của VNQDD và lên án sự vô ơn, bội phán và tàn ác của Việt Minh. Nhưng không thể nào không ghi đúng sự thật là vai trò lãnh đạo cuộc nổi dậy toàn quốc không do các lãnh tụ Việt Quốc hay Việt Cách, mà do Hồ Chí Minh đảm nhận.

Nếu Hồ Chí Minh không khéo áp dụng chiêu bài dân tộc theo sách lược Lê-nin, thì không thể nào lại có thể “cướp chính quyền” (chữ của VM thường dùng) một cách nhanh chóng và rộng rãi như vậy. Chính chiêu bài này đã làm cho “trong các cơ quan dân sự quân sự của nhà nước, đâu đâu cũng chỉ thấy ủng hộ, không một mảy may chống đối Việt Minh Cộng Sản,” như Hoàng Văn Đào đã ghi trong cuốn sử của Việt Nam QDD (SĐD trang 213).

Nói tóm lại, các đảng phái Quốc Gia ngay từ những ngày đầu đã dung túng, tiếp tay cho Hồ Chí Minh, cứu Hồ Chí Minh thoát tù Trung Hoa QDD, và lại cấp tiền bạc, vũ khí và nhân lực cho Hồ Chí Minh đi tiên phong về nước làm cuộc Cách Mạng Tháng Tám thành công.

Vào lúc đó sự việc xảy ra như vậy còn có thể thông cảm phần nào, vì chưa ai biết rõ về con người gian xảo qui quyết và ác độc HCM, hơn nữa phần đông

các lãnh tụ Quốc Gia ở Hoa Nam lúc ấy cũng không am tường về chiến lược sách lược và kỹ thuật đấu tranh của Lê-nin.

Nhưng sau Cách Mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh và đồng đảng đã để lộ phần nào bộ mặt thật, muốn nắm trọn quyền trị nước, các đảng Quốc Gia lại một lần nữa trúng kế của Hồ Chí Minh ngửa tay nhận 70 ghế trong cái Quốc Hội đầu tiên và một số ghế trong chính phủ Liên Hiệp. Hơn nữa lãnh tụ Vũ Hồng Khanh lại cùng với Hồ Chí Minh đặt bút ký vào hiệp định sơ bộ 6-3-1946, để cho quân Pháp vào miền Bắc. Những lỗi lầm đó đã gây biết bao tổn thất cho người Quốc Gia yêu nước.

Có bao giờ chúng ta công khai nhận lỗi lầm trước quốc dân không?

Nhưng chúng ta hãy nhìn lại lịch sử cuộc chiến Việt Nam từ 1946 và tự hỏi: Tại sao phe Cộng ban đầu chỉ có khoảng từ ba tới năm ngàn đảng viên với vũ khí thô sơ mà rồi đã thắng được đại quân của Pháp và quân đội Quốc Gia? Tại sao Cộng quân chịu sự kỷ luật sắt của các lãnh tụ Cộng Sản để xông ra chiến trường trong khi cầm chắc cái chết? Có những chiến sĩ CS đã bị xích chân vào xe tăng để quyết tử, chứ không bỏ chạy trước hỏa lực hùng hậu của quân Pháp. Chuyện này tưởng là dã man và hầu như không thể tin được. Nhưng nếu ta hiểu mãnh lực của chiêu bài dân tộc, thì thấy không có gì lạ.

Du kích chiến, chiến tranh nhân dân, chiến pháp

lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh của Mao Trạch Đông mà CS Việt Nam tận dụng được là nhờ có chiêu bài dân tộc của HCM. Cộng Sản đã nhân danh tổ quốc, nhận danh lòng ái quốc để làm ra những điều không thể tưởng tượng, dù nó dã man, phi lý đến đâu chẳng nữa. Vì lúc ấy phe Quốc Gia chúng ta chưa có ai biết để vạch mặt chiêu bài ái quốc giả dối của họ Hồ.

Quả thực phe Quốc Gia chúng ta, từ thời các ông Hồ Học Lãm, Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần hay Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Trương Tử Anh trước 1945, cho đến Quốc Trưởng Bảo Đại, với các thủ tướng Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc... không có ai hiểu được mưu mô hiểm độc, xảo trá nằm trong cái chiêu bài ái quốc, chiêu bài dân tộc cũng như tác dụng ghê gớm của cái chiêu bài đó đối với nhân dân Việt Nam đã quá đau khổ tuyệt vọng trong tám chục năm bị ách thống trị của Thực Dân Pháp.

Tuy nhiên nhìn vào lịch sử một cách khách quan, thì thấy chúng ta đã có một người hiểu rõ nội dung và tác dụng của cái chiêu bài dân tộc giả dối của Hồ Chí Minh và biết sử dụng chủ nghĩa dân tộc và lòng yêu nước nồng nàn, để hóa giải cái chiêu bài ấy bằng cách không ngừng tranh đấu bằng những phương tiện ôn hòa cho nền độc lập của Việt Nam là ông Ngô Đình Diệm. Ông Diệm cũng là người duy nhất trong số các nhân vật quốc gia tên tuổi đã

không mắc lừa để thỏa hiệp với ông Hồ trong các chính phủ liên hiệp.

III. Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc

Ở phần II, khi nói về Hồ Chí Minh chúng tôi đã tóm tắt hết sức vắn gọn, chỉ chú trọng đến phần lý luận chứ không đặt nặng vấn đề nghiên cứu lịch sử, vì hai cuốn *Ai Giết Hồ Chí Minh?* và *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* đã làm nhiệm vụ này rồi. Dưới đây ở phần III này chúng tôi cũng chỉ xin tóm tắt hết sức vắn tắt về con người Ngô Đình Diệm. Và cũng như phần II, phần III này cũng chỉ chú trọng đến cách đối phó của ông Diệm chống lại chiêu bài dân tộc của ông Hồ mà thôi. Vì chúng tôi cũng đã có hai cuốn sách gần ngàn trang nói về ông Diệm. Nếu đọc giả thấy những điều trình bày trong bài này không sáng sủa hay thiếu dẫn chứng, không đủ tính thuyết phục, thì xin cảm phiền đọc lại những tác phẩm trên.

Các sử gia và chính khách thường mệnh danh ông Ngô Đình Diệm là con người bí ẩn (an Enigma), hay con người “tất cả hoặc không gì cả” (“tout ou rien”, “all or nothing”).

Có mấy yếu tố cấu thành sự bí ẩn của ông Diệm. Ví dụ tư tưởng và lối sống pha lẫn ảnh hưởng của Nho Giáo và ảnh hưởng của Công Giáo. Ví dụ nhận viện trợ của Mỹ nhưng lại có nhiều hành động xem ra chống Mỹ một cách cực đoan. Ví dụ chống Cộng Sản nhưng lại toan tính hiệp thương với Cộng Sản...

Quan điểm và thái độ “tất cả, hoặc không gì cả” thường được áp dụng cho lập trường chính trị quá cứng rắn và có vẻ cố chấp, không thỏa hiệp, không thể thương lượng. Ví dụ tranh đấu đòi độc lập hoàn toàn. Ví dụ nhất định khước từ đề nghị của lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev cho cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc hồi năm 1957. Ví dụ khi Cựu Hoàng Bảo Đại đã thu hồi độc lập với thông cáo chung Vịnh Hạ Long, mời ông làm thủ tướng ông đã từ chối lấy cớ nền độc lập *chưa hoàn toàn* vì Việt Nam còn phải ở trong Liên Hiệp Pháp. Một năm sau, với hiệp ước Élysée ký giữa Quốc Trưởng Bảo Đại và Tổng Thống Pháp Vincent Auriol, nền độc lập đã rộng rãi hơn. Nhưng ông lại một lần nữa khước từ không nhận lời làm thủ tướng, cũng với cùng một lý do: Pháp chưa trao trả độc lập *hoàn toàn*.

Thái độ ương ngạnh đó đã khiến nhiều người từng nức lòng ủng hộ ông đã không ủng hộ ông nữa và cựu hoàng cũng thất vọng về ông, để sau này (giữa năm 1954) đã phải nhắc đến để khẩn khoản mời ông ra cứu nước vào lúc nước nhà đã mất một nửa vào tay Việt Minh: “Cứ mỗi khi tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông. Ông thì lúc nào cũng từ chối...”

Lần sau cùng này ông Diệm đã nhận lời, khi Quốc Trưởng Bảo Đại bằng lòng trao cho ông toàn quyền dân sự và quân sự, như một điều kiện tiên quyết.

Tại sao ông đòi độc lập hoàn toàn, tại sao đòi toàn quyền dân sự và quân sự? Vì, tôi nghĩ, với kinh nghiệm đối với Pháp, kinh nghiệm đối với Việt Minh Cộng Sản, và kinh nghiệm với các đảng phái quốc gia và các giáo phái ở miền Nam, ông đã nhìn thấy rõ: Chỉ có đường lối cứng rắn và thái độ cương nghị của ông mới có thể đương đầu với Pháp, khuất phục và thống nhất các phe phái ở miền Nam, tạo một thế mạnh đủ hòng đối phó với chiêu bài dân tộc giả dối của Hồ Chí Minh.

Từ lúc làm tuần vũ Phan Thiết năm 1929 ông Diệm đã có dịp chứng kiến cái gọi là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh với khẩu hiệu quá khích “Trí Phú Địa Hào, đào tận gốc trốc tận rễ” khiến hàng vạn người bị giết bởi cả hai phía, Cộng Sản và Pháp. Và ông đã hiểu thấu đáo chủ nghĩa CS với đấu tranh giai cấp đã được thể hiện qua phong trào này ra sao. Đó là những năm 30, 31, khi đảng CS mới được thành lập và thống nhất. Phong trào tuy gọi tắt là Xô Viết Nghệ Tĩnh, vì nó bắt đầu ở hai tỉnh này từ ngày 1-5-1930 (chỉ 3 tháng sau khi đảng CS được thành lập), nhưng thực ra nó đã lan tới nhiều tỉnh khác từ Bắc chí Nam.

Năm 1933, khi ông (mới 32 tuổi) từ chức Lại Bộ Thượng Thư, tương đương với chức thủ tướng, để phản đối sự ngoan cố của nhà cầm quyền thực dân, ông đã chuẩn bị một thế trận nhắm vào chiêu bài dân tộc của Hồ Chí Minh sau này. Và hành động này

đã khiến nhà cách mạng lòng danh Phan Bội Châu tiên đoán một cách chính xác rằng, “*Tất sau này việc phục hưng chỉ có hạng người như Ngô Đình Diệm mới làm nổi.*” Và đúng là chỉ 22 năm sau lời tiên đoán đó đã thành sự thực. Lúc ấy cụ Phan đã qua đời được 15 năm rồi.⁴

Để chứng tỏ “vũ khí” chủ nghĩa dân tộc của mình có khả năng phá tan “bầu bối” chiêu bài dân tộc của Hồ Chí Minh, ông Diệm đã đích thân cố gắng giúp Cựu Hoàng Bảo Đại tranh đấu với cao ủy Pháp Émile Bollaert nhiều lần để Việt Nam có một nền độc lập hoàn toàn. nhưng không thành công. Nên ông đành chờ cho đến khi Pháp thua Việt Minh và phải ký hiệp định Genève chia đôi đất nước. Với viễn kiến hiếm có của một chính khách tài ba, ông đã tiên liệu việc

⁴ Khi chúng tôi nhắc lại việc ông Diệm từ chức thượng thư bộ Lại để phản đối Pháp và triều đình và đã được nhiều người ngưỡng mộ ca tụng, kể cả nhà cách mạng Phan Bội Châu, thì có người hỏi vặn lại rằng thế thì sao không từ chức tuần vũ hồi 1929. Vì vậy ở đây chúng tôi cũng xin phòng hờ trước có người sẽ hỏi tại sao hồi 1920 và 1929, nước nhà chưa độc lập, sao ông Diệm lại nhận chức tri phủ rồi tuần vũ của Triều Đình? Xin thưa trước hết là vì vào thời gian đó, chưa có chiêu bài dân tộc giả dối của HCM cần phải hóa giải và đối phó. Hơn nữa khi nhận chức tri phủ ông Diệm mới 20 tuổi và khi nhận chức tuần vũ mới 28 tuổi. Ở tuổi đó có chịu khó nhịn nhục và cố gắng làm tròn nhiệm vụ được triều đình giao phó thì mới có đường tiến lên đến chức thượng thư bộ Lại là chức chỉ sau nhà vua, và lúc đó từ chức mới làm thực dân Pháp bề mặt và tức tối và mọi người kể cả nhà vua phải sửng sốt

này, khiến sử gia Bernard Fall của Pháp đã phải bảo đó là một lời tiên tri rõ ràng. (*“That report (of Diem) was fully prophetic six years later. But in 1948 it was ignored.”*: Báo cáo đó là một lời tiên tri hoàn toàn vào 6 năm sau. Nhưng năm 1948 không ai đếm xỉa đến.)⁵

Hàng loạt biến cố xảy ra từ sau ngày Song Thất 1954 đã được ghi vào sử xanh và đã chứng tỏ ông Diệm là người tạo nên thời thế. Không chỉ Tổng Thống Mỹ Dwight D. Eisenhower ca ngợi ông là “con người của phép lạ.” nhiều nhà báo tả phái cũng nhìn nhận đã có một phép màu về chính trị tại miền Nam Việt Nam.

Chỉ ba năm sau, ông Diệm đã nhận lời mời của tổng thống Mỹ tới thăm chính thức Hoa Kỳ, đọc diễn văn trước lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ. Thảm đỏ đã được trải ra tới chân cầu thang máy bay và chính Tổng Thống Eisenhower đã đích thân đến đó để đón ông. Đây là một vinh dự ít khi dành cho một quốc khách.

Tổng Thống Lyndon B. Johnson khi còn là phó tổng thống đã coi ông là vị cứu tinh của nhân dân Việt Nam nên đã gọi ông là “Churchill của thập kỷ tại Á Châu.”

Và còn nhiều lời ca ngợi nữa của yếu nhân Mỹ, như thị trưởng Nữu Ước, như Đại Tướng Maxwell Taylor v.v... đã được nhắc đến nơi phần III của cuốn Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc.

⁵ *The Two Vietnams* trang 142.

Ở đây chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh đến lời ví von rất đặc biệt của Tổng Thống Richard M. Nixon. Ông viết trong tác phẩm No More Vietnams (Đừng Việt Nam Nào Nira):

“Tổng Thống Ngô Đình Diệm ổn định miền Nam Việt Nam, vì như TÀNG ĐÁ ĐÌNH VÒM giữ vòm nhà đứng vững. Các thế lực chính trị từ mọi phía quy vào ông mà chống, nhưng bằng cách thăng bằng các thế lực, cho cái nọ chống cái kia, ông đã đóng chốt tất cả lại. Chỉ khi nào đá đình vòm bị lấy đi, người ta mới thấy là nó quan trọng. Thì cũng y hệt như vậy, chỉ khi nào ông Diệm chết rồi, toàn thể hệ thống chính trị miền Nam Việt Nam sụp đổ tan tành, người ta mới nhận rõ vai trò sinh tử của ông ta.”

“Điều mà những kẻ chủ trương ủng hộ cuộc đảo chính thuộc chính quyền Kennedy lúc đó đáng lẽ đã phải biết thì nay đã hiện rõ một cách đau đớn: Sự lựa chọn ở Nam Việt Nam lúc ấy không phải là lựa chọn giữa ông Diệm và một kẻ nào đó tốt hơn, mà là giữa ông ta và một kẻ nào đó tệ hơn.”

“Dù ông Diệm có lỗi gì chẳng nữa thì ông ấy cũng có một căn bản pháp lý đáng kể. Ông Diệm là một lãnh tụ kiên cường của một dân tộc đang vô cùng cần một nhà lãnh đạo cương quyết. Ông ta mất rồi, chính quyền ở Nam Việt Nam trở thành cái mà ai cũng chộp giật được. Những

viên chức chính quyền (Kennedy) đã từng ngầm ngầm mưu đồ lật ông Diệm đã sớm khám phá ra rằng những cộng tác viên của mình ở Nam Việt Nam chỉ là những người lãnh đạo tồi đến vô vọng. Cái tài cần có để lật đổ một chính phủ không đặc dụng để điều hành một chính phủ. Lãnh đạo một cuộc đảo chính và lãnh đạo một nước là hai công việc hoàn toàn khác nhau. Cuộc khủng hoảng lãnh đạo đến hỗn loạn sau đó ở miền Nam Việt Nam là hậu quả trực tiếp của việc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm”...⁶

⁶ SĐD trang 70 - Nguyễn văn:

“President Diem stabilized South Vietnam as a keystone holds up a dome. Political forces converge on him from all directions. but by balancing one against another, he locked all of them into place. And just as a keystone’s importance is not apparent unless it is removed, Diem’s vital role became clear only after his demise. when the entire South Vietnamese political system came crashing down.”

“What the coup supporters in the Kennedy administration. should have known all along now became painfully clear: The choice in South Vietnam had been not between Diem and somebody better but between Diem and somebody worse.”

“Whatever his faults, Diem possessed a significant measure of legitimacy. He was a strong leader of a nation that desperately needed strong leadership. With him gone, power in South Vietnam was up for grabs. The administration officials who had so eagerly hatched the plots against Diem soon discovered that their South Vietnamese collaborators were hopelessly bad leaders. Skills needed to overthrow a government are not useful for running one.

Nixon viết rất nhiều về ông Diệm. Cả trong những tác phẩm khác của ông. Nhưng thiết tưởng chỉ mấy hàng trên đã đủ để thấy ông đánh giá Tổng Thống Ngô Đình Diệm cao đến mức độ nào. Không cần bình luận hay chú thích thêm.

Nixon viết cuốn *No More Vietnams* năm 1986 nghĩa là 23 năm sau khi ông Diệm đã chết rồi. So với cụ Phan Bội Châu nói tiên tri (năm 1933) trước khi ông Diệm khôi phục quê hương và thành lập Cộng Hòa Việt Nam (1956) cũng 23 năm.

(Thế mà cho đến nay nhận định của hai vĩ nhân trên ít được nhắc đến. Người ta chỉ thích nghe những lời phê bình chỉ trích thóa mạ của những Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Cao Kỳ, v.v... hay những Neil Sheehan, David Halberstam, Trần Chung Ngọc, v.v... Chúng tôi xếp 3 tay này cùng với nhau, vì cả ba đều là những kẻ vừa thóa mạ ông Diệm, vừa chỉ trích chính phủ Hoa Kỳ, và nhất là vừa ca tụng Hồ Chí Minh như nhau.)

Leading a coup and leading a country are two entirely different jobs. The chaotic leadership crisis that followed in South Vietnam was a direct consequence of the overthrow of president Ngo Dinh Diem."

Chúng tôi nhấn mạnh mấy từ "**chaotic leadership crisis**" (cuộc khủng hoảng lãnh đạo đến hỗn loạn) ở đây. Trong hồi ký của tướng Nguyễn Cao Kỳ tác giả đã nói đến 7 lần thay đổi chính phủ trong 12 tháng. Và Giáo Sư Phạm Kim Vinh, tác ký giả Trương Tử Phòng, trong *Cái Chết của Nam Việt Nam* (trang 66) thì đếm được 9 lần trong 18 tháng.

Cái tội lớn nhất thường được gán cho ông Diệm là kỳ thị tôn giáo, thì chẳng những Nixon mà cả Bảo Đại cũng bác bỏ hoàn toàn. Vả lại phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã phúc trình rằng không có kỳ thị tôn giáo. Tiếc rằng phúc trình này thảo xong thì ông Diệm đã bị giết rồi. Còn vấn đề gia đình trị và độc tài hay đàn áp các đảng phái thì chúng tôi đã bàn kỹ trong hai cuốn sách về ông Diệm, với đầy đủ bằng chứng. Nhưng dầu sao chúng tôi cũng nhìn nhận, Đệ Nhất CHVN đã phạm phải một số khuyết điểm đáng chú ý. Chính quyền nào lại không có khuyết điểm. Trong hai cuốn sách về ông Diệm chúng tôi đã nêu lên khuyết điểm quan trọng là dùng những kẻ có tâm địa phản bội. Chúng tôi cũng đã viết rằng ngay việc thất bại và bị giết trong cuộc đảo chính cũng là một cái tội đối với Tổ Quốc đang rất cần ông. Nhưng vin vào những khuyết điểm tương đối nhỏ để phá hủy một nền tảng kiên cố mà ông Diệm đã có công tạo nên cho phía Quốc Gia là chính đáng hay đắc tội? Một số ký giả hay văn nghệ sĩ bị cảnh sát hay mật vụ thời ông Diệm hành hung hay bỏ tù oan uổng có phải là lý do để phá hủy cả một nền tảng pháp lý của một chế độ đã tốn bao công sức để tạo nên chăng? Ngày nay ngay chính những cá nhân ấy trong cảnh tù tội của CS hay trong cảnh lưu vong, nghĩ lại chắc cũng chẳng mấy ai còn oán trách ông Diệm nữa. Thế thì những nhà báo và sử gia không liên can có nên cứ mãi mãi nói xấu và kết tội một người có công với đất nước không?

Với ông Diệm, năm 1956 Việt Nam có Quốc Hội, có Hiến Pháp, và ông đã trở thành tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa. Như vậy ông đã tạo được cái thế đứng vững vàng để có thể đương đầu với Hồ Chí Minh chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đang thống trị 17 triệu dân ở miền Bắc.

Điều này trước ông, không ai làm được. kể cả ông Bảo Đại. Sau ông thì chỉ có ông Nguyễn Văn Thiệu. Nhưng con người ông Thiệu và vị thế của ông ấy không thể nào so sánh với ông Diệm được. Điều này ai cũng thấy rõ. Đệ nhị VNCH (của ông Thiệu) tồn tại được 8 năm là nhờ có nửa triệu quân Mỹ hiện diện và khi quân Mỹ rút đi thì nó cũng chấm dứt. Nếu nó dựa vào dân và có thực lực thì đâu đến nỗi.

Tóm lại ông Ngô Đình Diệm là người yêu nước. Ông đã tranh đấu cho nền độc lập hoàn toàn, không bằng quân sự như ông Hồ, nhưng bằng đường lối ngoại giao và các phương lược chính trị. Khi chưa thành công thì ông kiên nhẫn chờ đợi. Với viễn kiến chính trị ông biết trước thời cơ sẽ tới. Và khi nó tới thì ông nắm lấy để thực hiện lý tưởng dân tộc của ông. Trước hết là đuổi hết quân Pháp đang dùng hết cách để ở lì lại bất chấp Hiệp Định Genève, sau đó dùng nửa nước không còn thực dân làm thế đứng nổi bật hơn hẳn thế của ông Hồ để thu phục những công dân sáng suốt và thực lòng yêu nước ở cả hai miền. Những người can đảm sẽ xa lánh ông Hồ mà theo ông Diệm, như lời ca dao "*Một mai mưa rã tan*

Hồ, Lúa lên Ngô tốt ăn Ngô no lòng” mà nhà văn CS hồi chánh Xuân Vũ đã nghe được và viết lại trong tác phẩm *Mạng Người Lá Rụng*. Và cú thế cuộc độ sức sẽ tuần tự diễn ra theo chiến lược đấu tranh ý thức hệ.

Nói đến đây không thể nào bỏ qua hai vấn đề được coi như cái nhân của sự bí ẩn khó hiểu về lập trường và phương lược đấu tranh của ông Diệm. Đó là vấn đề chủ quyền quốc gia khó dung hòa với sự quân viện của Hoa Kỳ. Vấn đề thứ hai là vấn đề hiệp thương với miền Bắc. Ngay cả một số người bên ông Diệm cũng không đồng ý về hai vấn đề này. Nhiều người trách ông Diệm thiếu khôn ngoan, quá cứng rắn khi không chấp nhận cho Mỹ đem đại quân vào giúp đánh CS. Họ bảo nếu không cho Mỹ vào, không thể nào đánh nổi Bắc Việt. Hoặc tại vì không đồng ý để Mỹ đưa quân vào nên Mỹ mới hạ ông.

Về vấn đề hiệp thương nhiều người không tin rằng ông Diệm chủ trương như vậy. Họ cho rằng với lập trường chống cộng kiên định của mình, ông Diệm không bao giờ toan tính hiệp thương với CS. Chính ông đã cương quyết không lãnh nhận một ghế bộ trưởng (Nội Vụ) trong chính phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh hay một số ghế trong “Quốc Hội” 1946 cho phe nhóm của ông. Có người còn trưng ra bằng chứng Hoa Kỳ đã ngụy tạo chứng cứ về sự ông Diệm bắt tay với CS để làm có hạ ông và giết ông.

Vì vậy cần phải lý giải hai vấn đề này.

Trước hết là vấn đề chủ quyền và ngoại viện. Ông Diệm về nước trong tình trạng vô cùng bi đát. Cùng một lúc phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn. Cuộc di cư của gần một triệu đồng bào từ miền Bắc. Cuộc thống nhất các lực lượng võ trang, và chế ngự những chính kiến bất đồng của các phe phái thường rất khó thực hiện do tinh thần thập nhị sứ quân đang hoành hành trong bầu không khí chính trị chưa ổn định. Sự ngấm phá hoại của những tay sai của Pháp và nhất là của quân Pháp vẫn còn ở lại không muốn ra đi một cách êm thấm, trái lại còn ngấm ngấm giúp nhóm Bình Xuyên gây rối chống phá. Công cuộc lành mạnh hóa xã hội đòi phải giải tán các khu cờ bạc đi điếm từng được quốc trưởng Bảo Đại cho phép hoạt động công khai. Giải quyết vụ tướng Nguyễn Văn Hinh, tổng tham mưu trưởng có quốc tịch Pháp được Pháp đỡ đầu ngang nhiên đối đầu với chính phủ mới. Vân vân và vân vân. Tất cả những việc đó đều cần được sự giúp đỡ của nước bạn Hoa Kỳ về tài chính cũng như sự ủng hộ tinh thần. Vì ông Diệm về nước với hai bàn tay trắng. Ngân khố mà ông tiếp thu thì trống rỗng.

Nhưng ở đời kẻ chi tiền là kẻ chỉ huy. Ông Diệm biết rõ hơn ai hết quy luật đó. Cho nên ông rất thận trọng trong việc nhận viện trợ, nhất là quân viện của Mỹ. Các giới chức Mỹ, từ phó tổng thống đến đại sứ Mỹ, đến tướng lãnh Mỹ đã từng gặp ông, đề nghị cho Mỹ đem quân tác chiến vào Việt Nam giúp ông

chống Cộng hữu hiệu hơn. Ông không bác bỏ hẳn đề nghị đó. Nhưng ông nói hiện chưa cần. Khi cần thì sẽ có một hiệp ước song phương đưa ra Quốc Hội duyệt y, để Mỹ được đóng quân ở vùng biên giới gần sông Bến Hải. Sở dĩ ông còn dè dặt thận trọng vì ông biết, dầu sao sự có mặt của đại quân Mỹ cũng trái với chiến lược phi quân sự của ông. Hơn nữa nó sẽ ảnh hưởng đến nếp sống của người dân khi bên cạnh họ có một số đông lính Mỹ sinh sống, hoạt động theo phong tục tập quán của Mỹ chẳng những không phù hợp mà còn trái với phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam.

Và điều mà ông sợ nhất là đối phương sẽ viện có có đông quân Mỹ ở miền Nam để hô hào nhân dân miền Bắc “đánh đuổi quân xâm lược”, và nhân dân miền Bắc sẽ hăng hái hưởng ứng lời kêu gọi đó cũng giống như trong thời ông Bảo Đại họ đã nhiệt tình theo lệnh ông Hồ quyết chiến chống thực dân Pháp, chỉ vì sự hiện diện của hàng trăm ngàn lính Pháp và Lê Dương.⁷

Những đoàn quân ngoại quốc này chiến đấu (chống Việt Minh) dưới sự lãnh đạo của những tướng lĩnh người Pháp. Không gì làm cho người dân miền Bắc tin ông Hồ chống ngoại xâm bằng sự hiện diện của những đoàn quân ngoại quốc. Và vì vậy mà

⁷ Theo Maurice Vaisse thì số quân Liên Hiệp Pháp hiện diện tại Việt Nam vào tháng 6 năm 1954 là 177.000.

chúng ta đã thua, phe quốc gia đã thua cũng là dân tộc Việt Nam đã thua, mặc dù có sự quân viện hùng hậu của quân Liên Hiệp Pháp.

Ông Diệm không muốn đi vào vết xe cũ của ông Bảo Đại. Đó là quyết định đúng đắn cả về mặt chủ quyền, chính nghĩa, lẫn về mặt chiến lược, sách lược.

Với những ai vẫn còn trách ông Diệm không để quân Mỹ vào đánh Bắc Việt giúp Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi xin quý vị đó hãy nhìn vào hai sự kiện lịch sử rõ như ban ngày: Một là với gần 20 vạn quân Liên Hiệp Pháp giúp tận tình, chính quyền Bảo Đại đã thua. Hai là với hơn hai triệu quân Mỹ dùng đủ mọi vũ khí tối tân cũng tận lực tấn công VC trên khắp các mặt trận, còn tấn công ra Bắc nữa, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cũng đã thua. Ai còn dám nói Mỹ không thua, chỉ giả vờ thua, để bỏ rơi đồng minh bé nhỏ cho đỡ ngượng, theo chúng tôi nghĩ, chỉ là ngụy biện, hoặc đã không đọc kĩ những trang trên của bài này, hoặc chẳng hiểu gì về chiến tranh ý thức hệ và công hiệu của thứ vũ khí “tuyệt chiêu” là chiêu bài dân tộc trong sách lược dân tộc chống thực dân của Lê- nin được HCM khéo léo áp dụng một cách triệt để.

Nếu không có chiêu bài dân tộc của HCM thì cựu hoàng Bảo Đại đã không phải nhờ tới quân đội Pháp. Nếu không có chiêu bài dân tộc của HCM, thì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu có thể cũng khỏi cần tới đại quân Mỹ. Vì nếu không dùng chiêu bài dân tộc

giả dối thì HCM sẽ hiện nguyên hình là tên Việt Gian tay sai Cộng Sản Quốc Tế, mà cụ thể là Nga Cộng và Tàu Cộng.

Vì xem ra hầy còn có người chưa nhận ra cái “tuyệt chiêu” của HCM này, cho nên xin bạn đọc cho phép chúng tôi nhắc lại và nhấn mạnh thêm:

Ngày nay thì không còn mấy người trong chúng ta còn nghĩ HCM là anh hùng yêu nước. Vì những thành tích của ông ta đối với QTCS và Liên Xô. Trung Cộng đã được phơi bày trong sử xanh, chúng tỏ ông ta là tên Việt gian bán nước. Những tội ác tày trời của ông ta đối với dân tộc cũng đã rõ ràng qua Cải Cách Ruộng Đất đẫm máu, qua những biến động miền Trung do CS và tay sai gây ra trong vụ Mậu Thân làm khoảng 5,000 người bị giết và chôn sống, qua các chiến dịch hợp tác xã, các cuộc đánh phá tư sản v.v... theo đúng chính sách tiêu diệt các giai cấp của chủ nghĩa CS.

Nhưng xin hãy nhìn lại lịch sử VN trước 1945 và mấy năm sau đó thì sẽ thấy rất nhiều người Việt Nam kể cả những trí thức như Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Phạm Huy Thông, Phan Anh, Nguyễn Khắc Viện, Dương Đức Hiền, Nguyễn Xiển, Trần Đại Nghĩa, Trương Như Tảng, Dương Quỳnh Hoa, Hoàng Văn Chí vân vân và vân vân... đều lầm HCM là người yêu nước nên mới theo ông ta về nước chống Pháp để giành độc lập. Đó là chưa kể cho đến ngày nay vẫn còn có những trí thức như cụ Hoàng

Xuân Hân, và tay Lữ Phương tự cho mình đã phản tỉnh, quay lại chống đảng CS, mà hãy còn nói đến “công lao to lớn của Hồ Chí Minh đối với dân tộc.

Và giải thích làm sao đây, việc những bức tượng HCM chễm chệ ngồi trong chùa Đại Nam Quốc Tự, ở Miền Nam (Bình Dương) trước tượng Phật, và tượng bán thân HCM ngồi trước tượng đức Thánh Trần ở ngoài Bắc (thị xã Hưng Yên), mà chẳng có giới chức nào của Phật Giáo, dù là ông Thích Trí Quang, hay mấy sư thuộc “giáo hội Phật Giáo quốc doanh” hay ngay cả giáo hội Việt Nam Thống Nhất của hòa thượng Thích Huyền Quang, rồi Hòa Thượng Thích Quảng Độ... chẳng một ai dám hó hé lên tiếng phản đối để chứng tỏ HCM không phải là Bồ Tát, hay có công cứu nước như Đức Trần Hưng Đạo. Thực tế vừa quái đản, vừa mỉa mai chua xót đó có nghĩa gì? Xin quý vị thử trả lời xem sao. Đó là chưa kể cũng vừa mới đây thôi, trong một đám rước Công Giáo tại Giáo Phận Hưng Hóa, cũng chỉ thấy cờ đỏ sao vàng, không có cờ của Giáo Hội, và đặc biệt còn có tượng HCM bên cạnh tượng Chúa và Đức Mẹ Maria.

Có phải là HCM đã đi vào văn hóa và tôn giáo tại Việt Nam rồi không? Có phải HCM tuy đã chết những bằng một cách nào đó vẫn còn “*sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta*”, như VC thường nhắc đi nhắc lại để thần thánh hóa ông ta không?

Không những thế, ký giả, sử gia, học giả ngoại quốc phần lớn đều thán phục, ca tụng HCM là nhà

giải phóng dân tộc. Xin đọc hai phần I và II cuốn *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* để thấy đầy đủ bằng chứng.

Vì thế ngay từ những ngày đầu HCM đã có cái thế vững vàng để sử dụng chiêu bài dân tộc của mình một cách hữu hiệu.

Trong tình hình đó Pháp hay Mỹ đem quân vào đánh Việt Minh của HCM, đều bị dư luận trong và ngoài nước lên án là quân xâm lăng chống lại nhân dân VN “dưới sự lãnh đạo của một nhà ái quốc.” Một số cây bút sắc bén của Mỹ đã vô tình trở thành những sư đoàn của quân đoàn thứ năm (cinquième colonne) nằm sẵn tại tổng hành dinh của Mỹ là quốc hội, chính phủ và dư luận Mỹ, hoặc tại các thành phố lớn của Mỹ như New York. San Francisco, Los Angeles, v.v.

Nếu phe quốc gia đã phá được ngay từ đầu cái huyền thoại đó, thì tình thế đã khác. Nhưng nói gì ngày đó. Ngay cho đến nay chúng ta vẫn chưa phá vỡ được kia mà, mặc dù đã có những cố gắng đáng kể.

Xin lỗi đã làm mất thì giờ của quý vị vì đã phải trở lại những vấn đề đã được trình bày tóm tắt ở những trang trên.

Nguyên lý chỉ đạo lập trường và thái độ chính trị của ông Diệm là tự lực cánh sinh theo châm ngôn “Hãy tự giúp mình, Trời sẽ giúp cho.” (*Aide-toi, le ciel t'aidera.*) Muốn cho dân giàu nước mạnh trước hết phải làm cho người dân biết tự đứng trên chân

của mình, không sống như cây tầm gửi, không ỷ lại vào ngoại viện, quân viện. Ông và ông Nhu đã thể hiện tinh thần này bằng khẩu hiệu “*Tam Túc*” (tự túc về tư tưởng, tự túc về tổ chức và tự túc về kỹ thuật) trong quốc sách Ấp Chiến Lược.

Nước nhà còn yếu, dân ta còn nghèo, ông thấy rõ cần sự viện trợ của ngoại quốc, nhất là Hoa Kỳ, để tạm đứng vững trong giai đoạn đầu, đang phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn. Ví dụ vấn đề lương thực, thuốc men, nhà ở, công ăn việc làm cho gần triệu đồng bào di cư. Nhưng trước hết ông kêu gọi người dân và cán bộ, hãy tiết kiệm và tự túc để càng ít lệ thuộc vào ngoại viện chừng nào hay chừng đó. Điều này không phải ai cũng thông cảm và đồng ý với ông. Vì người ta nghĩ “dại gì không nhờ nước Mỹ giàu có nhất thế giới giúp, càng nhiều chừng nào dân càng đỡ khổ chừng này.” Sự bất đồng chính kiến và thiếu thông cảm này cũng là một cái mầm bất mãn sau này.

Nguyên lý chỉ đạo chiến lược lâu dài của ông Diệm là phải giữ chủ quyền quốc gia trên hết. Vì chỉ có thế mới đối đầu được với Hồ Chí Minh đã được dư luận trong và ngoài nước coi như “một nhà giải phóng dân tộc”. Nhiều lần các giới chức cao cấp Mỹ từ phó tổng thống đến đại sứ vẫn vẫn, đã cố thuyết phục ông hãy cho phép Mỹ đưa quân tác chiến vào để sớm đánh thắng Việt Cộng. Ông không bác bỏ hẳn. Ông chỉ nói chưa cần, và hứa khi cần thì sẽ

trình Quốc Hội duyệt y một hiệp ước song phương cho phép quân Mỹ đóng gần sông Bến Hải để ngăn chặn sự tấn công ồ ạt bằng quân Bắc Việt có đại quân Trung Quốc yểm trợ công khai như trường hợp Nam Hàn đầu thập niên 50 thế kỷ trước.

Như vậy ông Diệm đã không tuyệt đối chống việc Mỹ đem quân tác chiến vào, như có người không nghiên cứu kỹ lịch sử đã chê ông “thiếu khôn ngoan”, làm phật lòng Đồng Minh nên mới bị hại. Những người này còn đưa sự kiện lịch sử của Nam Hàn để lý luận rằng, nếu để đại quân vào giúp thì đã nhanh chóng giải quyết họa xâm lăng. Nhưng hoàn cảnh Nam Hàn đầu thập niên 50 thế kỷ trước hoàn toàn khác hoàn cảnh Việt Nam đầu thập niên 60.

Thứ nhất, dân Hàn không có huyền thoại Hồ Chí Minh anh hùng cứu quốc, vừa đánh thắng Thực Dân Đế Quốc.

Thứ hai, Nam Hàn bị CS Bắc Hàn công khai xâm lăng, với quân viện ồ ạt của Trung Cộng. Nam Hàn vì lý do tự vệ, có quyền cầu cứu Liên Hiệp Quốc.

Thứ ba, việc Mỹ đem quân vào Nam Hàn để chống Hàn Cộng và Trung Cộng xâm lăng đã được Liên Hiệp Quốc đồng ý, nên không bị dư luận lên án hay chỉ trích.

Thực tế lịch sử những năm đầu thập niên 70 đã chứng tỏ: Vì Mỹ đưa đại quân vào mà thiếu những yếu tố cần thiết như Nam Hàn trước đó, nên chiến tranh đã kéo dài 8 năm và Mỹ đã sa lầy. Việc sa lầy này

có thực. Không chỉ có ký giả Mỹ David Halberstam (đã chết vì tai nạn xe hơi năm 2007) viết cuốn *The Making of a Quagmire* để nói về sự sa lầy đó, mà tác giả Việt Nam Nguyễn Kỳ Phong cũng có một cuốn với nhan đề *Vũng Lầy của Bạch Ốc*.

Không phải là nhà nông từng có trâu bị sa lầy thì khó hình dung ra cảnh sa lầy nó điều gì, cùng quẫn đến thế nào. Rút chân ra được khỏi bãi lầy đã là may mắn lắm. Thiết tưởng không nên trách Tổng Thống Nixon của Hoa Kỳ đã bỏ rơi chúng ta. Như đã trình bày ở trên, chính Tổng Thống Lyndon B. Johnson và bộ trưởng Quốc Phòng McNamara đã có ý định rút quân trước Nixon rất lâu (1966 và 1968). Và lại khi vận động tranh cử Tổng Thống Nixon đã hứa với quốc dân Mỹ là sẽ rút quân về (vì ông thấy trước, khi miền Nam không còn ông Diệm nữa thì không thể nào thắng CS miền Bắc được) cho nên ông mới thắng cử một cách vẻ vang. Như vậy cũng có thể nói, ý muốn rút quân là do toàn dân Mỹ. Vì vậy đừng bảo Nixon bỏ rơi Việt Nam vì đã ký được thông cáo chung Thượng Hải với Trung Cộng ngày 27 tháng 2 năm 1972.⁸

⁸ Xin đừng nhìn sự kiện lịch sử này một cách máy móc rồi lý luận rằng, vì đã thỏa thuận được với quan thầy của VC là Trung Cộng gần một năm trước rồi (27-2-1972) cho nên (ngày 27 tháng 1 năm 1973) Mỹ mới ký hiệp định Paris trao miền Nam cho Bắc Việt. Vì thực ra chính quyền Johnson đã bắt đầu hòa đàm với Bắc Việt vào năm 1968 để ra khỏi cuộc chiến. Và ngày 25-7-

Chẳng qua ông đã bắt đắ dĩ phải bỏ một tiền đồn không thể giữ nổi, vì những sai lầm chiến lược (của chính quyền Kennedy), hầu áp dụng chiến lược mới: Quay mũi nhọn tấn công vào những mặt trận khác

1969, trong một cuộc họp báo Tổng Thống Nixon, mới tuyên thệ nhậm chức được nửa năm, đã phác họa Chủ Thuyết Nixon mà nội dung gồm có việc “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nghĩa là Hoa Kỳ sẽ dần dần trao trách nhiệm chiến tranh cho các cấp lãnh đạo người Việt Nam, Hoa kỳ chỉ còn yểm trợ bằng hỏa lực và tiếp liệu. Cho nên đáng lẽ ngay từ đó chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đã phải chuẩn bị để đối phó với việc Mỹ sẽ rút quân. Nhưng vì không chuẩn bị gần, chuẩn bị xa cho sự kiện đó nên khi nước đến chân, mới cuống cuống “bỏ của chạy lấy người”, bỏ nước chạy thực mạng. Rồi ngày nay các đệ tử ruột của ông đổ tội cho “đồng minh tháo chạy”, bỏ rơi mình,

Với Thông cáo chung Thượng Hải, Hoa Kỳ đã nắm được quan thầy của VC rồi. Nhưng vẫn còn phải có trận “Điện Biên Phủ trên không” dịp Giáng Sinh cuối năm 1972 và cuộc phong tỏa hải cảng Hải Phòng mới bắt buộc được Lê Đức Thọ chịu hội đàm nghiêm chỉnh để đi đến hiệp định Paris ngày 27-1-1973. Như vậy chứng tỏ bầy lầy không phải dễ thoát ra.

Trong trường hợp đó nếu có người cú cổ níu lấy Đồng Minh, không cho rút chân ra, thì thử hỏi có câu nói này lừa độc ác nào (“Sao chúng không chết đi cho rồi, cử níu kéo hoài!”) mà kẻ đang sa lầy chẳng thốt ra? Sa lầy phần nhỏ vì trận chiến ác liệt, nhưng phần lớn vì những nhà báo (mỗi ngòi bút là một sư đoàn), và phong trào phản chiến mà những nhà báo này đã phát động tại những thành phố lớn nhất của Mỹ chi phối thái độ và lập trường chống chiến tranh của các nhà lập pháp ở điện Capitol. Xin hãy nhớ lại những cuộc biểu tình phản chiến của hàng chục vạn người ở New York, Los Angeles, San Francisco, Washington DC và khoảng ba chục thành phố khác vào những ngày tháng đó.

rộng lớn và quan trọng hơn là ngoại giao, thương thuyết, nghĩa là không dùng vũ khí vật chất nữa, mà chỉ dùng vũ khí vô hình để tấn công các quan thầy của Việt Cộng.

Về vấn đề này, xem ra Nixon đã áp dụng chiến lược sách lược đấu tranh phi vũ trang của Ngô Đình Diệm 9 năm về trước: Dùng chính nghĩa để thắng ngụy nghĩa, dùng đòn ly gián chia rẽ hàng ngũ đối phương, bằng vũ khí phi quân sự, chứ không dùng chiến tranh nóng. Và dĩ nhiên cái vị thế một siêu cường đã giúp Nixon dễ thành công hơn Ngô Đình Diệm. Trong tác phẩm độc đáo hơn 300 trang 1999 – Victory Without War, Nixon đã thu tóm chiến lược phi vũ trang của ông vào ba từ: deterrence, competition, negotiation (răn đe, thi đua và thương thuyết). Ông nhìn thấy trước chiến lược này thế nào cũng thành công, nên đã đưa ra một lời tiên đoán làm nhan đề cho cuốn sách tiên tri của mình: Năm 1999 sẽ có chiến thắng mà không cần chiến tranh.⁹

Ngô Đình Diệm đã không mở những trận đánh lớn. lại không muốn cho Mỹ đem quân tác chiến vào giúp đánh nhanh, đánh mạnh. Vậy chiến lược chống Việt Cộng của ông ta chủ yếu là gì?

⁹ SDD, NXB Simon and Schuster, NY, London, Tokyo, Sydney, 1988. Thực tế chiến thắng đã tới 8 năm sớm hơn lời tiên đoán của tác giả. Trong tác phẩm này, Nixon lại một lần nữa nhắc lại “lỗi lầm tệ hại nhất của chúng ta là đã xúi giục lật đổ Tổng Thống Diệm năm 1963...” (trang 123)

Dùng chính nghĩa dân tộc để chống chiêu bài dân tộc

Tiếp xúc, thương thuyết, hiệp thương, liên hiệp. Đó là những bước đi có thể xảy ra. Nhưng thực sự mới chỉ có một vài cuộc tiếp xúc gián tiếp chưa đi đến kết quả cụ thể nào thì ông Diệm bị giết.

Nửa cuối của chương 27, cũng là chương tổng kết của cuốn Ngô Đình Diệm - Lời Khen Tiếng Chê, và toàn bộ Phần II gồm 3 chương 2, 3, 4 của cuốn *Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc* đã nói kĩ đến toan tính hiệp thương và những cuộc tiếp xúc của ông Ngô Đình Nhu với một vài nhân vật môi giới, qua lời tường thuật của những tác giả khác như luật sư Mieczyslaw Maneli trưởng đoàn Ba Lan Cộng Sản trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, và của Tiến Sĩ Allen Hammer, vân vân. Nhưng những cuộc tiếp xúc đó chưa đưa đến kết quả cụ thể nào, và cũng không thấy có bằng chứng trên giấy trắng mực đen nào của cả hai phía, CS cũng như chính quyền Ngô Đình Diệm. Cho nên chúng tôi đã tự chế bằng hai từ “toan tính hiệp thương”. Nhưng nhiều người đã cho rằng chính vì những toan tính đó mà ông Diệm bị nhân dân phản đối và các tướng lãnh giết.

Vì vậy chúng tôi xin trình bày quan điểm riêng về vấn đề này, dựa theo khái niệm chiến tranh ý thức hệ, là một cuộc chiến toàn bộ, toàn diện.

Cũng xin thưa trước là đã có nhiều người vì bênh Tổng Thống Diệm, nên đã quả quyết rằng ông Diệm là người chống Cộng triệt để, không thể nào hiệp

thương hay thỏa hiệp với CS được. Chúng tôi chỉ xin bàn đến trường hợp của Tiến Sĩ Phạm Văn Lưu.

Trong Kỳ Yếu của Hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại tháng 10 năm 2005, Tiến Sĩ Sử Học Phạm Văn Lưu ở Úc đã đưa ra một bằng chứng làm cho chúng tôi hết sức ngạc nhiên. Ông bảo ông đã tìm thấy một tài liệu của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ chỉ thị cho CIA từ tháng 8-1963: *“ngụy tạo những tài liệu liên kết Nhu với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa làm cho Nhu mất tín nhiệm với các tướng lãnh. (Tài liệu tại Thư Viện John F. Kennedy, tháng 9, năm 1963).”* Với tư cách một tác giả có học vị tiến sĩ sử học, TS Lưu trung dẫn tài liệu từ gốc, thuộc nguồn chính (primary sources), có giá trị, không thể chối cãi. Nhưng chúng tôi ngạc nhiên và lấy làm nghi ngờ tự hỏi: Hội Đồng An Ninh Quốc Gia thường do chính tổng thống chủ tọa làm sao lại có thể chỉ thị một sự ngụy tạo (fabrication) có thể làm mất uy tín và danh dự như vậy, chỉ để thi hành một âm mưu chính trị đen tối? Uy tín, danh dự của một siêu cường để đâu? Tài liệu đó có mang chữ ký của TT Kennedy, hay một thành viên nào của Hội Đồng không?

Dẫu sao thì tài liệu này đã được trưng dẫn bởi một người muốn bênh vực Tổng Thống Diệm. Tác giả không tin được rằng ông Diệm và ông Nhu đã muốn bắt tay với Cộng Sản, phản bội quân dân Miền Nam trong cuộc đấu tranh chống Cộng Sản.

Chúng tôi thì không nghĩ hiệp thương hay toan tính hiệp thương với Bắc Việt là phản bội cuộc đấu tranh chống Cộng. Theo khái niệm chiến tranh toàn bộ của cuộc chiến ý thức hệ, thì trung lập, hiệp thương hay liên hiệp đều là một vũ khí, một hình thức đấu tranh.

Hồi 1945 ông Diệm không nhận lời mời của HCM nhận chức bộ trưởng nội vụ để cùng đứng trong chính phủ liên hiệp với các đảng Quốc Gia khác, vì lúc ấy phe CS của ông Hồ đã nắm hầu như toàn quyền. Dù số bộ dành cho các đảng Quốc Gia chiếm tỷ lệ cao, (trong chính phủ liên hiệp thứ nhất là gần 50%, với cụ Nguyễn Hải Thần giữ chức phó chủ tịch) nhưng thực chất cán bộ CS đã nắm hầu hết hạ tầng cơ sở, do họ được huấn luyện kĩ về tuyên truyền, gián điệp, mật vụ, và đặc công. Tóm lại liên hiệp với CS lúc ấy là liên hiệp trong thế yếu. Cho nên bất lợi. Thực tế cho thấy chẳng bao lâu sau các chiến sĩ Quốc Gia đã bị VM tàn sát, thủ tiêu. Đa số các nhà lãnh đạo phải bỏ trốn hay chạy sang Tàu.

Còn năm 1962, 1963 ông Diệm ở vào cái thế không kém, nếu không phải hơn ông Hồ về mọi mặt. Thời ông Diệm không còn quân Pháp như thời Bảo Đại, có Hiến Pháp, Quốc Hội và các cơ chế dân chủ của một quốc gia độc lập hoàn toàn, không còn phải ở trong Liên Hiệp Pháp. Hơn nữa về mặt kinh tế, Miền Nam trong thời gian vẫn đã phát triển về nông nghiệp, công nghiệp, ngư nghiệp và tiểu công

ngiệp rất nhanh khiến đời sống vật chất của người dân được nâng cao. Việc này ngay cả những người chê ông Diệm độc tài và lầm nghĩ ông kỳ thị Phật Giáo, như Hồ Sĩ Khuê, cũng phải công nhận. Về mặt tinh thần ai cũng thấy Miền Nam là đất tự do. Chính những người chỉ trích ông Diệm lại là những người vui lòng ở Miền Nam của ông Diệm, chứ không dám bèn mảng đến miền Bắc của ông Hồ. Trái lại thời ông Diệm hàng ngày vẫn có nhiều người dân miền Bắc liều chết vượt sông Bến Hải vào Nam tìm tự do. Nếu ông Diệm là bạo chúa, chế độ ông Diệm là “độc tài khát máu”, thì làm sao lại có hiện tượng lạ lùng đó?

Tất cả những yếu tố kể trên tạo nên cái thế vượt trội của ông Diệm. Nhưng quan trọng hơn hết là phía người Quốc Gia thời ông Diệm đã có một lãnh thổ gồm nửa nước, cả một miền Nam trù phú, gọi là Việt Nam Cộng Hòa. Ngày nay thì không còn nữa. Cái gọi là VN Cộng Hòa đã mất. Và nó mất ngay từ khi nền đệ nhất CH “*sụp đổ tan tành*”.

Dấu sao thì chính quyền Kennedy đã để mấy giới chức của bộ Ngoại Giao, từ thứ trưởng trở xuống và một nhân viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia qua mặt tổng thống và cấp trên để ngấm ngấm bằng phương cách lươn lẹo mờ ám điều khiển cuộc đảo chính lật đổ và giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Chi tiết vụ việc này chúng tôi đã tóm tắt trong hai tác phẩm về Ngô Đình Diệm.

Dù chủ trương là người Mỹ, nhưng nếu không có người Việt làm tay sai thì âm mưu cũng không thực hiện được. Tiếc rằng một số tướng lãnh đã nhận tiền và chỉ thị của tòa đại sứ Mỹ do một nhân viên CIA là Lou Conein trao để làm đảo chính và giết hai ông Diệm Nhu, rồi đổ vấy cho là hai ông “tự sát”.

Hậu quả của vụ đảo chính như thế nào ta đã thấy rõ. Đúng như lời Tổng Thống Nixon đã viết ở trên. *“Toàn thể hệ thống chính trị Nam Việt Nam sụp đổ tan tành”*. (*The entire South Vietnamese political system came crashing down.*) Phe Quốc Gia thua từ ngày đó. Việt Nam Cộng Hòa chết ngày 30 tháng tư 1975. Nhưng nó đã trải qua cơn hấp hối suốt 12 năm. Trong cơn hấp hối đó thân thể Tổ Quốc đã bị nội xuất huyết liên tục, do hàng triệu người Việt hàng ngày đổ máu trong chiến tranh.

Hãy chân thật với lịch sử

Có nên nói thẳng ra ai là những kẻ chịu trách nhiệm nặng nhất về cái chết kéo dài này không?

Phía Hoa Kỳ nhiều yếu nhân Mỹ như Nixon, Johnson, McNamara... đều đã nhận mình sai. Riêng McNamara đã viết: “Chúng tôi có tội.” (*We were culpable.*)¹⁰ Như vậy phải chăng trách nhiệm nặng

¹⁰ Xin xem Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc của Minh Võ, do Diễn Đàn Giáo Dân tái bản đầu năm 2009, các trang 198 và 199. Câu nói “We were culpable” là của McNamara. Các TT Johnson và Nixon không dùng chữ “culpable”, nhưng dùng chữ “mistake”.

nhất đổ lên đầu Tổng Thống Kennedy? Dầu sao thì tội quy vu trường. Tuy nhiên thái độ của ông sau khi nhận tin ông Diệm bị giết cho thấy ông không chủ trương giết ông Diệm. Nhiều người trong đó có sử gia Arthur M. Schlesinger, phụ tá đặc biệt của TT Kennedy, cho biết *“khi nghe tin ông Diệm tự sát, TT Kennedy đã hốt hoảng, buồn rầu, chưa bao giờ như vậy kể từ vụ Vịnh Con Heo”*. (Xem *A Thousand Days*, trang 998.) Nhưng nhiều ký giả và sử gia thuộc trường phái “chính thống” chưa hoàn toàn đồng ý. Vì vậy xin để nhân dân Mỹ, lịch sử nước Mỹ phán xét. Chúng ta chỉ nên bàn về trách nhiệm của phía Việt Nam.

Có người sẽ nói, về Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm cũng hãy để lịch sử phán xét. Nhưng lịch sử sẽ dựa vào đâu để phán xét? Dựa vào những sự thực của những người can đảm dám nói lên. Hay dựa vào những sự dối trá hay những thông tin sai lạc từ phía những kẻ phạm tội rồi cố tình chạy tội hay những nhà báo hay sử gia thiên vị, hay đã bị mua chuộc để che giấu sự thực lịch sử?

Khi viết những tác phẩm về Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm chúng tôi đã cố gắng hết mình để trung thực, lương thiện và khách quan. Quý vị nào bảo Minh Võ chủ quan, thiên vị, xin hãy nêu bằng chứng từ mấy cuốn sách của tôi và cho biết tôi sai, hay chủ quan ở chỗ nào? Như vậy sẽ giúp tôi học hỏi được nhiều. Bằng không thì độc giả sẽ phải tự hỏi không

rõ người viết hay người phê bình. ai chủ quan và có thiên kiến?

Ở đây chúng tôi chỉ xin tóm tắt rằng trong cuộc chiến quốc cộng chỉ có hai đối thủ có thể gọi là “kỳ phùng địch thủ” là Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm. Cả hai đều dùng một vũ khí phi quân sự đặc biệt là chiêu bài dân tộc (HCM) và chính nghĩa dân tộc (NDD). Hồ Chí Minh thì được các đảng phái Quốc Gia tiếp tay, cứu giúp. Còn Ngô Đình Diệm thì bị Mỹ và một số tướng lãnh giết với sự tiếp tay hay tán thành của những chính khách và đảng phái không ưa ông. Vì vậy mà phe quốc gia đã thua. Hậu quả là toàn quốc rơi vào tay CS. gây nên thảm họa suốt trong 35 năm qua.

Muốn thoát thảm họa đó, điều cần trước tiên là phe quốc gia chúng ta phải tự kiểm điểm và phân tích tình hình để cùng tìm hiểu và cùng đồng ý với nhau về nguyên nhân thất bại, đúng theo chiến pháp của các chiến lược gia Đông Tây kim cổ. Ngày nay, không cần phải là Tôn Võ, Ngô Khởi hay Clausewitz mới có thể biết rằng bao lâu bên thua còn tranh cãi nhau, đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân thất bại, thì bấy lâu vẫn chưa thể nào có thể bày binh bố trận để giành lại phần thắng.

Tóm lại, có khiêm tốn nhận mình thua và tìm đúng nguyên nhân thất trận thì chúng ta, hay con cháu chúng ta sau này, mới tìm ra hướng đi đúng đắn hầu có thể làm điều mà chúng ta hiện nay không làm

nổi, là cứu nước nhà khỏi họa diệt vong vào tay kẻ thù phương Bắc.

Chúng tôi nói chúng ta không thể nào làm nổi là căn cứ vào sự đổ vỡ tan tành nền tảng vật chất và tinh thần của phe Quốc Gia từ sau 1963 tới nay và hậu quả là sự đổ vỡ uy tín của các cấp lãnh đạo các đảng phái chỉ biết trông chờ sự giúp đỡ của ngoại bang luôn đặt quyền lợi nước họ trên hết. Cũng vì quyền lợi dân tộc mình, chắc chắn ngoại bang không muốn giúp một số cá nhân hay đoàn thể tổ chức lỏng lẻo lưu vong như chúng ta bằng một chế độ đã đứng vững trên ba thập kỷ, có lãnh thổ, có chính quyền. Ta có thể bảo như thế là họ ích kỷ. Nhưng thuyết phục họ bỏ quyền lợi riêng để tranh đấu cho những kẻ mất nước như chúng ta là bất khả thi, dù chúng ta nhân danh nhân quyền hay lòng nhân đạo chẳng nữa.

Sau khi thảm bại, nhiều cấp lãnh đạo của VNCH đã vào tù để có dịp suy nghĩ và rút ra những bài học quý báu cho tương lai. Một số đã chết thảm trong tù như bác sĩ Phan Huy Quát, như luật sư Trần Văn Tuyên, như lãnh tụ VNQDD Vũ Hồng Khanh. Chết trong hoàn cảnh đó, có lẽ lỗi lầm của các vị đó đã được xóa sạch.

Nhưng những người nhận tiền của Mỹ để lật và giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và một số chính khách thuộc các đảng phái chống đối hầu hết đã bỏ chạy vào giờ thứ 25 và, vì có phương tiện nên họ đã có được đời sống an nhàn trên đất Mỹ. Họ có thì

giờ và tiền bạc, người quen phụ giúp để viết những cuốn gọi là hồi ký để chạy tội. Trong những hồi ký đó không hề thấy một lời nhận lỗi và hối lỗi mà đầy rẫy những lời kết án, nguyên rủa một chế độ tốt đẹp nhất từ 1945 đến ngày nay.

Những người có lương tâm, biết sự thực không dám mở miệng vì sợ tai bay vạ gió.

Đó là một vài lý do khiến cho đến nay quốc sự ra nông nổi này.

Như đã trình bày ở phần II, chính các nhà cách mạng quốc gia đã dung nạp, giúp đỡ và tạo thanh thế cho ông Hồ Chí Minh. Điều này là một khuyết điểm nghiêm trọng. Nhưng xét vì các vị đó đã làm vì lòng tốt, vì chưa biết rõ về con người HCM và cũng chưa rành về mưu sâu của Lê-nin, cho nên cũng khó trách họ. Phe Quốc Gia chúng ta, trong một chừng mực nào đó, thường có cái “tật” lấy lòng quân tử đo dạ kẻ tiểu nhân.

Trong cuốn *Lịch Sử Đấu Tranh Cận Đại* nói trên, Hoàng Văn Đào đã thuật lại việc lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng Trương Tử Anh, cũng là một trong 3 lãnh tụ tối cao của liên minh Đại Việt QĐĐ và Việt Nam QĐĐ đã bác bỏ lời khuyên của một chiến sĩ VNQĐĐ khác là Lê Khang: Trong một hội nghị liên đảng, Lê Khang đã đề nghị: “*Phải đoạt chính quyền ngay trong ngày 18-8 để loại HCM và bè lũ.*” Sau khi đề nghị của ông bị bác bỏ, Lê Khang và một số đồng chí VNQĐĐ đã bỏ đi lên Vĩnh Yên lập chiến khu

riêng. Kết quả là chính Lê Khang đã bị CS giết, (SĐD trang 214-217...) và lãnh tụ Trương Tử Anh thì bị thủ tiêu bí mật, được ghi là mất tích.¹¹

Khi HCM đã giành được chính quyền rồi, để củng cố quyền lực bằng chiêu bài dân tộc, ông ta lại một lần nữa cần đến sự tiếp tay của các đảng Quốc Gia. Và 2 chính phủ liên hiệp tiếp nối ra đời. Các đảng Quốc Gia đã nhận 70 ghế trong “quốc hội” 1946 mà không được bầu.

Cái lỗi lầm này dĩ nhiên nghiêm trọng hơn lỗi lầm của các vị trưởng bối ở Hoa Nam nhiều. Nhưng dầu sao so với cái tội phá tan tành Đệ I Cộng Hòa và giết một lãnh tụ duy nhất có khả năng đối phó với HCM thì còn nhẹ, chẳng đáng nhắc lại nhiều. Hơn nữa cái công của Việt Nam Quốc Dân Đảng chống Pháp dưới sự lãnh đạo của đảng trưởng Nguyễn Thái Học, không thể nào phủ nhận được và mãi mãi sẽ

¹¹ SĐD trang 215: “Các đồng chí ĐVQĐĐ (Trương Tử Anh, Phạm Khải Hoàn, D/C Kim – MV) cho rằng:

“Cuộc cách mạng nào cũng chỉ đi tới mục đích là giành lại độc lập cho Tổ quốc. Thì dầu mặt trận VM hay đoàn thể nào cũng vậy. Việt Minh nắm được chính quyền. chúng ta sẽ tham gia hướng dẫn họ trên công cuộc phục vụ nhân dân; nếu họ trở mặt, lúc đó chúng ta sẽ lấy nhân dân làm hậu thuẫn mà hạ họ xuống. Và lại lực lượng của họ có gì đáng cho chúng ta lo ngại? Nếu nay chúng ta dùng võ lực để đối phó trong lúc này ắt có cuộc lưu huyết! Cộng sản chưa thấy đầu mà đã thấy ngay dân chúng bị tàn sát. Sau đây lịch sử sẽ quy tội cho chúng ta là tham cầu địa vị, gây nên cảnh nổi da xáo thịt! Tội đồ hà riêng một cá nhân gánh chịu!”

còn được hậu thế ghi ơn. Mặc dù cuộc khởi nghĩa ngày 10-2-1930 tại Yên Bái đã thất bại khiến Nguyễn Thái Học cùng 12 chiến sĩ đã phải lên đoạn đầu đài, hàng ngàn chiến sĩ khác đã hy sinh tại chiến trường, hay vào tù và thậm chí bị đày đến những nơi xa xôi trên trái đất, điển hình là 325 người bị đày tới đảo Guyane, Nam Mỹ rồi mất tại đó.¹²

Nước đã mất vào tay CS đã 35 năm (hơn một phần ba thế kỷ) rồi. Trừ một số vô trách nhiệm vội vã bỏ chạy ra ngoại quốc, hầu hết tướng lãnh và viên chức cao cấp VNCH đều đã nếm mùi đòn đau, tù nhục trong tù. Họ đã có dư thì giờ để nghiền ngẫm về nỗi nhục mất nước và chắc hẳn nhiều người đã tự tìm ra câu trả lời cho câu hỏi, tại sao lại mất nước?

Thế chiến III (giữa khối Cộng và thế giới Tự Do) cũng đã kết thúc hai chục năm rồi. Các nước Đông Âu đã sụp đổ, Liên Xô tan rã mau chóng. Nhiều người chưa xót tự hỏi, sao Việt Nam vẫn chưa được giải phóng?

Là vì chúng ta chưa chịu tin rằng mình đã thua, hãy còn thích thú nhớ lại và nhắc lại những chiến

¹² Về các liệt sĩ VNQDĐ người ta thường chỉ nhớ 12 người đã cùng với lãnh tụ Nguyễn Thái Học bị hành quyết ngày 17-6-1930 tại Yên Bái. Nhưng thực ra số người bị thực dân kết án tử đã lên tới 37. Và những đồng chí bị tù chung thân, hay khổ sai chung thân, hoặc tù thường và bị lưu đày tới Côn Đảo và Guyane Française tổng cộng lên tới cả ngàn. (Xem Hoàng Văn Đào trong SDD, trang 135-155)

công hiến hách trong quá khứ. hầy còn bị mê hoặc bởi giấc mộng giải phóng bằng đòi dân chủ, tự do, nhân quyền để may ra kẻ thù bố thí cho chút đỉnh như nhỏ giọt. Trong khi Việt Cộng, với chính quyền trong tay và diễn đàn quốc tế, ngày nay được nhiều nước trên thế giới ủng hộ. luôn nguy biện và cãi chầy cãi cối rằng quan niệm về nhân quyền mỗi nước một khác. và ngoại bang không có quyền can thiệp vào nội bộ VN. Khi mà một số các tổ chức phi quốc gia như Văn Bút Thế Giới, Tổ Chức Ân Xá Quốc Tế, hay Hội Ký Giả Không Biên Giới v.v... mạnh mẽ lên tiếng thì bất quá VC cũng chỉ thả sớm hay giảm án cho một vài tù nhân lương tâm, sau khi đã tàn phá thể xác và triệt hạ ý chí chiến đấu của họ. Để rồi sau đó lại bắt bớ, bỏ tù, hành hạ thêm nhiều người khác.

Cứ nhìn vào kết quả nhỏ nhoi của những cố gắng của các đoàn thể đảng phái, thì phải công nhận rằng phương cách hoạt động của chúng ta không đưa đến kết quả. Những nỗ lực nêu cao ngọn cờ vàng trên thế giới và đặc biệt là ở Mỹ, hay những thành tựu của một vài chính trị gia trẻ tuổi đã vào được một vài cơ quan lập pháp tiểu bang hay liên bang v.v... cũng không ảnh hưởng bao nhiêu đến lập trường chung của Quốc Hội để Hoa Kỳ cương quyết hơn trong chính sách về nhân quyền.

Ngày nay phần đông các tướng lãnh và nhân vật chính trong cuộc đảo chính 1963 đều đã chết, từ Dương Văn Minh. Nguyễn Văn Thiệu đến Đỗ Mậu,

Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân. Tướng Kỳ thì coi như đã bỏ sang hàng ngũ đối phương. Chỉ còn lại vài tướng như Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính. Vì vậy rồi đây sẽ có nhiều người mạnh bạo lên tiếng công khai kết án hành động phá hoại một chế độ coi như nền tảng của vị thế nổi bật của phía Quốc Gia trong một thời.

Gần đây chúng tôi được biết tại hội nghị “35 Năm Sau, Nhìn Lại Việt Nam” tổ chức ngày 9-4-2010 gồm nhiều ký giả và nhân vật chính trị cả Việt lẫn Mỹ, ông Nguyễn Ngọc Linh (cựu tổng giám đốc Thông Tin, có chân trong Hội Đồng Nội Các) đã mạnh dạn nói lên một sự thật mà cho đến nay hiếm có ai dám làm, tuy rằng rất nhiều người cũng nghĩ như ông. Ông Linh nói:

“Theo tôi thì cuộc đảo chính (1963) này đã đánh dấu cái chết của miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống lại kẻ xâm lăng miền Bắc.”

Thiễn nghĩ câu nói trên chính là lời buộc tội gắt gao những kẻ chủ xướng và thi hành cuộc chính biến 1963. Bắt họ phải chịu trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng Sản. Có lẽ đa số thành viên hội nghị không dễ dàng đồng ý với ông Nguyễn Ngọc Linh.

Dẫu sao thì ông Linh cũng đã thay mặt nhiều người không có mặt tại hội nghị, cất lên tiếng nói can đảm của một người có trách nhiệm, biết phân biệt phải trái và có kiến thức về lịch sử, chứ không a

dua theo đám đông. Hy vọng rồi đây những tiếng nói tương tự sẽ càng ngày càng nhiều hơn. để soi sáng một vùng tối trong lịch sử Việt Nam.

Lịch sử là tấm gương cho hậu thế soi, trong đó gồm những bài học của tiền nhân để lại. Nếu những nhà viết sử không có can đảm nói lên sự thực, lại còn cố tình che giấu hay xuyên tạc, bóp méo, chỉ vì nể sợ những kẻ có quyền có tiền, thì con cháu chúng ta sẽ mãi mãi mò mẫm trong tối tăm, không bao giờ tìm ra đúng hướng để đi trong công cuộc cứu nước và dựng nước, và sẽ đến lúc cái tội tệ nhất xảy ra: Nước ta không còn lịch sử nữa.

Đến đây chắc quý vị đã thấy tại sao những vấn đề của đất nước được nêu lên ở đầu bài sẽ không thể nào giải quyết được bởi những người ở lớp tuổi chúng ta – từ 65 tuổi trở lên.

Cái chế độ hiện thời không thể thay đổi, đổi mới được. Đúng như Boris Yeltsin đã nói, nó chỉ có thể bị thay thế. Nhưng ai sẽ thay thế nó? Đã 35 năm hơn rồi lớp già chúng ta đã thất bại và chắc chắn sẽ còn thất bại, nếu không chịu khiêm tốn nhận mình đã thua vì đã phạm những lỗi lầm không thể tha thứ về chiến lược.

Kể từ sau khi Đông Âu sụp đổ rồi Liên Xô tan rã, nhiều lần các nhà lãnh đạo cũ của phe Quốc Gia đã cố thủ tập hợp các cộng đồng lại để mưu cầu một cơ may nào đó. Trong thập niên 90 thế kỷ trước nhiều người đã mở đường cho cựu hoàng Bảo Đại, rồi cựu

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đứng ra gánh vác trọng trách. Rồi những chính phủ lưu vong Nguyễn Hữu Chánh, Đào Minh Quân (?) ra đời. Đó là chưa kể nhiều đảng phái như Việt Tân, Đại Việt (ba hệ phái) và “chính phủ lưu vong” Nguyễn Bá Cẩn, Nguyễn Văn Chúc, Lý Tòng Bá (VNCH Foundation?) v.v... đều có chương trình kế sách rầm rộ. Nhưng kết quả chưa thấy gì. Tại sao vậy? Vì chúng ta không thành thực với lịch sử, nên không thu dụng được nhân tài.

Hiện nay nhiều nhà tranh đấu ở hải ngoại hy vọng mình có thể thu hút, lôi kéo những trí thức muốn “phản biện” ở quốc nội để tạo nên một sức đề kháng có nội công ngoại ứng, hầu tạo áp lực với nhà cầm quyền bắt buộc họ phải nhượng bộ.

Nhưng hy vọng đó chỉ là ảo vọng, nếu những “nhà trí thức phản biện” ở trong nước không nhận rằng mình đã từng phạm lỗi lầm nghiêm trọng khi đi theo HCM và đảng Cộng Sản, và những nhà trí thức ở hải ngoại vẫn còn nghĩ Hồ Chí Minh hơn Ngô Đình Diệm về lòng yêu nước.

Chúng tôi viết đến đây thì nghe được tiếng nói sang sảng của cựu thiếu tướng CS Nguyễn Trọng Vĩnh ca tụng đại tướng Võ Nguyên Giáp trên đài BBC. Ông Vĩnh gọi ông Giáp là đại công thần, là bậc đại trí dũng, đáng kính phục... Có một điều chúng tôi thắc mắc là không biết vì lý do gì, cái đài nổi tiếng khắp thế giới này lại cho phát lại những lời của ông Vĩnh ca ngợi ông Giáp vào các buổi phát

thanh tối thứ bảy, 28-08-2010, và cả hôm sau là tối chủ nhật, 29-08-2010, sau khi đã phát một lần vào một ngày trong tuần. Như vậy là tổng cộng 3 buổi, với 2 buổi vào tối thứ bảy và chủ nhật, thường có rất đông thính giả.¹³

Đối với một số người lạc quan, thì ông Giáp vẫn có hy vọng tập hợp được một số “trí thức phản biện”, để chống lại nhà cầm quyền CS. Nhưng thiết tưởng dù ông Giáp biến đổi thế nào chăng nữa, hy vọng ông ta lãnh đạo nhóm trí thức phản tỉnh để chống Tàu Cộng chỉ là ảo vọng. Trừ phi gần tới lúc lâm chung, ông dám can đảm công khai kêu tiếng nhận

¹³ Năm 1963 và 1964, tôi đã làm việc với ban Việt Ngữ Đài BBC trong gần 8 tháng, nên biết chắc chắn thời gian đó Đài BBC tuy độc lập nhưng các chương trình ngoại ngữ phải theo đường lối của Bộ Ngoại Giao Anh Quốc. Thường các bài bình luận chính trị đều do biên tập viên người Anh viết rồi trao cho người Việt dịch và xướng ngôn. Ví dụ chính tôi chứng kiến bài xã luận tối ngày 3-11-63 đã nói về những điều tốt đẹp mà chế độ Ngô Đình Diệm đã làm cho nhân dân miền Nam và kết luận “Lịch sử sẽ công bình hơn với ông.” Nhưng đường lối đó đã thay đổi từ năm 2007. Từ đó tới nay chính sách đường lối của BBC đã hoàn toàn độc lập. Cho nên đây chỉ là lập trường của đài mà thôi.

Dẫu sao thì đây cũng chỉ là tiếng nói của một thuộc cấp cũ của tướng Giáp phát biểu trong một cuộc phỏng vấn của đài BBC. Phải đợi đến khi ông Giáp mất xem đài BBC có bình luận gì không mới biết chắc thái độ chính thức của đài này đối với một viên tướng Cộng Sản có tiếng là sát quân và sát nhân thường áp dụng chiến thuật biến người của Mao Trạch Đông và càn về cuối đời ảnh hưởng và uy tín càng sa sút.

tội và xin lỗi quốc dân vì đã góp công cùng với ông Hồ đưa đất nước tới bờ vực thảm bị Tầu Cộng thôn tính. Và các nhà “trí thức phản biện” cũng cần lên tiếng hối hận vì đã để cả tuổi trẻ phục vụ một chế độ phản dân hại nước. Có thể thì sự gọi là phản biện mới gây được tiếng vang tác động đến quần chúng nhân dân.

Cứ xét tính tình ông Giáp và tình hình quốc nội và quốc tế hiện nay, dám chắc không thể nào có chuyện đó xảy ra.

Cũng tương tự như vậy, chúng tôi không hy vọng sẽ có một hành động nhận lỗi từ phía tập thể người Việt Quốc Gia Hải Ngoại đối với tội làm mất nước vào tay CS. Chúng tôi chỉ còn hy vọng là trong tương lai, có lẽ rất xa, lớp trẻ không bị ảnh hưởng bởi những giả dối đang che lấp lịch sử, sẽ nhìn ra sự thực và sẽ có những quyết định sáng suốt hầu cứu nước nhà khỏi họa diệt vong. Với điều kiện là lớp già chúng ta phải mạnh bạo nói lên sự thực lịch sử đã bị che giấu trên nửa thế kỷ vừa qua. Không có điều kiện này thì họa diệt vong (vào tay Trung Cộng) khó tránh. Tưởng cũng nên thêm rằng, đây chỉ là điều kiện cần, điều kiện tiên quyết (prerequisite), điều kiện bất khả vô (sine qua non), nhưng chưa phải là điều kiện đủ (sufficient). Nói về điều kiện đủ không thuộc khuôn khổ nhỏ hẹp của bài này, và lại đó phải là nhiệm vụ của các chính khách tài ba, với những tổ chức chính trị tầm cỡ đang có tham vọng thay đổi thời cuộc.

(Nhưng lại với điều kiện tiên quyết là những chính khách và tổ chức chính trị đó hội đủ điều kiện tiên quyết, bất khả vô nói trên.)

Xin bạn đọc tha lỗi cho người viết về kết luận bị quan này. Và xin quý vị trưởng thượng cũng như các chính trị gia lãnh đạo những đoàn thể tổ chức đang tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ cho nước nhà, hãy rộng lượng đối với một kẻ không có khả năng và điều kiện để dẫn thân vào một cuộc đấu tranh như quý vị. Vì thế có thể là chúng tôi không có kinh nghiệm để đủ tư cách bàn về thắng thua, thành bại trong cuộc chiến ý thức hệ này còn đang tiếp diễn. Chúng tôi chỉ xét theo lương tri và lý luận thông thường là nếu mình thua mà không chịu nhận mình thua, và không tìm hiểu nguyên nhân tại sao mình thua, thì không thể nào đủ dũng kiện để bày binh bố trận hầu lấy lại phần thắng trong tương lai.

Trước khi kết thúc, người viết xin cảm ơn bạn đọc đã dành thì giờ quý báu cho mấy ý kiến bộc trực của chúng tôi. Nhân đây cũng xin mình định vài điều để tránh hiểu lầm.

Thứ nhất, mục đích bài này không phải để làm sống lại nhân vật Ngô Đình Diệm, vì chúng tôi biết rõ, với tình hình trong nước hiện nay, và tình hình cộng đồng Người Việt Hải Ngoại, đôi bên còn bị bao phủ bởi một quyền lực hữu hình hay vô hình thống trị bằng giả dối và sợ hãi. thì dù Ngô Đình Diệm có tái sinh cũng đành bó tay. Nhưng nếu sự thực lịch sử

được sáng tỏ, thì trong tương lai sẽ xuất hiện hàng chục anh hùng cứu quốc có thể làm thay đổi cục diện quốc gia. Tương lai đó gần hay xa, có đến hay không là tùy ở chúng ta có dám nhận lỗi và nói lên sự thực sớm hay muộn mà thôi.

Thứ hai, với các nhà Cách Mạng tiến bối ở Hoa Nam trong thời gian trước và sau 1940 chúng tôi không dám lên án hay chê trách mà chỉ ghi nhận là các vị đó đã không am tường về Cộng Sản và không biết rõ về HCM cho nên đã vì lòng tốt, tính quân tử tâu mà giúp đỡ, che chở, cứu HCM ra khỏi tù v.v... Chúng tôi cũng lấy làm tiếc rằng sau Cách Mạng Tháng Tám thành công, các đảng phái quốc gia đã tham gia chính phủ liên hiệp của HCM để tạo cho ông ta cái vị trí đại diện chính thống cho nhân dân Việt Nam một cách sai trái. Ngày nay, với bài tiểu luận này cũng là tóm lược đại cương 4 cuốn sách về Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh với những bằng chứng cụ thể không thể chối cãi, chúng tôi hy vọng bạn đọc thấy rõ quan điểm của chúng tôi đối với những tướng lãnh và một số chính khách thuộc vài đảng phái quốc gia đã tham gia hay ủng hộ cuộc chính biến 1963, phá hủy nền tảng của một chế độ có uy tín quốc tế, mở đầu cho giai đoạn hỗn loạn rồi ren dẫn đến mất miền Nam vào tay Cộng Sản. Nhưng chúng tôi cũng xin nhận lỗi là đã chẳng làm được gì để cứu vãn tình thế trong những năm sau đó.

Thứ ba, dầu sao cá nhân chúng tôi cũng đã là quân

nhân trong cả hai nền Cộng Hòa Việt Nam. Cấp bậc và chức vụ đều thấp. Nhưng trong sự sụp đổ của cả hai nền Cộng Hòa chúng tôi nhìn nhận mình có lỗi, không nhiều thì ít. Trước hết có lỗi với nền Đệ Nhất Cộng Hòa vì đã không làm gì hơn để bảo vệ nó. Đối với Đệ Nhị Cộng Hòa đã không góp sức làm cho nó hữu hiệu hơn, để khỏi thất trận.

Hy vọng, gần 10 năm trong ngục tù CS và gần 20 năm sống cuộc sống ly hương đã và đang là những hình phạt quá nhẹ đối với những lỗi lầm của người viết, nhưng cũng đủ để nhắc nhở đến cái chết của trên 3 triệu đồng bào trong chiến tranh khiến cho hàng triệu cô nhi, quả phụ và hàng chục vạn thương phế binh ngày nay đang phải sống cảnh lâm than cơ cực và sỉ nhục trăm chiều. Và nhất là những hình phạt nhẹ đó đủ để nhắc nhở đến hàng chục vấn đề to lớn được nhắc đến ở đầu bài này.

Có bao giờ chúng ta và con cháu chúng ta quên được rằng những điều đó là hậu quả của cuộc chiến và sự thất trận của chúng ta không?

San Diego 29-08-2010

2. Chiến tranh ý thức hệ

Trong mấy cuốn sách và bài viết gần đây về các nhân vật lịch sử Việt Nam như Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, chúng tôi thường yêu cầu đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh *chiến tranh ý thức hệ*. Chúng tôi cũng đã từng phê bình một vài học giả hay sử gia như giáo sư Hoàng Xuân Hãn¹ và ông Lê Xuân Khoa² là đã không đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh *chiến tranh ý thức hệ* toàn cầu của Cộng Sản. Bởi vì nếu không đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu thì sẽ không hiểu được nguồn gốc và tính chất phức tạp của cuộc chiến Việt Nam và sẽ không thể nào đánh giá đúng mức về hai nhân vật lịch sử nói trên. Một sử gia có tham vọng viết sử toàn bộ cuộc chiến Việt Nam, hay chỉ có một mục đích nhận

¹ Xin xem *Văn Nghệ Tiền Phong* số tháng 3 năm 2004.

² Xin xem nhật báo *Người Việt* các ngày 28-2-05, 11-3-05 (bài của GS Lê Xuân Khoa trả lời MV), và 22-3-05, mục Diễn Đàn.

định về một biến cố hay nhân vật lịch sử Việt Nam cận đại sẽ rất dễ bị nhầm lẫn, lệch lạc, nếu không xét đến toàn bộ cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản toàn cầu.

Nhưng chúng tôi chưa có dịp định nghĩa và giải thích một cách rõ ràng thế nào là chiến tranh ý thức hệ.³ Với bài này, chúng tôi sẽ cố gắng làm việc đó một cách tóm lược tối đa, trong đầu vẫn nghĩ rằng phần đông bạn đọc không còn lạ gì những khái niệm về đấu tranh giai cấp, giá trị lao động và giá trị thặng dư, về duy vật biện chứng, duy vật sử quan, cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản, và thế giới đại đồng v.v... mà chúng tôi đã có dịp trình bày qua trong mấy cuốn sách trước. Cho nên tôi sẽ không trở lại những vấn đề lý thuyết khô khan, cũ rích nói trên nữa. Xin độc giả hãy coi đây là những tư kiến của người viết về khái niệm chiến tranh ý thức hệ. Tuyệt nhiên không phải là một bản tường trình đầy đủ về cuộc chiến tranh ấy. Vì đó phải là một bộ lịch sử nhiều tập.

Nhắc lại cuộc chiến đẫm máu suốt trong ba chục năm, nhiều người đã than, đây là một thảm họa của dân tộc, “bị xâu xé bởi hai *ý thức hệ* ngoại lai”. Nói vậy tức gián tiếp cho rằng phía Cộng thì chiến đấu

³ Một trong những lý do khiến lúc ấy chúng tôi chưa đưa ra một định nghĩa về chiến tranh ý thức hệ là vì đã có rất nhiều người nhắc đến những từ này. Nếu đặt vấn đề một cách nghiêm túc nhưng cũng chỉ nhắc lại những từ đó, thì sẽ bị độc giả chê rằng, biết rồi khổ lắm nói mãi.

vì ý thức hệ Cộng Sản. Còn phía Quốc Gia thì chiến đấu cho một ý thức hệ ngoại lai nào đó, mà có thể hiểu đó là ý thức hệ Tư Bản. Những người nói như vậy thường là lớp trẻ, hay những người tự cho mình đứng ngoài và trên hai phe Quốc Cộng trong cuộc chiến 30 năm, và họ tự phụ rằng chỉ họ mới có chính nghĩa, mặc dù nhiều người trong số họ chẳng bao giờ tranh đấu cho một lý tưởng hay chính nghĩa nào.

Riêng tôi không coi tư bản là một ý thức hệ. Càng không cho rằng phía người Việt Quốc Gia chống Cộng vì ý thức hệ tư bản. Theo từ điển nguyên tự thì ngay từ *capitalism* chỉ xuất hiện lần đầu vào năm 1856, nghĩa là 8 năm sau khi có Tuyên Ngôn Cộng Sản. Các cha đẻ của kinh tế thị trường tự do, đặc tính của nền “kinh tế tư bản”, như Adam Smith (1723-1790), David Ricardo (1772- 1823) chưa bao giờ dùng từ *capitalism* để nói về mô thức kinh tế mà họ trình bày. Vì chính các ông cũng chỉ nói về một lẽ lối điều hành nền kinh tế tự do theo luật cung cầu, luật tự nhiên. Họ chưa hề đưa ra một ý thức hệ tư bản nào cả, mặc dầu Adam Smith, ngoài tư cách kinh tế gia, còn là một triết gia.

Nhưng chủ trương kinh tế chỉ huy của Mác thì rõ ràng nằm trong ý thức hệ Mác-xít bao gồm nhiều lãnh vực tư tưởng triết học, xã hội học, khoa học tự nhiên v.v... Ông cố gắng gom tất cả thành một hệ thống. Cũng chính vì ý thức hệ Mác-xít nên mới nảy sinh từ *capitalism*. Theo Duy Vật Lịch Sử của Mác thì

lúc ấy “*chủ nghĩa tư bản đang giấy chết*.” Từ đó nhiều người không theo CS cũng bắt chước dùng từ “chủ nghĩa tư bản” một cách máy móc.

Chúng tôi luôn cho rằng cuộc chiến Việt Nam là một bộ phận nhỏ của cuộc *chiến tranh ý thức hệ* toàn cầu bắt nguồn từ *ý thức hệ* Mác-xít..

Bài này gồm 5 phần: định nghĩa, 3 giai đoạn, 3 đặc tính, một định đề, và 2 yêu cầu.

Phần I: Định nghĩa chiến tranh ý thức hệ: Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến do, vì, cho và bằng một ý thức hệ

1.1 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến do (hay bắt nguồn từ) một ý thức hệ. Đó là ý thức hệ Cộng Sản.⁴ Nó là nguồn gốc chiến tranh ý thức hệ

Tại sao lại bảo ý thức hệ Mác-xít là nguồn gốc của chiến tranh ý thức hệ? Trước hết, vì nó chủ trương

⁴ Nói là “ý thức hệ Cộng Sản” cho gọn. Chú thực ra ý thức hệ Cộng Sản có rất nhiều nội dung khác nhau và phức tạp kể từ khi Mác và Engels đưa ra cái gọi là chủ nghĩa Mác-xít, không có tên Engels trong đó, nhưng Engels là bạn thân của Mác, đóng một vai trò rất quan trọng không kém Mác bao nhiêu. Rồi đến Lê-nin, người đã áp dụng thuyết Mác-xít vào thực tế chính trị lịch sử một cách quyết định khiến ý thức hệ của Mác sau này mang danh xưng chủ nghĩa, hay ý thức hệ, Mác Lê-nin. Rồi còn ý thức hệ CS của Trotsky, của Mao Trạch Đông đều có chút gì thay đổi không hoàn toàn như ý thức hệ Mác-xít ban đầu nữa. Nhưng tất cả đều là thứ yếu. Cái cốt lõi là giai cấp đấu tranh, xóa bỏ quyền tư hữu, cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản thì đều giống nhau.

đấu tranh giai cấp, hô hào, cổ võ giai cấp vô sản đấu tranh nhằm tiêu diệt giai cấp tư sản và các giai cấp khác, hòng đưa vô sản lên nắm quyền chuyên chính, độc tài tuyệt đối. Ý niệm đấu tranh là nguyên nhân và khởi điểm của chiến tranh. Thứ đến, vì nó tuyên chiến với toàn thể nhân loại bằng tuyên ngôn cộng sản, trong đó đòi hủy bỏ quyền tư hữu là cội nguồn mọi quyền tự do căn bản của Con Người. Trong khi Mác coi quyền tư hữu là nguồn gốc của tư bản và vì nó mà nảy sinh sự tích lũy tư bản bằng cách bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân, thì trong thực tế và từ nguyên nhân chính, quyền tư hữu lại là nguồn gốc mọi quyền con người, không phân biệt tư sản hay vô sản.

1.2 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến vì ý thức hệ Mác-xít

Các người Cộng Sản, khối cộng toàn thế giới thường trực ở trong tình trạng chiến tranh toàn diện để truyền bá ý thức hệ này bằng mọi cách. Thế giới tự do không thể không chiến đấu bằng nhiều hình thức khác nhau để tự vệ. Như vậy hệ tư tưởng Mác-xít chính là lý do có chiến tranh ý thức hệ. Để tự vệ và bảo vệ quyền tư hữu, nhân loại không có còn đường nào khác hơn là phải chống lại ý thức hệ đó. Bắt đầu là một cuộc chiến tư tưởng.[5] Rồi từ sau

⁵ Nói về trận chiến tư tưởng bắt nguồn từ ý thức hệ Mác-xít cần có cả một bộ sách nhiều tập. Ở đây chỉ xin nêu một vài tên tuổi nổi bật ở phía Thế Giới Tự Do:

thế chiến II là cuộc chiến toàn diện toàn cầu bằng đủ mọi hình thức. Lác đác ở một vài nơi trên hành tinh còn có cả tiếng súng, tiếng bom. Như chúng tôi được biết, thì có ít nhất 8 nhân vật uy tín thuộc nhiều lãnh vực khác nhau đã gọi đó là thế chiến III.⁶

- Giáo Hoàng Pio IX (1792-1878): Trong Tông Huấn (Papal Encyclical) “Qui Pluribus” ngày 6-11 năm 1846, bản Anh ngữ, đoạn 32 có câu: “It is wholly contrary to natural law itself nor could it establish itself without turning upside down all rights, all interests, the source of property and society itself.” (Tạm dịch: [Cải tà đạo được mệnh danh là chủ nghĩa Cộng Sản này] chính nó hoàn toàn trái luật tự nhiên. Nó cũng không thể nào thành lập mà không đảo lộn tất cả mọi quyền hành, quyền lợi, của cải và sản nghiệp của con người và cả xã hội.)

- Eugene von Bohm Bawerk (1851-1914) nổi tiếng với tác phẩm trứ danh Karl Marx and The Chose of His System (1898), trong đó ông dành chương đầu để cực lực đã phá thuyết giá trị thặng dư (plus value) của Mác. Cho đến nay đã có 67,000 cuốn sách và khoảng 1,500,000 bài viết nói về ông.

- Vladimir Simkhovitch được biết nhiều qua tác phẩm Chủ Nghĩa Mác Chống Chủ Nghĩa Xã Hội (Marxism versus Socialism). Ông trung dẫn chính Mác để chứng minh cái gọi là chủ nghĩa xã hội của Mác đã phản lại lý tưởng xã hội của loài người.

- Edward Bernstein (1850-1932), cha đẻ phong trào xét lại ý thức hệ cộng Sản. Chẳng những ông đã phá thuyết giá trị thặng dư (Plus Value) và chủ trương đấu tranh giai cấp của Mác mà còn bác bỏ hoàn toàn khẳng định của Mác là tư bản đang giẫy chết.

⁶ Tám người mà chúng tôi được biết đã gọi cuộc “chiến tranh lạnh” sau Thế Chiến II là Thế Chiến III gồm có: Giáo Sư Robert Strausz-Hupé và 3 đồng tác giả cuốn Protracted Conflict, người điểm cuốn sách đó là Max Eastman, nhà văn phản kháng Nga giải Nobel Alexander Solzhenitsyn, Brian Crozier, tác giả cuốn Strategy of Survival, và cố Tổng Thống Richard M. Nixon.

Vì có ý thức hệ Cộng Sản nên thế giới tự do thấy có bốn phận tham chiến không phải bằng một ý thức hệ nào khác. Mà vì một *lý tưởng*. Phân tích từ ngữ gốc La-tinh như các tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và cả tiếng Anh, tiếng Pháp, thì chữ “ý thức hệ” (ideologie) bắt nguồn từ chữ idea (idée) là ý hay ý niệm. Thì chữ lý tưởng (ideal) cũng bắt nguồn từ chữ idea (idée). Lý tưởng là một ý tưởng cao cả. phục vụ một mục đích cao cả. Lý tưởng của thế giới tự do trong mục đích tự vệ chống lại ý thức hệ Cộng

Nói về giai đoạn gọi là chiến tranh lạnh này cũng cần có một bộ sách nhiều tập vì nó bao quát nhiều mặt, rộng lớn hơn thế chiến II bội phần. Sự thành hình, phát triển và hoạt động của mỗi đảng trong tổng số 87 đảng CS trên khắp thế giới đã chiếm một chương rồi. Mỗi hiệp ước ký kết giữa thế giới tự do và khối Cộng như Potsdam, Yalta, Munich hay Brest-Litovsk v.v.. cũng phải một chương. Mỗi chương trình kế hoạch của Thế Giới Tự Do như kế hoạch Marshall nhằm cung cấp viện trợ 20 tỉ Mỹ kim cho 16 nước Tây Âu hòng lôi kéo giới nghèo, giai cấp lao động trong các nước đó, nhất là Đức, Ý là hai nước bại trận, và có nhiều đảng viên Cộng Sản (Ý) nhiều nhất thế giới. Rồi mỗi bước đi của khối cộng nhằm bành trướng chủ nghĩa CS như nhắm vào lục địa Trung Hoa, vào Trung Mỹ... hay nhằm bảo vệ khối cộng như tổ chức COMECON (Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế) ở Đông Âu... đều cần có một chương... Đó là không kể những trận chiến vũ trang tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam phải gồm nhiều chương lớn khác.

Công việc đó (dù chỉ là phác họa để án nghiên cứu hay một dàn bài sơ lược cho một bộ sử thế chiến III) không nằm trong khuôn khổ một bài báo như bài này. Xin để cho các sử gia thế chiến III đảm nhiệm.

Sản là gì? Đó là lý tưởng tự do dân chủ, hòa bình công lý, hòa hợp hòa giải, thịnh vượng, phú cường... Tất cả những gì tốt đẹp nhất cho Con Người, cho dân tộc, cho nhân loại.

1.3 Chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản là cuộc chiến cho ý thức hệ Mác-xít.

Mác chủ trương phá bỏ quyền tư hữu, chủ trương đấu tranh giai cấp, chủ trương cách mạng bạo lực... nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính tuyệt đối, biến xã hội loài người thành một thiên đường (sic) ở trần gian, trong đó không còn giai cấp, không cần chính phủ, hay nhà nước. Thế giới sẽ là thế giới đại đồng. Chính cái thiên đường ở trần gian đó, trong đó mỗi người làm tùy sức mà được hưởng tùy theo nhu cầu (Nhị Các các tận sở năng, các thủ sở nhu), nghĩa là nói một cách nôm na, muốn gì được nấy. Đây là cùng đích, là cứu cánh của cuộc chiến ý thức hệ mà Mác chủ trương. Vì cái cứu cánh “cao cả” đó các người Cộng Sản tự cho mình có quyền dùng tất cả mọi phương tiện, bất kể phương tiện nào, dù chính đáng hay không, để tiến hành cuộc chiến ý thức hệ. Đối với họ “cứu cánh biện minh cho phương tiện.”

1.4 Chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến bằng ý thức hệ.

Về thứ 4 trong định nghĩa này (*bằng ý thức hệ*) nói lên phương tiện, vũ khí mà khối cộng dùng để tiến hành cuộc chiến tranh chống nhân loại. Nói

một cách cụ thể, chính chủ nghĩa Cộng Sản, hay *ý thức hệ Cộng Sản* đã được dùng làm phương tiện đấu tranh. Nghĩa là các cán bộ Cộng Sản luôn dùng những điều “tốt đẹp, tiến bộ, khoa học” (sic) của thuyết Cộng Sản để chiêu dụ chẳng những giai cấp vô sản, giới nghèo trong cộng đồng nhân loại, mà chiêu dụ tất cả mọi người đi theo họ. Mà quả thật trong một thời gian khá dài không thiếu những nhà trí thức, đại trí thức bị lầm hay bị lừa đi theo, ca tụng, cổ võ cho thuyết Mác-xít. Nhiều nhà duy vật còn cho rằng loài người đã từ lâu bị xiềng xích của tôn giáo kìm hãm, không tiến lên được. Nay thuyết cộng sản chủ trương vô thần, coi tôn giáo là thuốc phiện. Vậy thuyết đó đã giải phóng con người. Duy vật biện chứng của Mác cho nhiều người được tự do tuyệt đối không còn bị ràng buộc bởi sợi dây “luân lý đạo đức cổ hủ” nào. Thay vào đó chỉ có “đạo đức cách mạng” hướng dẫn sinh hoạt xã hội. Thậm chí có người còn dám nghĩ, tất cả mọi sự đều là của chung, thì vợ anh cũng là vợ tôi.

Vô tôn giáo, vô gia đình đi liền với vô tổ quốc. Vì theo ý thức hệ Mác-xít, trong tương lai, khi đã toàn thắng trên toàn cầu, thế giới đại đồng sẽ không cần chính phủ, nhà nước, không còn biên giới quốc gia nữa.

Dĩ nhiên không phải ai cũng tán thành một thế giới đại đồng kiểu đó. Và không thiếu triết gia, các nhà xã hội học lên tiếng phản bác thuyết duy vật vô

thần. Nhưng phải công nhận, trong nhiều thập niên, nó đã được nhiều người tán thành, cổ vũ, quảng bá. Điều được tán thành hoan nghênh nhất trong học thuyết của Mác là tính xã hội của nó: Mác bệnh dân nghèo! Mác kêu gọi vô sản (giai cấp bị bóc lột) toàn thế giới hãy đoàn kết chống tư bản (giai cấp bóc lột).

Nhưng, với tư cách là phương tiện hay vũ khí, ý thức hệ Cộng Sản chỉ là một mặt của chiến tranh ý thức hệ. Mặt khác mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là ý thức hệ nói chung chứ không phải một ý thức hệ cụ thể nào. Ý thức hệ được hiểu một cách chung chung là một hệ thống các ý tưởng. Nhưng trong trường hợp này, vũ khí hay phương tiện chiến tranh ý thức hệ còn có thể là một chuỗi các ý tưởng, dù có thành hệ thống hay không. Tuyên truyền chính trị hay vận động quần chúng chính là một thứ vũ khí chủ soái sử dụng các ý tưởng để đấu tranh hay tiến hành chiến tranh. Tuyên truyền hiểu theo nghĩa rộng nhất còn bao gồm chiến tranh tâm lý, chiến tranh cân não với mưu trí không giới hạn của các chiến lược gia.

Để tóm tắt phần I vào một câu, ta có thể nói: Ý thức hệ CS chẳng những là nguồn gốc, nguyên nhân đồng thời là cứu cánh của chiến tranh ý thức hệ, mà còn là phương tiện, là vũ khí dùng trong cuộc chiến.

Phần II: Ba giai đoạn chiến lược chính

Để giải thích thêm về định nghĩa trên, chúng tôi

xin tạm chia cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản ra làm 3 giai đoạn để minh họa bằng một vài sự kiện lịch sử có tính điển hình hay tương đối quan trọng.

2.1 *Giai đoạn 1:* Từ tuyên ngôn Cộng Sản (TNCS, đầu năm 1848) đến khi Lê-nin thành lập Quốc Tế III hay Quốc Tế Cộng Sản (Komintern, tháng 3, 1919).

Điều quan trọng nhất trong TNCS là đả phá quyền tư hữu. Mác và Engels cho rằng quyền tư hữu là nguồn gốc và căn nguyên của chế độ tư bản, một chế độ bóc lột.

Điều quan trọng thứ hai là nó gọi tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ tầng lớp bị bóc lột không dám đứng lên tranh đấu cho quyền lợi của mình.

Tuyên Ngôn CS kêu gọi tất cả những người lao động bị áp bức hãy vùng lên (đánh đổ giai cấp bóc lột).

Vì không suy nghĩ nhiều, và chưa có kinh nghiệm thực tiễn về những điều trên, nên ban đầu giới nghèo, giai cấp vô sản hân hoan hưởng ứng TNCS. Nhiều chính khách, học giả, nhất là một số nhà xã hội học cũng tán thưởng. Họ coi học thuyết của Mác như một phát minh có thể làm thay đổi bộ mặt thế giới.

Nhưng không thiếu những nhà tư tưởng, và nhất là lãnh tụ tôn giáo sớm nhận ra cái sai và coi học thuyết này là mối nguy cho xã hội.

Vậy là một cuộc đối đầu, xung đột về mặt tư tưởng, mặt lý thuyết đã thành hình. Chiến tranh ý thức hệ khai mào. Tuy nhiên lúc ấy chưa ai ý thức được đó là một cuộc chiến.

Trong số những người lên tiếng cảnh tỉnh nhân loại về hiểm họa CS ngay từ khi bản TNCS còn phôi thai là Giáo Hoàng Piô IX. (Xin xem lại cước chú 5.)

Sau đó ít lâu là Eugene von Bohm Bawerk đã viết nhiều sách phản bác những chủ đề chính yếu trong học thuyết Mác-xít. (Vẫn cước chú 5.)

Quốc Tế I bắt nguồn từ biến cố nước Nga đàn áp tàn bạo cuộc nổi dậy của công nhân Ba Lan, đầu năm 1863. Một số nhà xã hội thuộc nhiều xu hướng khác nhau từ Pháp, Ý, Đức, Bỉ sang Anh (một nước phát triển nhất về thương mại và công nghiệp lúc ấy), để cùng với những nhà xã hội học và công nhân Anh lập ra *Hội Công Nhân Quốc Tế* để bênh vực quyền lợi của công nhân trên thế giới. Họ họp nhau ở đại sảnh Thánh Martin, Luân Đôn. Chủ tọa là Edward Spencer Beesly. Tên của Mác ở cuối sổ. Nhưng dần dần Mác đã nổi bật lên và lãnh đạo tổ chức. Chính ông đã đọc diễn văn khai mạc Quốc Tế I vào ngày 27-10-1864. Tại đại hội I ở Genève (1866). QT1 đã đạt được thành tích là đưa vào chương trình đòi cho công nhân quyền được làm việc 8 giờ mỗi ngày.

Công Xã Paris (18-3-1871) thất bại ê chề đã làm giảm giá trị của ý thức hệ CS, mặc dù trong số những người chủ xướng và điều khiển nó cũng chỉ có một thiểu số là đồ đệ của Mác. Hơn nữa ngay từ đầu QT1 đã không có một cơ sở lý luận và đường lối thống nhất nên chẳng bao lâu sự chia rẽ trầm trọng giữa phe (vô chính phủ) của Bakunin và phe của Mác

đã đưa đến sự giải tán QT1: Nhóm Bakunin (người Nga) muốn thách đố quyền lãnh đạo của Mác, khiến phe của Mác và Engels phải rời trụ sở sang Nữu Ước, rồi giải tán ở Philadelphia vào năm 1876. QT1 chỉ sống được 12 năm.

Sau khi Mác mất (1883) được 6 năm, các đồ đệ ông thành lập tại Paris một *liên minh quốc tế các đảng xã hội* thường được gọi là Quốc Tế II. Trụ sở đặt tại Brussels, thủ đô Bỉ. Đại hội Paris này gồm đại biểu giai cấp công nhân của 20 quốc gia. QT2 được thành lập trên nguyên tắc đã được vạch ra từ QT1. Nhưng đã thoát khỏi ảnh hưởng trực tiếp của Mác (đã qua đời).

Xuống xuất là đảng Dân Chủ Xã Hội (DCXH) Bỉ được sự hưởng ứng của các đảng DCXH Đức, Thụy Sĩ, rồi đảng Công Nhân Pháp... Hầu như nước nào ở Âu Châu cũng có một chi nhánh QT2. Như vậy từ QT1 đến QT2 đã có tiến bộ rõ rệt là thành viên thường là các đảng chính trị, có chủ trương đường lối chung. Tại mỗi nước thành viên đều có lập những công đoàn để ra tranh cử với các đảng cầm quyền. Qua các công đoàn này giai cấp công nhân đã tích cực tham gia vào những hoạt động chính trị được hướng dẫn. Nhưng dấu sao QT2 cũng chỉ nhắm những mục tiêu có tính cách giới hạn trong phạm vi xã hội, bằng các phương pháp ôn hòa. Phải đến QT3 cuộc đấu tranh mới quyết liệt hơn. Trong số các thành tích của QT2 các người CS thường nêu việc lấy ngày 1 tháng

5 làm ngày Quốc Tế Lao Động. Lê-nin trở thành một thành viên trong ban lãnh đạo QT2 vào năm 1905. Quốc Tế II giải tán năm 1916 vì những bất đồng của các đảng thành viên đối với Thế Chiến I.

Hai Quốc Tế này là hai thời kỳ đấu tranh vẫn trong cuộc chiến ý thức hệ, nằm trong giai đoạn đầu, thực ra không đạt được thành tích gì đáng kể về mặt chính trị. Nhưng về mặt xã hội nó cũng khiến các xí nghiệp và công ty lớn thay đổi thái độ đối với công nhân và đưa ra được một vài cải tổ tiến bộ. Chính những thay đổi và cải cách đó lại đã chứng minh tư bản không gãy chết như Mác khẳng định. Theo Mác, căn cứ vào luật tất yếu của lịch sử giai cấp đấu tranh thì thế nào “chế độ tư bản” cũng bị hủy diệt.

Hai biến cố quan trọng trong giai đoạn này là cuộc “cách mạng ở Pháp – gọi là Công Xã Paris (1871) – đã bị thất bại và sự ra đời của tác phẩm trứ danh *Tư Bản Luận* (*Das Capital*, 1867) của Mác.

Tóm lại trong giai đoạn 1, ý thức hệ CS chưa thực hiện được điều gì quan trọng khiến nền tự do của Con Người bị đe dọa. Trái lại có nơi có lúc nó đã gián tiếp giúp cải thiện được phần nào cuộc sống và bênh vực quyền lợi của giới lao động.

Dấu sao qua bài diễn văn khai mạc QT1 Mác đã cổ vũ và kêu gọi giai cấp công nhân hãy tranh đấu để nắm được quyền lực chính trị. Nghĩa là cụ thể hóa lời kêu gọi của TNCS. Kết thúc bài diễn văn vẫn là “Vô sản các nước hãy đoàn kết lại.”

2.2 *Giai đoạn 2*: Từ Quốc Tế III hay Quốc Tế CS đến cuối Thế Chiến II.

Đây là giai đoạn chủ nghĩa Cộng Sản lan tràn khắp thế giới qua một loạt những đảng Cộng Sản được điều khiển và kiểm soát chặt chẽ bởi cái gọi là Quốc Tế III, hay Quốc Tế Cộng Sản (Komintern). Khi Lê-nin với đảng Bolshevik (đa số) thành công trong việc cướp chính quyền từ nhóm Menshevik (thiểu số) vào ngày 7-11- 1917, thường được họ gọi là Cách Mạng Tháng 10 (theo lịch Nga), thì phong trào Cộng Sản bùng lên khắp thế giới. Các quốc gia nhược tiểu, nhất là những nước bị trị nhìn vào đó để tìm ra những phương lược đấu tranh giành chính quyền. Nhiều đảng CS mới được thành lập và số đảng viên tăng rất nhanh.

Chúng tôi vừa dùng cụm từ “cướp chính quyền” để nói về cái mà các tài liệu CS gọi là Cách Mạng Tháng Mười. Vì thực ra cuộc cách mạng của nhân dân Nga nhằm lật đổ vua Nicolas II là vị vua cuối cùng của triều đại Romanov đã xảy ra vào tháng 2 năm 1917. Sau cuộc Cách Mạng này, nhóm Mensheviks (đối lập với nhóm Bolsheviks của Lê-nin) đã thành lập một chính phủ lâm thời do Alexander Kerensky làm thủ tướng và ấn định cuộc bầu cử vào năm 1918. Nhưng Lê-nin thấy không có hy vọng gì thắng trong cuộc bầu cử đó, nên đã làm đảo chính lật Kerensky. Tiếc rằng cuộc đảo chính ấy đã thành công khiến Kerensky phải chạy ra ngoại quốc, rồi mất tại Hoa Kỳ.

Từ đó Lê-nin thiết lập một chính quyền Xô Viết độc tài theo đúng lý thuyết của Mác. Tội ác dã man nhất là vụ tàn sát toàn bộ hoàng gia Nicolas II vào năm 1918, mở đầu những cuộc tàn sát đẫm máu sau này suốt trong thời gian CS cầm quyền tại Nga.

Năm 1919 (tháng 3) Lê-nin tập hợp một số đảng cộng sản và đảng xã hội Âu Châu tại Moscow để thành lập Quốc Tế III cũng gọi là Quốc Tế Cộng Sản (Komintern). Tuy bề ngoài tổ chức này là tổ chức quốc tế với mục đích cách mạng toàn cầu, nhưng thực chất là một cơ quan do các đảng viên Bolshevicks của Nga chi phối điều khiển. Chủ tịch của QT III đầu tiên là Zinoviev, một lãnh tụ Nga Cộng, bạn của Lê-nin. Nhưng trong thực tế là do Lê-nin lãnh đạo. Các đảng CS các nước muốn vào tổ chức này phải chịu 21 điều kiện do Lê-nin đưa ra.

Trong thời gian đầu chế độ Xô Viết tại Nga đã thực hiện công cuộc hợp tác hóa nông, công nghiệp triệt để. Những hợp tác xã nông nghiệp, nông trường tập thể kiểu *Kolkhoze* đã khiến nền kinh tế bị phá sản. Cái gọi là Chính Sách Kinh Tế Mới (New Economy Policy, viết tắt là NEP) được ban hành. Hơn nữa cuộc nội chiến với phái Bạch Nga trong những năm đầu bắt buộc các nhà lãnh đạo Nga Xô phải nói lòng sự kiểm tỏa. Đây là một bước lùi theo sách lược “một bước tiến, hai bước lùi”⁷ của Lê-nin.

⁷ Tác phẩm của Lê-nin viết năm 1904: “Một Bước Tiến, Hai Bước Lùi. Cuộc Khủng Hoảng trong Đảng Ta”.

Khi mới thành lập QT III, Lê-nin đã phái những đảng viên Nga Cộng cổ Dimitri Manuilsky hay Gregory N. Voytinsky sang những nước quan trọng như Pháp hay Trung Hoa để lôi kéo, chuyển hóa các đảng xã hội hoặc đặt những cái nhân cho một đảng Cộng Sản tương lai. Cứ thế, phong trào Cộng Sản do Nga Xô lãnh đạo dần dần xâm lấn vào các nước trên thế giới để mở rộng “đế quốc Liên Xô” sau này.

Trong thời gian từ khi QT III ra đời (1919) cho đến khi bị Stalin giải tán (1943), có 7 đại hội. Bốn đại hội đầu được tổ chức đều đặn mỗi năm một lần. Rồi 2 năm sau mới có đại hội V. Rồi 4 năm sau mới có đại hội VI. Và cuối cùng phải 7 năm sau mới có đại hội VII, cũng là đại hội cuối cùng. Lúc này trên toàn thế giới đã có tới 76 đảng Cộng Sản, với 3,140,000 đảng viên. Sở dĩ càng ngày các đại hội càng thưa. là vì phần lớn những chính sách quan trọng đều do đảng Cộng Sản Nga do Stalin lãnh đạo quyết định. Vai trò của các đảng khác trên thế giới càng ngày càng lu mờ. Đúng ra họ chỉ còn biết ngoan ngoãn tuân thủ những chỉ thị của Liên Xô. Những ai tỏ dấu chống đối như Manabendra N. Roy thuộc đảng Ấn Cộng đều bị khai trừ, dù ông này đã lên đến địa vị ủy viên chính trị của QT III.

Sau khi Hitler lên cầm quyền ở Đức (1933) và tìm cách diệt Cộng Sản thì năm 1935 Stalin đã dẫn dắt đại hội 7 của QT III ra nghị quyết liên minh với các thành phần không phải vô sản, kể cả những thành

phần dân tộc của mọi quốc gia, để tập trung mũi nhọn tấn công vào “Phát Xít Đức”. Đó là lúc Mặt Trận Bình Dân ra đời ở Pháp. Tại Việt Nam, với Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc, chống Phát-xít, những khẩu hiệu sắt máu thời Xô Viết Nghệ Tĩnh tạm gác lại. thái độ chống thực dân Pháp trở nên hòa hoãn.

Nhưng rồi đến năm 1939 Liên Xô lại ký kết một hiệp ước bất tương xâm với Đức Quốc Xã. Sách lược đấu tranh chống các cường quốc Tây Phương lại quay trở lại 180 độ. Cho đến khi vào giữa thế chiến II, khi Liên Xô muốn hòa hoãn với các nước Tây Phương để có được sự ủng hộ chống Phát Xít Đức, thì Stalin bèn cho giải tán luôn Quốc Tế III. Đó lại là một bước lùi nữa theo sách lược Lê-nin (đã chết được 9 năm rồi).

Không hiểu chiến lược sách lược của Lê-nin, đã được vạch sẵn trong *Những Nguyên Lý của Chủ Nghĩa Lê-nin*, thì cho rằng Cộng Sản lúng túng, hay tiền hậu bất nhất, chỉ vì quyền lợi của Liên Xô. Nhưng thực ra mục tiêu cuối cùng, mục tiêu chiến lược số một là xích hóa toàn cầu của Cộng Sản không hề thay đổi. Họ chỉ thay đổi những bước đi sách lược giai đoạn, tùy theo cái mà Stalin gọi là Cao Trào hay Thoái Trào.

Có thể so sánh sự giải tán QT III này với việc Hồ Chí Minh giải tán đảng CS Đông Dương ngày 11-11-1945. Vì cũng như Liên Xô vẫn tiếp tục lãnh đạo các đảng CS thế giới, để rồi 4 năm sau tái lập một tổ chức Cộng Sản Quốc Tế mới không khác gì

QTCS (Komintern) là Phòng Thông Tin Cộng Sản (Kominform), vào năm 1947, ông Hồ cũng tiếp tục điều khiển đảng CS dưới cái tên Hội Nghiên Cứu Mác-xít, để rồi sau đó 6 năm ông lại cho tái lập thành đảng Lao Động.

Trong bình diện Việt Nam cũng như bình diện quốc tế, đó chỉ là một sách lược giai đoạn, trong khi mục tiêu chiến lược toàn bộ vẫn không thay đổi: Bá chủ thế giới. Nhiều người cho rằng bá chủ thế giới dưới quyền của đế quốc Liên Xô. Cũng có lý. Nhưng Liên Xô, dù trong thâm tâm muốn bá chủ thế giới vẫn phải lãnh đạo các đảng Cộng Sản địa phương với chiêu bài thế giới đại đồng của giai cấp vô sản, theo đúng kinh điển Mác-xít. Có thể mới đánh lừa và lôi kéo được các nước hay đảng vệ tinh xả thân dưới sự lãnh đạo của Liên Xô.

Nhìn vào cung cách đảng Cộng Sản Liên Xô hy sinh một số đảng viên CS Đức hay Ba Lan trong thời gian Liên Xô ký kết với Đức, hoặc thời gian giao hảo với Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên, Liên Xô đã bỏ rơi các đồng chí Trung Cộng, nhiều người có thể coi đó là những bằng chứng rằng Liên Xô chỉ nghĩ tới sự bành trướng đế quốc Liên Xô, chứ không vì lý tưởng thế giới đại đồng của giai cấp vô sản. Nhưng nếu nghiên cứu sách lược giai đoạn của Lê-nin theo “cao trào và thoái trào” hoặc tác phẩm *Một Bước Tiến Hai Bước Lùi* thì thấy Lê-nin đã tiên liệu một cách giải thích về những bước đi khi tiến

khi thoái của phong trào CS thế giới. Những đồng chí bị hy sinh hay bỏ rơi có thể lấy làm tự hào vì được hy sinh cho lý tưởng Cộng Sản.

Ngày nay nhìn lại lịch sử Trung Cộng trong hai lần liên minh với Quốc Dân Đảng Trung Hoa các sử gia không thể không than phục đường lối đấu tranh của CS: Bề ngoài giao hảo, nhưng bề trong ngầm hãm hại, đánh phá đối phương. (Xin xem cước chú 1, trang 41 cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản* của Minh Võ. tái bản lần 2 tại Mỹ năm 2007.)

2.3 Giai đoạn 3: Từ cuối Thế Chiến II đến khi Liên Xô tan rã.

Trong giai đoạn 2 ta đã thấy Liên Xô tấn công thế giới tự do bằng các đảng Cộng Sản địa phương, dùng các đảng này như những đầu cầu để tiến chiếm dần dần các lãnh thổ do các chính phủ phi cộng sản cai trị. Nhưng phải cho đến cuối Thế Chiến II âm mưu này mới lộ rõ.

Không kể những xứ tại vùng Baltic như Latvia, Estonia, và Lithuania, bị Liên Xô sát nhập từ 1944, một số các nước Đông Âu khác, trong đó quan trọng nhất là Ba Lan đã bị Liên Xô tráo trở không chịu thi hành đúng đắn những thỏa thuận giữa tam cường tại hội nghị Yalta (đầu tháng 2-1945), là phải để cho các nước này được tự do chọn lựa thể chế chính trị bằng những cuộc bầu cử tự do. Họ dùng các đảng Cộng Sản tại chỗ của những nước đó để biến chúng thành những nước Cộng Sản, dưới sự chi phối của

Liên Xô. Hồng Quân Liên Xô đánh đuổi quân Đức đến đâu coi như Liên Xô có quyền chiếm đóng tới đó. Stalin ngay từ tháng 4 năm 1945 đã nói trắng ra: *“Cuộc chiến này không giống như trong quá khứ. Bất cứ ai chiếm đóng một lãnh thổ nào thì cũng áp đặt trên đó hệ thống xã hội của mình. Quân đội bên nào tiến vào lãnh thổ nước nào, thì áp đặt hệ thống của mình trên lãnh thổ nước đó. Không thể khác được.”*⁸

Hội nghị Yalta là một trận đánh bằng vũ khí phi vũ trang đầu tiên giữa Cộng Sản và thế giới tự do trong giai đoạn 3, trong đó phe tự do đã bị đo ván, và học được bài học về quả lừa của đối phương. Nhiều người quy lỗi cho Tổng Thống Mỹ Franklin D. Roosevelt, đang bị bệnh, chẳng còn sống được bao lâu nữa nên đã mất sáng suốt, để Stalin đánh lừa.

Sau khi Âu châu đã hoàn toàn giải phóng, tam cường Anh Mỹ Nga lại họp tại Potsdam để bàn chuyện chiếm đóng sau thế chiến. Tại hội nghị này Truman thay Roosevelt, Atlee thay Churchill ở đoạn cuối. Phía Liên Xô vẫn Stalin với thái độ gian ngoan để chiếm ưu thế. Lại một vở đầu nữa cho thế giới tự do.

Bù lại, kế hoạch Marshall, công trình của Ngoại Trưởng Đại Tướng George C. Marshall, và Thứ Trưởng Dean G. Acheson (sau thành ngoại trưởng của chính quyền Truman) đã làm cho khối cộng

⁸ Xem *The Real War* của Nixon, NXB Warner Books Inc. NY, 1980, trang 17.

lúng túng. Kế hoạch này nhằm viện trợ tái kiến thiết các nước châu Âu, kể cả các nước trong khối cộng. Nhưng Liên Xô đã thắng thùng từ chối. Có lẽ vì họ biết được thâm ý của người chủ trương là đồng thời cũng nhằm lôi kéo các nước Cộng Sản tách xa khỏi Liên Xô. Ngoại trưởng Nga Molotov gọi kế hoạch này là “Đô La của bọn Đế Quốc”. Thực ra số tiền mà kế hoạch này chi ra từ 1947 đến 1951 đã lên đến gần 13 tỉ Mỹ Kim thời ấy.

Để đương đầu với vũ khí “phi vũ trang này” năm 1949 Liên Xô đã thành lập khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance), tức Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế. Đó là chưa kể năm 1947 họ đã cho tái lập tổ chức Quốc Tế Cộng Sản dưới cái tên nhẹ nhàng hơn là Phòng Thông Tin Cộng Sản (COMINFORM)

Đứng trên bình diện chiến lược sách lược và kỹ thuật chiến tranh ý thức hệ mà nói, thì các hội nghị Yalta, Potsdam, hay kế hoạch Marshall và COMINFORM, COMECON chính là những hình thức đấu tranh, chẳng khác gì những vũ khí tối tân lúc ấy mà hai bên dùng để “oanh kích” nhau.

Nhìn một cách phiến diện thì chỉ thấy kế hoạch Marshall và COMECON là hai tổ chức kinh tế. Nhưng nếu tìm hiểu đến nguồn gốc thì sẽ thấy những tác giả đều nhằm 2 mục tiêu vừa kinh tế vừa chính trị. Kế hoạch Marshall không phải chỉ nhằm mục đích tái thiết Âu châu đã bị tàn phá vì chiến

tranh, mà còn nhằm tranh thủ nhân dân các nước Tây Âu, không để họ bị khối Cộng lung lạc, thu hút. Đó là về mặt thể thủ. Về mặt thể công nó còn nhằm lôi kéo nhân dân các nước Đông Âu, kể cả Liên Xô, hãy từ bỏ thể chế độc tài để có thể nhận viện trợ của các cường quốc Phương Tây, tức cũng là của thế giới tự do.

Về phía khối Cộng, thành lập hội đồng tương trợ kinh tế (COMECON) cũng là để hóa giải sức tấn công của kế hoạch Marshall. Đồng thời lập nên một khối vừa chính trị, vừa quân sự để trả đòn Tây Phương.

Hai năm sau Tổ chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ra đời cũng nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Khối Cộng. Ngoại Trưởng Dean Acheson là người rất tích cực trong việc ngăn chặn làn sóng đỏ. Ông rất hăng hái ủng hộ Đài Loan, và Pháp ở Đông Dương cũng vì mục đích chống cộng.

Khi Trung Hoa Lục Địa bị xích hóa, thì các nước Tây Phương càng nhận rõ mối nguy của Cộng Sản hơn nữa. Cộng Sản đã nhuộm đỏ gần một phần ba thế giới rồi! Những Ngoại Trưởng Dean Acheson và John Foster Dulles, và Tổng Thống Dwight Eisenhower là những người nhìn thấy rõ mối nguy đó. Một loạt các tổ chức liên phòng như CENTO (Trung Đông), SEATO (Đông Nam Á), ANZUS (Úc-Mỹ-Tân Tây Lan) được thành lập. Mục đích: ngăn chặn làn sóng đỏ.

Không những các cường quốc trong Thế Giới Tự

Do đưa ra những biện pháp quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao nhằm ngăn chặn làn sóng đỏ. Siêu cường Mỹ lúc ấy còn áp dụng cả những biện pháp tâm linh vừa có tính siêu hình, vừa phản ánh, ít ra là về một phương diện nào đó, một kỹ thuật tuyên truyền bằng biểu tượng. Chúng tôi muốn nói đến việc (năm 1953) Tổng Thống Dwight Eisenhower ký đạo luật cho in và khắc 4 chữ “IN GOD WE TRUST” trên các tờ Mỹ Kim và các đồng tiền lẻ bằng kim loại. Đó là một cách tuyên xưng Đức Tin, một quyết định tập thể của toàn thể chính quyền, hành pháp cũng như lập pháp. đồng thời của toàn dân Mỹ sử dụng đến vũ khí linh thiêng chống lại tà thuyết vô thần, vô tôn giáo, vào lúc nó tràn lan hầu như súc loài người không ngăn chặn nổi.

Với sức mạnh kinh tế vượt trội của Hoa Kỳ, đồng Mỹ Kim xuất hiện hầu khắp nơi. Các nhà vô thần khi cầm nó trong tay, không thể không nhìn vào 4 chữ trên. Họ như cảm thấy mình bị tấn công không có cách gì né tránh.

Theo thiển kiến, đây là một hình thức chiến tranh ý thức hệ cao siêu mà chỉ có những lãnh tụ sùng đạo như Dwight Eisenhower⁹ hay John Foster Dulles vân vân... mới nghĩ ra.

Dĩ nhiên các cường quốc Tây Phương cũng áp

⁹ Theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, Tổng Thống Eisenhower đã nhận Phép Rửa (Baptism) tại tòa Bạch Ốc.

dụng những biện pháp tự nhiên thông thường khác của con người, trong đó có cả lực lượng vũ trang: Chiến tranh Triều Tiên. Chiến tranh Việt Nam. Sự qua phân lãnh thổ hai quốc gia này.

Cuộc chiến Việt Nam, nhen nhúm từ thập niên 20, khởi sự bộc lộ từ khi Việt Minh cướp chính quyền ngày 19-8-1945. Ở trên đã nói về việc Lê-nin tổ chức cướp chính quyền ở Nga, tự mệnh danh là cách mạng tháng Mười. Hồ Chí Minh cũng dùng kỹ thuật tuyên truyền và vận động quần chúng (Agit-Prop) để cướp chính quyền từ chính phủ Trần Trọng Kim tương tự như vậy. Với một số cán bộ thông thạo về Agit-Prop cỡ Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp (với chỉ một trung đội, gọi là đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân), ông Hồ, tổ sư về nghệ thuật tuyên truyền được coi như nhạc trưởng đại hòa tấu (chef d'orchestre) đã thành công như Lê-nin đã thành công tại Nga.

Cũng tại Việt Nam, miền Nam, thời gian sau hiệp định Genève cho đến tháng 11 năm 1963 là thời gian cuộc chiến mang màu sắc chiến tranh ý thức hệ rõ rệt nhất. Tuy vào giai đoạn chót, (từ cuối 1962) đã bắt đầu có những trận đánh cấp tiểu đoàn, nhưng nói chung cuộc chiến của CS nặng về du kích, phá hoại, ám sát, bắt cóc và tuyên truyền. Còn về phía Việt Nam Cộng Hòa chiến sự nặng về chiến tranh tâm lý, “tố cộng”, tuyên truyền, thuyết phục và chiêu hồi. Công tác quân sự chỉ ở trong phạm vi nhỏ, “bình định”.

Sau khi ông Diệm bị giết, tình hình an ninh nguy kịch, khiến Hoa Kỳ phải đem đại quân vào, (hay người ta giết ông Diệm, để có thể đem đại quân vào), thì về mặt chiến tranh ý thức hệ, cuộc chiến Việt Nam đã mang một sắc thái khác. Hoạt động quân sự từ cả hai phía leo thang. Những trận đánh lớn làm chết hàng ngàn người. Phía CS rất “vui” vì sự hiện diện của những đơn vị tác chiến Mỹ trên chiến trường miền Nam. Toàn khối Cộng yểm trợ Bắc Việt bằng những chiến dịch tuyên truyền rầm rộ rằng Hoa Kỳ xâm lược và hô hào toàn thể giới ủng hộ Bắc Việt, toàn dân Việt Nam hãy đoàn kết diệt “đế quốc” Mỹ. Sau này chẳng những Tổng Thống Nixon của đảng Cộng Hòa, mà cả Tổng Thống Johnson, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara. Thống Tướng Maxwell Taylor của đảng Dân Chủ cũng nhìn nhận đó là lỗi lầm nguy kịch của chính quyền Mỹ, lúc ấy do đảng Dân Chủ lãnh đạo.

Đặc biệt là một số nhà báo Mỹ thiên tả không hiểu thực chất chiến tranh ý thức hệ của CS đã coi phe Hồ Chí Minh có chính nghĩa, (cũng như trước đó họ coi Ngô Đình Diệm chỉ là bù nhìn của Mỹ, quá thua kém HCM, cần phải lật đổ). Họ đã hô hào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh. Mặc nhiên họ đã trở thành những sư đoàn (*Mỗi ngòi bút là một sư đoàn*), những đạo quân nội phản từ trong lòng tổ quốc giao chiến chống tổ quốc, làm lợi cho kẻ thù. Tổng Thống

Nixon trong cuốn *The Real War*¹⁰ đã nhắc lại lời của Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói với Sir Robert Thompson rằng chỉ có báo chí Mỹ mới có thể làm cho thất trận. Ai cũng đã biết đó là những nhà báo như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne..., đã từng hết lời ca tụng Hồ Chí Minh và cũng lớn tiếng mạt sát Ngô Đình Diệm và hô hào phản chiến.

Nếu đã biết Cộng Sản là sự ác, là kẻ thù của nhân loại, thì việc Mỹ đem đại quân vào để chống Cộng là việc chính đáng. Nhưng cần phải có 3 điều kiện:

Thứ nhất, phải bằng các phương tiện truyền thông làm cho nhân dân hai miền Nam Bắc Việt Nam, cũng như nhân dân và các giới chức dân cử Hoa Kỳ thấy rõ lý do của cuộc chiến. Và trong công tác này, báo giới phải giác ngộ trước và phải đi đầu. Chuyện này đã không thể có vì phần lớn báo chí đã bị đầu độc, hoặc không biết rõ về chiến tranh ý thức hệ CS. Nên không thể làm được. Chẳng những thế, họ đã làm ngược lại hoàn toàn.

Thứ hai, phải tôn trọng công pháp quốc tế và giữ đúng thủ tục ngoại giao. Nghĩa là phải có một hiệp ước song phương với chính quyền miền Nam. Điều này đã không có.

Thứ ba, tư lệnh chiến trường phải ban hành kỷ luật nghiêm minh cho quân sĩ giữ đúng tác phong

¹⁰ NXB Warner Books Inc, NY, 1980, trang 21.

của một đoàn quân giải phóng, có chính nghĩa. Phải tôn trọng phong tục tập quán của địa phương. Phải tôn trọng, bảo vệ tài sản, sinh mạng của nhân dân địa phương. Phải phổ biến đến từng người lính của những đơn vị nhỏ nhất để mọi người thấu triệt về lý do chính đáng của cuộc chiến: tự vệ, bảo vệ quyền con người, bảo vệ sự tồn vong của nhân loại..., chứ không phải vì quyền lợi của chính phủ Mỹ. Điều này tuy cũng có nhưng không đủ. Vì thế có một số (tuy không nhiều) sĩ quan Mỹ hống hách, lấn quyền các sĩ quan Việt Nam. Một số đơn vị phạm những lỗi lầm nghiêm trọng liên quan đến sinh mạng nhân dân Việt Nam. Trong số những lỗi lầm đó, vụ Mỹ Lai được khối Cộng khai thác triệt để. Trong khi đó vì không coi trọng tuyên truyền, nên phía VNCH và đồng minh đã bỏ qua hay không khai thác đúng mức những vụ tương tự của Cộng quân. Một khuyết điểm quan trọng nhất trong vấn đề này, là thiếu hẳn một kế hoạch rộng lớn nhằm giải thích cho nhân dân Việt Nam cả hai miền Nam Bắc, cùng nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới thấy rõ mục tiêu chiến lược của Việt Nam Cộng Hòa và phe Đồng Minh chỉ là tự vệ chống lại sự xâm lăng của CS Quốc Tế. Và nhiệm vụ chiến lược này phải do báo chí đảm trách. Tiếc rằng báo chí Mỹ đã chẳng những không làm, mà còn làm ngược lại.

Vì thiếu ba điều kiện đó, nên cuộc chiến tự vệ đáng lý có chính nghĩa lại bị CS dùng tuyên truyền

tinh vi tổ cáo là chiến tranh xâm lược. Tiếc rằng nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới, phần lớn đã tin luận điệu của CS. Cho đến ngày nay sự tin tưởng đó có suy giảm. Nhưng vẫn còn ở mức cao, cản trở mọi nỗ lực chống Cộng, và cổ vũ cho dân chủ tự do trong nước.

Vì sớm nhận ra lỗi lầm to lớn về chiến lược đó, nên Tổng Thống Richard M. Nixon đã bằng mọi giá cố rút chân ra khỏi bãi lầy Việt Nam. Khó khăn lắm. Vì Việt Cộng, được sự ủng hộ của khối Cộng và dư luận hoàn vũ, vừa ngoan cố, giằng co trong hòa đàm, vừa tung hết lực lượng vào chiến trường. Nhưng nhờ có những sáng kiến đáng ngạc nhiên. Nixon đã thành công.

Tuy nhiên phải công nhận, và chính Nixon cũng phải nhận, Mỹ đã thất trận ở Việt Nam. Nói cách khác Mỹ đã thua tại một tiền đồn là Việt Nam.

Nhưng sự kiện gần một triệu người bỏ trốn Cộng Sản, bất chấp mọi hiểm nguy đến tính mạng, đã tạo nên một thứ vũ khí mới cho một chiến trường mới. Thế giới có một cái nhìn rõ hơn về thực chất Cộng Sản. Vẫn trong trang sách nói trên, Tổng Thống Nixon đã viết: *“Ý nghĩa của Thế Chiến III đã được viết lên một cách rõ ràng và hùng hồn trên gương mặt của các thuyền nhân Việt Nam.”*

Chính vì sự kiện “bỏ phiếu bằng chân” này, và vì sức chiến đấu anh dũng bền bỉ của biết bao chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, khiến Bắc Việt tuy thắng nhưng

đã kiệt quệ về mọi mặt không còn đủ sức thừa thắng tiến lên thôn tính các nước lân bang, theo thuyết Đô-mi-nô của Tổng Thống Eisenhower. Chú không phải dự đoán của ông không có cơ sở, như nhiều người nhận định một cách hời hợt.

Từ đó, rút kinh nghiệm Việt Nam, Nixon đã nghiêng hẳn về những chiến lược phi vũ trang nhắm vào chính tổng hành dinh của khối Cộng ở Liên Xô và nhắm vào nước Cộng Sản đông dân nhất là Trung Quốc. Salt II với Liên Xô. Thông Cáo Chung Thượng Hải với Trung Cộng.¹¹ Nhượng bộ Trung Cộng phần nào (vàng, chỉ một phần nào thôi) về vấn đề Đài Loan. Mở đường cho Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc và tiến dần đến việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh. Bề ngoài xem ra là những bước lùi. Nhưng thực chất là những đòn tấn công tài tình về chiến lược lâu dài. Nixon đã tách được Trung Cộng ra khỏi Liên Xô, làm

¹¹ ‘Phải vô cùng can đảm, tự tin và kiên nhẫn mới có thể đạt tới thành quả ngoại giao này bằng một thông cáo chung. Trong khi hai nhà lãnh đạo (Nixon về phía Mỹ và Chu Ân Lai về phía Trung Quốc) cùng nhau đi thăm viếng những danh lam thắng cảnh và kỳ quan của Trung Quốc và trao đổi nhau những yến tiệc linh đình thì hai nhà ngoại giao Henry Kissinger và Kiều Quán Hoa thúc dèm tranh luận với nhau từng từ ngữ của bản thông cáo. Sau đó là phản ứng dữ dội trên khắp thế giới. Không chỉ có Anh Pháp Nhật... bất bình, Nga sừng sốt, mà cả Á Châu lo lắng về hậu quả khôn lường của bản thông cáo. Có lẽ chỉ có Pakistan và Canada mau mắn lên tiếng tán thành. Vì thế có người cho rằng môi giới trong việc này là Pakistan?’

suy yếu khối Cộng, dọn đường cho Ronald Reagan, George Bush (cha) tiếp tục những chiến lược phi vũ trang tương tự liên tiếp tấn công khối cộng cho đến khi Liên Xô và toàn khối Đông Âu sụp đổ, tan rã.

Nixon đã dàn binh bố trận ra sao để mở đường đưa tới chiến thắng? Tác phẩm trứ danh của ông nhan đề 1999, *Chiến Thắng Không Cần Chiến Tranh*,¹² cho thấy một số câu trả lời. Trong tác phẩm này Nixon đã tiên tri rằng sẽ có chiến thắng vào năm 1999. Thực ra đại thắng đã đến trước lời tiên đoán của ông 8 năm. Nhưng lời nói *chiến thắng không cần chiến tranh* thì quá đúng. Trong cuốn sách này ông đã nêu lên ba công tác chiến lược đại quy mô nằm gọn trong 3 động từ: Deter, Competen Negotiate. Răn đe, thi đua, thương thuyết. Cứ việc theo lộ đồ ấy mà đi, những Reagan, Bush (cha) đã hoàn thành sứ mạng mà Nixon trao phó.

Nên nhớ rằng trước khi mở toang thành trì kiên cố cho đối phương tiến vào triệt hạ, lãnh tụ khối Cộng Mikhail Gorbachev đã đi gặp Bush, rồi Giáo Hoàng John Paul II. Sau này chính ông đã nhìn nhận vai trò quyết định của Reagan, Bush và John Paul II trong việc chấm dứt chiến tranh lạnh và tái lập hòa bình thế giới. Giáo Hoàng không có một lực lượng vũ trang nào. Còn Reagan thì không hề phải dùng đến vũ khí “chiến tranh các vì sao”.

¹² 1999 - *Victory without War*. Simon and Schuster, N.Y. 1988.

Cái gì đã khuất phục và biến đổi hoàn toàn con người của Gorbachev khiến ông ta được lãnh giải Nobel Hòa Bình? Đó là chiến lược tài tình về sự sử dụng những vũ khí “phi vũ trang” (trường hợp này chỉ đơn sơ là những cuộc hội đàm hay thương thuyết) trong chiến tranh ý thức hệ. Tuyệt nhiên không cần dùng đến vũ khí nguyên tử, hay hệ thống lá chắn thuộc về cái gọi là chiến tranh giữa các vì sao (Star war). Nhưng những thứ đó chính là chiến lược “răn đe ngăn chặn” (deterrence) của Nixon. Xin hãy nhìn vào sự sụp đổ của Ba Lan, mở đầu cho những sụp đổ dây chuyền, như những quân cờ đô-mi-nô, của các nước cộng sản Đông Âu để thấy rõ điều đó. Chỉ trừ ở Romania, là có những trận đánh tổn thất nặng về nhân mạng.

Xin có một lời cuối về thực chất chiến tranh ý thức hệ. Tuy vũ khí chủ yếu là “phi vũ trang”. Nhưng nó không loại trừ các vũ khí thông thường cổ điển. Bởi vì chiến tranh ý thức hệ CS là một thứ “toàn bộ chiến” theo quan điểm của Karl von Clausewitz rất được Engels và Lê-nin tâm đắc và áp dụng. Cho nên không nên thắc mắc về những trận đánh ở Trung Hoa, Triều Tiên và Việt Nam, cũng như cuộc chiến đẫm máu tiêu diệt tàn dư của chế độ Ceausescu ở Romania, hay các cuộc đàn áp đẫm máu các cuộc nổi dậy lịch sử của nhân dân các nước Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung và Việt Nam tại Praha, Poznan, Budapest và Quỳnh Lưu, v.v.

Dựa vào quan điểm chiến tranh cổ điển, nhiều người nhất định cho rằng những vụ trên chỉ là những điểm nóng tạm thời trong cuộc chiến tranh lạnh, không đáng kể trên bình diện toàn cầu, không cho phép gọi đó là thế chiến 3 được. Phần đông các chiến lược gia theo quan điểm cổ điển đó cho rằng chỉ khi nào xảy ra chiến tranh nguyên tử giữa hai khối Đông và Tây lúc ấy mới gọi là thế chiến 3.

Nhưng theo định nghĩa chiến tranh ý thức hệ mà chúng tôi đã đưa ra ở phần đầu, và theo quan điểm chiến tranh phi vũ trang của Nixon và một số chiến lược gia am hiểu về Cộng Sản. thì đây chính là thế chiến 3. Tám người gọi nó là thế chiến 3 đều cho rằng ***lúc ấy*** CS thắng vì họ biết họ đang ở trong thế chiến 3, còn phía thế giới tự do thì đang thua. vì không biết mình đang lâm chiến hay hưởng hòa bình (trong chiến tranh lạnh!).¹³ Khi Robert Strausz-Hupé nói câu đó là năm 1959. 2 năm sau khi Liên Xô đi trước Mỹ trong việc phóng thành công phi thuyền không gian Sputnik, 5, 6 năm sau khi Cộng Sản đã chiếm được một nửa Triều Tiên, một nửa Việt Nam, và 10 năm sau khi lục địa Trung Hoa bị nhuộm đỏ.

Phần III: Đặc tính của chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản

Theo 4 phần của định nghĩa và 3 giai đoạn của

¹³ Xin xem Ngô Đình Diệm, *Lời Khen Tiếng Chê* của Minh Võ, lần in thứ 3 năm 2002, trang 319 và 334.

chiến tranh ý thức hệ nêu trên, thì cuộc chiến ý thức hệ Cộng Sản có 3 đặc tính sau đây: Toàn cầu, toàn diện và trường kỳ.

3.1 *Tính toàn cầu:* Vì nó xuất phát từ đấu tranh giai cấp. Mà giai cấp thì trên khắp địa cầu, nước nào cũng có. Mác kêu gọi giai cấp vô sản (proletariat), mà tiêu biểu là công nhân, đứng lên đánh đổ giai cấp tư bản, vì cho rằng giai cấp tư bản bóc lột giai cấp vô sản. Nhưng thực ra đối với Mác, và các người Cộng Sản nói chung, mọi giai cấp đều là kẻ thù của vô sản. Trí thức, phú nông, địa chủ, kì hào... đều cần phải đào thải. *Trí Phủ Địa Hào, đào tận gốc, trốc tận rễ.*

Nói công nhân là nói giai cấp chiếm đa số trong các nước công nghiệp cực thịnh như Anh, Mỹ, Pháp, Đức... trong thời đại Mác. Nhưng chủ nghĩa Mác lại được Lê-nin áp dụng thành công (tạm thời) trước tiên tại nước Nga. là nước chưa phát triển về công nghiệp. Đúng ra Nga lúc ấy chỉ là một nước nông nghiệp. Vì vậy những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhất tại Nga, cũng như tại Trung Quốc, và phần lớn các quốc gia Cộng Sản thời ấy là cuộc đấu tranh của bần nông chống địa chủ dưới sự thúc đẩy của các đảng Cộng Sản. Đó là lý do tại Liên Xô, rồi Trung Quốc, rồi Việt Nam đã lần lượt xảy ra những cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu. Nhưng để khỏi bị phê phán là đi ngược đường lối đấu tranh của tổ sư Mác, Lê-nin vẫn đưa ra nguyên tắc giai cấp công nhân là

đội tiền phong. Nhưng phải liên minh với giai cấp
bần nông.¹⁴ Gọi tắt là liên minh công nông.

Ngoài tính giai cấp ra, thuyết Mác-xít còn chủ
trương phá bỏ quyền tư hữu vì cho rằng vì nó mà
nảy sinh chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc mọi tội lỗi
đối với xã hội nói chung, và đặc biệt, đối với giới vô
sản nói riêng. Nhưng thực ra quyền tư hữu là quyền
căn bản của con người. Tạo Hóa tạo dựng con người,
ngay từ sơ khai ai cũng tự cho mình có quyền có của
riêng, trong đó có quyền tự do là quyền tối thượng.
Vì thế chống quyền tư hữu là chống nhân loại khắp
hoàn cầu. Cứ nhìn vào sự thất bại thảm thương của
các hợp tác xã kiểu *Kolkhoze* ở Nga, hợp tác xã vĩ đại
kiểu *công xã nhân dân* ở Trung Quốc, hay các chính
sách hợp tác hóa công nông thương nghiệp, cấp thấp
rồi cấp cao ở Việt Nam thì đủ thấy: đi ngược lại luật
tự nhiên về quyền tư hữu là tai họa.

Tuy có nhiều người bào chữa cho Cộng Sản nói
rằng Cộng Sản chỉ chủ trương công hữu hóa các
phương tiện và tư liệu sản xuất, chứ không chủ
trương xóa bỏ mọi quyền tư hữu. Nhưng đọc Tuyên
Ngôn Cộng Sản, thì thấy không hề có sự phân biệt
hay giới hạn đó. Công hữu hóa các phương tiện sản
xuất là bước đầu sẽ dẫn tới tất cả đều là của chung":
Cộng sản.

Cứ đọc, hay nghe, những lời kêu gọi vô sản thế

¹⁴ Trong chương 43, cuốn Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng
Hợp, chúng tôi đã phân tích vấn đề này. Ở đây xin miễn nhắc lại.

giới hãy đoàn kết lại, hay hãy vùng đứng lên mà từ tổ sư Mác cho đến các lãnh tụ Cộng Sản sau này đều dùng nó để kết thúc Tuyên Ngôn CS, và các diễn văn quan trọng, cũng đủ thấy tính toàn cầu của cuộc chiến.

Hơn nữa chính những tổ chức Cộng Sản đều mang hai từ Quốc Tế. Nghĩa là toàn cầu. Quốc Tế I. Quốc Tế II, Quốc Tế III, và Quốc Tế IV.

Cho đến năm 1935, ở đại hội VII của Quốc Tế III trên toàn thế giới đã có tới 76 đảng cộng sản.¹⁵ Tất cả đều là những mũi nhọn xung kích nhắm vào thành trì các quốc gia sở tại. Hàng loạt các quốc gia bị đe dọa tấn công. Và thực sự tại nhiều quốc gia, những đảng cộng sản đã thành công trong việc đánh chiếm chính quyền, áp đặt chế độ cộng sản (mà họ thường gọi bằng một cụm từ nhẹ nhàng văn vẻ hơn: xã hội chủ nghĩa).¹⁶

Khi Cộng Sản đã chiếm được một phần ba nhân loại rồi, các lý thuyết gia, các học giả và chính khách Mỹ mới nhận ra tính toàn cầu của chiến tranh ý thức hệ cộng sản. Nhiều người bắt đầu gọi đó là Thế Chiến III. hay World War III (WWIII). Nhưng phần

¹⁵ Cho đến năm 1960 thì số các đảng CS trên toàn thế giới đã tăng lên đến 87.

¹⁶ Theo thuyết Mác-xít thì chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ “quá độ”, tức chuyển tiếp, giữa chế độ tư bản và chế độ CS. Chỉ khi nào giai cấp vô sản toàn thắng trên khắp thế giới thì chủ nghĩa CS mới được thành lập.

đồng vẫn không ý thức được tính nghiêm trọng của vấn đề, vẫn dè dặt chỉ gọi đó là chiến tranh lạnh. Lạnh hay nóng, nó là thể chiến thì đáng lý phải gọi đúng tên của nó là Thế Chiến III.

Từ 1998, trong cuốn *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, chúng tôi đã nêu lên những người đầu tiên (ít nhất theo sự hiểu biết của tôi) dùng mấy chữ *thế chiến 3*. Đó là giáo sư Robert Strausz-Hupé cùng với 3 đồng tác giả với ông, và người điểm cuốn sách *Protracted Conflict* (Xung Đột Trường Kỳ) của Strausz-Hupé, là Max Eastman. Tác phẩm xuất bản năm 1959. Bài điểm báo đăng trên *The Reader's Digest* năm 1961. Sau này (đầu tháng 5-1975) nhà văn giải Nobel Alexander Solzhenitsyn đã dùng lại.¹⁷ Và trong cuốn *The Real War* Tổng Thống Richard Nixon cũng trưng dẫn Brian Crozier (tác giả cuốn *Strategy of Survival*, tạm dịch: Chiến Lược Để Sống Còn) cũng nói rằng các chiến lược gia thế giới Tây Phương cú ngỡ thảm họa thế chiến 3 sẽ phải là thế chiến nguyên tử đã chẳng bao giờ xảy ra. Trong khi đó, thực tế thế chiến 3 đang xảy ra trước mũi họ mà không biết.

Một cuộc chiến thực sự đã xảy ra trên bình diện quốc tế. Nó có tính toàn cầu. Vậy không từ nào chính xác hơn để gọi nó: Thế chiến III. Vì không nhìn ra sự thực phũ phàng ấy, nên trong một giai đoạn dài, thế

¹⁷ Trong bài viết về việc Miền Nam mất vào tay CS, đăng trên báo *Le Monde* ở Pháp, ngày 1-5-1975.

giới tự do đã thua. Thua đậm nhất là tại Việt Nam. Chỉ cho đến khi những Nixon sức tỉnh nhận ra tại sao mình thất bại và cố bằng mọi giá rút chân ra khỏi vũng lầy Việt Nam, rồi kêu toáng lên *Đừng Việt Nam Nào Nữa (No More Vietnams)* thì lúc đó tình thế mới đổi chiều.

3.2 Tính toàn diện: Cứ nhìn vào cách CS triển khai và tiến hành chiến tranh ý thức hệ, thì thấy rõ tính toàn diện của nó. Ngoài ra tính toàn diện cũng nằm ngay trong phần 4 của định nghĩa: Chiến tranh bằng ý thức hệ, hay bằng ý niệm. Ý niệm là nguồn gốc của hành động. Mọi sinh hoạt của con người và xã hội đều bắt nguồn từ ý niệm. Nó phản ánh và bao gồm mọi loại sinh hoạt. Hơn nữa về mặt chiến lược, phải công nhận khái niệm chiến tranh toàn bộ (Total War) do Karl von Clausewitz xướng xuất đã được Engels, học trò của ông và Lê-nin, người tán thưởng ông, trân trọng áp dụng. Như vậy chiến tranh của Cộng Sản bao gồm mọi mặt sinh hoạt của xã hội. Chẳng cứ gì quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội, văn hóa mà đặc biệt là tuyên truyền và tình báo v.v... Tất cả mọi thứ đều có thể là vũ khí, mọi lãnh vực đều có thể là mặt trận.

Tuy nhiên tưởng cũng nên nhấn mạnh về một vài khía cạnh được các chiến lược gia Cộng Sản đặc biệt quan tâm áp dụng. Như đã nói trong phần 4 của định nghĩa, chiến tranh ý thức hệ là cuộc chiến bằng ý thức hệ.

Tuyên truyền, do đó, có thể được coi là vũ khí chủ lực. Hồ Chí Minh đã từng là ủy viên tuyên truyền của Quốc Tế III. Ông đã nhận chỉ thị của Quốc Tế III lập nhiều trường tuyên truyền tại Hoa Nam và vùng Đông Nam Á. Trong chính phủ đầu tiên của ông ta có bộ tuyên truyền do Trần Huy Liệu cầm đầu. Đơn vị “tác chiến đầu tiên ông lập và giao cho Võ Nguyên Giáp chỉ huy có cái tên rất đặc biệt: “*Đội Vũ Trang Tuyên Truyền Giải Phóng Quân*”. Nó chỉ là một trung đội nhỏ bé, nhưng vô cùng quan trọng về mặt chiến lược. Từ đó, một trung đội trưởng tầm thường, họ Võ đã trở thành đại tướng tổng tư lệnh lực lượng vũ trang toàn quốc. Như vậy, về một khía cạnh nào đó, cuộc chiến chủ yếu là chiến tranh tuyên truyền. Ở đây hai chữ tuyên truyền biểu hiện thực chất của toàn bộ cuộc chiến ý thức hệ.

Chúng tôi nêu trường hợp Việt Nam cho dễ thấy, dễ nhớ. Những trong phạm vi quốc tế tuyên truyền cũng đóng vai trò then chốt về chiến lược. Tuyên truyền thay cho vũ khí có lý do của nó. Trước hết ban đầu lực lượng vô sản thế giới, dưới sự lãnh đạo của một số trí thức như Mác và Engels, Lê-nin, còn nghèo, so với kẻ địch. Tục ngữ có câu: Khỏe dùng sức, yếu dùng chước. Lời nói không mất tiền mua, có thể biến thành vũ khí lợi hại. Đại gì không khai thác tối đa. Hơn nữa dùng ý và lời thay cho vũ khí còn có cái lợi là đối phương không biết được công dụng lợi hại của nó. Đối phương sẽ dễ bị đánh bại

mà không biết. Trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*, chúng tôi đã để hẳn một chương để nói về tuyên truyền của CS. Và trong *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* chúng tôi đã để một phần ba của chương 43 để nhắc lại, với những phân tích mới.

Tình báo. Người cộng sản có chủ trương mỗi đảng viên là một cán bộ tuyên truyền và tình báo. Mỗi đảng viên đều có một bí danh, để che dấu căn cước thực của mình. Ông Hồ có đến cả trăm vừa bí danh vừa bút danh vừa tên giả. Sự trạng đó nói lên xu hướng tình báo mạnh mẽ trong chiến tranh ý thức hệ CS. Bởi vì muốn làm một cán bộ tình báo (hay điệp viên) phải có bí danh, phải có vỏ bọc, phải có hộp thư sống, hộp thư chết, mực chìm... Phải tuyệt đối dấu căn cước thật của mình.

Tình báo chẳng những quan trọng trong chiến tranh quân sự. Nó còn quan trọng hơn trong chiến tranh ý thức hệ. Nó có thể tấn công vào mọi lãnh vực. Cán bộ tình báo CS thường kiêm nhiệm luôn công tác tuyên truyền và phản tuyên truyền. Trong chiến tranh Việt Nam hãy lấy trường hợp Phạm Xuân Ẩn làm ví dụ điển hình. Không biết bao nhiêu tin tình báo về bí mật quốc phòng bị tiết lộ. Không biết bao nhiêu tai hại về tuyên truyền, qua những thông tin sai lạc được cung cấp cho truyền thông Mỹ, qua những câu chuyện rở tai, tin đồn thất thiệt bất lợi cho phe quốc gia.

Chiến tranh nhân dân: Theo lý thuyết Mác-xít,

giai cấp công nhận, giai cấp vô sản là đạo tiên phong. Nhưng trong thực tế các nhà lãnh đạo cộng sản luôn dùng từ nhân dân để tăng cường lực lượng. Trong các cuộc chiến tranh gọi là chống thực dân đế quốc hay các chính phủ hợp pháp địa phương, cán bộ cộng sản luôn dùng chiêu bài yêu nước, dân tộc để tập hợp càng đông “nhân dân” càng tốt. Cuộc chiến được mệnh danh là chiến tranh nhân dân. Quân đội được gọi là quân đội nhân dân. Từ đó mọi người dân đều đương nhiên tự động biến thành lính. Đã là lính thì phải chịu kỷ luật theo lính. Kỷ luật nhà binh. Thêm vào đó tận dụng khẩu hiệu “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh”, cộng quân gồm đủ mọi thành phần nam phụ lão ấu. Trên chiến trường biết bao xác chết thiếu nhi 14, 15 tuổi phơi bày la liệt!

Nhìn vào thực tế, *chiến tranh nhân dân* chỉ có nghĩa lừa dân ra chết thay cho đảng.

Đã là chiến tranh nhân dân thì mọi tầng lớp nhân dân, văn nghệ sĩ, trí thức đều phải vào khuôn vào phép. Báo chí phải phục vụ chính trị, phục vụ chiến tranh, phục vụ đảng lãnh đạo. Vi phạm, sẽ bị kỷ luật sắt nhà binh trừng trị. Những ai không ra chiến trường, đều phải gia nhập các đoàn thể gọi là đoàn thể “cứu quốc”. Nhi Đồng Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu Quốc, Bô Lão Cứu Quốc, Thanh Niên Cứu Quốc, Công Giáo Cứu Quốc, Phật Giáo Cứu Quốc v.v...

Toàn bộ lực lượng nhân dân đó được đoàn ngũ

hóa để phục vụ chiến tranh trên mọi mặt trận: kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, xã hội, tôn giáo...

Trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản* chúng tôi đã dành hai chương nêu một số sách lược điển hình của CS dùng trong chiến tranh ý thức hệ, như các sách lược mặt trận, hòa bình, liên hiệp, trung lập và những kỹ thuật tình báo, tuyên truyền, xâm nhập, khủng bố, phá hoại v.v... Tất cả đều nói lên tính đa dạng và toàn diện của chiến tranh ý thức hệ.

Khi đã nhận ra tính toàn diện của thế chiến III, thì sẽ thấy tất cả các hội nghị quốc tế, các hiệp ước đa phương, song phương giữa các quốc gia thuộc hai phe đối nghịch đều là những trận đánh, hay những mặt trận. Chỉ nêu một số tượng trưng như các hội nghị và hiệp ước, hiệp định Yalta. Potsdam, Genève về Triều Tiên, Genève về Việt Nam, rồi Genève về Ai Lao, hiệp ước Salt II, Thông Cáo Chung Thượng Hải, hay hội nghị Băng-đung (Bandung) và sự thành hình khối các quốc gia không liên kết, hội nghị Vienna giữa 2K...¹⁸ Tất cả đều không chỉ thuần túy chính trị hay ngoại giao. Chắc chắn đó là những trận đồ với mục đích tấn công hay phòng thủ, hay thoái lui của một trong hai bên đối kháng. Thành công của Khối

¹⁸ Hội nghị Thượng Hải giữa Nixon và Chu Ân Lai năm 1972. Hội nghị Băng-đung giữa Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia, Ai Cập, Nam Tư năm 1955. Hội nghị 2K tại Vienna giữa Tổng Thống Kennedy và Bí Thư Thứ Nhất Khrushchev năm 1960.

Cộng là thất bại của Thế Giới Tự Do và ngược lại. Có những trận năm ăn, năm thua. Thì cũng có những trận không có bên nào toàn thắng, và những trận cả hai bên đều chiến bại. Phân tích từng sự kiện đòi có một tác phẩm lớn. Xin hãy coi như tạm đủ rõ về tính toàn diện của chiến tranh ý thức hệ CS.

3.3 Tính trường kỳ. Mác dạy rằng, theo định luật tất yếu của duy vật lịch sử thì thế nào cũng sẽ đến lúc chế độ tư bản cáo chung, để nhường chỗ cho chế độ Cộng Sản... Nhưng để thúc đẩy tiến trình lịch sử cho sớm xảy ra, giai cấp vô sản phải kiên trì đấu tranh. Bao lâu chế độ tư bản còn, bấy lâu còn phải tranh đấu. Vì thế cuộc chiến tranh ý thức hệ CS mang tính trường kỳ.

Nikita Khrushchev đã từng lớn tiếng: *“Đời vẫn lắm. Tôi ước mong chóng đến ngày lá cờ đỏ bay phấp phới khắp năm châu.”* Nhưng sau khi ông ta chết được 27 năm thì lá cờ đỏ trên nóc điện Cẩm Linh, tổng hành dinh của khối Cộng đã không còn phấp phới nữa. Và cờ búa liềm đỏ chói ở các thủ phủ của tất cả các nước Cộng Sản Đông Âu cũng bị hạ xuống. Nói chi đến phấp phới khắp năm châu.

Nhưng cuộc chiến tranh ý thức hệ vẫn còn tiếp diễn ở những nước Cộng sản còn lại như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba... Mới đây trong tháng 11 năm 2007 này Nông Đức Mạnh, lãnh tụ Việt Cộng vẫn còn nhắc đến “chiến công lấy lòng” của cách mạng tháng mười Nga, coi như chuyện cờ

đỏ vẫn còn hy vọng phấp phới khắp năm châu. Ai bảo cuộc chiến đã chấm dứt? Ai dám phủ nhận tính trường kỳ của thế chiến 3, ít nhất trong đầu, hay trên môi những người Cộng Sản Việt?

Dĩ nhiên, sau khi chiếm trọn miền Nam, và sau một thập kỷ áp dụng chính sách của Cộng Sản, thấy cả nước *ngắc ngoai* (chữ của tướng Cộng Sản Trần Độ), cần phải *đổi mới hay là chết* (cũng chữ của Trần Độ), đại hội VI (1986) của cộng đảng đã phải bỏ chính sách cũ, bắt đắ dĩ cho áp dụng kinh tế thị trường của tư bản. Nhưng theo chiến lược, sách lược đấu tranh của CS, thì họ coi đây chỉ là một bước lùi, một bước ngoặt, đi theo đường vòng. Chú không phải sự đầu hàng như có người nghĩ. Một thập niên sau, họ bắt tay với Mỹ, kẻ thù cũ. Nhưng chuyện này có lẽ, trong đầu họ, họ vẫn coi như một bước lùi nữa. Hai bước lùi, để mở đường cho một bước tiến, theo lời của chính Lê-nin. Chúng tôi cũng xin lưu ý là cái đặc tính trường kỳ của chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản nó đặc biệt đến nỗi đúng ra phải gọi là dai dẳng lì lợm. Cà cuống chết đến đít hầy còn cay. Bằng mọi cách phải cố bấu víu mọi thứ để tồn tại. Không thể coi thường được. Những ai đã có kinh nghiệm với Cộng sản, đã từng tranh luận với họ chắc cũng đồng ý như thế. Cũng vì thế xin đừng có ảo vọng rằng Cộng Sản Đông Âu đã sụp đổ thì Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ sụp đổ nay mai. Nhiều người đã từng nói: Đối với Việt Cộng chỉ có đánh. Không có cách

nào khác. Nhưng lúc này ai dám nghĩ đến đánh? Vậy thì làm sao? Chúng tôi hy vọng các tổ chức đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền sẽ có những sáng kiến thích đáng về chiến lược và sách lược đấu tranh trong giai đoạn cam go này của cuộc chiến ý thức hệ này còn dai dẳng với tính trường kỳ của nó.

Chúng tôi nói cam go, vì hiện nay Việt Cộng đang chơi trò đi dây giữa Trung Cộng và Mỹ, và bên ngoài xem ra được sự ủng hộ và tiếp tay từ cả hai phía, mặc dù bên trong họ cũng biết mình bị cả hai lợi dụng như một lá bài để chơi nhau.

Chúng tôi cũng hy vọng rằng các tổ chức, đảng phái ở hải ngoại có đủ nhân sự và phương tiện tài chính cũng như khả năng theo dõi sát tình hình trong nước và thế giới để có thể đưa ra một đường lối đấu tranh toàn diện hữu hiệu hầu sớm đem lại kết quả.

Ở đây, hoàn cảnh và khả năng không cho phép chúng tôi bàn đến những vấn đề rộng lớn ấy. Chỉ xin đưa ra một vài ý kiến cá nhân hầu đóng góp phần bé nhỏ nhất vào việc chung.

IV. Định đề (Postulat, postulate)

“Ý thức hệ Cộng Sản (Mác-xít) là không tưởng, sai trái, xấu xa, tệ hại và là tai họa của loài người”. Tổng Thống Mỹ Ronald Reagan tóm gọn trong từ “sự ác” (evil).

Đến nay đại đa số các nhà lãnh đạo quốc gia kể

cả các cựu đảng viên, cựu lãnh tụ Cộng Sản trên thế giới đều tin như thế. Nếu còn có ai không tin thì xin hãy coi lời khẳng định trên như một định đề, khỏi cần chứng minh. Cũng tương tự như, trong hình học, định đề Euclid về sự hiện hữu của một đường thẳng duy nhất từ hai điểm trên một mặt phẳng vậy. Xin hãy miễn thứ cho tôi cái tội nhảy cẳng từ chính trị sang toán học. Đây chỉ là một hình ảnh dùng làm ví dụ có tính suy loại mà thôi.

Thực ra từ khi ra đời, ý thức hệ Mác-xít đã bị các nhà tư tưởng, và xã hội học phản bác rồi. Thực tế về cách thức nó thể hiện trên nước Nga cũng cho thấy nó tệ hại và là nguồn mọi sự xấu xa. Nhiều nhà văn nhà báo tên tuổi từng thích nó, ca ngợi nó nhưng sau khi nhìn vào thực tế đã quay ra tố cáo và lên án nó. Trong số đó đáng kể là những André , Louis Fisher. Stephen Spender. Arthur Koestler, Richard Wright, Victor Kravchenko... Và đặc biệt là cả những cựu cán bộ cao cấp nhất của cộng đảng Ý như Ignazio Silone, của cộng đảng Nam Tư như Milovan Djilas vân vân cũng nặng lời kết án nó. Đó là chưa kể đến những nhân vật giải Nobel Nga lẫy lừng như Andrei Dimitrievich Sakharov, Alexander Solzhenitsyn sau này.

Hơn nữa thực tế phũ phàng là ý thức hệ đó đã hoàn toàn phá sản khi chế độ chính trị theo khuôn mẫu và mô hình ý thức hệ Mác-xít đã sụp đổ ngay từ cái nôi của nó là Liên Xô. Thực tế đó cũng chứng

minh hùng hồn rằng nó sai, xấu, tệ hại và vô dụng, nên đã bị đào thải.

Gần đây nghị quyết số 1481 ra ngày 27-1-2006 của Cộng Đồng Âu Châu gồm 46 nước thuộc Tây Âu, Đông Âu và Trung Âu đã lên án chủ nghĩa Cộng Sản, và các chế độ Cộng Sản trên khắp thế giới..

Ngày 12-6-2007 tại Hoa Thịnh Đốn một đài tưởng niệm trên 100 triệu nạn nhân Cộng Sản trên khắp thế giới mới được khánh thành. Và trước đó nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới, nhiều học giả đã tổng kê con số từ 100 đến 146 triệu người bị giết bởi Cộng Sản. Bằng 4 hay 5 lần số tử vong do Đức Quốc Xã gây ra trong thế chiến II. Những sự kiện ấy đủ nói lên cái xấu xa, độc ác của chủ nghĩa Cộng Sản. Tưởng không cần phải chứng minh thêm.

Còn đối với những người CS cuồng tín thì có viết cả một bộ sách ôn lại tất cả mọi biến cố tư tưởng, xã hội, chính trị, chiến tranh, tranh chấp ngoại giao vân vân giống như một bộ lịch sử thế chiến III, cũng khó lòng làm họ thức tỉnh.

Đã là định đề thì có thể có một số người không chấp nhận và họ có thể tạo thành một hệ thống lý luận khác để bào chữa cho ý thức hệ Mác-xít. Nhưng vấn đề là liệu có ai trong số họ đủ sức đưa ra một định đề đối nghịch trong lúc này hay không.

Tóm lại chúng tôi xin những ai chấp nhận định đề chúng tôi đưa ra hãy tiếp tục theo dõi những lập luận kế tiếp về tác hại của ý thức hệ Cộng Sản và

cách ngăn chặn, đánh phá và hủy diệt cái đại họa của nhân loại này, còn rơi rớt lại ở Việt Nam.

Khi đã chấp nhận định đề Cộng Sản là sự ác và tai họa của nhân loại rồi, thì đương nhiên phải chấp nhận cuộc phản kháng của nhân loại chống ý thức hệ CS là chính đáng và là nhiệm vụ cao quý. Tất cả những cá nhân hay đoàn thể, quốc gia tham chiến chống Cộng đều là đồng minh, dù trong những tổ chức, quốc gia ấy có những phần tử tham chiến vì lý do thực dân chăng nữa.

Đến nay đã rõ lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam Hồ Chí Minh là đảng viên sáng lập đảng CS Pháp. Sau đó ông đã là ủy viên trung ương Quốc Tế Cộng Sản (Quốc Tế Nông Dân, Krestintern). Được tổ chức này giao nhiệm vụ truyền bá ý thức hệ CS tại Hoa Nam và Đông Nam Á. Chính ông ta đại diện Quốc Tế CS thống nhất các phe phái CS ở Đông Dương để thành lập Đông Dương CS đảng. Từ đó cho đến nay vẫn cái đảng đó tung hoành thực thi đường lối chính sách của Quốc Tế III, cướp chính quyền từ tay những người yêu nước, mở cuộc chiến nhằm tiêu diệt các phần tử Quốc Gia.

Các phần tử Quốc Gia đã kháng chiến chống Cộng từ đầu và đã được Pháp Quốc tiếp tay chống Cộng Sản, với kinh viện, quân viện của Hoa Kỳ. Sau đó nhiều quốc gia khác như Thái Lan, Phi Luật Tân, Hàn Quốc, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi v.v... cũng đã gửi quân tới cùng chống sự xâm lăng của Cộng quân. Vì cộng quân

được sự viện trợ dồi dào hơn về mọi mặt của Quốc Tế Cộng Sản, nhất là của Liên Xô và Trung Cộng.

Khi đã đồng ý với những tiền đề trên thì tất cả những ai cùng với các phần tử dân tộc Việt Nam chống Việt Minh Cộng Sản đều có chính nghĩa. Chính Cộng Sản mới chống dân tộc Việt Nam, cũng như chống toàn thể nhân loại. Vì họ chiến đấu cho một chủ nghĩa không tưởng, một thế giới đại đồng ảo. Nhất là họ hy sinh hàng triệu người Việt cho những cái ảo tưởng đó.

Trong cuộc chiến Việt Nam phe Quốc Gia thất bại. Cộng Sản chiếm một nửa nước năm 1954, rồi 1975 chiếm cả nước. Thế giới tự do đã thua vì có nhiều phần tử tả phái, trong đó có nhiều ký giả Mỹ thân cộng không hiểu ý nghĩa của cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu. đã ca tụng Hồ Chí Minh là nhà ái quốc, là anh hùng dân tộc, lên án chính phủ Mỹ ủng hộ các chính quyền miền Nam, gây nên làn sóng phản chiến dữ dội. Hàng trăm ngàn, rồi cả triệu người biểu tình tại nhiều nơi trên đất Mỹ. Tình hình ấy đã ảnh hưởng tới dư luận thế giới. Ngay cả Vatican (Giáo Hoàng Phao-lô VI) cũng lên tiếng bênh vực Việt Cộng (mà cứ tưởng vì hòa bình và công lý!). Điều đó khiến chính phủ Mỹ (chống cộng điều hâu như Nixon) cũng đành bó tay trước áp lực của dư luận, mặc dù có bom nguyên tử... Áp lực của dư luận chính là thứ vũ khí quyết định sự thành bại của chiến tranh ý thức hệ.

Nhưng nếu nhìn cuộc chiến ý thức hệ là một cuộc chiến tranh toàn cầu, theo định nghĩa nêu trên, thì Việt Nam chỉ là một đồn nhỏ, tuy có thể gọi là tiền đồn của bên này cũng như bên kia. Thua ở một đồn nhỏ, dù là tiền đồn, để rồi rút kinh nghiệm đổi chiến lược, chiến thuật hòng mười mấy năm sau toàn thắng trên trận địa toàn cầu. Thì cái thua đó đối với cả thế giới không đáng gì. Nó còn mở đầu cho đại thắng. Chỉ có nhân dân Việt Nam đã tranh đấu can trường trong chiến thuật, mà lại bị thất bại nhục nhã trong chiến lược. Đó là sự thiệt thòi quá to lớn đối với dân tộc Việt Nam. Nhưng chính kinh nghiệm thất bại của chiến tranh Việt Nam đã góp phần cho chiến thắng của thế giới đối với toàn khối Cộng ở Đông Âu và Liên Xô. Chính những cuộc bỏ phiếu bằng chân năm 1954, rồi 1975 đã góp phần không nhỏ nữa vào việc cảnh giác dư luận hoàn cầu về hiểm họa CS. Vậy phía Quốc Gia không có gì phải hổ thẹn đối với sự thất trận năm 1975.

Riêng dân tộc Mỹ, theo thiện ý, nên biết ơn và hãnh diện về vị tổng thống tài ba của mình là Richard Nixon. Chính ông đã can đảm, sáng suốt và tài tình rút chân ra được khỏi bãi lầy Việt Nam. Sau đó rút kinh nghiệm về chiến tranh ý thức hệ ở mặt trận này, để tiến hành một chiến lược hoàn toàn sáng tạo: thương thuyết với các đàn anh và bậc thầy của Việt Cộng là Liên Xô và Trung Cộng. Từ đó ông mở đường đưa tới chiến thắng chung cuộc vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90.

Chính Nixon cũng đã gọi cuộc chiến ý thức hệ giữa CS và Thế Giới Tự Do là *Thế Chiến Thứ Ba* (WWIII). Và ông đã tiên đoán chiến thắng mà không cần chiến tranh. Và thực tế đã chứng minh lời tiên đoán của ông là đúng. Nếu nhìn vào sự sụp đổ của Ba Lan mở đầu cho sự sụp đổ của một lượt các nước Đông Âu thì ta phải thấy Nixon quả là nhà tiên tri. Vì Mỹ không phải có chiến tranh (vũ trang) với khối Cộng ở Đông Âu mà đã toàn thắng, trước thời gian tiên đoán của ông 8 năm.

V. Yêu cầu:

Dựa vào định đề nói trên để đưa ra những tiền đề hợp lý chứng minh cuộc chiến mà Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương và tiến hành trong hơn ba thập kỷ là một phần của cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu của Cộng Sản Thế Giới.

Lý do: Vì ông Hồ cũng như phần lớn cán bộ cao cấp Việt Nam ban đầu đều do Liên Xô đào tạo và chỉ huy để phục vụ Quốc Tế Cộng Sản. Chỉ cần mở các tài liệu chính thống của CS, như *Văn Kiện Đảng, Hồ Chí Minh Toàn Tập...* và các tác phẩm do chính cán bộ cao cấp cộng sản viết cũng thấy vô số chứng từ không thể chối cãi.

Vì các phương pháp mà CSVN dùng trong chiến tranh là những phương pháp bạo lực, mang đầy đủ những tính chất của cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu của QTCS.

Vì sau khi chiến thắng năm 1954, rồi năm 1975, CSVN liền cho áp dụng đúng những chính sách và chế độ theo gương các nước đàn anh. Và đó là những chế độ đi ngược hẳn với truyền thống dân tộc. Nó làm đảo lộn trật tự xã hội Việt Nam và băng hoại đạo lý.

Sau đây là một vài yêu cầu cụ thể nhắm vào nhà cầm quyền CS trong nước và tiếp đó là với cộng đồng người Việt Hải Ngoại.

5.1 Với nhà cầm quyền Cộng Sản trong nước, trước hết chúng tôi xin nói rõ hai điều: Thứ nhất thực quyền không ở các chức chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ hay chủ tịch quốc hội, kể cả và nhất là chủ tịch giám sát viện. Thực quyền nằm tại bộ chính trị, đứng đầu là tổng bí thư đảng cộng sản. Tại sao? Vì theo nguyên lý chuyên chính vô sản của Mác, quyền tối thượng phải là của giai cấp vô sản mà đảng CS luôn luôn cho mình là đại diện, là đội tiên phong. Hơn nữa đảng CS luôn nêu cao khẩu hiệu *“đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”*. Vì thế khi nêu yêu cầu với nhà cầm quyền, chúng tôi nói với lãnh đạo đảng chứ không nói với “nhà nước”.

Thứ hai, chúng tôi cũng biết rõ, các cán bộ cao cấp đảng, nhất là những cựu lãnh tụ, nay đã về hưu hay mất chức, nhưng vẫn còn có danh, có tiếng, hay còn nắm thực quyền trong hậu trường, và nói chung những người đã ở tuổi trên dưới bát tuần, đều đã biết rõ hơn chúng tôi tất cả những gì được trình bày

trong 4 phần trên của bài viết này. Chẳng những thế, họ cũng biết tổng rằng cái gọi là chủ nghĩa Mác-xít nay đã phá sản. Họ chẳng còn tin máy may vào nó nữa. Họ chỉ nhân danh nó để lợi dụng những cán bộ khờ dại thôi.

Những cán bộ khờ dại này và phần đông cán bộ đảng viên trẻ thì không rõ lắm đâu. Vì các bậc đàn anh cố tình giấu nhem đi để dễ lừa mị, dẫn dắt và sai khiến.

Vậy yêu cầu bộ chính trị hãy:

Hạ lệnh hủy bỏ mọi bùng bít, khuất tất, mọi giới hạn về thông tin đại chúng để mọi người trong nước kể cả một số đông đảng viên được tiếp cận với sự thật lịch sử, và những thông tin mới mẻ về hiện tình thế giới.

- Hãy lập tức ra lệnh phá bỏ bức tường lửa, để những tài liệu như bài này được tự do vào trong nước qua các mạng điện toán.

- Hãy minh bạch hóa, công khai hóa mọi chính sách đường lối. Nhất là hãy thành thực bài trừ tham nhũng. Có thể mới tránh được búa rìu dư luận cho rằng lãnh đạo đảng ngày nay không còn gì là cộng sản, hay xã hội chủ nghĩa nữa. Mà chỉ thuần túy là một bọn Mafia, cái gì cũng giấu giếm, khuất tất để tại quyền hòng tha hồ vơ vét của nhân dân.

- Hãy cho phép thành lập các hội chống tham nhũng, để chứng tỏ đảng không tham nhũng.

- Hãy cho phép tổ chức công đoàn độc lập bênh

vực công nhân, để chứng tỏ đảng vẫn còn là đảng của công nhân. Hãy cho phép tư nhân trực tiếp giúp đỡ, tiếp tế cho nạn nhân thiên tai, bão lụt, dân oan, để chứng tỏ đảng vì dân chứ không phải chỉ vì đảng.

Tiếp đến cũng xin có đôi lời với các đảng viên ở cấp thừa hành, và không phải là giai cấp tư bản đỏ. Đề nghị các cán bộ CS tự cho mình là lương thiện và từ trước tới nay luôn một lòng vì dân vì nước, chứ không vì chủ nghĩa CS hãy thành thực trả lời:

- Ông Hồ Chí Minh có phải là người Cộng Sản không?

- Tại sao ông ấy lại luôn chối mình không phải Cộng Sản, trước người Hoa, người Mỹ, người Pháp và cả người Việt (với những người như Trương Phát Khuê, Archimedes Patti, hay Raoul Salan...

- Tại sao ông Hồ phải tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản ngày 11-11-1945?

- Tại sao ông vẫn đánh lừa nhân dân để đảng đó sinh hoạt như chưa hề bị giải tán?

- Tại sao năm 1960, đảng CSVN mừng 30 tuổi? Và ngày nay ai cũng biết đảng CSVN đã 77 tuổi?

- Ông Hồ và đảng CS nói dối, lừa dối toàn dân và dự luận thế giới nhằm mục đích gì? Có phải vì các người biết nhân dân Việt Nam không ưa Cộng Sản?

- Hay vì các người muốn che giấu bộ mặt thật của mình?

- Tại sao lại phải che giấu?

- Ngày nay các người đã thấy chủ nghĩa CS là sai,

là xấu rồi chứ, hay vẫn còn nghĩ nó tốt, chỉ có người áp dụng nó làm bậy?

- Các người có biết theo đúng thuyết Mác-xít thì sau khi khối Cộng toàn thắng trên thế giới, thế giới sẽ thành thế giới đại đồng, không còn biên giới quốc gia, không còn cái gọi là nước Việt Nam nữa, nghĩa là sẽ là một thế giới vô tổ quốc?

Các người có biết rằng, nếu Liên Xô không tan rã cùng với sự sụp đổ hoàn toàn của khối Cộng Sản Đông Âu, mà vẫn còn tồn tại, thì Việt Nam ngày nay sẽ chỉ là một chư hầu của Liên Xô?

- Phong trào gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, với khẩu hiệu “*Tri Phú Địa Hào, đào tận gốc, tróc tận rễ*”, có phải là con đẻ của chủ nghĩa CS không, có phản ánh đúng chủ trương đấu tranh giai cấp không?

- Nó có vì mục đích giành độc lập, thống nhất cho tổ quốc, và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam không?

- Những chiến dịch Giảm Tò, Cải Cách Ruộng Đất được thực hiện có phải để giành độc lập hay là để thực hiện thuyết giai cấp đấu tranh của CS?

- Ngày nay các người có còn nghĩ thế giới đại đồng của Cộng Sản là có khả năng thực hiện, hay đã nhận ra rằng nó chỉ là không tưởng, là hảo huyền?

- Các người có dám can đảm nói lên những điều mình nghĩ không?

- Một người CS như Hồ Chí Minh, khi vừa trở về nước, thấy núi cao đặt tên là núi Các Mác, thấy suối đẹp gọi là suối Lê-nin. Rồi khi chết trở lại rằng

mình đi gặp các cụ Mác cụ Lê thì con người ấy có thể chối mình không phải Cộng Sản không?

- Họ Hồ lấy bút hiệu Trần Dân Tiên để khen mình khiêm nhường, nhân ái, bảo toàn dân gọi mình là “cha già dân tộc”. Vậy ông ta có thể là người khiêm nhường, ngay thẳng, chân thành chăng?

- Những nhà báo nước ngoài ca ngợi Hồ Chí Minh là người không hề có tật sùng bái bản thân như David Halberstam, khi biết rõ ông Hồ viết sách để tự tôn sùng mình là cha già dân tộc, mà không lên tiếng nhận mình lầm, thì có phải là nhà báo có liêm sỉ không?

Còn rất nhiều điều chúng tôi muốn yêu cầu các đảng viên kỳ cựu và nhất là các ủy viên Trung Ương đảng làm. Nhưng kể ra không xiết. Chỉ xin có một yêu cầu chót:

Xin hãy lắng nghe mấy lời sau đây của lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev:

*“Các đồng chí phải tôn kính người này (đồng chí Hồ Chí Minh), hãy quì gối trước ông ấy, để tỏ lòng biết ơn vì những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản...”*¹⁹

Và:

“Giờ đây dân Việt đang đổ máu và hiến mạng sống mình vì lợi ích của phong trào Cộng Sản thế giới”.²⁰

¹⁹ Hồi Ký của lãnh tụ Liên Xô cụ Nikita Khrushchev, trang 155 tập III (bản Anh ngữ Khrushchev Remembers).

²⁰ Hồi Ký nói trên, tập I, trang 487, cuối chương 19.

Những lời trên của lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev chứng tỏ ông Hồ đã lợi dụng lòng yêu nước của các vị, và của toàn dân Việt Nam để xô đẩy toàn dân vào cuộc chiến, không phải vì nền độc lập và thống nhất tổ quốc đâu. Mà chính vì phong trào CS thế giới đấy. Không phải chỉ có Khrushchev nói thế mà chính ông Hồ cũng đã từng xác nhận *“tôi dắt năm châu đến đại đồng”*, sau khi khen Đức Trần Hưng Đạo: *“Bác đưa một nước qua nô lệ”*. Mà chế độ đại đồng thì như trên đã nói, nó loại trừ khái niệm tổ quốc. Thế giới đại đồng là thế giới của giai cấp vô sản khắp thế giới sống chung không cần chính phủ, không có biên giới quốc gia. gọi tắt là vô tổ quốc. Vậy bảo rằng ông Hồ và đảng CS chiến đấu giành độc lập dân tộc có phải là nói láo không. Nếu Đông Âu và Liên Xô không sụp đổ và chế độ CS không biến tan thành mây khói, mà trái lại chủ nghĩa Cộng Sản đã thắng trong cuộc chiến ý thức hệ, thì ngày nay làm gì còn tổ quốc Việt Nam, hay tổ quốc nào khác, chỉ có một thế giới đại đồng giống như thời kỳ đồ đá mà thôi.

Sau khi đã bình tâm nghiên cứu lịch sử các đảng CS Liên Xô, Trung Quốc, và Việt Nam, rồi ngẫm nghĩ về những câu nói của lãnh tụ khối cộng vừa nêu, hy vọng thế nào cũng có vị hối hận, và phần uất vì thấy rõ mình đã bị ông Hồ đánh lừa.

Vậy thì nếu bạn là tướng lĩnh trong quân đội hay lực lượng công an CS, xin nhớ nhẹ tay cho trong các vụ khủng bố, bắt bớ giam cầm dân oan, và những

người nghèo khổ không có tiền đi khiếu kiện. Các nhà đấu tranh cho dân chủ tự do sẽ không bao giờ đề nghị các bạn đem quân sĩ dưới quyền đến trụ sở bộ chính trị bắt giam hết nhóm người cuồng tín và giả nhân giả nghĩa, như có người rất mong muốn điều đó sớm xảy ra. Không, họ chỉ muốn các vị án binh bất động trong các cuộc tranh chấp giữa chính quyền CS và dân nghèo, dân oan, dân bị áp bức.

Nếu quý bạn cho phép tôi nói thêm vài lời nữa, thì xin hãy can đảm và mạnh mẽ nói điều bạn suy nghĩ với các đồng chí và đồng nghiệp rằng ông Hồ đã đánh lừa bạn, đánh lừa toàn dân.

Cái ý đó cứ truyền đi từ một đảng viên này sang đảng viên khác, thì chẳng bao lâu trong số đảng viên sẽ có một Gorbachev, hay Yeltsin đấy. Tại sao ta chưa có Yeltsin? Vì ta có huyền thoại anh hùng yêu nước Hồ Chí Minh. Nếu toàn dân biết mình bị Hồ Chí Minh đánh lừa và sẵn sàng vùng lên thì ắt sẽ có Gorbachev hay Yeltsin xuất hiện.

5.2 Đối với cộng đồng người Việt Quốc Gia hải ngoại. ước mong của chúng tôi, cũng như của nhiều người, là làm sao có được một tổ chức thống nhất lớn mạnh có thể đủ tư cách đại diện cho tập thể người Quốc Gia thì cuộc tranh đấu sẽ có kết quả hơn.

Sở dĩ cho đến nay tập thể người Việt Quốc Gia hải ngoại chưa đoàn kết được thành một tổ chức lớn, theo thiển ý của chúng tôi, là vì chúng ta chưa nhất trí được với nhau về nguyên nhân thất trận cuối

tháng tư năm 1975. Thậm chí nhiều người vẫn còn chưa chịu nhận là chúng ta đã thực sự thua. Mà chỉ bị Đồng Minh phản bội và bỏ rơi.

Vì vậy chúng ta hãy tự xét mình và tìm hiểu nguyên nhân của sự yếu kém và thất bại của chúng ta, đại diện cho tập thể dân tộc cả nước. Tập thể người Quốc Gia thua tức tập thể dân tộc đã thua. Đó là sự thực lịch sử đấng cay chua xót. Nhưng muốn sửa chữa sai lầm quá khứ để hòng cứu vãn tương lai, không thể không nhìn thẳng vào sự thực và thành thực nhận lỗi trước quốc dân và lịch sử. Ở chương đầu tập sách này chúng tôi đã hứng nhận búa rìu chỉ trích để bàn về vấn đề này một cách rất ráo. Xin được phép không nhắc lại. Mong rằng sự thẳng thắn và khiêm tốn, kèm theo tâm tư ăn năn hối lỗi về những sai lầm của các bậc cha chú sẽ giúp cho con cháu chúng ta có cơ hội tìm ra những biện pháp thỏa đáng hầu cứu nước khỏi họa diệt vong vào tay Bắc Phương.

Kết luận

Tóm lại, chiến tranh ý thức hệ do ý thức hệ Cộng Sản mà có. Nó do chính người Cộng Sản chủ trương để chống nhân loại. Cuộc chiến Việt Nam nằm trong cuộc chiến ý thức hệ đó. Vì một số đông đảng viên CS Việt Nam được đào tạo tại trường Stalin. Riêng Hồ Chí Minh còn được đào tạo tại trường Lê-nin của Quốc Tế III. đã theo chỉ thị và kế hoạch của Liên

Xô đưa chủ nghĩa CS vào Việt Nam, lập nên đảng CS Đông Dương để truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản, để thực hiện mộng thế giới đại đồng, trong đó sẽ không còn biên giới quốc gia, không còn Tổ Quốc. Và thực tế cho thấy, Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam đã thi hành đúng theo kế hoạch và gương của Liên Xô và các nước CS khác, là lập nên Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cải Cách Ruộng Đất, hợp tác hóa nông, công, thương nghiệp v.v... Tất cả những công trình này hoàn toàn nằm trong chương trình xích hóa toàn cầu của Quốc Tế Cộng Sản, đứng đầu là Liên Xô. Trên thực tế, QTCS chính là Liên Xô, vì nó hoàn toàn do các lãnh tụ Liên Xô chỉ huy, sai khiến.

Vậy Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam chiến đấu hao tổn hàng triệu sinh mạng, không phải vì quyền lợi tổ quốc, mà chính vì mục đích đoạt chính quyền hòng tiến hành việc thực hiện mộng thế giới đại đồng. Một ảo mộng, không tưởng. Nếu khối cộng thắng thì đã đưa Việt Nam và cả nhân loại lùi về thời kỳ đồ đá. Bởi vì tất cả các nước cộng sản, thường gọi là các nước xã hội chủ nghĩa “anh em” khi áp dụng kinh tế chỉ huy theo mô hình Mác- xít đều chìm cả nước xuống đói nghèo, không ngóc đầu lên được. Về văn hóa, đạo lý thì suy đồi đến cùng độ.

Như vậy thì không thể nào bảo ông Hồ hay đảng CSVN có công to lớn đối với dân tộc được. Chỉ cần nghe lời Khrushchev ca tụng ông Hồ và bảo nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của ông Hồ “*đang hy sinh*

mạng sống mình cho chủ nghĩa CS,” đủ rõ ông ta và đảng của ông ta chỉ có công với Cộng Sản, chứ không hề có công với dân tộc. Cần phải kết tội ông ta đã hy sinh dân tộc cho một chủ nghĩa ngoại lai, không tưởng.

Nhìn qua lăng kính chiến tranh ý thức hệ CS toàn cầu, chẳng những vai trò và công tội của ông Hồ được minh định rõ ràng chính xác, mà vai trò, công lao của Tổng Thống Nixon cũng được xác định. Qua lăng kính đó cuộc chiến Việt Nam sẽ hiện lên rõ ràng là một cuộc chiến tranh giữa chủ nghĩa quốc tế cộng sản và chủ nghĩa quốc gia dân tộc (có thể tạm gọi là “cuộc chiến Quốc Cộng”), chứ không thể là chiến tranh Việt Pháp như ông Lê Xuân Khoa viết, hay chiến tranh “chống Mỹ cứu nước” như Việt Cộng viết. Qua lăng kính đó chúng ta cũng sẽ hiểu vì sao anh em ông Ngô Đình Diệm đã bằng mọi cách cố tránh sự can thiệp ồ ạt của quân tác chiến Mỹ, khi chưa thực cần kíp; tại sao họ tính chuyện tiếp xúc với Hà Nội, bàn chuyện hiệp thương, tuy toan tính ấy chưa đi đến đâu.

Mười hai năm sau chính phủ Nguyễn Văn Thiệu và chính phủ Hoa Kỳ cũng đâu có tránh được chuyện hòa đàm với đối phương (trong thế yếu hơn). Tiếp đến, Tổng Thống Mỹ Nixon cũng hội đàm thương thuyết với Liên Xô và Trung Cộng để đi đến hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược gọi là Salt 2, và thông cáo chung Thượng Hải v.v... Và rồi Tổng Thống Nam Hàn

Kim Đại Trọng (Kim Dae-Jung) cũng đi gặp chủ tịch Bắc Hàn năm 2000. Hành động này đã đem lại cho ông giải Nobel Hòa Bình chứng tỏ nó đã được chuẩn bị và thực hiện công phu đường nào. Rồi đến nay đương kim Tổng Thống Roh Moo-Hyun cũng thế. Đó đích thực là những nỗ lực cho hòa bình. Kết quả dĩ nhiên còn tùy thuộc thiện chí của đối phương.

Nếu không hiểu ý nghĩa và thực chất của chiến tranh ý thức hệ, thì sẽ bảo Tổng Thống Nixon, hay Tổng Thống Diệm, các Tổng Thống Nam Hàn mắc mưu cộng sản, hay theo cộng sản, phản bội lý tưởng Tự Do.

Đó là chúng tôi không nói đến các cuộc gặp gỡ giữa Tổng Thống Bush cha, rồi Giáo Hoàng John Paul II với lãnh tụ Liên Xô Mikhail Gorbachev sau này.

Thực là buồn phải viết về một cuộc chiến toàn cầu của Cộng Sản, khi nó đã kết thúc gần 2 thập niên, khi đã biết ngày nay chẳng còn ai tin tưởng gì ở mô lý thuyết hoang tưởng của Mác nữa, kể cả các cán bộ gộc của những đảng CS còn sót lại như Trung Quốc, và cả Việt Nam.

Nhất là tại Việt Nam, một trong 4 nước CS còn sót lại. Cứ nhìn vào những gì các nhà lãnh đạo đảng CS làm từ ngày họ chiếm trọn miền Nam thì thấy họ đã hoàn toàn biến chất. Cái đảng được mệnh danh là đảng của giai cấp công nhân lại đi bỏ tù, bắt bớ, đánh đập công nhân và nhân dân lao động, dân nghèo, dân oan. Những ủy viên trung ương đảng, ủy viên bộ

chính trị hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, đều đã trở thành tư bản đỏ. Họ không còn đại diện cho giai cấp *vô sản* nữa. Nhưng họ vẫn giữ độc quyền cai trị, dưới chiêu bài chuyên chính *vô sản*.

Trong thâm tâm họ cũng chẳng còn kính trọng ông Hồ nữa. Vì qua nhiều phát giác và tài liệu khả tín, họ đã biết rõ bộ mặt thật của ông ta rồi. Nhưng họ vẫn hô hào cán bộ, đảng viên và nhân dân phải học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, noi gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tất cả chỉ vì mục đích muốn tiếp tục đánh lừa nhân dân, tiếp tục lợi dụng lòng tin mù quáng của nhân dân cho mục đích củng cố quyền lực hòng đàn áp, bóc lột nhân dân. Cũng vì mục đích đó họ đã thi hành mọi thủ đoạn của những tổ chức mafia. Đúng như luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã sớm phanh phui cả chục năm trước khi qua đời (năm 1997).

Cũng nhằm mục đích chứng minh là sai tất cả những gì từ trước tới nay nhiều người vẫn tin là đúng mà chúng tôi đã viết ra những dòng đơn sơ nhưng chân chất trên đây.

Ước mong của chúng tôi là nó sẽ cảnh giác nhân dân, nhất là lớp trẻ chiếm hai phần ba dân số. Chúng tôi cũng hy vọng rằng một số cán bộ đảng viên kị cựa kể cả những nhà lãnh đạo hiện nay sẽ thành tâm tự vấn, tự hỏi lương tâm của mình, nếu cái lương tâm ấy hãy còn le lói: Mình có lầm không, có bị lừa

không, khi theo CS để chống lại dân tộc trong quá khứ? Và phải làm gì để đái tội lập công?

Ngoài ra cũng mong rằng những đảng viên còn chút lương tri sẽ can đảm đứng lên thoát ra khỏi vòng kiểm tỏa của gian dối và sự ác.

Chỉ có cái thiện thắng được cái ác. Sự thật sẽ phá tan gian dối, lừa mị. Vương đạo phải thắng bá đạo.

Nam Cali 12-12-2007

Chú thích:

Bài này chỉ có mục đích nói (một cách hết sức đơn giản và tóm lược tối đa) về cuộc chiến ý thức hệ CS đã diễn ra như thế nào trong lịch sử, chứ không nhằm đưa ra những phương lược đấu tranh ý thức hệ cần áp dụng vào hiện tại. Công việc này xin dành cho các chính đảng lớn với khối lượng nhân lực, vật lực và tài lực dồi dào. Vì nó vượt khả năng và tham vọng của một cá nhân đơn độc, chỉ muốn nghiên cứu lịch sử như người viết. Do khả năng và hoàn cảnh, người viết không phải là một chính khách, và cũng không hề có tham vọng chính trị. Những yêu cầu và đề xuất đưa ra ở cuối bài chỉ là những ý tưởng rời rạc, đơn sơ, nhưng nếu thực hiện được sẽ giúp soi sáng những điểm còn bị che lấp bởi tuyên truyền của CS. Chúng không phải là đối sách của chiến tranh ý thức hệ CS.

3. Tại sao thua?

Trong thinh lặng của một đêm buồn cuối tháng Tư Đen bao âm thanh và hình ảnh của ngày mất nước vọng lại từ dĩ vãng xa xăm dường như đang xé nát tâm tư của người cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa.

Tiếng pháo kích ở sân bay Tân Sơn Nhất. Tiếng lệnh buông súng của hàng tướng Dương Văn Minh trên các đài phát thanh. Tiếng súng tuần tiết của những danh tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hùng, Trần Văn Hai... Tiếng súng çat chúa của những sĩ quan, binh lính vô danh cương quyết không chịu hàng địch, tự bắn vào đầu, sau khi đã đứng nghiêm chào quốc kỳ, lần chót, sau khi đã bồng súng đứng nghiêm trước một tượng đài chiến sĩ như một sĩ quan cảnh sát không nhớ tên.

Hình ảnh hàng trăm người chen chúc xô đẩy nhau trước tòa Đại Sứ Mỹ, hay một tư gia nào đó cố leo lên bãi đáp của trực thăng. Hàng ngàn binh

lính cởi bỏ quân phục ngay ngoài đường phố khi vừa nghe lệnh đầu hàng. Hàng vạn quân cán chính và thường dân chạy trốn khỏi Sài Gòn và các vùng phụ cận hướng ra các thị xã ven biển hòng trốn chạy quân chiến thắng Bắc Cộng.

Đã ba chục năm rồi những âm thanh hình ảnh thất trận ấy cứ vọng lại như mới ngày nào khiến người Việt hải ngoại lại tổn nhiều giấy mực và hơi sức bàn về lý do tại sao phe quốc gia và đồng minh đã thua trận chiến tranh Việt Nam.

Người thì bảo vì các cấp lãnh đạo tồi. Ông Thiệu áp dụng kế thứ 36 sớm quá. Kế hoạch “*tái phối trí*” bị địch bẻ gãy khiến hàng chục ngàn binh sĩ và thường dân bỏ mạng trên đường 7B. Ông Kỳ hứa cuội: tuyên bố ở lại chiến đấu đến cùng, mà chưa chi đã bỏ chạy. Ông Minh mới lên chưa được hai ngày đã xin hàng.

Có người còn thêm dệt thêm rằng ông Thiệu có máu người Chăm nên cố tình bán dân Việt cho CS cho bố ghét, hay để trả thù.

Người thì chê bộ tổng tư lệnh Quân Lực VNCH kém tin tức tình báo, dễ bị trúng kế “giương đông kích tây”, “điệu hổ ly sơn” của địch khiến vị trí chiến lược Ban Mê Thuột thất thủ.

Người thì chê tinh thần quân cán chính kém, họ trưng dẫn cuốn *Má Hồng* của Đỗ Tiến Đức với lời phê của học giả Nguyễn Hiến Lê, rồi nói mĩa, cụ Lê hãy còn lạc quan đấy. (Vì cụ dựa vào những gì được mô tả trong cuốn *Má Hồng* để nói như Sấm, trong

vòng 10 năm miền Nam sẽ đổ vỡ; mà chỉ mới được 8 năm nó đã “tan hàng”.) Mà khốn nỗi cuốn tiểu thuyết này lại trúng giải số một giải thưởng Văn Học Toàn Quốc năm 1969

Tuy nhiên phần đông cho rằng tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam cao nhưng vì cấp lãnh đạo bất xứng nên thua. Trong số này chỉ xin nêu một người, đại tá Lê Quế Lâm, tác giả cuốn *Việt Nam Thắng và Bại* trên ngàn trang, xuất bản năm 1993 tại Úc. Ông Lâm chỉ nói sơ sài về nguyên nhân thất bại của VNCH. Theo ông, Miền Nam mất vì bị Hoa Kỳ bỏ rơi. Hoa Kỳ bỏ rơi vì “*những bất công thối nát của xã hội miền Nam xuất phát từ nạn bè phái tham nhũng của một số người lãnh đạo quốc gia thiếu đạo đức.*” Và “*... nguyên nhân chính... đưa miền Nam đến chỗ sụp đổ là vì những người lãnh đạo miền Nam đã không có ý thức bảo vệ đất nước khiến Hoa Kỳ có lý do chính đáng để bỏ rơi...*”¹

Về cách thức Hoa Kỳ bỏ rơi, người ta thường nhắc lại hai sự việc quan trọng: Nếu sư đoàn 18 của tướng Lê Minh Đảo được cung cấp đủ ngòi nổ những trái bom CBU thì mặt trận Long Khánh đã không bị phá vỡ. Và nếu vào những tháng chót của cuộc chiến VNCH không bị Quốc Hội Mỹ cắt 300 triệu quân viện thì ông Thiệu đã không bỏ chạy ở Pleiku, rồi chạy sang Đài Bắc...

¹ SĐD trang 724 và 735.

Có người còn đưa ra những con số thống kê chi tiết về viện trợ Mỹ trong 4 năm cuối cùng để rồi bảo, Mỹ cố tình bỏ rơi VN, lấy tiền dành cho Việt Nam tặng viện cho Do Thái!

Cũng có người bảo tại ông Ngô Đình Diệm độc tài, gia đình trị, mất lòng dân khiến Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ, bỏ lỡ một dịp may hiếm có để đương đầu với Hồ Chí Minh và cộng đảng miền Bắc.²

² Nhưng cũng nhiều người nói ngược lại, vì Mỹ giết ông Diệm nên Mỹ mới thua! Trong số này có kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa vừa viết trên tờ Việt Báo Kinh Tế, khẳng định Mỹ đã phạm lỗi lầm chiến lược quan trọng khi lật đổ và giết Tổng Thống Diệm. Điều này rất nhiều người ngày nay đã nhận ra, nhưng thật hiếm có ai can đảm nói ra một cách thẳng thắn như ông Nghĩa. Trớ trêu là cách nay cả chục năm, cựu đại tá CS Bùi Tín cũng đã nhận xét tương tự trong hồi ký Hoa Xuyên Tuyết. Rồi liền sau đó, Dương Thu Hương, trong một bài tham luận này lửa đã bảo ông Diệm bị hại vì trót có tinh thần dân tộc. Một năm sau, trong hội nghị chuẩn bị cho một đại hội Mỹ-Việt Cộng về chiến tranh, những nhân vật quan trọng ở Hà Nội cũng minh thị xác nhận ông Diệm là người yêu nước, và nếu ông không bị sát hại thì đã không có quân Mỹ ở VN, và Mỹ đã không mang tiếng bại trận với 58,000 tử sĩ. (Xin xem Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê của Minh Võ chú thích số 22 bis của chương 27, Lời bàn chung, và Washington Post số ra ngày 11-11-1996, các trang A21 và A35.) Trong khi đó phần lớn các vị tai to mặt lớn trong Đệ Nhị Cộng Hòa, hay trong tập thể chiến sĩ, không có đủ dũng khí để minh thị nói lên sự thật này hòng tẩy xóa phần nào một vết nhơ trên bộ mặt Quân Lực Việt Nam CH ngày xưa (mà nay là Tập Thể Chiến Sĩ ở Hải Ngoại): cuộc đảo chính do **một số tướng lãnh nhận tiền của Mỹ** (tương đương với 42 ngàn MK, lúc ấy) để lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Người khác lại khẳng định vì đồng minh Hoa Kỳ phản bội. bán đứng. Họ nêu đích danh Tổng Thống Nixon và Ngoại Trưởng Kissinger để xỉa xói.

Đáng buồn cười là trong số những người này không ít kẻ nhất định bảo Mỹ không thua, chỉ giả vờ thua để kiếm cơ rút quân sĩ về nước.

Thiết nghĩ, bảo Mỹ chỉ giả vờ thua là do thành kiến cho rằng cứ có bom nguyên tử là tất nhiên phải thắng, như 2 quả ở Nagasaki và Hiroshima đã bắt dân Nhật quyết tử chiến cũng phải quy hàng. Nhưng họ không biết rằng trước khi thả hai quả bom nguyên tử không quân Mỹ đã phá tan một phần tư Tokyo với trên một trăm ngàn người chết, mà Nhật hoàng vẫn thà hy sinh dân chứ chưa chịu đầu hàng.

Vì thế chúng tôi thấy không cần trực tiếp chứng minh rằng Mỹ đã thua và ta đã thua thực sự. Những luận cứ trong những trang sau đây sẽ gián tiếp chứng minh điều đó.

Tuy nhiên cũng xin giới thiệu với những ai hãy còn nghĩ Mỹ không thua mà chỉ giả vờ thua, nếu không có thì giờ đọc hàng trăm tác phẩm nói về sự thất trận nhục nhã của Hoa Kỳ, hãy chỉ cần liếc qua mấy cái nhan sách bằng ngoại ngữ của các ông Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Phú Đức, và Hoàng Lạc. Một ông là cựu thủ tướng, cựu phó tổng thống viết bằng tiếng Anh (*How We Lost The War*). Một ông là cố vấn của tổng thống, có chân trong phái đoàn hòa đàm Paris, viết bằng tiếng Pháp (*Vietnam:*

Pourquoi Les États Unis Ont – Ils Perdu La Guerre?)
 Một ông là tướng lãnh VNCH (*Why America Lost the Vietnam War?*).

Và hãy ngó qua cuốn *No More Vietnams* của Tổng Thống Richard Nixon, các hồi ký của Henry Kissinger, cựu ngoại trưởng (Cộng Hòa), của McNamara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng (Dân Chủ). Không cần nói đến những tác phẩm của một lô nhà báo sử gia thiên tả hay không thiên tả khác như Stanley Karnow, Neil Sheehan, David Halberstam. Marilyn Young, John M. Newman...

Tất cả những nhân vật chính trị và ký giả nêu trên đều khẳng định là Hoa Kỳ đã thất trận ở Việt Nam. Kissinger và cựu Tổng Thống Bush (cha) trong nhiều năm, đã không ngừng nhắc đi nhắc lại mấy tiếng “Vietnam Syndromes” (hội chứng VN) để nói về sự thất bại chua chát ấy.

Một số nhà báo thiên tả của Mỹ như Stanley Karnow, David Halberstam, Neil Sheehan, và ngay cả những sử gia tên tuổi như Marilyn Young, John M. Newman cũng đã chỉ trích chính quyền Mỹ không biết rõ địch cho nên đã tiến hành một cuộc chiến không thích hợp. Vì địa hình địa vật khác lạ, vì lòng ái quốc truyền thống của nhân dân Việt Nam. Họ chỉ trích chính quyền “ngu ngốc” áp dụng hình thức chiến tranh cổ điển lỗi thời để chống thú chiến tranh tại VN là chiến tranh du kích, chiến tranh khuynh đảo.

Tất cả những nhận định nêu trên dù từ phía nào đều có một phần đúng. Nhưng hoàn toàn thiếu sót, vì vậy coi như chưa đúng. Ta phải tìm đúng nguyên nhân của sự thất trận, thì mới mong điều chỉnh chiến lược sách lược trong cuộc chiến hiện nay vẫn còn tiếp diễn trên bình diện “phi quân sự”.

Năm 1937, tại trường quân chính Diên An, Trung Quốc, Mao Trạch Đông đã nhắc lại danh ngôn chiến lược “*Tri bị tri kỷ, bách chiến bách thắng*” trong **Tôn (Võ) Ngô (Khởi) Binh Pháp** để chê đối phương – không chỉ phe Quốc Gia của Tưởng Giới Thạch, mà cả thế giới tự do – không biết người biết mình, chỉ biết áp dụng những chiến pháp đã lỗi thời.

Cho đến 1959, 22 năm sau, ở Mỹ mới thấy xuất hiện cuốn *Protracted Conflict* của giáo sư Robert Strausz Hupé và 3 cộng sự của ông.³ Các đồng tác giả đã gọi cuộc chiến tranh (lạnh) giữa hai phe lúc ấy là **thế chiến 3**. Đây là lần đầu tiên một danh xưng như thế xuất hiện. Nhưng chúng tôi thấy cách gọi đó là chính xác nhất. Cho nên, nói về cuộc chiến Iraq khi vừa khai mào, chúng tôi đã viết bài “*Viễn ảnh của thế chiến +*” mà nhiều báo đã đăng.

Các tác giả cuốn *Trường Kỳ Chiến* đã khẳng định

³ Nguyên nghĩa là “Cuộc xung đột kéo dài”, mà chúng tôi đã từng dịch là “*Trường Kỳ Chiến*“, lấy ý từ cuốn *Trì Cựu Chiến Luận* của Mao Trạch Đông và cuốn *Trường Kỳ Kháng Chiến. Nhất Định Thắng Lợi* của Trường Chinh, tay lý thuyết gia số một của Việt Cộng lúc ấy.

lúc ấy phe thế giới tự do đang thua, chỉ vì không biết mình đang ở trong cái thế chiến 3 đó. Còn phía khối cộng thì đang thắng vì họ biết họ đang chiến đấu vì mục đích gì và bằng những phương thức gì.

Chỉ một năm sau, Allen Dulles, giám đốc CIA, em Ngoại Trưởng Foster Dulles đã lên tiếng kêu gọi hãy tìm hiểu để biết rõ đối phương hơn. Trong tiểu luận “*Muốn thắng cộng sản, phải biết rõ cộng sản*” ông đã nêu ra những mối nguy của cuộc chiến tranh ý thức hệ đang diễn ra trên toàn cầu.

Kể từ đó thế giới tự do mới bắt đầu có những kế hoạch đương đầu trực diện với Cộng Sản một cách hữu hiệu. Henry Kissinger, lúc ấy còn là giáo sư đại học Harvard nổi tiếng nhất của Mỹ, là người cổ vũ cho việc nghiên cứu cuốn sách của Strausz-Hupé trước tiên.

Nhưng đa số giới truyền thông và chính giới Mỹ lúc ấy vẫn không coi lời cảnh cáo của Strausz-Hupé và Allen Dulles là tối quan trọng. Họ không tìm hiểu đến nơi đến chốn thứ thế chiến 3 mà Strausz-Hupé đã nói tới. Đó là về mặt toàn cầu.

Về cuộc chiến Việt Nam, người ta càng hiểu lơ mơ hơn. Và đó là một trong những lý do quan trọng nhất của sự thất trận của Mỹ tại VN.

Karl von Clausewitz, chính trị gia và chiến lược gia có thể nói là số một của Tây Phương, trong tác phẩm nổi tiếng *On War (Chiến Luận)* đã khẳng định,

việc cần làm trước tiên để chiến thắng là xác lập được bản chất của cuộc chiến.

Cho đến nay mà một giáo sư nổi tiếng trong cộng đồng người Việt hải ngoại còn gọi cuộc chiến tranh Việt Nam từ 1945 đến 1954 là “**chiến tranh Việt-Pháp của người Việt yêu nước đánh đuổi Pháp để giành độc lập**”, mà hầu như mọi người đều im lặng (tán đồng?!)!

Vậy cụ thể cuộc chiến toàn cầu từng được gọi bằng một danh từ vô thưởng vô phạt là “chiến tranh lạnh” phải được hiểu là cuộc chiến như thế nào? Và cuộc chiến VN từ 1945 đến 1975 phải được mệnh danh là gì một cách chuẩn xác?

Tuyên Ngôn Cộng Sản (1848) là lời **tuyên chiến** của Marx và Engels lãnh đạo phong trào CS thế giới **chống toàn thể nhân loại**, vì nó tấn công vào cốt lõi của con người là **quyền tư hữu**, khởi đầu của mọi quyền con người khác. Đó là trận chiến ý thức hệ, chưa sử dụng đến vũ khí vật chất, nhưng chủ trương “cách mạng bạo lực”. Nó chưa dùng vũ khí chỉ vì chưa đủ mạnh để có vũ khí và chưa biết sản xuất vũ khí hơn các thế lực khác của nhân loại lúc ấy.

Nó chẳng những chủ trương phá bỏ quyền tư hữu mà còn chủ trương đấu tranh giai cấp, nhằm xóa bỏ giai cấp, đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính. Hai chủ trương này – xóa bỏ quyền tư hữu và xóa bỏ mọi giai cấp - biến cuộc đấu tranh giai cấp thành **cuộc chiến toàn cầu**. Vì quyền tư hữu là của

toàn thể nhân loại, và giai cấp có trong mọi quốc gia. Vì thế chiến tranh ý thức hệ chống cộng sản cũng là cuộc chiến toàn cầu, và là bốn phần của mọi dân tộc, bất phân cường, nhược.

Lê-nin, với Quốc Tế III, đã cụ thể hóa chủ trương của Marx và biến chủ nghĩa Marx thành một cuộc chiến tranh để quốc bằng cách biến nước Nga thành cái nôi và tổng hành dinh của phong trào cộng sản thế giới.

Vài năm cuối Thế Chiến 2 và những năm sau đó. Liên Xô đã sát nhập hàng chục nước Đông Âu bằng các hình thức chiến tranh phi vũ trang như xâm nhập, khuynh đảo, bội ước, bầu cử gian lận và áp lực chính trị, ngoại giao, quân sự, tuyên truyền và bằng các tổ cộng sản, tổ gián điệp, đảng cộng sản địa phương trên khắp hoàn cầu. Những nước mà cộng sản chưa nắm được chính quyền như Nam Dương ở châu Á. Ý ở châu Âu vào giữa thập kỷ 50, cũng đã có hàng triệu đảng viên.

Ngoài việc cụ thể hóa và áp dụng chủ nghĩa cộng sản tại Nga và Đông Âu đồng thời tuyên truyền chủ nghĩa CS trên khắp thế giới, Lê-nin còn có sáng kiến bổ túc cho chủ nghĩa Marx bằng chiến lược, sách lược đấu tranh giai đoạn. bằng ***mặt trận thống nhất dân tộc***, áp dụng lần đầu tại Hoa Lục, đưa ra ***đề cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân***, nhằm tấn công vào các cường quốc Tây Phương.

Với sáng kiến chiến lược này, Lê-nin đã *cổ vũ cho*

phong trào giải phóng dân tộc trên khắp các quốc gia thuộc địa, khiến cho ai không hiểu rõ chủ trương cơ bản của chủ nghĩa Mác và thâm ý của Lê-nin đều nghĩ rằng CS thực sự chủ trương **chiến tranh giải phóng dân tộc**, vì nó ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, nó vì chủ nghĩa dân tộc, và nó vì quyền lợi các dân tộc.

Nhưng bản chất chủ nghĩa CS là phi dân tộc. Nó là một chủ nghĩa quốc tế vì mục tiêu cuối cùng của nó là quốc tế vô sản lên nắm quyền bá chủ thế giới, sau khi đã tiêu diệt mọi giai cấp để chỉ còn một giai cấp vô sản. Vì vậy chủ trương giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác Lê-nin chỉ là chủ trương chiến lược, sách lược. Nói nôm na là một chiêu bài lừa mị.

Chính chủ trương sách lược giai đoạn này đã thu hút các thành phần yêu nước thuộc các tầng lớp nhân dân phi vô sản của các quốc gia nhược tiểu hay bị trị, khiến họ tích cực ủng hộ Quốc Tế Cộng Sản, mà quên bẵng đi rằng mình đang ủng hộ kẻ chỉ muốn tiêu diệt mình.

Nói tóm lại giai cấp vô sản, hay dân nghèo, là thành phần chiếm tuyệt đại đa số trên khắp thế giới bị mê hoặc bởi chủ trương lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo ra sao, thì các giai cấp trí thức, địa chủ, thương gia v.v... có lòng yêu nước cũng bị mê hoặc bởi sách lược giải phóng dân tộc như vậy.

Không nhìn ra điều này, thì không thể hiểu được cuộc chiến Việt Nam, trong đó CS đã áp dụng triệt

để sách lược giải phóng dân tộc để biến cuộc chiến chống cộng sản của các thành phần yêu nước thực sự thành cuộc chiến của đảng CS, dưới sự lãnh đạo của HCM, chống thực dân giành độc lập cho tổ quốc.

Những người ít hiểu biết về điều đó đã gọi chiến tranh Việt Nam từ 1945 đến 1954 là chiến tranh **Việt Pháp** (tức chiến tranh giữa dân tộc VN và đế quốc, thực dân Pháp), trong khi đáng lý ra phải gọi là **chiến tranh Quốc-Cộng** (tức giữa những người quốc gia yêu nước và đảng CS). Vấn đề danh xưng vô cùng quan trọng trong chiến tranh tuyên truyền. Sai một ly đi một dặm. Gọi chiến tranh Việt-Pháp mặc nhiên tự kết án mình là Việt gian phản quốc.

Một số đông nhân dân VN, kể cả không ít nhà trí thức yêu nước đã bị lầm về điều này. Ngay cả những nhà báo, sử gia, triết gia, văn nghệ sĩ tên tuổi trên thế giới cũng đã lầm, ít nhất trong một thời gian nào đó. Đáng buồn là những thành phần này, vì tự ái cá nhân và nghề nghiệp, khi đã biết mình lầm họ thường giữ im lặng. Các lời nói chữ viết của họ từng một thời phổ biến những tư tưởng sai lầm, vẫn còn nguyên trong các văn khố, thư viện. Cho nên con cháu chúng ta, và các thế hệ tương lai trên khắp thế giới rất khó tìm ra sự thật.

Những hàng trên dẫn đến nhận định tổng quát: Cuộc chiến mà thế giới tự do phải đối phó với CS là cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu, có nơi có lúc mang hình thái phức tạp của chiến tranh giải phóng dân

tộc, rất khó nhận diện, trừ phi đặt nó vào trong bối cảnh chủ nghĩa Mác Lê.

Ngoài tính toàn cầu và tính ý thức hệ, cuộc chiến tranh mà Cộng sản đề xướng và thế giới tự do phải đối phó còn có tính **toàn diện và trường kỳ**.

Toàn diện vì với chủ thuyết duy vật vô thần coi mọi tôn giáo là thuốc phiện, CS chủ trương “*cứu cánh biện minh cho phương tiện*”. Từ đó tất cả mọi phương tiện đều được sử dụng cho cuộc chiến. Từ đó xuất hiện những cụm từ mặt trận văn hóa, mặt trận kinh tế, mặt trận ngoại giao v.v...

Trường kỳ vì chi cho đến khi nào toàn thắng trên toàn cầu mới kết thúc. Bản chất trường kỳ của cuộc chiến bắt buộc phe Cộng tử thủ trong mọi trường hợp. Đình chiến, hưu chiến, hòa đàm đều chỉ là mảnh lối tạm nghỉ để lấy lại sức, và để ru ngủ đối phương. Vì nó đồng thời cũng là cuộc chiến toàn diện, nên những thứ đình chiến, hưu chiến, hòa đàm cũng lại là những hình thức khác của chiến tranh. Thêm vào đó là những sách lược, hay thủ đoạn liên hiệp, trung lập hóa, hòa hợp, hòa giải, v.v. đều nằm trong tính chất toàn diện của cuộc chiến.

Từ bốn đặc tính trên xuất hiện thêm cái gọi là **chiến tranh nhân dân**. Trong khi các nước Tây phương chỉ biết huy động quân đội và tài nguyên quốc phòng để làm chiến tranh, thì CS huy động mọi tài nguyên quốc gia, huy động toàn dân, biến mỗi người dân và toàn thể nhân dân (dĩ nhiên kể cả trí thức, văn nghệ sĩ, và ký giả) thành chiến sĩ. Toàn dân

trở thành một đạo quân duy nhất, mà tổng tư lệnh là kẻ điều khiển guồng máy truyền truyền vĩ đại, chịu kỷ luật sắt của nhà binh, nhất là trong chiến tranh, bất cứ ai cãi lệnh đều bị kết tội theo quân luật.

Đó là lý do để tuyệt đối nắm báo chí. Không thể có tự do báo chí, không thể có tự do ngôn luận. Và trong khuôn khổ chiến tranh nhân dân, các nhà trí thức, văn nghệ sĩ, ký giả vân vân phải “hoan hỉ chấp nhận” vai trò của mình, để bảo vệ tổ quốc, hay để làm cách mạng vô sản, cách mạng dân tộc, theo chiến lược, sách lược Lê-nin.

Ngoài những đặc tính vừa kể, cuộc chiến của CS, do tính ý thức hệ của nó đã phát minh một vũ khí tối tân lúc ấy, đó là **vũ khí TUYÊN TRUYỀN**.⁴

Trong Quốc Tế III có một ủy ban tuyên truyền. Hồ Chí Minh là một ủy viên. Ông ta nhận sứ mạng tuyên truyền và tổ chức các chi bộ CS ở Đông Nam Á, lập các trường tuyên truyền tại Thái Lan, Mã Lai, Hoa Nam, đích thân huấn luyện các chuyên viên tuyên truyền, đặt Võ Nguyên Giáp làm đội trưởng đội Vũ Trang Tuyên Truyền Giải Phóng Quân (tháng 12-1944), đặt Trần Huy Liệu làm bộ trưởng bộ Tuyên Truyền (tháng 9 năm 1945), chỉ thị mỗi đảng viên phải là một cán bộ tuyên truyền và tình báo.

⁴ Đức Quốc Xã (Nazi) với Goebbels cũng đã tận dụng tuyên truyền vào thế chiến 2, nhưng chính Quốc Tế III mới là cơ quan nâng tuyên truyền lên hàng nghệ thuật chiến tranh, biến nó thành vũ khí chủ soái trong chiến tranh ý thức hệ.

Đích thân ông Hồ viết kiệt tác tuyên truyền *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, để xóa mờ cái dáng dấp cán bộ cao cấp của Quốc Tế CS, tô vẽ cho mình thành nhà ái quốc, là “*cha già dân tộc*,” để làm mẫu khuôn cho đàn em và ký giả ngoại quốc, theo y đó nhắc lại và triển khai thêm để biến ông thành thần tượng.

Tuyên truyền đòi phải có **thần tượng**. Lúc ấy ông chưa làm được gì để thành thần tượng. Ông phải tự biến mình thành thần tượng.

Tuyên truyền phải có **chính nghĩa** cho cuộc chiến. Chính nghĩa đó là kháng chiến chống Pháp giành độc lập. Ông nói đủ về chính nghĩa đó trong tác phẩm bé tí teo nhưng vô cùng quan trọng đó.

Trong khi đó, vì không xác lập được cuộc chiến, nên các nhà văn, nhà báo trong thế giới tự do, và ở miền Nam, rất coi nhẹ tuyên truyền và không bao giờ chịu khép mình vào khuôn khổ chiến tranh. Trong khi ở miền Bắc từ chủ tịch nước đến các bộ trưởng và tướng lãnh thất lừng buộc bụng, đi dép râu, để nêu gương khắc khổ, buộc quân sĩ dưới quyền hy sinh liêu chết, chiến đấu trong những điều kiện khắc nghiệt, nhiều khi phải ăn sắn ăn khoai, ăn cả cỏ rừng để cầm cự trong rừng, thì trong Nam người ta lật ông tổng thống muốn hạn chế hưởng lạc đã đóng cửa các hý trường, để liền sau đó họ mở lại những khiêu vũ trường, nhảy đầm thả dàn, thỏa thích.

Các nhà lãnh đạo thế giới tự do cũng không có

kế hoạch nắm báo chí, hay đào tạo những ký giả am tường về chiến tranh ý thức hệ, mà còn tôn ngành báo chí thành đệ tứ quyền. Việc gì chính phủ, quốc hội làm hay dự tính làm truyền thông đều tự do nói toáng lên cho đối phương biết.

Vì cuộc chiến là toàn cầu, nên các chính phủ CS trên khắp các châu lục, và tất cả các đảng CS khắp nơi đều có nhiệm vụ làm tuyên truyền và tình báo để hỗ trợ lẫn nhau. Máy bay B52 vừa cất cánh hay thậm chí chỉ mới dự định cất cánh ở Guam thì Hà Nội đã được thông báo nó sẽ bay tới đâu. Vì thế phần lớn các cuộc dội bom trải thảm đều không đạt mục đích mong muốn. Những lời tuyên bố của Hồ Chí Minh hay Lê Duẩn ở miền Bắc, hoặc của Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát ở miền Nam đều được các chính phủ CS trên khắp thế giới hỗ trợ, quảng diễn, tiếp tay.

Hơn nữa, khi mà các nhà lãnh đạo chiến tranh chống cộng trong các cường quốc Tây phương không xác định được tính chất mới mẻ đặc biệt của cuộc chiến gọi là **thế chiến 3** này, họ đã phải chứng kiến cảnh chỗ nào cũng thấy nội thù. Việt cộng không cần phái quân sang Mỹ. Nó đã có sẵn đạo quân “thứ năm” nằm ngay ở Los Angeles, ở tận thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Đạo quân đó là những nhà báo thiên tả, hoặc chẳng thiên tả hay thiên hữu mà chỉ đơn giản là những người không am tường tính toàn cầu, toàn diện của cuộc chiến. Họ tự xưng là phản chiến.

Nhưng Richard Nixon chỉ vào mặt những nhà báo đó mà rằng: *“Đích thị vì các người mà siêu cường Mỹ này thất trận”*.

Võ Nguyên Giáp nhiều lần hí hửng lên tiếng khen và tỏ lòng biết ơn những kẻ *“đã giúp tôi một tay đắc lực”*.

Tổng thống Mỹ, và tướng Cộng quân không thậm xưng. Đó là những nhận định chân thành và chính xác, đáng ghi vào lịch sử thất trận của Hoa Kỳ.

Trái lại những kẻ “phản chiến” luôn luôn biện minh cho hành động của mình. Họ bảo cuộc chiến của siêu cường Mỹ đi bắt nạt một nước nhỏ là cuộc chiến bẩn thỉu (a dirty war), cần phải chấm dứt. Và luận điệu của báo chí đã một thời được đông nhân dân Mỹ hưởng ứng. Những cuộc biểu tình hàng trăm ngàn người không ngừng xảy ra ở những thành phố lớn làm rung động tòa nhà Capitol. Dân biểu, nghị sĩ, vì không xác định được bản chất cuộc chiến, bị những luận điệu của phe phản chiến lung lạc, mất ý chí chiến đấu. Vì thế mới có việc cắt quân viện, rồi cấm hẳn việc chi viện cho VNCH.

Những người am hiểu thế chiến lược của Quốc Tế Cộng Sản như anh em nhà họ Dulles, hay Acheson, Nixon, Kissinger, Strausz-Hupé v.v... thì ít mà những tay mơ trong các chính quyền Dân Chủ như Harriman, Hillsman... thì nhiều. Cho nên Mỹ mới thất trận nhục nhã, vì không bảo vệ được miền Nam VN, phải ***“tháo chạy”***, làm đê tài cho

một nhân vật thân cận với cựu *tổng thống tháo chạy và cả một chính quyền tháo chạy* viết tác phẩm mới nhất của ông.⁵

Cái sai lầm chiến lược quân sự quan trọng nhất của chính quyền Kennedy, do Harriman chủ xướng và thực thi là **hiệp định Genève về Ai Lao năm 1962**. Với hiệp định này, Hoa Kỳ đã tự để mình rơi vào cái bẫy sách lược *trung lập* của CS, biến Ai Lao thành căn cứ địa bất khả xâm phạm của VC, để CS mở rộng, bảo vệ và củng cố đường mòn Hồ Chí Minh, lấy đó làm xương sống của cuộc xâm lăng miền Nam suốt từ đó cho đến tận cuối cuộc chiến, mà máy bay Mỹ không sao phá được. Vì Mỹ “tôn trọng” (!?) hiệp định. Còn VC chẳng bao giờ tôn trọng như Harriman đã ngu ngốc tin rằng Liên Xô sẽ can thiệp bắt nó phải tôn trọng.

Cái sai lầm chiến lược thứ hai (phi quân sự) còn quan trọng hơn của chính quyền Kennedy cũng có bàn tay của Harriman nhúng vào. Ông ta cùng với đàn em Rogers Hillsman và Michael Forrestal (cố vấn an ninh quốc gia) và vài thứ trưởng khác, đã lươn lẹo với cấp trên, lừa lú các nhà lãnh đạo cao cấp nhất như tổng thống, ngoại trưởng, bộ trưởng quốc phòng, giám đốc trung ương tình báo đi nghỉ mát, đã thảo thư trình Tổng Thống ký để gửi Đại Sứ Cabot Lodge ra lệnh bật đèn xanh cho nhóm đảo

⁵ *Khi Đồng Minh Tháo Chạy* của Nguyễn Tiến Hưng.

chính lật Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Vì các vị mãi đi nghỉ, nên tổng thống ký mà không biết rằng các giới chức liên hệ cú tưởng tổng thống đã đồng ý trước và chỉ thị cho thi hành, nên đã ký tắt chuyển trình lên.⁶

Tưởng chỉ cần nêu hai cái sai lầm chiến lược đó cũng đủ. Vì đối với những người hiểu rõ chiến lược sách lược giai đoạn và sách lược mặt trận thống nhất dân tộc của Quốc Tế CS thì việc lật một chính phủ hợp hiến hợp pháp, do một nhà ái quốc lãnh đạo (mà đến kẻ thù cũng phải công nhận lòng ái quốc), để rồi sau đó bó buộc phải đem đại quân vào mà không do một hiệp ước song phương nào cho phép, thì chính nghĩa của cuộc chiến đã mất. Chống cộng trở thành chống VN. Nhất là lúc ấy bộ máy tuyên truyền của VC và QTCS đã có một thần tượng *cha già dân tộc* là Hồ Chí Minh. Trong tình hình đó, người dân Mỹ sẽ thấy: Phản chiến là chính đáng. Tiếp tục chiến đấu là phi nghĩa. Những cuộc biểu tình của hàng trăm ngàn người dân Mỹ chống chiến tranh, cộng với dư luận thế giới lên án Mỹ xâm lăng đã bắt buộc chính quyền Nixon được coi như điều hâu nhất, cũng đành phải chùn tay, rồi bỏ cuộc.

Về phía chính quyền và nhân dân miền Nam, sự có mặt đông đảo quân Mỹ, sự lộng quyền của một số cố vấn, sự nắm giữ quyền chỉ huy tối cao của các

⁶ Xin xem *JFK and Vietnam* của John M. Newman, A Time Warner Co., 1992, trang 33-34 và 385.

tướng lãnh Mỹ... khiến người dân có cảm tưởng chính quyền VNCH (đệ nhị) chỉ là bù nhìn. Các viên chức chính phủ cũng đâm ra ỷ lại, cái gì cũng chờ lệnh của tòa đại sứ Mỹ. Thấy tiền của Mỹ đổ vào như nước để dưỡng binh và thực hiện các công tác tiếp vận, người dân và cả viên chức nhà nước cũng dễ sinh lòng tham, và trong cái tham có sự tranh giành. Xã hội thêm tiện nghi nhưng cũng thêm cơ hội thối nát, lục đục. Đó là chưa kể một số đông quân sĩ và viên chức chính quyền cảm thấy mình chiến đấu không còn là cho dân tộc nữa mà dường như cho quyền lợi ngoại bang, nên tỏ ra rất tiêu cực.

Những nhà trí thức có tự ái dân tộc coi thường chính quyền (đệ nhị Cộng Hòa) mà họ coi như tay sai của ngoại bang. Một số trù thủ. Một số ra bưng. Hàng ngũ chống cộng vì thế suy yếu. Trong khi đó tuyên truyền CS tấn công khó có cách gì chống đỡ. Trong tình trạng ấy, mọi cố gắng của quân Mỹ và VNCH đều thất bại.

Vì vậy mà Nixon và Kissinger là những kẻ hiểu chuyện phải bằng mọi cách đưa quân Mỹ ra khỏi Việt Nam, nhường công việc “Việt Nam Hóa Chiến Tranh” cho những tay sai cũ của Mỹ quán xuyến. Làm sao còn kịp nữa? Cho nên thua là dĩ nhiên.

Tuy nhiên đối với Mỹ, tuy là thua đậm. thua một cách nhục nhã, nhưng cũng chỉ là thua ở một mặt trận cục bộ. Những bộ óc như Nixon và Kissinger đã biết cách chuyển hướng chiến lược sang những trận địa chính rộng lớn và quan trọng hơn, là Trung

Cộng và Liên Xô. Và họ đã thành công trong việc đặt được những nhân tố căn bản nhất mở đường cho những Reagan và Bush (cha) triển khai thành công sau này bằng một hình thức đấu tranh phi quân sự nhưng rất thành công, vì đó là nghệ thuật lấy gậy búa đập lưng bà; vũ khí tuyên truyền, bất bạo động.

Reagan đã cương quyết chỉ đích danh CS là cái Ác. Và ông đã biết tìm cách liên minh với Con Người tượng trưng cho cái Thiện ở Vatican, để đi đến thành công mỹ mãn ở Ba Lan, chỉ bằng phương thức đấu tranh bất bạo động, đúng ra là bằng tuyên truyền. Rồi như một dây chuyền, giống như những quân cờ đô-mi-nô, toàn bộ khối Đông Âu CS sụp đổ rồi Liên Xô tan rã chỉ hơn một năm sau.

Còn Việt Nam thì vì cho tới nay đa số người Việt quốc gia vẫn chưa nhìn ra **nhu cầu căn bản** của cuộc chiến là phải dùng tuyên thông hiện đại đánh đổ thần tượng yêu nước “*cha già dân tộc*” của Hồ Chí Minh, nên vẫn còn bị ở trong thế chiến bại:

Nếu Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam là nhà ái quốc, đã đánh thắng cả Pháp lẫn Mỹ, trong hai cuộc chiến, như những nhà báo sử gia chẳng hiểu gì về chiến tranh ý thức hệ đã viết, như chúng tôi đã trình bày một cách hết sức vắn tắt ở trên,⁷ thì

⁷ Muốn tham khảo thêm chi tiết về tuyên truyền của CS và chiến tranh ý thức hệ, xin xem những chương liên hệ trong các cuốn Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản (Saigon, 1963 và 1970), Ai Giết Hồ Chí Minh (Virginia, 2002) và nhất là Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp (Virginia, 2003).

dĩ nhiên những người cùng chiến đấu bên cạnh Pháp và Mỹ chống Việt Minh, Cộng Sản đều là phản quốc, hay Việt gian bán nước. Dư luận thế giới và con cháu chúng ta sẽ lên án chúng ta là điều không thể nghi ngờ.

Thế mà cho đến nay xem ra các tổ chức đấu tranh cho tự do dân chủ (hầu hết do dân miền Nam trước, hoặc do những cựu sĩ quan, viên chức VNCH khởi xướng hay tham gia) chỉ nhắm vào những công tác phụ khác mà quên bẵng đi nhu cầu chiến lược hàng đầu này. Đáng tiếc.

Nam Cali 26-4-2005

4. McNamara và chiến tranh Việt Nam

Cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert S. McNamara đã qua đời ngày 6-7-2009, thọ 93 tuổi. Tuy quyết định hòa hay chiến phải là quyết định của tổng thống được lưỡng viện Quốc Hội thông qua, nhưng nhiều người vẫn cho rằng, với tư cách là bộ trưởng Quốc Phòng, ông McNamara là “kiến trúc sư” (architect) của chiến tranh Việt Nam, gây chết chóc cho hàng triệu người vô tội, đồng thời mang lại “hội chứng Việt Nam” cho siêu cường Mỹ. Đó là chưa kể cuộc chiến đã làm cho 58,000 quân nhân Mỹ tử trận.

Có người còn trách ông xem ra chẳng ân hận gì về những tang thương đổ vỡ mà cuộc chiến đã gây ra cho Việt Nam, một nước nhỏ bé, trở thành nạn nhân của một đại cường. Nhân cái tang của một nhân vật từng được ca tụng là có bộ óc điện tử phi phàm, từng là tác giả của hàng rào điện tử mang tên ông chặn ngang vĩ tuyến 17 của Việt Nam, chúng tôi xin có một vài ý kiến, xin lỗi, hơi khác với những nhận định không tốt nói trên về người quá cố.

Robert S. McNamara sinh ngày 9-6-1916 tại San Francisco. Xuất thân là một doanh gia có tài, và thành đạt rạng rỡ (trở thành chủ tịch công ty Ford năm 44 tuổi), từng dạy về quản trị doanh nghiệp ở đại học Havard nổi tiếng nhất của Mỹ, ông bước vào chính trường do lời mời của Tổng Thống John F. Kennedy muốn trao cho ông Bộ Quốc Phòng.¹ Ông đã giữ bộ này trong 8 năm từ 21-1-1961 đến tháng 2 năm 1968 là lúc ông rời nhiệm sở để sang làm chủ tịch Ngân Hàng Thế giới.

Đối với Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tuy ông không bao giờ ngợi khen nồng nhiệt như các Tổng Thống Eisenhower, Johnson, Nixon hay tướng Maxwell Taylor, và cựu đại sứ Frederick Nolting

¹ Trong thế chiến II ông đã phục vụ ở Không Lực Hoa Kỳ và lên tới cấp trung tá.

² Những vị này đã gọi ông Diệm là “Miracle Man”, “Churchill of Asia” hay “Key Stone of A Dome”. (Về chi tiết và ý nghĩa nội dung những lời khen này xin xem Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc của Minh Võ. ấn bản 2009 của ĐĐGD, trang 118, 224.) Hay ví ông với nắp hộp Pandora chính trị, theo thần thoại cổ Hy Lạp, như tướng Maxwell Taylor đã viết nguyên văn:

“What we could not know was that an American-supported coup in 1963 would remove Diem, and with him the lid of the political Pandora’s box in which Diem had confined the genies of political turbulence. When freed, these forces tore South Vietnam apart in 1964 and 1965 and presented us with a completely different set of political problems.” (Điều chúng ta đã không biết là cuộc đảo chính được Hoa Kỳ ủng hộ năm 1963 đã lật ông Diệm và cùng với ông cũng lật luôn cái nắp hộp chính

v.v.² Trái lại còn nêu lên những khuyết điểm của vị tổng thống từng bị báo chí Mỹ chỉ trích nặng nề. Nhưng trong một chuyến thanh sát tình hình Việt Nam Cộng Hòa cùng với Thống Tướng Taylor vào tháng 10 năm 1963 ông đã cùng phúc trình rằng tình hình an ninh ở vùng nông thôn VNCH khả quan có thể cho phép Mỹ rút 1000 cố vấn về vào năm sau.

Cũng vì thế ông đã cùng với Phó Tổng Thống Lyndon B. Johnson, thông tướng Maxwell Taylor, các Đại Tướng McGarr, Paul Harkins... và Giám Đốc CIA McCone v.v... đứng về phe bên, không muốn lật đổ Tổng Thống Diệm. Khác với những nhân vật quý trọng tài đức của ông Diệm, ông sở dĩ không muốn hạ ông Diệm chỉ vì ông thấy trước nguy cơ một miền Nam xáo trộn trong tình trạng vô chính phủ, sau khi lật đổ một chế độ hợp hiến hợp pháp có đầy đủ các cơ chế pháp lý ổn định. Chứ không phải vì mẫn thương hay quý trọng ông tổng thống độc thân.

Trong cuốn *Argument Without End* viết chung với 4 người khác xuất bản năm 1999, ông đã minh

trị Pandora, trong đó ông Diệm đã nhốt những thần hồn loạn chính trị. Khi những thần này được tự do tung hoành, chúng đã xé nát Nam Việt Nam trong những năm 1964 và 1965, đặt chúng ta trước một loạt những vấn đề chính trị hoàn toàn khác lạ.” (Thanh Gươm Và Lưỡi Cày, Swords And Plowshares, W.W. Norton & Company, Inc. N.Y. 1972, trang 401.)

thị nói Hoa Kỳ có lỗi trong cuộc chính biến này.³ Và trước đó 4 năm, trong cuốn *In Retrospect, Tragedy and Lessons from Vietnam*,⁴ ông còn nói người Mỹ đã “tổ chức” (organize) và khởi động (set in motion) cuộc đảo chính.

Cuốn *In Retrospect* này chính là một lời thú nhận lỗi lầm và thực lòng hối hận đối với nhân dân Việt Nam. Ai bảo ông không có chút tình cảm con người, chỉ hành động theo thái độ đại cường vô tâm hay thực dụng, có lẽ đã không đọc tác phẩm này. Riêng chúng tôi còn thấy ông hạ mình quá đáng đối với đối phương khi nhận sai lầm trong chiến tranh Việt Nam. Chúng tôi cũng đã thấy ông sai lầm hoàn toàn khi vô tình đồng hóa chiêu bài dân tộc của Hồ Chí Minh và Cộng đảng với chính nghĩa dân tộc của người Quốc Gia. Việc ông gọi cuộc chiến Việt Nam là một lỗi lầm kinh khủng (ông dùng chữ “terribly wrong”) đã

³ Trong tác phẩm *Argument Without End, In Search of Answers to the Vietnam Tragedy*, xuất bản năm 1999, McNamara đã nhiều lần dùng từ “culpable” để nói lên cái tội của “chúng tôi” (ví dụ nơi trang 198 ông viết “... I think it is a fact that we were culpable”.), tức của chính quyền Kennedy trong đó ông là bộ trưởng Quốc Phòng, chứ không phải chỉ của một số ít những kẻ chủ trương lật ông Diệm. Và dĩ nhiên tội lỗi thì không phải chỉ là một lỗi lầm nguy kịch (a critical mistake), như chữ được dùng nhiều lần bởi Tổng Thống Nixon trước đó (trong *No More Vietnams*).

⁴ Tạm dịch: *Nhìn Lại. Thảm Kịch và Những Bài Học từ Cuộc Chiến Việt Nam*, Random House, Inc. NY, 1995, trang 401.

khiến cả phe điều hâu lẫn phe phản chiến đả kích ông tới tấp.

Về thái độ phục thiện và lương thiện của ông, ký giả John F. Kennedy Jr.,⁵ khi phê bình cuốn *In Retrospect*, đã viết:

“Robert McNamara đã làm được điều ít người làm được. Ông ta đã nhận trách nhiệm hoàn toàn về những quyết định của ông, và nhìn nhận rằng mình đã sai lầm”...

Đến đây, trước vong linh người vừa quá cố, tôi xin đặt lại vấn đề. Ông McNamara, chính quyền của đảng Dân Chủ, chính phủ Mỹ có sai lầm khi đem đại quân vào Việt Nam từ những năm 64-65 thế kỷ trước không?

Muốn trả lời một cách thích đáng câu hỏi trên, thiết nghĩ cần xét mục đích của hành động đó, cách thức thực hiện, và các chiến pháp áp dụng khi tiến hành cuộc chiến.

Trước hết về mục đích của việc đem quân vào Việt Nam, ta lại phải hỏi: Có phải vì mục tiêu tối hậu và tối cao là bảo vệ gia sản muôn đời của nhân loại đang bị tà thuyết Cộng Sản đe dọa hủy diệt không? Hay chỉ vì muốn cạnh tranh, tranh giành ảnh hưởng với một cường quốc khác, dù đó là một đồng minh? Hay vì một lý do vị kỷ trục lợi nào khác?

⁵ Con trai cố Tổng Thống Kennedy, sinh vào cuối năm 1960, chỉ vài tuần trước ngày thân phụ tuyên thệ nhậm chức, tử nạn trong một tai nạn máy bay cùng với vợ và cô em vợ, lúc mới 39 tuổi.

Tiếp đến, về cách thức thực hiện, Hoa Kỳ có tôn trọng chủ quyền của nhân dân Việt Nam bằng cách hỏi ý kiến của một chính quyền hợp hiến hợp pháp, đại diện chính thức của người dân, hay bàn thảo để có một hiệp ước song phương ký với một chính quyền có đầy đủ tư cách pháp lý như trên không? Hay là tìm cách lật đổ chính quyền hợp hiến hợp pháp, để rồi dựng lên một chính phủ không có cơ sở pháp lý, nhưng sẵn sàng đón nhận quân ngoại quốc vào để thao túng chiến trường và chính trường?

Sau hết, về chiến pháp áp dụng trong cuộc chiến, ta cần xác lập được tính chất của cuộc chiến. Đó là chiến tranh giải phóng hay chiến tranh xâm lược, hay chiến tranh tự vệ? vân vân... Lại phải am tường về chiến pháp của đối phương? Đối phương dùng chiến pháp thuần túy quân sự, hay dùng chiến pháp toàn diện theo quan điểm toàn bộ chiến của Karl von Clausewitz, lấy tuyên truyền và chiến tranh chính trị làm chính?

Để trả lời vắn gọn từng câu một trong ba câu hỏi nêu trên, nên xác định một cách cụ thể rằng, nếu vì mục đích tự vệ, nhằm bảo vệ nền văn minh của nhân loại chống tà thuyết phi nhân vô đạo, không tưởng của Cộng Sản, thì đó là một cuộc thế chiến được nhiều người mệnh danh là thế chiến III. Chú không phải là một cuộc chiến cục bộ, địa phương.

Mà, trên nguyên tắc, lý thuyết, đã là một cuộc thế chiến bao trùm khắp địa cầu về mọi mặt, thì phải

vận dụng tài năng trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân, phải kêu gọi sự đoàn kết của mọi quốc gia từ những đại cường đến các chính phủ của mọi nước bị trị. Cho mọi người biết rõ vì mục đích gì ta chiến đấu. Phải nhân danh nhân loại, nhân danh nền văn minh, nhân danh sự tồn vong của cả loài người, thì mới đối đầu được với những kẻ đang nhận danh giai cấp vô sản toàn thế giới để âm thầm lặng lẽ tấn công ta, bằng những thứ ám khí mà chúng mới “chế tạo” ra.

Vì vậy trước khi đưa quân vào Việt Nam, phải nói rõ cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới biết rõ mục tiêu của việc đó là nhằm chống lại cuộc xâm lăng rộng lớn khắp hoàn cầu của Cộng Sản bằng các phương tiện phi vũ trang. Nghĩa là bằng khuynh đảo, nổi dậy, xâm nhập, lũng đoạn.... để cuối cùng chiếm chính quyền ở từng địa phương hầu dần dần bá chủ thế giới, với chiêu bài giải phóng giai cấp vô sản. Muốn làm được việc này phải được sự đồng tình và tiếp tay nhiệt thành của giới truyền thông và dư luận thế giới. Chú chỉ với những tuyên ngôn và huấn thị của các nhà lãnh đạo không mà thôi thì hoàn toàn thiếu sót.

Ngay từ cuối thập niên 50 đầu thập niên 60 thế kỷ trước, nhiều nhà nghiên cứu đã cảnh báo là chúng ta đang ở giữa thế chiến III. Nhưng lúc ấy cũng chỉ mới có một số ít nhà lãnh đạo thế giới lãnh hội được điều đó. Còn đại đa số nhân loại và nhất là báo giới và phần đông học giả vẫn không tin. Chẳng những

thể còn tiếp tay cho CS, đề cao cái gọi là những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, nhằm vào các đại cường, mà họ tố cáo là đế quốc tư bản thuộc giai cấp bóc lột.

Muốn thành công, các chính quyền Mỹ đáng lý phải giáo dục, giác ngộ báo giới trong nước để đa thông về mục tiêu tác chiến của phe nhà trước khi tuyên chiến, hay đem đại quân sang giúp Việt Nam chống Cộng sản xâm lăng. Nhưng vì “nể trọng” đệ tứ quyền, các nhà lãnh đạo đã cúi đầu trước những lời lẽ thiếu hiểu biết và hỗn xược của giới cầm bút. Những nhà báo trẻ ở tuổi 20 đã một thời làm mưa làm gió nơi chiến trường và chính trường. Ông Ngô Đình Diệm đã nhiều phen nói trước, với những nhà báo loại này, thì sẽ mất nước về tay cộng sản. Nhưng người ta thay vì cảnh giác lại chế riễu những lời chân thực ấy.

Lúc ấy có tin đồn (hay giả thuyết) rằng bọn tài phiệt nắm siêu quyền lực ở Mỹ chủ trương mở rộng chiến tranh Việt Nam để bán vũ khí mới, tiêu thụ vũ khí cũ thời đệ nhị thế chiến. Có ai muốn tin những tin đồn đó thiết nghĩ cũng không có cách gì chứng minh được. Tôi nghĩ ông McNamara không phải tay sai của bọn tài phiệt bất nhân đó. Rất có thể ông còn là người thực lòng muốn thực hiện chính sách “be bờ” (containment policy) của các Tổng Thống Eisenhower và Kennedy nhằm ngăn chặn không cho làn sóng đỏ tràn sang các nước vùng Đông Nam Á

qua ngà Việt Nam và Ai Lao. Nghĩa là khi đem quân vào Việt Nam các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ lúc ấy, cụ thể là tổng Thống Lyndon B. Johnson và bộ trưởng Quốc Phòng McNamara đã làm vì mục đích cao cả là bảo vệ nền văn minh nhân loại.

Nhưng nói vậy không có nghĩa là tôi tin McNamara đã hiểu rõ ý nghĩa của cuộc chiến tranh toàn cầu toàn bộ của Công Sản, được mệnh danh là thế chiến III.

Để trả lời câu hỏi 2, về cách thức thực hiện việc đem quân vào, chắc ông McNamara hơn ai hết đã biết là thất sách. Trước đó chính ông đã đứng về phe chống cuộc đảo chính 1-11-1963, vì biết nó sẽ đưa các chính quyền kế tiếp sau đảo chính vào thế vô chính phủ, không có một cơ sở pháp lý nào. Quốc Hội cũng không còn, để đại diện nhân dân chấp thuận hay không chấp thuận việc Mỹ đem quân vào.

Như vậy việc Mỹ đem quân vào là phi pháp, làm có cho tuyên truyền của CS rằng Mỹ xâm lược Việt Nam và chính quyền Sài Gòn là tay sai, bù nhìn, quân đội miền Nam là lính đánh thuê v.v... Vì ý thức được phần nào hệ quả tai hại đó và tình trạng bấp bênh trong thực tế như vậy nên ngay từ năm 1966 ông đã bắt đầu thấy nhiều trở ngại chống chất mà bộ óc điện tử thông minh cực kỳ của ông không sao tìm ra lối thoát. Cho nên ông đã muốn sớm từ chức. Nhưng tinh thần trách nhiệm thúc đẩy ông cố gắng sức thêm vài tháng nữa để đổ cái đồng rác kếch sù

mà một vài viên chức ngoại giao cấp trung vô lương tâm của Mỹ đã vắng vãi ra.

Người ta có thể cãi chầy cãi cối rằng từ 1967 trở đi đã có chính quyền hợp hiến Nguyễn Văn Thiệu rồi, thì việc Mỹ đem quân vào đã thành danh chính ngôn thuận. Nhưng chính quyền đó là do có nửa triệu quân Mỹ tạo nên. Thử hỏi khi Mỹ đem quân vào nó chưa ra đời thì nó làm sao chấp thuận hay không chấp thuận việc Mỹ đem quân vào? Mà nếu không có quân Mỹ thì nó cũng chẳng thành hình được.

Chính sự phi nghĩa của cuộc chiến dẫn đến những khó khăn chống chất về mọi sáng kiến cũng như kế hoạch tác chiến đó làm cho kiến trúc sư nhà ta quyết định dứt khoát. Và vào một ngày cuối tháng 11-1967 ông đã đệ đơn từ chức. Có người cho rằng ông từ chức vì những bất đồng chiến lược với tổng thống. Nhưng nguyên do những bất đồng ấy lại nằm trong chính sự kiện cuộc chiến không có chính nghĩa, và vì chẳng bên nào hiểu thấu đáo được bản chất và lý do đích thực của cuộc chiến.

Về câu hỏi thứ 3 liên quan đến phương pháp hay chiến lược sách lược, muốn trả lời cho thấu đáo cần có cả một bộ sách. Vì nó liên quan đến bản chất cuộc chiến toàn diện, và những phương lược đấu tranh muôn hình vạn trạng của một thứ chiến tranh hoàn toàn mới. Trong khuôn khổ một bài báo, chúng tôi chỉ có thể nói tóm gọn rằng những phương pháp tác chiến của quân Mỹ tại Việt Nam hoàn toàn không thích đáng.

Đối phương dựa vào 2 niềm tin. Niềm tin vào sự tất thắng của giai cấp vô sản trên thế giới trong hàng ngũ đảng viên Cộng sản. Và niềm tin vào “chính nghĩa dân tộc” của nhân dân ngoài đảng.⁶

Hai niềm tin đó luôn được hun đúc, bồi đắp bởi một bộ máy tuyên truyền tinh vi và các tổ chức vận động quần chúng hữu hiệu, kèm theo một thứ kỷ luật

⁶ Các đảng viên CS được nhồi sọ về chủ nghĩa Mác nên tin rằng họ chiến đấu cho sự toàn thắng của giai cấp vô sản trên khắp thế giới, để cuối cùng thiết lập một thế giới đại đồng trong đó không còn quốc gia dân tộc nữa. Trong thế giới đó giai cấp vô sản sẽ nắm quyền chuyên chính. Nhưng người ngoài đảng thì lại được nhồi nhét một niềm tin khác, niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa dân tộc. Họ không thể biết rằng thứ chủ nghĩa dân tộc của CS chỉ là chiêu bài giả dối.

Muốn tranh thủ giới nghèo và các chính phủ các nước bị trị, các lãnh tụ Cộng Sản phải nhân danh chiêu bài dân tộc. Họ kêu gọi các thành phần đó hãy đoàn kết, đi theo họ để giải phóng các dân tộc bị trị, bị hà hiếp. Vì thế khắp nơi trên thế giới đâu đâu CS cũng lập nên các mặt trận giải phóng dân tộc để đánh lừa, dụ dỗ số đông. Nếu không am tường về lý thuyết và sách lược Lê-nin, thì khó mà tránh khỏi bị lừa.

Về việc này thiết tưởng nên nêu trường hợp của Thống Tướng Maxwell Taylor làm ví dụ. Trong hồi ký Thanh Gươm và Lưỡi Cày nói trên, ông đã thành thật thú nhận mình không hiểu tác dụng của vai trò của mặt trận Giải Phóng Dân Tộc Miền Nam Việt Nam khi được đại tá Edward Lansdale cho biết về nó. Ông bảo đó là lần đầu tiên ông được biết về ý đồ của Cộng Sản vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc ra sao để nhằm đánh đổ chính quyền Miền Nam. (Xin xem SĐD trang 221). Trong trường hợp này ta thấy một viên đại tá hiểu CS xứng đáng là thầy của một thống tướng với bao chiến công hiển hách trong thế chiến II.

thép nhà binh áp dụng triệt để trong một thứ chiến tranh nhân dân, đã vô tình biến toàn dân trong nước thành một đạo quân cuồng tín, chỉ biết tuân lệnh “vì Bác, vì Đảng tiến lên diệt thù” dù phải lấy thân che đạn, hay vít kín lỗ châu mai.

Nếu các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ biết rõ cái gọi là chính nghĩa dân tộc của CS chỉ là chiêu bài giả dối, và sự thất bại của giai cấp vô sản trên thế giới chỉ là một ảo tưởng và sự lừa bịp trắng trợn, thì vị kiến trúc sư cuộc chiến sẽ biết cách đối phó với sự cuồng tín đó. Nhưng tiếc rằng lúc ấy đại đa số giới truyền thông lại tin những chiêu bài giả dối bịp bợm của đối phương là thật, và sẵn sàng làm cái loa khuyếch đại tuyên truyền của đối phương, vô hình trung tự biến mình thành những lính đánh thuê cho Cộng Sản, từ ngay trong lòng tổ quốc. Nói trắng ra những nhà báo nào ca ngợi Bắc Việt có chính nghĩa dân tộc, và nói toàn phe cộng có chính nghĩa giai cấp (vì đứng về số đông là giai cấp vô sản). thì những nhà báo đó đã thực sự chống lại dân tộc, tổ quốc của mình.

Về mỗi loại sách lược đấu tranh muôn hình vạn trạng của cái thứ toàn bộ, toàn diện chiến của CS cần có những cách phản công cần thiết và hữu hiệu cần phải bàn thêm. Nhưng điều đó vượt khỏi khuôn khổ nhỏ bé của bài này.⁷

⁷ Ở đây chúng tôi xin chỉ nhắc lại một điểm chiến lược trọng yếu của Cộng sản miền Bắc do ông Hồ lãnh đạo. Đó là chiêu bài dân tộc. Họ đã nhân danh lòng ái quốc để kêu gọi toàn dân kháng

Có một điều, ông McNamara bị một số tướng lĩnh và các nhà quân sự chuyên nghiệp phê bình đặt dấu hỏi là tại sao ông không cho áp dụng chiến pháp của Tôn Tử dạy rằng “Cách phòng thủ tốt nhất là tiến công”, để cho lực quân tiến ra Bắc tiêu diệt tận gốc rễ bộ đội miền Bắc đồng thời phá hủy hay chiếm lấy các kho vũ khí tiếp liệu của Cộng quân. Nhưng thái độ cẩn trọng của ông là có cơ sở. Ông không muốn mạo hiểm gây đại chiến với Trung Cộng. Về việc này thì những tài liệu về sau đã cho thấy lúc ấy Trung Cộng đã ngầm viện trợ cho Bắc Việt đủ để ngăn chặn một cuộc tiến công như vậy. Hơn nữa Trung Cộng còn hứa sẽ ồ ạt đem quân can thiệp, tiếp viện, nếu có

chiến giành độc lập. Đó là điểm mạnh nhất của họ. Nhưng nếu ta vạch được ra rằng đó thì là chiêu bài giả dối thì đó lại là điểm yếu nhất của đối phương.

Ông Ngô Đình Diệm dùng lòng yêu nước thực sự của mình và những biểu hiện của một nền độc lập thật sự của miền Nam dưới quyền ông để làm vũ khí sắc bén nhất để lột mặt nạ chiêu bài giả dối của ông Hồ và đồng đảng. Lúc ấy đối phương rất sợ. Lúc ấy cũng là lúc ông Diệm không muốn Mỹ đưa đại quân vào. Vì ông tin chắc, chi với biện pháp phi quân sự là dùng chính nghĩa dân tộc thực sự cũng đủ lột mặt nạ chiêu bài dân tộc giả dối của đối phương.

Cho nên sau khi ông Diệm bị chết rồi, Mỹ phải đem đại quân vào, thì đó là nhu cầu cần thiết để cứu lấy miền Nam. Nhưng nếu người Mỹ cũng hiểu như ông Diệm rằng cần trước tiên phải đánh vào yếu huyệt của đối phương là chiêu bài giả dối dân tộc thì sẽ không cần phải dùng tới một số quá lớn quân và nhiều vũ khí đạn dược như vậy. Nhưng các nhà chiến lược Mỹ đã không có được ý

một cuộc tấn công quy mô xảy ra từ phía Mỹ.⁸

niệm chiến lược đó, vì không biết rõ đối phương mạnh và yếu ở chỗ nào để nhằm đúng những chỗ đó mà đánh, chỉ biết lấy sức mạnh vũ khí làm chủ yếu.

Đảng khác đoàn quân hùng mạnh báo giới Mỹ lại đi tuyên truyền không công cho đối phương rằng cái chiêu bài giả dối kia là chính nghĩa dân tộc thực sự. Cái tài của ông Hồ là có thể sai khiến được hàng ngũ đối phương xâu xé lẫn nhau để có lợi cho mình. Đó là bí quyết của thứ chiến tranh ý thức hệ của CS. dù có ghét ông ta đến mấy cũng phải nhìn ra chẳng những khuyết điểm mà cả ưu điểm của đối phương.

Nếu thời chiến mà những nhà báo và học giả Mỹ đứng vì thiên vị, hay thiếu hiểu biết mà đi đề cao đối phương, còn về phía mình và quân dân miền Nam thì chỉ báo cáo những khuyết điểm và lỗi lầm, thì kết cục cuộc chiến đấu có thể thảm như thế. Mới đây Richard Botkin vừa cho ra cuốn *Ride The Thunder* (Cuối Sấm) đã mô tả những chiến công anh hùng hy hữu của những quân nhân Mỹ Việt chẳng hạn như Đại Úy Mỹ John Ripley, hay Đại Tá Việt Lê Bá Bình.

Vị đại tá Việt Nam cho biết rằng chỉ với 700 lính dưới quyền ông đã có thể chặn sự tiến công của 10.000 địch quân. Nếu trong thời chiến báo chí Mỹ đứng thiên vị, trung thực nêu lên những chiến công của những cá nhân và đơn vị tác chiến phe ta, thay vì cứ nghe theo đối phương nhắc đi nhắc lại những thành tích phóng đại của đối phương thì hay biết mấy.

⁸ Robert Brigham, một trong 4 đồng tác giả cuốn *Argument Without End*, trong một phụ bản ở cuối sách đã trưng dẫn nhiều tài liệu phần lớn của Việt Cộng và Trung Cộng chứng minh Trung Cộng đã hứa và sẵn sàng can thiệp để ngăn chặn bất cứ một cuộc đổ quân nào của Mỹ lên miền Bắc Việt Nam. Theo một trong những tài liệu này thì vào tháng 6 năm 1964 tham mưu trưởng quân đội Bắc Việt là Văn Tiến Dũng đã được Bắc Kinh hứa viện trợ quân sự vô điều kiện.

Ông McNamara cũng bị các tướng tư lệnh chiến trường như Westmoreland không ngừng yêu cầu tăng viện thêm quân, cho chiến dịch lòng và diệt địch của ông, hoặc để đối phó với thứ chiến tranh tiêu hao của địch. Điều mà ông ít chờ đợi nhất là đối phương đã dùng đủ mọi cách để tấn công vào ý chí chiến đấu của giới lãnh đạo Mỹ. Trong chiến tranh, việc tìm hiểu ý định của đối phương và tiêu hủy ý chí chiến đấu của đối phương là những công tác luôn luôn khiến các tư lệnh đặc biệt bận tâm.

Tuy không phải là tư lệnh chiến trường nhưng với tư cách bộ trưởng Quốc Phòng, ông cũng không thoát được hai gánh nặng đó. Ngoài ra ông còn phải ứng phó với các kho vũ khí đạn dược lúc nào cũng cần sản xuất thêm, và số tân binh cần tuyển thêm, những quân trừ bị cần trưng tập, huấn luyện thêm cho một chiến trường lúc nào cũng cần tăng viện. Thực tế là ông đã phải đổ vào chiến trường Việt Nam hơn 2 triệu quân, trong đó vào năm 1968 có tới 535.000 quân thường trực.

Sau đó trong thời gian xảy ra vụ khủng hoảng ở Vịnh Bắc Việt tháng 8 năm 1964, (vụ tàu Maddox) Trung Cộng đã đặt các đơn vị hải quân trong vùng ở trong tình trạng ứng chiến. Họ đã sẵn sàng đối phó với một cuộc tấn công bất thần của Mỹ. Trong một chuyến công du sang Tàu trước đó, Hồ Chí Minh đã được Bắc Kinh hứa tăng viện thêm 230 tiểu đoàn nếu cần. Và cho đến 1968 số lính Trung Cộng nằm bên lãnh thổ Bắc Việt lên tới 200.000. (SĐD trang 410).

Đứng trước nhu cầu càng ngày càng lớn, mà thành quả chiến thắng mỗi lúc một xa vời, dù có ý chí đến đâu cũng không khỏi có lúc nản chí. Riêng đối với ông có lẽ ông đã thấy cuộc chiến không thể thắng vì nó không có chính nghĩa, hay chính nghĩa của nó không được giới truyền thông nêu cao mà còn tiếp tay với đối phương tuyên truyền cho cái chiêu bài giả dối được mệnh danh là chính nghĩa của Cộng Sản.

Cho nên việc từ chức của ông là việc không thể tránh và cũng là việc đáng khen.

Để kết luận, chúng tôi xin tóm tắt rằng người mang tiếng là tác giả (kiến trúc sư) của cuộc chiến đã sớm nhìn ra Hoa Kỳ không thể chiến thắng vì mấy lý do sau đây:

Thứ nhất, cuộc chiến tuy có chính nghĩa vì là cuộc chiến tự vệ của thế giới tự do chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản. Nhưng Hoa Kỳ đã không nêu cao được và không giải thích rộng rãi cho mọi người hiểu rõ chính nghĩa đó. Trái lại đã để cho giới truyền thông và học giả trong nước đi bênh vực đối phương để nói ngược lại, gọi đó là một cuộc “chiến tranh bẩn thỉu” (a dirty war).

Thứ hai, khi đem đại quân vào giúp Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ đã dùng cách không thích đáng, nếu không nói là sai trái hoàn toàn.

- Thứ ba, đã áp dụng những chiến pháp không thích hợp, lỗi thời so với một thứ chiến tranh hoàn

toàn mới. Biết là lỗi thời nhưng vẫn phải dùng vì cả bộ máy chiến tranh của một siêu cường lúc ấy vẫn chưa có được sự chuẩn bị và trang bị thích hợp để học hỏi nghiên cứu về những chiến pháp phi vũ trang của một cuộc chiến toàn bộ, hoàn toàn vượt khỏi khái niệm chiến tranh thông thường, thuần túy quân sự.⁹

McNamara đã bỏ cuộc, cũng như sau đó Johnson cũng bỏ cuộc, tuyên bố không ra ứng cử nữa, vì thấy mình bất lực và thất bại. Hai ông đã để gánh nặng lại cho các nhà lãnh đạo đảng Cộng Hòa lãnh đủ. Sau cùng Kissinger, một bộ óc độc đáo mang dòng máu Do Thái siêu việt cũng thúc thủ trước những thủ đoạn nham hiểm và thái độ lì lợm, kiên trì kéo dài những cuộc đàm phán (với những chuỗi độc thoại tuyên truyền một chiều hay cãi vã vô tận) của các nhà thương thuyết Việt Cộng – vì đàm đàm đánh đánh là sở trường của thứ chiến tranh phi vũ trang Cộng Sản – để cuối cùng đi đến một hiệp định Paris bóp chết một đồng minh mà mình đã hứa bảo vệ, nhưng đã bất lực không bảo vệ nổi.

Hậu quả lâu dài là siêu cường Mỹ mang tiếng bất nhân bỏ rơi đàn em bé nhỏ. Richard Nixon thì cũng từ chức giống như McNamara đã từ nhiệm. Nhưng là vì bất đắc dĩ, do vụ tai tiếng Watergate

⁹ Vấn đề này nói ra thì rất dài dòng. Trong một bài đăng trên *DCVOnline*, cách đây 2 năm chúng tôi đã phân tích về thứ chiến tranh gọi là chiến tranh ý thức hệ này.

gây ra. So với McNamara thì thất bại của Nixon còn nặng nề hơn.¹⁰

¹⁰ Đó là nếu chỉ xét về chiến tranh Việt Nam. Một số người dựa vào vài tài liệu mới được giải mật, hay những cuốn băng ghi âm các cuộc đàm thoại giữa các nhà lãnh đạo Mỹ, đã khẳng định Nixon đã không thua, chỉ giả vờ thua hầu có cơ sở bỏ rơi VNCH không xót thương. Vì Nixon và Kissinger đã nắm được Trung Cộng rồi... Nhưng thực ra, không phải vậy. Ngay từ 1968, sau trận tết Mậu Thân, chính quyền Johnson đã thấy cần thương thuyết để chấm dứt cuộc chiến mà Mỹ không có hy vọng thắng.

Đến thời Nixon thì cuộc chiến đó đã thành vũng lầy chỉ nguy cần phải cố gắng lắm mới rút chân ra được. Và Nixon đã làm hết sức mình. Ông từng có tiếng là Diều Hâu chống Cộng cực đoan. Ông đã phong tỏa cảng Hải Phòng, cho thả bom Hà Nội 12 ngày dịp Giáng Sinh năm 1972. Cho Kissinger mật đàm với Lê Đức Thọ. Vẫn không có kết quả. Mặt khác phong trào phản chiến do báo chí thổi bùng lên trong nước chẳng khác gì những ngọn giáo nhọn đâm thẳng vào trái tim tổ quốc.

Áp lực phải chấm dứt chiến tranh và rút chân ra khỏi vũng lầy càng ngày càng khẩn cấp. Trong trường hợp đó, như ở vào một thế “cùng tắc biến” Nixon đã nghĩ ra ngón đòn “thương thuyết” thắng với đàn anh của Việt Cộng để đi tới Thông Cáo Chung Thượng Hải ngày 27 tháng 2 năm 1972. Thành quả đó đẩy Hà Nội vào cái thế bất buộc phải thương thuyết nghiêm chính để đi tới hiệp định Paris.

Dĩ nhiên tổng thống một nước dân chủ như Mỹ không có toàn quyền trên mọi vấn đề. Còn có Quốc Hội chịu ảnh hưởng của dư luận quần chúng và nhất là của báo chí. đệ tứ quyền. Cho nên nếu người Việt muốn trách Mỹ, thì hãy tập trung sự phê phán, lên án, vào đám ký giả ăn hại hơn là nhắm vào vị tổng thống diều hâu chỉ bắt đấm đi lắm mới phải nhường nhịn một kẻ thù lì lợm dai dẳng không thể tưởng tượng được.

Trong hai bài báo trước, chúng tôi đã ca ngợi sáng kiến

Thất bại mà nhận mình thất bại là thái độ đáng khen. Còn dám nhận mình sai lầm nên mới thất bại, còn đáng khen hơn nữa.

Đây là bài học quý giá cho chúng ta, nhất là cho những người đã nhúng tay vào việc lật đổ một chế độ hợp hiến hợp pháp để đẩy miền Nam vào cảnh hỗn loạn với những nhà lãnh đạo tay mơ. phải hoàn toàn lệ thuộc vào quân đội ngoại quốc để cai trị. Cho nên mất nước là chuyện “tiên định”, không thể tránh. Liệu các nhà báo thiên tả của Mỹ từng có ảo tưởng về một nền dân chủ kiểu Mỹ trong chiến tranh Việt Nam có hối hận không?

Liệu một vài tướng lĩnh và mấy chính khách bất tài, mấy “nhà cách mạng” vì địa vị, vì quyền lợi phe nhóm có biết bắt chước một chính khách Mỹ như McNamara, như Nixon, dám cam đảm nhìn nhận mình thua và mình đã sai không. Tương lai của con

thương thuyết của Tổng Thống Nixon chẳng những nó đã giúp ông rút chân ra khỏi vũng lầy Việt Nam mà còn mở đầu cho hàng loạt chiến thắng ngoại giao khác (đáng kể là thỏa hiệp được với Liên Xô về các điều khoản của hiệp ước Salt I về hạn chế vũ khí chiến lược tầm xa, sau khi đã ký với Tổng Bí Thư Liên Xô Leonid Brezhnev hiệp ước ABMT (Anti-Ballistic Missile Treaty ngày 26-5-1972).

Với những thắng lợi ngoại giao này ông đã đặt nền tảng cho những sáng kiến của các Tổng Thống Bush cha, và nhất là Ronald Reagan, đem tới thắng lợi hoàn toàn của thế giới Tự Do vào năm 1991, 8 năm trước lời tiên đoán của Nixon, (theo tác phẩm tiên tri của ông: 1999 – Chiến Thắng Không Cần Chiến Tranh.)

cháu chúng ta, của Việt Nam tùy thuộc ở thái độ người quốc gia chúng ta có biết lỗi và phục thiện, để tìm cách sửa chữa những lỗi lầm quá khứ không.

5. Chiến Tranh Việt-Pháp?

Trên nhật báo Người Việt ngày 21 tháng 2 năm 2005, giáo sư Lê Xuân Khoa mở đầu bài “30 năm sau vẫn còn tranh luận: **Chiến tranh của Mỹ hay chiến tranh Việt Nam?**” của ông như sau:

“Cuộc chiến 1945-1954 giữa thực dân Pháp và các phong trào kháng chiến giành độc lập của các dân tộc Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào thường được các nhà viết sử gọi chung là chiến tranh Đông Dương. Đối với từng quốc gia Đông Dương, cuộc chiến này còn mang những tên khác nhau nhưng cùng một ý nghĩa. Chẳng hạn trong trường hợp Việt Nam, đây là chiến tranh giành độc lập, chiến tranh chống đế quốc Pháp hay ngắn gọn hơn, **chiến tranh Việt-Pháp** (MV nhấn mạnh). Tất cả những cách gọi tên này đều đúng và không có gì cần phải tranh luận”.

Chẳng lẽ giáo sư Khoa từng nghiên cứu lịch sử Việt Nam quên rằng trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1954 đã có hai hiệp ước (1948 và 1949) được ký kết giữa Pháp và quốc gia Việt Nam do Quốc Trưởng

Bảo Đại lãnh đạo và được sự ủng hộ của các đảng quốc gia không cộng sản? Hai hiệp ước này đã công nhận nền độc lập của Quốc Gia Việt Nam. Nhất là hiệp ước 8-3-1949 đã do chính Tổng Thống Pháp Vincent Auriol ký với Quốc Trưởng Bảo Đại và đã được quốc hội Pháp phê chuẩn (ngày 2-2-50). Trong cuộc chiến tranh Đông Dương các đảng quốc gia trong Quốc Gia này đã không cùng với Việt Minh chống Pháp mà trái lại đã cùng với Pháp đánh Việt Minh. Vì vậy nếu khẳng định cuộc chiến tranh từ 1945 đến 1954 là chiến tranh Việt-Pháp do người Việt Nam thực hiện nhằm tranh thủ độc lập thì quả tình đã bỏ qua những thực tế lịch sử vô cùng quan trọng.

Nếu chúng ta chấp nhận – *coi như không có gì cần tranh luận* – nhận định của giáo sư Khoa, thì tất cả các đảng phái quốc gia phi cộng sản, và những nhân sĩ, trí thức, học giả, văn nghệ sĩ, ký giả... và đa số nhân dân trong vùng quốc gia lúc ấy đều là Việt gian bán nước đúng như Việt Cộng tuyên truyền.

Nếu không phân tích kĩ để tìm hiểu thực chất cuộc chiến tranh gọi là “*cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất*” này, thì sau này chắc chắn con cháu chúng ta sẽ kết tội cha ông chúng, có lẽ trong đó có cả chính giáo sư Khoa, là phản quốc, tay sai thực dân Pháp.

Vì đây là một cuộc chiến có nhiều uẩn khúc, đầy bí ẩn cho nên nhiều sử gia ngoại quốc đã bị lầm do tuyên truyền tinh vi của cộng sản, và cũng vì phía quốc gia cũng như đồng minh coi nhẹ việc giải thích

chính nghĩa của mình. Nhưng người viết sử trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, dù là tay mơ, cũng không thể khẳng định “*cuộc chiến tranh chống cộng... chỉ thích hợp trong thời chiến*”, như ông Khoa viết ở một đoạn sau. Nó đã là chiến tranh chống cộng, thì sau chiến tranh, các nhà viết sử chân chính vẫn phải coi nó là chiến tranh chống cộng. Trừ phi muốn đổi trắng thay đen theo ý muốn, để cho thích hợp với một đường lối lừa lẹo nào đó.

Vấn đề danh xưng của cuộc chiến liên quan mật thiết đến chính nghĩa của cuộc chiến. Người quốc gia chỉ có chính nghĩa khi phải tự vệ, cầm súng chống trả người Việt cộng sản, nghĩa là giết đồng bào của mình, nếu chứng minh được rằng những người Việt cộng sản đó phản bội tổ quốc, làm tay sai cho đế quốc Liên Xô, Trung Cộng, hay hành động trái với quyền lợi của tổ quốc, hòng phục vụ một ý đồ điên cuồng và ảo tưởng là đưa giai cấp vô sản quốc tế lên nắm quyền bá chủ thế giới *bằng cách tàn sát các nhà ái quốc chân chính và đẩy hàng triệu đồng bào vào chỗ chết*. Việc chứng minh đó có vẻ nhiều khó vì nó đòi hỏi một hiểu biết tối thiểu về chủ nghĩa cộng sản và các chiến lược sách lược do những tay trùm Lênin và Stalin đề ra. Đồng thời cũng phải hiểu về kỹ thuật tuyên truyền cộng sản, là một thứ vũ khí chủ soái của cuộc chiến ý thức hệ (cộng sản).

Trong một bài báo, không thể đi vào những chi tiết đó mà chúng tôi đã ghi trong mấy cuốn sách gần

đây.¹ Chỉ xin dẫn chứng một tài liệu do chính một tay trùm Cộng Sản Việt Nam là Võ Nguyên Giáp liên quan đến mục đích của cuộc chiến mà ông Khoa gọi là Việt-Pháp.

Trong hồi ký *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên* (nhà XB Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, lần thứ 5, 2001, chương 9) họ Võ đã tiết lộ một chỉ thị của Thủ Tướng Pháp George Bidault trao cho trưởng đoàn thương thuyết Max André, trong đó có câu: *“Phải giành cho được mọi sự bảo đảm để trên lãnh vực đối ngoại Việt Nam không thể trở thành một quân cờ mới trong ván cờ Xô Viết.”*

Câu trên cho thấy, ngay từ lúc ấy (mùa thu năm 1946) đã bắt đầu *ván cờ* “chiến tranh lạnh” giữa Đông và Tây. Và nước Pháp cùng với một số nước khác ở châu Âu như Anh, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg đã tự đặt mình vào thế đối đầu với Liên Xô. Nguyên

¹ Trong chương 27, Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê, chương 27 (tổng kết), Phan Tinh Phan Kháng Thực Hay Hư, các chương “Cây Biết Đi Và Mặt Trời Xoay Quanh Trái Đất”, “Orchestra- tion”, “Agit-Prop” cuốn Ai giết Hồ Chí Minh?, chương 9 phần I và toàn bộ phần 3 của Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp, gồm 10 chương (250 trang), chúng tôi đã trình bày chi tiết về cuộc chiến ý thức hệ cộng sản và vai trò của Hồ Chí Minh chuyên gia số một thế giới về tuyên truyền cộng sản. Nếu muốn đi sâu vào chiến lược, sách lược của cuộc chiến ý thức hệ CS, thì nên tìm đọc cuốn Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản do tác giả xuất bản năm 1963 tại Saigon, tái bản lần thứ nhất tại Saigon, 1970, tái bản lần thứ 2 tại Nam Cali năm 2007.

do chỉ vì ngay trong thế chiến II, và nhất là vài năm liền sau thế chiến II, Liên Xô đã sát nhập hàng chục nước ở Đông Âu vào khối Xô Viết bằng những hình thức chiến tranh phi vũ trang. Chính vì phi vũ trang nên thường được gọi là chiến tranh lạnh. Đó là chưa kể ngay từ khi phong trào cộng sản thế giới do Karl Marx và Friedrich Engels phát động những nhà mô phạm ở Tây Phương, trong đó có Giáo Hoàng Piô IX, đã hô hào phải có biện pháp ngăn chặn. Như vậy chiến tranh ý thức hệ, chiến tranh chống cộng trên toàn thế giới đã nhen nhúm ngay từ đó.

Liên Hiệp Tây Âu thành lập vào tháng 3 năm 1948 và **Hội Đồng Âu Châu** thành lập tháng 5 năm đó để đối chọi với Phòng Thông Tin Quốc Tế (thối thân của Quốc Tế III tức Quốc Tế Cộng Sản) ra đời năm 1947 đã là những hạt nhân của Khối Bắc Đại Tây Dương (**NATO**) bao gồm hầu hết các nước Tây Âu và Bắc Mỹ, ra đời vào năm 1949 là năm Khối Cộng đã chiếm gọn một phần ba thế giới, với chiến thắng của Mao Trạch Đông tại lục địa Trung Hoa.

Cho đến 1954, sau khi Việt Nam bị cộng sản chiếm một nửa, thì **hiệp ước Liên Phòng Đông Nam Á** (**SEATO**) ra đời. Hăng tạm quên đi hai hiệp ước kém quan trọng là **CENTO** (Trung Đông, 1951) và **ANZUS** (Mỹ-Úc-Tân Tây Lan, 1953).

Tất cả những biện pháp, thái độ và hiệp ước liên phòng nói trên là gì, nếu không phải là một mặt trận ngăn chặn làn sóng đỏ? Đó là một cuộc chiến do

khối cộng phát khởi và thế giới tự do chỉ bất đắc dĩ phải đối phó hầu bảo vệ QUYỀN TƯ HỮU và những quyền căn bản của con người.

Đó là về mặt toàn cầu.

Trong phạm vi cục bộ, vì Việt Nam có Hồ Chí Minh là một cán bộ cao cấp của Quốc Tế Cộng Sản đưa mầm chiến tranh vào, cho nên những nhà ái quốc Việt Nam cũng đã phải thành lập mặt trận chống cộng để ngăn chặn “làn sóng đỏ”.

Nếu chấp nhận cuộc chiến toàn cầu này là một cuộc chiến ý thức hệ, thì về đại thể và toàn bộ khối cộng đã thua, nhưng về cục bộ nó đã thắng và hãy còn tiếp diễn ở Việt Nam, và những người quốc gia chống cộng vẫn còn đang tranh đấu bằng nhiều hình thức để dứt điểm chủ nghĩa CS tại đây.

Trở lại vấn đề chiến tranh Việt Pháp do ông Lê Xuân Khoa nêu lên. Dù thực sự có âm mưu của một số thực dân Pháp lúc ấy tìm cách quay trở lại Việt Nam, hay ít ra cố bám lấy Nam Kỳ (Cochinchine) thuộc địa cũ, thì cuộc chiến giữa Việt Minh cộng sản và phe quốc gia được Pháp yểm trợ và Hoa Kỳ cũng gián tiếp viện trợ vẫn phải được coi là cuộc chiến giữa Cộng sản và thế giới tự do. Không thể bảo vì có một số thực dân Pháp trong đó mà phủ nhận tính chất chống cộng thực sự của cuộc chiến.

Quyết tâm sáng suốt của những nhân vật chống cộng nổi tiếng Mỹ như các tổng thống Harry Truman, Dwight D. Eisenhower với các ngoại trưởng George

C. Marshall, Dean Acheson, Foster Dulles, hay người em của ông là Allen Dulles lúc ấy là giám đốc Trung Ương Tình Báo (CIA), và sau này là các Tổng Thống George Bush (cha), Ronald Reagan, nhất là ông này cùng với một bộ tham mưu đồng lòng hăng say chống cộng, đã là nguyên nhân của sự tan rã của khối cộng. Nếu nhu nhược, dè dặt hay cả tin như những Averell Harriman (kẻ có trách nhiệm về hiệp định Genève 1962 về Ai Lao) của chính quyền Dân Chủ sau này thì sẽ chỉ đem đến thất bại như ở Việt Nam mà thôi.

Vì cuộc chiến giữa các lực lượng quốc gia và cộng sản Việt Nam hãy còn tiếp diễn trên các mặt trận ngoại giao, văn hóa, kinh tế... và tuyên truyền nhằm đưa nước nhà thoát khỏi sự chậm tiến và tha hóa nên một thái độ không dứt khoát, nửa muốn giải thể chế độ hiện nay, nửa lại muốn thỏa hiệp bằng hình thức này hay hình thức khác sẽ chỉ đưa tới thất bại. Bởi vì Việt Cộng rất xảo quyệt và lật lọng thường dùng những chiêu bài liên hiệp, trung lập, hòa giải, hòa hợp, hòa bình... để ru ngủ, chia rẽ, rồi lũng đoạn làm suy yếu hàng ngũ quốc gia.

Vì cuộc chiến giữa khối cộng và thế giới tự do là một cuộc chiến ý thức hệ, nó lại mang tính toàn cầu. cho nên nhiều người trong đó đáng kể có Alexander I. Solzhenitsyn. Robert Strausz-Hupé (và 3 đồng tác giả cuốn *Protracted Conflict*, N.Y. 1959) và Max Eastman, người giới thiệu tác phẩm này – đã gọi đó

là thế chiến ba. Và vì nó là một cuộc chiến toàn bộ mà cộng sản đã dùng nhiều hình thức tác chiến phi quân sự như xâm nhập, lũng đoạn, khuynh đảo hay bằng bầu cử gian lận, nhất là bằng tuyên truyền xảo trá, cho nên về phía thế giới tự do cũng phải kể tới những đóng góp đáng kể của những cây viết chống cộng nổi tiếng như Arthur Koestler, Kravchenko, André Gide, Louis Fisher, Ignazio Silone, George Orwell, v.v.

Ngày nay tại Việt Nam cuộc chiến vũ trang đã chấm dứt với sự thất trận của phe quốc gia, nhưng cuộc chiến phi vũ trang vẫn còn tiếp diễn mà tuyên truyền bằng thông tin đại chúng đang là trọng tâm. Thiết tưởng các nhà khoa bảng, văn nghệ sĩ, cũng nên góp sức với các đoàn thể đấu tranh bằng những tác phẩm văn học hay nghiên cứu cẩn trọng của mình như các cây viết chống cộng quốc tế nêu trên.

Nếu chúng ta bị ảnh hưởng của tuyên truyền cộng sản hay bởi các luận điệu của các sử gia và nhà báo thiên tả thế giới mà trình bày về cuộc chiến trước theo quan niệm của họ, thì mặc nhiên tiếp tay cho kẻ thù. Và như thế phe quốc gia sẽ vĩnh viễn là kẻ chiến bại trước lịch sử, cho dù trong một tương lai gần hay rất xa một chế độ gọi là dân chủ đa nguyên có được thành lập đi chăng nữa. Vì lúc đó kẻ lãnh đạo, kẻ chiếm số đông vẫn là các cựu cán bộ, đảng viên cộng sản, và họ sẽ không thoát được ảnh hưởng của một chủ nghĩa đã phá sản.

Vì vậy chúng tôi đề nghị giáo sư Lê Xuân Khoa hãy rút lại lời khẳng định vội vã của ông ở phần nhập đề bài báo nói trên. Bằng không cũng mong ông cho ít hàng giải thích lập luận của ông.

Nam Cali 25-2-05

6. Trở lại danh xưng “chiến tranh Việt-Pháp”

Chúng tôi mới được đọc bài thứ hai của ông Lê Xuân Khoa (đáp lời yêu cầu của chúng tôi ở một bài trước) giải thích thêm về cuộc chiến Việt Nam từ 1945 đến 1954 mà ông gọi là “cuộc chiến Việt-Pháp....(*)

Trong bài này, được trình bày một cách sáng sủa, điểm đậm và văn gọn trong hai trang, có ba điểm chúng tôi đồng ý với ông và có một số điểm không đồng ý. Xin trình bày sau đây để độc giả rộng đường phán xét.

Cuối trang đầu, ông viết: *“Các đảng phái quốc gia chống Pháp đã bị đảng Cộng Sản tiêu diệt gần hết trong những năm 1945-1946...”* Chúng tôi đồng ý là đảng CS đã cố gắng tiêu diệt tất cả những ai có tinh thần dân tộc. Vì từ bản chất Cộng sản là một tổ chức quốc tế (đệ tam quốc tế = quốc tế cộng sản) chiến đấu vì lập trường giai cấp đấu tranh, không dung nạp tinh thần “dân tộc hẹp hòi”, như chính họ từng nói. Nhưng đảng CS cũng chỉ tiêu diệt được một số

nào đó. Còn lại nhiều người đã chạy trốn kịp thời, hoặc vào thành hoặc ra ngoại quốc.

Cuối bài ông viết: “*Bên cạnh đó (tức bên cạnh cuộc chiến chống Pháp. - MV) vẫn có cuộc nội chiến giữa quốc gia và cộng sản, bắt đầu từ trước 1945 cho đến 1975 và còn kéo dài một cách vô nghĩa lý (MV nhấn mạnh) cho đến tận ngày nay.*” (chấm hết)

Chúng tôi đồng ý là cuộc chiến quốc cộng kéo dài từ trước 1945 cho đến 1975 và tận cho đến ngày nay.

Nhưng chúng tôi không đồng ý đó là một cuộc chiến “vô nghĩa lý”.

Cuộc chiến tranh cục bộ ở Việt Nam giữa một bên là các người quốc gia và một bên là đảng cộng sản từ đầu cho đến tận ngày hôm nay không phải là vô nghĩa lý. Nó rất có ý nghĩa, và rất cần thiết. Vì nhiều lý do. Chúng tôi chỉ nêu một lý do mà chính ông Khoa đã nêu ở phần đầu. là *đảng cộng sản đã tiêu diệt gần hết những đảng phái quốc gia chống Pháp*. Nếu họ chiến đấu vì tổ quốc, vì nhân dân, thì tại sao ngay từ đầu họ đã tìm cách tiêu diệt các đảng quốc gia chống Pháp. Rõ ràng họ chiến đấu nhằm thiết lập một chế độ chuyên chính, trong đó đảng CS, theo một chủ thuyết ngoại lai ảo vọng, phi dân tộc sẽ nắm quyền độc tôn. Vậy thì những thành phần quốc gia yêu nước khác còn tồn tại không thể không chống đảng CS được. Chống đảng cộng sản, hay **chống cộng** chỉ là hai cách nói cùng một nội dung. Vì đảng CS VN cũng như các đảng CS trên thế giới chiến đấu

vì chủ nghĩa CS của Mác và Lê-nin, nhằm thiết lập nền độc tài của giai cấp vô sản, theo lý thuyết, nhưng trong thực tế là nền độc tài của đảng CS mà nắm quyền độc tôn là một thiểu số trong bộ chính trị.

Nếu từ ban đầu CS thực sự chiến đấu vì lòng yêu nước thương dân, thì tại sao, sau chiến thắng Điện Biên. họ lại rập khuôn của các nước cộng sản đàn anh mở chiến dịch giảm tô và cải cách ruộng đất, sát hại gần nửa triệu người trong các cuộc đấu tố dã man, hủy hoại những truyền thống dân tộc cao quý. Không ai quên được những cảnh con tố cha, vợ tố chồng và nhiều điều phá hủy truyền thống dân tộc khác mà chính những cây viết cựu cộng sản như Dương Thu Hương, Vũ Thư Hiên. Hoàng Hữu Quỳnh, Hoàng Văn Chí, Xuân Vũ và cả Bùi Tín... đã thuật lại trong tác phẩm của họ.

Nếu thực sự họ chiến đấu vì tinh thần dân tộc, thì tại sao, sau khi toàn thắng, họ liền xóa sổ cái gọi là mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, mặc dù cái tổ chức bình phong này cũng chính là do CS miền Bắc trực tiếp điều khiển từ đầu qua các đảng viên cốt cán như Huỳnh Tấn Phát chẳng hạn? Tại sao họ vội hiện nguyên hình bằng cách đổi danh xưng đảng Lao Động thành đảng Cộng Sản, và đổi danh xưng nước giống như các nước “xã hội chủ nghĩa” khác? Tại sao họ vội “cải tạo tư sản” bằng cách cướp hết tài sản của những giai cấp không thuộc thành phần giai cấp của họ? Như vậy sao gọi là họ chiến đấu vì nhân

dân? Tại sao chỉ có người do đảng, hay do mặt trận, là tổ chức ngoại vi của đảng CS giới thiệu mới được ứng cử? Tại sao toàn dân không được tự do bầu cử, mà phải bầu cho những kẻ do đảng cử ra?

Tệ nạn tham nhũng ngày nay vô phương cứu chữa, chính vì cán bộ từ trung ương tự cho mình độc quyền thụ hưởng chiến thắng, giành giật chiến lợi phẩm là tài sản của nhân dân.

Tự ý mật đàm, rồi ký mật ước với Trung Quốc để nhượng đất, nhượng vùng biển mà không cần đến ý dân, thì đó có phải là chiến đấu chống Pháp vì tổ quốc, vì nhân dân?

Tiếp đó ông Khoa viết: *“đảng CS ẩn nấp dưới hình thức mặt trận Việt Minh nêu cao **ngọn cờ** (MV nhấn mạnh) kháng chiến chống Pháp giành độc lập cho dân tộc...”*

Chúng tôi xin phép thay hai từ **“ngọn cờ”** in đậm bằng hai chữ **“chiêu bài”**. Chúng tôi không dùng luận điệu tuyên truyền, mà nhìn thẳng vào thực tế. Vì theo đúng chủ thuyết CS và theo đúng chiến lược sách lược đấu tranh của Lê-nin, thì việc đấu tranh giành độc lập thực sự chỉ là sách lược giai đoạn hay nói trắng ra, một cách đánh lừa dư luận, cho nên 2 chữ **“chiêu bài”** mới chính xác.

Liên sau đó, ông viết: *“Nhiều trí thức yêu nước cũng nô nức đi theo Việt Minh, do đó VM đã giành được chính nghĩa và lãnh đạo cuộc chiến”.*

Chúng tôi đồng ý là ban đầu có một số trí thức,

(mà ngày nay một vài cây bút chống cộng có thể gọi là trí ngữ) vì lầm mà đi theo Việt Minh vì không hiểu gì về CS và cũng không biết VM đã hoàn toàn bị chi phối bởi Quốc Tế Cộng Sản. Trong số đó đáng kể là Dương Đức Hiền, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm cam tâm làm tay sai cho CS để đóng vai trò lãnh đạo hai đảng Dân Chủ và Xã Hội hoàn toàn do CS chi phối. Họ chỉ biết mở miệng ra là ca ngợi sự “sáng suốt của lãnh tụ Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của đảng lãnh đạo, tức đảng CS. Cũng có một số đông văn nghệ sĩ và trí thức khác đi theo Việt Cộng vì sinh kế, vì muốn an thân, vì sợ, hoặc thậm chí vì áp lực. Nhưng dần dần, những người còn chút lương tâm hay nhân phẩm đã tỏ dấu hiệu chống đối và hết thảy đều bị khóa miệng, hay trừng trị bằng đủ mọi cách dã man. Xin hãy đọc những tác phẩm hay bài viết, lời phát biểu của những Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Tiến, Nguyễn Chí Thiện v.v.. thì rõ.

Thực ra ban đầu ta cũng không nên trách một số nhà trí thức đi theo VM vì lầm. Cũng như những Jean-Paul Sartre, Bertrand Russell, Picasso, Fisher, Ignazio Silone, André Gide, v.v. họ chưa được thấy những bằng chứng sống về âm mưu xảo trá và những hành động tàn ác, phản dân tộc, phản nhân tính của CS. Nhưng khi đã được chứng kiến tận mắt những sự gian xảo, lừa bịp của CS. thì hầu hết đều vỡ mộng và phản tỉnh.

Đó là nói về giới trí thức. Còn về đa số nhân dân ít học và đói nghèo thì ta phải nhìn nhận rằng Việt Minh Cộng Sản đã thành công trong việc lôi cuốn họ, vì nó hứa (cuội) cho họ no cơm ấm áo. Hoặc CS cũng dễ dàng cưỡng bức họ phải xả thân chiến đấu để có phần gạo mà ăn, hoặc để được chết ngoài mặt trận, cho khỏi phải đói khổ suốt đời. Ta cũng từng nghe có những đơn vị thiết giáp xích chân tài xế xe tăng để không còn có thể bỏ xe mà chạy trước họng súng địch. Phe quốc gia đã thua CS vì cộng sản không từ bỏ một biện pháp nào dù dã man, phi đạo lý, theo nguyên lý “Cứu cánh biện minh cho phương tiện.” Còn chúng ta thì bị hạn chế trong khuôn khổ đạo đức.

Hơn nữa CS đã dùng tuyên truyền, là sở trường của mình và là vũ khí chủ soái trong chiến tranh ý thức hệ CS để tạo nên những huyền thoại về lãnh tụ Hồ Chí Minh và những huyền thoại – hoàn toàn bịa đặt – về những anh hùng kháng chiến hùng đánh lừa lớp trẻ lao vào cuộc kháng chiến như những con thiêu thân. Chỉ đàn cử một ví dụ về huyền thoại anh hùng Lê Văn Tám, 10 tuổi, tự tử xăng thiêu thân như bó đuốc chạy vào đốt kho xăng địch do chính Trần Huy Liệu, nguyên bộ trưởng Tuyên Truyền Và Cổ Động (bộ Agit-Prop, theo mẫu mực của Liên Xô và Trung Cộng) bịa ra để đầu độc tuổi trẻ cho đến ngày nay. Một nhà sử học kỳ cựu trong nước, giáo sư Phan Huy Lê, từng là bạn của Trần Huy Liệu vừa tiết

lộ là chính Trần Huy Liệu đã thú thực với ông rằng ông ta đã bịa ra nhân vật anh hùng tí hon Lê Văn Tám... (Xin xem Người Việt, ngày chủ nhật 20-3-05.) Về huyền thoại “cha già dân tộc” Hồ Chí Minh, thì xin mời độc giả đọc cuốn sách nhỏ của chính ông ta viết dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, để thấy sự lố bịch, trơ trẽn của một kẻ tự tô vẽ mình thành thần tượng. Cuốn này đã được chúng tôi tóm tắt và phân tích trong chương 9, cuốn *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp*. Muốn tìm hiểu về công dụng và hiệu quả của công tác tuyên truyền của CS đã đánh lừa những nhà trí thức nổi tiếng thế giới ra sao, xin xem một đoạn dài trong chương 43 cuốn sách trên.

Nếu chúng ta không nghiên cứu kĩ về tài tuyên truyền và xây dựng huyền thoại của CS, thì không thể nào nhìn ra sự thực về cuộc chiến quốc cộng ở Việt Nam, mà ông Khoa gọi là “*chiến tranh Việt-Pháp do Việt Minh CS lãnh đạo toàn dân giành độc lập cho tổ quốc.*”

Đó là phân tích sơ sài vài đoạn cụ thể trong bài thứ hai của ông Lê Xuân Khoa. Nếu muốn nói chung về cuộc kháng chiến được mệnh danh là chiến tranh chống Pháp giành độc lập, hay chiến tranh Việt Pháp theo ý ông Khoa, thì phải đặt nó vào trong cuộc chiến ý thức hệ, giữa khối cộng và thế giới tự do, mà có người gọi là chiến tranh lạnh, nhưng cũng có ít nhất 8 người nổi tiếng thế giới mệnh danh là thế chiến ba như chúng tôi đã viết ở bài trước.

Về vấn đề này, để văn gọn, chúng tôi xin trích lại đây một đoạn trong bài “*Cây biết đi và mặt trời xoay quanh trái đất*” viết cách đây 3 năm và đã được đưa vào cuốn *Ai Giết Hồ Chí Minh*, tủ sách Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2002:

Đứa bé con ngồi trong xe hơi, khi xe khởi động lăn bánh, nhìn ra ngoài bảo mẹ nó: “Mẹ ơi, cây biết đi kìa... Nó chạy nữa.”

Loài người khi mới chập chững trên đường thiên văn học, nhìn lên trời cao bảo nhau: “Mặt trời xoay quanh trái đất.”

Dân Việt có một bộ phận chưa tiến về nhận thức chính trị nhìn ông Hồ Chí Minh khen: “đại anh hùng dân tộc!” (hay bằng một hình ảnh, “ông Hồ xoay quanh chủ nghĩa dân tộc.”)

Đáng buồn là một số nhà trí thức, khoa bảng danh tiếng trên thế giới cũng nói theo như những đứa trẻ!

Có ai dám nói ngược lại thì số phận chẳng khác gì Galileo!

Nào là “Việt gian”, “tay sai Mỹ ngụy, thực dân Pháp”. Nào là “phản động”, “phản quốc”!

Hãy đưa đứa bé ra khỏi xe. Nó sẽ thấy cây dâu có chạy; xe chạy đấy chứ.

Hãy cố thuyết phục các nhà khoa học đương thời với Galileo cầm lấy viễn vọng kính của ông và tính toán theo các phương trình của ông (để mừng tượng như mình bay vượt ra khỏi thái dương hệ), thì

sẽ thấy trái đất xoay quanh mặt trời chứ mặt trời đâu có xoay quanh trái đất.

Cũng tương tự như vậy, hãy bảo các nhà trí thức đọc kĩ lại *Mác-Engels, Lê-nin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh toàn tập*, rồi đặt cuộc chiến tranh Việt Nam vào trong bối cảnh cuộc đấu tranh giai cấp theo thuyết Mác- xít, và nhất là theo chiến lược, sách lược đấu tranh *trường kỳ* và được chia làm nhiều giai đoạn khác nhau, tùy theo *tiến trào, hay thoái trào cách mạng* (đúng theo những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin, do Stalin biên soạn) thì sẽ thấy:

Ông Hồ không xoay quanh chủ nghĩa dân tộc.

Mà ông bắt chủ nghĩa dân tộc xoay chung quanh ông và chủ nghĩa cộng sản.

Hay nói cách khác, hãy đứng bên ngoài, bên trên cuộc chiến Việt Nam và nhìn nó chung với cuộc chiến toàn bộ, toàn diện của quốc tế cộng sản, đứng đầu là Liên Xô, thì sẽ thấy ông Hồ chỉ là một chiến sĩ hiến thân cho một mục tiêu chính trị không tưởng và tàn ác hoàn toàn phi dân tộc, phản dân tộc.

Đưa một đứa bé con ra khỏi xe để cho nó thấy cây không đi mà xe chạy thì rất dễ. Nhưng đưa các nhà khoa học thời Galileo ra khỏi chiếc xe thành kiến và những tính toán sai lầm của họ lúc ấy không phải dễ.

Càng không phải dễ để đưa các nhà trí thức, nhà văn, nhà báo và sử gia thiên cộng hay trót đã có thành kiến về cuộc chiến Việt Nam – nhất là những kẻ đã lâu ngày ngụp lặn trong bầu không

khí tuyên truyền thần thánh hóa thần tượng Hồ Chí Minh ra khỏi chiếc xe bát bưng lịch sử trong thế kỷ vừa qua.

Cho nên muốn chứng minh một cách chính xác, không thể phản bác, cần phải phân tích nhiều dữ kiện lịch sử cụ thể dưới nhiều lăng kính khác nhau, tranh luận về nhiều phương diện. Và như vậy cần có cả một pho sách lớn.

Cũng may là từ khi các chế độ cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ thì ta đã có thêm được những bằng chứng thực tế cụ thể không thể chối cãi rằng:

* Mác sai. (Như cả hai triết gia một Pháp, một Việt Nam thường tranh luận gay gắt với nhau về chủ nghĩa Mác là Jean-Paul Sartre và Trần Đức Thảo cuối cùng đều nhìn nhận.)

* Chẳng những thế, chủ nghĩa cộng sản mà Mác và Engels đề xướng là một ảo tưởng hoàn toàn.

Và chẳng những là ảo tưởng, nó còn độc hại vô cùng. Vì ở tất cả các nước mà nó được áp dụng đều xảy ra những sự tàn sát dã man; dân chúng cùng cực đói khổ, không có tự do. Cho đến nay những sử gia vô tư đã tổng kết được rằng CS đã sát hại trên 100 triệu người vô tội.

Trở lại bài của ông Khoa, nếu bảo cuộc chiến quốc cộng ngày nay là *vô nghĩa lý*, thì những tác phẩm, hay bài viết, cũng như những cuộc thuyết trình của các bậc trí giả như ông Khoa kêu gọi nhà cầm quyền **Cộng Sản** (chúng tôi xin nhắc lại và nhấn mạnh.

Cộng Sản) hãy từ bỏ điều 4 hiến pháp, hay mở rộng quyền tự do bầu cử ứng cử vân vân, chẳng hóa ra vô nghĩa, hoặc tự mâu thuẫn sao?

Về sự yếu kém của phe quốc gia trong cuộc chiến chống cộng, chúng tôi đồng ý với ông Khoa. Yếu kém nên mới thua. Ta kém CS về sự chịu đựng gian khổ, về kỷ luật thép, về tài tuyên truyền vận động quần chúng, là một vũ khí tối tân lúc ấy của chiến tranh ý thức hệ, và nhất là vì các vị lãnh đạo không nêu cao đủ chính nghĩa chống cộng, khiến nhân nhân hiểu lầm đó là cuộc chiến chống ngoại xâm. Phe quốc gia cũng kém CS ở chỗ CS có thể làm bất cứ điều gì dù tàn bạo, phi đạo đức. Còn phe quốc gia bị hạn chế trong phạm vi nhân đạo.

Nhưng yếu và phải dựa vào ngoại bang không phải là cái tội, nếu mục đích chính của chúng ta là để bảo vệ tự do, nhân quyền, nhân phẩm và sinh mạng tài sản của nhân dân, kể cả tài sản vô giá của nền văn minh nhân loại và truyền thống tốt đẹp của tiền nhân. Trong chiến tranh, phe quốc gia đã chiến đấu vì những mục tiêu cao cả đó. Và ngày nay còn đấu tranh để chống việc Việt Cộng hiến đất, dâng biển cho kẻ thù truyền kiếp...

Trước khi kết thúc, chúng tôi xin giới thiệu với ông Khoa và những ai vẫn nghĩ cuộc chiến Việt Nam không phải là cuộc chiến chống cộng mấy lời minh xác của một nhà sử học CS tại Hà Nội. Giáo sư sử học trường đại học Hà Nội Nguyễn Đình Lê được

nhà báo Whitelaw trích dẫn trong tuần san *US News & World Report* số ra ngày 10-8-1998 đã nói (nguyên văn) như sau:

“In 1977, we only lectured on what we were given and, of course, there were materials about American colonialism. Now I tell my students that the main reason the US Government wanted to invade Vietnam was under its global strategy against the Communism.”

Xin tạm dịch:

“Năm 1977 chúng tôi chỉ giảng dạy theo những gì chúng tôi được cung cấp, và dĩ nhiên có những tài liệu về chính sách thực dân của Mỹ. Ngày nay thì tôi bảo sinh viên rằng lý do chính khiến chính phủ Mỹ lúc đó muốn xâm nhập Việt Nam nằm trong **chiến lược chống cộng toàn cầu** (MV nhấn mạnh) của họ.”

Như vậy, khi viết trong bài thứ nhất: *“cuộc chiến tranh chống cộng... chỉ thích hợp trong thời chiến”*, có phải ông Khoa đã “bảo hoàng hơn vua” không?

Cả hai cuộc chiến tranh Đông Dương đều nằm trong khuôn khổ cuộc chiến toàn cầu do khối cộng chủ xướng và khởi công trước. Anh, Mỹ, Ý, Đức. Canada... hay Pháp và những người quốc gia VN chi chống cộng để tự vệ và để bảo toàn những tinh hoa của văn minh nhân loại. Không phải chỉ trong chiến tranh mới được gọi là chiến tranh chống cộng, mà sau chiến tranh, dù bên nào thắng, cũng phải giữ danh xưng đó. Vì thực chất nó là như vậy. Hy vọng

nhà sử học (chuyên ngành sử Việt Nam) Nguyễn Xuân Khoa nhìn ra sự thực đó.

San Diego 20-3-05

(*) Chúng tôi xin phép sao chép lại đây bài trả lời của giáo sư Lê Xuân Khoa để độc giả tiện đối chiếu và phê phán.

Minh xác của giáo sư Lê Xuân Khoa: Nói rõ hơn về chiến tranh Việt Pháp.

Friday, March 11, 2005

Lời tác giả: Báo Người Việt ngày 21.2.2005 có đăng bài “30 năm sau vẫn còn tranh luận” của tôi viết về tên gọi cuộc chiến 1955-1975 ở Việt Nam là “chiến tranh của Mỹ” (American War) hay “chiến tranh Việt Nam” (Vietnam War,) trong đó tôi có nhắc đến các tên gọi khác nhau của cuộc chiến 1945-1954 như chiến tranh giành độc lập, chiến tranh chống đế quốc Pháp hay chiến tranh Việt-Pháp. Ngày 28.2.2005, ông Minh Võ viết bài phản bác việc tôi chấp nhận tên gọi cuộc chiến tranh 1945-1954 ở Việt Nam là “chiến tranh Việt-Pháp.” Ông Minh Võ đề nghị tôi nên “rút lại lời khẳng định vội vã” hay có “ít hàng giải thích” về việc tôi cho rằng tên gọi này là đúng và không có gì cần phải tranh luận như tên gọi của cuộc chiến 1955-1975. Theo lời yêu cầu của ông Minh Võ, tôi xin tòa soạn Người Việt vui lòng đăng lời giải thích của tôi như sau:

Ông Minh Võ chống lại tên gọi “chiến tranh Việt-Pháp” vì cho rằng gọi như vậy là phủ nhận vai trò chống Cộng của chính phủ Quốc Gia Việt Nam do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo. Ông Minh Võ đã nhắc tôi đừng quên là trong khoảng thời gian 1945-1954 đã có hai hiệp ước 1948 và 1949 theo đó Pháp công nhận nền độc lập của Quốc Gia Việt Nam, như vậy là “trong cuộc chiến tranh Đông Dương, các đảng quốc gia trong Quốc Gia này đã không cùng với Việt Minh chống Pháp mà trái lại đã cùng với Pháp đánh Việt Minh.”

Sự thật lịch sử không đơn giản như vậy. Chúng ta cần để ý đến những yếu tố sau đây:

Các đảng phái quốc gia chống Pháp đã bị Đảng Cộng Sản tiêu diệt gần hết trong những năm 1945-1946, do sự phản bội của các tướng Lư Hán và Tiêu Văn của Trung Hoa Quốc Dân Đảng và cũng do nội lực yếu kém của các đảng phái quốc gia. Các lãnh tụ như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam đều phải bỏ chạy sang Tàu lánh nạn.

Đảng Cộng Sản Việt Nam ẩn nấp dưới hình thức Mặt Trận Việt Minh nêu cao ngọn cờ kháng chiến chống Pháp giành độc lập cho dân tộc cho nên đã được đa số nhân dân ủng hộ. Nhiều trí thức yêu nước cũng nô nức đi theo Việt Minh, do đó Việt Minh đã giành được chính nghĩa và lãnh đạo cuộc chiến.

Một số trí thức khác biết rõ thực chất của Việt Minh là cộng sản nên bằng lòng hợp tác với Pháp,

tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ sau lưng Pháp, họ sẽ xây dựng được một nước Việt Nam không cộng sản. Đây chỉ là một sự hợp tác chẳng đặng đừng của những người bị thất thế, lại bị lẫn lộn với những phần tử hoàn toàn thân Pháp, do đó họ không được nhân dân tin tưởng.

Hiệp định Hạ Long (1948) do Nguyễn Văn Xuân ký với Pháp chỉ công nhận Việt Nam độc lập về hình thức. Hiệp định Élysée (1949) do Bảo Đại ký với Vincent Auriol khá hơn nhưng vẫn chỉ là độc lập nửa vời và không được thi hành. Mãi tới ngày 4 tháng Sáu 1954, chỉ hơn một tháng trước ngày ký hiệp định Genève, qua hiệp ước Daniel Bửu Lộc, Pháp mới xác nhận cho Việt Nam hoàn toàn độc lập cả về quân sự và ngoại giao.

Đáng chú ý là quân đội quốc gia mãi tới 1953 mới được chính thức thành lập nhưng vẫn phải tiếp tục chiến đấu dưới sự chỉ huy của Pháp cho đến ngày ký hiệp định Genève. Trong hoàn cảnh ấy, các binh sĩ quốc gia tình nguyện hay bị động viên, dù có yêu nước đến mấy, cũng không có động cơ lý tưởng để chiến đấu chống Việt Minh. Việt Nam quốc gia chỉ thật sự có quân đội riêng từ thời Đế Nhất Cộng Hòa, sau khi Ngô Đình Diệm yêu cầu Pháp rút hết quân về nước và dẹp yên các lực lượng vũ trang thân Pháp năm 1955.

Như vậy, cuộc chiến tranh 1945-1954 kết thúc bởi hội nghị Genève chính là cuộc chiến tranh chống

Pháp giành độc lập của toàn dân Việt Nam mà chủ yếu một bên là Việt Minh và một bên là Pháp. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không chịu ký tên vào hiệp định Genève, ngoài việc phản đối hành động chia cắt đất nước, cũng đồng thời khẳng định mình không phải là đồng minh của Pháp. Trong hơn tám năm chống Pháp, đa số nhân dân tin tưởng Hồ Chí Minh và ủng hộ Mặt trận Việt Minh không phải vì chủ nghĩa cộng sản mà chính vì công cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc. Đảng Cộng Sản hoàn toàn ẩn danh và, trong suốt thời gian chiến tranh. Mặt Trận Việt Minh không khi nào tuyên bố chống Pháp để xây dựng một nước Việt Nam Cộng Sản. Mặt khác, những người quốc gia sống trong vùng kiểm soát của Pháp và ngay cả những người hợp tác với Pháp chống Việt Minh Cộng Sản, kể cả Bảo Đại, vẫn tranh đấu đòi Pháp trả lại độc lập cho Việt Nam, và rất oán hận Pháp đã luôn luôn thất hứa, làm mất chính nghĩa của những người Việt Nam quốc gia khiến cho cả Pháp lẫn phe quốc gia không tránh khỏi thất bại. Trong cuốn sách *Việt Nam 1945-1995*, tôi đã phân tích khá kỹ lưỡng những lỗi lầm trầm trọng của Pháp cũng như nhược điểm của những người yêu nước không cộng sản.

Tôi cảm ơn ông Minh Võ đã yêu cầu tôi giải thích để độc giả biết rõ hơn về bản chất cuộc chiến tranh Việt-Pháp 1945-1954 là cuộc chiến tranh chống Pháp giành độc lập của dân tộc Việt Nam gồm cả

quốc gia và cộng sản. Bên cạnh đó vẫn có cuộc nội chiến giữa quốc gia và cộng sản, bắt đầu từ trước 1945 cho đến 1975 và còn kéo dài một cách vô nghĩa lý cho đến tận ngày nay.

Lê Xuân Khoa

E-mail: Ixkhoa@hotmail.com

7. Chống cộng hay chống độc tài?

Cũng như nhiều đồng hương sống trên đất tạm dung, tuy không tham gia các tổ chức chính trị vì không có khả năng và điều kiện, nhưng tôi vẫn tha thiết cầu mong nước nhà sớm có tự do dân chủ. Vì vậy tôi tôn trọng và trân trọng mọi hoạt động của các đoàn thể, tổ chức, đảng phái và cá nhân đang đấu tranh cho dân chủ tự do. Với tư cách là một “thất phu hữu trách”, tôi mạo muội có vài ý kiến sau đây nhân kỷ niệm 30 năm thất trận.

Thiết nghĩ đấu tranh thì có nhiều phương cách, tùy theo quan niệm và chủ trương của mỗi tổ chức. Khi viết bài này, tôi không có tham vọng cổ võ cho một chiến lược, sách lược nào riêng biệt. Xin bạn đọc coi đây chỉ là ý kiến của một người nghiên cứu dựa trên những hiểu biết hạn hẹp của mình và căn cứ theo những sự kiện lịch sử được chứng nghiệm. Nếu những gì viết ra giúp ích cho một cá nhân hay tổ chức nào đó có thêm dữ kiện để chọn lựa hay điều chỉnh phương pháp đấu tranh của họ cho có hiệu

quả hơn, thì đó là ngoài sự trông đợi của người viết. Trái lại nếu bạn đọc thấy có gì không ổn trong đó, thì xin chỉ giáo.

Nhận định chung

Có mấy dữ kiện lịch sử mà cho đến nay tuyệt đại đa số những nhà đấu tranh cho tự do dân chủ đều chia sẻ. Đó là:

1. Chủ nghĩa cộng sản của Các Mác và Lê-nin là ảo tưởng, sai trái và tàn bạo, đã suýt đưa nhân loại trở về thời kỳ đồ đá. Nó đã đưa đến cái chết oan khiên tức tử của trên một trăm triệu người trên thế giới.

2. Cho đến nay chủ nghĩa CS đã phá sản, và các chế độ CS đã cáo chung ở hầu hết các nước, kể cả tổng hành dinh của nó là Liên Xô. Nhưng vẫn còn mấy nước chưa từ bỏ nó, trong đó có Việt Nam.

3. Trong số 4 nước trước đây đã từng bị chia đôi thành hai phe quốc cộng, thì tại Đức phe quốc gia đã toàn thắng và thống nhất dưới chế độ dân chủ tự do. Hàn Quốc vẫn còn bị chia cắt, nhưng về mọi mặt Nam Hàn đều có ưu thế. Trung Cộng tuy đã chiếm được toàn thể lục địa mệnh mông, nhưng phe quốc gia vẫn còn hãn ngữ ở đảo Đài Loan và trở thành một “quốc gia” độc lập trội hơn hẳn lục địa cộng sản về kinh tế. Chỉ có Việt Nam là nơi CS đã thắng và đang bị CS thống trị, và chìm xuống hàng những quốc gia nghèo khó và kém mở mang nhất.

4. Tuy CS thắng tại Việt Nam và rêu rao là mình có công đánh thắng cả Pháp lẫn Mỹ để giành độc lập và thống nhất tổ quốc. Nhưng thực tế phủ phàng cho thấy xương máu của hàng chục triệu người dân Việt đã bị đảng CS lợi dụng vào việc chiếm đoạt, củng cố quyền hành, để rồi nắm giữ độc quyền thống trị dưới danh nghĩa “*chuyên chính vô sản xã hội chủ nghĩa*”, trong đó chỉ có những kẻ lãnh đạo đảng hưởng lợi, còn tuyệt đại đa số nhân dân, kể cả một số đảng viên, vẫn phải sống trong đói nghèo và không có chút tự do. Trên văn bản, hiến pháp hiện hành do CS biên soạn quy định các quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do tôn giáo... Nhưng trên thực tế chỉ có cán bộ hay tổ chức của đảng mới được ra báo. Đối với các tôn giáo, tuy bề ngoài giáo dân. Phật tử... được tự do đi lễ bái, tổ chức các nghi lễ tôn giáo để che mắt các nhà quan sát thế giới, nhưng bên trong, hoạt động của các giáo sĩ bị hạn chế tối đa về mọi mặt. Đặc biệt quan trọng là không được tự do tuyển dụng, đào tạo cũng như bổ nhiệm giáo sĩ, tăng sĩ... Thực tế này, nếu không khảo sát kĩ, các nhà quan sát thế giới không thể biết được. Nó cũng là bằng chứng không thể chối cãi là tại Việt Nam hiện nay không có tự do tôn giáo, cũng như chẳng có một thứ tự do nào, ngoài tự do ca tụng “bác và đảng”.

5. Vì lẽ trên mà đa số người dân trong nước, cũng như kiều bào ở hải ngoại vẫn nuôi chí *giải thể chế độ cộng sản* hiện nay để đem lại tự do no ấm cho

đồng bào, hòng đưa tổ quốc tới một tương lai tươi sáng, ít nhất cũng như các nước lân bang. Đặc biệt các cựu quân, cán, chính của chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây, mặc dù hoàn cảnh khó khăn và tuổi già sức yếu, vẫn tiếp tục “chống cộng” theo những phương cách riêng. Nhưng phải công nhận một điều là các tổ chức đấu tranh chưa có một chiến lược sách lược thống nhất. Thậm chí có nơi, có lúc đã xảy ra những cuộc tranh luận, tranh chấp gay gắt trên báo chí về phương cách đấu tranh.

6. Một thực tế không lấy gì làm phần khởi và không thể không nói ra là đúng ba chục năm rồi, mà tất cả các nỗ lực về mặt này đều đã thất bại (trước mục tiêu giải thể chế độ CS): Một số nhân vật hay tổ chức dám liều mình xả thân và/ hoặc đưa người xâm nhập vào quốc nội để đặt một hạt nhân cho cuộc đấu tranh bằng vũ lực, hay bằng tuyên truyền và đấu tranh chính trị, văn hóa... đều bị giết, hay bị bắt, bị cầm tù tại quốc nội, hay tại các nước lân bang. Trong số đó có những tên tuổi được mọi người biết: Trần Văn Bá, Hoàng Cơ Minh, Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Đan Quế, Võ Đại Tôn, Trần Hồng, Nguyễn Ngọc Hạnh, Lý Tổng...

Khẩu hiệu chống độc tài

Vì lẽ đó một số nhà trí thức trong đó giới trẻ chiếm đa số muốn đưa ra một phương cách đấu tranh riêng. Họ không muốn tiếp tục dùng từ **chống**

cộng như các bậc cha anh trong chế độ Cộng Hòa ở miền Nam trước đây. Nghĩa là thay vì nêu chính nghĩa chống cộng, họ chọn một khẩu hiệu nhẹ nhàng hơn là **chống độc tài**. Họ đưa ra mấy lý do sau đây để biện minh cho sự lựa chọn này.

(1) Ngày nay chủ nghĩa CS đã phá sản, chẳng còn mấy ai tin ở học thuyết Mác Lê nữa. Ngay ở Trung Quốc và Việt Nam những nhà lãnh đạo CS cũng mất niềm tin vào chủ nghĩa Mác vốn là sự cuồng tín của họ từ trước. Họ chỉ còn bám lấy cái vỏ “*xã hội chủ nghĩa*” (xhcn), còn cốt lõi của nó thì họ đã đoạn tuyệt từ khi Liên Xô sụp đổ và tan rã rồi. Ví dụ về kinh tế, theo đúng đường lối của chủ nghĩa Mác Lê, thì phải là kinh tế chỉ huy, tập thể hóa, hợp tác hóa... Nhưng từ cuối thập kỷ 80 thế kỷ trước Trung Cộng và Việt Cộng đều minh thị đưa ra đường lối *kinh tế thị trường*, nghĩa là chính sách kinh tế tự do kinh doanh mà các nước tư bản áp dụng, tuy rằng họ còn cố cho nó cái vỏ *xã hội chủ nghĩa* bằng cách thông theo sau mấy chữ “theo định hướng *xhen*”. Vì thế chống cộng là lạc hậu, vô lối, chẳng khác gì đâm vào không khí.

(2) Về phương diện sách lược, muốn đấu tranh cho dân chủ tự do cần nhắm vào đối tượng các cán bộ và cựu cán bộ CS trong nước. Vì họ là những người có kinh nghiệm về những chiến lược, sách lược, và mọi mưu mô xảo trá của CS. Người ngoài hiểm có ai thông hiểu về thủ đoạn độc địa của CS bằng họ. Hơn

nữa họ lại ở ngay trong lòng đảng; khi chiến đấu họ sẽ làm nội ứng. đánh từ trong đánh ra, CS sẽ rất khó đối phó. Trong số trên ba triệu đảng viên hiện nay có không biết bao nhiêu kẻ bất mãn, hoặc đã phản tỉnh, vì nhìn thấy rõ mình bị lợi dụng. Và cũng có rất đông đảng viên không hề hiểu biết về chủ nghĩa CS, chỉ vào đảng để dễ có công ăn việc làm, hay vì những lý do khác. Đó là chưa kể nếu tổ chức được để họ nằm vùng kín đáo ở trong, đến khi có hiệu lệnh, xuất kỳ bất ý dùng một lúc đồng nổi dậy thì bọn lãnh đạo đành thúc thủ. Nhưng, nếu ta nêu khẩu hiệu *chống cộng* thì khó tranh thủ được sự đồng tình hay ủng hộ của những loại đảng viên đó. Vì họ từng là Cộng Sản, hoặc vẫn còn là cán bộ, đảng viên cộng sản. Họ không thích bị các tổ chức đấu tranh vì tự do dân chủ liệt họ vào đối tượng đấu tranh chính.

(3) Trong giới trí thức ở hải ngoại, nhất là giới trẻ, vì nhiều lý do, phần đông không ưa, dị ứng với mấy từ *chống cộng*, vì nghĩ rằng đó là cái mà các chế độ cũ đã làm mà thất bại. Họ muốn có một lối đấu tranh mới. Và cái mà họ thấy có thể làm dễ dàng là *chống độc tài*.

(4) Các tổ chức nhân quyền (ví dụ Mạng Lưới Nhân Quyền), tự do tôn giáo (Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho VN), hay tự do dân chủ (như Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chẳng hạn) vân vân... sẽ dễ thống nhất tổ chức dưới khẩu hiệu *chống độc tài*.

(5) *Cộng sản từ bản chất là độc tài*. Vậy chống cộng

hay chống độc tài cũng là một, chỉ khác về mặt ngữ thuật thôi. Tóm lại nói chống độc tài mà không nói chống cộng chẳng qua chỉ là một sách lược (tactics).

Chính nghĩa chống cộng

Trong khi đó một số người có kinh nghiệm chống cộng – thường là lớp cao niên và những quân, cán, chính... trong chế độ cũ không chấp nhận từ bỏ khẩu hiệu chiến lược *chống cộng*. Những người này dựa vào những lý lẽ sau đây:

1) Chống cộng, trên bình diện quốc tế, là đường lối xuyên suốt từ đầu tới cuối, là chính nghĩa từ ban đầu của cuộc chiến bắt đầu từ khi CS tuyên ngôn phá bỏ quyền tư hữu, (tuyên ngôn CS) của toàn thể nhân loại. Chống lại CS, để bảo vệ quyền tư hữu, là quyền thiêng liêng trời phú của nhân loại, là nguồn gốc của mọi quyền tự do khác, chống cộng sản để bảo vệ sinh mạng của hàng trăm triệu con người đang bị cộng sản đe dọa, chống cộng để bảo đảm tương lai cho nhân loại, cũng tương tự như trước kia chống Quốc Xã Đức để giải phóng một nửa thế giới khỏi bị diệt vong... là điều chính đáng, là chính nghĩa sáng ngời.

2) Chống cộng đã là điều chính đáng, là chính nghĩa thì dù có bị thua ở địa phương, hay ở một giai đoạn thời gian vẫn luôn là *chính nghĩa*, không được vì lý do thua một trận, hay vì sách lược đấu tranh giai đoạn mà từ bỏ. Đó là về nguyên tắc.

3) Còn về chiến lược, sách lược, nay CS đã chứng

tỏ là phá sản trên đại thể, và tại tổng hành dinh của CS là Liên Xô, thì nó đã ở vào thế yếu. Muốn thắng nó tại Việt Nam không thể vì lý do gì thay đổi khẩu hiệu chiến lược này. Phải thừa thắng (trên địa bàn thế giới) xông lên, hoàn tất cuộc chiến thắng (tại VN).

4) Tuy tại TQ và VN đảng CS không còn áp dụng đường lối kinh tế chỉ huy và hợp tác hóa theo kinh điển Mác-xít nữa. Nhưng đảng CS vẫn còn thống trị VN. Và chúng vẫn áp dụng những phương pháp bạo lực, đàn áp triệt để theo đúng chính sách muôn đời của CS.

5) Nói bản chất của cộng sản là độc tài thì **không đầy đủ** và không hoàn toàn đúng. Bản chất của CS là sự ÁC. Và cái độc tài của CS không giống bất cứ nền độc tài nào khác. Còn dân chủ dù tiên tiến nhất như Mỹ cũng không phải là toàn hảo. Những người và những chế độ dân chủ vẫn thường tố cáo nhau là độc tài. Bởi vì **độc tài có nhiều mức độ khác nhau** và không phải trong mọi trường hợp độc tài đều xấu (độc tài của Lý Quang Diệu ở Singapore chẳng hạn). Thậm chí có những lúc không thể không áp dụng tạm thời một hình thức độc tài – nhân từ (chữ của cựu giám đốc CIA William Colby), không tàn ác — nào đó. Ngay tại Hoa Kỳ là nước có truyền thống dân chủ nhất thế giới, trong thời nội chiến, Tổng Thống Abraham Lincoln cũng hạn chế một phần các quyền tự do dân chủ hiến định khiến ông bị phê bình là có xu hướng độc tài.

6) Vì thế nói chống độc tài không giản dị và không có sức mạnh bằng nói chống cộng sản đại ác, kẻ thù của con người, của nhân loại, là điều hết sức dễ hiểu và đơn giản.

7) Sau cùng chống cộng không những là chống chủ nghĩa CS của Marx và Engels (đã hết thời), mà còn là chống cái đảng Cộng Sản Việt Nam hãy còn đang đè đầu bóp cổ nhân dân ta.

Thành quả của hai hình thức đấu tranh

Xem ra đôi bên đều có lý. Nhưng nếu nhắm mục đích giải thể chế độ CS trong nước, và cứ nhìn vào hiệu quả của cuộc đấu tranh của cả hai phía thì thấy không bên nào chứng tỏ được là mình thành công hơn bên kia. Thậm chí có thể nói chưa bên nào thành công cả. Tại sao vậy? Bởi vì **chưa bên nào nhằm đúng mục tiêu chiến lược tối hậu, và chưa bên nào tranh thủ được quần chúng trong nước**. Và bởi vì chưa có tổ chức nào quy tụ được đông đảo nhân sự để có thể phân công nắm vững tình hình quốc nội và quốc tế, phân công làm những công tác tình báo, tuyên truyền, vận động quần chúng quốc nội.

Nhiều đoàn thể tổ chức rầm rộ những cuộc đại hội toàn quốc, toàn thế giới, nhưng phần nhiều dường như chỉ để phô trương mà không có chương trình hoạt động cụ thể. Sau đại hội xem ra đâu lại vào đó. **Tình hình trong nước vẫn không có gì khả quan hơn.**

Nếu chỉ chống cộng hay chống độc tài bằng cách ngồi ở hải ngoại hô hào dân chủ, tố cáo những vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo của cộng sản trong nước, mà người dân trong nước chẳng hề hay biết, chẳng hề nghe thấy để hưởng ứng, thì chẳng đáng kể công.

Một đôi khi những tố cáo đó có tới tai những tổ chức nhân quyền hay ân xá quốc tế, hội phóng viên không biên giới (chẳng hạn v.v...) thì sự can thiệp của những tổ chức này cũng không đem lại hiệu quả mong muốn. Và dù có đôi khi đạt được một kết quả nào đó, như giảm án cho một tù nhân chính trị, thì kết quả đó cũng không làm nao núng hay suy yếu cái chế độ độc tài trong nước chút nào. Trái lại càng chứng tỏ cho người dân trong nước và thế giới thấy quyền hành và lợi thế của CS. Nó cho cái gì được cái đó. Nó có bất chấp sự can thiệp của ngoại quốc, quốc tế cũng chẳng làm thay đổi được chế độ.

Trường hợp những vụ án Trần Khuê, Phạm Quế Dương, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, v.v. gần đây, hay vụ linh mục Nguyễn Văn Lý, hòa thượng Thích Quảng Độ, tiến sĩ Hà Sỹ Phu, tướng Trần Độ... trước kia chúng tôi điều đó. Xin nhắc lại cho rõ hơn, *một chế độ độc tài tuyệt đối đại ác, khi nhượng bộ các yêu sách của các lực lượng hay tổ chức đấu tranh ở bên ngoài mà tha hay giảm án cho một tù nhân chính trị thì không hề bị suy yếu, mà càng chứng tỏ trước dư luận thế giới là nó có quyền tha, quyền bắt.*

Kết quả của cuộc tranh đấu như vậy cũng chỉ gián tiếp tăng thêm thế lực cho độc tài CS mà thôi.

Viết tới đây chúng tôi bỗng nhớ đến một chiến thuật cổ hữu của cộng sản là “*bắt lấy hai để giữ lại một*”. Ví dụ, muốn cho dư luận thế giới ủng hộ, hay bớt lên án, chúng bèn mở chiến dịch bắt thêm một số người mà chúng tố cáo là gián điệp hay gây rối. Đợi khi các tổ chức ân xá quốc tế hay nhân quyền yêu cầu trả tự do cho những người ấy, chúng bèn phóng thích hay giảm án cho một vài người ít nguy hiểm nhất. Và như vậy xem ra có thể chúng tỏ là chúng đã có tiến bộ về nhân quyền, được dư luận hoan nghênh. Nhưng người ta quên đi rằng còn nhiều người khác mà chúng mới bắt vẫn còn bị giam giữ, hành hạ.

Đó là nói tóm tắt và giản lược về cái gọi là chiến lược sách lược *chống độc tài* của một số tổ chức đấu tranh vì nhân quyền, vì tự do tôn giáo hay vì dân chủ đa nguyên.

Về những hình thức đấu tranh rầm rộ và có phần “bạo động” hơn – như những người không tán thành chúng thường phê bình và gọi thế – nếu nhìn lại một cách bình tĩnh và khảo sát một cách thấu đáo ta cũng thấy hiệu quả chẳng đáng lấy làm lạc quan đối với mục đích chung cuộc là *giải thể chế độ cộng sản* cực quyền, đại ác.

Những người đã có kinh nghiệm với cộng sản, nhất là từng là nạn nhân của CS không ngừng tranh

đấu bằng mọi hình thức, kể cả tương đối bạo động, nhằm tố cáo với dư luận thế giới rằng CS không có chính nghĩa, để cuối cùng đóng góp vào việc giải thể chế độ CS ở trong nước. Dem một toán quân xâm nhập biên giới để rồi bị giết như Hoàng Cơ Minh, hay bị bắt, bị bỏ tù như Võ Đại Tôn; lấy xe ủi đất đâm vào cổng tòa đại sứ VC ở Paris như Trần Hồng; dùng tài tháo vát sử dụng (chứ không phải cướp) máy bay dân sự của Thái Lan xâm nhập không phận Sài Gòn rải truyền đơn hô hào dân chúng nổi dậy chống CS, vào dịp tổng thống Mỹ Bill Clinton và phu nhân viếng thăm VN như Lý Tống; hay những hành động mưu sát, răn đe liêu lĩnh của những Nguyễn Ngọc Hạnh, để rồi bị giam, giải tòa, nhưng lợi dụng diễn đàn tòa án, đứng trước vành móng ngựa kẻ tội và lên án CS v.v... đều là những hành động được một số người ca ngợi là anh hùng, nhưng một số khác chê là nông nổi, liêu lĩnh vô tổ chức.

Nhưng xét cho cùng không thể phủ nhận đó là những biến cố gây được *phần nào* sự chú ý của dư luận thế giới. Chỉ tiếc rằng những hành động đó không được phối hợp với nhau, không do một tổ chức thống nhất điều động theo một chiến lược sách lược chung, mà chỉ là những cố gắng lẻ tẻ, gan dạ của cá nhân vì quá phẫn uất hay căm thù. Những hành động đó cũng mau chóng lắng dịu, phai nhạt rồi rơi vào quên lãng, vì thiếu tổ chức, nên không được nuôi dưỡng và nhân lên thành sức mạnh.

Tại sao hành động mưu sát liêu lĩnh năm xưa ở

Sa Điện của Phạm Hồng Thái (nhắm vào toàn quyền Merlin) đã như một mối lửa châm ngòi cho một phong trào chống Pháp nổi dậy. Mà những hành động gan dạ và cũng liều lĩnh của những người trên lại chìm vào quên lãng? Thiết tưởng đó là một câu hỏi mà những tổ chức, đoàn thể đảng phái chống cộng (và chống độc tài) nên suy ngẫm để giải đáp.

Về những vụ việc đấu tranh tập thể khác có tính cách bất bạo động hay ít bạo động hơn cũng gây được sự chú ý mạnh mẽ và tương đối rộng lớn, không thể không kể đến vụ gần 5 chục ngàn người biểu tình, canh thức, chống **Trần Trường** trưng bày hình ảnh Hồ Chí Minh ở quận Cam, việc chống *triển lãm* hình ảnh ca tụng CS ở *Oakland* hay vụ 12 nhà trí thức và nhân vật tiếng tăm trong chế độ cũ ủng hộ và đứng chung đơn kiện của cựu đại úy biệt kích Nguyễn Hữu Luyện, mà có người ca ngợi là “người tù kiệt xuất”, nhắm vào tổ chức William Joiner Center của trường đại học Massachusetts, tuy không thắng kiện, nhưng cũng gây được sự chú ý của dư luận địa phương và trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Đặc biệt là kết quả của việc các cộng đồng người Việt ở một số địa phương đã tranh đấu thắng lợi để 6 tiểu bang, 3 quận hạt (counties) và hơn 70 thành phố trên toàn nước Mỹ thông qua dự luật nhận lá quốc kỳ của VNCH làm cờ chính thức của cộng đồng người Việt tại địa phương.¹

¹ Theo thống kê cuối tháng Tư năm 2005.

Tuy nhiên tất cả những hình thức đấu tranh ấy không có *kết quả trực tiếp cụ thể* đối với mục đích tối hậu là *giải thể chế độ CS ở VN*. Về vụ kiện tổn công tổn của, mất khá nhiều thì giờ này, có người nghĩ (không phải không hữu lý) rằng nếu lợi dụng sự có mặt của Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi để phản tuyên truyền bằng cách chinh phục hai người này để họ đào thoát, xin tị nạn chính trị thì còn có tác dụng hơn. Bởi vì Nguyễn Huệ Chi là con giáo sư Nguyễn Đồng Chi, một bạn học cũ của giáo sư Lê Hữu Mục, chi bất đắc dĩ hợp tác với CS chứ trong lòng không ưa gì CS.² Việc này có lẽ cũng không phải dễ, nhưng chắc chắn không tổn công tổn của và chất xám của một chục nhân vật có địa vị trong chế độ đệ nhị CHVN.

Hơn nữa đánh trung tâm WJC chỉ là tĩa cái ngọn, chứ chưa động gì được tới cái gốc là thần tượng HCM (cha già dân tộc) đã khiến thế giới và đa số các đại học và trí thức Mỹ thừa nhận chế độ CS hiện nay trong nước là hợp pháp và hợp lòng dân. Ta tĩa cái cành, cái ngọn mà không lo đẵn cái gốc thì chỉ tổ làm cho nhiều ngành nhiều nhánh khác đâm chồi mà thôi. Đó là nói về nguyên tắc và đại thể. Còn nếu chỉ xét về nỗ lực cá nhân, thì dĩ nhiên không thể không ca tụng và tuyên dương chiến sĩ Nguyễn Hữu Luyện. Và cũng phải nhận rằng, công việc tĩa những

2 Về ông này chúng tôi có nói đến trong cuốn *Phan Tinh Phan Kháng - Thực Hay Hư*, chương áp chót.

cái nhánh cây cũng phần nào giúp cho việc dẫn cái gốc dễ dàng hơn.

Nhân vụ này tưởng cũng nên nói vài lời về việc đả kích ứng cử viên John Kerry đã từng cùng với Jane Fonda hô hào phản chiến hồi cuối thập kỷ 60, đầu thập kỷ 70. Công kích ông ta cũng chỉ là tĩa cái nhánh con, mà quên cái gốc là thần tượng HCM. Vì lúc ấy truyền thông Mỹ và thế giới đã từ lâu ca tụng HCM là nhà yêu nước, lập lại luận điệu tuyên truyền của phe Cộng rằng Hồ chí Minh có chính nghĩa. Vậy việc phản đối chiến tranh của (đế quốc) Mỹ đang chống lại Việt Nam do một nhà ái quốc lãnh đạo là việc chính đáng. Phản chiến có chính nghĩa. Còn tham chiến là phi nghĩa. Đó là một phần lý do giải thích tại sao trong cuộc tuyển cử vừa qua đa số người Mỹ, không coi việc John Kerry đã từng phản chiến là một ái tội, vẫn bầu cho ông ta. Nếu không có một số đông Ki Tô hữu sùng đạo vì tán thành những giá trị đạo đức trong chương trình hành động của Tổng Thống Bush mà rủ nhau đi bầu thật đông, thì John Kerry đã thắng lớn rồi.

Vì vậy chiến tranh là phải có chiến lược, mà chiến lược thì phụ thuộc vào mục tiêu tối hậu là thần tượng HCM mà ngày nay chúng ta cần đánh đổ, chứ không phải những John Kerry, hay Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Trần Văn Thủy, *Trương Vũ* vân vân...

Xin mở một dấu ngoặc để nói về nhà trí thức trẻ

này. Tôi thêm hai chữ *Trương Vũ* viết nghiêng vào danh sách trên, sau khi thấy ông trở nên đối tượng của không biết bao bài báo gần đây của hàng chục cây viết “cứng cựa”, kẻ khen người chê, trở thành đầu đề của một thứ bút chiến kiểu mới. Cú vẩy tai lên mà nghe những VIP KK, Sức Mấy, Tú Gàn, Đào Nương, Đại Dương... và cả Công Tử Hà Đông, toàn những vị từng là nạn nhân của CS không bao giờ bị lăm về HCM, hay các mưu chước quỷ quyệt của CS – nói về Trương Vũ và “đồng bọn” thì quả tình “đã con ráy” lắm. Nhưng xin lỗi quý vị. Theo tôi không phải bây giờ mới có những nhà trí thức lăm về Hồ Chí Minh, hay về *mưu mô của CS*. Từ 1945 trí thức Việt Nam, kể cả những đại trí thức cỡ Trần Đức Thảo. Nguyễn Mạnh Tường hay Trịnh Đình Thảo, Dương Đức Hiền. Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm. Nguyễn Bách Khoa vân vân và cả những nhà cách mạng tên tuổi như Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh (nhất là ông này là người đã ký chung với Hồ Chí Minh hiệp định sơ bộ 6-3-46), Nguyễn Hải Thần, và cả Bảo Đại cũng đã từng có lúc lăm về Hồ Chí Minh.

Bây giờ nếu ta không lột mặt nạ được Hồ Chí Minh để cho người ngoại quốc hãy còn ca tụng ông ta là nhà ái quốc (chỉ cần mở từ điển bách khoa Anh và Mỹ, những ấn bản mới nhất, thì đủ bằng chứng tại sao giáo sư các trường đại học Mỹ thích chọn người Việt trong nước CS, hơn người Việt ở hải ngoại từng

thuộc VNCH đã thất trận nhục nhã, mặc dầu các chiến sĩ đã đấu tranh anh dũng, kiên hùng)..., thì đừng trách bất cứ trí thức trẻ nào, mà hãy tự trách chính chúng ta. Chúng ta phải *ăn năn*, hay bắt *Tổ Quốc Ăn Năn*, như một trí thức tương đối trẻ đã đặt tên cho sách của ông? Lột mặt nạ của HCM không phải dễ, vì nó rất tinh vi, kiên cố do hàng chục cây viết quốc tế nổi tiếng đã bị lừa mà tô vẽ nên. Không phải chỉ lớn tiếng thóa mạ, chế riễu hay mạt sát ông ta là được, mà phải có những pho sách nghiêm túc dùng luận cứ chính xác, dựa theo lịch sử, chủ nghĩa và chiến lược, sách lược... mới hy vọng thành công. Và phải kiên nhẫn chấp nhận rằng sự thành công đó cũng chỉ đến một cách chậm chạp, dần dần, nhưng vững chắc.

Bao lâu chưa chứng minh một cách khoa học và đầy xác tín cho thế giới và giới trẻ VN thấy rõ HCM (và cái đảng của ông ta, hiện nay đang cười trên đầu trên cổ nhân dân) không phải là người yêu nước, thì chuyện giải thể chế độ CS mà HCM đã dựng lên còn là chuyện viễn vông.

Một số công tác cụ thể

Tuy không thường liên lạc với các đoàn thể và tổ chức đấu tranh, chúng tôi cũng dám nghĩ tất cả đều đã có một cương lĩnh, đường lối chính sách riêng của mình, kể cả những kế hoạch mật nhằm thu lượm tin tức và xâm nhập hoạt động trong lòng đối phương,

cũng như một chương trình hành động trong một xã hội hậu cộng sản phải như thế nào. Và cũng nghĩ chẳng có đoàn thể hay tổ chức nào lại chủ bại đến độ chỉ đấu tranh để được cùng đứng vào hàng ngũ nhà cầm quyền trong nước hầu chia phần “lãnh đạo quốc gia”. Chúng tôi cũng nghĩ những tổ chức thường cổ võ cho “hòa giải hòa hợp dân tộc” không đến nỗi ngây thơ để bị dụ vào thế hòa hợp với CS, bán đứng các chiến sĩ đã dày công đấu tranh chống CS.

Nhưng chúng tôi nghi ngờ là các tổ chức đó không có đủ cán bộ hăng say, dám xả thân tranh đấu trực diện với CS, dám xung phong về nước vận động quần chúng. Vì lớp người hăng say dám hy sinh thường là giới trẻ. Mà giới trẻ tại Mỹ thường ít hiểu biết về cái ác của CS, lại thường được đọc những tài liệu sách báo tại các thư viện Mỹ mà tuyệt đại đa số luôn ca ngợi *Hồ Chí Minh là người yêu nước* đã có công đánh bại Pháp và Mỹ để đem lại độc lập và thống nhất cho tổ quốc VN! Điều sai lầm đối trá tai hại to lớn đó bao lâu chưa được sửa lại cho đúng thì bấy lâu các tổ chức tranh đấu chống cộng sản, độc tài, gian ác còn chưa tuyển mộ được nhiều chiến sĩ gan dạ, năng động dám xả thân ở hải ngoại và nhất là ở trong nước.

Chúng tôi cũng nghĩ (mong rằng không lầm) rằng những tổ chức đoàn thể chủ trương nêu chính nghĩa *chống độc tài*, thay vì chống cộng, chỉ làm như thế vì lý do chiến lược, hay sách lược, chứ về chủ đích

họ cũng chống cộng, và cũng tranh đấu để thay thế, loại bỏ cái *chế độ* hiện nay (hay nói cách khác, cái thể chế, định chế, cơ chế độc tài như có người thích gọi như vậy). Họ không chỉ tranh đấu nữa vời là chỉ đòi VC thả các tù nhân chính trị, nới rộng tự do tôn giáo, hay bỏ điều 4 hiến pháp vân vân... mà thôi.

Vì vậy xin nhấn mạnh, muốn dùng sách lược “*chống độc tài*” thay vì “chống cộng”, các nhà đấu tranh bất bạo động nên phân biệt 2 thứ độc tài. Một là độc tài theo nghĩa thông thường chúng ta thường hiểu từ trước tới nay. Hai là độc tài theo kiểu CS.

VC và Trung Cộng không cho chế độ CS là độc tài mà còn tự phụ nó là chế độ triệu lần dân chủ hơn các chế độ dân chủ tự do của các cường quốc Tây Phương. Để cố che giấu lối nguy hiểm ấy, họ gọi chế độ CS (hay xã hội chủ nghĩa) là chế độ ***chuyên chính vô sản***. (Mặc dầu *chuyên chính* cũng đồng nghĩa với độc tài, và cũng là dịch từ ***dictature*** hay ***dictatorship of the proletariat*** của Âu Tây.) Hãy nghe họ giải thích tại sao chuyên chính vô sản lại là chế độ triệu lần dân chủ hơn các chế độ tự do dân chủ Tây Phương: Chuyên chính vô sản nghĩa là nền độc tài của giai cấp vô sản là giai cấp chiếm đại đa số nhân dân thế giới chống lại giai cấp tư sản là giai cấp chiếm số ít: Chuyên chính chỉ áp dụng cho kẻ thù (giai cấp thù địch). Còn dân chủ áp dụng cho số đông là giai cấp vô sản. Vì vậy, đã là chế độ của số đông thì hẳn phải dân chủ hơn chế độ của số ít...

Nếu không bị mê hoặc bởi xảo ngôn và sự cuồng tín đối với chủ nghĩa Mác Lê, người ta sẽ thấy đây là một đại nguy biến, như Hà Sỹ Phu, một trí thức đã nhiều năm bị nhồi nhét lý thuyết Mác-xít, sau khi đã tỉnh ngộ cũng phải kêu lên rằng chủ nghĩa này chẳng qua chỉ là *“một đại nguy biến, nó đi vào VN không qua vọng gác của trí tuệ”*.

Ta sẽ dễ dàng lột trần cái lý luận nguy tạo, gian trá đó: Nhìn vào thực tế chẳng những giai cấp vô sản (chiếm số đông) chẳng có phần trong guồng máy cai trị. Họ còn chỉ là những người bị lợi dụng bởi một thiểu số cấp lãnh đạo của đảng. Trong các cuộc bầu cử, hay bỏ phiếu họ chẳng có quyền tự do ứng cử hay bầu cử. Mọi sự đều do cấp lãnh đạo đảng CS sắp xếp và chỉ thị trước. Nếu bảo dân chủ thì cấp lãnh đạo đảng và nhà nước phải được toàn dân hay toàn đảng bầu ra.

Nhưng, 1) **xét về mặt đảng**, ai bầu tổng bí thư? – bộ chính trị. Ai bầu ra bộ chính trị? – Ủy ban trung ương đảng. Ai bầu ra ủy ban trung ương? – Đại hội đảng. Ai bầu ra các phái đoàn các cấp bộ đảng đi dự đại hội đảng? – Các đảng viên thuộc các chi bộ, tỉnh bộ... khác nhau. Toàn thể đảng có khoảng trên hai triệu rưỡi đảng viên. Ai bầu ra những đảng viên này? – Không ai cả. Đảng viên vào đảng phần nhiều do đảng viên khác giới thiệu, hoặc do một cấp chỉ huy tự ý kết nạp. Họ có đại diện cho toàn thể giai cấp vô sản không? – Dĩ nhiên là không. Cứ hỏi những người

nghèo khổ, (giai cấp cùng khổ hay vô sản) chiếm 80 % dân số thì biết họ có bầu cho những đảng viên CS không. Vậy thì tại sao lại bảo rằng đảng là đảng của giai cấp vô sản? và chuyên chính vô sản là một chế độ triệu lần dân chủ hơn các chế độ tự do dân chủ Tây Phương?

Và 2) Về **mặt nhà nước**, từ chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, luôn là ủy viên bộ chính trị của đảng, đến các dân biểu (tuyệt đại đa số do đảng cử và dân bầu theo lệnh đảng) đều do đảng quyết định bí mật trước trong các đại hội đảng hay trong các hội nghị thu hẹp của ủy ban trung ương, hoặc của bộ chính trị chỉ định trước để dân bầu. Ai không được đảng (hay mặt trận Tổ Quốc, một tổ chức ngoại vi của đảng) giới thiệu thì không được ứng cử. Trường hợp của nhà địa vật lý tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang trước đây là một bằng chứng cụ thể. Vì vậy bảo chuyên chính vô sản không phải độc tài và còn dân chủ triệu lần hơn các chế độ dân chủ Tây Phương chỉ là xảo ngôn, gian trá, ngụy biện, cần vạch trần trước nhân dân toàn quốc, nhất là trước giới nghèo.

Tất cả những thực tế cải chính lý luận của CS nói trên, kèm theo những thực tế lịch sử phủ nhận công lao của đảng CS, lòng yêu nước thương dân của “cha già dân tộc” Hồ Chí Minh v.v... cần được phổ biến rộng rãi **vào trong nước**, để chuẩn bị cho lòng người, để toàn dân hiểu rõ sự thực, không còn bị những luận điệu tuyên truyền lừa phỉnh của đảng làm cho

hoang mang, khiếp sợ, hay có *mặc cảm hàm ân*, như Dương Thu Hương, một cựu đảng viên cộng sản phản tỉnh, đã viết gần đây.

Muốn làm được những điều đó, cần có một mạng lưới đặc vụ trong nước. một đoàn ngũ chuyên viên điện toán ở hải ngoại nắm vững những kỹ thuật phá bức tường lửa của CS dựng lên để ngăn chặn thông tin chính xác từ bên ngoài. Và cần có một danh sách các địa chỉ điện thư của các cán bộ đảng, các nhà trí thức, các chuyên gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các luật gia, dân biểu quốc hội... và thường dân trong nước, để tới tấp gửi về những thông tin xác thực về tình hình thế giới cũng như về sự thực lịch sử... Cũng cần có một bảng liệt kê những sai lầm, tội ác của Hồ Chí Minh, của các cán bộ lãnh đạo đảng, của đảng cộng sản nói chung, với thứ tự ưu tiên bắt đầu từ *yếu điểm chiến lược là chính thần tượng HCM*. Mỗi đề tài nói trên cần có một “trang nhà” (Home page hay website), do một nhóm người chuyên sưu tầm nghiên cứu phụ trách để không ngừng đưa lên mạng lưới hầu độc giả trong nước dễ dàng tiếp nhận. Dĩ nhiên công việc này phải được điều nghiên kỹ và trình bày khéo léo. Bằng không sẽ chẳng ai thèm xem, thèm đọc.

Về sự thực lịch sử, điểm ưu tiên và quan trọng hàng đầu là sự lệ thuộc của HCM và đảng CS vào phong trào cộng sản quốc tế, sự gian dối và nguy biến trong việc thần thánh hóa HCM gọi ông ta là *cha già dân tộc*, là *anh hùng yêu nước*.

Thiết tưởng bao lâu thế giới còn nghĩ HCM là anh hùng dân tộc là cha già dân tộc VN, thì VC còn được ủng hộ, ít nhất có được thiện cảm, và như vậy khó vận động quốc tế ủng hộ những phong trào đấu tranh nhằm giải thể chế độ CS trong nước. Tiếp đến, bao lâu giới trẻ trong nước và ở hải ngoại còn nghĩ HCM là anh hùng dân tộc, đảng CS có công đánh thắng Pháp và Mỹ để đem lại độc lập thống nhất, thì bấy lâu họ còn thờ ơ với những lời kêu gọi chống cộng hay chống độc tài cộng sản, nếu không phải là lên án những người chống cộng là tay sai ngoại bang. Những người nào chán ghét chế độ độc tài hiện nay của đảng cộng sản sẽ không nỡ nặng lời với HCM và đảng CS. Họ nói như Dương Thu Hương đã mĩa mai viết: “Dù sao họ cũng có công đánh thắng Pháp và Mỹ đem lại độc lập cho VN.

Nếu mọi người mọi đoàn thể đồng ý với “tiền đề” trên thì dễ đi đến đồng thuận về kết luận và phương pháp cũng như chương trình hành động. Từ đó một tổ chức thống nhất sẽ có cơ thành hình. Các cơ quan truyền thông của người Việt khắp thế giới dễ có một lập trường chung. một hành động đồng loạt nhắm vào đối tượng chính ở trong nước, thay vì chỉ trích, đả kích nhau.

Tóm lại dù *chống độc tài* hay *chống cộng*, thì cũng phải hiểu rõ đối tượng, đối phương (TRI BỈ): hiểu rõ bản chất của độc tài cộng sản, hiểu rõ những việc làm của các lãnh tụ cộng đảng từ khi đảng đó ra đời

trên đất nước VN. hiểu rõ lý thuyết, chiến lược sách lược của CS nói chung, để trình bày cho nhân dân trong nước, và tại hải ngoại, nhất là giới trẻ một cách đầy xác tín và có tính thuyết phục cao. Đó là công tác tuyên truyền cần thi hành trước tiên (giai đoạn chuẩn bị).

Công tác vận động quần chúng

Kế đến là giai đoạn vận động quần chúng. Nếu làm chính trị ở một nước dân chủ không thể không tìm cách chi phối, ảnh hưởng đến các đoàn thể, tổ chức áp lực, thì làm cách mạng nhằm đánh đổ một chế độ độc tài hà khắc cũng không thể không nắm lấy quần chúng. Quần chúng không hiểu rõ mục tiêu đấu tranh. không ủng hộ thì nhất định phải thất bại. Quần chúng ở trong nước là chủ yếu. Đây là công tác rất khó khăn, do VC đã có kinh nghiệm và hiện áp dụng mọi biện pháp để nắm quần chúng, bằng cách đặt những cán bộ chuyên trách trung kiên trong mọi tổ chức quần chúng, đoàn ngũ hóa mọi tầng lớp nhân dân, từ mặt trận tổ quốc đến các giáo hội quốc doanh. Hơn nữa tất cả các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí truyền thanh truyền hình và cả điện tín, vi tính... đều bị CS nắm độc quyền, kiểm soát chặt chẽ. Mọi hành động chống đối đều bị dẹp tan một cách dễ dàng. Những vụ Thái Bình. Hồ Nai, Cao Nguyên v.v.. chúng tỏ điều đó.

Vì vậy các tổ chức đấu tranh ở Hải ngoại nên triệt

để lợi dụng thứ vũ khí còn lại là điện thư là phương tiện tối tân và cũng khó kiểm soát, ngăn chặn, mặc dầu CS không ngừng dựng lên những bức tường lửa để hạn chế.

Nhiệm vụ chiến lược hàng đầu là đánh sập thần tượng HCM bằng truyền đơn, bươm bướm, sách báo, và những tài liệu lịch sử, qua thư tín, điện thư..., đưa người về nước, mang theo truyền đơn, tài liệu...

Tại sao bảo phá sập thần tượng HCM là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu?

Vì hiện nay thần tượng HCM là điểm tựa chính và cuối cùng của VC, sau khi các thần tượng Mác, Lê, Mao đã sụp đổ. Vì thần tượng HCM còn là chương ngại vật quan trọng nhất khiến lòng người chưa dứt khoát: nhân dân còn nghi, nếu ông Hồ là anh hùng dân tộc, là cha già dân tộc như lịch sử VN (do CS biên soạn, vì họ là kẻ thắng) và thế giới (do bị lừa vì tuyên truyền hữu hiệu của Việt Cộng và các “đảng anh em” trong khối cộng) đều xác nhận, thì cái đảng của ông ta cầm quyền là chính đáng vì có công, lại có kinh nghiệm chống ngoại xâm, chắc chắn sẽ có khả năng lãnh đạo đất nước trong giai đoạn hậu chiến. Nếu ông Hồ và đảng của ông ta có công lớn như vậy thì dù có tham nhũng, thối nát, bất lực trong một giai đoạn hậu chiến cũng đáng được thông cảm, và nạn tham nhũng cũng như các tệ nạn xã hội khác là do hậu quả của chiến tranh, và của chế độ cũ để lại, cũng nên kiên nhẫn chờ đợi nó sẽ được khắc phục

trong tương lai. Nếu ông Hồ đã là cha già dân tộc, thì đảng của ông ta cũng gần như mẹ hiền của dân tộc, nên được thương yêu hơn là thù ghét, dù cho trong chiến tranh “*cha Hồ và mẹ đảng*” có lỡ lầm hay bắt đắ dĩ tàn sát trực tiếp hay gián tiếp hàng triệu đứa con.³ Cuộc chiến tranh nào lại không gây chết chóc? Nếu cuộc chiến đó đã được dư luận trong nước và thế giới chấp nhận là có chính nghĩa vì kháng chiến để chống ngoại xâm và đã thắng lợi, thì cái giá của chết chóc và hạn chế tự do trong một thời gian cũng xứng đáng.

Vì thế cần phải bằng những lý lẽ công bình khách quan và chính xác, không thể cải chính. chứng minh ông ta không phải là cha già dân tộc. Đó chỉ là do ông ta tự phong (qua quyển sách nhỏ *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, dưới bút hiệu Trần Dân Tiên), rồi bắt đàn em truyền bá, để rồi người ngoại quốc mắc mưu viết lại theo đúng sự sắp xếp của ông ta.⁴ **Chứng minh** bằng bản chất cuộc chiến ý thức hệ là cuộc chiến toàn cầu do CS chủ

³ Mẹ giết con? Đúng là Võ Tắc Thiên tái thế! So sánh mẹ Võ Tắc Thiên với “mẹ Đảng”, “cha Bác” là hữu lý.

⁴ Xem chương 9, *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* của Minh Võ (từ trang 163- 180).

⁵ Chính lãnh tụ Nga Cộng Nikita Khrushchev đã tặng HCM danh hiệu này và còn bảo những người cộng sản trên toàn thế giới hãy quỳ gối trước vị thánh HCM! (xin xem *Hồ Chí Minh. Nhận Định Tổng Hợp* của Minh Võ, cuối phần II, trang 461 - 462)

xướng, và HCM, một đảng viên CS đồ đệ và **tông đồ**⁵ đắc lực nhất của tôn giáo vô thần MÁC LÊ đã đưa vào nước, theo đúng đường lối của quốc tế cộng sản, đánh lừa nhân dân VN, lôi kéo toàn dân vào một cuộc chiến mà ông ta bảo là để giành độc lập, nhưng thực ra chỉ để truyền bá và củng cố chế độ cộng sản. Trong khi đạt mục tiêu đó ông đã giết hại bao nhiêu nghìn chiến sĩ cách mạng không đồng quan điểm, bán đứng cả nhà chí sĩ Phan Bội Châu...

Chúng tôi nhấn mạnh 2 chữ **chứng minh** vì từ trước tới nay phần nhiều sách báo chống cộng chỉ thóa mạ theo cảm tính và theo kinh nghiệm bản thân của những người viết, mà không biết rằng những điều ta tin là đúng do kinh nghiệm, thì những kẻ chưa có kinh nghiệm đó như dư luận thế giới và con cháu chúng ta không bị thuyết phục. Họ bảo chúng ta chỉ vì tức giận hay có mặc cảm “thua trận” mà nói cho hả giận. Vì vậy những tài liệu nghiên cứu nghiêm chỉnh, vô tư của những học giả, nhà nghiên cứu cần được đọc kĩ, trích dẫn quảng diễn... để lấy đó làm chất liệu biện luận với thế giới và cho lớp trẻ hiểu rõ về CS, nhất là về HCM và đảng CS VN.

Những tập sách mỏng, hay truyện đơn, bướm bướm nên được soạn thảo một cách thận trọng với bằng chứng cụ thể và giọng văn ôn tồn nhã nhặn hầu có thể gây thiện cảm của người đọc, nhất là khi nhắm vào những đối tượng trí thức, hay tương đối có học... Những tác phẩm của những soạn giả vô

tư, hay các nhà nghiên cứu phi đảng phái nên được sử dụng vì tránh được tiếng là chúng ta thua trận nên viết thiếu vô tư. Xin nhớ là chúng ta đang phải thuyết phục những người đang nghĩ hoàn toàn khác và trái với chúng ta, chứ không phải viết cho kêu để vui lòng, bùi tai và hợp nhãn của những nạn nhân cs đã từng hiểu rõ những sự kiện lịch sử chính thống.

Nhưng để có thể thuyết phục những người đang nghĩ khác chúng ta thiết tưởng phải tìm hiểu họ một cách chính xác. Phải đọc những tác giả thường viết những điều chúng ta ghét đọc. Phải có nhiều nguồn tin chính xác để tìm hiểu những suy nghĩ và hành động của lớp trẻ hiện nay ở trong nước. *Tìm hiểu tại sao*, vì lý do gì một số lớn các nhà lãnh đạo tôn giáo hiện nay ở trong nước lại thờ ơ với cuộc đấu tranh chống cộng sản độc tài. ***Chú đừng trách các vị đó.*** Tự trách chính chúng ta thì mới công bình. Tìm hiểu VC đã dùng những biện pháp nào để kiểm tỏa và làm áp lực với những vị đó. Tìm hiểu xem tín hữu, giáo dân, Phật tử... hiện có thái độ gì, có còn tin nghe các vị lãnh đạo tinh thần như trước không?

Đó là chưa kể phải hiểu rõ tâm lý quần chúng nói chung ở trong nước. Họ có còn thiết tha với đất nước không? Ảnh hưởng của giáo dục nhồi sọ trên nửa thế kỷ đối với thanh thiếu niên và nhi đồng có sẽ còn tồn tại bao lâu? Phong trào “đổi mới” có ảnh hưởng gì đối với đời sống nông dân? Cuộc sống của họ so với thời thực dân cách nay hơn nửa thế kỷ có khả

quan hơn chút nào không? (Nếu nó thực sự có phần khả quan hơn, thì cũng phải ghi nhận theo sự thực. Chứ không nên có thành kiến mà phủ nhận trước khi điều tra.) Lòng tin của đảng viên và các cấp lãnh đạo đối với chủ nghĩa CS đã bị xói mòn đến độ nào? Sự chống đối, đả kích nhau trong đám lãnh đạo hiện nay (vụ thư khiếu kiện của các tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh nhắm vào nhóm Lê Đức Anh) có ý nghĩa gì và có phải là dấu hiệu đảng CS đã đến giai đoạn tan rã thực chưa, hay đó chỉ là sự cố tình để lộ ra cái mà nó đã từng âm ỉ thường xuyên trong một đảng độc tài? Liệu có hy vọng ở Việt Nam sẽ có một thứ Gorbachev hay Yeltsin không?

Tóm lại có hàng trăm câu hỏi như vậy cần trả lời về quần chúng mà chúng ta cần tranh thủ. Và dĩ nhiên để có tin tức chính xác làm chất liệu cho những câu trả lời đó, phải có một mạng lưới tình báo ở trong nước. Và cán bộ đảng viên phản tỉnh là những người có thể giúp cung cấp loại tin đó, và cũng có thể giúp thành lập ra mạng lưới mà chúng ta cần. Họ sẽ chỉ đóng một vai trò phụ nếu chúng ta đã có những thông tin viên, và mạng lưới chính của riêng chúng ta trước.

Chương trình và kế sách hoạt động phải có nhưng dĩ nhiên phần mật hay tối mật thì không thể công bố trên báo. Các tổ chức phải tự lo lập và giữ bí mật.

Đấu tranh bất bạo động

Nhiều đoàn thể tổ chức đấu tranh cho dân chủ, tự do với khẩu hiệu **chống độc tài** hiện cổ vũ cho một đường lối đấu tranh bất bạo động, coi đó như giải pháp thích hợp nhất trong lúc này. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý, chiếu theo tình hình quốc tế và quốc nội hiện nay. Nhưng thiết nghĩ, đây là đường lối vô cùng khó khăn và đòi ở những nhà lãnh đạo một bản lĩnh phi thường (cổ thánh Gandhi.) và một sự chuẩn bị lâu dài vô cùng gian khổ. Người ta thường trích dẫn lời Tôn Tử: Cuộc chiến thắng vĩ đại nhất là cuộc chiến thắng bằng bất bạo động.” Nhưng có lẽ người ta lại quên câu ngạn ngữ ngàn năm “*si vis pacem para bellum*” (Nếu muốn hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh, của Caesar). Nghĩa là muốn chiến thắng mà không cần đổ máu, hay đổ máu tối thiểu, thì phải có một sức mạnh hùng hậu hơn đối phương bội phần làm hậu thuẫn được vun đắp từ lâu; và chiến tướng phải có cái uy, cái nội lực vô song. Không biết mình biết người, chỉ dùng trí thức giới hạn của một vài người mà đối chọi với tình thế khó khăn do trên nửa thế kỷ đã tạo ra trên đất nước, là một cuồng vọng.

Xin chỉ nêu một ví dụ: Trong tình thế hiện nay, nếu nắm được quân đội hay công an, thì có thể chiến thắng mà không phải đổ máu. Nhưng hãy tưởng tượng, biết bao giai đoạn công tác cam go, phức tạp phải thực hiện để nắm được hai lực lượng then chốt ấy? Và còn quần chúng nhân dân nữa mới là

lực lượng chủ yếu. Khi dân chúng tích cực hưởng ứng rầm rộ, có cả triệu người biểu tình ở nhiều nơi cùng một lúc thì công an và quân đội, dù có lệnh trên cũng khó lòng dám đàn áp. (Ở Thiên An Môn đầu thập niên 90 chỉ tập trung được hơn một trăm ngàn, trong khi chưa nắm được quân đội.)

Nguyên giai đoạn đánh đổ thần tượng HCM đã rất cam go rồi, vì hiện nay trên thế giới và trong nước thần tượng này đã được bồi đắp càng ngày càng vững chắc. Quý vị nào nghĩ chúng tôi bị quan và tự ty, xin hãy đọc các chương sách *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*. (Tủ Sách Tiếng Quê Hương xuất bản cuối năm 2003) để thấy thực tế đáng buồn và đáng quan ngại ấy.

Một số nhà đấu tranh hiện đòi VC tôn trọng nhân quyền, tự do tôn giáo, đòi bỏ điều 4 hiến pháp 1992, đòi thả tù nhân chính trị v.v... Tất cả những đòi hỏi đó đều chính đáng, miễn là *đòi chứ đừng xin*. Nhưng theo thiên kiến, cái cần đòi hỏi trước tiên và bằng mọi cách phải đòi cho bằng được, là **TỰ DO BÁO CHÍ**. Vì đó là cái VC cố giữ bằng mọi giá, vì nó là cốt lõi của chiến tranh ý thức hệ lấy tuyên truyền làm vũ khí chủ soái. Nếu báo chí được tự do, thì mọi tội ác của HCM và cộng đảng sẽ dễ dàng bị phanh phui cho quần chúng biết. Có tự do báo chí trong nước thì những ý kiến phát biểu của đồng bào hải ngoại sẽ được tự do đăng tải trong nước. Điểm thứ hai là đòi VC và Hoa Kỳ phải sửa lại thương ước đã

ký để cho những *văn hóa phẩm của chúng ta được nhập vào quốc nội một cách tự do*. Hiện thời văn hóa phẩm của VC được tự do vào Mỹ, nhưng ngược lại văn hóa phẩm của người Việt hải ngoại lại không được vào trong nước. Nếu quý độc giả đặt nặng vấn đề tuyên truyền và hiểu rõ tầm quan trọng của vũ khí TUYÊN TRUYỀN đối với CS như thế nào, thì sẽ thấy hai điểm mà chúng tôi cho là quan trọng vừa kể cần phải đặt lên hàng đầu.

Đã gọi là cuộc chiến bất bạo động, thì ngoài các phương tiện ngoại giao, kinh tế, thông tin, **tuyên truyền** đương nhiên là vũ khí chủ soái. Chủ trương đấu tranh bất bạo động, mà lại coi nhẹ tuyên truyền thì tự mâu thuẫn và không thể nào thành công được.

Cái cây trước con trâu?

Chúng tôi biết hiện đã có một vài tổ chức đấu tranh bất bạo động dồn nỗ lực vào việc trình bày những vấn đề liên quan đến chương trình hành động “hậu cộng sản”. Ví dụ hiến pháp của một chính thể dân chủ tương lai, những đề án phát triển kinh tế, cách giải quyết những khó khăn về sắc tộc, nhu cầu giải quyết các tranh chấp về quyền lợi phe phái, địa phương v.v... Đó là điều cần nghĩ trước để khi cơ hội tới không bị đặt trước một sự bất ngờ. Hơn nữa khi trình bày vấn đề đó cũng là một cách gián tiếp tuyên truyền vào trong nước cho dân chúng biết “nếu chúng tôi lên cầm quyền, chúng tôi sẽ làm

những việc như thế.” Tuy nhiên nếu đặt nặng những vấn đề đó đến nỗi xao nhãng những vấn đề cốt lõi như đả phá thần tượng HCM thì chẳng khác gì đặt cái cây trước con trâu.

Cũng đang có một cố gắng tập hợp nhiều tổ chức lại thành một đoàn thể lớn mạnh có uy tín, để khi có đột biến ở trong nước, thì sẽ biết cử những ai về nước tham gia lãnh đạo để nắm lấy thời cơ.

Một số người quá lạc quan, tin tưởng “phe quốc gia” sẽ chắc chắn giành được phần thắng. Họ nghĩ mình đang ở thế thượng phong, nên nhất định không chịu để những cựu cán bộ cộng sản chia phần chủ động trong việc thiết lập một guồng máy dân chủ tương lai. Một số cựu đảng viên hay cán bộ cao cấp phản tỉnh đang bị đả kích kịch liệt chỉ vì họ chưa dám minh thị lên án HCM và cộng đảng, hoặc đôi khi hầy còn vô tình hay cố ý nói và viết theo luận điệu cố hữu của VC rằng ông Hồ có công trong việc giành độc lập, thống nhất, và vốn chủ trương ôn hòa, nhưng bị bọn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ khống chế. Thiết tưởng nên trình bày một cách ôn tồn nhã nhặn những luận cứ vững chắc để thuyết phục họ thì hơn là chỉ trích nặng lời hay đả kích quá đáng, dồn những người muốn tiếp tay chúng ta trong cuộc đấu tranh vào chỗ phải nản lòng lảng tránh.

Kinh nghiệm các nước Đông Âu và 15 thành viên trong cựu Liên Bang Xô Viết cho thấy: Trong một nước cộng sản đã trên nửa thế kỷ sống như cái

máy trong guồng máy cai trị độc đoán, chẳng những người dân sẽ ngỡ, không biết mình phải sử dụng dân quyền ra sao, mà cả những người lãnh đạo mới cũng lúng túng trong việc điều hành guồng máy nhà nước dân chủ tự do.

Tại các nước cựu CS phần nhiều những nhà lãnh đạo mới đều là những cán bộ CS cũ. Ngay tại Ba Lan là nước có 85 % dân là tín hữu Công Giáo, đi đầu trong phong trào dân chủ tại Đông Âu, một nhà lãnh đạo như Lech Walesa cũng không nắm được quyền hành lâu, phải sớm bị thay thế bởi một cựu lãnh tụ CS là Alexander Kwasniewski. Ông này đã được bầu làm tổng thống năm 1993.⁶

Ở Romania sau khi chế độ cộng sản sụp đổ và trùm CS nước này là Ceausescu bị hành quyết, người lên lãnh đạo chính phủ mới theo thể chế dân chủ cũng là một cựu cán bộ cao cấp của cộng đảng Lỗ là Ion Iliescu. Ông này đã làm tổng thống từ 1990-1996. Rồi sau lại tái đắc cử vào năm 2000. Điều đó cũng chứng tỏ cán bộ cộng sản, khi đã bị thuyết phục

⁶ Chính ông với tư cách tổng thống Ba Lan đã lãnh đạo một phái đoàn hùng hậu dự tang lễ Đức Giáo Hoàng, và trong buổi quốc táng chân phước Tê-rê-xa thành Calcuta, vợ ông cũng đến dự buổi lễ cầu siêu theo nghi thức Công Giáo kéo dài 4 tiếng đồng hồ. Bà đã đến bên quan tài nghiêng mình đặt tay lên áo quan và sau đó đặt vòng hoa do tổng thống Ba Lan phúng điệu. Như vậy, tuy là cán bộ CS cũ, nhưng ông đã không còn có tư tưởng hay hành động CS nữa.

và nhìn ra hướng đi mới cho dân tộc thì vẫn xứng đáng được nhân dân tín nhiệm trong nhiệm vụ lãnh đạo chế độ dân chủ tự do. Nhưng nó cũng chứng tỏ là những nhà lãnh đạo khác không đủ kinh nghiệm để thắng các đối thủ CS cũ.

Tình hình Hungary cuối thập niên 80 thế kỷ trước có thể nói là đặc biệt nhất. Vì đảng CS đã sớm nhận ra là họ phải tự ý nhường quyền lại cho các lực lượng dân chủ. Thế nhưng rồi chỉ 4 năm sau (1994) kẻ đứng đầu chính phủ hậu CS cũng vẫn là một cựu đảng viên CS cao cấp, thủ tướng Gyula Horn!

Mặt khác các cựu cán bộ CS chưa quen với lễ lối lãnh đạo theo thể chế dân chủ, cũng nhanh chóng trở thành độc tài theo nề nếp độc tài Cs cũ. Cuối cùng bị lật đổ như Edward A. Shevardnadze ở Georgia, từng là ủy viên bộ chính trị Liên Xô, bộ trưởng ngoại giao Liên Xô dưới thời Gorbachev (cách mạng hồng), Leonid Luchma ở Ukraine, hay Askar A. Akayev ở Kyrgyzstan mới đây (cách mạng cam) và trước mắt có thể nay mai sẽ đến lượt Alexander Lukashenko & Belarus.

Những kinh nghiệm ấy cần được học hỏi để cho một chính thể dân chủ tương lai thời hậu CS không vấp phải những trở ngại, nguy hiểm.

Khi so sánh tình hình các nước Đông Âu cũ, ta cần lưu ý là tại phần lớn các nước này, ảnh hưởng Cs chỉ kéo dài trên dưới 40 năm, trong khi ảnh hưởng của Ki-tô giáo đã kéo dài nhiều thế kỷ. Hơn nữa họ

đã từng chịu ảnh hưởng lâu dài của nền văn minh dân chủ Tây Âu. Nhất là họ không có một lãnh tụ CS đầy huyền thoại là Hồ Chí Minh, mà đáng kể nhất là huyền thoại “*cha già dân tộc*”. Cho đến nay mà ở Mỹ còn có một bộ trưởng Quốc Phòng khơi khơi phát biểu rằng trước đây “ở miền Bắc VN đã có một thành phần rất yêu nước..., còn ở miền Nam thì dân chúng coi chính quyền là bù nhìn...” Tại sao thế? Câu trả lời phũ phàng nằm ngay trong 2 cuốn từ điển bách khoa Mỹ và Anh. Cả hai đều viết Hồ Chí Minh là nhà ái quốc. Mà từ điển viết như thế là vì những tác giả của chúng đã đọc phần lớn các tác giả lớn Anh, Mỹ, Pháp viết như thế rồi. Và cả một số nhà trí thức của VN không cộng sản, như Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Văn Chí, Nguyễn Khắc Huyền..., và mới đây Lê Xuân Khoa cũng cho rằng HCM và “Việt Minh Cộng Sản có công đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập”. Đành rằng nhận định của họ là sai. Nhưng làm thế nào để **chứng minh** cho thế giới và con em chúng ta trong cũng như ngoài nước thấy sai, đó mới là vấn đề quan trọng. Chỉ thóa mạ, rồi khẳng định theo cảm tính mà không dẫn được bằng chứng xác thực, thì càng làm cho huyền thoại đó được củng cố thêm.

Chính cái đó làm cho việc giải thể chế độ CS ngày nay trở nên khó khăn gấp bội so với tình hình các nước Đông Âu trước đây. Nếu các đoàn thể và tổ chức đấu tranh cho dân chủ tự do không tập hợp được thành một tổ chức thống nhất để phối hợp

hoạt động, thì mai kia khi có một thay đổi nào ở trong nước. rồi cuộc cũng những người CS (hay CS cũ) lãnh đạo mà thôi, và lịch sử vẫn kết tội phe quốc gia là bán nước. Vì hậu thế chỉ biết phán xét dĩ vãng qua sử sách để lại, chứ chúng ta không sống lại để cải chính được. Ai bảo chúng tôi bi quan thì chúng tôi xin nhận tội. Nhưng nếu các đoàn thể và tổ chức đấu tranh cứ im hơi lặng tiếng để mặc cho các nhà trí thức tuyên dương công lao giành độc lập cho Hồ Chí Minh thì làm sao lạc quan cho được?

Hy vọng về một thể chế đa đảng trong tương lai gần

Một số người đấu tranh đòi dân chủ tự do có xu hướng ôn hòa đặt trọng tâm vào việc đòi VC hủy bỏ điều 4 hiến pháp 1992. Họ hy vọng đến một lúc nào đó, do áp lực quốc tế, và do kết quả của cuộc đấu tranh đòi nhân quyền lên cao đủ, nhà cầm quyền trong nước sẽ muốn bắt chước Hungary trước đây, tự ý thoái lui, trong một đại hội đảng sẽ tự ý mở cửa cho xu hướng dân chủ bằng cách biểu quyết sửa đổi hiến pháp theo đó cộng đảng sẽ không còn giữ độc quyền lãnh đạo đất nước nữa. Có người còn dám hy vọng trong đại hội đảng X sắp tới điều đó có thể xảy ra.

Nhưng phải coi chừng. Nếu quả thực đến một ngày không xa có chuyện đó xảy ra mà nhân dân trong nước, và giới trẻ ở hải ngoại vẫn còn tin Hồ

Chí Minh và Cộng đảng có công giành độc lập thống nhất tổ quốc, thì tất cả các tổ chức đấu tranh ở hải ngoại hiện nay, từ các đảng Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng... hay tập thể chiến sĩ, đến các chính phủ lưu vong, mặt trận nọ mặt trận kia, và tập hợp dân chủ đa nguyên, mạng lưới nhân quyền... cũng vẫn bị coi là tay sai bán nước. Làm sao thắng trong các cuộc bầu cử được? Chắc chắn quyền lãnh đạo sẽ vẫn nằm gọn trong tay những cựu đảng viên CS mà thôi, cho dù họ có lãnh đạo dưới nhãn hiệu “dân chủ, đa nguyên đa đảng nào chẳng nữa. Và lịch sử trong nghìn năm sau vẫn sẽ ghi: quân, dân, cán, chính và nhân sĩ, văn nghệ sĩ, khoa học gia vân vân... từng sống ở miền Nam hay phục vụ các chế độ Cộng Hòa và người dân lánh nạn CS sống ở ngoại quốc chỉ là những kẻ bán nước, tay sai ngoại bang...

Nếu tranh đấu để rồi rốt cuộc cũng đi đến kết quả đó thì thật là công dã tràng.

Vì vậy các tổ chức đấu tranh nên xét lại cái gì là chính yếu, và cái gì là thứ yếu trong số các mục tiêu đấu tranh và trong chương trình hành động cái gì cần làm trước, cái gì làm sau, như chúng tôi đã trình bày ở trên.

Chính nghĩa dân tộc

Sau cùng dù *chống cộng* hay *chống độc tài* nói chung thì điều cần thiết là phải đặt **chính nghĩa dân tộc trên hết**, phải tranh đấu vì lý tưởng **dân tộc**, lý

tưởng *con người*, lấy đạo lý, nhân nghĩa và hạnh phúc của nhân dân làm cùng đích. Không nên quá dựa vào ngoại bang, mặc dù phải công nhận nếu thiếu sự ủng hộ tích cực của các cường quốc, nhất là Hoa Kỳ thì công việc sẽ rất khó khăn. Nhưng chỉ nên lợi dụng cái thế giằng co giữa các cường quốc, và giữa các phe đảng để làm lợi thế cho mình. Không bao giờ nên đặt mình dưới sự điều động sai khiến của bất cứ ngoại bang nào.

Mặt khác, nhất định phải gạt bỏ lòng thù hận. Đó là điều khiến những tổ chức đoàn thể dễ tìm thấy một mẫu số chung và sẽ giải tỏa được những bất đồng chi tiết về chiến lược, sách lược.

Với chiêu bài “giải phóng dân tộc” Hồ Chí Minh và đảng CS VN đã đẩy toàn dân vào một cuộc chiến tranh không cần thiết ròng rã 30 năm. (Nói không cần thiết, vì trên ba chục nước Á Phi đã giành được độc lập khá dễ dàng sau Thế Chiến 2, mà không cần đổ máu hay chỉ phải chiến đấu trong một thời gian ngắn.) Trong chiến tranh và cả sau chiến tranh Hồ Chí Minh và đảng CS đã gây chết chóc tang thương cho hàng chục triệu người, trong đó có rất nhiều nhà ái quốc, thi văn sĩ, những con dân ưu tú của tổ quốc. Nó cũng làm cho hàng chục triệu người tán gia bại sản, làm cho dân nghèo đã nghèo thêm nghèo khổ. Chính chúng ta cũng là nạn nhân của CS. Nhưng chúng ta nên chống cộng sản độc tài một cách nhân đạo nghĩa là hợp với đạo lý con người Việt Nam.

Chúng ta chống cộng không phải để trả thù cho chúng ta, cho những người đã khuất. Mà là để đem lại tự do và hạnh phúc cho toàn dân, trong đó có cả người CS, với điều kiện họ biết lỗi tự sám hối, để từ bỏ hàng ngũ đảng CS, đứng vào hàng ngũ dân tộc. Nếu họ có khả năng và thiện chí, họ sẽ được trọng dụng trong một chế độ dân chủ tự do tương lai.

Không trả thù, **bỏ hận thù**, nhưng quyết liệt trong việc giải thể chế độ hiện nay, vì chính nó đã phát sinh, tồn tại và tác hại do chủ trương **lấy hận thù** giai cấp làm lẽ sống.

Thiết nghĩ đó là đường lối dân tộc rộng thênh thang sẵn sàng thu nạp đông đảo quần chúng không phân biệt chính kiến, tôn giáo hay dĩ vãng, *không phân biệt lập trường chống cộng hay chống độc tài*. Và khi đã có quần chúng đông đảo tích cực tham gia, thì công cuộc giải thể cái chế độ phát sinh từ hận thù giai cấp đó chắc chắn sẽ thành công.⁷

San Diego cuối tháng Tư đến 2005

⁷ Có thể là sự thành công sẽ không tới sớm, vì sự tranh đấu bất bạo động, phi hận thù đòi hỏi thời gian và sự kiên nhẫn. Nhưng khi đã thành công thì thành công mỹ mãn và thành quả sẽ tồn tại lâu dài.

8. Đừng oán trách nàng

Nàng là một diễn viên điện ảnh nổi tiếng. Nàng là con một diễn viên điện ảnh khác còn nổi tiếng hơn. Tên nàng là Jane Seymour Fonda được gán thêm hõn danh *Hanoi Jane*. Tên cha nàng là Henry Fonda. Từ thiếu thời Jane đã có mặc cảm tự ty. Do mẹ nàng, Frances Seymour Brokaw, đã có một gái với người chồng trước, và đang muốn đến chết mê chết mệt một mụn con trai. thì lại sinh ra nàng, coi như của nợ. Cho nên khi bà có thằng con trai đầu tiên, ông bố chụp hình thằng bé (tên Peter) đưa về cho Jane xem thì Jane òa khóc và chạy xỏ ra ngoài chẳng thèm ngó.

Người ta cố gắng gượng gạo bào chữa cho tính tình bất thường của cô đào nổi tiếng. Có phải vì vậy mà Jane đi theo phản chiến, đến tận Hà Nội cổ võ cho cộng sản, lên án đồng bào của mình đang chiến đấu chống cộng sản Bắc Việt không? Thực ra nàng đã ăn phải bả tả phái thiên cộng từ tuổi 32, khi nàng

dan díu với đạo diễn Pháp Roger Vadim, từng là chồng của Brigitte Bardot.

Mới đây thôi, sau 15 năm vắng bóng trên màn ảnh lớn. Jane Fonda trở lại đóng phim ở tuổi 67 (!). Có người cảm chiếu phim này (*Monster-in-law*, mẹ chồng quái quỷ) trong vùng của ông ta.

Jane viết hồi ký (*My Life So Far*, đời tôi cho tới bây giờ). Trong buổi ra mắt sách, một cựu chiến binh Mỹ trong khi chờ xin chữ ký của tác giả đã nhai thuốc lá (tẩu) để đến lượt mình đến trước Jane liền nhổ toẹt bãi nước thuốc vào giữa mặt mụ cho bõ ghét.

Tuy Jane nổi tiếng là phản chiến, phản bội những chiến binh Mỹ chiến đấu hy sinh vì lý tưởng Tự Do, và để bảo vệ tổ quốc, nhưng lạ thay, nàng vẫn được nằm trong danh sách 100 bậc nữ lưu danh tiếng nhất thế giới được vinh danh trong thế kỷ 20!

Bất bình về sự kiện này, một cựu chiến binh Mỹ, Ronald D. Sampson, lên tiếng tố cáo Jane đã phản bội các chiến binh Mỹ ra sao, khi nàng đang có mặt ở Hà Nội. Ông thuật lại rằng khi cô đào chiếu bóng vào thăm trại tù bọn cai tù cho tù binh tắm rửa sạch sẽ rồi dẫn ra gặp cái mà chúng gọi là phái đoàn hòa bình. Jane đã sỗ sàng hỏi các tù binh Mỹ những câu hỏi như: “*Anh có hối hận đã thả bom giết đàn bà trẻ con không? Anh có biết ơn những người đã bắt giữ và đối xử nhân đạo với các anh không?*” Các tù binh vô tình tưởng Jane Fonda chỉ giả vờ vậy, nên đã viết sẵn số an sinh xã hội của mình chờ khi nàng đến bắt tay

thì dúm mẩu giấy vào tay nàng để hy vọng nàng sẽ mang về Mỹ báo cho thân nhân biết mình còn sống. Nhưng Jane đã trao tất cả những mẩu giấy đó cho cai tù. Vì vậy họ bị hành hạ đánh đập dã man...

Tại sao mãi cho đến bây giờ, khi mà Jane Fonda đã có lời xin lỗi công khai về chuyện cũ, những cựu chiến binh Mỹ nói trên mới dám lên tiếng tố cáo sự phản bội của Jane Fonda? Đó là câu hỏi khiến người viết có mấy nhận xét sau đây.

Siêu cường Mỹ đã thua một đạo binh nghèo, nghèo đến nỗi không có được bộ quân phục hàng hoàng, chân đi dép cao su, đầu đội nón tai bèo. Điều ấy có vẻ phi lý đến độ ngày nay hãy còn những vị tiến sĩ viết rằng Mỹ không thua, chỉ giả vờ thua để *tháo chạy*, hay chạy làng, vì đã nắm được Liên Xô và Trung Quốc. Viết thế để lên án đồng minh Mỹ phản bội và chạy tội cho “chủ” tháo chạy vào giờ phút quyết liệt...

Chúng tôi đã có nhiều dịp khẳng định siêu cường Mỹ đã thua thực sự. Và một trong những lý do quan trọng nhất khiến Mỹ thua là phong trào phản chiến, không phải chỉ ở trên đất Mỹ mà tại nhiều nơi trên thế giới. Vatican cũng lên án chiến tranh Việt Nam. Vị Giáo Hoàng Phao-lô VI lên tiếng can thiệp nên tổng thống điều hâu Nixon đã bó buộc phải cho lệnh ngưng cuộc dội bom dữ dội Hà Nội và Hải Phòng dịp Giáng sinh 1972.

Jane Fonda chỉ là một trong số hàng triệu dân Mỹ phản chiến. Nhưng vì bà ta là một siêu sao màn bạc

nên được chú ý quá đáng đó thôi. Ngay trong hàng ngũ người Việt quốc gia hiện tỵ nạn CS trên đất Mỹ cũng có những nhà báo nhà văn, nghệ sĩ đã từng tỏ thái độ không tán thành chiến tranh, tức cũng phản chiến ở một mức độ nào đó. Chẳng cần nhắc đến những Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lê Khắc Quyến... xa xôi.

Phong trào phản chiến bùng lên ở cuối thập kỷ 60 và đầu thập kỷ 70 phát xuất từ một, hay nhiều lý do trong những lý do sau đây:

1. Lẽ thường người dân nước nào cũng muốn hòa bình, chẳng ai thích chiến tranh. Họ cho rằng chỉ có những nhà lãnh đạo chủ chiến. Trong một nước dân chủ tự do, khi những nhà lãnh đạo không thuyết phục nổi nhân dân về tính chính đáng – hay “chính nghĩa” – của cuộc chiến thì phong trào phản chiến sẽ có khả năng làm thay đổi chính sách hay các chính trị gia theo đuổi chính sách đó.

2. Cuộc chiến Việt Nam nằm trong bối cảnh cuộc chiến ý thức hệ giữa một bên là khối cộng do Liên Xô lãnh đạo và một bên là toàn thể nhân loại do các cường quốc Tây Phương lãnh đạo. Vì ban đầu chủ nghĩa Cộng Sản của Các Mác được một số triết gia, nhà khoa học, và văn nghệ sĩ tên tuổi trên thế giới bị lầm mà tán thưởng cổ vũ theo, cho nên có một số khá đông nhà văn, nhà báo cũng hùa theo như một cái mốt thời thượng. Ta thường gọi họ là những người tả phái hay thiên tả. Những kẻ này không muốn Mỹ

thắng, vì họ ủng hộ chủ nghĩa xã hội của Mác, của Liên Xô. Khi nước Mỹ tham chiến ở Việt Nam để bảo vệ VNCH, thì đã có một số triết gia và văn nghệ sĩ tên tuổi nhìn ra mình lầm như Bertrand Russell, Jean-Paul Sartre, Picasso, Arthur Koestler, Olivier Todd, André Gide, Louis Fisher, Ignazio Silone v.v... Nhưng một số khác vẫn còn cố bám lấy những tư tưởng sai lầm. Họ vin có ư chuộng hòa bình để phản chiến, nhưng thực ra là vì chủ nghĩa xã hội không tưởng. Phải cho đến khi bức tường Bá Linh sụp đổ và Liên Xô tan rã đa số mới mở mắt. Nhưng hầu hết đều giữ im lặng. Những kẻ dám lên tiếng nhận sai lầm như Olivier Todd và Jean Lacouture chẳng có bao nhiêu (mặc dù Todd vẫn kịch liệt đả kích Jean Lacouture vì ông này hãy còn quá dè dặt trong việc nhận sai lầm). Trong số những người phản chiến ở Mỹ, Jane Fonda cũng đã nói lên lời xin lỗi các cựu chiến binh. và Eddie Adams, người chụp tấm hình tướng Loanh hành quyết tên VC ngay tại hiện trường, cũng đã đến nghiêng mình bên thi hài vị tướng này để tỏ lòng ăn năn.

3. Hồ Chí Minh, kẻ đem chiến tranh vào Việt Nam là một con người bí ẩn, đầy huyền thoại do chính ông cố tình tạo nên. Một trong những huyền thoại đó là huyền thoại về “*Cha già dân tộc*”. Khoảng cuối năm 1947, ngay từ khi cuộc chiến đang ở vào giai đoạn quyết liệt nhất. nguy kịch nhất có thể kết liễu cuộc đời chính trị của ông, với những trận Đông

Khê, Hòa Bình, trong khi ông, kẻ lãnh đạo cuộc chiến đang lo sốt vó, chạy trốn hết chỗ này đến chỗ khác, thậm chí quân Pháp đã suýt bắt sống cùng với thuộc hạ. ông đã ngồi nặn ra cái gọi là *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch* dưới bút hiệu Trần Dân Tiên để bịa ra rằng toàn dân gọi ông là CHA GIÀ DÂN TỘC. Rồi ngay liền đó, 1948, cho dịch ra Pháp văn, và sai người mang lập tức sang Ngưỡng Quảng, thủ đô Miến Điện để dịch ra Anh văn, và phổ biến trên khắp thế giới, qua mạng lưới tình báo và tuyên truyền của CS. Từ đó dư luận thế giới bị lừa đã y theo lời ông, gọi ông là *cha già dân tộc* mà không biết mình đã bị ông xỏ mũi. Cho đến khi CS đã toàn thắng và chiếm trọn cả nước, họ mới cho mọi người biết: Trần Dân Tiên chính là “bác Hồ”, thì mọi người mới chưng hửng vì chuyện đã rồi!¹

Chẳng những ông tự tô vẽ mình là cha già dân tộc, tức vị anh hùng yêu nước, mà còn cư xử, đi đứng, nói năng, ăn mặc theo cung cách một chiến sĩ cách mạng yêu nước. Những huyền thoại về đôi dép râu, về lá gói bánh chưng cho dân dịp Tết, hay về sự hy sinh sống kham khổ, không màng chuyện vợ con,

¹ Về cuốn sách mỏng nhưng vô cùng quan trọng này, vì nó là một vũ khí độc đáo của chiến tranh ý thức hệ, một thứ vũ khí tuyên truyền có một không hai, xin xem chi tiết trong cuốn *Tâm Sự Nước Non. Ai Giết Hồ Chí Minh*, chương “Ai Giết Hồ Chí Minh”, và chương 9 trong tác phẩm *Hồ Chí Minh. Nhận Định Tổng Hợp* của Minh Võ, xuất bản trong những năm 2002 và 2003.

gia đình v.v... càng làm cho người ta tin rằng ông là ông thánh, vị thần, ít nhất cũng là anh hùng *ái quốc*. Ông đã khéo léo chiếm danh xưng này vốn là danh xưng tập thể của nhiều nhà ái quốc *như* Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền...

Chính vì vậy mà một số đồng các nhà báo và sử gia Mỹ đã khẳng định phong trào kháng chiến “chống Mỹ Ngụy” do Hồ Chí Minh lãnh đạo là một phong trào yêu nước.

4. Từ nhận định trên ta thấy cái hệ luận tất yếu là các chính quyền miền Nam VN đều là bù nhìn, tay sai của Mỹ. Các nhà báo Mỹ cũng như một số nhà báo và sinh viên học sinh bị đầu độc bởi tuyên truyền CS cũng hòa theo đả kích chính quyền Miền Nam về sự độc tài, tham nhũng. Thậm chí một linh mục dòng Chúa Cứu Thế đáng lẽ chỉ thụ động trong vấn đề cầu nguyện và rao giảng phúc âm, cũng đứng lên lãnh đạo phong trào chống tham nhũng. Hai linh mục khác, Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, cũng thuộc dòng CCT ra báo Đối Diện bênh các tù nhân CS, lên án chính quyền Miền Nam. Một số đồng ký giả chống gậy đi “ăn mày” để làm nhục chính quyền. Vân vân và vân vân...

5. Tất cả những phong trào phản chiến ở Mỹ cũng như chống đối chính quyền VNCH (đệ nhị) đều phát xuất từ sự kiện các tác giả Mỹ coi Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, và do đó cuộc kháng chiến chống

Mỹ nguy là có chính nghĩa. Bởi vì khi một nước lớn như Hoa Kỳ đem quân đánh phá một nước nhỏ bé như Việt Nam thì đương nhiên bị thế giới lên án, và nhân dân phản đối. Phản đối chiến tranh là gì, nếu không phải là *phản chiến*. Cuộc chiến đã là phi nghĩa, thì sự phản chiến là chính đáng. Cái logic đó rõ như ban ngày.

Vì thế không những chỉ có những nghệ sĩ nổi tiếng như Jane Fonda, Joan Baez, Stokely Carmichael và Ramsey Clark... phản chiến mà cả chính những cựu quân nhân, từng là tù binh bị Việt Cộng hành hạ dã man như John Kerry (thuộc đảng Dân Chủ, ứng cử viên tổng thống Mỹ năm 2004), khi về nước cũng tham gia phong trào phản chiến.

Và, nói đâu xa, ngay như “bộ óc điện tử” McNamara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng của đảng Dân Chủ dưới hai thời Tổng Thống Kennedy và Johnson, sau chiến tranh cũng tỏ dấu hối hận và đi xin lỗi kẻ thù. Còn một số đông cựu chiến binh Mỹ, khi được tha về đã không dám ngẩng mặt lên nhìn đồng bào, vì mặc cảm tội lỗi, và cũng vì đã từng bị Việt Cộng hành hạ, tra tấn dã man đến mất hết nghị lực, trở thành kẻ có xác không hồn. Biết bao chứng bệnh tâm thần do đấy mà ra.

6. Ta đã biết trong thể chế dân chủ tự do của Mỹ, báo chí được coi như đệ tứ quyền. Chẳng những nó không bị tổng thống, quốc hội và tòa án chi phối, mà nó còn có ảnh hưởng mãnh liệt đối với quốc

dân, đối với Quốc Hội. Cho nên những nhà báo từng được giải Pulitzer như David Halberstam hay Neil Sheehan, mặc dù còn trẻ măng vẫn có một ảnh hưởng vô cùng lớn trong phong trào phản chiến. Đáng lẽ ra chính những kẻ này mới đáng hỏi tội về sự thất trận nhục nhã của Hoa Kỳ. Nhưng người ta lại chỉ chĩa mũi nhọn vào những Jane Fonda.

Có ai dám nhổ vào mặt Neil Sheehan, David Halberstam, hoặc tẩy chay sách và phim *A Bright Shining Lie* của Neil không? Hoặc có ai dám chỉ mặt David mà mắng rằng chính vì mi mà Hoa Kỳ thất trận nhục nhã không? Chỉ trừ có Tổng Thống Nixon đã làm việc đó, khi nói về vụ Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật và bị giết. Nhưng ông cũng chỉ nói chung chứ không nêu đích danh David Halberstam.

Đáng ghê tởm là con người đạo đức giả họ Sheehan, kẻ từng dựng đứng lên rằng các tướng tá VN thời đệ nhất Cộng Hòa bó buộc phải quì gối, hôn ảnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm mới được thăng cấp, hoặc như Stanley Karnow, cùng một giuộc phản chiến, đã gọi những tướng tá thời Đệ Nhất Cộng Hòa như H.V.C., B.Đ. Đó là những kẻ bỏ đờ, hay bỏ đít (nguyên văn tiếng Anh: *kissed the asses of their bosses...*, nghĩa đen là hôn đít), mà đến khi gặp lại được những tướng H.V.C. và L.T.B. anh ta lại xun xoe, thân thiện, coi như bạn cũ. Không rõ những vị này có lấy làm khó chịu không?

Chính 3 nhà báo nói trên đã ca tụng Hồ Chí

Minh là người yêu nước, và trách các nhà lãnh đạo Mỹ, nêu đích danh Tổng Thống Harry Truman đã dẫn Hồ Chí Minh vào chân tường cho nên ông ta mới đi theo Cộng Sản, nếu không thì đã có một Tito VN...

Muốn có nguyên một bảng danh sách trên bốn chục ký giả và sử gia trên thế giới gọi HCM là anh hùng yêu nước, hay nhà ái quốc... xin chỉ cần lướt qua cuốn *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* của Minh Võ, mà có người chê là toàn chuyện cũ, trong đó viện dẫn toàn chuyện cũ để khám phá ra một chuyện mới là cái số đông (khoảng 80 %) ca tụng HCM ấy đã sai mà số ít lại đúng. Cũng như thời Galileo, gần 100% các nhà khoa học dẫn dắt toàn thể nhân loại ngó lên trời cao mà phán: “Mặt trời xoay quanh trái đất”, để lên án Galileo. Nhưng rồi cái mới xuất hiện: Trái đất xoay quanh mặt trời! Ngày nay cái mới ấy đã thành chuyện cũ mèm.

Nếu ta nhìn cuộc chiến tranh chống CS bằng một cái nhìn khoa học, truy nguyên nguồn gốc của nó và am hiểu những đặc tính của một cuộc chiến ý thức hệ lấy tuyên truyền làm vũ khí chủ soái tối tân lúc ấy, thì mới thấy cái hấp lực vô cùng mãnh liệt của khối cộng đã cuốn hút và chi phối các nước chư hầu (satelites = vệ tinh), khiến cho những vệ tinh này (trong đó có HCM và đảng CSVN của ông ta) muốn vùng thoát ra (theo một lực ly tâm (centrifuge) khỏi cái khối cộng khổng lồ kia, liền bị sức hút hướng tâm

(centripède), không thể cưỡng lại, nên cứ mãi mãi xoay quanh khối Cộng.

Điều đó không phải ai có thành tâm thiện ý đều nhìn ra. Cho nên ngày nay hãy còn những đại học giả Anh Mỹ về vấn đề VN cỡ Sophie Quinn-Judge, William Duiker khẳng định “mặt trời xoay quanh trái đất”, nghĩa là HCM là đại anh hùng dân tộc. Để rồi một Lữ Phương nào đó, mà nhiều người ca tụng là phản tỉnh phản kháng ở trong nước cũng nhắc lại như con vẹt.

Để khỏi mất thì giờ của bạn đọc, chúng tôi chỉ trích dẫn một số rất ít vài tác giả vừa nêu và 2 cuốn tự điển bách khoa *Americana*, và *Anglicana* đã viết về HCM ra sao. Mong những hàng sau đây làm chúng ta suy nghĩ và tự hỏi: Bao giờ trái đất mới xoay quanh mặt trời ở thế kỷ 21 này?

Neil Sheehan:

“The war made Ho the father of the modern VN.” (Chiến tranh đã biến ông Hồ thành cha già của Việt Nam hiện đại). Sách đã dẫn trang 168.

David Halberstam:

“Hồ Chí Minh là khuôn mặt phi thường của thời đại – một phần là Gandhi, một phần là Lê-nin, tất cả là Việt Nam. Có lẽ, hơn bất cứ nhân vật nào trong thế kỷ, ông là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông đối với dân tộc ông và đối với thế giới.” (*Ho* nguyên bản Anh ngữ, trang 12, MV chuyển ngữ.)

Stanley Karnow:

“Hồ Chí Minh gắn bó với nền độc lập của VN hơn là chủ nghĩa CS.” (*Vietnam A History*, trang 59)

Hoàng Xuân Hãn, Nhà trí thức lão thành, nổi danh vì từ điển khoa học hơn là vì làm bộ trưởng giáo dục và Mỹ thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, đã nói chắc nịch với nhà văn nữ Thụy Khuê ở Pháp:

“... nói cái kết quả tức thì bây giờ mà có độc lập, có thống nhất, thì cái ấy là cái công của HCM to lắm.” (xem *Thế Kỷ 21*, số 163)

Encyclopedia Americana (2000):

“HCM was widely revered as a patriot and liberator.” (HCM được nhiều người kính trọng như một nhà ái quốc và một nhà giải phóng.)

Encyclopedia Britannica (2000):

“As a leader of the Vietnamese nationalist movement for nearly three decades, Ho was one of the prime movers of the post WWII anticolonial movement in Asia...” (Lãnh đạo phong trào ái quốc VN trong gần 3 thập kỷ, Hồ là một trong những người xướng xuất phong trào chống thực dân sau thế chiến 2 tại Á châu...)

Xin dừng ở đây. Vì chỉ ý kiến của hai cuốn tự điển bách khoa nổi tiếng này cũng đủ cho thấy tầm quan trọng của nó. Ai cũng biết là tự điển thường được dùng để tra cứu, và được coi như ông thầy. Tự điển ít khi nào sai, vì đã được soạn thảo hết sức kĩ

lưỡng, mặc dầu ta vẫn thấy có những người chuyên vạch những cái sai của tự điển. Sở dĩ từ điển ghi như vậy, vì các nhà biên soạn tự điển đã theo đa số. Điều đó càng chứng tỏ phần đông thiên hạ đều cho ông Hồ là người yêu nước.²

Điều này hết sức quan trọng, vì chẳng những sinh viên thường xuyên tra cứu tự điển bách khoa, mà cả giáo sư, sử gia, ký giả cũng đi tìm sự thực nơi tự điển. Cho nên con em chúng ta sau này, không thể tìm ra sự thật, nếu chúng được đọc những điều sai trái tai hại đó trong các tự điển và sử sách trong các thư viện.

Chính vì sự ngộ nhận lòng ái quốc của ông Hồ mà phong trào phản chiến đã phát sinh và tràn lan khắp

² Chỉ có thể chứng minh bằng cách suy loại: so sánh với sự kiện mặt trời xoay quanh trái đất mới đánh đổ được luận cứ của những tự điển bách khoa này. Nhưng trong thời Galileo, chứng minh trái đất xoay quanh mặt trời đòi phải khảo sát kĩ sự hình thành vũ trụ, nguồn gốc các định tinh, hành tinh, vệ tinh... như thế nào, thì cũng tương tự như thế, phải khảo sát kĩ về thuyết Mác-xít, chiến lược sách lược của Lê-nin là những thứ đã chi phối hành vi và cuộc sống của những kẻ, hay những đảng CS phát xuất từ Quốc Tế III, từ Liên Xô mà ra. Đồng thời phải xét đến những hoạt động cụ thể của ông Hồ và của đảng CS đối với QT3, đối với Liên Xô, và đối với tổ quốc VN, đối với các nhà ái quốc VN đồng thời với ông ta và đảng CS của ông ta. Đó là một điều khá phức tạp nhiều khi. Nhưng nếu ngại khó mà chỉ tự mãn bằng những lời lẽ quyết đoán theo cảm tính và kinh nghiệm riêng, thì không thuyết phục được đa số, một đa số áp đảo chỉ biết dựa vào kiến thức của các tự điển và những cây viết thiên vị, hay thiếu hiểu biết.

nơi, khiến cho cuộc chiến xoay chiều một cách hoàn toàn bất lợi, đưa tới sự thất trận nhục nhã vào giờ chót.

Vậy thì những nhà báo, sử gia thiên tả viết sai về ông Hồ phải được coi như những kẻ phản quốc.

Tất cả những tang thương chết chóc của binh sĩ, của nhân dân trong nước, của những thuyền nhân vì trốn chạy họa CS mà phải vùi thây dưới lòng biển, hay phơi xác trên rừng biên giới... đều phải đổ lên đầu họ.

Tất cả những cực hình tra tấn vô cùng dã man³

³ Vì vũ khí chiến tranh chính yếu của CS là tuyên truyền, nên họ thường làm hết cách để lợi dụng tù binh Mỹ cho mục đích tuyên truyền đối trá. Bắt giải tù binh đi trước đám đông la hét si và, đánh đập dã man, sáng chế ra những cực hình không thể nào tưởng tượng nổi để bắt tù binh phải viết bản tự kiểm, nhận lỗi trước nhẵn dân rồi đọc trên đài phát thanh, truyền hình những lời phát biểu nhận tội, mà chúng dọa đem ra kết án như những tội phạm chiến tranh. Mục đích của chúng là đánh vào dư luận thế giới, lên án Hoa Kỳ xâm lược, tàn sát dân Việt.

Trong cuốn *Aid and Comfort, Jane Fonda in North Vietnam* các tác giả đã thuật lại lời của một số tù binh từng bị tra tấn vô cùng dã man như thế nào. Người đọc như bị chết ngộp, không dám đọc tiếp. Chỉ cần nhớ rằng những cuộc tra tấn ấy khủng khiếp và tàn bạo đến độ nhiều người đã nghĩ đến tự vẫn cho thoát khỏi.

McGrath đã viết trong cuốn *Prisoner of War* (tù binh): "... Tôi đau đến điên loạn. Cánh tay trái của tôi bị trật khớp và gãy; hai đốt xương sống bị gãy, đầu gối trái bị nút. Chúng bẻ trật khớp vai phải và khuỷu tay phải tôi... Tôi ước ao tôi có thể chết. Khi chúng dọa bắn tôi, tôi van xin chúng hãy bắn đi. Nhưng chúng bảo: 'Đừng hòng, mày là tên tội phạm. Mày chưa chịu đau đớn đủ đâu.'"

mà các tù binh phải chịu dưới gông cùm của Cộng sản phải quy lỗi cho những cây viết vô trách nhiệm đi đề cao “lòng yêu nước” (sic) của một kẻ chuyên ám hại những nhà ái quốc, kẻ đem chủ nghĩa CS vào làm nguồn cho mọi sự dối trá, phá hoại cương thường đạo lý mà tổ tiên đã xây dựng từ ngàn đời mới có, kẻ gây nên cuộc chiến đẫm máu nhất trong lịch sử, kẻ thay mặt Quốc Tế CS lập nên cái đảng quái đản đang dày xéo giang san, cắt đất cắt biển trao cho kẻ thù truyền kiếp. Những tội ác nhuốm máu của nhân dân do Hồ Chí Minh và đảng CS gây nên “*tát cạn nước Đông Hải không rửa sạch tanh hôi, Chặt hết trúc Nam Sơn khó ghi đây tội ác.*”

Những cái tên Sheehan. Halberstam đại diện cho hàng chục ký giả và nhà báo đạo đức giả, bán lương tâm để đề cao Hồ Chí Minh là hiện thân cái ÁC phải được mọi người nêu lên thay thế cho cái tên Jane Fonda.

Những kẻ a dua, như văn nghệ sĩ, diễn viên, nhạc sĩ loại *Hanoi Jane* hay *Trịnh Công Sơn*... chỉ là đồng lõa vì cả tin, thiếu hiểu biết, do bị dẫn dắt bởi sách báo của những kẻ phản chiến, phản động, phản quốc thực thụ. Xin đừng oán trách họ như những chính phạm. Mà hãy can đảm lôi các chính phạm ra trước tòa án lịch sử.⁴

San Diego, Memorial Day, 30-5-2005

⁴ Những lỗi lầm tày đình mà báo chí, và truyền thông nói chung đã gây nên cho dân tộc Việt Nam, thiết tưởng ngày nay truyền thông thế giới và đặc biệt và trước tiên là **truyền thông**

Việt Nam ở hải ngoại có trách nhiệm, và sứ mạng tẩy rửa, sửa chữa bằng cách phơi bày sự thực về con người Hồ Chí Minh và cái gọi là công lao cực kỳ to lớn của ông Hồ (sic, chữ của một số người ngây ngô, tự mâu thuẫn, muốn thay thế chế độ hiện nay ở Việt Nam bằng một thể chế dân chủ tự do, mà mới nhất là tiến sĩ Nguyễn Thiện Tâm, hãy còn dùng để nói về HCM).

9. THIỆN TÂM nhưng ĐẢNG TRÍ?

Gần đây trên “mạng” và hầu hết báo Việt ngữ hải ngoại đều có đăng lá thư của một nhà khoa bảng trong nước lên án đảng CS một cách mãnh liệt chưa từng thấy. Đó là thư của giáo sư Nguyễn Thiện Tâm ở Sài Gòn đề ngày 01-12-04, “gửi

Đồng bào trong cả nước,

Kiểu bào VN ở hải ngoại,

Các vị đại diện cho dân: Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Phạm Quế Dương, Trần Bá, Trần Đại Sơn, Trần Khuê, Vũ Cao Quận, Hoàng Tiến, Hà Sỹ Phụ, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Minh Ngọc, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Đan Quế cùng các bạn trẻ đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ, với lòng kính yêu khâm phục”. (Nguyên văn)

Điều đập vào mắt người đọc trước tiên là tác giả bức thư không thèm gửi cho những kẻ cầm quyền, như những chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội hay tổng bí thư đảng, v.v. Vì có lẽ ông cho rằng, nói với “bọn

vô trách nhiệm, vô lương tâm”¹ như họ, thì thà vạch đầu gối ra mà nói còn hơn. Hoặc giả ông coi bọn họ là những kẻ phản dân, hại nước, chẳng đại diện cho ai, mà chính những người đang đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền, như một số người mà ông nêu tên mới xứng đáng đại diện cho dân.

Đọc toàn văn bức thư dài 32 cột báo khổ lớn - khoảng 15.000 chữ ta thấy rõ nhiệt tình nồng nàn đối với dân và lòng thù hận nung nấu khôn nguôi của tác giả đối với đảng CS. Ta cũng không thể phủ nhận thiện ý và *thiện tâm* của ông.

Nhưng phân tích cách lập luận kèm theo những sự kiện và văn kiện trích dẫn thì lại thấy dường như trí óc ông đã bị một lớp “*mây mù thế kỷ*”...² che khuất nên nó trở nên u ám, tối tăm, chẳng xứng với bộ óc khoa học mà ông tự hào là “*người làm khoa học đã nhiều lần đi dự hội thảo khoa học thế giới và khu vực*,”³ là “*nguyên cán bộ giảng dạy trường đại học Bách Khoa Sài Gòn, bảo vệ luận án tiến sĩ loại xuất sắc tại Liên Xô, có học hàm giáo sư tiến sĩ, từng được giải thưởng lớn ở nước này về phát minh sáng chế*”...⁴

I. Thiện tâm

Trước hết, về *thiện tâm thiện ý*, phải nhìn nhận từ

¹ Như ông viết ở cuối thư, phần Tái Bút.

² Cụm từ được Bùi Tín dùng làm nhan sách.

³ Lời của tác giả ngay đầu thư.

⁴ Nguyên văn của tác giả ở một đoạn giữa bài.

trước tới nay chưa một ai trong số những người lên tiếng chống đảng ở trong nước có được sự dũng cảm cũng như sự kiên trì trong việc sưu tầm, nghiên cứu để nêu lên những cái xấu xa, bỉ ổi và tội ác của đảng CS đối với dân tộc như vậy.

Mở đầu bài viết, tác giả đã trưng dẫn lời kết tội CS của giáo sư triết học V.V.N.:

“Trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có chính quyền nào hung bạo, mất hết tính người như chính quyền CS hiện hành. Chủ nghĩa CS là thảm họa lớn nhất của nhân loại, hơn cả thảm họa sóng thần, động đất.”

Hơn ba chục cột báo khổ lớn tiếp theo được ông dùng để chứng minh điều mà giáo sư V.V.N. đã khẳng định và được ông tán đồng. Ông nêu đích danh trên hai chục danh nhân thế giới và các nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong nước. Từ Socrate, Newton, Bertrand Russell, Nguyễn Trãi, Các Mác, đến Hồ Chí Minh..., từ Nguyễn Chí Thiện. Dương Thu Hương, Trần Bá đến Vũ Cao Quận, Vũ Minh Ngọc, Trương Triệu Vũ, Trần Đại Sơn, Hà Mạnh Khởi..., những tờ báo *Tuổi Trẻ*, *Tiền Phong* cũng được trích dẫn... để đi đến kết luận nẩy lửa:

“Sự thật chính quyền CS Việt Nam là một loại quái thai dị dạng.” Và: *“Sự thật là Đảng ta đã trở thành “đảng Cộng đóp”, “đảng Cộng mút” như nhà văn Dương Thu Hương nói, và như Nguyễn Văn Trấn nhận xét: “Tội ác của chế độ này, hơn 40 năm qua (tính cho*

đến năm 1995, là năm Nguyễn Văn Trấn cho ra cuốn *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội – MV) không thể nói hết*”.

Ông cũng nêu đích danh những nhân vật quyền lực nhất của chế độ trong hơn hai thập kỷ để sỉ vả:

“Sự thật là chúng ta đã xây dựng một xã hội vô cùng nguy hiểm vì nó được điều hành bởi những nhân vật quái thai dị dạng mất tính người như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Hà Phan, Phạm Thế Duyệt, Đỗ Mười, Trương Tấn Sang, v.v.”

Ông đã nhắc lại nguyên văn thư tố cáo của ông Vũ Minh Ngọc gửi ông Vũ Đức Khiển, chủ tịch ủy ban pháp luật “quốc hội” tố cáo đích danh 7 cán bộ cao cấp nhất từ Lê Đức Anh, Nguyễn Văn An, Phạm Thế Duyệt, Trương Tấn Sang... trở xuống.

Sau đó là thư của đại tá Hùng Cường đề nghị xử lý những tên sau đây: Trần Đức Lương, Phạm Văn Trà, Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Hồng Anh

Nói chung về các chế độ CS trên thế giới ông viết:

“Tất cả các nước có chế độ cộng sản đều tàn bạo đều ngang như nhau. Cứ điểm xem thống chế Stalin vĩ đại của cộng sản đã từng giết không ghê tay 40 triệu người là đồng bào đồng chí của mình. Chủ tịch Mao Trạch Đông (MTĐ) vĩ đại nhất châu Á cũng tàn bạo chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc, số lượng người MTĐ tiêu diệt không thể đếm xuê. Hung hãn và mất tính người đến độ gần như toàn bộ Bộ Chính Trị đang cộng sản Trung Quốc đều bị Mao tiêu diệt gần hết.

“Tôi đã từng là nạn nhân của Cải cách ruộng đất, đã chứng kiến cải tạo miền Nam, những điều mắt nhìn thấy buộc tôi phải nhận định rằng trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có chính quyền nào hung bạo, mất tính người như cộng sản. (...)

“Chúng ta còn nhớ cụ Nguyễn Thị Năm chủ đồn điền ở Thái Nguyên, một người phụ nữ đầy bản lĩnh, đầy tài năng và lòng yêu nước đã từng nuôi cả đoàn quân, dốc hết tiền vàng ra cứu nước. Người phụ nữ vĩ đại này đáng được phong nhiều lần anh hùng nhưng trong CCRĐ mẹ là người bị ăn phát đạn đầu tiên của cộng sản.”

II. Đấng trí

Sang phần 2, về trí óc của nhà khoa học, chúng tôi lấy làm thất vọng phải nhắc giáo sư Thiện Tâm. cái chính quyền CS mà ông gọi là **loại quái thai dị dạng** đó, do ai lập nên? Các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ... mà ông gọi là những **nhân vật quái thai dị dạng** ấy do ai đào tạo và bổ nhậm, tin dùng? Họ tôn thờ ai, xây lăng tâm để ghi nhớ công ơn của ai? Ông không thấy đó chính là Hồ Chí Minh sao?

Ông bảo những điều mắt nhìn thấy trong *Cuộc Cải Cách Ruộng Đất, cải tạo miền Nam, buộc tôi phải nhận định rằng trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có chính quyền nào hung bạo, mất tính người như cộng sản*”. Vậy ông có biết cuộc **cải cách ruộng đất** nhuộm máu hàng chục vạn người dân trong đó có

cả bà Nguyễn Thị Năm là ân nhân của các người lãnh đạo đảng CS mà ông đã nêu xảy ra do lệnh của ông Hồ, theo chỉ thị hay sự đốc thúc của Stalin và Mao Trạch Đông và xảy ra ngay vào lúc ông Hồ đang nắm quyền tối cao trong đảng cũng như trong chính quyền không?

Vậy thì tại sao ông Thiện Tâm lại bảo rằng “***Chủ tịch Hồ Chí Minh có công lao cực kỳ to lớn***”?

Giáo sư Thiện Tâm cũng viết rằng trong suốt sáu chục năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa (xhcn) “*tinh thần dân chúng càng ngày càng sa sút, đặc biệt là luân lý kỷ cương thì đồi bại chưa từng thấy trong bốn ngàn năm lịch sử...*” Nói 60 năm tức là kể từ khi ông Hồ Chí Minh lên làm chủ tịch đảng, chủ tịch nước. Vậy đó là công hay tội? Chẳng lẽ sự thật rõ ràng đến thế mà một bộ óc khoa học cỡ ông lại không nhìn ra sao?

Ngay ở đầu bài giáo sư Thiện Tâm đã trưng dẫn lời của một giáo sư triết khẳng định “*Trong lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có chính quyền nào hung bạo, mất hết tinh người như chính quyền CS hiện hành. Chủ nghĩa CS là thảm họa lớn nhất của nhân loại, hơn cả thảm họa sóng thần, động đất.*”

Vậy ai đã đem chủ nghĩa CS vào Việt Nam, lập nên đảng CS VN và chính quyền CS tồn tại cho đến ngày nay? Chẳng lẽ giáo sư Tâm không biết là chính ông Hồ Chí Minh sao?

Giáo sư Tâm đã ghét cay ghét đắng đảng CS đến

độ cầu Trời cầu Phật, cầu Chúa cho nó chết luôn đừng có sửa chữa gì nữa. (*“Thôi nhé. Tôi lậy các vị cứ để cho nó chết hẳn chứ đừng nói chuyện chữa Si-đa. [5] Lậy Trời, lậy Phật, lậy Chúa tôi! Amen.”*)

Chẳng lẽ giáo sư Tâm không biết rằng cái *đảng Si-đa* đó do ông Hồ lập nên và huấn luyện, chỉ huy cho đến khi chết sao?

III. Có Đảng Trí thật không?

Sự mâu thuẫn đến nghịch lý nói trên khiến độc giả có thể có những nhận định rất khác nhau sau đây:

Ý kiến thứ nhất: vị giáo sư ẩn danh dưới bút hiệu Nguyễn Thiện Tâm cố tình nêu lên những mâu thuẫn trong lập luận của mình để *gián tiếp* đổ hết lỗi lên đầu ông Hồ là kẻ khi còn sống đã đưa chủ nghĩa CS vào Việt Nam, theo lệnh Liên Xô lập nên đảng CS Việt Nam. huấn luyện, đào tạo những kẻ sau này là lãnh tụ Cộng đảng VN, dù trong một thời gian, vì lý do sách lược giai đoạn – nói trắng ra là để nhằm đánh lừa dư luận trong nước và thế giới - nó đã được cải danh thành hội Nghiên Cứu Mác-xít hay đảng Lao Động VN. Chứ đời nào ông ấy lại không biết ông Hồ làm những chuyện đó, và cả cuộc Cải Cách Ruộng Đất đẫm máu, cũng như cuộc chiến khốc liệt không cần thiết sát hại hàng triệu sinh linh? Như

⁵ Bệnh SIDA (theo tiếng Pháp), hay AIDS (theo tiếng Anh), tức bệnh liệt kháng, chuyển qua đường sinh dục, hiện chưa có thuốc trị cũng như ngừa.

vậy lời khẳng định “*công lao của Hồ chủ tịch cực kỳ to lớn*” chỉ là một cách nói mỉa mai xỏ xiên không hơn không kém.

Ý kiến thứ hai cho rằng chủ đích của tác giả là dùng lá bùa hộ mạng “công lao thần tượng Hồ Chí Minh” để tự bảo vệ hồng đả kích xả láng đảng CS, và chế độ CS tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Cũng giống như tất cả những người đấu tranh cho dân chủ tự do hiện cũng đương phải dựa vào ông Hồ như một thứ khiên mộc, lá chắn. Vậy thôi.

Ý kiến thứ ba thì cho rằng sự tôn thờ thần tượng Hồ Chí Minh đã thành nếp từ nửa thế kỷ nay. Những đảng viên CS và những kẻ đã được đào tạo trong lòng chế độ tại Liên Xô hay các nước “xhcn khác đều không dám đụng đến. Thần tượng đầy hào quang huyền thoại đó đã làm lóa mắt những kẻ được coi là trí thức trong nước đến độ họ không còn biết phân biệt phải trái nữa.

Ý kiến thứ tư có vẻ bi quan và nghi ngờ ngay cả *thiện tâm* của tác giả. Hoặc ông là cò mồi, chống đối cuối. Hoặc ông khéo léo bênh vực để củng cố quyền hành của đảng. Những người đưa ra ý này lập luận: Ngày nay ai cũng biết Hồ Chí Minh là cái phao cuối cùng của chế độ và của bọn lãnh đạo. Không chọc thủng cái phao này thì chế độ còn tồn tại, đảng CS còn vững mạnh. Hồ Chí Minh đã là người *có công cực kỳ to lớn* như tác giả viết, thì đảng CS là sản phẩm của ông Hồ, đã từng theo lệnh ông

mà hành động cũng có công chứ? Chế độ CS VN là tác phẩm của ông Hồ, đảng CS là con cưng của ông Hồ. Làm sao nó lại không có công cùng với ông ta? Vậy thì những lỗi lầm của đảng CS phải được tha thứ. Nạn tham nhũng phải được coi là hậu quả của cuộc chiến dài nhằm thu hồi độc lập và thống nhất lãnh thổ và cũng chẳng nên coi là nan trị. Nó sẽ dần dần được khắc phục. Và lại nước nào lại không có tham nhũng? Tóm lại ông Hồ có công *cực kỳ to lớn*, thì đảng của ông cũng có công *rất to lớn* và xứng đáng được hưởng thành quả của chiến thắng (tham nhũng là một hình thức thụ hưởng chiến lợi phẩm (!)). Như vậy thì ông Thiện Tâm đã gián tiếp, khéo léo bênh đảng, mặc dù thóa mạ đảng nặng lời đến mấy chẳng nữa.

Và còn nhiều ý kiến nữa. Xin chấm dứt với thí dụ của một số người tự phụ mình không bao giờ bị lừa bởi những trò lừa phỉnh của CS. Họ bảo đây là đòn hiểm độc Cs trong nước tung ra để đánh lừa các tổ chức chống cộng hay tranh đấu cho dân chủ tự do ở hải ngoại. Thư của ông Tâm được hầu hết các báo ở hải ngoại đăng đã gây nên một sự lạc quan quá đáng, cho rằng trong nước đã sẵn sàng thủ tiêu chế độ. Nhưng nó không được tờ báo nào trong nước đăng tải. Và có lẽ cũng chỉ có một số rất ít có thể đếm trên đầu ngón tay – được đọc. Như vậy nó chẳng có tác dụng gì đối với đại bộ phận ở trong nước. Bọn lãnh đạo vì thế không có gì phải sợ những bức thư loại

này. Mà ai cũng biết sự lạc quan tếu do những lá thư như vậy sẽ làm cho những nhà tranh đấu chân chính ở hải ngoại mất cảnh giác đi đến thất bại.

Riêng chúng tôi, khi phân tích cách lập luận lúng túng và đầy mâu thuẫn trong bài viết đầy dẫy tài liệu và dẫn chứng công phu của giáo sư Nguyễn Thiện Tâm, chúng tôi nhận ra một điều mà có lẽ nhiều độc giả cũng đồng ý. Cái tâm trạng hoang mang, do dự, lưỡng lự, phân vân... không dứt khoát trong việc đánh rắn phải đánh đập đầu, trị bệnh phải trừ căn không phải chỉ có trong đầu những nhà “trí thức” trong nước. Mà nó còn tồn tại ngay ở hải ngoại. Chỉ vì những huyền thoại về ông Hồ Chí Minh. Người ta còn sợ bóng sợ vía con người đầy mưu sâu chước quỷ đó. Nhất là huyền thoại về “cha già dân tộc”, kẻ đã được nhiều nhà “trí thức” cho là có công lãnh đạo làm cuộc cách mạng tháng tám (1945) thành công; kẻ có công lãnh đạo kháng chiến chống Pháp thực dân, giành độc lập; kẻ có công lãnh đạo giai đoạn đầu và giữa của cuộc “*kháng chiến chống Mỹ Ngụy*” để thống nhất toàn cõi Việt Nam vân vân...

Nhắc lại huyền thoại về cha già dân tộc của ông Hồ, cùng cái gọi là công lao của ông ta trong “cách mạng tháng tám”, trong cuộc “kháng chiến chống thực dân Pháp”, và cuộc “chiến tranh chống Mỹ Ngụy”... chúng tôi thấy có lẽ đây là nhân tố chính làm lú lẫn trí óc của những nhà khoa bảng, vốn uyên thâm về các ngành chuyên môn, nhưng lại không am

tường về chính trị, nhất là thứ chính trị của CS đặt trên nền tảng chủ nghĩa CS, lấy giai cấp đấu tranh làm lẽ sống, đã cùng với tuyên ngôn CS khai chiến với toàn thể nhân loại vì muốn phá hủy quyền tư hữu là quyền căn bản của con người, là nguồn gốc mọi quyền tự do khác. Những nhà khoa bảng đó cũng không am tường về chiến lược, sách lược đấu tranh của CS, theo đó những cái gọi là cuộc kháng chiến chống thực dân đế quốc chỉ là một giai đoạn sách lược trong cuộc chiến toàn diện. toàn cầu nhằm triệt hạ mọi giai tầng trong xã hội, để – theo lý thuyết – đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền độc tôn trên toàn thế giới. Nhưng – trên thực tế – là đưa một nhóm người cực đoan, thiểu số lên nắm quyền độc tài tha hồ tự tung tự tác để phá hủy mọi truyền thống tốt đẹp của nhân loại. của các dân tộc.

Nói cách khác, khi bàn về cuộc kháng chiến chống Pháp hay chống Mỹ, họ không biết đặt chúng vào trong bối cảnh cuộc chiến ý thức hệ CS toàn cầu. Thành ra lúc nào cũng bị ám ảnh bởi những chiến thắng của đảng CS, mà cứ tưởng là những chiến thắng có lợi cho dân tộc.

Muốn đánh giá đúng con người Hồ Chí Minh cần ôn lại lịch sử cuộc chiến VN từ đầu và đặt cuộc chiến đó vào trong cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu. Rồi phân tích những hậu quả tai hại do cuộc chiến đó gây nên cho nhân loại và dân tộc về các mặt kinh tế chính trị, xã hội, văn hóa v.v...

Đó là một vấn đề vô cùng phức tạp. Nên cần có nhiều pho sách lớn. Chúng tôi đã cố góp một phần nhỏ với cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*.⁶ Trong số hàng trăm tác phẩm viết về Hồ Chí Minh hay về cuộc chiến VN được đọc qua, chúng tôi đã cố phân tích kỹ trên 40 tác phẩm của những tác giả tiêu biểu nhất gồm cả hai phía ca tụng và phê phán hay lên án, kể cả những tác phẩm của William Duiker (Mỹ) Sophie Quinn-Judge (Anh), Pierre Brocheux (Pháp) gần đây nhất, để tìm ra những thiếu sót hay mâu thuẫn họ đã dựa vào mà đánh giá ông Hồ một cách sai lạc.

Trong từng chương sách, chúng tôi đã cố tìm ra nguyên nhân tại sao phần lớn trí thức đã lầm, khiến dư luận chung trên thế giới lầm theo, làm cơ cho đảng CS trong nước vẫn cố bám lấy thần tượng Hồ Chí Minh, hình tượng “cha già dân tộc” để tồn tại và củng cố địa vị chẳng những trong đảng, mà cả trong nhân dân và trên trường quốc tế.

Trong khuôn khổ một bài báo chúng tôi chỉ xin nhắc lại đây vài điểm do chính cán bộ CS hay tài liệu CS phổ biến chứng tỏ ông Hồ, một cán bộ cao cấp của Quốc Tế Cộng Sản, đã xâm nhập, thao túng các tổ chức yêu nước phi cộng sản ra sao, để biến những tổ chức đó thành ra những cái nhân của đảng CS hòng thu đạt thành quả cho QTCS ra sao. Mong các

⁶ Tủ sách Tiếng Quê Hương xuất bản (Nam Cali tháng 12-2003, dày 780 trang, giá 40MK. sắp tái bản)

nhà khoa bảng như giáo sư Nguyễn Thiện Tâm⁷ lưu tâm để xét lại những lời ca tụng ông Hồ một cách quá đáng nếu không muốn nói là sai lạc hoàn toàn.

Không cần nhắc tới những đảng viên đã phản tỉnh, ly khai và bỏ nước ra đi như Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín hay Vũ Thư Hiên... Chỉ cần dẫn chúng mấy tay cán bộ CS cỡ lớn luôn trung thành với “Bác và Đảng” như Hoàng Văn Hoan,⁸ Hồng Hà,⁹ Phùng Thế Tài¹⁰ cũng đủ cho thấy ông Hồ là cán bộ cao cấp của QUỐC TẾ CS (do Liên Xô hoàn toàn chi phối) được LX phái sang Hoa Nam để – ngoài những nhiệm vụ quốc tế khác tại Trung Hoa, Nam Dương, Thái Lan, Mã Lai...- xâm nhập, thao túng, lũng đoạn các tổ chức yêu nước của người Việt tại Hoa Nam và Thái Lan biến chúng thành những cái nhân của đảng CS Đông Dương. Rồi cuối cùng trừ khử những tổ chức yêu nước đó để độc chiếm quyền lãnh đạo.

Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của cụ Hồ

⁷ Trong số này đáng kể nhất là ông Lữ Phương đã không tiếc lời ca tụng công lao của ông Hồ một cách tận tình. Và ngay giáo sư Hoàng Xuân Hãn, nổi tiếng nhờ cuốn *Tự Điển Khoa Học* thời tiền chiến, từng là bộ trưởng Giáo Dục trong chính phủ Trần Trọng Kim cũng nói cái công của ông Hồ giành độc lập thống nhất là to lớn lắm. (Xin xem *Thế Kỷ 21* số 163, Nam Cali...).

⁸ Ủy viên bộ chính trị. (Xem chương 33 CĐD).

⁹ Đại tá, ủy viên trung ương đảng, chuyên viết tiểu sử HCM. (chương 10 SĐD).

¹⁰ Thượng tướng, từng là cận vệ của HCM trước tháng 8-45. (ch. 11 SDD).

Học Lâm, Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh của cụ Nguyễn Hải Thần, Tâm Tâm Xã của những đồ đệ trẻ của cụ Phan Bội Châu đều bị Hồ Chí Minh xâm nhập, thao túng rồi biến thành mặt trận Việt Minh và Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội (cái nhân của ĐDCS đảng) của CS.

Cho nên cái gọi là **Cách mạng tháng 8** (1945) sở dĩ thành công là nhờ ảnh hưởng và danh tiếng của các tổ chức và phong trào yêu nước nguyên thủy nói trên, chứ không phải vì công lao của Hồ Chí Minh và đảng CS. Dĩ nhiên phải nhìn nhận, sự láu cá, khôn lanh của ông Hồ và đồng đảng, nhất là tài tuyên truyền và vận động quần chúng của các tay em đã hơn hẳn các tổ chức kể trên, nên nó mới đánh lừa được nhân dân và dư luận thế giới.. Nhưng cứ nhìn vào những gì ông Hồ và đồng đảng đã làm cho các nhà ái quốc và các tổ chức yêu nước không cộng sản thời ấy, và cho nhân dân sau khi họ đã chiến thắng thì thấy ngay mục đích của ông Hồ không phải là vì dân vì nước, mà chính vì mục tiêu nhuộm đỏ Việt Nam, rồi Đông Dương và cả Đông Nam Á theo lệnh của Quốc Tế CS.

Cuốn hồi ký *Giọt Nước Trong Biển Cả* của Hoàng Văn Hoan cho thấy nhiều bằng chứng về việc Hồ Chí Minh đã lợi dụng, khai thác, lũng đoạn hai tổ chức yêu nước ở Hoa Nam ra sao. Chúng tôi đã dành hẳn một chương sách (ch. 33) để trình bày

tóm tắt sự việc này. Ở đây chỉ xin nhắc lại vài điểm theo nguyên văn.¹¹

Trích *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* trang 391-392, chương 33: “Hoàng Văn Hoan và Giọt Nước Trong Biển Cả”:

Hoàng Văn Hoan kể: “Ông Hồ Học Lãm trước kia đã phải nuôi mấy người chúng tôi, nay lại thêm 8 người nữa...” (GNTBC trang 90) Ngoài việc giúp đỡ về điều kiện sinh sống, Hồ Học Lãm còn chia xẻ công việc và Hoàng Văn Hoan ghi lại một sự kiện xảy ra vào năm 1935: “Ông Hồ Học Lãm muốn giúp những người cách mạng ở Nam Kinh được hoạt động một cách hợp pháp, khuyên họ nên lập một tổ chức có đăng ký hẳn hoi để được sự giúp đỡ của Quốc Dân Đảng Trung Quốc... Mấy ngày sau, Hải thảo xong bản điều lệ bằng tiếng Việt, tôi dịch ra tiếng Trung Quốc, nội dung gần giống như điều lệ của Phân Đế Đồng Minh, nhưng lấy tên hội là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội... Ông (Hồ Học Lãm) đề nghị sau chữ Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội nên viết thêm mấy chữ “gọi tắt là Việt Minh”...

¹¹ Tuy nhiên cũng cần nhấn mạnh là sự việc lắt léo một cách ma mãnh gian hùng không thể tả được, nên nếu muốn thấy rõ âm mưu thao túng lưng đoạn của ông Hồ thì phải đọc nguyên cả chương 33 HCM, nhận định tổng hợp. Thiết tưởng nhân dịp VC trong nước kỷ niệm “cách mạng tháng 8” sắp tới cũng nên phổ biến lại toàn bộ chương 33 này và chương 47 về mặt trận Việt Minh để các nhà trí thức trong nước thấy rõ ông Hồ và đồng đảng đã cướp công của các tổ chức yêu nước phi cộng sản ra sao.

Chúng tôi đồng ý và đưa ra ngay một kế hoạch hoạt động cụ thể mà chúng tôi đã trao đổi trước. (GNTBC tr. 102) Ông (Hồ (Học Lãm) sẽ viết thư mời Nguyễn Hải Thần và một vài người ở Quảng Châu lên đại biểu cho Việt kiều ở Quảng Đông. Còn ở Nam Kinh thì:

- Hồ Học Lãm, Lê Thiết Hùng là đại biểu Việt Kiều ở Nam Kinh. Đặng Nguyên Hùng nếu ứng thì tham gia vào nhóm Nam Kinh.

- Lê Quốc Trụ, Từ Chí Kiên: đại biểu Việt Kiều ở Vân Nam.

- Đặng Văn Cáp và tôi: đại biểu Việt kiều ở Xiêm;

- Hai: đại biểu Việt kiều ở Pháp;

- Cao Hồng Lĩnh: đại biểu đoàn thể trong nước.

Đầu năm 1936, ông Hồ Học Lãm viết thư xin Trung Ương Quốc Dân Đảng tiếp kiến. Ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần, Hải, Lê Quốc Trụ và tôi cùng đi... Thuận lợi bước đầu... Qua việc giao thiệp, hội nghị được tổ chức tại phòng hội của đảng bộ khu phố Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Tham dự cuộc họp về phía ta có ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và những anh em khác độ 20 người. Về phía Trung Quốc có 2 người đại biểu của Trung Ương Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Vì Đảng Tường đại biểu Biện sự xứ Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Nam Kinh cũng được mời đến dự. Đặng Nguyên Hùng từ chối không tham gia ...

Việc ông Hồ Học Lãm đứng ra lập Việt Minh là một việc có tác dụng rất quan trọng... Ông không tham gia Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội mà cũng không tham gia đảng CS... nhưng vẫn che chở và giúp đỡ ta một cách tích cực.” (GNTBC tr. 105)

Như vậy, chính Hồ Học Lãm đề xướng việc thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội đặt tên tắt cho nó là Việt Minh. Người thảo điều lệ Hội là một đại diện Việt kiều ở Pháp có tên là Hải. Thành phần đầu tiên tham gia Hội gồm đa số những người quốc gia yêu nước và vài đảng viên Cộng Sản đang sống nhờ Hồ Học Lãm tự xưng là đại diện Việt Kiều ở Thái Lan, Vân Nam...Về sau, Hải bị nhóm Cộng Sản thủ tiêu.

Hoàng Văn Hoan nhấn mạnh nhiều lần về xu hướng chính trị của Hồ Học Lãm rằng *“Ông không phải là cộng sản. Ông là một người nho học.”* (GNTBC tr. 107) *“Ông không phải là cộng sản, điều này Quốc Dân Đảng Trung Quốc biết rõ trăm phần trăm. Ông đứng ra lập Việt Minh trong lúc này đối với chúng ta mà nói là một sự che chở rất có hiệu lực.”* (GNTBC tr. 108)

Trong thời gian đầu, nhóm cán bộ Cộng Sản như Hoàng Văn Hoan chỉ coi Việt Minh như một lớp vỏ bọc để che mắt chính quyền Trung Quốc và tìm chỗ dựa về phương tiện trong khi hoạt động – *“Theo sự giới thiệu của mấy anh em Vân Nam, khi đến Qui*

Châu, chúng tôi ở nhà Vũ Hồng Khanh...” (GNTBC tr. 121)

Điểm đáng kể là ngay trong lúc được Vũ Hồng Khanh đưa về cho sống tại nhà, nhóm Hoàng Văn Hoan vẫn ngấm ngấm chống phá Việt Nam Quốc Dân Đảng và triệt hạ uy tín của nhân vật này. Hoàng Văn Hoan kể: “*Đầu 1940, bác về Côn Minh lấy tên là Hồ Quang, đóng vai một giáo quan cấp thiếu tá của Bát Lộ quân, ở chỗ Tân Hoa thư điểm, nhưng thường lui tới chỗ đồng chí Phùng Chí Kiên để chỉ đạo công tác cho ban hải ngoại... Về chính trị, bác đánh giá việc chi bộ Vân Quý (Vân Nam Quý Châu) lôi kéo được quần chúng đánh tan ảnh hưởng của bọn Nguyễn Thế Nghiệp và Vũ Hồng Khanh là một thành tích.*” (GNTBC tr. 128)

Hồ Chí Minh bắt đầu hướng dẫn nhóm Hoàng Văn Hoan tiến hành việc sang đoạt tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, trước hết là khuyên “*đổi tên từ Đồng Thanh thành ĐT vì nhiều nghĩa: Đồng Thanh, Đồng Tâm, Đấu Tranh, Đánh Tây*” rồi “*bố trí cho Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp vào đại học quân chính tại Diên An*” đồng thời “*tổ chức các lớp học tập lịch sử đảng Cộng Sản Liên Xô.*” (GNTBC tr 129-130)

Ngưng trích chương về Hoàng Văn Hoan.

Để chứng minh ông Hồ là người chủ trương và cổ võ, chỉ thị cho đàn em xâm nhập các đoàn thể yêu nước để lũng đoạn, biến thành các tổ chức CS, thiết

tướng nên nhắc lại đây những hàng chữ của thượng tướng Phùng Thế Tài, vốn là cận vệ tin cẩn và đặc lực của ông Hồ trước 1945.

Trích HCM, *nhth*, tr. 197, chương 11 “Phùng Thế Tài và cuốn *Bác Hồ, Những Kỷ Niệm Không Quên*”:

Như Võ Nguyên Giáp luôn thù hận Việt Nam Quốc Dân Đảng, Phùng Thế Tài luôn gọi người của tổ chức này bằng mấy tiếng Việt gian, phản động. Phùng Thế Tài thuật lại có lần đã đánh lãnh tụ Vũ Hồng Khanh và làm cho các tay em của ông này khiếp sợ. (BHNKNKQ tr 79) Nhưng Phùng Thế Tài¹² vẫn nhớ lời “*Bác khuyên phải gia nhập tổ chức của phe đối lập, hầu lợi dụng nó mà thu phục quần chúng*” và nhớ lại một chuyện: “Anh Bình báo cáo với Bác là cơ sở đảng tốt, kiểu bào vẫn hướng về Hội Giải Phóng... Về tình hình Quốc Dân Đảng, lập mặt trận Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh, Vân Nam phân hội, để tranh giành quần chúng với ta, nhưng các anh không vào hội ấy, để dứt khoát phản đối chúng. Bác nhận định ngay: **“Không vào là sai rồi. Tại sao không vào? Chúng mở cửa cho ta vào nắm quần chúng, sao ta lại quay đi? Chúng mở được hội, thì chúng có khả năng triệu tập quần chúng. Ta phải lợi dụng khả năng ấy. Phải vào mà biến tổ chức địch thành tổ chức ta”**. (BHNKNKQ tr 76) Ngưng trích.

¹² Thượng tướng, từng là cận vệ của HCM trước tháng 8-45. (ch. 11 SDD).

Những mảnh lời, mưu mô xảo trá của Hồ Chí Minh mà hai đàn em ruột vừa thuật lại liên quan đến việc biến tổ chức của những người yêu nước phi cộng sản thành ra tổ chức CS đó, ông ta học được ở đâu? Dĩ nhiên là ở lò sản xuất cán bộ ở Liên Xô, nhất là ở học viện Stalin và học viện cao cấp Lê-nin (từ 1935 đến 1938) Mấy hàng sau đây trích từ cuốn *Bác Hồ Trên Đất Nước Lê-nin* của Hồng Hà bút danh của đại tá Hà Văn Trường, nguyên bí thư trung ương đảng, nguyên trưởng ban đối ngoại trung ương đảng cho thấy ông Hồ đã lệ thuộc Quốc Tế Cộng Sản đến mức nào.

Trích HCM - *Nhận Định Tổng Hợp* (183-186):

Hồng Hà diễn tả gần như ngay từ 1924 Hồ Chí Minh đã nghiêm nhiên là một lãnh tụ Cộng Sản Quốc Tế qua cách kể lại sự việc “*tạp chí Đền Chiếu đăng chân dung lớn của anh Nguyễn cùng với 29 đồng chí khác dự đại hội Quốc Tế Cộng Sản dưới dấu đề “Những lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế”*”. (BHTDNL tr 125)

Toàn văn bài viết ca tụng Lê-nin của Nguyễn cũng được trích đăng với câu mở đầu: “*Lê-nin đã mất. Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các binh nguyên ở châu Phi và các cảnh đồng xanh tươi ở châu Á.*” Và kết thúc: “*Khi còn sống Người là người cha, người thầy, người đồng chí và là vị cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho*

chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội. Lê-nin bắt diệt sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.” (tr 84-86) (...)

Từ trang 130 đến trang 135, Hồng Hà thuật lại chi tiết việc Manuilski, một lãnh tụ hàng đầu của Liên Xô lúc đó có chân trong ban lãnh đạo Quốc Tế Cộng Sản, giải quyết vấn đề phái Nguyễn Ái Quốc sang hoạt động tại Trung Quốc bên cạnh phái đoàn Borodin. (...)

Về nhiệm vụ sẽ nhận lãnh, Nguyễn Ái Quốc nói với Manuilski: “... tôi còn chịu trách nhiệm trước Quốc Tế Nông Dân về tham gia chỉ đạo phong trào nông dân châu Á.”

Manuilski tuyên bố trao cho Nguyễn trọng trách lớn hơn: “Ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản chấp thuận đề nghị của đồng chí. Quốc Tế Cộng Sản cử đồng chí làm ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam, chỉ đạo phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam châu Á.”

Nguyễn hứa: “Tôi tin rằng lần sau gặp đồng chí thì tổ quốc Việt Nam của tôi đã có đảng Cộng Sản.” Với lời hứa đó, ngày 25-9-1924 ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản ra quyết định: “Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu. Mọi chi phí do Ban Phương Đông đài thọ.” (...)

Theo Hồng Hà, những người thuộc tổ chức Tâm Tâm Xã là những người Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc đầu tiên ở Trung Quốc. Một thời gian

sau, Nguyễn Ái Quốc biến tổ chức này thành Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, cái mầm của đảng Cộng Sản Việt Nam. Hồng Hà nêu rõ tên 6 người thuộc Tâm Tâm Xã giao dịch với Nguyễn Ái Quốc lúc đó là Hồ Tùng Mậu, 28 tuổi, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, Nguyễn Giản Khanh, Đặng Xuân Hồng và Lâm Đức Thụ tức Trương Béo... Trong dịp này Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lê ngay. Hồng Hà viết: *“Anh (NAQ) cho rằng muốn làm cách mạng ở Việt Nam, phải dựa vào nhân dân, nhất là công nhân và nông dân, và muốn cách mạng thành công thì phải có một đảng tiên phong theo chủ nghĩa Mác Lê-nin lãnh đạo. Rồi anh nói về cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, về Quốc Tế Cộng Sản, về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội.”* (tr 153)

Sau thời gian tuyên truyền và chọn lựa, Nguyễn lập nhóm đầu tiên làm nòng cốt cho tổ chức đảng sau này gồm 9 người là Lý Thụy (tức NAQ) được bầu làm bí thư; 8 người khác là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thụ. Vương Thúc Oánh, Trương Văn Lĩnh, Lưu Quốc Long. Thời gian này, Nguyễn cũng tiếp xúc với Liêu Trọng Khải, một lãnh tụ Quốc Dân Đảng Trung Hoa thiên tả, dựa vào nhân vật này lập ra “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức” để dễ dàng hoạt động và che giấu cái nhân cộng sản.

Ngày 19-2-1925, Nguyễn báo cáo lên chủ tịch

Quốc Tế Cộng Sản: “... Chúng tôi đã lập được một nhóm bí mật 9 người, 2 người được phải về nước, 3 người ra mặt trận, một đi công tác quân sự.” (tr 171)

Về Lâm Đức Thụ, người được kể từng âm mưu cùng Hồ Chí Minh bán đứng Phan Bội Châu, tác giả Hồng Hà cho biết một chi tiết: “Sau khóa học... Lâm Đức Thụ tức Trương Béo lấy máy ảnh chụp cả lớp học làm kỷ niệm. Riêng anh Nguyễn không bao giờ cho hình mình lọt vào ống kính của Trương.” (tr 176) Việc Nguyễn chỉ giữ bí mật riêng cho mình trong khi để Lâm Đức Thụ chụp hình các học viên (chuẩn bị thành đồng chí) là một sự kiện mang khá nhiều ý nghĩa. Trong *Ho Chi Minh on Revolution*, Bernard Fall đã kể: “Đối với những kẻ chúng tôi không đáng tin cậy, hoặc sau khi tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà từ chối không theo cộng sản, Hồ dùng một liều thuốc rất công hiệu: sai đảng viên cộng sản tiết lộ danh tánh họ cho tình báo Pháp. Sở an ninh trong nước sẽ tóm cổ họ ngay khi về tới.” (*HCM on Revolution* tr 93-94.)

Như vậy, việc Lâm Đức Thụ chụp hình các chiến sĩ cách mạng có thể do chính Hồ Chí Minh sắp xếp để sau này nếu người nào không chịu theo Cộng Sản thì Hồ Chí Minh sẽ sai Lâm Đức Thụ báo cho Pháp bắt để diệt trừ những phần tử chống đối, hầu dễ dàng chiếm độc quyền đấu tranh và lãnh đạo. Lý do khiến Hà Huy Tập tố cáo

với Đệ Tam Quốc Tế rằng Hồ Chí Minh phải chịu trách nhiệm về hàng trăm đồng chí bị Pháp bắt có thể xuất phát từ sự việc này và cũng có thể chính vì vậy mà Hồ Chí Minh đã “giai độc” dễ dàng khi trở lại Liên Xô năm 1934.

Đoạn thư sau của lãnh đạo Quốc Tế Nông Hội, thuộc Đệ Tam Quốc Tế cho thấy Hồ Chí Minh còn nhận chỉ thị phụ trách cả vùng Đông Nam Á, chứ không chỉ ở Trung Quốc hay Việt Nam:

“Theo nghị quyết của đoàn chủ tịch ngày 31-7 đồng chí được phân công phụ trách không những phong trào của nông dân Trung Quốc mà còn của tất cả các thuộc địa mà đồng chí có thể liên hệ được từ Quảng Châu, nghĩa là của Đông Dương, Miến Điện, Xiêm, Đài Loan và Nam Dương. Đồng chí đặt ngay liên lạc với những thuộc địa trên và tiến tới lập những nông hội ở đấy”.

Bức thư ngày 14-5-1926 từ Liên Xô gửi Nguyễn cũng cho thấy Nguyễn thường xuyên báo cáo về Quốc Tế Cộng Sản những hoạt động của mình:

“Đồng Chi Nilópski (tức HCM) thân mến,

“Chúng tôi đã nhận được thư của đồng chí ngày 8 tháng 3, ngày 3 tháng 2 và ngày 31 tháng 1 năm 1926... báo về tình hình nông thôn Quảng Đông.”
(BHTDNL t.,r 188)

Và nguyên văn một đoạn trích từ báo cáo của Nguyễn gửi về Mạc Tư Khoa mùa hè năm đó, được in lại nơi trang 190:

*“Đồng Chi thân mến,
Từ khi tới đây tôi đã làm những việc sau đây
cho Đông Dương:*

- 1. Lập một tổ chức bí mật*
- 2. Lập một hội nông dân (của những Việt Kiều sống ở Xiêm).*
- 3. Lập một nhóm thiếu niên tiền phong Đông Dương, con cái công nông. Các cháu đang ở Quảng Châu do chúng tôi nuôi dạy.*
- 4. Tổ chức một nhóm phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng tư, có khoảng 12 thành viên)*
- 5. Lập một trường tuyên truyền...”*

Bức thư viết tiếp nêu yêu cầu về phương tiện, than không đủ tiền để làm việc: *“Các chuyến đi dài ngày (khoảng 2 tuần) nguy hiểm và tốn kém nhiều mà phương tiện của chúng tôi lại ít ỏi (với tiền lương của tôi cộng với tiền lương của một trong số các đồng chí Liên Xô, công việc vẫn chưa chạy nhanh như mong muốn)... (tr 191)*

(...)

Hồng Hà kể rất chi tiết về việc Nguyễn luôn hoạt động theo sự điều động của Quốc Tế Cộng Sản và địa bàn hoạt động kéo dài từ Trung Quốc qua Xiêm.

Cuối năm 1929, theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản, Nguyễn đi Singapore, rồi từ đó sang Hồng Kông để thống nhất các đảng cộng sản Việt Nam thành đảng Cộng Sản Đông Dương. Đây

là thời điểm Lâm Đức Thụ được nhắc tới với sự việc biến Hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí thành đảng Cộng Sản. Hồng Hà ghi: *”Thụ... phụ trách tổng hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội... kịch liệt chống việc lập đảng Cộng Sản. Một số hội viên Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội từng học lớp do anh Nguyễn dạy ở Quảng Châu bị thực dân bắt. Họ thấy bọn mật thám có trong tay những tấm ảnh chụp lớp học ở Quảng Châu do Lâm Đức Thụ chụp để “làm kỷ niệm”. Lâm Đức Thụ đã sinh bụng khác.”* Về sau, Lâm Đức Thụ bị ám sát chết, nhưng Hồng Hà không ghi lại bất kỳ chi tiết nào về cái chết của Lâm Đức Thụ.

Làm xong nhiệm vụ thống nhất đảng, Nguyễn Ái Quốc tuyên bố: *“Nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này... Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giải phóng toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột.”* (tr 240) *“Lập đảng xong, anh Nguyễn lo ngay việc viết sách để tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên”...* (tr 249)

Ngừng trích.

Chỉ vài đoạn văn trích dẫn từ cuốn sách của Hồng

Hà, nguyên bí thư trung ương đảng đủ cho thấy Hồ Chí Minh là người như thế nào, và ông đã quyết tâm phục vụ quyền lợi của Quốc Tế Cộng Sản là điều trái ngược hoàn toàn với quyền lợi của tổ quốc.

Như đã nói trên, lịch sử cuộc chiến VN do Hồ Chí Minh lãnh đạo vô cùng phức tạp vì nó gắn liền với cuộc chiến ý thức hệ CS do Quốc Tế III – tức Liên Xô – chủ trương và tiến hành trên toàn thế giới cho nên, nếu các nhà khoa bảng trong nước như giáo sư Nguyễn Thiện Tâm chưa hài lòng với mấy hàng trích dẫn trên đây, thì nên tìm đọc toàn bộ cuốn sách của Minh Võ mà nhiều người đã thấy xuất hiện ở trong nước.

Cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do chỉ có cơ thành công khi nào những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do không còn do dự, sợ sệt kiêng nể ông Hồ, và dám nói tướng lên cho nhân dân nhận ra sự thực là chính ông ta mới là người chịu trách nhiệm lớn nhất trước lịch sử và tổ quốc về những cái xấu xa dị dạng. quái thai hiện đang là tai họa của dân tộc.

Bao lâu các trí thức trẻ, các nhà khoa bảng trong nước còn vừa lên án, thóa mạ, nguyên rửa đảng CS lại vừa ca tụng công lao “cực kỳ to lớn” của ông Hồ, thì bấy lâu câu nói của tiến sĩ Nguyễn Thiện Tâm sau đây còn có thể áp dụng cho chính ông cũng như các nhà đấu tranh đó:

(Nguyên văn lời của GS Tâm:)

“Đảng CS quản lý xã hội và “phục vụ nhân dân”

đủ các khuyết tật như vậy mà vẫn có người ca ngợi công lao của đảng thì không thể hiểu được họ là giống người gì”.

San Diego 8-8-05

10. Khủng bố 911 và viễn ảnh thế chiến IV

Chuyện tầy trời xảy ra ngày 11 tháng 9 vừa qua (người Mỹ thường viết ngược: tháng 9 ngày 11 9.11; xin phép gọi tắt là 911, và 911 là con số điện thoại Cấp Cứu) giống như chuyện phong thần kiếm hiệp hay khoa học giả tưởng. Cú như là ảo thuật. Nhà ảo thuật trứ danh Mỹ David Copperfield với tài xuất quỷ nhập thần có thể làm cho tượng nữ thần Tự Do của Mỹ biến mất trước con mắt khán giả. Hai nhà chọc trời cao nhất Nữu Ước cũng bị nhà ảo thuật này làm cho bỗng dưng biến mất. Có điều cần lưu ý là sau đó, đầu lại hoàn đó. Nghĩa là rồi hai tòa nhà đó lại trở về nguyên vị trí cũ.

Còn chuyện khủng bố xảy ra ngày “911”, thì lại khác. Nghĩa là chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ, hai tòa nhà Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới đã bị phá hủy hoàn toàn bình địa, mà nguyên việc thu dọn sắt thép và bê tông, gạch vụn cũng đòi phải cả năm mới hy vọng hoàn tất. Và không ai dám nghĩ là sẽ có thể xây lại được hai tòa nhà khác giống như thế ngay tại chỗ cũ.

Câu chuyện khủng bố kinh khủng cứ như ảo thuật này sẽ đưa nước Mỹ tới đâu? Diệt khủng bố để đem lại an bình, hay sa lầy vào một cuộc chiến rộng lớn ảnh hưởng tới cả thế giới.

Lược thuật diễn tiến sự việc

(1) Đúng 8 giờ 45 phút sáng ngày 9/11 (xin cho phép gọi thế), chiếc máy bay Boeing 767 của hãng hàng không American Airlines, chuyến bay mang số 11, khởi hành từ phi trường quốc tế Logan ở Boston, Ma, cất cánh lúc 7 giờ 59 phút, để đi Los Angeles, chở 81 hành khách, 2 phi công và 9 tiếp viên, đã bị tên Atta và 4 đồng phạm cướp lái đâm vào tầng thứ 79 của tòa nhà chọc trời phía Bắc. Tiếng nổ kinh hoàng do khoảng 90.000 lít xăng trong bụng phi cơ bốc cháy đã khiến hơn 600 nhân viên của một công ty thương mại lớn ở Nữ Ước (phải chăng là công ty Cantor Fitzgerald?) đang làm việc ở tầng lầu này hóa thành than chết liền tại chỗ (chỉ có ông giám đốc vì có chuyện phải ra ngoài nên thoát chết). Nổ, cháy và đổ vỡ đã gây thiệt mạng cho hàng ngàn người nữa tại 109 tầng khác. Cho đến 9 giờ 50 thì tòa nhà sụp đổ vì cốt thép không chịu nổi sức nóng do hỏa hoạn của 90.000 lít nhiên liệu phát nổ gây nên.

Cái khối khổng lồ hàng vạn tấn thép và bê tông ấy đè nặng trên một cái nền mấy chục ngàn thước vuông làm cho đất lún sâu xuống trên hai chục mét khiến những toa xe điện ngầm khởi hành từ một

thành phố nào đó ở New Jersey vừa tới đúng đó bị nghiền nát, tất cả hành khách trên chuyến xe lửa chết tức khắc không toàn thây. Tôi có một người cháu có anh con trai ngoài đôi mươi (một trong số khoảng 50,000 nhân viên làm việc trong hai tòa nhà chọc trời) đáng lẽ cũng bị nạn trên chuyến xe điện ngầm đó. Nhưng nhờ trời khiến ngủ quên dậy trễ, không bắt kịp chuyến xe lửa nên đã thoát chết như một phép lạ!

(2) Mười tám phút sau khi chiếc máy bay số bay 11 nói trên đâm vào tòa nhà 110 tầng phía Bắc, nghĩa là vào đúng 9 giờ 03, một chiếc Boeing 767 khác của hãng hàng không United Airlines, số chuyến bay 175, khởi hành lúc 8:14 từ phi trường Logan để đi L.A. chở 56 hành khách và 9 nhân viên phi hành đoàn đã bị tên Marwan al- Sshehhi và 4 đồng đảng cướp lái đâm vào tòa nhà chọc trời thứ hai (phía Nam) với tốc độ 414 dặm/giờ. Tòa nhà bốc cháy và sụp đổ bình địa vào lúc 10:29.

Đến 5:25 chiều cùng ngày thì tòa nhà 47 tầng, cao thứ 3, gần đây cũng sụp đổ vì hỏa hoạn mặc dù không bị phi cơ tấn công. Tưởng cũng nên nhớ là Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới (World Trade Center), ngoài hai tòa nhà chọc trời “sinh đôi” nói trên còn có 5 tòa nhà khác thấp hơn ở kề cận đó, và tòa nhà cao thứ ba đã sụp đổ theo.

(3) 9 giờ 43, không đầy một giờ sau khi tòa nhà chọc trời phía Bắc ở New York bị tấn công, thì một

chiếc phi cơ Boeing 757 của American Airlines số bay 77, cất cánh từ phi trường Dulles gần thủ đô mang theo 58 hành khách và 11 nhân viên phi hành đoàn, đi L.A., bị tên Nawaff Alhazmi và 4 đồng đảng khác (trong số này có 2 tên đã từng sống ở San Diego như Alhazmi là Khalid al-Midhar, và Hani Hanjoor) chiếm, lao vào trụ sở bộ Quốc Phòng, phá hủy một trong năm cánh của tòa nhà Ngũ Giác Đài này (hay “Lầu Năm Góc” như Việt Cộng thường gọi). Trong số 20,000 quân nhân và nhân viên dân sự làm việc tại đây có ít nhất trên 100 người thiệt mạng, trong đó có cả một trung tướng. Nhưng ngay chiều hôm đó bộ trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld đã triệu tập phiên họp tại đây để tìm cách đối phó với mọi bất trắc trong tương lai.

(4) 10:37 một chiếc máy bay Boeing 757 khác của hãng United Airlines, chuyến bay số 93, cất cánh từ Newark, N.J., để đi San Francisco bị rớt cách Pittsburgh, PA, khoảng 80 dặm về phía đông nam. Được biết 4 tên khủng bố trên chiếc máy bay này đã không đâm được vào mục tiêu (có lẽ là tòa Bạch Ốc) là nhờ có sự chống cự mãnh liệt của những hành khách cam đảm. Nhưng dù sao thì những vị anh hùng đó đã đều tử nạn với toàn thể mọi người trên máy bay. Được biết tên đầu sỏ trong số 4 tên cướp máy bay này là Ziad Jarrahi.

Có tất cả 19 tên khủng bố quyết tử trong 4 vụ cướp máy bay và phá hoại quan trọng này: 5 tên cho

mỗi phi cơ, trừ chiếc cuối cùng chỉ có 4 tên. Ít tuần sau CIA phối hợp với các cơ quan an ninh và tình báo Âu Châu (đặc biệt là của Đức, Anh và Bỉ) đã biết thêm là có tất cả 30 tên đã được điều động vào vụ khủng bố quỷ khốc thần sầu này. Công cuộc truy lùng 11 tên còn sống đang tiếp diễn.

Các giới chức trong tổ chức hàng không toàn quốc cho biết vào lúc xảy ra vụ khủng bố nói trên, có khoảng từ 4,000 đến 4,500 chiếc máy bay đang bay trên không phận Hoa Kỳ và hàng trăm chiếc khác đang chờ lệnh cất cánh.

Thiệt hại sơ khởi:

Về vật chất, 4 chiếc máy bay Boeing với 266 người chết tất cả trên đó. Ba tòa nhà cao tầng cộng 267 tầng bị phá hủy hoàn toàn. Một đoàn xe điện ngầm tan nát dưới móng hai tòa nhà nói trên. Một phần của Ngũ Giác Đài trong cảnh đổ nát.

Về nhân mạng, ngoài 266 người trên máy bay, tổng số người chết và mất tích tại New York và Wa D.C. được ước tính lên tới 7,000 (sau này được xác định lại là 2,977), không kể khoảng 3,000 người bị thương nặng đã được đưa đi điều trị tại các bệnh viện lân cận. Trong số nạn nhân phải kể đến khoảng hơn 300 lính cứu hỏa và cảnh sát đã hy sinh tính mạng để làm nhiệm vụ ở New York cũng như Wa D.C..

Về kinh tế, ngành hàng không bị nặng nhất. Nhiều chuyến bay quốc nội và quốc tế bị hủy bỏ

trong nhiều ngày. Riêng phi trường Reagan sát thủ đô thì mãi tới đầu tháng 10 mới mở cửa lại. Số hành khách tự hủy bỏ chuyến bay đã mua vé, hay bỏ quyết định du lịch bằng đường hàng không làm cho số thu hoạch của ngành hàng không bị giảm đi từ 25 đến 30 phần trăm. Nhân viên hàng không, nhất là ngành an ninh phải làm việc thêm giờ, hành khách bị chờ đợi để kiểm soát an ninh cũng khiến số chuyến bay bị giảm sút. Đến cuối tháng 9 nhà chức trách FAA cho biết số hành khách mỗi ngày chỉ còn trên 600 ngàn so với một triệu vào năm ngoái. Tuy chính phủ đã trợ cấp 15 tỉ MK nhưng sợ rằng nhiều hãng có thể phải khai phá sản.

Từ ngành hàng không sự thiệt hại lây lan sang các ngành du lịch và giải trí... Những khách sạn nổi tiếng như Hotel Del Coronado ở San Diego, nơi cựu Tổng Thống Clinton thường lưu lại khi tới thành phố này đã phải giảm giá tới 50% (từ 500 MK còn 250 MK). Mà vẫn vắng khách. Mấy ngày sau vụ khủng bố, khách vào xem Sở Thú nổi tiếng nhất thế giới có lúc bỏ chạy tán loạn vì có tin kẻ khủng bố sắp tấn công. Sea World ở đây cũng bị nạn tương tự. Đó là chỉ nêu một vài nơi làm ví dụ.

Vì giá xăng tăng vọt, và vì tình hình an ninh bất ổn, người dân giảm bớt sự di chuyển và mua sắm khiến cho mọi ngành sản xuất cũng bị ảnh hưởng lây.

Đặc biệt là thị trường chứng khoán đã bị đóng cửa bốn ngày (lâu chưa từng thấy kể từ thế chiến II),

và khi mở cửa lại, sau khi đồng ca bản “God Bless America”, thì thấy chỉ số giảm tới 500 điểm. Thị trường New York dĩ nhiên ảnh hưởng đến thị trường London và Tokyo và lan ra khắp thế giới. Nhưng giới tài phiệt Mỹ sẽ có cách chứng tỏ nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn vững và Hoa Kỳ vẫn xứng đáng là nước phồn thịnh nhất thế giới.

Về tâm lý, từ nay dân Mỹ cảm thấy vô cùng bất an. Không biết bọn khủng bố sẽ xuất hiện ở đâu, ra tay lúc nào đây? Liệu các cơ quan an ninh đã không biết gì về một vụ tấn công hôm 911, có sẽ tinh ý hơn, cẩn trọng hơn để khám phá kịp thời hầu ngăn chặn các cuộc khủng bố tiếp theo không.

Họ nhớ lại cách đây 8 năm hai tòa nhà chọc trời này cũng đã từng bị đặt bom gây cho 6 người chết và một ngàn người bị thương (1993). Và rồi sau đó 2 năm, đến lượt cao ốc số một ở Oklahoma cũng bị đặt bom làm thiệt mạng 168 thường dân vô tội (1995). Nhìn lại, người dân thấy càng ngày bọn khủng bố càng tiến xa hơn và dùng tới những kỹ thuật tinh vi hơn. Như vậy tương lai sẽ ra sao? Liệu rồi chúng có dùng tới bom hạt nhân, hơi ngạt, vũ khí vi trùng không. Những hãng sản xuất mặt nạ chống hơi ngạt cho biết mấy ngày qua khách hàng đã ùn ùn đến mua mặt nạ đông gấp bội ngày thường.

Nghị sĩ Richard Shelby (Cộng Hòa, tiểu bang Alabama) đã đề nghị cách chức giám đốc CIA Tenet. Nhưng ngày 27, Tổng Thống Bush đã đến trụ sở CIA

để cảm ơn và khen ngợi nhân viên sở này đã không quản ngại khó nhọc, làm việc suốt ngày đêm, đêm ngủ lại tại sở, không về nhà với con cái... Đồng thời ông cũng xác nhận sự tín nhiệm của riêng ông đối với vị giám đốc gặp chuyện xui xẻo này. Đó là sự khôn ngoan tế nhị của vị lãnh đạo không muốn làm giao động tâm lý các nhân viên ngành an ninh trong lúc an ninh quốc gia đang cần họ hơn bao giờ hết.

Phản ứng của chính quyền và nhân dân Hoa Kỳ

Khi biến cố xảy ra thì *Tổng Thống Bush* đang ở Florida. Ông đã không về thẳng ngay thủ đô để quyết định các biện pháp đối phó, mà lại đi vòng sang Louisiana và Nebraska, để đánh lạc hướng quân khủng bố, vì sợ chiếc máy bay của ông cũng có thể là mục tiêu chẳng. Điều đó khiến một số người phê bình ông. Nhưng dù sao những lời tuyên bố và hành động của ông sau khi đã về tòa Bạch Ốc cũng đã khiến mọi người hài lòng và ca ngợi ông là vị lãnh tụ xứng đáng.

Sau một ngày bay mệt nhọc, ngay tối hôm đó ngồi tại phòng bầu dục ông đã tuyên bố sẽ “*trừng trị những kẻ đứng đằng sau những hành động tàn ác đó*”. Ông nói: “*Chúng ta sẽ không phân biệt giữa những tên khủng bố đó với những kẻ chứa chấp dung túng chúng.*” Và:

“*Những vụ tấn công khủng bố có thể làm lay đổ nền móng của những tòa nhà lớn nhất của chúng*

ta, nhưng không thể đựng tới được nền tảng của Nước Mỹ.”

Mấy hôm sau tổng thống đã đề nghị quốc hội chấp thuận một ngân khoản 43 tỉ Mỹ kim để giải quyết những khó khăn tài chính của những công ty lớn, và tăng cường an ninh chung, đồng thời ban hành lệnh gọi nhập ngũ 35.000 quân trừ bị.

Chẳng những chính phủ mà cả *quốc hội lưỡng viện* của lưỡng đảng đều tán thành và ủng hộ tổng thống trong quyết tâm tìm ra thủ phạm để trừng trị. Ít khi dân Mỹ thấy các nghị sĩ và dân biểu của cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ nắm tay nhau đồng ca bài “God Bless America”. Một biểu hiện của lòng tin của dân Mỹ nơi Thượng Đế, như đồng Mỹ Kim minh thị tuyên xưng, hàng giờ hàng phút vẫn đập vào mắt người tiêu tiền.

Ít ngày sau đó **cựu Phó Tổng Thống Gore** đã tuyên bố tại một đại hội đảng Dân Chủ ở Iowa:

“George W. Bush là vị tổng tư lệnh của tôi. Tổ quốc lúc này đây đoàn kết hơn bất cứ lúc nào trong đời tôi, như tôi nhớ được.” Và: *“Là công dân Mỹ, tất cả chúng ta đứng sau lưng tổng thống và nhảu với thế giới rằng chúng ta sẽ thắng cuộc chiến tranh chống khủng bố này”.*

Có nhớ lại những ngày tranh cử gay go và số phiếu sát sao giữa Al Gore và George W. Bush, khiến phải đếm đi đếm lại nhiều lần, mới hiểu hết tầm quan trọng của lời nói và thái độ của ông Gore trong dịp này.

Ngày ngày hôm sau tổng thống đã cùng với Ngoại Trưởng Powell thay phiên nhau tiếp xúc với các nhà lãnh đạo trên khắp thế giới để vận động cho một liên minh toàn cầu chống khủng bố.

Và ngày thứ năm 27 tháng 9 tổng thống đã đọc một bài diễn văn quan trọng khiến uy tín ông tăng vọt chưa từng thấy đối với một tổng thống Mỹ từ trước tới nay (những cuộc thăm dò dư luận cho biết hiện 90% dân Mỹ ủng hộ ông.) Trong bài diễn văn này ông phân biệt rõ bọn khủng bố với nhân dân Ả Rập và tín đồ Hồi Giáo. Ông *“chính thức yêu cầu chính quyền Taliban, từng chứa chấp dung túng bọn khủng bố mà đứng đầu là Osama bin Laden và tổ chức al-Qaeda của y, 4 điều sau đây:*

1. *Hãy giao nộp ngay những kẻ cầm đầu tổ chức al-Qaeda hiện đang lẩn trốn tại quốc gia này.*
2. *Hãy trả tự do cho tất cả những người ngoại quốc, kể cả những người quốc tịch Mỹ mà họ đang giam giữ một cách bất hợp pháp....*
3. *Hãy đóng cửa ngay lập tức các trại huấn luyện khủng bố tại A Phú Hãn (Afghanistan) và giao ngay những tên khủng bố, từng tên một, và hệ thống yểm trợ của bọn chúng cho các giới chức hữu trách.*
4. *Hãy để Hoa Kỳ toàn quyền ra vào những khu trại huấn luyện khủng bố để chúng ta có thể bảo đảm là những trại này không còn hoạt động nữa.*

Các nhà lãnh đạo tinh thần trong nước thì tổ chức cầu nguyện, trước hết là cầu siêu cho linh hồn các nạn nhân, sau là cầu xin bình an cho xã hội và tổ quốc. Phần nhiều các bài giảng thuyết của giáo sĩ trong ngày chủ nhật sau đó đều nhắc đến sự nhân từ của Thượng Đế đã khế cảnh cáo con cái Người hãy bớt kiêu ngạo, bớt tự phụ là giầu mạnh nhất thế giới, cái gì cũng biết, cái gì cũng có thể làm. Và nhất là hãy bớt xa xỉ, phung phí, để chia sẻ những cái dư thừa, thậm chí cả những điều mình đang có một cách tạm đủ, cho những dân tộc khó nghèo, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Có vị không ngần ngại nói thẳng ra rằng sự giầu mạnh vô song của Hoa Kỳ và sự thờ ơ của đa số dân Mỹ trước cảnh đói khổ của nhiều dân tộc trên thế giới đã khơi dậy lòng đố kỵ ghen ghét, là mầm mống của những hành động khủng bố dã man, liều chết và không đếm xỉa gì đến những nạn nhân vô tội. Nhìn xem những bộ mặt sầu não của tín hữu đủ các tôn giáo tại giáo đường, thánh thất trong những ngày đó, người ta đã cảm nhận được ơn thiêng còn giành cho dân tộc có truyền thống tự do dân chủ này.

Cũng từ hôm ấy, cái ngày 911, khắp nơi người ta thấy mọc lên những bảng hiệu với những hàng chữ lớn: "God Bless America" và "United We Stand. Trên nhiều đài truyền hình truyền thanh cũng thường nghe những câu đó.

Tại nhiều ngã đường những toán người tình

nguyện đi quyên tiền cứu trợ nạn nhân. Họ cầm một chiếc giấy ống chìa cho khách bộ hành, leo lên các loại xe chuyên chở công cộng giờ ra cho hành khách quyên góp. Có nhiều người khi cầm tiền bỏ vào chiếc ủng đã khóc sướt mướt vì cảm thương những nạn nhân và thân nhân của họ.

Có một trường hợp được báo chí địa phương đưa lên trang nhất là hình ảnh hai chị em Leilani 11 tuổi và Lydia 10 tuổi đã vào vườn tình nguyện hái trái cây cho chủ vườn để lấy tiền công mua trái cây đem bán lại lấy thêm tiền lời quyên giúp các nạn nhân.

Điều khiến người Việt chúng ta phải suy nghĩ là những biện pháp an ninh mà chính phủ cho áp dụng đã khiến người dân phải chọn lựa giữa tự do và an ninh, giữa quyền sống riêng tư và sự an toàn của xã hội. Hầu hết đã sẵn sàng chấp nhận hy sinh một chút tự do cá nhân vì sự an toàn, ngăn ngừa khủng bố. Tuy nhiên, lác đác trên mặt báo người ta cũng thấy có những ý kiến dè dặt đối với việc thay đổi một số luật lệ về an ninh và giới hạn quyền tự do cá nhân.

Một điều nữa còn đáng quan ngại hơn: Trong vài ngày đầu, phản ứng của một số cá nhân trong quần chúng và cả một vài giới chức trong ngành an ninh đã quá nóng giận gây nên những vụ tấn công vào những sắc dân Ả Rập và Hồi Giáo ngay tại Hoa Kỳ. Đã có tới 500 vụ như vậy, trong số đó một vài người bị tử vong! Cũng may là nhờ tổng thống sớm lên tiếng trấn an nên những vụ như vậy không còn tiếp diễn nữa.

Để tiến hành chiến tranh chống khủng bố, mà Tổng Thống Bush đã nói trước là sẽ lâu dài và đòi nhiều hy sinh của nhân dân Mỹ, quốc hội trong một ngày gần đây sẽ phải thông qua một số đạo luật nhằm tăng thêm quyền hành cho Hành Pháp và hạn chế một số tự do tối thiểu của người dân. Không phải như vậy có nghĩa là người dân sẽ phải chọn giữa tự do và an ninh. Nhưng muốn bảo đảm an ninh chung, mỗi người dân sẽ phải hy sinh một phần nào về tự do cá nhân và sự riêng tư của đời sống. Điều này chắc chắn sẽ có nhiều ý kiến khác nhau, và sẽ cho thấy quyết tâm diệt khủng bố của chính phủ, quốc hội, và nhân dân Mỹ đạt đến mức độ nào. Nhưng dầu sao thì trong thực tế tự do bao giờ cũng phải trả một cái giá nào đó chứ không phải là sản phẩm biếu không, tặng miễn phí, như thành ngữ Mỹ vẫn nói: “Freedom is not free”. Mặc dầu ai cũng biết là Thượng Đế khi dựng nên con người đã tặng con người món quà miễn phí Tự Do.

Phản ứng của thế giới:

Ngay sau khi được tin dữ, các vị quốc trưởng trên hầu khắp thế giới kể cả một số nước theo Hồi Giáo và những nước cộng sản như Trung Quốc và Việt Nam, đã gửi lời phân ưu với nhân dân và chính phủ Hoa Kỳ, lên án bọn khủng bố. Khỏi nói những nước đồng minh thân hữu lâu đời như Anh, Pháp, Ý, Bỉ, Canada v.v... đã tuyên bố sẵn sàng cùng với Hoa Kỳ

quyết tâm tiêu diệt bọn khủng bố. Để khỏi phải nhắc lại quá nhiều lời tuyên bố của các vị đó, chúng tôi xin trích một đoạn văn trong lời tuyên bố tiêu biểu của ông Kofi A. Annan, tổng thư ký **Liên Hiệp Quốc** là tổ chức bao gồm hầu hết các quốc gia trên thế giới:

“Bọn khủng bố khi tấn công Hoa Kỳ ngày 911 đã chỉ nhắm vào một nước, nhưng chúng đã làm tổn thương toàn thế giới. Rất hiếm khi, nếu không nói là chưa từng bao giờ, thế giới lại đoàn kết như vào cái ngày khủng khiếp ấy. Đây chính là một sự đoàn kết phát sinh từ kinh tởm, sợ hãi, xúc phạm, lảng nhục và thương cảm sâu xa với nhân dân Mỹ”.

“Tôi đã bày tỏ với Tổng Thống Bush và các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ sự liên đới chặt chẽ hoàn toàn của Liên Hiệp Quốc với nhân dân Hoa Kỳ trong cơn đau buồn của họ. Chưa đầy 48 tiếng đồng hồ sau vụ khủng bố, hội đồng Bảo An LHQ và Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã cùng tôi lên án các cuộc tấn công đó và đã biểu quyết ủng hộ những hành động chống lại những kẻ chủ mưu và các quốc gia trợ giúp chúng. Về sự đoàn kết nhất trí này, xin đừng có ai nghi ngờ.

“Và cũng đừng có ai đặt dấu hỏi về sự quyết tâm đấu tranh chống khủng bố khi còn cần phải chống. Câu trả lời toàn cầu hùng hồn nhất cho đến nay đối với những cuộc tấn công ở Nữ Ước và Hoa Thịnh Đốn chính là sự dân thân, cam kết của các quốc gia thuộc mọi tín ngưỡng và trên mọi vùng đất để cường quyết hành động chống khủng bố.”

Có nhìn thấy những hình ảnh sống động và rất cảm động trên màn ảnh nhỏ trong mấy ngày liền sau vụ khủng bố 911, người ta mới hiểu được đầy đủ ý nghĩa của những lời sau cùng vừa nêu của tổng thư ký LHQ. Khán thính giả đài ABC hẳn còn nhớ những cảnh hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn người (riêng ở Canada con số ghi được là 60,000) đã tụ tập nhau, thấp nển cầu nguyện, trong các giáo đường, thánh thất, đền thờ, những synagogues, những mosques... và ở công viên, trên đường phố... Đây là lúc nhân loại thấy cần đến bàn tay che chở của Trời Cao! Người ta cầu nguyện, không chỉ vì con số người chết nhiều quá, không phải chỉ vì cảm tình với nhân dân Hoa Kỳ. Người ta cầu nguyện vì thấy Ác Thần quá nguy hiểm, mạng sống của mình quá mong manh, và tự hỏi “Thượng Đế đi vắng tự bao giờ?”

Sau thái độ của Liên Hiệp Quốc là thái độ còn mạnh mẽ dứt khoát hơn nữa của **tổ chức Bắc Đại Tây Dương** (gọi tắt là NATO), mới tăng cường thêm các nước Đông Âu, sau khi khối Vác-xô-vi khai tử, nay đã lên tới con số 18 thành viên. Chẳng những các không phận, phi trường, hải cảng của các nước này sẽ dành cho Hoa Kỳ sử dụng trong cuộc chiến, mà Tổng Thư Ký George Robertson còn nói sẽ có các chiến hạm của tổ chức được phái tới vùng Đông Địa Trung Hải để sẵn sàng tiếp ứng. Theo cam kết của Hiệp Ước thì khi một nước bị tấn công coi như tất cả bị tấn công.

Nói chung, như vậy là đã rõ mọi người đều nhất trí phải chống khủng bố. Nhưng về cách thức chống khủng bố thì có nhiều khác biệt và dè dặt.

Không phải chỉ có Trung Cộng và Việt Nam Cộng Sản đòi phải trưng bằng chứng trước khi hành động, và không đồng ý phải làm chiến tranh toàn diện. Mà ngay Tổng Thống Putin của Nga, Tổng Thống Jacques Chirac của Pháp cũng không thấy cần dùng tới hai chữ chiến tranh. Nhiều nước trong khối Ả Rập, kể cả Ai Cập, cũng yêu cầu chỉ ra tay khi có bằng chứng.

Hơn nữa, cần ghi nhận rằng tuy nhà cầm quyền các quốc gia tuyên bố như thế, nhưng trong nội bộ mỗi quốc gia phản ứng cũng rất phức tạp. Hãy chỉ nêu vài ví dụ:

Ngay tại nước láng giềng phía nam Hoa Kỳ là *Mễ Tây Cơ*, khi bộ trưởng Ngoại Giao George Castaneda nhìn nhận là Hoa Kỳ có quyền đánh trả bọn khủng bố, thì một số nghị sĩ thiên tả đã lên án ông là cổ võ cho sự can thiệp vào nội bộ các nước và đòi cách chức ông. Không rõ những chính khách thiên tả này có chút lòng thương xót khoảng 500 người *Mễ* vô tội đồng bào của họ đã hy sinh oan uổng trong vụ khủng bố 911 hay không.

Tại các nước Ả Rập và Hồi Giáo thì phản ứng càng phức tạp hơn. Tỷ dụ ***Pakistan*** là nước đã giữ liên lạc ngoại giao với chính quyền Taliban của A Phú Hãn cho đến mấy ngày gần đây. Chính quyền của Tổng Thống (tướng) Pervez Musharaff thì ủng

hộ lập trường của Hoa Kỳ nhưng dân Hồi Giáo ở xứ này thì chia rẽ. Giáo sĩ Mufti Nizamuddin Shamzai, lãnh tụ một giáo phái rất có thế lực ở Karachi, là người trong ngày đầu đã lên án vụ khủng bố nhưng gần đây lại lên tiếng cực lực chống đối việc Mỹ có thể sẽ tấn công A Phú Hãn để tìm bắt Osama bin Laden. Tại đây hàng ngàn dân Hồi Giáo đã biểu tình chống Mỹ và chống chính phủ “thân Mỹ” Musharaff. Được sự ủng hộ của những nhóm cực đoan này, nhà cầm quyền Taliban ở A Phú Hãn càng thêm mạnh mẽ.

Thái độ của dân Pakistan càng phức tạp hơn nữa. Tờ San Diego Union Tribune số ra ngày 24-9-01 có đăng hình một thanh niên Pakistan tên Muhammad, anh này nói anh ta yêu và coi Osama bin Laden như một anh hùng, dù rằng anh ta cũng yêu nước Mỹ nữa. Một thanh niên khác, con dòng họ Afridi tên là Amar Afridi, sinh viên luật, đã nói: *“Mọi người đều thương cảm cho nước Mỹ, nhưng nếu người Mỹ giết nhiều người thì cảm tình đó sẽ thay đổi. Và nếu quốc dân thay đổi thì Tổng Thống Musharaff sẽ không kiểm soát được tâm trạng của đám đông.”* Theo những người Pakistani này thì chướng ngại to lớn cho việc liên minh giữa Mỹ và các nước Hồi Giáo chính là cuộc xung đột giữa dân Ả Rập và Do Thái. Anh chàng sinh viên trên nói tiếp: *“Mỹ sẽ còn bị tấn công cho đến khi nào xung đột ở Trung Đông được giải quyết.”*

Vì dân tình Pakistan phức tạp như vậy, nên mặc

dù là nước kế sát bên A Phú Hãn của nhóm Taliban đang dung dưỡng và che chở tên trùm khủng bố Osama bin Laden. và mặc dù chính quyền Pakistan hiện nay ủng hộ Hoa Kỳ triệt để trong vấn đề diệt khủng bố, mà Hoa Kỳ vẫn không dám dùng nước này làm căn cứ xuất phát cuộc trừng phạt Taliban. Một lý do quan trọng khác là vì quốc gia 140 triệu dân này lại có vũ khí hạch tâm. Chỉ vụng về đôi chút, sẽ làm cho tình hình xáo trộn, những nhà lãnh đạo hiện nay có thể bị lật đổ bởi những kẻ quá khích, và khi chúng có vũ khí nguyên tử trong tay thì hiểm họa sẽ không thể lường được.

Về phía **Jordan**, Quốc vương Abdullah tuyên bố: *“Đa số người Ả Rập và tin đồ Hồi Giáo sẽ hợp đoàn với các đồng nghiệp của chúng ta trên khắp thế giới hầu chấm dứt cái tai nạn khủng bố khủng khiếp này.”* Nhưng phần đông các nước Hồi Giáo vẫn dè dặt khuyên Mỹ đừng tấn công vào thường dân vô tội, và vẫn chưa sẵn sàng tích cực tham gia vào công cuộc săn lùng và tiêu diệt bọn al-Qaeda của Osama bin Laden.

Ả Rập Saudi cũng tuyên bố tích cực ủng hộ việc tiêu trừ khủng bố. Nhưng lại không muốn Hoa Kỳ dùng căn cứ của mình để từ đó tấn công các nước Hồi Giáo trong vùng. Các viên chức bộ ngoại giao Ả Rập Saudi cũng đặt câu hỏi: liệu Mỹ có tấn công Sudan và Iraq không? Vì hai nước này thường được Mỹ coi là những nước dung túng bọn khủng bố. Hôm 20-9-01

một giới chức bộ ngoại giao Ả Rập Saudi còn tuyên bố minh bạch là nước ông tuy là đồng minh chính yếu của Hoa Kỳ trong vùng, nhưng *“sẽ không đồng ý, bất cứ với điều kiện nào, cho Mỹ đánh những quốc gia anh em như Syria, hoặc các nhóm chống sự chiếm đóng của Israel, như nhóm Hamas, Islamic Jihad và Hezbollah.”* Ai cũng biết là những nhóm này đều nằm trong danh sách các nước hay tổ chức ủng hộ quân khủng bố của CIA Mỹ.

Hai quốc gia trong Liên Xô cũ, là ***Uzbekistan*** và ***Tajikistan*** có chung biên thùý với A Phú Hãn thì được Mỹ chú ý và mong muốn được hai nước này yểm trợ bằng cách cho sử dụng các căn cứ của họ. Nhưng lại chỉ mới có Tổng thống Nursultan Nazar-Bayev của nước *Kazakstan* (cũng thuộc Liên Xô cũ) là quốc gia ở rất xa A Phú Hãn tuyên bố sẵn sàng cho Mỹ sử dụng không phận nước ông, nếu Mỹ yêu cầu.

Còn chính tổng thống *Liên Bang Nga* Putin thì tuyên bố: *“Chúng tôi đã phối hợp lập trường này với các đồng minh của chúng tôi trong số các quốc gia Trung Á. Họ đều chia sẻ lập trường này và không loại bỏ khả năng là có thể cho phép sử dụng phi trường của họ.* Thực ra Nga đang tích cực ủng hộ chính phủ đối lập với nhà cầm quyền Taliban ở Bắc A Phú Hãn, mà Putin cho rằng là chính phủ (tuy chỉ kiểm soát độ 5 % lãnh thổ A Phú Hãn) được nhiều nước trên thế giới công nhận. Nhưng thái độ của các nước trong khối Liên Xô cũ như vậy là vẫn chưa rõ rệt.

Tại **Iran**, Tổng Thống Mohamad Khatami có xu hướng cải cách và ôn hòa thì ủng hộ Mỹ; sau ngày 911, đã có 4.000 người tụ tập thấp nền canh thức và cầu nguyện cho các nạn nhân. Nhưng cuộc thấp nền canh thức này đã bị nhóm cực đoan đã phá kích liệt. Còn lãnh tụ tối cao tinh thần là Ayatollah Ali Khamenei thì tuyên bố thẳng thừng sẽ không để Mỹ đụng đến các nước Hồi

Giáo anh em, dù đó là A Phú Hãn của nhóm Taliban mà Iran vốn không thừa nhận. (Chẳng những không thừa nhận mà còn tích cực ủng hộ phe đối lập với Taliban, là “Liên Minh Phương Bắc”).

Trái lại nước Hồi Giáo **Sudan** trước kia vẫn được CIA Mỹ liệt vào danh sách những nước dung túng và giúp đỡ bọn khủng bố lại có phản ứng trái ngược: Họ đã bắt giữ 30 người ngoại quốc bị nghi là có dính líu đến tổ chức khủng bố của bin Laden!

Nhân dân **Palestine** và **Iraq** đã biểu lộ sự vui mừng trong những ngày đầu khi vừa nghe tin hai tòa nhà cao nhất New York bị phá hủy. Nhưng chủ tịch Arafat đã nhanh chóng bày tỏ sự cảm thương đối với các nạn nhân. và khán giả truyền hình Mỹ đã thấy ngay trong mấy ngày đầu, hình ảnh vị lãnh tụ Palestine này giang tay ra cho nhân viên y tế lấy máu để tiếp cho những nạn nhân ở Mỹ.

Riêng tại Việt Nam cộng sản:

Chủ tịch Trần Đức Lương đã theo gương Giang

Trạch Dân của Trung Cộng gửi điện phân ưu với nhân dân Mỹ 4 ngày sau vụ khủng bố. Có lẽ vì xã giao và vì cái hiệp ước thương mại song phương. Nhưng cũng ngày hôm đó tại Sài Gòn. Hà Nội người ta đã tổ chức biểu tình mít tinh, đả kích Mỹ thậm tệ về đạo luật về nhân quyền đi kèm với thương ước. Như vậy thì những lời phân ưu giả dối của Trần Đức Lương có nghĩa gì? Linh mục Chân Tín, một khuôn mặt phản kháng có hạng, đã viết: *“Cộng sản Việt Nam chống Mỹ sau vụ khủng bố dã man, thì cũng dã man như những tên khủng bố.”*

Và mặc dù đã có rất nhiều vòng hoa được dân chúng có cảm tình đem đến đặt trước tòa đại sứ và tổng lãnh sự Mỹ, nhưng lại có những sinh viên và giáo sư đại học tuyên bố với phóng viên báo Đức tỏ vẻ hả hê khi thấy nhà chọc trời Mỹ bị phá hủy. Thậm chí có sinh viên còn ca ngợi lòng dũng cảm của bọn khủng bố và thương cho chúng đã phải hy sinh, mà chẳng thèm tỏ lòng trắc ẩn đối với hàng ngàn người vô tội đã chết trong vụ khủng bố. Phải chăng, hận thù trong cuộc chiến cách nay một phần tư thế kỷ còn quá sâu đậm, hay vì những người này chỉ muốn nói cho hợp đường lối của đảng để khỏi bị rắc rối vì tiếp xúc với báo giới nước ngoài? Hay là do chính cán bộ đảng đã chỉ thị cho phải nói thế? Ai cũng biết khủng bố là sở trường của Việt cộng khi chúng còn yếu thế dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Việt cộng là bậc thầy về khủng bố. Cho nên thấy khủng

bổ thành công trong việc giết hại dân lành thì họ vui mừng là phải.

Xin kể 3 trong số nửa tá trường hợp đã được tờ Deutsche Press-Agentun phỏng vấn. Một sinh viên đã đậu cử nhân đại học Xây Dựng Hà Nội đã phát biểu:

“Nhiều người ở đây xem vụ khủng bố là hành động anh hùng vì họ dám đụng tới siêu cường Mỹ.” Một sinh viên khác tên Đặng Quang Bảo thì nói: “Vụ khủng bố sẽ làm Mỹ mờ mắt vì Mỹ đã mù quáng áp đặt lên thế giới bằng cách cấm vận và can thiệp vào nội bộ các nước. Khi nghe nói Mỹ bị tấn công, nhiều người đã nói, như thế là đáng lắm!”

Một giáo sư của viện Bang Giao Quốc Tế nói:

“Chẳng qua vì thủ tục ngoại giao nên những nhà lãnh đạo các nước mới phải lên án vụ khủng bố. Chứ tôi tin rằng có tới 80 phần trăm dư luận thế giới ca ngợi hành động khủng bố này!”

Phản ứng của tên trùm khủng bố Osama bin Laden và nước chứa chấp y

Theo tài liệu của ông Phạm Đình Mai thì Osama bin Laden sinh năm 1957 tại Saudi Arabia, là con thứ 17 trong số 53 anh chị em. Mẹ y là vợ thứ 10 của Muhamad Awad. Ông này chết (1968) đã để lại cho Laden hàng tỉ Mỹ kim. Y có 4 vợ và 14 con. Năm 1987 y thành lập tổ chức khủng bố al-Qaeda, ban đầu nhằm mục đích chống Liên Xô. Nhưng sau khi LX rút khỏi A Phú Hãn, y chuyển sang chống Do

Thái và Hoa Kỳ. Năm 1991 y bị đuổi khỏi A Phú Hãn sang Sudan và 3 năm sau bị tước bỏ quốc tịch A Rập Saudi vì chống quốc vương.

Năm 1996 y tuyên bố thánh chiến để giải phóng Hồi Giáo và trở về A Phú Hãn tìm sự che chở của phe nhóm Taliban. Y thường sử dụng những hầm trú ẩn kiên cố mà Hoa Kỳ đã thiết kế giúp chính quyền A Phú Hãn trong chiến tranh chống Liên Xô. Ngày 20 tháng 8 năm 1998 hải quân Hoa Kỳ đã phóng hỏa tiễn tự điều khiển để giết y lúc đó được báo cáo là sẽ có mặt trong một cuộc họp mặt khoảng hơn 200 tên khủng bố. Nhưng y đã rời nơi đó một giờ trước. Kể từ đó để bảo đảm an ninh cá nhân, y không dám dùng phương tiện liên lạc bằng điện tử nữa, chỉ nói miệng với những tay chân thân tín để truyền lệnh. cho nên ngày nay, muốn tìm tung tích của y rất khó.

Trong những ngày đầu khi mọi người khắp nơi trên thế giới lên án vụ khủng bố 911, thì Osama bin Laden lên tiếng phủ nhận y không dính líu trong vụ này. Nhà cầm quyền Taliban ở A Phú Hãn cũng chối và bảo Laden đã ra khỏi nước. Nhưng rồi lại thấy Laden lên tiếng công kích Mỹ và kêu gọi thánh chiến chống kẻ thù của Hồi Giáo là Hoa Kỳ, nêu đích danh Tổng Thống Bush mà y gọi là kẻ cầm đầu thập tự quân chống Hồi Giáo.

Ngày 23-9-01 sau khi được tin một vài tín đồ đã tử thương trong các cuộc xô xát với cảnh sát Pakistan, Laden đã đưa ra một lời kêu gọi thánh chiến được hệ

thống truyền hình al-Jazeera truyền đi, và được hãng thông tấn AP dịch từ tiếng Ả Rập sang Anh ngữ. Sau đây chúng tôi trích dịch một đoạn văn:

“Nhân danh đấng Allah chi nhân, chi thánh. Gửi anh em Hồi Giáo ở Pakistan. Chúng ta hy vọng là những anh em đó là những vị thánh tử đạo đầu tiên trong cuộc chiến của đạo Hồi trong vùng này chống lại liên minh Thập Tự Quân Do Thái Giáo và Kị Tô Giáo do tên đầu sỏ thập tự binh George Bush cầm đầu dưới ngọn cờ Thập Giá”...

Tổ chức al-Qaeda của y còn đe dọa: *“Bất cứ nơi nào có người Mỹ và Do Thái, chúng đều là mục tiêu phải tấn công”*. Về phía mình, nhóm al-Qaeda khẳng định: *“Chúng ta đủ sức tự vệ. Chiến binh của cuộc thánh chiến đã sẵn sàng”*.

Nhà cầm quyền Anh đã tịch thu được tại nhà một kẻ ủng hộ bin Laden gần sân bay Heathrow, Luân Đôn, một tài liệu huấn luyện thánh chiến 200 trang trong đó bin Laden đã dạy cách đánh bom các tòa nhà ở trung tâm thương mại, hành hạ và giết các con tin như thế nào. Tập tài liệu có tên là “Binh Pháp về Thánh Chiến chống bạo quyền”. Trong tài liệu này có ghi huấn thị cho những tên khủng bố quyết tử như sau: *“(Trước khi tự sát) Hãy tỏ ra vui mừng và mãn nguyện, vì bạn sắp làm một việc mà Thượng Đế yêu thích*.

Nhà cầm quyền Taliban ở A Phú Hãn từng che chở cho bin Laden đã tổ chức những cuộc biểu tình

chống Mỹ, xé, đốt quốc kỳ Mỹ và hình nộm Tổng Thống Bush. Mặc dầu đã bị cô lập hoàn toàn với thế giới, vì phái bộ ngoại giao duy nhất của Pakistan cũng đã rút khỏi nước này, nhưng thủ lĩnh Taliban là Mullah Mohammed Omar vẫn còn nói giọng thách thức nhắm vào Hoa Kỳ: *“Dù cho Mỹ có giết được Osama bin Laden và chính tôi, thì cũng đừng hòng thoát ra khỏi cơn khủng hoảng này.”* Bộ trưởng quốc phòng A Phú Hãn thì nói Taliban có đủ vũ khí đạn dược để chống trả lực và không quân Mỹ. Ông ta cũng nói là số quân tình nguyện đã tăng làm cho hàng ngũ nhân dân tự vệ dư thừa. Ông ta còn khoe là đã có 300,000 quân có kinh nghiệm trong cuộc “thánh chiến”, và khuyên nhân dân A Phú Hãn hãy tỉnh thức và chuẩn bị cho cuộc thánh chiến.

Nhưng gần cuối tháng 9 thì viên đại sứ A Phú Hãn ở thủ đô Pakistan lại nói Osama bin Laden hãy còn ở trong nước và đang do bọn họ kiểm soát. Nếu Hoa Kỳ trưng được bằng chứng là y chủ mưu vụ khủng bố 911 thì sẽ thương lượng để giao nộp y. Nhưng, như vậy thì làm sao mà tin được. Vì chỉ mới ít lâu trước đó bọn họ đã chối là không biết Laden ở đâu, hoặc y có thể đã ra khỏi nước. Với cuộc dàn quân của Hoa Kỳ chung quanh nước này, dân A Phú Hãn đã ùn ùn chạy trốn sang Pakistan, bất chấp mọi nguy hiểm. Hiện nay số người tỵ nạn này đã vượt quá con số 2 triệu. Đầu tháng 10, có tin từ phía “Liên Minh Phương Bắc” nói rằng bọn đầu sỏ Taliban cũng đã

tìm đường tẩu thoát và có nhiều bộ lạc đang muốn liên kết với Liên Minh này để chống Taliban. Nhưng cũng có thể là bọn đầu sỏ chỉ bỏ các vùng thành thị, trốn lên rừng núi để chuẩn bị “thánh chiến”.

Những biện pháp Hoa Kỳ áp dụng để trừ tận gốc nạn khủng bố

Trong hàng loạt bài diễn văn và những lời tuyên bố từ ngày 911 đến nay, Tổng Thống Bush và các phụ tá của ông đã cho thấy chính phủ sẽ dùng mọi biện pháp để 1) Truy nã tên chính phạm Osama bin Laden và đồng đảng, nhất là tổ chức al-Qaeda của y. 2) Phong tỏa mọi nguồn tài chính của y và các tổ chức ngoại vi tài trợ khủng bố. 3) Bắt buộc nhà cầm quyền Taliban ở A Phú Hãn phải trao tên chính phạm bin Laden, bằng không thì sẽ dùng biện pháp quân sự lật đổ chính quyền Taliban. 4) Tìm cách liên lạc và yểm trợ tổ chức chống Taliban. mệnh danh là “Liên Minh Phương Bắc”, để đem tổ chức này lên thay thế nhóm Taliban. 5) Mở cuộc vận động ngoại giao trên khắp thế giới để tranh thủ sự đồng tình và quyết tâm diệt khủng bố của càng nhiều quốc gia càng tốt.

Ta hãy xem cho đến nay chính quyền Bush đã làm được những gì trong kế hoạch đã nêu.

1. Các lực lượng an ninh quốc gia như FBI và CIA đã tận lực làm việc trong suốt tháng 9 để tìm thêm thủ phạm và nghi can trong nước và ở ngoại quốc.

Trên khắp thế giới đã có 150 người bị bắt giữ để điều tra. Và nhờ có sự hợp tác của cơ quan an ninh Đức quốc, người ta đã biết thêm được rằng không phải chỉ có 19 tên quyết tử trong vụ 911, mà còn thêm 11 tên nữa. Nhưng chúng là ai thì chưa được tiết lộ. Cũng nhờ các cơ quan an ninh nước ngoài mà ta còn biết có thể trong tương lai sẽ có những cuộc khủng bố bằng vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vi trùng, có thể làm hàng triệu người chết. Vì vậy chính phủ đang xin Quốc Hội trao quyền rộng rãi thêm để, ví dụ, có thể giữ những nghi can lâu hơn là luật định chỉ trong vòng 24 tiếng.

2. Cho đến cuối tháng 9, theo lời Tổng Thống Bush, có 6 triệu trong các trường mục ngân hàng dính líu đến bọn khủng bố đã bị phong tỏa. Tại Mỹ 30 trường mục liên hệ đến bin Laden và tổ chức al-Qaeda đã bị phong tỏa cộng với 20 trường mục khác ở ngoại quốc.

3. Việc làm áp lực với nhà cầm quyền Taliban giao nộp bin Laden cho Hoa Kỳ, xem ra không có kết quả. Mặc dù Pakistan đã nhấn tiếng cho nhóm này biết là Mỹ đã sẵn sàng để tấn công vào A Phú Hãn. Bọn họ muốn Hoa Kỳ trưng bằng chứng để thương lượng. Nhưng chính Tổng Thống Bush đã từng khẳng định không thể thương lượng, hay trì hoãn.

Căn cứ vào những lời tuyên bố ngoan cố và hiếu chiến của bin Laden và tổ chức al-Qaeda của y ở phần trên, có lẽ khó tránh biện pháp quân sự.

Trọng điểm là A Phú Hãn, nhưng cũng nên biết rằng tổ chức tay sai của Osama bin Laden không phải chỉ có ở nước này, mà còn ở rải rác trên nhiều quốc gia khác, kể cả Nga, Canada và chính Hoa Kỳ. Nhưng theo tài liệu của CIA cho biết thì al-Qaeda có cơ sở mạnh nhất tại các nước Á Phi sau đây: Pakistan, Yemen, Sudan, Ai Cập, và Algeria. Vì vậy có thắng ở A Phú Hãn, và bắt được bin Laden, thì xem ra cũng chưa chấm dứt được nạn khủng bố.

Hiện nay lực lượng tác chiến của Mỹ chung quanh vùng chiến lược này có

thể kể sơ: Căn cứ không quân tại Incirlik, Thổ. Căn cứ không quân Prince Sultan tại Ả Rập Saudi. Một số máy bay, chiến xa và 3000 bộ binh tại căn cứ Ahmed-al Jabr, tại Kuwait. Căn cứ không quân Jufair tại Bahrain. Tại Vịnh Ba Tư thì có hàng không mẫu hạm Carl Winson với 70 máy bay, một tiềm thủy đình, nhiều tàu tuần dương và khu trục và 400 hỏa tiễn tầm xa. Và sau cùng tại Ấn Độ Dương thì có hàng không mẫu hạm Enterprise với 4 phi đoàn chiến đấu cơ, 14 tàu chiến và 500 hỏa tiễn tầm xa Cruise. Nghe nói hàng không mẫu hạm Kitty Hawk mới được điều động từ Nhật sang vùng này.

Ngoài ra đã có 29.000 quân tác chiến đã lên đường và 17.000 lính trừ bị đã được lệnh nhập ngũ.

Đó là chưa kể hàng ngàn gián điệp, đặc công của CIA đã được tung vào trận chiến. Có điều khó tin là những vụ khủng bố nhắm vào người Mỹ đã xảy

ra hàng chục năm nay rồi mà nay CIA mới bắt đầu tuyển nhân viên biết nói tiếng Ả Rập, vì từ trước tới nay không có điệp viên nào thông thạo tiếng Ả Rập sẵn sàng vào hoạt động trong các nước Ả Rập hay Hồi Giáo!

Tuy nhiên nếu căn cứ vào lời tuyên bố của Tổng Thống Bush, cuộc chiến này là một cuộc chiến lâu dài gian khổ đòi nhiều kiên nhẫn và hy sinh, và nếu coi đây là cuộc chiến ngay trên đất Mỹ lần đầu tiên, thì cũng nên xét đến thực lực của quân lực Mỹ hiện nay, so với cách nay một thập kỷ. Trước khi Liên Xô sụp đổ, quân lực Mỹ tổng số trên 2 triệu: lục quân 750 ngàn; hải quân 583 ngàn, không quân 539 ngàn thủy quân lục chiến 197 ngàn. Nay chỉ có 1 triệu 384 ngàn: lục quân gần nửa triệu, hải quân 373 ngàn, không quân 355.700; thủy quân lục chiến 173 ngàn. Đó là chưa kể vũ khí cũng như tàu chiến, phi cơ đã cũ và chưa được tân trang đúng mức.

Do đó sự cố gắng hy sinh về nhân lực vật lực và tài chánh phải nhiều hơn người ta tưởng.

4. Một khi thuyết phục và làm áp lực với nhóm Taliban không thành công thì phải dùng đến những phần tử hiếu hòa, hiện đang chống chính quyền Taliban. Trong số này. Hoa Kỳ đã chú ý tới tổ chức mệnh danh là “Liên Minh Phương Bắc. Trước ngày 911, tổ chức này do một tướng lãnh có tài là Amed Shah Massoud cầm đầu, tiếc rằng ông đã bị trúng bom và mất ngày 15 tháng 9 vừa qua, chỉ 4 ngày sau

vụ khủng bố. Có nhiều khả năng Osama bin Laden đã ra lệnh giết ông. Tổ chức này tuy chỉ kiểm soát khoảng 5 phần trăm lãnh thổ A Phú Hãn, nhưng được nhiều nước thừa nhận, kể cả Liên Xô. Người lên thay Massoud là Mohammed Fahim. Gần đây có tin cựu quốc vương Mohammed Zahir Shah tuy đã 86 tuổi (hiện sống lưu vong ở Roma, Ý) cũng mới lên tiếng sẵn sàng hợp tác với tổ chức liên hiệp các lực lượng chống Taliban trong nước. Được tin này lãnh tụ Taliban Omar liền lên tiếng chế riễu và thách thức chẳng những vị vua này mà cả Hoa Kỳ nữa. Người ta hy vọng, khi vị cựu hoàng này nhập cuộc, thì sẽ có thể lôi kéo được một số bộ lạc sẽ bỏ nhóm Taliban đi theo nhà vua cũ.

Theo cách dàn quân của Mỹ tại vùng này, và với hy vọng dựa vào “Liên Minh Phương Bắc” thì ta có thể hiểu Hoa Kỳ muốn đưa quân tác chiến vào A Phú Hãn để giúp phe đối lập đoạt chính quyền, rồi bắt bin Laden, phá hủy các căn cứ huấn luyện và đào tạo đạo quân khủng bố. Nhưng chuyện này theo các phân tích gia thì rất phiêu lưu và có thể trở thành một thứ Việt Nam mới. Vì chính Liên Xô đã thất bại ở đây trước khi tan rã. Và lịch sử A Phú Hãn với 25 triệu dân này còn ghi rằng trước đó (giữa thế kỷ 19) đế quốc Anh cũng đã thất bại ê chề. Vì chẳng những địa thế hiểm trở, mà người dân nghèo đói không biết sợ chết trong khi chiến đấu cho một lý tưởng tôn giáo cuồng tín. Họ được nhóm quá khích

tuyên truyền rằng đây là một cuộc “thánh chiến” để bảo vệ “đạo pháp” (nói theo kiểu Thích Trí Quang) chống bọn “vô đạo” (infidels) là do Thái và Hoa Kỳ.

5. Về phương diện ngoại giao, để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các đồng minh, nhất là của một số nước Ả Rập và Hồi Giáo. Hoa Kỳ kỳ vọng rất nhiều ở chính quyền Pakistan hiện nay với dân số 140 triệu. Nhưng xem ra càng ngày Tổng Thống Musharaff càng gặp thách đố do các phần tử Hồi Giáo cực đoan trong nước. Nhóm này, do Mufti Nizamuddin Shamzai lãnh đạo, trước đây đã lên án bọn khủng bố. Nhưng nay bỗng nhiên đưa ra một sắc lệnh tôn giáo kêu gọi “thánh chiến” chống Hoa Kỳ và cả Tổng Thống Musharraf. Nhóm này rất mạnh tại thành phố lớn nhất Pakistan.

Ai Cập cũng là đồng minh của Hoa Kỳ từ lâu. Vậy mà lần này Tổng Thống Mubarak nhất định muốn Hoa Kỳ phải có bằng chứng trùm Osama bin Laden là chủ mưu vụ khủng bố mới nên khai chiến.

Có thể hiểu rằng các nước Ả Rập và Hồi Giáo tuy có một số thân Tây phương và đã từng nhận viện trợ hậu hĩnh của Hoa Kỳ, nhưng vẫn còn sợ ảnh hưởng của Osama bin Laden. Y là tỉ phú, lại có nhiều tổ chức tay sai tại nhiều nước trên thế giới, có nhiều cán bộ được huấn luyện kĩ, lại cuồng tín, sẵn sàng liều chết để nghe lời y thì dĩ nhiên y làm cho các chính quyền thân Mỹ phải e ngại. Y đã kêu gọi chống chính phủ Pakistan, thì y cũng có thể kêu gọi chống các chính

phủ Jordan, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ v.v..., nếu các nước này tiếp tay cho Mỹ để tiêu diệt nhóm Taliban, có thể y sẽ lật đổ hay ám sát.

Vả lại trong khối Ả Rập và Hồi Giáo, ngoài A Phú Hãn với nhóm cuồng tín Taliban còn nhiều chính quyền chống Mỹ như Iraq với Saddam Hussein, Lybia với Gaddafi, Iran với Khamenei v.v... Và như đã nói trên, ngay tại các nước mà chính quyền phần nào thân Mỹ các nhóm chính trị đối lập, có xu hướng cực đoan lại kịch liệt chống Mỹ và lôi kéo theo một số đông dân chúng chống Mỹ.

Vì vậy, vận động các chính phủ không đủ. Điều quan trọng là quần chúng trong các quốc gia Ả Rập và Hồi Giáo. Hình như Tổng Thống Bush chưa đặt đúng mức vấn đề này, tuy – chỉ trong một bài diễn văn – ông phân biệt rất rõ giữa bọn khủng bố với nhân dân Ả Rập và tín đồ Hồi Giáo. Điều quan trọng là sự phân biệt rất quan trọng này phải được phổ biến rộng rãi, nhắc đi nhắc lại một cách có hệ thống và có phối khí (orchestration), để có thể đến tai nhân dân các nước Ả Rập và Hồi Giáo. (Muốn được vậy, phải dịch ra tiếng Ả Rập và vận động để các đài và báo các nước Ả Rập cho phổ biến nhiều lần. Không coi trọng vấn đề tuyên truyền, thì không thể nào làm được điều đó, dù có binh hùng tướng mạnh đến mấy.)

Một vài ý kiến cá nhân

Suốt trong tháng 9 nhân dân Mỹ trên toàn quốc

đã quan tâm đặc biệt đến tình hình đất nước và những biện pháp mà chính phủ trù tính sẽ áp dụng, trong cũng như ngoài nước, để bảo vệ tự do và an ninh tổ quốc. Trước khi kết luận, chúng tôi xin trích dưới đây một ý kiến đã được đăng tải trên các báo địa phương:

Douglas Foight, San Diego:

“Bây giờ, khi mà Tổng Thống đã kêu gọi chúng ta cầu nguyện...

“Bây giờ, khi mà Quốc Hội đã kêu gọi chúng ta cầu nguyện...

“Bây giờ, khi mà Thống Đốc (Cali) đã kêu gọi chúng ta hãy cầu nguyện...

“Bây giờ khi mà Thị Trưởng (San Diego) đã kêu gọi chúng ta cầu nguyện...

“Bây giờ, khi mà các cơ quan truyền thông thuộc khuynh hướng tự do, và hầu hết các ngành trong xã hội Mỹ đều đã kêu gọi chúng ta hãy cầu nguyện....

“Bây giờ khi mà các giáo hội của chúng ta tập hợp lại trong lời kinh đặc biệt...

“Vậy thì bây giờ có phải đã đến lúc “OK” cho con cháu chúng ta cũng được cầu nguyện tại các trường học không?”

(Cách đây ít năm, việc để học sinh đọc kinh vài phút trong các trường học Ki Tô Giáo đã bị cấm, viện lý do không nên đưa tôn giáo vào học đường, căn cứ vào sự phân biệt giữa nhà thờ và nhà nước.)

Kết luận:

Qua những lời tuyên bố và phản ứng của chính quyền và nhân dân Mỹ cũng như của các nước đồng minh của Mỹ, và qua phản ứng của tay trùm khủng bố và nhà cầm quyền Taliban dung dưỡng che chở y, nhất là qua phản ứng của các chính quyền các nước Ả Rập và Hồi Giáo một đảng và đảng khác, của nhân dân và phe đối lập trong các nước đó, ta có thể nhận định một cách khái quát như sau:

Hoa Kỳ đã quyết tâm tiêu diệt khủng bố, dù cho phải dùng biện pháp quân sự, dù nhân dân Mỹ có phải hy sinh trong một thời gian dài. Những biện pháp mà chính phủ Mỹ áp dụng cho thấy rõ quyết tâm đó.

Phương pháp phong tỏa các tài khoản của bọn khủng bố đã bắt đầu có kết quả. Nhưng còn phải làm hơn thế nhiều lắm mới hy vọng làm cho nguồn tài trợ khủng bố cạn kiệt, hòng làm tê liệt các chương trình kế hoạch dã man của chúng. Và ai cũng thấy là rất khó, vì có nhiều tổ chức từ thiện cũng tài trợ chúng, nhiều chính phủ có lẽ cũng phải “hối lộ” chúng để hỏa tiễn, xe bom, máy bay không lao vào các công sở.

Nỗ lực của các cơ quan an ninh trong nước cũng như ở ngoại quốc trong tháng 9 cũng cho thấy thêm nhiều mắt xích mới trong dây chuyền tổ chức khủng bố thế giới. Các chính phủ Tây phương đã giúp các cơ quan an ninh Mỹ tìm thêm nhiều nghi can, và hy

vọng sẽ trình được bằng chứng tên trùm bin Laden là thủ phạm vụ 911, hay ít nhất cũng dính líu đến các vụ khủng bố trong thập niên vừa qua. Và như vậy nếu bọn Taliban không chịu giao Laden cho Hoa Kỳ, thì Hoa Kỳ sẽ có lý do tấn công vào A Phú Hãn, với sự tiếp tay của nhiều quốc gia khác.

Hoa Kỳ đã sẵn sàng và thực tế đã dàn binh bố trận chung quanh vùng này. Nhưng triển vọng thắng nhanh thắng mạnh như thời chiến tranh vùng Vịnh thập niên trước thì thật mỏng manh. Nếu không bắt được chính phạm, không phá hủy được các căn cứ của bọn chúng rải rác ở nhiều nơi trên thế giới, thì hiểm họa chiến tranh thế giới khó tránh khỏi.

Những vận động ngoại giao với các nước thân hữu, các nước trong thế giới thứ ba cũng có vẻ thành công. Nhưng điều cần là vận động nhân dân các nước Ả Rập và Hồi Giáo thì có lẽ mới chỉ có trong dự định. Việc thực hiện đòi phải có những cố gắng mới, thoát ra ngoài nề nếp suy tư chiến lược vốn có của Mỹ. Nghĩa là phải có một đạo quân *tuyên truyền* rộng lớn, hữu hiệu, được trang bị bằng những kiến thức vững chắc về tâm lý, phong tục tập quán của nhân dân các nước Hồi Giáo. Sự khó khăn của các cơ quan an ninh trong việc tuyển dụng những cán bộ thông thạo tiếng Ả Rập cho thấy công việc chưa có gì đáng khích lệ.

Về chuyện này, có thể rút kinh nghiệm trong chiến tranh Việt Nam. Cho đến nay, sau khi Liên

Xô tan rã và khối cộng sản Đông Âu sụp đổ, không còn ai nghi ngờ là cộng sản là xấu là ác. Vì nó đã giết hại 5 lần nhiều hơn Đức Quốc Xã thời thế chiến II. Vậy mà phe quốc gia Việt Nam và sau này cả Hoa Kỳ không sao thuyết phục được cho dân chúng Việt Nam đừng ủng hộ Việt Minh cộng sản, để đến nỗi ngày nay đảng cộng sản (không còn phải giấu giếm, đội lốt đảng Lao Động trá hình nữa) thống trị cả nước đặt lên đầu lên cổ nhân dân một chế độ độc tài đảng trị. (Tuy không còn dám dùng những biện pháp dã man như trước, vì, một mặt đối với kẻ chiến thắng như họ, ngày nay không còn cần lắm, một mặt vì thế giới ngày nay, sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, không còn nước cộng sản nào dám làm như thế nữa.)

Tại sao vậy? Là vì ngay từ ban đầu Việt Minh cộng sản đã khéo dùng mảnh lời tuyên truyền thuyết phục dân chúng rằng họ không phải cộng sản, mà chỉ là một tổ chức yêu nước. Tiếc rằng những luận điệu như thế đã có tính thuyết phục ngay từ đầu. Và vì cộng sản nói trước, nói nhiều nên đã thắng kẻ nói sau, nói ít.

Cũng như thế, ngày nay bọn khủng bố tấn công Hoa Kỳ nhân danh “Đấng Allah chí nhân, chí thánh”. Nếu Hoa Kỳ và các nước tự do không đả phá ngay từ đầu luận điệu đó, thì sẽ là kẻ nói sau, nói ít. Mà muốn tuyên truyền thắng lợi, vào sâu trong mọi tầng lớp nhân dân Ả Rập và Hồi Giáo thì không thể

nào không có sự tiếp tay của nhà cầm quyền của các nước đó, không có sự hưởng ứng của tầng lớp trí thức trong các nước đó, không có sự ủng hộ của các giáo sĩ Hồi Giáo, và nhất là không có một đạo quân tuyên truyền thông thạo tiếng Ả Rập như tiếng mẹ đẻ, được huấn luyện đầy đủ về phong tục, tập quán của từng nước, và nhất là về giáo lý Hồi Giáo.

Bao lâu người dân các nước nói trên còn tin theo lời đường mật của Osama bin Laden rằng giết người Mỹ và người Do Thái là làm đẹp lòng Đấng Allah, thì cuộc chiến của Tổng Thống Bush cổ vũ sẽ là một cuộc chiến phi nghĩa, vì chống Đấng Allah, Thượng Đế của nhân dân Ả Rập, Hồi Giáo. Trừ phi có thể giết tên đầu sỏ bằng một hỏa tiễn tối tân, mà không sát hại người dân vô tội.

Một điểm nữa cũng có thể rút kinh nghiệm từ Việt Nam, vì Việt Nam là nơi nạn khủng bố hoành hành từ thời Đế Nhất Cộng Hòa. Khủng bố vốn là vũ khí của kẻ yếu, hành động của kẻ hèn, kẻ giấu mặt lén lút trong bóng tối. Cho nên nó rất khó nhận diện, rất khó trừ khử. Nước Mỹ này mới chỉ bị khủng bố có mấy lần, không kể một số tòa đại sứ ở Kenya, và Tanzania cách đây ít năm. Nhưng thời đế nhất Cộng Hòa, Việt Nam hầu như đêm nào cũng có khủng bố. Lúc ấy, cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60, dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, miền Nam Việt Nam sống sung túc, phồn thịnh hơn miền Bắc cộng sản bội phần. Điều này khiến cộng sản ghen tức và

cảm thấy yếu thế nên cố tình phá khuấy làm khổ nhân dân để chứng tỏ chính quyền miền Nam yếu kém. Nhưng vì chúng yếu thế nên chỉ có cách khủng bố: ám sát, bắt cóc, phá hoại. Tính ra trong một năm, số người bị giết còn cao hơn con số nạn nhân trong vụ khủng bố 911. Nhưng vì nó lẻ tẻ từng ngày, nên người ngoài không thấy được sự trầm trọng của nó. Trong vụ khủng bố 911, nhân dân Mỹ đã thấy là muốn bảo vệ an ninh, chống khủng bố, họ sẵn sàng hy sinh chút tự do cá nhân, không than phiền. (Các cuộc thăm dò cho thấy trên 70% dân sẵn sàng hy sinh chút tự do cá nhân để được an toàn). Nhưng thời đệ nhất Cộng Hòa, vì để bảo đảm an ninh cho dân quê, chính quyền Miền Nam có áp dụng đôi chút hạn chế tự do, thì bị báo chí thiên tả lên án là độc tài, phát xít. Lúc ấy, để đối phó với nạn khủng bố thường xuyên, rộng khắp các tỉnh, chính quyền Ngô Đình Diệm đã phải áp dụng quốc sách Ấp Chiến Lược, gom một số dân sống thưa thớt tại những vùng hẻo lánh lại thành từng ấp có hàng rào, có lính canh, thì bị báo chí thiên tả của Mỹ chỉ trích theo luận điệu của Việt Cộng, là “bắt dân lia bỏ mả tổ tiên, tập trung vào những trại tù.”

Đến cuối năm 1959, khi nạn khủng bố gia tăng, quốc hội Đệ Nhất Cộng Hòa đã thông qua luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, thì cũng báo chí thiên tả của Mỹ, hùa theo Việt Cộng, lên án là “đạo luật phát xít”.

Nhưng hãy nghe Nguyễn Văn Linh, nguyên tổng bí thư đảng CSVN, đã từng hoạt động lâu năm tại miền Nam nói với tay nhà báo thiên tả Neil Sheehan, cực kỳ ác cảm với “nhà Ngô”, tố cáo Ngô Đình Diệm muốn tái lập nhà Ngô (Ngô Quyền). Sheehan đã thuật lại lời Nguyễn Văn Linh trong cuốn sách nhỏ nhan đề *After the War Was Over*. Theo Sheehan thì Nguyễn Văn Linh đã sợ luật 10/59 và chính sách tố cộng của Đệ Nhất Cộng Hòa hơn cả B52, vì nó đã tiêu diệt 80% trong số 10 ngàn cán binh Việt Cộng để lại miền Nam sau 1954. (Sách đã dẫn trang 77)

Đó là Sheehan ghi lại theo lời Nguyễn Văn Linh nói, theo trí nhớ. Còn Văn Tiến Dũng trong cuốn *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, xuất bản năm 1996, dựa theo các tài liệu chính thức thì nói không phải 80% mà tới 90%: “... Chỉ tính trong 4 năm từ 1955-1958, cả miền Nam tổn thất 9 phần 10 số cán bộ, đảng viên. Ở Nam bộ chỉ còn 5000 đảng viên so với 60,000 trước đó.” (Sách đã dẫn trang 16.)

Nếu không dùng biện pháp mạnh, nếu không bắt người dân phải hy sinh đôi chút tự do, và nếu không dùng biện pháp thuyết phục rằng mình có chính nghĩa còn phe cộng thì không, thì làm sao có được thành quả đó. Nhưng sở dĩ chính quyền Ngô Đình Diệm chống cộng hữu hiệu không phải vì nhờ bạo lực khủng bố, mà nhờ lúc ấy có chính nghĩa. Chính nghĩa đó, một phần nhỏ, nhờ tiếng tăm cá nhân ông Ngô Đình Diệm là người yêu nước, và phần lớn là vì

không còn sự hiện diện của quân đội Pháp, và số cố vấn Mỹ trong những năm đó không đáng kể (chỉ mới có mấy trăm).

Nhưng có một số trí thức miền Nam bị ảnh hưởng của báo chí thiên tả của Mỹ đã tha muốn có thêm đôi chút tự do (ở thành thị) mà mất an ninh ở nông thôn, còn hơn hy sinh đôi chút để diệt khủng bố. Cho nên ngày nay đất nước mới ra nông nổi này, và người dân trong nước thì không có tự do. còn phần đông những nhà trí thức đó thì phải chạy ra ngoại quốc mới có chút không khí tự do mà thở.

Vì vậy, muốn diệt khủng bố thành công, chính phủ, quốc hội và báo giới. nói chung ngành truyền thông Mỹ cần rút kinh nghiệm từ những bài học trong dĩ vãng để cân nhắc và ra những quyết định thích đáng, đừng để thành kiến cá nhân hay ảo tưởng làm mất sáng suốt. Bởi vì những quyết định thiếu sáng suốt trong trường hợp này sẽ có thể dẫn đến đại chiến thế giới trong đó các loại vũ khí hạch tâm. hóa học và vi trùng sẽ không phân biệt kẻ thắng, kẻ bại. Đó sẽ là một cuộc chiến ý thức hệ mới, không phải do cộng sản chủ trương. dựa trên hận thù giai cấp như trước đây, mà do thiếu số cuồng tín chủ trương, dựa trên hận thù chủng tộc, tôn giáo, mặc dù chúng vẫn biết không tôn giáo nào lại dạy hận thù ghen ghét. Đó sẽ là thế chiến IV, bởi vì cuộc chiến tranh gọi là lạnh giữa thế giới tự do và khối cộng đã được nhiều người (trong đó có nhà báo Max Eastman,

giáo sư Robert Strausz- Hupé, đại văn hào giải Nobel Solzhenitsyn và Tổng Thống Nixon) mệnh danh là thế chiến III rồi.

Ấn số đáng sợ nhất trong cuộc chiến này là nước nào (thủ đắc vũ khí hạt nhân) sẽ đứng về phe nào. Mong rằng đại họa thế chiến không xảy ra cho nhân loại trong đầu thiên niên kỷ này.

Nam Cali 01-10-01

11. Hoàng Xuân Hãn đúng hay sai?

Một độc giả trẻ tuổi ở New Jersey gọi điện thoại hỏi tôi: Cụ Hoàng Xuân Hãn đúng hay Minh Võ đúng? Ngạc nhiên về câu hỏi, tôi hỏi lại: Đúng về vấn đề gì mới được chứ?

- Thì trong *Hồ Chí Minh nhận định tổng hợp*, trang 467, ông ghi rõ ràng, cụ Hoàng Xuân Hãn tuyên bố mới đây là Hồ Chí Minh có công lớn trong việc giành độc lập thống nhất cho tổ quốc. Ai đọc cũng phải so sánh Hoàng Xuân Hãn với Minh Võ và đi đến kết luận: Minh Võ dùng uy tín của Hoàng Xuân Hãn để gián tiếp xác nhận Hồ Chí Minh có công trong việc giành độc lập và thống nhất đất nước.

Tôi đã phải mất khá nhiều thì giờ để giải thích lập trường của tôi với anh bạn trẻ. Nhân đây tôi xin mổ xẻ thêm để làm sáng tỏ vấn đề này.

Cụ Hoàng Xuân Hãn hơn tôi gần hai chục tuổi. Cụ nổi tiếng nhờ cuốn tự điển *Danh Từ Khoa Học*, là cuốn sách giúp rất nhiều cho việc giảng dạy khoa học bằng Việt ngữ. Cụ cũng là bộ trưởng Giáo Dục

trong chính phủ Trần Trọng Kim gồm phần đông những nhà trí thức khoa bảng có tiếng cả về kiến văn lẫn tư cách. Gần đây nhà báo Thụy Khuê ở bên Pháp có gặp cụ để trao đổi về một số vấn đề đất nước. Trong cuộc gặp gỡ này mà nguyệt san *Thế Kỷ 21* có đưa lên mặt báo (số 163), Hoàng Xuân Hãn đã nói với Thụy Khuê:

“Xét về Hồ Chí Minh thì phải có lâu năm sau này thì xét mới không thiên lệch. Hiện bây giờ người ta oán nhiều lắm. Nhưng mà nói cái kết quả tức thì bây giờ mà có độc lập, có thống nhất thì cái ấy là cái công của Hồ Chí Minh to lắm.”

Đọc kĩ ba câu nói trên đây, ta thấy có lẽ Thụy Khuê đã thận trọng ghi âm và chép lại đúng từng câu từng chữ của cụ Hoàng. Nó cho thấy cụ già trên chín mươi đã bắt đầu lẩm cẩm mất rồi. Một nhà khoa học, một nhà giáo còn sáng suốt không thể có lối nói luộm thuộm như vậy được. Cả về lời lẫn về ý. Thế nào là *cái kết quả tức thì bây giờ*? Tại sao đã xác định phải lâu năm sau này thì xét mới khỏi thiên lệch. mà lại dám đưa ra một nhận định chắc nịch rằng cái công của Hồ Chí Minh to lắm?

Thường người đời hay dựa vào uy tín, tiếng tăm của người nói để coi trọng lời họ nói. Mà không phân biệt khả năng, uy tín của mỗi người tùy theo từng thời, từng vấn đề. Lịch sử đã cho thấy thành phần chính phủ Trần Trọng Kim gồm phần lớn người tài đức, nhưng họ không phải là những nhà chính trị

có khả năng đương đầu với thời cuộc lúc ấy. Vì vậy những nhận xét có tính chính trị của họ không phải lúc nào cũng chính xác. Hơn nữa ở vào cái tuổi gần đất xa trời, sau khi đã rời xa đất nước ròng rã gần nửa thế kỷ thì những nhận định về những vấn đề tranh cãi thuộc về quá khứ khó mà đúng đắn được.

Nhưng tại sao Minh Võ lại trích dẫn câu nói luộm thuộm và sai lệch của Hoàng Xuân Hãn mà không một lời bình luận? Thắc mắc của độc giả ở New Jersey không phải không có cơ sở.

Nhân đây cũng xin thêm là tác giả *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* không những chỉ trưng dẫn lời của cụ Hoàng Xuân Hãn mà còn trưng dẫn nhiều nhà trí thức, khoa bảng hay học giả tiếng tăm khác cùng nhận xét như cụ Hoàng. Đặc biệt trước đó 4 trang Minh Võ còn trích nhận xét của hai cuốn từ điển bách khoa lớn của Anh và của Mỹ cũng có nhận xét tương tự về Hồ Chí Minh. Tất cả những gì chúng tôi trưng dẫn đều chính xác trên giấy trắng mực đen không thêm bớt, xuyên tạc. Độc giả có thể kiểm chứng bằng cách tìm đọc lại nguyên bản không khó.

Sở dĩ có rất nhiều đoạn được trích dẫn mà không có lời bình luận kèm theo, là vì, một phần chúng tôi muốn cho những ai còn có ý nghĩ sai lầm rằng ngày nay ai cũng biết Hồ Chí Minh như thế nào rồi. Cần gì phải viết dài dòng về ông ta làm gì. Cụ thể là tôi đã nhận được email của ai đó (không cho biết danh tánh và địa chỉ email vì khi hồi âm bị trả lại) chê

Minh Võ giờ này hãy còn mê ngủ đi viết lung tung về tên Hồ tặc.

Người quốc gia, nhất là những nạn nhân cộng sản dưới hình thức này hay hình thức khác thì đương nhiên thấy rõ chân tướng của Hồ Chí Minh. Nhưng con cháu chúng ta không có kinh nghiệm sống, đọc trong sách báo ở các thư viện Mỹ, và nhất là cũng như các bạn đồng trang lứa hiện sống trong nước, sau này chúng được đọc những pho sử “chính thống” viết bởi các sử gia VC, luôn ca tụng HCM là “cha già dân tộc”, là “anh hùng cứu quốc”... chúng sẽ cho là chúng ta không tôn trọng lịch sử, không chịu đọc lịch sử, không biết đến những gì mà chúng được đọc trong sách và nghe qua các giáo sư Mỹ.

Vì thế chúng tôi thấy cần phải nêu rõ cho chúng thấy là chúng tôi cũng được đọc những gì chúng đọc, chúng nghe một cách sai lạc về ông Hồ. Còn việc phản bác những điều sai lạc đó là một vấn đề khó khăn cần đến một pho sách lớn để làm sáng tỏ.

Cũng phải nói rõ rằng nếu dựa vào số lượng những lời khen tiếng chê về nhân vật Hồ Chí Minh được viết ra trên giấy trắng mực đen thì thấy ngay là tiếng khen nhiều hơn tiếng chê. Như vậy đáng lý ra nếu xét theo cách bỏ phiếu thì phải kết luận theo số đông. Nghĩa là ông Hồ là người yêu nước. Nhưng nếu đọc hết cuốn *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* thì độc giả sẽ thấy chúng tôi đã dùng một phương pháp riêng để phản bác tất cả những phán xét của đa

số, kể cả của những từ điển bách khoa danh tiếng, để đưa ra một nhận định tổng hợp hoàn toàn khác.

Ta đã biết, thường từ điển được dùng để tham khảo. như mẫu mực, như một ông thầy. Ngày xưa khi đã nói “magister dixit” (thầy đã nói), giống như “(Khổng) Tử viết”, thì các trò chỉ có vâng theo, không bàn cãi nữa. Và ngay cả thời nay, học trò không biết nghĩa một chữ, mở từ điển ra để tìm nghĩa. Thường thì từ điển gần như không hề sai. Nhưng thực tế trong nhiều trường hợp từ điển đã sai. Nhưng chúng mình từ điển sai là việc khó khăn và nguy hiểm. Chúng tôi đã làm việc đó. Và chỉ duy nhất có một cách là phải đọc toàn bộ tác phẩm gần tám trăm trang này mới thấy được những luận cứ của chúng tôi có tính thuyết phục hay không.

Chúng tôi chỉ xin nói một cách hết sức tóm lược bằng hình tượng. Nhiều sự việc, nếu được đặt vào trong một bối cảnh khác thì sẽ thấy nó khác. Nhận xét một con người dưới một góc độ khác thì sẽ thấy con người đó khác. Sự việc và con người cũng hiện ra khác tùy theo sự chủ quan của người nhận xét. Ví dụ đối với những học giả thiên tả thì ông Hồ là người tốt. Nhưng đối với những người khác thì ông Hồ xấu. Đó là nói một cách hết sức đơn giản. Nếu phân tích kĩ thì còn phải định nghĩa thế nào là thiên tả, tại sao họ thiên tả v.v...

Đến đây thì không thể không nói về phương pháp của chúng tôi. Chúng tôi đã không những đặt ông

Hồ và hành động của ông vào trong nhiều bối cảnh khác nhau để quan sát, mà còn đặt ông ta vào trong cái gọi là “quỹ đạo” chiến tranh ý thức hệ để đánh giá. Hai chữ “*bối cảnh*”. (background) thường cho chúng ta một hình ảnh tĩnh (tuy đôi khi ta có thể di động bối cảnh). *Quỹ đạo* (orbit), một từ bắt nguồn từ khoa thiên văn, luôn luôn cho chúng ta một hình ảnh động. Tại sao chúng tôi lại phải đặt ông Hồ vào trong “quỹ đạo” chiến tranh ý thức hệ? Bởi vì ông Hồ là người cộng sản, mà chủ nghĩa cộng sản của Mác và Lê- nin là một ý thức hệ sinh động. dựa trên nền duy vật biện chứng theo đó “*vạn vật luôn luôn chuyển biến, không có gì cố định, không có gì bất di bất dịch, không có gì bất khả xâm phạm, không có gì tuyệt đối.*” Tất cả lý thuyết về nhân sinh quan, vũ trụ quan, về lịch sử, về chiến tranh, về chiến lược, sách lược đấu tranh, về thù về bạn đều đặt nền tảng trên quan niệm duy vật biện chứng này. Cho nên nếu chỉ đặt ông Hồ vào trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam thì rất khó chứng minh ông ta không có công trong việc giành độc lập cho tổ quốc.

Một số luật gia đã đưa ra lập luận về pháp lý để cho rằng ông Hồ chẳng có công gì trong việc giành độc lập, vì người Pháp đã trao trả độc lập cho VN bằng hiệp ước Élysée ký kết giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại ngày 8 tháng 3 năm 1949, và sau đó đến đầu năm 1950

(mồng 2 tháng 2) chính Quốc Hội Pháp cũng đã phê chuẩn rồi. Như vậy là ta đã độc lập từ đó. Đâu cần tới cuộc chiến tranh mà ông Hồ chủ trương và lãnh đạo sau thời điểm đó? Cũng có người khác còn nói: Việt Nam đã độc lập từ tháng 3 năm 1945. Hoàng đế Bảo Đại đã ra tuyên cáo độc lập và bãi bỏ tất cả các hiệp ước mà các tiên đế đã ký với Pháp thừa nhận nền độc lập của Pháp ở Nam Kỳ cũng như Trung và Bắc Kỳ.

Đó là về pháp lý, về lịch sử nhiều người, trong số đó có lẽ luật sư Nguyễn Văn Chúc là người đầu tiên nêu sự kiện ba chục nước Á Phi đã giành được độc lập mà không phải chiến tranh gian khổ, hoặc chỉ phải tranh đấu trong một thời gian vắn. Là vì sau thế chiến II đa số các đế quốc Tây Phương chịu ảnh hưởng của một chính sách mới của Hoa Kỳ đã không còn cố bám lấy những thuộc địa nữa.

Nhưng chẳng những các sử gia CS, mà phần đông các sử gia và học giả Tây phương (như chúng tôi đã trình bày trong tác phẩm) đã nhận định rằng: Nền độc lập do hiệp ước Élysée dù đã được quốc hội Pháp phê chuẩn, vẫn chỉ là một nền độc lập trên pháp lý, hay đúng ra chỉ có trên giấy tờ. Bằng chứng mà họ đưa ra. xem bề ngoài rất hữu lý, là sự hiện diện của quân đội Pháp được chỉ huy bởi những tướng lĩnh lừng danh của Pháp cỡ De Lattre De Tassigny đã không ngừng bắn phá đất nước Việt Nam, giết hại nhân dân Việt Nam. Quân đội Việt Minh tuy bị

giết hại vô số kẻ, nhưng cũng đã không ngừng tuyên truyền là họ cũng đã giết hay bắt sống không biết bao lính Pháp hay Lê Dương của Pháp. Nếu Pháp đã thực sự trao trả độc lập cho Việt Nam qua Quốc Trưởng Bảo Đại, thì tại sao không trao quyền lãnh đạo quân đội cho người Việt Nam để chống Việt Cộng?

Còn về nền độc lập thu nhận từ tay quân Nhật. thì họ cho rằng đó chỉ là bánh vẽ, vì quân Nhật không bao giờ thành thực muốn trao trả độc lập thật sự cho Việt Nam. Hơn nữa chỉ vài tháng sau khi được thành lập, chính phủ Trần Trọng Kim đã từ chức vì thấy mình bất lực. Và lúc đó là lúc Việt Minh do Hồ Chí Minh thành lập đứng ra đảm đương việc trị nước. Và chính Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên cáo Việt Nam độc lập trước dư luận quốc tế ngày 2-9-1945. Và sự kiện này đã được ghi nhận trong các sử liệu quốc tế. Sau đó Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân đội Pháp vì Pháp đã không tôn trọng nền độc lập của Việt Nam. Và nhờ khoa tuyên truyền, Việt Minh đã chứng tỏ cho thế giới thấy là họ thắng quân Pháp xâm lược.

Đến như việc ba chục quốc gia thu hồi nền độc lập một cách dễ dàng thì những sử gia VC và phần đông các sử gia thế giới cho rằng đó là do ảnh hưởng của cách mạng tháng tám ở Việt Nam và do trận Điện Biên Phủ đã bắt buộc các đế quốc phải chùn bước mà miễn cưỡng trao trả độc lập cho họ. Như

vậy VC càng có cơ để khoe khoang rằng nhờ có họ đi đầu tranh đấu bằng mọi biện pháp gian khổ, nên đã mở ra con đường sáng cho các thuộc địa khác ở châu Á và châu Phi. Họ cũng nêu sự kiện đáng chú ý là hầu hết các thuộc địa của Pháp chỉ được độc lập sau trận Điện Biên Phủ. Nghĩa là nếu Pháp không bị Việt Minh đánh bại thì Pháp còn ngoan cố chưa chịu trả độc lập cho những thuộc địa của mình như Algeria. Maroc. Tunisie. Madagascar, v.v. đầu.

Những luận cứ trên của phe cộng và của một số đông tác gia ngoại quốc, mà chúng tôi được đọc trong sách, cho thấy nếu ta chỉ xét các sự kiện lịch sử, và dựa vào các văn kiện pháp lý thì không đủ để thuyết phục các sử gia và các nhà khoa bảng thế giới rằng Hồ Chí Minh không phải là người có công giành độc lập cho tổ quốc Việt Nam. Và như một hệ luận, cũng không đủ để thuyết phục bạn đọc trẻ Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Chính vì lý do đó mà chúng tôi đã phải đặt Hồ Chí Minh và cuộc chiến mà ông ta chủ xướng và lãnh đạo vào trong “quỹ đạo” chiến tranh ý thức hệ, để xem xét và chứng minh một cách thỏa đáng. Có điều việc làm này rất nhiều khi phức tạp. Nó đòi phải trình bày lại những kiến thức về chủ nghĩa cộng sản là cái gì đó đã lỗi thời ngày nay ít người còn chú ý, nên rất khô khan. Nhưng đó là việc chúng tôi đã bó buộc phải làm, vì nghĩ rằng chỉ bằng phương pháp

này chúng ta mới lòi được ông Hồ ra khỏi cái hào quang ái quốc, ái quần mà thủ hạ và những sử gia thiên tả đã tạo chung quanh đầu ông ta. Mong rằng trong khi đọc cuốn *Hồ Chi Minh Nhận Định Tổng Hợp* bạn đọc sẽ có thể đồng ý với người viết.

San Diego 20-2-2004

12. Một thể chiến lược toàn cầu mới đã lộ dạng

Trong các cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê. Phán Tình Phản Kháng Thực Hay Hư*, rồi *Tâm Sự Nước Non*, đã nhiều lần tôi nói đến thể chiến 3 để nói về cuộc chiến tranh “lạnh” giữa khối cộng và thế giới tự do.¹ Bởi vì thực sự nó là một thứ chiến tranh thế giới. Chỉ có điều vũ khí do phía cộng sản dùng để tấn công thế giới tự do lúc ấy không phải là vũ khí cổ điển thông thường như trong hai cuộc thể chiến trước. Khi cuộc khủng bố đại quy mô dưới hình thức tối tân về kỹ thuật thực hiện vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, tôi đã viết một bài dài đăng liên

¹ Cuốn *NĐDLKTC* xuất bản tháng 5-1998, tái bản tháng 10 cùng năm, in lần thứ 3 năm 2002. Cuốn *PTPKTHH* xuất bản năm 1999. Cuốn *TSNN* xuất bản năm 2002. Trong những cuốn sách này tôi đã trưng dẫn giáo sư Strausz-Hupé và 3 đồng tác giả cuốn *Protracted Conflict*, nhà báo Max Eastman, và nhà văn Nga giải Nobel về Hòa Bình Alexander Solzhenitsyn là 3 người đã minh thị gọi cuộc chiến tranh “lạnh” giữa hai khối Đông Tây ở thế kỷ 20 là “thể chiến III”.

tiếp 2 kỳ trên *Văn Nghệ Tiền Phong* liền sau đó nhan đề “*Khủng bố 911*”, trong đó tôi nói đến triển vọng sẽ xảy ra thế chiến 4. Và tôi mong các nhà lãnh đạo Tây Phương sẽ đặt nặng hơn nữa vấn đề tuyên truyền, tình báo, chứ đừng chỉ chú trọng đến mặt thuần túy quân sự. Nếu không sẽ khó tránh việc sa lầy như trong chiến tranh Việt Nam.

Những biện pháp mạnh và chớp nhoáng được quân đội Hoa Kỳ và đồng minh áp dụng trong hai cuộc chiến A Phú Hãn và Iraq ban đầu đã tỏ ra hữu hiệu, nhất là tại A Phú Hãn. Đồng thời công tác tuyên truyền tình báo và tài chánh, ngoại giao vẫn vẫn cũng được chú ý nhiều. Nhưng xem ra vẫn chưa đủ, nếu so với các biện pháp quân sự. Tình hình khủng bố tiếp tục gia tăng tại Iraq hiện nay khiến các chiến lược gia Tây Phương phải suy nghĩ.

Đặc biệt là hai cuộc đánh bom tự sát tại Istanbul trong tuần qua khiến trên năm chục người chết và gần một nghìn người bị thương đã cho thấy lộ dạng một thể chiến lược mới của “quân khủng bố”. Cái gọi là quân khủng bố trong ngoặc kép này có phải chỉ là một bọn lưu manh, côn đồ nhằm giết người bừa bãi để khủng bố mà thôi không? Hay đây là cả một tổ chức chiến tranh có chiến lược sách lược hẳn hoi, nhằm những mục tiêu lâu dài theo một lý tưởng xã hội hay tôn giáo mà chúng ta không thể coi thường?

Cuộc tấn công đầu xảy ra ngày thứ bảy 16 tháng 11- 2003, nhắm vào những thánh đường Do Thái

Giáo (synagogues). Chỉ 5 ngày sau, vào ngày thứ năm. 20-11- 2003, một cuộc tấn công khác với những phương tiện tương tự và hình thức tương tự nhắm vào tòa lãnh sự Anh và một ngân hàng của người Anh.

Ta hãy chú ý tới hai sự kiện: Thứ nhất. cuộc tấn công xảy ra trên đất nước Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey), là một nước Hồi Giáo thân Tây Phương. Thổ cũng là nước Hồi Giáo duy nhất có chân trong tổ chức Hiệp Ước Liên Phòng Bắc Đại Tây Dương (NATO). Thứ hai, cuộc tấn công nhắm vào cộng đồng Do Thái và chính phủ Anh Quốc, là hai đồng minh gắn bó nhất với Hoa Kỳ.

Suy nghĩ một chút ta thấy ngay kẻ chủ trương nhắm chia rẽ khối liên minh, nếu không thì cũng làm cho nhân dân các nước này nhất là Thổ và Anh cảm thấy đứng chung với Hoa Kỳ trong lúc này là bất lợi và nguy hiểm. Có lẽ vì ý thức được tác dụng bất lợi đó nên các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, Anh và Thổ đều đã lên tiếng bày tỏ quyết tâm tiếp tục hợp tác và yểm trợ lẫn nhau trong cuộc chiến chống khủng bố. Ngay sáng hôm thứ sáu, Tổng Thống Bush trên đường từ Luân Đôn lên vùng Đông Bắc Anh quốc, đã gọi điện thoại cho thủ tướng Thổ Recep Tayyip Erdogan nói chuyện trong 7 phút. Theo phát ngôn viên tòa Bạch Ốc Sean McCormack thì hai nhà lãnh đạo Mỹ Thổ đã xác quyết một lần nữa là sẽ sát cánh bên nhau trong cùng một lập trường. Cùng

ngày ngoại trưởng Anh Jack Straw đã tới Istanbul hội đàm với ngoại trưởng Thổ Adullah Gul và trong cuộc họp báo chung đã tuyên bố: Những cuộc tấn công này nhắm thẳng vào nhân dân Thổ cũng như những quyền lợi của Anh Quốc.

Nhưng nhân dân Thổ thì sao? Hãy nghe một vài người phát biểu nhân hai cuộc tấn công này. Cô Zehra Toprakceker, 24 tuổi, khóc người bạn chết trong vụ tấn công vào tòa lãnh sự Anh đã nói: *“Chính Mỹ đã khởi đầu mọi chuyện!”* Và trong đám tang của một nạn nhân, một người đàn ông để râu xồm nói: *“Chúng tôi trả giá cho quyền lợi của ngoại bang”*.

Chính ra không nên trưng dẫn hai câu nói của người dân Thổ trong bài này. Nhưng chúng tôi chỉ trích dịch lại lời của nhà báo Mỹ Craig S. Smith của tờ Nữ Ước Thời Báo. Tại sao lại nói không nên trích lại hai câu nói này? Vì nó có tác dụng phản tuyên truyền rất lớn. Người dân Mỹ sẽ vin vào những lời phát biểu đó để có thái độ tiêu cực đối với chiến tranh chống khủng bố. Tôi không biết rõ lập trường của ký giả này ra sao, và khi ông lấy tin, ông có gặp người dân Thổ nào phát biểu ý kiến hận thù bọn khủng bố hay không. Tôi nghĩ là thế nào cũng có. Thế thì tại sao không trích dẫn những câu thuận lợi cho cuộc chiến, thay vì hai câu bất lợi này. Phải chăng tác giả bài báo muốn gián tiếp lên án chính quyền Bush đã lật đổ Saddam Hussein để đưa tới cuộc chiến dai dẳng này?

Thực ra trong hàng chục vụ tấn công bằng bom tự sát của quân khủng bố tại Iraq trong 6 tháng qua, kể từ ngày Tổng Thống Bush tuyên bố cuộc chiến Iraq đã hoàn tất tốt đẹp vẫn thường có những lời phát biểu của người dân Iraq một cách giống như dân Thổ, được các phóng viên trích dẫn đưa lên mặt báo, khiến người đọc lấy làm e ngại.

Dù muốn dù không thì các giới chức quân sự nhất là bộ Quốc Phòng không thể nào làm ngơ trước sự việc trên. Liền sau 4 vụ đặt bom tự sát tại Istanbul tuần qua, hôm thứ sáu 21-11-03 một giới chức quân sự đã cho biết là bộ Quốc Phòng trù tính sẽ phải giữ mức 100,000 binh sĩ Mỹ tại Iraq cho đến tháng 3 năm 2006.

Đồng thời thứ trưởng Quốc Phòng đặc trách về tình báo cũng công nhận là ngành này thực có “hơi thiếu người”.

Lời xác nhận trên đã phần nào cho thấy nguyên nhân của tình hình bất ổn kéo dài. Nó cũng cho thấy một khía cạnh khác của cuộc chiến, phức tạp hơn các nhà quân sự thường nghĩ lúc đầu.

Nhưng thú nhận tình báo yếu kém mà thôi chưa đủ. Cần phải nêu lên và nhấn mạnh về sự thiếu vắng một kế hoạch tuyên truyền sâu rộng trong dân chúng, trong các cộng đồng người Ả Rập trên khắp thế giới. Vì rõ ràng “quân khủng bố” đã nhân danh chủng tộc Ả Rập và đạo Hồi để tấn công vào cái mà chúng gọi là “tập đoàn vô đạo Thiên Chúa Giáo” hay

Ki Tô Giáo do Anh Mỹ đứng đầu. Chúng kêu gọi thánh chiến để tiêu diệt kẻ thù của đấng Allah.

Nhìn vào những sự kiện trên và xem xét lập luận của những tổ chức quá khích từng ủng hộ al-Queda, bin Laden và Hussein, chúng ta không khỏi nghĩ cuộc chiến này cũng là một cuộc chiến ý thức hệ gần giống như cuộc chiến của Cộng Sản trong gần một thế kỷ trước.

Do đó, nếu Cộng Sản ban đầu đã thắng bằng các phương tiện và thể thức phi quân sự (như tình báo gián điệp, khuynh đảo, nhất là bằng tuyên truyền), và cuối cùng bị tiêu diệt bởi những chiến lược sách lược phi quân sự và tâm lý chiến như đã diễn ra tại Ba Lan cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, thì ngày nay những biện pháp phi quân sự và nhất là tuyên truyền cũng phải vận dụng tối đa mới mong kết quả mỹ mãn.

Vậy thì nhìn nhận thiếu người trong ngành tình báo thôi chưa đủ. Phải nhìn ra một thiếu sót quan trọng hơn là đoàn quân tâm lý chiến. Và nhất là một kế hoạch cụ thể được soạn thảo dưới con mắt của các chiến lược gia và các nhà sách lược tâm lý chiến. Làm sao nói hết được nhu cầu về mặt này, khi mà cuộc chiến đã hiện lên rõ rệt là một cuộc chiến tranh ý thức hệ?

Hãy chỉ nêu hết sức vắn tắt vài nét đại cương về vấn đề này. Cần có rất nhiều người nói thông thạo các tiếng Ả Rập biết nhiều về kỹ thuật tuyên truyền,

đồng thời am hiểu phong tục tập quán từng sắc dân trong vùng, nhất là am tường về đạo Hồi. Phải tung rất nhiều tiền hầu nắm được một số đài và báo bằng tiếng Ả Rập, ngõ hầu giải thích cho nhân dân các nước Ả Rập và Hồi Giáo thấy mục tiêu của cuộc chiến chống khủng bố. Bằng mọi cách phân biệt tôn giáo (Hồi Giáo) với sự cuồng tín bạo động mà không một tôn giáo nào chủ trương vân vân...

Bài học Việt Nam cho thấy chính nhờ tuyên truyền có kế hoạch, kỹ thuật và nghệ thuật mà Hồ Chí Minh đã biến cuộc chiến phi nghĩa của một đảng cộng sản theo Nga, Tầu thành ra một cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam. Và cuối cùng đã thắng vì tuyên truyền và vì đối phương coi nhẹ tuyên truyền, để cho ngành truyền thông của mình tự biến thành quân đánh thuê cho Việt Cộng. Để rồi cho đến ngày nay Hồ Chí Minh được một bộ phận nhân dân VN và đa số dư luận thế giới ca ngợi là nhà ái quốc vĩ đại, là “Cha già dân tộc”.

Muốn nhìn rõ khía cạnh bi đát này, không thể chỉ bằng vài trang báo như thế này mà phải nghiên cứu sâu rộng hơn về nghệ thuật tuyên truyền cộng sản. Một số chương trong cuốn *Tâm Sự Nước Non* của Minh Võ xuất bản năm 2002, và tác phẩm *Hồ Chí Minh Nhận Định Tổng Hợp* xuất bản cuối năm 2003 đã cố phân tích một số khía cạnh liên quan đến vấn đề đó. Những ai quan tâm đến cuộc chiến hiện nay tại Iraq, và rộng hơn tại Trung Đông có thể tìm đọc

hai cuốn sách trên. để so sánh thể chiến III và khả năng có thể có một thể chiến IV.²

San Diego ngày 22-11-2003

² Về kế hoạch phi quân sự mà chính quyền Cộng Hòa Mỹ áp dụng tại Ba Lan với sự yểm trợ và tiếp tay của Vatican, nhằm đánh đổ đế quốc Liên Xô vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 thế kỷ trước đã được mô tả trong chương 10, cuốn *Tâm Sự Nước Non, Ai Giết Hồ Chí Minh?* Vấn đề kỹ thuật và nghệ thuật tuyên truyền của CS đã được bàn qua trong hai chương 6 và 7 của cuốn sách trên.

13. Bầu cử ở Iraq và Phiếu Trắng

Cuộc bầu cử tại Iraq (I-rắc) đã diễn ra tốt đẹp, bất chấp mọi đe dọa khủng bố và chết chóc ngay tại một số phòng phiếu. Tổng Thống George W. Bush: “Thành công.” Tân Ngoại Trưởng Mỹ Condoleezza Rice: “Hơn sự mong đợi. Cứ nhìn vào đám dân chúng Iraq xếp hàng dài thẳng tắp, nam một bên, nữ một bên, nét mặt hân hoan chờ đợi trong trật tự để vào phòng phiếu khán thính giả các đài truyền hình đã có cảm tình rồi. Lại còn những cụ già tóc bạc phơ chống gậy, thiếu phụ duyên dáng công con đi bỏ phiếu, hay những phé nhân ngồi xe lăn, chống nạng từ từ tiến lên, sau khi đã đi bộ một quãng đường xa, có khi cả một dặm đường.

Các nhà quan sát và giới truyền thông ước lượng có trên 50% cử tri đã đi bầu, mặc dù trước đó ít ngày chiến quân đã đe dọa sẽ cắt cổ những người đi bỏ phiếu. Và ngay trong ngày bầu cử cũng có ít là 44 người chết do các cuộc tấn công của bọn chiến loạn. Chắc còn phải mấy ngày nữa mới có kết quả

chính thức, nhưng liền sau ngày bầu cử nhiều đoàn thể đã ăn mừng chiến thắng. Hàng ngàn người đã biểu tình mang theo quốc kỳ và hình ảnh của lãnh tụ nhảy múa ca hát ngoài công lộ để biểu lộ sự vui mừng hân hoan. Nhiều cử tri đã phát biểu trước ống kính truyền hình rằng đây là ngày hạnh phúc nhất trong đời của họ.

Phản ứng của thế giới, tuy ở một vài nơi còn dè dặt, và mặc dầu chính Tổng Thống Bush cũng cảnh cáo là sau bầu cử thành công sẽ còn là những thử thách nghiêm trọng, nhưng một cách đại thể có thể nói là tình hình hứa hẹn rất nhiều.

Phần lớn báo chí Việt ngữ tại hải ngoại đã bày tỏ sự vui mừng vì Tự Do và Dân Chủ đã thắng tại một nước đã sống trong nô lệ và khiếp sợ trên một nửa thế kỷ. Và nếu kể cả Afghanistan, thì trong vòng 2 năm chẳng những phụ nữ được giải phóng mà hai dân tộc Hồi Giáo đã được tự do.

Nhiều người tin tưởng lạc quan cho rằng Việt Nam rồi cũng phải được như thế. Nhưng cũng không ít người tự hỏi: Người ta thì như thế, còn ta? Tại sao cho đến giờ này trên 80 triệu người dân Việt vẫn chi biết đi bầu cho những kẻ đảng CS cử ra? Bao giờ dân ta mới được tự do ứng cử, tự do bầu cử?

Chúng ta đã được nghe nhiều nhà tranh đấu cho nhân quyền và “dân chủ đa nguyên” khẳng định hơn một lần rằng dân chủ là xu thế tất yếu của thời đại, trước sau gì nước ta sẽ có. Nhưng cũng không thiếu

người dè dặt nghĩ khác. Cái gì cũng có cái giá phải trả. Nền dân chủ của Afganistan và Iraq, hay cả của Ukraine mới đây là kết quả của một cuộc đấu tranh gian khổ và hai nước Hồi Giáo đã phải trả bằng máu. Hoa Kỳ cũng mất một ngàn bốn trăm người chết, nguyên tại Iraq trong gần hai năm qua. Tổng thống Bush trong diễn văn tình trạng Liên Bang đã nhận định rằng cuộc bỏ phiếu thành công không phải chỉ vì người dân Iraq có ý thức trách nhiệm công dân mà còn biểu lộ sự dũng cảm dân tộc. Liệu dân tộc Việt Nam dưới chế độ CS hiện nay có đủ dũng khí như nhân dân Iraq để không bỏ phiếu cho những đảng viên CS trong các cuộc bầu cử theo kiểu “đảng cử, dân bầu” không? Thực tế trong các cuộc bầu cử trước đây trả lời là không. Nếu đại đa số dân không đi bỏ phiếu để phản đối lối cai trị độc đoán, dân chủ trá hình, thì đảng CS có gián tiếp bị đuổi khỏi chính quyền không. Bằng không nếu dân vẫn ngoan ngoãn nghe theo lời tuyên truyền của nhà cầm quyền CS dẫn thân đến các phòng phiếu để bầu cho những cán bộ CS thì ta phải hiểu thế nào về “kết quả” của một cuộc tranh đấu gọi là vì tự do dân chủ, vì dân chủ đa nguyên của cộng đồng VN ở hải ngoại.

Nếu chúng ta chỉ hô hào và ra tuyên cáo tại hải ngoại đòi nhân quyền, đòi tự do dân chủ, hay chỉ biểu tình ở ngoài nước chống đối chế độ độc tài tham nhũng ở trong nước, mà những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do trong nước không ai dám

nói động đến thần tượng Hồ Chí Minh, trừ Phương Nam Đỗ Nam Hải gần đây? Nếu chúng ta chỉ nhắm tấn công những tép riu như Trần Văn Thủy, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, mà vẫn để nguyên hay kính nể Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và không biết cách, không dùng mọi cách để truyền đạt về trong nước những thông điệp mạnh mẽ đánh thép để lột tai đa số nhân dân trong nước, thì bao giờ mới có được một cuộc bầu cử tự do cho dân tộc ta?

Xin bạn đọc đừng bảo chúng tôi cổ vũ cho một cuộc tấn công VN bằng bạo lực giống như chiến dịch Tự Do cho Iraq mà Tổng Thống Bush đã thực hiện bất chấp dư luận đa số các nước đồng minh, bất chấp sự phản đối của đảng đối lập, và cả của Liên Hiệp Quốc.

Trái lại, khi đem so sánh tình hình hai nước, chúng tôi đã nhằm mục đích nêu lên sự khác biệt nhiều hơn sự tương đồng. Chính sự khác biệt này không cho phép một biện pháp bạo lực.

Tại Iraq Mỹ đã thắng dễ dàng nhanh chóng trong chiến dịch “Bão Sa Mạc” đầu thập niên 90, thế kỷ trước. Tại Việt Nam, với 10 năm chiến tranh, với 58,000 binh sĩ tử trận, Mỹ đã thua, phải cố gắng lắm mới rút chân ra khỏi vũng lầy, để rồi mang “hội chứng Việt Nam”.

Iraq đã tàn sát phe đối lập thuộc giáo phái Shi-a (Shia Islam¹) và dân tộc ít người Kurd một cách dã

¹ Tín đồ của giáo phái này được gọi là Shi-ai (Shi'ites hoặc Shias)

man. Nhà độc tài sắt máu Saddam Hussein đã bất chấp lệnh LHQ, làm khó dễ các phái đoàn thanh sát vũ khí sau khi thất trận và rút khỏi Kuwait. Có những tin tình báo (mặc dầu có người cho rằng tin tức không chính xác) khẳng định Saddam có sản xuất và tàng trữ những vũ khí giết người hàng loạt, như vũ khí hóa học, bom vi trùng... Trong khi tại Việt Nam từ sau 1975, tuy CS áp dụng một chế độ độc tài hà khắc, đàn áp các người chống đối, hạn chế các quyền tự do dân sự; tôn giáo chỉ có cái vẻ sấm uất bên ngoài, còn bên trong là o ép, cấm đoán, cái gì cũng phải xin phép; tuy nhiên không có những vụ tàn sát giáo sĩ giáo dân, không có những vụ thủ tiêu đối lập một cách trắng trợn. Việt Nam CS cũng không dám có chương trình sản xuất vũ khí hóa học hay hạch tâm như Bắc Hàn, Iran, Iraq.

Hàng chục năm nay Iraq luôn ở trong tình trạng căng thẳng về chính trị, ngoại giao với Hoa Kỳ. Còn Việt Nam CS kể từ 1995 đã có một tương quan khá tốt đẹp với Hoa Kỳ.

Đặc biệt là Hoa Kỳ xem ra còn muốn phát triển mối bang giao này thêm nữa để dùng Việt Nam như một lá bài chơi với Trung Cộng.

Và còn nhiều khác biệt nữa, khiến Mỹ không thể nào lại có ý đồ dùng vũ lực đối với VNCS vào lúc này.

Đó là về phía Mỹ. Về phía người Việt hải ngoại cũng như nhân dân trong nước, hiện nay không có gì cho phép nghĩ đến một cuộc nổi dậy vũ trang.

Các nỗ lực về mặt này trong cộng đồng người Việt hải ngoại từ gần ba chục năm qua đã chứng tỏ là bất khả thi.

Nhân dân trong nước cũng đã quá mệt mỏi và chán ghét chiến tranh, chỉ muốn được yên ổn làm ăn. Giới trẻ là thành phần năng động nhất trong xã hội hiện nay cũng chỉ ham chơi, phó mặc cho vận nước. Chỉ có một số ít có thể đếm trên đầu ngón tay dám cam đảm lên tiếng phê bình chỉ trích nhà cầm quyền thì đều bị khóa miệng một cách dễ dàng bằng tù tội hay đe dọa.

Về phía nhà cầm quyền, một mặt vẫn cứng rắn nếu không nói là tàn nhẫn đối với mọi thái độ hay hành động chống đối. Nhưng mặt khác cũng cố gắng chứng minh với dư luận thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ rằng họ tôn trọng nhân quyền, và không chuyên quyền độc đoán. Tất nhiên những nỗ lực này không phải lúc nào cũng thành công. Các biện pháp thắt chặt trước đây đã bắt đầu có dấu hiệu nới lỏng. Một số việc cụ thể gần đây nhất chứng tỏ điều đó. Bỗng dưng ông Nguyễn Cao Kỳ, rồi phái đoàn gần 200 tăng ni và Phật tử của thiền sư Thích Nhất Hạnh được cho phép về nước. Bốn nhân vật bất đồng chính kiến nổi tiếng là linh mục Nguyễn Văn Lý, thượng tọa Thích Thiện Minh (trẻ), giáo sư Nguyễn Đình Huy và bác sĩ Nguyễn Đan Quế được “phóng thích” trong dịp Tết. Tất cả những hành động đó cho thấy VNCS đang muốn làm giảm áp lực của Hoa Kỳ đối với họ.

Họ đang muốn vào tổ chức mậu dịch thế giới, họ đang sợ bị Hoa Kỳ liệt vào một trong những nước đáng quan ngại.

Việt cộng thường nổi tiếng về chiến thuật “Mềm nắn, rắn buông” và “lựa gió phất cờ”. Họ tự biết mình đang lâm vào thế yếu, vì nạn tham nhũng hoành hành vô phương cứu vãn, vì các cuộc đấu đá kịch liệt giữa hàng ngũ lãnh đạo cũng vô phương giải quyết, nên đành xuống nước, nhượng bộ ở những điểm mà họ thấy không nguy hại lắm. Chính đó là những cái nấp an toàn đã được hé mở cho nội áp suất khỏi nổ tung.

Trong tình hình đó. Những nhà đấu tranh cho tự do dân chủ chỉ còn có cách dùng phương pháp đấu tranh bất bạo động: dùng chính trị, ngoại giao, nhất là tuyên truyền, là vũ khí ruột của chính Việt Cộng để tấn công Việt cộng theo thuật “gậy bà đập lưng bà”.

Giờ đây, cần dùng kỹ thuật tân tiến của truyền thông đại chúng đánh thẳng vào những điểm chiến lược nhạy cảm nhất, dễ bị thương tổn nhất của VC như thần tượng Hồ Chí Minh. Cần đánh tan những thành kiến sai lầm của một số lớn dân chúng Mỹ. Họ thường nghĩ rằng Hồ Chí Minh là người yêu nước. cho nên cuộc chiến của Mỹ trước đây đã là cuộc chiến phi nghĩa. Họ lầm tưởng rằng dân tộc VN chỉ kháng chiến để bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chỉ khi nào chúng ta làm được cho dư luận quốc tế thay đổi

một cách thuận lợi và dân chúng trong nước tỉnh ngộ, thì lúc ấy họ mới can đảm đứng lên chống cộng bằng một hành động rất đơn sơ giản dị, nhưng cũng vô cùng hữu hiệu là bằng phiếu trắng đánh đổ bạo quyền CS.

Nói đến phiếu trắng, chúng tôi muốn liên hệ đến cuộc bầu cử anh dũng của nhân dân Iraq. Họ đi bầu trong không khí chiến tranh, trong khi bị phe chống đối đe dọa tính mạng. Lá phiếu của họ là lá phiếu tán thành nền dân chủ tự do sau hơn nửa thế kỷ sống trong độc tài tàn ác. Còn nhân dân VN ngày nay, bằng hành động tẩy chay tập thể, không thèm đi bầu theo lối “đảng cử dân bầu”. Chính sự tẩy chay anh dũng này là những lá phiếu trắng sẽ có khả năng đánh sập một chế độ.

Nói đến phiếu trắng chúng tôi cũng liên tưởng đến huyền thoại bỏ phiếu bằng chân trong những cuộc di cư vĩ đại vào những năm 1954 và 1975 và những năm tiếp theo sau này.

Bỏ phiếu bằng chân đòi hỏi dũng cảm và tính mạo hiểm hoặc lòng tin tuyệt đối vào định mệnh cũng giống như bỏ phiếu trong khủng bố đe dọa tính mạng của người Iraq. Cả hai hình thức này đều đòi hỏi lòng dũng cảm vô song.

Trong tình hình đất nước hiện nay, bao giờ nhân dân trong nước mới có cái dũng khí ấy? Bao giờ cử tri mới ý thức được đường lối đấu tranh bất bạo động rất hữu hiệu là tẩy chay các cuộc bầu cử theo

kiểu “đảng cử dân bầu” phi dân chủ hiện nay. Bao giờ tuyệt đại đa số cử tri dám dùng tới phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ (cổ tình) để nói lên sự chống đối cộng sản độc tài? Đó là câu hỏi mà những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do hay các tổ chức chính trị có cao vọng giải thể chế độ hiện nay trong nước nên tìm cách trả lời bằng những hành động cụ thể nhắm vào quần chúng trong nước hơn là chỉ bằng tuyên cáo với đại hội suông ở hải ngoại.

Lần đầu nghe nói đến hình thức đấu tranh hơi lạ tai này, rất có thể nhiều người cho là viễn vông, không thực tế. Nhưng nếu cộng đồng người Việt Quốc Gia thống nhất được tổ chức, tập trung được nhân lực vật lực và tài nguyên thì đó không phải là điều bất khả thi. Chỉ cần vài trăm chuyên viên điện toán có ý thức chính trị và am hiểu về phương pháp tuyên truyền ta sẽ có thể tranh đấu đòi tự do báo chí trong nước, đòi các ấn phẩm của người Việt được tự do nhập vào trong nước, và bằng mọi cách phóng về nước những tên lửa vô hình nhắm thẳng vào các nhược điểm và yếu điểm chiến lược của CS về làm phụt cháy lò lửa bất mãn, chống đối của nhân dân. Bằng điện thư, các trang nhà điện toán và các đài phát thanh ta sẽ thay đổi được tâm lý thụ động, cầu an của giới trẻ. Và khi mà giới trẻ đã đứng lên hàng trăm, hàng ngàn, chục ngàn thì một mối lửa cũng đủ phát sinh đám cháy lớn. Khi đó việc vận động cho cử tri bỏ phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ, hay tẩy chay các

cuộc bầu cử sẽ không phải là chuyện khó. Dĩ nhiên phải có thời gian (mau chóng tùy sự hưởng ứng của nhân dân trong nước) và kỹ thuật, nghệ thuật tuyên truyền cao, được “phối khí” theo luật “giao hưởng”. Lúc đó nhà cầm quyền CS sẽ vô phương chống đỡ.

Nhân cuộc bầu cử tại Iraq thắng lợi, nêu lên biện pháp PHIẾU TRẮNG chúng tôi chỉ có tham vọng kéo chú ý độc giả tới một hình thức đấu tranh bất bạo động, trong nhiều hình thức khác. Mong được sự phê bình góp ý của độc giả.

Miễn Nam Cali ngày 3 tháng 2 năm 2005

Chú thích:

Hơn 4 tháng sau khi bài này được phổ biến khá rộng rãi, từ trong nước đã có đáp ứng của 4 vị linh mục Công Giáo (Chân Tín, Phan Văn Lợi, Nguyễn Văn Giải và Nguyễn Văn Lý) đồng thanh lên tiếng kêu gọi tẩy chay cuộc bầu cử sắp tới của năm 2007.

14. Một cơ hội bằng vàng

Trong lịch sử tư pháp chưa hề có ghi một trường hợp nào mà tại tòa án bị cáo bị nhân viên an ninh nhà nước bịt miệng trước ống kính của các nhà quan sát quốc tế. Nhưng việc đó đã xảy ra tại tòa án của Cộng Sản Việt Nam. Tẩm hình linh mục Nguyễn Văn Lý bị một công an viên lực lưỡng mặc thường phục, đứng ngay đằng sau, dùng bàn tay hộ pháp bịt miệng ông đã làm thế giới kinh ngạc.

Hành động nói trên không chỉ chứng tỏ Cộng Sản sợ tiếng nói “đả đảo Cộng Sản” của linh mục Lý trước tòa. Nó còn là phiên bản của một hình ảnh sống động minh họa một chế độ độc tài thô bạo đang bịt miệng công lý. Và trong trường hợp của linh mục Lý chính là hành động bịt miệng tiếng nói TÂY CHAY BẦU CỬ QUỐC HỘI ĐỘC ĐẮNG.

Trong bài “Từ Đại Hội (X) tới Quốc Hội (XII)”, viết trước ngày linh mục Lý bị đưa ra tòa, chúng tôi đã nêu lên lý do ông bị bắt là vì nhà cầm quyền Cộng sản muốn bịt miệng ông, và bịt miệng Khối 8406,

không cho tiếng hô “*Tây chạy bầu cử*” được vang lên. Cuối bài chúng tôi đã yêu cầu các đảng phái chính trị, cơ quan, đoàn thể và các mạng lưới báo chí các đài hãy xét lại thái độ thờ ơ đối với lời kêu gọi tẩy chay này.

Chỉ 2 ngày trước khi bị đưa ra tòa, linh mục Lý đã nhắn với người Việt Hải Ngoại rằng, hãy coi như ông đã chết, và hãy nhân cơ hội này, tiếp tục và đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do.

Hôm nay, sau khi được biết linh mục Lý đã bị kết án 8 năm tù và 4 cộng sự viên của ông bị án tù 6 năm đến 18 tháng, trong đó có 2 phụ nữ chân yếu tay mềm, một người (cô Nguyễn Thị Anh Đào) mới có 21 tuổi. chúng tôi xin được phép nhắc lại lời yêu cầu trên.

Tôi thiết nghĩ, đây chính là cơ hội bằng vàng để các đảng phái chính trị, các tổ chức đấu tranh cho tự do dân chủ, các cộng đồng người Việt khắp nơi trên thế giới lên tiếng thay cho người đã bị bịt miệng, tiếp tục hô vang lời kêu gọi tẩy chay bầu cử cái quốc hội của đảng vào ngày 20 tháng 5 tới đây. Chỉ còn hơn một tháng nữa thôi.

Sau vụ án, và ngay cả trước vụ án. chúng tôi rất lạc quan khi thấy có tới ít nhất 54 đảng phái, đoàn thể, tổ chức cùng đứng chung trong một danh sách đưa ra lời ủng hộ linh mục Lý và rầm rộ lên tiếng yêu cầu từ Liên Hiệp Quốc, Vatican và các chính phủ đại

cường trên thế giới lưu ý tới phiên tòa mà can thiệp cho ông và các nhà đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do đang bị giam giữ, hay sắp phải ra tòa.

Nhưng chúng tôi thiết nghĩ, không gì chứng tỏ chúng ta ủng hộ lập trường của linh mục Lý và các đoàn viên trong Khối 8406 bằng việc tiếp ứng với họ trong việc hô hào tẩy chay bầu cử.

Lúc này là lúc tấm ảnh linh mục Lý bị bịt miệng đã được giới truyền thông và cơ quan ngoại giao quốc tế theo dõi và đặc biệt chú ý. Chúng ta nên giải thích rõ cho họ hiểu, sở dĩ linh mục Lý bị bịt miệng, Khối 8406 bị “bịt miệng” là vì họ cất tiếng hô hào nhân dân tẩy chay bầu cử quốc hội của đảng.

Đây chính là lúc làm cho dư luận thế giới quan tâm tới tình trạng nhân dân bị ép buộc đi bầu cho một thứ quốc hội của đảng để hợp thức hóa cái chính quyền độc tài tham nhũng này, hòng chứng minh với thế giới rằng chế độ độc tài được toàn dân chấp nhận, hoan nghênh!

Nếu chúng ta để tiếng hô hào tẩy chay của linh mục Lý và Khối 8406 bị tắt lịm đi sau vụ án này, thì cái quốc hội của đảng độc tài kia sẽ lại một lần nữa được “thông qua” bằng cuộc bầu cử cưỡng ép sắp tới.

Cho dù biết chắc, lời kêu gọi khó tới được người dân, và người dân bị nhiều đe dọa cản trở chưa chắc đã dám hưởng ứng. Nhưng nguyên một sự kiện nhiều, rất nhiều, đoàn thể tổ chức cùng lên tiếng,

đồng thanh lên tiếng, sẽ khiến cho dư luận thế giới bắt buộc phải lưu ý hơn đến nguyện vọng của nhân dân ta về nhân quyền và tự do dân chủ.

Trong dịp hân hữu này, mà cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn không thể có được một tiếng nói chung mạnh mẽ thì sẽ thật là đáng tiếc. Vì lời kêu gọi tẩy chay và cả hành động tẩy chay bầu cử độc đảng này là một hình thức đấu tranh ôn hòa, hợp pháp, bất bạo động. Những nhà đấu tranh bất bạo động không có lý do gì để không hưởng ứng, và tiếp tay.

Ca tụng thái độ hiền ngang, dũng cảm của linh mục Lý trước tòa; khen ngợi và đề nghị tặng thưởng cho người chụp được bức ảnh linh mục Lý bị công an bịt miệng; nhân tấm ảnh này, lên án chế độ pháp lý, nền tư pháp thú rừng của Cộng Sản; tất cả những việc ấy đều rất tốt. Nhưng nếu làm như thế để rồi lại im lặng như kẻ bị bịt miệng, không dám lên tiếng thay người bị bịt miệng để tiếp tục hô hào tẩy chay bầu cử thì có thể sẽ bị chê là đạo đức giả. Và sẽ làm hại cho mục tiêu dân chủ hóa Việt Nam.

Và, tai hại hơn nữa, sự im lặng đó còn có thể nói là gián tiếp cùng với Cộng Sản lên án linh mục Lý và các đồng chí của ông là những người tích cực kêu gọi tẩy chay bầu cử quốc hội độc đảng, sẵn sàng vào tù, sẵn sàng chết vì lời kêu gọi khẩn thiết ấy.

Xin đừng để lỡ một cơ hội bằng vàng.

Tái Bút:

Sở dĩ chúng tôi ủng hộ lập trường của linh mục Lý và Khối 8406 trong việc kêu gọi tẩy chay bầu cử “Quốc hội của đảng” và đề nghị nhiều người cùng ủng hộ, vì nghĩ, bao lâu quốc tế còn thấy dân ta ngoan ngoãn đi bầu cái “quốc hội” quái đản này, một thứ “quốc hội của đảng”, thì họ còn nghĩ dân ta, trong đó có cả người Việt hải ngoại, và cả những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do, đều mặc nhiên ủng hộ cái chế độ độc tài tham nhũng này. Vì vậy chúng ta không còn lý do gì chê trách hay phê bình các nước dân chủ trên thế giới thờ ơ với phong trào đòi dân chủ tự do của chúng ta.

Nếu dân ở trong nước, vì sợ không dám lên tiếng tẩy chay, thì còn có thể hiểu được. Nhưng trong khi những người như linh mục Lý và các cộng sự viên của ông trong đảng Thăng Tiến Việt Nam, trong Khối 8406 đã dũng cảm lên tiếng để rồi bị vào tù, tính mạng bị đe dọa, mà chúng ta ở hải ngoại, an toàn không sợ bị kết án, bị bỏ tù, lại cũng im lặng trong vấn đề này như đa số nhân dân trong nước, thì như vậy chúng ta nên thành thực tự hỏi mình có thực sự đấu tranh cho tự do dân chủ, vì đồng bào, tổ quốc không, hay vì cái gì khác?

Đó là nói về đại thể. Về chi tiết, chúng tôi đã trình bày trong hai bài dài (nhân đề Phiếu trắng, và Trở lại vấn đề phiếu trắng) ngay sau khi thấy nhân dân Iraq vui mừng rầm rộ đi bầu quốc hội tự do

đầu tiên của họ, dưới áp lực của chiến tranh và sự đe dọa đến sinh mạng của bọn khủng bố, và thực sự đã có hơn bốn chục người bị tàn sát trong cuộc bầu cử đầu năm 2005.

15. Trở lại vấn đề PHIẾU TRẮNG

Ngày 3-2-05, nhân cuộc bầu cử tại Iraq diễn tiến một cách tốt đẹp với trên 50% dân chúng đi bầu, bất chấp sự đe dọa giết chết những ai đi bầu, chúng tôi đã viết một bài nhan đề “Bầu cử ở Iraq và Phiếu Trắng”. Chúng tôi đã ca ngợi lòng dũng cảm của nhân dân Iraq và so sánh với tình trạng trong nước, suốt mấy thập kỷ qua, nhân dân VN chỉ biết cầm đầu đi bầu theo thể thức “đảng cử dân bầu”, nghĩa là không dám có hành động gì phản đối lối bầu cử phi dân chủ đó. Chúng tôi cũng đã gợi ý để người dân hãy can đảm không đi bầu, hoặc cố tình bỏ phiếu trắng, cho đến khi nào có được một cuộc bầu cử tự do đa đảng, có sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc, hay một tổ chức quốc tế.

Dưới đây xin trích 2 đoạn văn trong bài báo trên:

Liệu người dân Việt dưới chế độ CS hiện nay có đủ dũng khí như nhân dân Iraq để không bỏ phiếu cho những đảng viên CS trong các cuộc bầu cử theo

kiểu “đảng cử, dân bầu” không? Thực tế trong các cuộc bầu cử trước đây trả lời là không.”

(...)

“Nói đến phiếu trắng chúng tôi cũng liên tưởng đến huyền thoại bỏ phiếu bằng chân trong những cuộc di cư vĩ đại vào những năm 1954 và 1975 và những năm tiếp theo sau này.

“Bỏ phiếu bằng chân đòi hỏi dũng cảm và tính mạo hiểm hoặc lòng tin tuyệt đối vào định mệnh cũng giống như bỏ phiếu trong khủng bố đe dọa tính mạng của người Iraq. Cả hai hình thức này đều đòi hỏi lòng dũng cảm vô song.

“Trong tình hình đất nước hiện nay, bao giờ nhân dân trong nước mới có cái dũng khí ấy? Bao giờ cử tri mới ý thức được đường lối đấu tranh bất bạo động rất hữu hiệu là **tẩy chay các cuộc bầu cử theo kiểu ‘đảng cử dân bầu’** phi dân chủ hiện nay. Bao giờ tuyệt đại đa số cử tri dám dùng tới phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ (cố tình) để nói lên sự chống đối cộng sản độc tài? Đó là câu hỏi mà những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do hay các tổ chức chính trị có cao vọng giải thể chế độ hiện nay trong nước nên tìm cách trả lời bằng những hành động cụ thể nhắm vào quần chúng trong nước.”

Bài này đã được bán nguyệt san *Văn Nghệ Tiên Phong* (số 703, tháng 4-05) đăng tải và sau đó nhiều báo ở Nam và Bắc Cali đăng lại. Nhiều độc giả đã gọi

tới tòa soạn báo *Thời Luận* tán thành ý kiến tẩy chay các cuộc bầu cử do CS trong nước tổ chức.

Tám tháng sau, ngày 17 tháng 10, năm 2005, 4 linh mục Công Giáo là Chân Tín, Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi và Nguyễn Hữu Giải đã ra lời kêu gọi tổ chức bầu cử đa đảng và TẮY CHAY bầu cử độc đảng, theo kiểu đảng cử dân bầu.

Một tháng sau, ngày 22-11-05, linh mục Nguyễn Văn Lý đã viết một bài dài 8 cột báo lớn để giải thích tác động của lời kêu gọi tẩy chay này: ***“Tẩy chay bầu cử độc đảng 2007 là đánh ngay tử huyệt của chế độ độc tài CS.”***

Trong bài này linh mục Lý tiết lộ là chỉ một tuần sau khi 4 linh mục đưa ra lời kêu gọi tẩy chay bầu cử độc đảng nói trên, một giới chức cao cấp thuộc cục An Ninh Hà Nội đã thân hành đến Huế gặp linh mục tại một khách sạn từ 11:20 ngày 25-10-05 để thương lượng với ông, đề nghị ông *“kiểm chế đừng làm cho đất nước mất ổn định trước sự lựa chọn hết sức khó khăn của đảng CSVN về vấn đề đa đảng”*. (Nguyên văn, theo lời cha Lý).

Hôm nay, 15-12-05, kết quả sơ khởi cuộc bầu cử Quốc Hội Iraq cho biết có tới 67 % dân chúng đã đi bầu, mặc dù có những vụ khủng bố lẻ tẻ. Ngay trong vùng quê hương của Saddam Hussein, tỷ lệ người đi bỏ phiếu lại còn cao hơn nữa (80%).

Nhân mấy sự kiện trên, chúng tôi mời bạn đọc cùng chúng tôi duyệt xét lại một lần nữa, những lý

do khiến dân VN ta lại không có được cái dũng khí là tẩy chay những cuộc bầu cử theo kiểu “đảng cử dân bầu”, nghĩa là chỉ biết bằng lòng với một chế độ bầu cử phi dân chủ hoàn toàn.

Trước hết vì các nhà trí thức, những nhà đấu tranh cho dân chủ tự do trong nước quá khiếp sợ trước sự đe dọa, đàn áp của nhà cầm quyền, không dám lên tiếng hô hào tẩy chay bầu cử giả hiệu.

Thứ hai là vì dân chúng đã bị động trong một thời gian quá lâu trên một nửa thế kỷ, không còn nghĩ ra cách nào để thoát ra khỏi sự độc tài chuyên chính hiện nay.

Thêm vào đó, bóng ma của Hồ Chí Minh còn bao trùm khắp nơi. Nhiều người, quá nhiều người hãy còn nghĩ ông ta là “cha già dân tộc”, có công giành độc lập thống nhất cho tổ quốc. Nên nay đảng CS dựa vào uy tín ông mà cai trị, thì nó bảo sao chỉ biết nghe vạ, không dám làm khác.

Cho nên, muốn dân sáng mắt, nghe theo lời kêu gọi tẩy chay của 4 vị linh mục kia thì trước hết phải làm cho người dân thấy rõ, tất cả những khuyết điểm, tội lỗi của nhà cầm quyền hiện nay là do những khuyết điểm và tội lỗi của chính ông Hồ từ ban đầu. Cái chuyện Hồ Chí Minh và đảng CS chiến đấu vì độc lập và thống nhất chỉ là ngụy biện. vì ông ta đã chủ trương và dung túng cho đàn em giết các nhà yêu nước, để nắm độc quyền lãnh đạo kháng

chiến, đưa phe nhóm CS lên nắm quyền độc tôn hầu thao túng, những lạm.

Bao lâu còn phân biệt giữa ông Hồ với đảng cầm quyền, cho rằng chỉ có đảng sai, còn “bác” lúc nào cũng đúng, thì dân vẫn còn không dám, hay không nỡ gây khó dễ cho đảng, con đẻ của Hồ.

Nhiều người cho rằng, 4 vị linh mục nói trên tuy can đảm, sáng suốt, nhưng bao lâu giáo dân chưa thấy hàng giáo sĩ cao cấp hơn, như các hồng y, tổng giám mục, hay hội đồng giám mục lên tiếng, thì lời kêu gọi tẩy chay của 4 linh mục ít quyền hành trong giáo hội chẳng gây được ảnh hưởng gì.

Nhiều người khác lại đòi phải có sự hưởng ứng của nhiều vị chân tu các tôn giáo khác, và cả những nhà trí thức, đang đấu tranh cho dân chủ tự do trong nước, cùng lên tiếng, thì lời kêu gọi mới có ảnh hưởng và mới gây được một phong trào.

Cho đến nay, chúng tôi thấy chưa có âm hưởng nào thuận lợi từ các giới chức và đoàn thể khác. Như vậy tiếng nói của 4 linh mục, tuy chính đáng và can đảm, nhưng không hy vọng đem lại kết quả cụ thể. Dân chúng vẫn hãy còn sợ sệt bị nhà cầm quyền trả thù, trừng phạt, nếu không đi bầu.

Ở các nước tự do dân chủ thực sự, người dân tự do muốn đi bầu hay không đi bầu, chẳng ai để ý, bầu cho ai cũng tùy ý, không có công an theo dõi. Nhưng trong một nước độc tài CS, nếu bạn không đi bầu,

bạn sẽ bị tố giác và trừng phạt. Có khi bị cắt hộ khẩu, mất việc làm, gia đình sẽ chết đói.

Chính vì những lẽ trên, chúng tôi thấy kêu gọi tẩy chay thì dễ, nhưng vận động để người dân vững tâm không đi bầu mới khó.

Đồng ý với linh mục Lý là tẩy chay bầu cử là đánh đúng tử huyệt của chế độ CS. Nhưng đã nửa thế kỷ nay CS đã biết cách giữ cái tử huyệt đó để không ai động đến được. Và một trong những bửu bối của CS để bảo vệ cái tử huyệt đó là thần tượng HCM, huyền thoại HCM. Cho đến bây giờ mà những nhà dân chủ VN không ai dám động đến thần tượng HCM. Thậm chí còn có những “nhà tranh đấu” như Lữ Phương to tiếng ca tụng HCM là đại anh hùng dân tộc, giáo sư Nguyễn Thiện Tâm khẳng định HCM có công lao cực kỳ to lớn v.v... mặc dù ông này đã kích nhà cầm quyền hiện nay một cách thậm tệ chưa từng thấy. Bao lâu người dân trong nước, được hướng dẫn bởi những nhà trí thức, còn nghĩ ông Hồ có công giành độc lập, đem lại thống nhất cho tổ quốc, thì bấy lâu, đảng CS còn dựa được vào uy tín ông Hồ để thuyết phục dân chúng mãi mãi cúi đầu chấp nhận số phận của một dân tộc nô lệ cho CS, chỉ còn biết thở than tuyệt vọng trước những áp bức của nhà cầm quyền. Cứ đến ngày bầu cử, những cái loa oang oang hô hào cử tri đi bầu, là hàng hàng lớp lớp dân chúng lại lũ lượt lên đường. Những lời kêu gọi tẩy chay của

những linh mục liệu có đến tai họ không? Mà nếu có thì nó có tác dụng gì không?

Có lẽ vì đã bắt đầu nhận ra điều đó nên mới tháng trước đây trên mạng đã thấy xuất hiện nhiều bài báo của một Lê Nhân nào đó dám mạnh miệng thóa mạ ông Hồ, cáo buộc ông ta về những tội tày trời trong cải cách ruộng đất, trong chiến tranh. Lê Nhân đã dùng những từ ngữ và giọng văn sắc sảo nhưng cũng lỗ mãng để ví tư tưởng Hồ Chí Minh với phân người. Chắc các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng hả hê lắm vì đã có người báo thù cho mình vì xưa kia chính HCM đã ví những nhân vật lãnh đạo đảng này như phân bón ngô khoai.

Sau đây là một vài trích đoạn văn từ cả chục bài tràng giang đại hải của Lê Nhân đã được đưa lên mạng:
(trích *Mày Không Yêu Tao, Tao Giết*)

“Cấm nhân dân ra báo tư, tức là nhà nước cộng sản bịt miệng dân; không cho dân nói thì dân cũng mất luôn quyền tự do tư tưởng là cái quyền tối thượng để làm người. Mất quyền tự do tư tưởng, người dân mất luôn quyền tồn tại: “*Tôi tư duy, tôi tồn tại.*” (Descartes) Tước mất cái quyền căn bản là quyền TƯ DUY (TƯ TƯỞNG) của con người mà Descartes đã suy tôn, cũng có nghĩa cộng sản thế giới và cộng sản Việt Nam đã đẩy con người xuống thấp hơn loài cầm thú. Loài voi và loài kiến có thể chưa có tư duy (nhưng đảng và Bác Hồ đã từng là voi, là kiến bao giờ đâu mà biết nó

không có tư duy?) mà nó vẫn tồn tại. Nhưng với loài người, khi không có, không còn tư duy, thì tồn tại với nó cũng chỉ là tồn tại ảo mà thôi! ĐÂY LÀ TỘI ÁC CHỐNG CON NGƯỜI LỚN NHẤT CỦA CỘNG SẢN VÀ HỒ CHÍ MINH!” (...)

“... giống như mấy ngày vừa qua, đảng ném *mắm tôm trộn tư tưởng Hồ Chí Minh* vào mặt ông Hoàng Minh Chính vậy? Thì ra, đảng cộng sản còn tồi tệ hơn thực dân Pháp rất nhiều.”

Trước đây nói về tội lỗi của CS chưa ai trong nước dám lôi ông Hồ kèm theo. Vậy mà lần này có người dám kéo theo: “... *Tội ác... lớn nhất của CS và Hồ Chí Minh*”.

Trong một bài trước Lê Nhân đã sỉ vả những kẻ theo lệnh CS ném mắm tôm trộn với “Cút” vào nhà ông hoàng Minh Chính. Đến bài này Lê Nhân viết rõ: “*đảng ném mắm tôm trộn tư tưởng HCM vào mặt ông Chính*”. Như vậy tư tưởng Hồ Chí Minh với cút chỉ là một.

Cứ như những gì tác giả viết thì người đọc hiểu rằng ông ta là một cựu đảng viên CS và hiện có mặt ở trong nước. Nhưng tác giả vẫn chưa dám ngang nhiên ghi rõ địa chỉ và số điện thoại của mình như những nhà đấu tranh khác, chẳng hạn Trần Khuê, Phạm Quế Dương, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, v.v. Có lẽ vì ông chưa sẵn sàng vào nằm chung với mấy nhà đấu tranh trẻ kia, hầu có thể tiếp tục kể tội ông Hồ và cảnh giác đồng bào chẳng.

Có thể nói, với Lê Nhân, nếu đích thực Lê Nhân đang sống ở trong nước, và là bạn của Phan Văn Khải, và của cháu đích tôn của cụ Phan Bội Châu, như ông ấy viết, thì đây quả là một biến chuyển đáng chú ý. Tiếng nói chống CS đã nhích lên được một nấc, từ chống đảng đến chống Hồ Chí Minh. Nhưng cũng còn phải đợi xem có nhà trí thức nào khác dám nổi gót đi theo không.¹ Cũng như cần chờ xem hàng giáo sĩ và những trí thức trong “phong trào dân chủ” trong nước có dám lên tiếng hưởng ứng và phụ họa với lời kêu gọi tẩy chay bầu cử độc đảng của 4 vị linh mục nêu trên không.

Một điều nữa cũng cần nói thêm. Cứ giả dụ như 2 việc trên đều được hưởng ứng và có tiếng vang lớn khiến VC phải nhượng bộ mà cho xuất hiện một đảng đối lập nào đó để trong cuộc bầu cử năm 2007 sẽ có 2 hay 3 đảng cùng tranh cử. Lúc đó lại phải xét xem những đảng đối lập có thực sự là đối lập không hay cũng chỉ là đối lập cuội như hai đảng Xã Hội và Dân Chủ thời 1945-1946?

Nhưng đây là một vấn đề phức tạp thuộc một đề tài khác mà chúng tôi hy vọng sẽ có thể trở lại để bàn thêm.

¹ Chỉ vài tuần sau khi phổ biến bài này, chúng tôi thấy xuất hiện trên “mạng” thêm 3 cây viết nữa cũng bắt đầu đả kích kịch liệt ông Hồ Chí Minh với lối viết gần giống Lê Nhân, mà nhiều người cho là phát xuất từ trong nước. Đó là những (bút hiệu?) Nguyễn Thái Hoàng, Nguyễn Thái Bình, Võ Quế Dương.

Tóm lại lời kêu gọi tẩy chay bầu cử của bốn vị linh mục, cũng như gợi ý Phiếu Trắng của chúng tôi trước đó 8 tháng chỉ có thể có tác dụng tốt. nếu các nhà đấu tranh cho dân chủ trong nước cũng như ở hải ngoại đoàn kết được với nhau và đưa ra một đường lối đấu tranh thống nhất với đề cương chiến lược sách lược cụ thể hòng nắm lấy cơ hội thuận lợi và ưu thế trong một cuộc bầu cử đa đảng tương lai.

Nam Cali ngày đầu năm 2006

16. Con tố cha, vợ tố chồng

Con đây là ai, cha là ai? Vợ đây là ai, và chồng là ai? Để giải đáp, xin mời bạn đọc nhìn lại lịch sử và so sánh với hiện tình đất nước (nhân dịp ĐCS VN sắp họp đại hội X).

Cách nay đúng nửa thế kỷ, năm 1956 đã có mấy sự kiện đáng nhớ sau đây:

Trên bình diện quốc tế: Tại đại hội XX cộng đảng Liên Xô (tháng 2) Nikita Khrushchev (N.K.) hạ bệ Stalin. Hồng quân Liên Xô đem xe tăng thiết giáp dẹp tắt cuộc vùng dậy của nhân dân Ba Lan tại Poznan (tháng 6) và của nhân dân Hungary tại Budapest do thủ tướng CS Imre Nagy lãnh đạo (tháng 10).

Trên bình diện quốc nội: Năm 1956 là năm cải cách ruộng đất đợt 2 do Hồ Chí Minh phát động đến giai đoạn chót, cũng là giai đoạn quyết liệt nhất. Hàng chục vạn người bị hành quyết oan uổng trong những cuộc “đấu tố long trời lở đất”.

Chùn bước trước sự chống đối anh dũng của nông dân Ba Làng, Quỳnh Lưu hồi cuối năm 1954, và bị

ảnh hưởng bởi cuộc hạ bệ Stalin và chính sách “hòa hoãn” của N.K., Hồ bắt đắ dĩ cho lệnh ngưng đấu tố và cử Võ Nguyên Giáp xin lỗi nhân dân. Chiến dịch sửa sai được ban hành kèm theo cái bẫy “trăm hoa đua nở”, khuyến khích tự phê và phê bình để cho một số trí thức như Nguyễn Mạnh Tường, và nhà văn nhà thơ như Phan Khôi, Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm... chui vào:

Phong Trào “Nhân Văn, Giai Phẩm, Đất Mới” nổ rộ rồi bị đàn áp. Hàng trăm trí thức, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ bị bắt bỏ tù hay cho đi an trí nơi rừng thiêng nước độc.

Lịch sử tái diễn? Đầu năm nay, 2006, một nửa thế kỷ sau, chỉ trước Tết Bính Tuất vài ngày, một quả bom nổ tại Strasbourg mà chấn động đến Hà Nội làm tập đoàn CSVN phát điên. Strasbourg là trụ sở của Cộng Đồng Âu Châu hiện có tới 46 nước thành viên thuộc Tây Âu. Trung Âu và cả Đông Âu. Ngày 27 tháng 1 năm 2006 hội đồng này đã biểu quyết với 99 phiếu thuận, 42 phiếu chống, ra nghị quyết mang số 1481 lên án toàn thể các chế độ Cộng Sản cũ ở Liên Xô, Đông Âu cũng như những nước CS còn sót lại, trong đó có Việt Nam.

Dân biểu Goran Lindblad của Thụy Điển trong báo cáo dẫn nhập nghị quyết đã nêu lý do: “*Báo cáo này đã được trông đợi từ lâu quá lâu rồi. Đã đến lúc Hội Đồng Âu Châu lên tiếng tố cáo dứt khoát tội ác của các chế độ Cộng Sản (...) Bao lâu những nạn nhân*

của những chế độ đó còn sống, hoặc thân nhân của họ còn sống sót, chúng ta có bốn phận phục hồi tinh thần cho các nạn nhân ấy”...

Dân biểu Jacques Legendre của Pháp nói: “... Chúng ta đã từng lên tiếng tố cáo chủ nghĩa Quốc Xã. Chúng ta có lý để làm việc đó. Nhưng hiện nay đang có những chế độ độc tài Cộng Sản. Bốn phận của chúng ta là phải lên án những chế độ này. (...) Nạn nhân chết có hàng triệu. Chẳng cần tranh luận về con số chính xác. Vì đó là những cuộc hành quyết đông đảo tập thể trong rất nhiều quốc gia. **Stalin là một tên đồ tể** (MV nhấn mạnh). Cần có một tòa án hình sự để xử hắn.

Kể ra đến nay mới có một tổ chức quốc tế lên án **Stalin là tên đồ tể** thì quả là quá muộn. Nửa thế kỷ trước Nikita Khrushchev (N.K.), từng là đồ đệ của Stalin đã dám làm cái công việc hạ bệ y rồi.

Hắn ở Việt Nam ngày nay cũng có không biết bao nhiêu đồng chí ruột của Hồ Chí Minh muốn hạ bệ quách “ông già dâm tặc” (xin lỗi dùng chữ của một Võ Quế Dương nào đó ở trong nước mới đây đã cả gan dám gọi “cha già dân tộc” trại đi như vậy) để cứu đảng như N.K. đã làm nửa thế kỷ trước hòng cứu đảng Cộng Sản Liên Xô cho nó sống thêm được ba mươi mấy năm nữa. Nhưng ai dám bạo phổi như N.K.?

Nhân Cộng đảng Việt Nam cũng sắp họp đại hội X giống như Liên Xô họp đại hội XX cách nay đúng nửa thế kỷ, có người muốn “góp ý với lãnh tụ Việt

Cộng, tổng bí thư đảng CS Việt Nam hãy bắt chước N.K. hạ bệ Hồ Chí Minh để may ra đảng sống thêm được ít năm nữa, hoặc nếu hạ bệ HCM cũng là chấm dứt luôn cái đảng con cưng của ông Hồ thì nhân dân toàn quốc càng hoan hỉ hơn nữa.

Nhưng lấy tư cách gì để hạ? Và hạ bằng cách nào? Làm sao thuyết phục được những tay em thân cận với ông Hồ hãy còn sống nhăn ra đó như Võ Nguyên Giáp? N.K. đã chẳng gặp muôn vàn khó khăn khi ngỏ ý với các đồng chí thân cận về việc hạ bệ Stalin đó sao? Và chẳng Nông Đức Mạnh nhút nhát, ba phải làm sao so sánh được với N.K..

N.K. có một cá tính đặc biệt, dám có những quyết định táo bạo. Thế giới đã một thời sững sốt về những hành động của ông ta: Tại đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (1959) rút giấy cấm đập xuống bàn hội nghị rầm rầm. Rầm rộ gửi hỏa tiễn sang Cuba, sát nách Hoa Kỳ thách thức Kennedy. Rồi cùng Kennedy họp bàn tại Vienne, Áo Quốc, để tính chuyện hòa hoãn (1960). Nhưng vẫn mạnh miệng tuyên bố sẽ đánh thẳng tu bản, và *“mong sống đến ngày được thấy cờ đỏ phấp phới khắp năm châu”*.

Xướng xuất thuyết *“sống chung hòa bình”* (co-existence pacifique) cũng là N.K.. Với chiêu bài mới này, năm 1955 N.K. đã tập hợp được những Chu Ân Lai của Trung Cộng, Nasser của Ai Cập, Ti-tô của Nam Tư và Nehru của Ấn Độ đến Bandung, Nam Dương họp với Sukarno của nước (mà CS chưa nắm

chính quyền) có động đảng viên CS nhất thế giới này để bàn về 5 nguyên tắc sống chung¹ và lập *khối các quốc gia không liên kết*.

Cũng chính N.K. là người đề nghị cho cả hai nước Việt Nam (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Hồ Chí Minh, và Cộng Hòa Việt Nam dưới thời Ngô Đình Diệm) cùng vào Liên Hiệp Quốc. Nhưng vì Tổng Thống Ngô Đình Diệm quá cứng rắn nhất định không chịu để Việt Nam bị chia đôi và ngồi chung với Hồ Chí Minh, nên việc đó không thành.

Nhưng trên tất cả là việc N.K. hạ bệ Stalin, nhà độc tài áo đỏ, bên cạnh những độc tài áo nâu (Hitler của Quốc Xã Đức) và độc tài áo đen (Mussolini, của Phát Xít Ý). Stalin mà Jacques Legendre gọi là **tên đồ tể**, là kẻ đã hãm hại, thủ tiêu những đồng chí của mình, những đồng chí mà công trạng và tư cách, tài năng hơn hẳn y như những Kamenev, Zinoviev, Bukharin, Trotsky v.v... Y đã tàn sát hai phần ba các ủy viên trung ương đảng, và trên một nửa các đại biểu đảng bộ đi dự đại hội đảng kỳ XVII năm 1934. Stalin không coi ai ra gì, kể cả phu nhân của lãnh tụ Lê-nin. Stalin ấy đã bị Khrushchev hạ bệ.

Dĩ nhiên tính chuyện hạ bệ Stalin không phải dễ. Chính những đồng chí thân cận từng đồng lòng với N.K. để bắt giữ, xét xử và hành quyết tay trùm

¹ Trong cuốn Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản, xuất bản lần đầu năm 1963 chúng tôi đã nói về vấn đề này.

mật vụ Beria,² cũng không đồng tình với N.K. về việc hạ bệ Stalin. Đó là những Malenkov, bí thư thứ nhất và thủ tướng liền sau khi Stalin chết, Molotov, từng là ngoại trưởng Liên Xô thời Stalin, Bulgarin cũng một thời là thủ tướng sau Malenkov, trước khi trao chức vụ này lại cho N.K., và Veroshilov, lúc ấy là thống chế Liên Xô, chủ tịch Xô Viết Tối Cao. Chính những nhân vật quan trọng này đã can gián không muốn cho Khrushchev làm việc tẩy trời ấy. Nhưng Khrushchev đã dùng quyền lực, tài trí và lời lẽ khôn khéo thuyết phục được mọi người.

Vào những ngày chót của đại hội XX và trong một phiên họp mật, Khrushchev đã đọc một diễn văn nẩy lửa, trảng giang đại hải trên 30 ngàn từ kể hết mọi tội của Stalin, trong đó có cái tội biến y thành *tên đồ tể* là đã ra lệnh sát hại chính các đồng chí thân cận với lãnh tụ Lê- nin, những tướng lãnh tài ba của Liên Xô, và 70 phần trăm các ủy viên trung ương hay dự khuyết của đảng CS Liên Xô. Con số chính xác mà Khrushchev nêu lên trước đại hội, khiến mọi người sửng sốt giận dữ là 98 người trong tổng số 139 ủy viên trung ương đã bị hành quyết.

Chẳng những thế trong số 1966 đại biểu dự đại

² Lavrentiy Pavlovich Beria trùm mật vụ NKVD là kẻ đã từng tiếp tay cho Stalin trong những cuộc thanh trừng đẫm máu thập niên 30 thế kỷ trước. Khi Stalin chết y đã manh tâm lên kế vị để tiếp tục chính sách của Stalin. Nhưng y đã bị những đồng chí thân tín của N.K. bắt giữ, kết án và xử tử ngày 4-12-1953.

hội kỳ XVII năm 1934 đã có đến 1108 người bị bắt và bị xử tử.³

Những con số này và những tang chứng về tội sát nhân của Stalin, Khrushchev lấy từ bản báo cáo của một ủy ban điều tra do chính ông ta thành lập và trao cho Pospelov làm chủ tịch. Nghe hay đọc hết bài của Khrushchev ta sẽ thấy ông ta chỉ kể những tội giết người hàng loạt mà Stalin cùng với Beria thực hiện nhắm vào những đảng viên CS. Không có những con số về nhân dân bình thường. Điều đó không lạ. Vì mục đích của N.K. là kể tội phạm đối với đảng. Hạ bệ Stalin để cứu đảng, chứ không phải để xóa đảng.

Ngoài cái tội “đồ tể”, Nikita còn kể tội “**sùng bái bản thân**” của Stalin cũng vô tiền khoáng hậu. Chẳng khác gì Hồ Chí Minh. Nếu Hồ có cuốn tự truyện ***Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch***, viết dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, xuất bản vào năm 1948, trong đó họ Hồ tự phong mình là “*cha già dân tộc*”, là “*người khiêm tốn, lúc nào cũng nghĩ tới dân, tới nước*”, thì cùng năm 1948 đó Stalin cũng có một cuốn tiểu sử riêng (***Short Biography of Stalin***), được y sửa chữa, thêm thắt làm cho mình trở thành một vĩ nhân thời đại, một đại anh hùng cứu nước, một thiên tài về chiến lược chiến thuật. (Thủ bút của y trên bản in thử cuối cùng của cuốn tiểu sử còn lưu lại và được N.K. trích đọc trước đại hội.)

³ *Khrushchev Remembers*, Little Brown & Company, Boston, 1970, page 573.

Chính vì những sự tương đồng và trùng hợp nói trên mà có người xúi Nông Đức Mạnh hãy mạnh dạn bắt chước N.K. đứng ra tố cáo những tội ác của Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên họ Nông cũng cần phải lập một tiểu ban điều tra và giao quyền điều hành tiểu ban này cho một Pospelov Việt Nam nào đó chẳng hạn như Nguyễn Trung Thành, tay em cũ của Lê Đức Thọ trong ban tổ chức Trung Ương đảng.

Các nhà đấu tranh cho dân chủ tự do trong nước xem ra coi nhẹ tổng bí thư Nông Đức Mạnh, dè bủ: *“ngũ ấỵ mà làm nên trò trống gì. Làm sao ví với N.K. của Liên Xô được?”* Nhưng nếu nó lú thì cũng còn chú nó khôn. Những nhà sử học cỡ Trần Quốc Vượng, Lê Văn Lan, Lê Văn Quang, Nguyễn Đình Lê, Dương Trung Quốc..., hay những nhà Hồ Chí Minh học nhu Sơn Tùng, Trần Khuê, Nguyễn Thái Hoàng, Lê Nhân, Võ Quế Dương (ba người sau này mới “vào nghề”, chưa nổi tiếng trong nước)... sao lại không có thể mớm cách cho họ Nông, – nông thì cũng nông vừa thôi chứ.

Ngoài ra những nhà trí thức tự xưng hay được coi là “chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ tự do” nếu thực lòng đấu tranh cho dân tộc, chứ không phải đấu tranh để cứu đảng, hay vì danh lợi, thì thể nào cũng có đủ dũng khí “góp ý” với Nông Đức Mạnh để làm nên đại sự. Những vị này, nếu còn chút lòng vì dân vì nước, ắt sẽ họp nhau lại bàn tính mách bảo cho

họ Nông mạnh dạn đứng ra thử DNA để làm sáng tỏ nguồn gốc của mình. Có đúng là dòng máu của Nguyễn Tất Thành hay không? Rồi lấy quyền tổng bí thư chỉ định một Nguyễn Trung Thành – hay các cụ Lê Giản, Trần Danh Tuyên nào đó – điều tra vụ nàng fa bị một thứ Beria Việt Nam là Trần Quốc Hoàn hãm hiếp rồi lấy búa bọc vãi bỏ vào đầu cho chết rồi dàn cảnh tai nạn xe cán, vắt xác trên đường Cổ Ngư, nay là đường Thanh Niên.

Trần Quốc Hoàn, mới được Võ Nguyên Giáp ca ngợi, tuy đã chết nhưng nếu cuộc điều tra thành công, thì có thể coi như vị “hoàng hậu” đẹp gái nhưng xấu số họ Nông (hay họ Nguyễn?) sẽ được phục hồi và phục hoạt để đứng lên đồng dục tố cáo người chống vô sỉ, tàn ác nở tâm ra lệnh, hay ít ra cũng làm ngơ cho thuộc hạ làm nhục và thủ tiêu người đầu gối tay ấp của mình. Các nhân chứng đáng tin cậy còn đó: Nguyễn Minh Cần ở Moscow, Trần Danh Tuyên, Lê Giản ở Hà Nội, Vũ Đình Huỳnh đã chết, Nguyễn Văn Tạo đã chết, nhưng Vũ Thư Hiên con Vũ Đình Huỳnh, người đã được nghe Nguyễn Văn Tạo thuật lại câu chuyện vô luân độc ác này hãy còn đó ở Paris.

Ngoài tội sát thê nói trên họ Nông có thể tố cáo cha già về một số tội sau đây:

1. Tội ác của Hồ Chí Minh to lớn nhất, rõ ràng nhất, không thể chối cãi được là tội giết hàng chục vạn người trong Cải Cách Ruộng Đất. Theo con số

chính thức của Việt Cộng⁴ thì số nạn nhân là 172.008 người. Nhưng nhiều chính khách và nhà phân tích thời cuộc ước lượng lên đến nửa triệu. Trong số này có cố Tổng Thống Mỹ Richard M. Nixon và kỹ sư Hoàng Văn Chí, người đã đi theo “kháng chiến” với Hồ Chí Minh, và sau hiệp định Genève đã vào Nam tìm tự do. Ông cũng là tác giả cuốn *From Colonialism to Communism* (Từ Thực Dân đến Cộng Sản).

Lúc ấy là lúc Hồ mới đi Liên Xô về, có ghé qua Bắc Kinh, được cả hai đàn anh khuyến cáo, chỉ vẽ cách thức để thực hiện một chiến dịch mẩu y hệt tại các nước đàn anh, theo đúng quy trình cải tạo xã hội của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Lúc ấy Hồ cũng là lãnh tụ đầy quyền lực vô song. Không thể đổ lỗi cho cấp dưới là Trường Chinh, Lê Văn Lương hay Hồ Viết Thắng, Hoàng Quốc Việt được. Sự kiện những tay đàn em thân tín này, tuy có bị “chế tài” qua loa trong một thời gian vắng, nhưng sau này đã được trọng dụng trở lại chứng tỏ kẻ ra lệnh và chịu hoàn toàn trách nhiệm chính là Hồ Chí Minh, chủ tịch đảng, chủ tịch nước đã ký sắc lệnh phát động CCRĐ. Ví dụ như Trường Chinh bị mất chức tổng bí thư đảng, nhưng lại được làm chủ tịch quốc hội, và sau này lại làm tới chủ tịch nước, và trở lại chức tổng bí thư như cũ. Như thế thì

⁴ Ghi trong cuốn *Lịch sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000* do viện Kinh Tế Việt Nam (CS) mới xuất bản trong nước. (tài liệu của Nguyệt san *Thông Luận* Paris)

đã rõ trước mắt Hồ đàn em đã thi hành đúng lệnh của ông ta. Cũng chính vì vậy mà chiến dịch cải cách ruộng đất vẫn được ông ta đánh giá là “thành công, mặc dù có khuyết điểm.”

2. Rồi tôi âm thầm, ném đá giấu tay, dùng bàn tay của Lâm Đức Thụ, tức Trương Béo tàn ác loại trừ những đồng chí không theo chỉ thị của mình, hay vì ghen tương trai gái. Trong đó không thể không kể tới Lê Hồng Phong, người từng có lúc thách đố địa vị lãnh đạo của Hồ, người đã ngậm đắng nuốt cay để vợ chưa cưới của mình bị Hồ dẩy vò. Hay Hà Huy Tập, tổng bí thư đảng CS từ đại hội I ở Ma Cao, người đã tố cáo “*đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh, MV) phải chịu trách nhiệm về hàng trăm đồng chí bị địch bắt, giết*”... Rồi sau “cách mạng tháng 8” Hồ đã ra lệnh thủ tiêu Trương Béo để phi tang. Nhiều người đã bào chữa cho Hồ, nói Trương Béo bị kỷ luật đảng vì phản đảng. Nhưng nếu vậy thì sao không thấy có quyết nghị hay án tích gì về việc phản bội này?

3. Sai Võ Nguyên Giáp xua cả một sư đoàn đến tàn sát hàng ngàn nông dân Ba Làng, Quỳnh Lưu chỉ biểu tình phản đối phi vũ trang hồi tháng 8 năm 1954, nhằm đòi quyền di cư vào Nam theo quy định của hiệp định Genève.

4. Hãm hại, thủ tiêu và báo cho mật thám Pháp bắt, giết các nhà cách mạng phi CS ở Hoa Nam, rồi ngầm ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp làm thịt hàng trăm

chiến sĩ các đảng quốc gia đối lập khi ông ta tạm lánh mặt sang Paris “giám sát” hội nghị Fontainebleau và ký với bộ trưởng bộ Pháp Quốc Hải Ngoại Moutet một “modus vivendi” chủ bại.

5. Ra lệnh hay làm ngơ cho thủ hạ bỏ bao bố thả xuống sông Đáy hàng trăm chiến sĩ cách mạng phi CS, trong đó có những nhà văn nổi tiếng như Lan Khai, Khái Hưng.

6. Ra lệnh hay làm ngơ cho đàn em thủ tiêu những nhà cách mạng yêu nước như Đức Huỳnh Phú Sổ, tướng Nguyễn Bình, đảng trưởng Duy Dân Lý Đông A, đảng trưởng Đại Việt Trương Tử Anh, v.v.

7. Ra lệnh hay làm ngơ cho đàn em hãm hại các đồng chí ương ngạnh hay bị nghi không trung thành. Chỉ kể ra một số tượng trưng mà hầu hết mọi đảng viên ngày nay đều đã nghe nói: Ủy viên trung ương đảng CS, phó chủ tịch quốc hội Dương Bạch Mai, các tướng Lê Trọng Tấn, Chu Văn Tấn (?), Đặng Kim Giang, Hoàng Văn Thái, Lê Liêm, Nguyễn Vĩnh; các đại tá Lê Minh Nghĩa, Nguyễn Minh Nghĩa, Đỗ Đức Kiên, Phan Hoàng. Nguyễn Hiếu; các nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Bùi Công Trừng; bộ trưởng Ung Văn Khiêm, vụ trưởng Vũ Đình Huỳnh và hàng trăm văn nghệ sĩ, ký giả đã bị bắt giam không xét xử, bị trù giập, ngóc đầu không nổi trong đó có cả nhạc sĩ Văn Cao người có công soạn “quốc ca đầy sắt máu” cho đảng v.v...

8. Ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp mở chiến dịch

“tổng công kích, tổng nổi dậy” hồi Tết Mậu Thân (1968) tàn sát không biết bao nhiêu sinh linh, trong đó trên 40 ngàn Cộng quân, mà phần đông thuộc lực lượng của Mặt trận Giải Phóng Miền Nam bị giết.

Vì bị ảnh hưởng bởi những cuốn sách của Jean Lacouture, Jean Sainteny hay của Archimedes Patti từng bị Hồ Chí Minh thôi miên bằng những cử chỉ thân mật theo lối ngoại giao tinh xảo, hay phong cách đạo đức giả xảo trá, cho nên phần đông tác giả ngoại quốc thường bênh Hồ Chí Minh. Họ nói, trong vụ tổng công kích Tết Mậu Thân, ông Hồ không chịu trách nhiệm và thực ra không chủ trương nướng trên bốn chục ngàn quân và tàn sát rồi chôn trong hàng trăm nắm mồ tập thể trên 3000 người ở Huế và bắt đi hàng ngàn người khác.

Thực ra lúc ấy, tuy ông Hồ đang “dưỡng bệnh” ở Bắc Kinh, nhưng vẫn chỉ huy điều khiển cuộc chiến qua những chỉ thị, cuộc gặp gỡ hay điện thoại với Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp và các tư lệnh và ủy viên bộ chính trị, và cũng có bay về VN để họp hội đồng chiến tranh, đích thân ra chỉ thị tiến hành cuộc xâm chiếm bất thành hồi ấy bằng một bài thơ trứ danh đã trở thành tư liệu quý báu của bảo tàng Hồ Chí Minh. Đọc hồi ký của Vũ Kỳ, bí thư của HCM thì rõ.

Nói đến chuyện “nướng quân”, nhiều người kết tội Võ Nguyên Giáp. Trận Vĩnh Yên đầu năm 1951 hay trận Điện Biên đầu năm 1954 chẳng hạn thường được nêu lên làm bằng chứng. Điện Biên là chiến

trường rộng lớn, không nói làm gì, trong đó phía đối phương thất trận bị giết gần mười ngàn, thì phía (CS) thắng trận còn bị giết nhiều hơn: hơn mười ngàn. Đến như một trận nhỏ hơn ở Vĩnh Yên mà Giáp cũng nướng 6,000, và 500 tù binh bị bắt sống. Chính Giáp cũng từng nói, cứ cho ông ta những người lính sẵn sàng chết, ông ta chắc chắn sẽ chiến thắng. Và vì thế chiến thuật biến người (human waves) thường được họ Võ sử dụng là điều dễ hiểu. Trận đánh lớn nhất gọi là “tổng công kích, tổng nổi dậy” hồi Tết Mậu Thân cũng rập theo chiến thuật ấy.

Nhưng đây không phải là chiến pháp riêng của Võ Nguyên Giáp. Đây là chiến pháp thường dùng của Cộng Sản Tàu, một nước thừa dân, không thiếu quân cho chiến thuật ấy. Và Hồ Chí Minh, lãnh tụ tối cao của Việt cộng lúc ấy cũng bị ảnh hưởng bởi chiến pháp Mao Trạch Đông không ngần ngại chỉ thị cho đàn em áp dụng tại chiến trường Việt Nam. Chiến sĩ phơi thây tại chiến trường như rạ. Võ Nguyên Giáp đầu sao cũng là đàn em thân tín nhất của họ Hồ, từng nghe lãnh tụ nói trong giấc mơ “dù có phải đốt hết dãy trường sơn cũng phải đánh” và, khi tỉnh cũng nói, “dù có phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm, hay lâu hơn nữa thì cũng không từ.”

Vì thế cái tội mà chúng ta thường ghép cho Võ Nguyên Giáp cũng phải đổ lên đầu ông Hồ: “Tội quy vu trưởng”.

Ngày nay họ Võ thăm thía về cái số sát quân của

mình có lẽ đôi lúc cũng hối hận ăn năn. Phải chăng vì vậy mà có người thấy ông ngồi thiền để tĩnh tâm? Không biết người vô thần như ông có khấn Phật tha tội không nhỉ?

Thiết tưởng muốn chuộc lỗi cũng không khó khăn gì. Chỉ cần tiếp tay với Nông Đức Mạnh để đổ hết tội lên đầu kẻ đã chết, mà xác hầy còn bị phơi ở quảng trường Ba Đình.

9. Lừa dối nhân dân và dư luận thế giới bằng cuốn *Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch* dưới bút hiệu Trần Dân Tiên trong đó tự phong mình là “cha già dân tộc”, để hô hào nhân dân theo mình chém giết lẫn nhau mà cứ tưởng đấu tranh vì độc lập, thống nhất dân tộc. Cuộc chiến khốc liệt với hàng chục triệu người chết chỉ đem đến kết quả là toàn dân bị thống trị bởi một đảng độc tôn, tham nhũng, nó đưa đất nước xuống hàng vài nước nghèo đói lạc hậu nhất thế giới.

10. Và, cuối cùng, đầu mối, nguyên nhân của mọi tội lỗi là tội đưa chủ nghĩa Cộng Sản Mác Lê vào Việt Nam, thay mặt Quốc Tế III (Komintern) lập lên đảng CS Đông Dương gây họa cho dân tộc hơn bảy chục năm qua. Bao lâu cái đảng Cộng Sản do Hồ Chí Minh lập nên và lãnh đạo còn đó ở Việt Nam, để dè dặt bóp cổ nhân dân ta, để bán đất bán biển, bán lao động, bán thiếu nữ cho Trung Quốc thì bằng chứng về mọi tội ác của Hồ Chí Minh còn rành rành, vô phương chối cãi.

Ngày xưa, cách nay đúng nửa thế kỷ, cũng vì có Hồ Chí Minh mà có cảnh **con tố cha, vợ tố chồng**, làm cho đất nước đảo điên tang thương, mọi truyền thống tốt đẹp của giang sơn bồng biển tan mất. Ngày nay nếu con Mạnh dám tố cha Minh thì vợ Nông (hay Nguyễn) Thị Xuân cũng sẽ đội mỗ chổi dậy để tố chồng Nguyễn Tất Thành, và như vậy hóa kiếp cho Nguyễn Tất Trung (hiện mang họ Vũ, là họ của bố nuôi, Vũ Kỳ, nguyên bí thư của Hồ Chí Minh) khỏi mang tiếng con hoang.

Con tố cha, vợ tố chồng là như vậy.

Hy vọng sau cuộc đấu tố vô tiền khoáng hậu lần này đất nước sẽ sớm thoát ách giặc Cộng để khôi phục lại truyền thống tốt đẹp của tổ tiên.

Nửa thế kỷ trước, Nikita Khrushchev đã phải nói phông cổ trong gần 5 tiếng đồng hồ để kể tội Stalin đối với đảng CS Liên Xô. Chúng ta không nghĩ Nông Đức Mạnh đủ sức kể hết tội của Hồ Chí Minh. Nhưng hãy chú ý đặt trọng tâm vào 10 tội chính trên đây cũng đáng khen rồi.

Gần đây đảng CSVN đã mị dân bằng cách kêu gọi “góp ý” với đảng về báo cáo chính trị sẽ được đọc tại đại hội đảng vào tháng 4 hay tháng 5 sắp tới. Nhiều viên chức cao cấp nhà nước và đảng viên cũng như một số nhà đấu tranh trong nước đã mất nhiều thì giờ và giấy bút để gửi tới những bản “góp ý” chân thành, có bản khá sâu sắc. Trong số đó phải kể đến những bản của cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt, cựu đại

sứ Nguyễn Trung, trung tướng Nguyễn Hòa, của các giáo sư Phan Đình Diệu, Lê Đăng Doanh, nhà văn Trần Mạnh Hảo, nhà báo Phan Thế Hải, các nhà cách mạng lão thành Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Văn Thi vân vân... và nhất là của luật sư trẻ Nguyễn Khắc Toàn, vừa mới ra tù, trong mình còn đủ mọi thứ bệnh trầm trọng, tưởng không còn đủ sức cầm lấy cây bút, cũng gửi tới đảng một bản “góp ý” thật dài, với những chứng liệu lịch sử và thống kê chi tiết. Đặc biệt hơn nữa, chính ông Hoàng Minh Chính cũng lại lên tiếng góp ý và đề nghị hủy bỏ điều 4 hiến pháp, sửa đổi hiến pháp giống như hiến pháp 1946, thời Hồ Chí Minh còn sống.

Không biết độc giả nghĩ sao, chứ riêng với người viết, “góp ý” với CS chẳng khác gì nói chuyện với đầu gối. Không hiểu tại sao, những nhà đấu tranh với CS như Hoàng Minh Chính và Nguyễn Khắc Toàn mà cho đến nay vẫn sẵn sàng lên sân khấu diễn chèo theo đúng bài bản của những tay đạo diễn chuyên môn lừa mị. Những lời lẽ hào sảng, những lý luận đanh thép, những tài liệu xác đáng của những người này đảng CS có cho đưa lên báo cho dân biết đâu. Còn nếu chỉ để cho vài tay trong bộ chính trị đọc, thì, liệu chúng có đọc không và có thêm xét đến không? Ngay chính nhà văn Trần Mạnh Hảo, khi góp ý đã nói rõ mình góp ý không phải với tư cách nhà văn, mà là với tư cách nhà nghiên cứu, nhà khoa học. đã thú nhận với nhân viên đài BBC rằng ông đã từng

góp ý cả trăm lần mà “*tất cả những lần trước đây hầu như đều bị đang vất vào sọt rác hết*”. Vậy mà vẫn kiên trì “góp ý” thì kể cũng lạ!

Thiết tưởng, nếu có cần góp ý, thì nên góp ý mật với một tay CS gộc nào có thực quyền nhất ví dụ như Nông Đức Mạnh, hay Nguyễn Văn An chẳng hạn, để cho anh ta lấy hết dũng khí mà hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh.

Hoặc giả, nên “góp ý” với các em đánh giầy, các chủ lái xe ôm, các bà buôn thúng bán bưng lang thang thất thểu trên các vỉa hè, là lớp người hàng ngày vẫn rêu rao những câu vè, những vãn ca dao nguyên rủa Hồ Chí Minh mà Lê Nhân và Nguyễn Thái Hoàng đã trích đưa lên mạng mấy tháng vừa qua. Những ca, vè này nói lên hết sự khinh bỉ, oán hờn mà người dân thấp cổ bé miệng dành cho ông Hồ. Chúng được truyền miệng một cách bí mật, vụng trộm, nhưng lại được nhiều người nghe để giải khuây và lấy làm khoái chí, trong đó không thiếu những đảng viên “lương thiện và giác ngộ”.

Hay góp ý với 8 triệu dân Sài Gòn mạnh dạn lên tiếng đòi xóa tên Hồ Chí Minh, trả lại tên SÀI GÒN cho thành phố thân thương từng có mỹ danh Hòn Ngọc Viễn Đông này.

Hay góp ý với những vị lãnh đạo tôn giáo đương là nạn nhân của “tự-do-tôn-giáo-theo-hiến-pháp” như mục sư Nguyễn Hồng Quang, hòa thượng Thích Quảng Độ (ứng viên giải Nobel Hòa Bình), 4 linh

mục Công Giáo mới lên tiếng kêu gọi tẩy chay bầu cử theo kiểu đảng cử dân bầu v.v...

Hay “góp ý” với những công nhân đương tranh đấu đòi tăng lương, những nông dân đương bị cướp đất, chỉ vẽ cho họ biết cách tổ chức biểu tình, đấu tranh có phương pháp hầu tránh sự đàn áp bắt bớ của công an... vân vân. Thiếu gì việc làm mà đi “góp ý” với bọn phường chèo, luôn luôn thất hứa và coi ý dân chẳng ra cái thá gì?

Cho đến bây giờ, khi mà cuốn *Hắc Thư của Cộng Sản* do Stéphane Courtois và 5 đồng tác giả biên soạn đã ra mắt được cả chục năm rồi, khi mà Hội Đồng Âu Châu đã đòi đưa các nước Cộng Sản ra tòa án quốc tế, khi mà N.K. đã hạ bệ Stalin được hơn nửa thế kỷ, mà những nhà đấu tranh của chúng ta còn đi chứng minh lý thuyết Mác- xít là sai, và đề nghị CS cởi mở hơn về chính trị, bỏ điều 4 hiến pháp! Có ai tỉnh thức mà còn tin rằng CS thực tâm thi hành hiến pháp bao giờ không? Vậy thì chúng ta đang thức hay đang ngủ? Nếu chủ nghĩa Mác chỉ sai thôi thì đâu đến nỗi. Nó là nguồn gốc mọi tội ác, là chính sự ác như cố tổng thống Mỹ Ronald Reagan đã can đảm, dứt khoát khẳng định, trước khi ra tay triệt hạ nó. Và Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa cái chủ nghĩa đại ác đó vào VN làm bại hoại luân thường, đảo điên truyền thống, mở đầu cho lịch sử của một nền đạo lý thú rừng, ***con tố cha vợ tố chồng!***

Bây giờ là lúc các lãnh tụ CS VN cần bắt chước

N.K. (dầu đã trể đúng nửa thế kỷ) lên án những tội lỗi tày trời của Hồ Chí Minh, của sự tôn sùng bản thân, của kẻ tự tôn mình làm thần tượng, làm cha già dân tộc để lừa dân, đưa cả một dân tộc vào chiến tranh gây chết chóc hàng chục triệu người, rồi sau khi chiến thắng dìm cả một dân tộc xuống cảnh nô lệ, đói nghèo lạc hậu.

Điều đó có diễn ra trong kỳ đại hội X sắp tới của Cộng Đảng hay không còn tùy thuộc vào sự thức tỉnh của lớp trí thức trong cũng như ngoài nước, nhất là những người tự cho mình đang đấu tranh vì tự do dân chủ và sự trường tồn của dân tộc. Nếu chỉ theo nhau ngoan ngoãn nghe lời đảng mà “góp ý... (và bình giảng, bình luận về những bản góp ý) thì cũng chỉ là đánh bùn sang ao. Phải có một cái gì mới. Phải mạnh dạn hơn. Phải dũng cảm hơn. Bao lâu những Lữ Phương, Nguyễn Thiện Tâm còn ca tụng

Hồ Chí Minh là đại anh hùng dân tộc, là người có công cực kỳ to lớn, bao lâu những Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương còn chưa có đủ dũng khí lên tiếng tố cáo tội ác của Hồ Chí Minh, thì dĩ nhiên cái đảng do ông ta theo chỉ thị của Komintern lập nên vẫn sẽ còn đó, sau hết đại hội này đến đại hội khác, chẳng thay đổi được gì. Và như vậy thì biết đến bao giờ dân mới hết khổ, nước mới có tự do?

Thiết tưởng các nhà đấu tranh cho dân chủ tự do nên đặt mình vào địa vị của hàng chục triệu thường dân, nhân dân lao động, nông dân, những người

cùng khổ ở thôn quê hay miền sơn cước hẻo lánh, và những gia đình chiến sĩ cách mạng quốc gia đã từng là nạn nhân của Hồ Chí Minh, gia đình những “tù cải tạo” năm xưa, gia đình, hậu duệ của những tiểu thương, tiểu nông bị giết oan trong các cuộc cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản v.v... Gia đình những chiến sĩ chống cộng nay phải sống như kẻ mất nước nơi đất khách quê người, gia đình của những “thuyền nhân” đã bỏ thân dưới biển, trên núi, trong rừng khi chạy trốn nạn Cộng sản... và cả những đảng viên hay cựu đảng viên CS bị đối xử bất công, vì chèn ép, bạc đãi thậm chí bị hãm hại v.v. và v.v... thì mới thấy được rằng những lớp người đông đảo, chiếm tuyệt đại đa số ấy đang vô cùng căm ghét ông Hồ. Nay các vị không dám động đến ông ta, thì làm sao mong cuộc tranh đấu của quý vị được sự hưởng ứng của toàn dân? Quý vị có nhớ rằng sở dĩ chuyển đi Mỹ của Hoàng Minh Chính thất bại và còn bị nghi ngờ, thậm chí bị sỉ vả là cò mồi, chỉ vì ông ta đã lên án Stalin, Mao Trạch Đông mà lại không dám lên án Hồ Chí Minh không? Xin đừng bảo, đó chỉ là sự im lặng chiến thuật. Bởi vì đó là thứ chiến thuật chủ bại. Chưa đánh đã hàng.

Tôi hoàn toàn đồng ý là muốn lật cái chế độ thối nát, tàn ác này, cũng nên để cho những đảng viên CS có một vai trò nào đó. Tôi cũng đã nhiều lần trưng dẫn lời của cựu lãnh tụ Cộng đảng Ý Ignazio Silone, nhân vật thứ nhì sau Togliatti, sau khi đã thức tỉnh

để bỏ đảng đã nói với chính Togliatti rằng “*cuộc chiến đấu cuối cùng sẽ là cuộc chiến giữa những người cựu đảng viên với những đảng viên CS*”. Nhưng phải nhắm những đảng viên lương thiện yêu nước, giác ngộ, biết mình đã lầm và thực lòng sám hối như Bùi Tín, Nguyễn Hộ... và biết nhận ra rằng chính Hồ Chí Minh mới là thủ phạm chính của mọi tai họa của tổ quốc. Còn những kẻ vẫn nghĩ Hồ Chí Minh có công và mình đã đúng khi đi theo Hồ Chí Minh, như Lữ Phương chẳng hạn thì không thể tin được, và cần phải loại họ ra ngoài. Phải giác ngộ như Ignazio Silone hay Milovan Djilas mới xứng đáng đứng vào hàng ngũ các chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ tự do.

Nếu quý vị muốn lợi dụng địa vị, quyền lực, thế lực và phương tiện của một số tướng lãnh đảng viên Cộng Sản sẵn sàng ủng hộ các phong trào đấu tranh cho dân chủ tự do, thì trước hết phải bằng mọi cách thuyết phục họ về tội ác của ông Hồ. Nếu chưa làm được điều đó, khiến họ vẫn còn nghĩ ông Hồ có công giành độc lập trong kháng chiến “chống Pháp”, thì thà trì hoãn tiến công hơn là dùng họ để rồi phải theo họ “nhớ ơn” ông Hồ. Bởi vì như thế là quý vị đã đầu hàng trước khi giao chiến. Mà giả như thành công thì thành quả sẽ chỉ là một miếng thịt, đĩa xôi được CS bố thí cho mà thôi. Có thể CS sẽ dành cho quý vị 50-70 chỗ ngồi trong “quốc-hội gậy”, hay một vài ghế bộ trưởng trong chính phủ CS. Hoặc giả quý vị sẽ được lập ra một đảng đối lập theo kiểu những

đảng Xã Hội, hay đảng Dân Chủ thời Hồ Chí Minh còn sống, nghĩa là một thứ trang trí cho chế độ, một quảng cáo cho chế độ trước dư luận quốc tế.

Nhân nhớ lại vụ *con tố cha vợ tố chồng trong cải cách ruộng đất và vụ Nikita Khrushchev tố Stalin* nửa thế kỷ trước, đồng thời liên tưởng tới những sự việc mới xảy ra tại cộng đồng Âu châu, chúng tôi viết bài này, không nhằm mục đích hô hào cổ võ cho một hành động hay tổ chức nào, cũng không có ý chê bai, bài xích những tổ chức đấu tranh đúng đắn nào. Mà chỉ muốn góp một nhận xét cá nhân để mọi người cùng suy gẫm.

Nam Cali 15-3-2006

17. Chuyên chính vô sản và các đại hội ĐCS

Đã trên nửa thế kỷ nghe đi nghe lại 4 từ *chuyên chính vô sản* và đã 10 lần chứng kiến đại hội đảng Cộng Sản (CS), ai có chút học vấn cũng biết ý nghĩa của những từ này và cách thức tổ chức cũng như sinh hoạt của một đại hội đảng như thế nào. Nhưng nhân dân lao động ít học, khó biết đích xác ý nghĩa và nguồn gốc của chúng, cũng như cách thức người CS vận dụng chúng vào việc đàn áp các tư tưởng chống đối hay dị biệt.

Trước hết 2 từ *chuyên chính* thực chất chỉ có nghĩa là độc tài. Bởi vì chúng được CS Việt và Tàu dịch từ chữ *dictature* (Pháp) hay *dictatorship* (Anh). Các tiếng gốc La Tinh và ngay cả Nga ngữ cũng có những từ tương tự. Hai chữ Pháp hay Anh nói trên đều được các từ điển dịch là độc tài. Phân tích nguyên từ chữ *dictature* ta thấy từ này do động từ *dicter* có nghĩa là đọc cho người khác viết, và ra lệnh cho người khác làm, không có bàn cãi. Trong tiếng Anh động từ to

dictate cũng có nghĩa như vậy. Vì thế dịch là độc tài là chính xác và rõ ràng nhất.

Sở dĩ các người CS Việt không muốn dùng lại từ cũ (độc tài), là vì họ muốn giành quyền sáng tạo cho một từ khác, về thực chất không khác, mà nghe lại “bùi tai”, nhờ có chữ chính ở cuối. Chuyên chính muốn hiểu là một nền chính trị chuyên chế, chuyên quyền, độc đoán cũng được. Mà hiểu là một sự chuyên quyền chính đáng cũng được, nghe có vẻ hay hay, lại dễ đánh lừa, “lập lò, đánh lận con đen...”

Hai từ vô sản đi liền sau đó tạo nên một thành tố bất khả phân, là bản chất của khái niệm *chuyên chính vô sản*, khiến sự chuyên quyền càng trở nên chính đáng hơn. Vì sự chuyên quyền này bởi, và thuộc về giới bản cùng vô sản chiếm đa số. Bỏ về sau, vô sản, đi thì chuyên chính sẽ thành bất chính, phi pháp, hay nói cách khác mất hẳn giá trị nội tại. Cần giải thích hai từ vô sản này.

Vô sản là dịch từ *proletariat*, gốc La-tinh, có nghĩa là giới cùng khổ, nghèo xơ nghèo xác, và là từ được Marx dùng để ghép vào từ *dictature* nói trên: *Dictature du proletariat* = chuyên chính vô sản. Marx cho rằng giai cấp vô sản, bị tư bản bóc lột đến tận xương tủy, là giai cấp chiếm đa số.

Hai từ đa số này rất quan trọng đối với lý luận của người CS. Vì đây là một nền độc tài, hay chế độ chuyên chính của đa số, cho nên họ có thể nói được rằng chế độ chuyên chính đó “*triệu lần dân*

chủ hơn các chế độ dân chủ Tây Phương”, là chế độ mà CS gọi là dân chủ của thiểu số (chỉ vì có tiền, có thế mà đắc cử...)

Nghe ra bùi tai thực đấy chứ.

Chính cái chất, cái vị bùi bùi này làm mê mẩn giới vô sản Việt Nam của chúng ta trong một thời gian dài. Nhưng đến khi mùi vị bùi nhạt đi thì ôi thôi, tay đã nhúng chàm, chân đã sa bẫy.

Nhìn vào thực tế, trong “*Giai Cấp (Thống Trị Mới)*” (Milovan Djilas), “*Giai Cấp Đặc Quyền Đặc Lợi Nomenklatura*” (Michael Voslensky) có mấy ai là vô sản? Hay toàn là những triệu phú, tỉ phú đô la?

Chuyên chính vô sản vừa hàm ý chuyên chính (độc tài) vừa hàm ý dân chủ là vậy. Một thứ “dân chủ tập trung” – nói theo miệng lưỡi người CS -. Dân chủ được áp dụng cho phe ta, cho giới vô sản. Còn chuyên chính cho kẻ thù, tức phe thiểu số, phe chống vô sản.

Nhưng cũng trong chế độ ấy, những người dân nghèo, nếu vì lý do gì tự tách mình khỏi giai cấp vô sản, chống đường lối của đảng của giai cấp vô sản, thì liền bị coi là kẻ thù, cho dù người đó nghèo xơ nghèo xác.

Còn nếu thuộc giai cấp tư sản, nhưng đã từ bỏ nguồn gốc giai cấp của mình, bằng cách tố cáo cha mẹ, anh em chẳng hạn, hay bằng cách tuyên bố, ký giấy bỏ đạo, thì sẽ được coi như thuộc giai cấp vô sản.

Và những ai từ giai cấp vô sản mà nhờ địa vị lãnh đạo đảng trở nên giàu có bằng những phương tiện “chính đáng”, thì đương nhiên vẫn không mất tính giai cấp vô sản.

Ví dụ như những tay gộc “đỡ đầu” cho Năm Cam, Sáu Quít, Bảy Chanh, Tám Bồng nào đó (chữ của Dương Thu Hương). Hay những tay “đỡ đầu” cho Nguyễn Việt Tiến (có người bảo chính tổng bí thư Nông Đức Mạnh giới thiệu), hay ngay chính Nguyễn Việt Tiến, thứ trưởng, nguyên ủy viên Trung Ương Đảng, Trần Đình Bình, bộ trưởng, nguyên ủy viên trung ương đảng (TƯĐ), Cao Ngọc Oánh, thiếu tướng, Bùi Tiến Dũng, tổng giám đốc v.v... toàn tại to mặt lớn trong đảng, nếu họ có trở nên giàu sụ, thì vẫn được coi là thuộc giai cấp vô sản. Lý do đơn giản chỉ vì họ đại diện cho giai cấp vô sản, hay nằm sẵn trong guồng máy chính quyền vô sản (sic).

Cái lý luận Mác-xít theo duy vật biện chứng nó lắt léo, nghe mâu thuẫn nhưng rất đúng bài bản. Một thứ bài bản mà Hà Sỹ Phu gọi là đại ngụy biện. Nhưng theo logic cộng sản thì hữu lý.

Chuyên chính vô sản đúng là một chế độ phong kiến mới. Tổng bí thư, người đứng đầu cái đảng đại diện cho giai cấp vô sản đó, không khác gì một ông vua.

Cho nên khi họp đại hội để một thiểu số đảng viên, thuộc TƯĐ, bầu tổng bí thư, người ta đã chuẩn bị mấy tháng trời như chuẩn bị lễ đăng quang của

một vị hoàng đế thời cổ xưa. Hãy chỉ nêu một số việc dễ thấy nhất:

Hội nghị trung ương 13, hội nghị trung ương 14, rồi hội nghị TƯ 15 làm việc trong nhiều tháng trời chỉ để bàn thảo về việc – thay cho toàn dân – chọn người lãnh đạo đảng, cũng là một thứ vua cho cả nước, và quần thần chung quanh ông vua.

Những chiến dịch thi đua của học sinh nhằm chào mừng đại hội.

Toàn thể báo in, báo điện tử và truyền hình, truyền thanh được tập trung vào việc theo dõi, loan báo, đăng tải các sinh hoạt và văn bản phổ biến trong đại hội, mặc dù ai cũng thừa biết chỉ là bản cũ soạn lại.

Hàng chục viên chức đảng được xếp đặt, chuẩn bị lời ăn tiếng nói để các đài ngoại quốc phỏng vấn...

Cuộc triển lãm tại viện bảo tàng Cách Mạng, với chủ đề *Hai Mươi Năm Đổi Mới* được khai mạc trước đại hội để khoe thành tích của chính quyền từ 1986 nhằm củng cố quyền lực và chứng minh cho đường lối đảng áp dụng là đúng đắn.

Cuộc triển lãm tại số 2 Hoa Lư trưng bày các hình ảnh, di vật của các lãnh tụ đã khuất nhằm đề cao thành tích của đảng. Đặc biệt người xem chú ý đến sự kiện các hình ảnh của Các Mác và Lê-nin đã không xuất hiện như mọi khi, tuy ở trước đại hội X thì vẫn còn đó. Trái lại một tấm hình vĩ đại của ông Hồ đã chiếm vị trí trang trọng nhất trong cuộc triển lãm ở số 2 Hoa Lư này.

Cho nổ vụ Pờ Mu 18 để đưa ra những con dê tế thần, để kéo chú ý dư luận khỏi những vấn đề hệ trọng hơn như 14, TC2. Trong hậu trường sân khấu người ta chờ mong các diễn viên của những Pờ Mu tiếp theo hay những Quờ Mu, R Mu, S Mu 19, 20... nào nữa chưa biết chừng. Mục đích Pờ Mu hay S Mu chỉ là hỏa mù, là kế giương đông kích tây của những tay phù thủy, những ông bầu Phường Chèo.

Một sân khấu hoành tráng được dựng lên ngay tại gần lăng “bác Hồ” để diễn vở *chèo Góp Ý* vĩ đại chưa từng thấy, để đưa lên sân khấu những danh hài hiện đại. Đủ mặt bá quan văn võ, tân cựu của chế độ.

Lợi dụng sân khấu này một vài chiến sĩ dân chủ như Nguyễn Khắc Toàn, Trần Mạnh Hào cũng mang hia, đội mào, đeo mặt nạ sát thủ nhảy lên sân khấu diễn chèo.

Nhưng mưu sâu thâm kín của họ là đóng vai sát thủ để lộng giả thành chân, dùng kiếm thép, trông như kiếm gỗ, đâm chí mạng vai chính CS. Đó là một thứ vũ khí vô hình, một thứ đồ long đao được 118 chiến sĩ tự do dân chủ trong nước tôi luyện gấp trong một thời gian vắn, để gây xuất kỳ bất ý: *Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ* ra đời chỉ trước đại hội 10 ngày. Một “coup de théâtre” ngoạn mục, thu hút khán giả cả trong lẫn ngoài nước. May (cho CS) mà cứu tinh từ Bắc Kinh đã kịp thời phóng ra ám khí đánh bật mũi kiếm để bảo toàn tính mạng cho vai chính của vở chèo.

Đồng thời với phái đoàn dân biểu Mỹ do chính Chủ tịch Hạ viện Dennis Hastert cầm đầu sang thăm Hà Nội để quan sát, theo dõi, hay ảnh hưởng đại hội 10 – ai biết được? – những Hồ Cẩm Duệ, Tào Cương Xuyên, Trương Đức Duy, Từ Đôn Tín... cũng lảng vảng quanh Ba Đình trước ngày khai mạc đại hội X.

Rồi trùm tư bản Mỹ Bill Gates, người giàu nhất hành tinh, người được đa số giới trẻ Việt Nam thẳng thắn nhận là thần tượng số một của mình, trên cả vị thần Hồ Chí Minh của đảng, cũng chớp nhoáng tới Hà Nội vào đúng lúc đại hội X vừa khai diễn. Bill Gates đã được tiến sĩ Nguyễn Nhã nguyên giáo sư sử học, chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Ca Trù và Hát Thơ Lạc Việt sáng tác một bài ca trù để ca ngợi. Cụ Nhã mong giới trẻ Việt Nam cũng noi gương cái chí lập thân phi thường của nhà tỉ phú Mỹ.

Rồi phái đoàn ngoại giao cao cấp thuộc Hiệp Hội châu Âu, do bà Benita Ferrero Waldner lãnh đạo cũng đến vào cùng thời gian đó. Ngẫu nhiên hay có dụng ý?

Đó là chưa kể “hoàng đế” nước Tàu Mới cũng bắn tiếng với đại hội, người thay thế Phan Văn Khải trong chức thủ tướng chính phủ phải là Nguyễn Tấn Dũng...

Thực chất của cái đại hội này, đối với toàn dân có xứng đáng với sự dàn dựng, trang trí hay quan tâm đó không?

Sự thực nó chỉ là một sinh hoạt nội bộ định kỳ của một đảng gồm 2 triệu rưỡi đảng viên. Nhưng vì

nó có mục đích chọn lãnh tụ cho đảng, và nó tự cho mình trách nhiệm thay cho toàn dân, chọn cả chủ tịch nước và chủ tịch quốc hội cũng như thủ tướng chính phủ. cho nên nhân dân không thể nào không chú tâm theo dõi. Nhất là vì trước đó, với tư cách một ông bầu của một gánh hát lớn giàu phương tiện, “đảng ta” đã tổ chức diễn một vở tuồng “Góp Ý” vô tiền khoáng hậu để dụ dỗ, lôi kéo quần chúng hiếu kỳ, như đã nói trên. Đó là một mối nhục, một nỗi khổ tâm bị đát của một dân tộc bị đặt dưới sự thống trị của một đảng Cộng Sản như Việt Nam.

Khi có người cảnh giác, chiến dịch góp ý là phường chèo và khuyên không nên mắc mưu lên sân khấu diễn chèo thì đã bị một số người khác nặng lời chỉ trích. Nhưng đến bây giờ có còn ai dám nói đó không phải là trò hề, lừa dối toàn dân không? Vì có ý kiến xây dựng nào của các chiến sĩ tự do dân chủ “góp ý” được báo cáo chính trị đọc trước đại hội đếm xỉa đến không?

Đảng CS ở bất cứ đâu đều dựa vào thuyết Mác-xít để tự gọi là đảng của giai cấp công nhân, của giai cấp vô sản, và thiết lập chế độ chuyên chính vô sản. Họ cũng nói vì giai cấp vô sản chiếm đại đa số nhân dân các nước, nên khi họ đại diện cho giai cấp này mà cầm quyền thì chế độ đó là chế độ triệu lần dân chủ hơn các chế độ Tây Phương. Vậy hãy xem cách thức sinh hoạt của đại hội này ra sao để chứng tỏ được rằng nó đại diện cho đại đa số nhân dân mà cai trị.

Theo thông lệ và quy định của của từng hội nghị Trung Ương Đảng trước đại hội, các chi bộ họp bầu đại diện chi bộ đi họp với cấp trên, để bầu ra đại diện cấp cao hơn, để cuối cùng bầu ra đại biểu cấp cao nhất đi dự đại hội. (Năm nay đại hội X diễn ra từ 18-4 đến 25-4-06). Năm nay những đại diện cao nhất này gồm có 1180, nhưng đến phút chót có 3 người bị gạt ra (Nguyễn Việt Tiến. Trần Đình Bình và Cao Ngọc Oánh (?) có dính líu vào vụ PMU 18). 1177 đảng viên đại biểu này sẽ bầu ra 160 ủy viên Trung Ương (TW) và 25 ủy viên dự khuyết TW từ danh sách 206 người đã được các ủy viên TW khóa trước giới thiệu với hạn tuổi là 55 tối đa cho các ứng viên mới và 60 cho các ủy viên TW khóa trước. Các ủy viên TW đảng sẽ bầu ra bộ chính trị và tổng bí thư. Hạn tuổi tối đa của các ủy viên Bộ Chính Trị là 60 cho những ứng viên mới và 65 cho những ủy viên cũ. Riêng chức tổng bí thư thì không có giới hạn tuổi. Tuy gọi là *ứng viên*, nhưng thực ra tất cả đều đã được sắp xếp, chọn lựa, chỉ định ngầm trước cả rồi, chẳng ai có quyền tự do ứng cử đâu.

Nhìn vào con số 185 người được bầu từ 206 người đã được đề cử (bởi ban chấp hành TW cũ), thì có thể thấy trước, chính sách Vũ Như Cần. Cho nên không cần nghe báo cáo chính trị và không cần biết kết quả các cuộc bầu cử, người ta cũng có thể biết không hy vọng gì có một thể chế tự do đa đảng, đa nguyên là mục tiêu đấu tranh của các nhóm đòi tự do dân chủ.

Đó là xét sơ qua về cách sinh hoạt của đại hội. Nếu xét về ý nghĩa thì ta phải trở lại định nghĩa của *chuyên chính vô sản*. Qua cách triệu tập, tổ chức và sinh hoạt của đại hội đảng thì nó có thực là nền *chuyên chính* của giai cấp vô sản không?

Và sau đây là một loạt câu hỏi khác giúp trả lời câu trên:

Hai triệu rưỡi đảng viên CS có đại diện được cho 84 triệu công dân Việt không? Ai bầu họ để họ đại diện?

Hai triệu rưỡi đảng viên CS có đại diện được cho tất cả mọi người nghèo trên toàn quốc không? Giới nghèo, “giai cấp vô sản” có bầu các đảng viên CS không?

Nếu họ không được toàn dẫn bầu, không được toàn thế giới nghèo bầu, thì tại sao họ dám tự xưng là đại diện của những người không bao giờ bầu họ?

Nếu đảng CS không đại diện cho toàn dân, không đại diện cho những người nghèo, thì tại sao họ lại nhân danh toàn dân, nhân danh giai cấp vô sản để bầu ra những người cầm đầu đảng của giai cấp vô sản, và những người lãnh đạo quốc gia, như chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, thủ tướng chính phủ?

Nếu chỉ có 160 ủy viên trung ương đảng được bỏ phiếu bầu ra các nhà lãnh đạo quốc gia mà các cuộc bầu cử trong năm tới sẽ chỉ làm công việc thông quan thì các cuộc bầu cử đó có phải chỉ là trò hát bội, hát cải lương không?

Nếu đồng ý đó chỉ là trò giả dối, lừa bịp, nói gọn là trò hề, thì dân ta, nhất là các nhà trí thức, các thân

hào nhân sĩ có sẽ cam tâm nhắm mắt rủ nhau leo lên sân khấu cùng đảng CS diễn trò hề bầu cử theo kiểu *đang cử dân bầu* vào năm 2007 không?

Tương lai tổ quốc tùy thuộc vào cách trả lời câu hỏi cuối cùng này.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin thêm một nhận xét bên lề: nếu sang năm đảng CSVN thành công trong việc tổ chức các cuộc bầu cử theo kiểu đảng cử dân bầu như từ trước đến nay, và số người đi bầu vẫn đông như trước, thì đảng CS sẽ có lý để chứng minh (một cách xảo trá) với dư luận quốc tế rằng họ được toàn dân ủng hộ, ít là một cách gián tiếp qua thái độ tích cực đi bầu và họ sẽ biện luận đó là một thứ trưng cầu dân ý để chọn giữa chuyên chính vô sản và dân chủ đa nguyên đa đảng. Và thế giới sẽ vẫn bị lừa – hay giả vờ bị lừa? – như từ trước tới nay.

Theo ý riêng của người viết, có thể tiên đoán (một cách bi quan?) rằng mọi sự sẽ vẫn như cũ. Vì thần tượng Hồ Chí Minh vẫn còn đó tại quảng trường Ba Đình, ở khắp nơi trong nước, ở cuộc triển lãm thành tích đảng ở số 2 Hoa Lư, Hà Nội. Đặc biệt ở đây, không còn thấy những ông Mác ông Lê nào khác¹ mà chỉ có duy nhất ông Hồ.

Kinh nghiệm của Liên Bang Nga và các nước Đông Âu sẽ không giúp gì được cho các chiến sĩ Tự Do Dân Chủ VN, nếu không được bổ túc bằng sự

¹ Tuy trong đại hội X thì vẫn còn thấy.

thật này: không một nước nào trong số đó có cái huyền thoại quái đản, giả dối về một thứ “Cha Già Dân Tộc”, như Việt Nam.²

Sở dĩ một số trong nhân dân, nhất là các đảng viên CS còn trung thành với nền chuyên chính vô sản giả hiệu này, chỉ vì họ vẫn nghĩ, dầu sao ông Hồ và đảng CS cũng có công cứu quốc, có công làm cuộc cách mạng tháng 8 thành công, có công thắng Pháp, thắng Mỹ. Nên họ đành cam phận chịu để cho đảng CS còn cơ hội dựng nước “thành công” (?), cũng như họ đã từng cứu nước “thành công” (sic)! Vì *trong kháng chiến chẳng có đảng nào khác tranh với đảng CS vai trò lãnh đạo cả...* như lời Đào Duy Quát, phó ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương và Phạm Thế Duyệt, chủ tịch mặt trận Tổ Quốc đều nói với thính giả đài BBC khi được hỏi liệu đại hội X có thể chấp thuận cho một chế độ đa đảng không?

Trong số những nhà trí thức trong nước mấy ai dám nghĩ, dám nói như Dương Thu Hương (khi trả lời phỏng vấn của ký giả Đinh Quang Anh Thái mới đây) rằng đảng đã *cướp* công kháng chiến *của nhân dân*. Đảng phải cảm ơn nhân dân, chứ bắt nhân dân phải cảm ơn đảng là láo và vô ơn... Đại ý như vậy.

Chỉ khi nào chúng ta bình tĩnh tỉnh táo, khách

² Một huyền thoại được chế tạo một cách tinh vi siêu đẳng, mà nhiều cây viết ở hải ngoại đã cố gắng phá hủy, nhưng chưa thành công, một phần vì sách chưa được phổ biến ở trong nước, và chưa được dịch ra ngoại ngữ.

quan chứng minh bằng những tài liệu xác thực và lý luận không thể bẻ gãy để thuyết phục mọi người rằng ông Hồ không có công mà còn có tội với đất nước thì mới trả lại được sự thực cho lịch sử. Và lúc đó đại đa số nhân dân, nhất là các đảng viên mới dám nghĩ và nói như Dương Thu Hương. Và lúc đó phong trào Tự Do Dân Chủ mới dâng lên như vũ bão, bằng một cuộc cách mạng thực sự³ hòng đưa tổ quốc thoát cảnh cứ phải đóng trò giả dối, đi bầu cho những kẻ mình không muốn bầu, những kẻ đã được một số đảng viên đầu não chọn thay cho toàn đảng, toàn dân như trong cái đại hội chữ X này.

San Diego 21/4/2006

³ Nếu thuyết phục được một số tướng lãnh, hay các nhà lãnh đạo CS đang nắm các lực lượng vũ trang và cảnh sát công an ủng hộ phong trào tự do dân chủ, thì có nhiều hy vọng sẽ có một cuộc cách mạng không đổ máu.

18. Từ Đại Hội (X) đến Quốc Hội (XII) (hay Quốc Hội của Đảng)

Bằng giờ năm ngoái đại hội X của đảng Cộng Sản Việt Nam đang kéo chú ý của dư luận trong và ngoài nước. Trước đó nhiều tháng nhà cầm quyền đã chuẩn bị ráo riết mọi mặt để bảo đảm sự thành công của đại hội theo một kế hoạch quy mô. Những hội nghị trung ương đảng 13, 14, rồi 15 liên tục làm việc khẩn trương.

Một cuộc thi đua rộng khắp các học đường, xí nghiệp, nông trường nhằm chào mừng đại hội.

Một chiến dịch tuyên truyền rộng lớn được phát động để đề cao lãnh tụ và thành tích “đổi mới” trong 20 năm qua.

Những cuộc triển lãm quy mô tốn kém tại viện bảo tàng Cách Mạng và tại số 2 Hoa Lư với bức chân dung vĩ đại của ông Hồ mà bên cạnh hay bên trên không thấy ảnh những lãnh tụ có râu (!). Một điều khá lạ, khiến các quan sát viên ngoại quốc chú ý. (Nhưng khi đến trụ sở đại hội thì những khuôn mặt có râu vẫn lộ lộ ở đó.)

Đùng đùng cho nổ vụ PMU18 hòng kéo sự chú ý của dư luận khỏi những vấn đề nhức nhối từ 2 năm trước là các vụ T4 và Tổng Cục 2.

Đặc biệt là ngay giữa quảng trường Ba Đình một sân khấu hoành tráng vô hình được dựng lên. Trên đó các danh hài chế độ đua nhau trình diễn màn hài kịch “Góp Ý” rất ăn khách. Khách quốc nội lẫn khách hải ngoại (Về màn bi hài kịch này, trong bài “Con Tố Cha Vợ Tố chồng” đăng trên DCV Online từ ngày 30-3-06, chúng tôi đã tiên đoán kết quả vừa khôi hài vừa mỉa mai vừa tất nhiên của nó, và đã bị một số bạn đọc chỉ trích.)

Không cần biết là do bên ngoài hiếu kỳ tự động tìm đến, hay do bên trong vận động, mời mọc mà “ngẫu nhiên” người ta thấy những nhân vật Trung Cộng như Hồ Cẩm Duệ, Trương Đức Duy, Tào Cương Xuyên. Từ Đôn Tín... lảng vảng chung quanh Ba Đình, trước khi phái đoàn hạ viện Mỹ do chủ tịch Dennis Hastert lãnh đạo tới. Rồi sau khi ông vua tân thời Hồ Cẩm Đào của dẫn các chú Con Trời bắn tiếng “Phan Văn Khải phải được thay thế bằng Nguyễn Tấn Dũng”, ngay cả trước khi Dũng được bầu vào bộ Chính Trị, thì tay trùm tư bản Mỹ Bill Gates, tỉ phú số một của hành tinh cũng chợt đảo qua Hà Thành và Sài Thành để được ca tụng và nêu gương cho giới trẻ Việt Nam nuôi chí lớn. Có nên kể thêm sự có mặt của phái đoàn ngoại giao của Hiệp Hội Châu Âu do bà Benita Ferrero cầm đầu nữa không?

Số lượng tin tức và cách thức loan tin về tất cả những sự việc trên làm lu mờ một biến cố quan trọng từ phía các nhà đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do: Sự ra đời của bản *Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ* chỉ mười ngày trước đại hội đảng, mang chữ ký của 118 người để rồi trở thành Khối 8406, với hàng ngàn đoàn viên.

Đó là những việc cách nay một năm.

Đảng đã chuẩn bị kĩ cho đại hội X. Vì đại hội là của đảng.

Năm nay đảng cũng chuẩn bị kĩ cho Quốc Hội XII, vì, mỉa mai và nghịch lý thay, cái gọi là Quốc Hội này cũng là của đảng. Của đảng, vì tất cả 500 đại biểu sẽ phải là đảng viên (khoảng 90%) hoặc do đảng chọn (khoảng 10%) thông qua Mặt Trận Tổ Quốc là tổ chức ngoại vi của đảng. Đã có một cuộc *hiệp thương* để phân phối số đại biểu dành cho từng tổ chức, đoàn thể... mặc dù một vài nhà trí thức đã thức tỉnh hay bớt sợ phần nào đã lên tiếng phê bình, nhắc nhở, cảnh cáo: “*Hiệp thương để thỏa thuận phân phối số ĐBQH (đại biểu Quốc Hội) cho các cơ quan và tổ chức thuộc hệ thống chính trị trước khi tiến hành bầu cử là phủ định quyền tối cao quyết định của cử tri (tức của toàn dân) trong sự lựa chọn ĐBQH thông qua bầu cử.*” (Phan Đình Diệu). Hoặc: “*Vận động bầu cử cần tiến hành bình đẳng, tránh bị kỳ thị, như có đại biểu đã phát biểu.*” (Lê Đăng Doanh)¹

¹ Các ông Phan Đình Diệu và Lê Đăng Doanh là những trí thức có uy tín, được giới cầm quyền nể vì, do những cống hiến về

Để chuẩn bị xa, gần cho cuộc bầu cử cái quốc hội của đảng ấy, “đảng ta” cũng đã làm một số việc khá ngoạn mục.

Sau những cố gắng móc nối để dụ được các ông Nguyễn Cao Kỳ và Phạm Duy tách khỏi khối người Việt hải ngoại để về nước chịu sự sai khiến của mình, đảng CS đã “cho phép” (hay dàn xếp, thỏa hiệp? và quảng cáo rầm rộ trước) đề một phái đoàn hùng hậu của Làng Mai ở Pháp do sư ông Thích Nhất Hạnh cầm đầu linh đình về nước để lập các trai đàn giải oan cho những người đã chết, nhưng không đếm xỉa hay quan tâm đến những oan trái hiện đang chồng chất của những người còn sống. Sự việc này đã kéo chú ý của nhiều cơ quan ngôn luận ngoại quốc. Nếu

chuyên môn mà họ dành cho chế độ. Ông Diệu là nhà toán học nổi tiếng trong nước, có tư tưởng tiến bộ, không buồn khi bị đảng khai trừ vì ủng hộ phong trào đòi dân chủ đa nguyên. Ông Doanh là chuyên viên cao cấp về kinh tế, tốt nghiệp đại học ở Nga và Đức, từng là cố vấn cho văn phòng các lãnh tụ Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng khi còn rất trẻ. Cho nên không lạ là họ đã dám lên tiếng phê bình đôi chút. Nhưng nói như họ cũng chẳng thấm vào đâu. Vì chuyện bầu cử kiểu này chỉ là một màn kịch để che đậy dã tâm tước đoạt hoàn toàn quyền tự do ứng cử và bầu cử của toàn dân, cũng như tất cả các quyền tự do căn bản khác của con người. Theo lập trường của linh mục Nguyễn Văn Lý và của Khối 8406 (*tẩy chay bầu cử kiểu đảng cư dân bầu*), thì bất cứ người dân nào, kể cả các ông Lê Đăng Doanh và Phan Đình Diệu, nếu chịu cúi đầu dẫn thân tới phòng phiếu vào ngày 20 tháng 5 tới này, để bỏ phiếu cho cái “quốc hội” của đảng, đều đương nhiên tán thành và củng cố cái chế độ độc tài phi dân chủ này.

Nguyễn Cao Kỳ là chính khách thuộc thành phần lãnh đạo chính trị miền Nam trước đây, và Phạm Duy thuộc thành phần nghệ sĩ nổi tiếng một thời tại miền Nam cũng như tại hải ngoại. thì Thích Nhất Hạnh có thể được coi là thành phần nổi tiếng nhất thuộc một tôn giáo vốn tự coi là đông đảo nhất của Việt Nam, mặc dù ông lưu vong đã lâu tại Pháp, và đã tự ý lập ra một hệ phái Phật giáo riêng chẳng giống ai. Cho nên năm 2005, về nước sư ông đã bị hòa thượng Thích Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất từ chối không tiếp.

Và năm nay chủ trì đại trai đàn “giải oan” với sư ông Thích Nhất Hạnh (lần đầu tại chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn, ngày 15-3-07) không phải là những hòa thượng, thượng tọa của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, mà là những nhà sư của Phật Giáo Việt Nam. (được nhà cầm quyền CS cho phép hoạt động công khai, chính thức. Cho nên người ngoài có thể gọi là “giáo hội Phật Giáo quốc doanh) như hòa thượng Sám Chủ Thích Lệ Trang chủ lễ, hòa thượng Thích Thiện Tánh khai mạc buổi lễ, và sự chứng kiến của nhiều đại lão hòa thượng và chư tôn đức của GHPGVN trong đó có các hòa thượng Thích Đức Nghiêp, Thích Giác Nhiên và Thích Trí Quảng...

Sự kiện sư ông Thích Nhất Hạnh đem vài trăm đệ tử, tăng sĩ và Phật tử từ hải ngoại về nước chỉ ít ngày trước khi phái đoàn của Vatican tới Hà Nội trong chuyến thương thuyết thứ 15 nhằm dọn đường cho

bang giao giữa Vatican và Cộng Sản Việt Nam có dính dáng gì đến việc thánh tượng Đức Mẹ Sầu Bi² ở Ninh Bình bị đập phá (ngày 30-1-07) và các vụ sách nhiễu, khủng bố bắt giữ sau đây không? Chi xin kể một vài vụ gần đây nhất: Vụ đập phá ngôi tịnh thất của thượng tọa Thích Thiện Minh tại thị xã Bạc Liêu (ngày 16-3-07), rồi khám nhà, tịch thu máy vi tính, bắt thượng tọa Thích Thiện Minh đi làm việc (ngày 19-3-07); việc lấp đường vào chùa Ba La Mật, hành hung, đánh đập hòa thượng Thích Nhật Ban chủ trì chùa này (giữa tháng 2-07); việc công an bao vây nhà và khủng bố tinh thần huynh trưởng gia đình Phật Tử Lê Công Cầu, cấm thượng tọa Thích Chí Thắng sinh hoạt gia đình Phật Tử, sách nhiễu, cướp giật xách tay mang thiệp chúc xuân của thượng tọa Thích Chí Thắng, trụ trì chùa Phước Thành, Thừa Thiên-Huế; và nhiều vụ sách nhiễu, đàn áp nhắm vào các tăng sĩ thuộc Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất tại các tỉnh Bình Định, An Giang, Đồng Nai Bạc Liêu, Thừa Thiên-Huế v.v... (trong tháng 2-2007)?

² Đây là bản sao của bức tượng Pietà (Thương xót) do họa sĩ kiêm điêu khắc gia lừng danh Michelangelo sáng tác vào cuối thế kỷ 15. Tượng nặng gần 2 tấn, hiện đặt tại vương cung thánh đường Thánh Phê-rô, Vatican, Roma. Tượng ở Ninh Bình này đã bị Việt Cộng đập phá chỉ 4 ngày sau khi Giáo Hoàng tiếp Nguyễn Tấn Dũng tại Vatican! Người ta không loại trừ giả thuyết có bàn tay bí mật phá hoại nỗ lực của nhà cầm quyền trong vấn đề bang giao với Vatican.

Việc thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng sang Vatican yết kiến Giáo Hoàng (25-1-07), và phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm sang Mỹ gặp Ngoại Trưởng Rice (ngày 15-3-07), rồi sang Bắc Kinh báo cáo chuyến đi Mỹ của mình, cộng với những cuộc phát giải thưởng văn học Hồ Chí Minh, trong đó cả một số nhà văn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hồi thập niên 50 như Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần cũng có tên, cộng thêm việc tổ chức vinh danh 17 nhân vật Việt Kiều có thành tích đối với nhà nước CS... có dính dáng gì đến vụ bắt giữ luật sư Lê Quốc Quân, du học Mỹ quốc, ngay lúc vừa hồi hương. vụ bắt giữ bà Thérèse Jebsen thuộc Sáng hội Rafto tại Thanh Minh Thiền Viện, khi bà này tới thăm hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (ngày 15-3-07) không?

Về việc bắt giữ bà Jebsen, chúng tôi xin trích một đoạn văn trong lời phát biểu của hòa thượng viện trưởng khi trả lời phỏng vấn của phóng viên *Quê Mẹ*, Ý Lan, để độc giả thấy được hoàn cảnh xảy ra vụ việc và thái độ kiên cường bất khuất của một bậc chân tu từng chứng kiến những hành động dã man của CS.

Ý Lan: Kính xin hòa thượng cho biết cảm tưởng trước sự việc này?

HT. Thích Quảng Độ: *Về vấn đề này tôi chỉ tội nghiệp cho bà. Rất thương. Tôi buồn nhiều, mà tôi*

buồn ở chỗ tôi xấu hổ cho dân tộc tôi. Không có một chút gì là tính người, không còn một chút gì lịch sự, văn minh. Nó là một bọn người đầu trâu mặt ngựa thôi. Tôi chưa từng năn nỉ Cộng sản bao giờ mà! Bản thân mình chịu tù, bị lưu đày, nhưng chưa bao giờ năn nỉ nó một lời, mà hôm nay tôi phải năn nỉ nó, là vì tôi thấy bà tội. Ngày đầu tiên người ta đến đây lạ nước lạ cái, mà đối xử người ta như thế. (...) Thì đấy, cứ suy ra một người ngoại quốc người ta đến, mà công an cư xử như thế, thì phải hiểu cho 80 triệu dân Việt Nam đang sống dưới một chế độ như thế nào?

Và nhất là những sự việc trên có liên hệ xa gần gì đến những vụ bắt giữ Linh mục Nguyễn Văn Lý 60 tuổi, các luật sư Nguyễn Văn Đài 38 tuổi và Lê Thị Công Nhân 28 tuổi, kỹ sư Đỗ Nam Hải, những đồng chí thân thiết của linh mục Lý không. Dĩ nhiên chẳng dính dáng gì lắm đâu. Có thể chỉ là ngẫu nhiên. Nhưng người quan sát không thể không chú ý tới sự “ngẫu nhiên” lý thú này. Lại còn việc một “phụ tá” của linh mục Nguyễn Văn Lý là Nguyễn Phong bị khám nhà, bắt đi (ngày 16-2-07), rồi vài ngày sau tuyên bố giải tán đảng Thăng Tiến Việt Nam. Quan trọng hơn nữa là vụ kỹ sư Đỗ Nam Hải (Phương Nam), một trong những người đứng đầu gió ngọn sóng từ khi Khối 8406 ra đời bị bắt, bị khủng bố tinh thần (?), rồi đột ngột tuyên bố rút lui khỏi khối vào giữa tháng 3 này!

Vụ Phạm Duy và Nguyễn Cao Kỳ về nước xảy ra

đã lâu. Nói ra sẽ dài dòng, không khéo sẽ lạc đề. Hãy bỏ qua. Chỉ nên chú ý vào những sự kiện có liên quan đến tôn giáo và những hòa thượng, thượng tọa, và linh mục.

Về sự hồi hương linh đình của phái đoàn đồ sộ tiếng tăm của sư ông Nhất Hạnh và sư bà Chân Không (thế danh Cao Ngọc Phượng), chúng tôi xin phép không nói thêm, vì đã có quá nhiều người đề cập và phân tích tỉ mỉ theo nhiều xu hướng khác nhau rồi. Nói thêm sợ trùng kể của những kẻ muốn đánh lạc hướng dư luận.

Chúng tôi chỉ muốn tập trung vào những sự việc liên quan đến linh mục Nguyễn Văn Lý và hòa thượng Thích Quảng Độ là hai vị chức sắc của hai tôn giáo tương đối lớn tại Việt Nam ngày nay, hiện đang bị nhà cầm quyền Cộng Sản giam lỏng vì tội chống chế độ.

Về địa vị, một linh mục coi một giáo xứ nhỏ như cha Lý không thể so sánh được với hòa thượng viện trưởng Viện Hóa Đạo, là một trong hai lãnh tụ tối cao của Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Nhưng nếu xét về lý do và thái độ chống chế độ Độc Tài Cộng Sản, thì có chỗ tương đồng rất quan trọng.

Hòa thượng Thích Quảng Độ có một sư phụ vô cùng kính mến bị Việt Cộng sát hại mà ngài đã từng kể lại chi tiết trong một lá thư gửi cho TBT Đỗ Mười ngày 19-8- 1994. Trong thư có đoạn: “*Cũng ngày hôm nay, cách đây 49 năm sư phụ tôi là hòa thượng Thích*

Đức Hải, trụ trì chùa Linh Quang, xã Thanh Sam, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, đã bị cộng sản giết vào hồi 10 giờ sáng ngày 19-8- 1945 (tức ngày 12 tháng 7 năm Ất Dậu), ngày cách mạng thành công, trên bãi cỏ trước đình làng Bật thuộc phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, cách chùa sư phụ tôi 2 cây số, vì bị gán cho tội “Việt gian bán nước”³

³ Một đoạn khác của bức thư trên của Hòa Thượng Thích Quảng Độ:

“Lúc 10 giờ sáng ngày 19-8-1945 (hồi đó tôi 18 tuổi) khi tôi nhìn sư phụ tôi, hai tay bị trói bằng dây kẽm quặt về phía sau, cổ đeo hai tấm biển viết mấy chữ “Việt gian bán nước”, một tấm trước ngực, một tấm sau lưng, đứng giữa sân đình làng Bật, hai bên một đoàn người cầm gậy gộc giáo mác, câu liêm, bô cào đứng canh gác. Một nhóm người mệnh danh là quan tòa của Tòa Án Nhân Dân đứng trên thềm đình để xử án. Họ bắt sư phụ tôi quì xuống sân đình và cúi đầu nghe tòa luận tội. Nhưng sư phụ tôi đã không chịu làm thế. Một người từ trên thềm đình bước xuống đứng trước mặt sư phụ tôi, nói: “Mày là thằng Việt gian bán nước mà còn ngoan cố à?” Nói xong, họ đâm vào quai hàm thầy tôi mấy cái, một dòng máu từ trong miệng sư phụ tôi ứa ra, chảy theo cằm nhỏ xuống thấm đỏ tấm biển “Việt gian bán nước” ở trước ngực. Lập tức họ tuyên án tử hình rồi đưa sư phụ tôi ra bãi cỏ trước đình, máu từ miệng sư phụ tôi tiếp tục chảy ra thấm vạt áo dài. Nhỏ xuống sân đình. Khi đến bãi cỏ, họ vật sư phụ tôi nằm nghiêng xuống, rồi một người bắn vào mông tai sư phụ tôi ba phát súng lục, lại một dòng máu đỏ tươi phun lên thẳng tắp và sư phụ tôi chết liền tại chỗ. Dòng máu ấy với hình ảnh sư phụ tôi hai tay bị trói nằm chết trên bãi cỏ máu me đầy mặt, hai tấm biển “Việt gian bán nước” thấm máu, vạt áo thấm máu, hai bàn chân thấm máu, máu vương trên bãi cỏ, chỗ nào cũng thấy máu. Tất cả những hình ảnh ấy, đến nay đã 49 năm rồi mà tôi vẫn còn nhớ như in và tưởng chừng như mới hôm nào

Linh mục Lý cũng có một sư phụ vô cùng kính mến là giám mục Nguyễn Kim Điền đã bị cộng sản ngược đãi, sách nhiễu, tra vấn và đã chết tại nhà thương trong một trường hợp đầy nghi vấn mà cha Lý nghĩ rằng ngài bị đầu độc. Tuy giám mục Nguyễn Kim Điền của linh mục Lý bị nạn sau hòa thượng Thích Đức Hải 4 thập kỷ, và cái chết của ngài không đẫm máu và rùng rợn bằng, nhưng vết thương để lại trong tâm khảm linh mục thì không kém sâu thẳm.⁴

Có lẽ vì vậy mà cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Độ, linh mục Nguyễn Văn Lý rất cương quyết và kiên cường một lòng một dạ chống đối chính thể Cộng Sản độc tài khát máu. Gần chục năm trước ông đã giăng khẩu hiệu TỰ DO TÔN GIÁO HAY LÀ CHẾT trước nhà thờ, dưới chân tháp chuông xứ An Truyền của ông. Đặc biệt là gần đây ông đã xướng xuất lên chiến dịch TÂY CHẠY BẦU CỬ QUỐC HỘI THEO KIỂU ĐẢNG CỬ DÂN BẦU vào ngày 20 tháng 5 sắp tới.

Chủ trương này trước tiên đã được 3 linh mục (Chân Tín, Phan Văn Lợi, Nguyễn Hữu Giải) tán thành và ngày 17-10-2005 bốn ông đã đồng ký tên

đó thôi. Thật là một cơn ác mộng“ (Trích *Phật Giáo Thống Nhất, Thống Nhất Phật giáo*, nhà XB Tin, Paris, 1994, trang 5-6.)

⁴ Khi nêu lên sự tương đồng giữa hai vị cùng có sư phụ bị hại, dĩ nhiên chúng tôi không có ý nói các vị ấy chống Cộng chỉ vì có sư phụ bị hại. Qua hàng loạt lời tuyên bố và bài báo, tham luận hai vị đã cho thấy mình chống Cộng vì CS là độc tài tàn ác và phi nhân... nhất là vì CS đàn áp tôn giáo.

vào ***lời kêu gọi bầu cử đa đảng và Tẩy chay Bầu Cử độc đảng 2007***. Sau đó đã được chấp nhận và phổ biến bởi Khối 8406 như chủ trương chính thức của khối này.

Căn cứ vào một tham luận của linh mục Lý được một số báo đăng tải trong tháng 11 năm 2005, thì ông rất xác tín: *“Tẩy chay bầu cử độc đảng 2007 là đánh một đòn trí mạng vào chính ngay từ huyết tống độc của chế độ độc tài cộng sản Việt Nam”*.⁵

⁵ Riêng người viết không có được xác tín như linh mục Lý, nhưng trong bài *“Bầu cử ở Iraq và Phiếu Trắng”* đăng lần đầu trên tờ *Thời Luận* ở Los Angeles tháng 2 năm 2005 (8 tháng trước khi 4 linh mục đưa ra lời kêu gọi tẩy chay bầu cử độc đảng) chúng tôi cũng đã bày tỏ lòng tin tưởng rằng bỏ phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ hay tẩy chay cuộc bầu cử 2007 là một hình thức đấu tranh bất bạo động và hợp pháp chống độc tài đảng trị khá dĩ thực hiện được, mà không sợ nhà cầm quyền kết tội, đàn áp hay chế tài một cách công khai.

Khi nêu vấn đề Phiếu Trắng hay tẩy chay cuộc bầu cử phi dân chủ “Đảng Cu Dân Bầu” cũng như mạnh mẽ ủng hộ lập trường của linh mục Nguyễn Văn Lý, chúng tôi không có ý đã phá hay bài bác chủ trương của một số chính khách hay đảng phái muốn nhân dịp bầu cử này, len lỏi vào giữa hàng ngũ đảng viên trong “Quốc Hội” sẽ được bầu vào ngày 20-5-07 sắp tới. Những vị hay tổ chức ấy có lẽ vẫn không quên bài học cay đắng, đẫm máu của các đảng phái Quốc Gia như Đại Việt Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh đã vì mắc mưu nhận lấy 70 ghế không được bầu trong quốc hội đầu tiên của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đầu năm 1946. Nhưng có lẽ các vị ấy cho rằng tình hình ngày nay đã khác chẳng.

Chúng tôi chỉ có ý nhấn mạnh rằng, trong một cuộc đấu

Theo những gì đã xảy ra chúng tôi suy đoán là linh mục Lý muốn dồn nhà cầm quyền vào cái thế lưỡng nan: Một là phải cho bầu cử tự do dân chủ đa đảng, hai là cuộc bầu cử sẽ bị tẩy chay. Dĩ nhiên với điều kiện là lời hô hào tẩy chay được đa số cơ quan ngôn luận và đảng phái ở hải ngoại hưởng ứng nhiệt liệt và phổ biến rộng rãi để đến tận nhân dân trong nước. Và nhất là nếu các chức sắc thuộc các tôn giáo trong nước cũng (ít là ngầm) tán trợ, để tín đồ hưởng ứng. Tiếc rằng cho đến nay thực tế không lấy gì làm lạc quan, nếu không nói là bị quan.

Phải chăng vì thấy được mưu tính của Khối 8406 mà Cộng đảng làm áp lực, hay mua chuộc để một thành viên của Khối, thân cận với linh mục Lý là anh Nguyễn Phong, để anh này, sau khi bị bắt và tiếp xúc với nhà cầm quyền, đã tuyên bố giải tán đảng Thăng Tiến Việt Nam (ngày 16-2-07). Và ngay cả trường hợp của kỹ sư Đỗ Nam Hải cũng khó tránh được sự nghi ngờ đó.

Rồi liền sau đó (ngày 19-2-07) họ ra lệnh khám xét phòng của linh mục Lý, tịch thu 6 máy điện toán.

tranh ý thức hệ, chống độc tài, tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ, bằng những phương pháp bất bạo động, thì tẩy chay hay bỏ phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ là một cách thực tế và tương đối an toàn hơn cả, vì nó vừa hợp pháp, vừa kín đáo.

6 máy điện thoại di động cùng nhiều tài liệu khác của các cộng sự viên và đưa linh mục đi biệt giam bên hông nhà thờ Bến Củi thuộc xứ đạo của linh mục Du, cách Huế khoảng ba chục cây số. Xin lưu ý là trong cùng ngày 16-2-06 bị bắt không chỉ có anh Nguyễn Phong mà còn ba người nữa trong Khối 8406 là anh Nguyễn Bình Thành, cô Nguyễn Thị Anh Đào thư ký của đảng Thăng Tiến, và cô Lê Thị Hằng thuộc Khối 8406...

Làm vậy nhà cầm quyền muốn bịt miệng linh mục Lý là người chủ trương và quyết tâm kêu gọi tẩy chay bầu cử. Đồng thời cũng muốn làm tê liệt đảng Thăng Tiến, và làm suy yếu Khối 8406.⁶

⁶ Về việc Nguyễn Phong bị bắt và tuyên bố giải tán đảng Thăng Tiến VN, nhà báo Nguyễn Khắc Toàn nói:

“Thực ra thì ngay cả việc LM Lý có bị đàn áp, có bị bỏ vào tù lần thứ 3 đi chẳng nữa, thì điều chắc chắn là chính phủ CSVN cũng không thể ngăn cản được công cuộc đấu tranh đòi dân chủ của cả dân tộc Việt Nam. Không bao giờ họ dập tắt được khát vọng đòi được quyền làm người, đòi những giá trị nhân quyền căn bản mà mấy chục năm qua dân tộc Việt Nam đã bị đảng CSVN tước đoạt.

Hiện nay, anh em chúng tôi ở Hà Nội vẫn theo dõi chặt chẽ cả những tình hình ở trong Huế, miền Nam và các địa phương khác. Đặc biệt chung quanh việc nhà nước CSVN đã ra tay trắng trợn đối với linh mục Nguyễn Văn Lý. Chúng tôi cũng đã có những cuộc hội thảo chớp nhoáng là sẽ tiếp tục điều hành Khối 8406 này. Những thành viên còn lại sẽ tiếp tục làm các công việc nặng nề nhưng rất vẻ vang mà Lm Nguyễn Văn Lý đã điều hành một cách rất thành công trong vòng gần một năm qua. Tôi xin thông báo với quý vị như vậy”.

Phản ứng của linh mục Lý về việc ông bị bắt giam tại một căn phòng bên nhà thờ Bến Củi hiện thời chỉ là tuyệt thực. Tính mạng ông có thể bị đe dọa vì chúng lao phổi tái phát trong khi ông lại tuyệt thực.

Trong khi đó thì ở hải ngoại nhiều đoàn thể đã biểu tình mang ảnh ông yêu cầu CS phóng thích ngay.

Nhưng xem ra không mấy người để ý rằng ông không coi mạng sống của mình quan trọng bằng lời kêu gọi tẩy chay bầu cử độc đảng. Ông đã từng tuyên bố *tự do (tôn giáo) hay là chết*. Và theo ông chỉ có tẩy chay bầu cử độc đảng để mở màn cho sinh hoạt dân chủ thực sự bằng những cuộc bầu cử tự do, đa đảng mới hy vọng có được tự do tôn giáo. Nghĩa là nếu đạt được mục tiêu tranh đấu đó thì dù ông có bị tù hay bị xử tử cũng mãn nguyện.

Hiện đã có một làn sóng vận động để đòi Hà Nội phóng thích ngay tức khắc linh mục Lý và các nhân vật trong đảng Thăng Tiến Việt Nam và/hay thuộc Khối 8406.

33 nước gồm Liên Hiệp Âu Châu, Mỹ và Úc đã lên tiếng phản đối việc bắt giam phe đối kháng.

54 đoàn thể, tổ chức và chính đảng người Việt Hải ngoại cũng đã

“Long trọng kêu gọi Đức Giáo Hoàng, Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, các nguyên thủ quốc gia của những nước trên thế giới hãy kịp thời lên tiếng can thiệp và áp dụng những biện pháp thích ứng để áp

lực nhà cầm quyền CSVN phải trả tự do tức khắc cho những người bất đồng chính kiến đang bị giam cầm trái phép.”

Nhân lời kêu gọi khẩn thiết này, chúng tôi xin trích lại đây mấy lời van nài tha thiết đầy bi thương của ông Vũ Cao Quận, một tiếng nói. khi nghẹn ngào, khi dõng dạc, cho Tự Do Dân Chủ ở trong nước. Ông chỉ xin sự thương xót cho cô gái nhỏ tuổi Lê Thị Công Nhân (28 tuổi) mà ông coi như con ruột. Nhưng người đọc hiểu ông muốn yêu cầu thế giới hãy quan tâm đến phong trào đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ ở trong nước, đang bị nhà cầm quyền thẳng tay đàn áp như một kẻ vũ phu hà hiếp người con gái bé nhỏ.

Trích

“... Tôi chỉ là một công dân già, không chức quyền, không tiền bạc và không hề có chút gì để nhân danh cả. Tôi chỉ có tấm lòng của một người cha để nhân danh, tôi tha thiết kêu gọi:

Ông Tổng Thống Mỹ,

Các ông, các bà Tổng Thống, Thủ Tướng của Liên Minh Châu Âu,

Các Bà Nữ Hoàng,

Đức Nhật Hoàng tôn kính và Thủ Tướng Nhật Bản

“Nếu tất cả các vị tôn kính còn chút nước mắt xin hãy nhỏ xuống vì Lê Thị Công Nhân, vì một đứa con gái Việt Nam bé bỏng yếu ớt.

“Hãy rủ lòng thương nó như thương đứa con tội

nghiệp mà các vị mạnh mẽ lên tiếng buộc nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam phải trả tự do ngay cho nữ luật sư Lê Thị Công Nhân cùng luật sư Nguyễn Văn Đài chỉ vì 2 luật sư này đã “phạm tội” san sẻ truyền đạt những điều cao thượng, bác ái thuộc về “dân chủ và nhân quyền” của nước Mỹ, của nước Pháp, của George Washington, Thomas Jefferson, Franklin Roosevelt, Abraham Lincoln... của Montesquieu... cho thế hệ trẻ Việt Nam tội nghiệp đang bập bõm về dân chủ và về cái quyền được làm người. (...)

Thật là cảm động. Nếu được đọc toàn văn lá thư của Vũ Cao Quận, nhiều người sẽ rưng rưng nước mắt. Lệ không chỉ dành cho Lê Thị Công Nhân. Cả cho phong trào Tự Do Dân Chủ còn non trẻ nữa.

Nhưng vì đâu thế giới hầu như bất lực, hay làm ngơ trước sự đàn áp thô bạo của bạo quyền?

Linh mục Lý đã lý giải thực tế phũ phàng này trong bài tham luận nói trên.

Quốc Hội rõ ràng là của Đảng chứ không phải của dân. Vì trong số 500 ghế đại biểu, chỉ khoảng 50 ghế dành cho trên 80 triệu dân. Còn đảng chỉ có 3 triệu đảng viên (4% dân số) mà lại dành khoảng 450 ghế.

Nhưng xuyên qua 11 cuộc bầu cử trước, đảng CS đã dùng đại xảo để chứng minh với dư luận toàn thế giới rằng nhân dân Việt Nam chấp nhận quốc hội đó, quốc hội của Đảng, thông qua cuộc bầu cử “tự do”. Nhân dân có quyền đi bầu hay không đi bầu, vậy mà lần nào cũng gần 99% dân đều đi bầu.

Vậy chỉ có một cách chứng minh với thế giới rằng dân Việt không chấp nhận cái quốc hội giả dối, tượng trưng cho cái chế độ độc tài này là không đi bầu.

Nếu nhân dân, trong số đó thiếu gì trí thức, kể cả trí thức phản tỉnh, trí thức khát khao dân chủ cũng đi bầu, thì hỏi lấy lý do gì để cổ võ cho dân chủ tự do?

Cho nên, nếu chúng ta ủng hộ linh mục Lý, kêu gọi thế giới can thiệp để thả ông, thì đó là điều tốt. Nhưng, nếu biết rằng ông thà chết để đòi cho bằng được tự do tôn giáo, trong khuôn khổ tự do nói chung, thì tán thành, cổ võ cho lời kêu gọi tẩy chay bầu cử độc đảng còn tốt hơn, và hợp ý của ông hơn. Nhưng tại sao dư luận quần chúng và các đảng phái lại thờ ơ lãnh đạm với lời kêu gọi tẩy chay của Khối 8406?

Nhiều người bảo tẩy chay bầu cử là một phương pháp quá mạnh và không thực tế. Nhưng không có biện pháp mạnh thì đừng hòng xoay chuyển cục diện. Đã trên nửa thế kỷ rồi nhân dân đã cam phận đảng đặt đầu ngói đó. Biết bầu cử quốc hội theo kiểu đảng cử dân bầu là phi dân chủ, mà vẫn ngoan ngoãn đi bầu. Trạng huống ấy đã thành nếp sinh hoạt “dân chủ tập trung” của đảng, nghĩa là một thứ lừa mị, gian dối. Muốn phá vỡ một tập quán lâu đời lại sợ biện pháp mạnh ư? Nó mạnh đấy. Nhưng cũng là phương pháp hợp pháp, bất bạo động, phù hợp với chủ trương của hầu hết các tổ chức, đoàn thể đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ hiện nay.

Còn nếu bảo không thực tế thì có thể đúng một nửa. Những biện pháp gắt gao mà hữu hiệu của đảng, và công an nhằm kiểm soát hộ khẩu, theo dõi mọi hành vi hoạt động của người dân khiến ai cũng sợ nếu vắng mặt tại phòng phiếu sẽ bị báo cáo và ghi sổ đen, và sau này sẽ bị trừng trị, hay làm khó dễ trong các vấn đề sinh hoạt kể cả vấn đề ăn ở, di chuyển. Như vậy sẽ rất ít người nghe theo mà tẩy chay bầu cử. Đó là chưa kể thật khó mà phổ biến lời kêu gọi này tới được đa số dân chúng.

Về điểm này thì linh mục Lý cũng đã tiên liệu và ông chỉ mong làm sao có được 5% người dân dám tẩy chay thì cũng đã gây được sự chú ý của quốc tế, nếu so sánh với các lần bầu cử trước. Và như vậy cũng đã cấy được vào chế độ CS trong nước cái mầm ung thư, như linh mục Lý ám chỉ. Và lại tẩy chay bầu cử không phải chỉ là không đi bầu. Đi bầu nhưng bỏ phiếu trắng, phiếu bất hợp lệ cũng là một cách phản đối bầu cử độc đảng.

Nhân nhắc đến con số 5% của linh mục Lý chúng tôi liên tưởng tới gần 2 triệu người Việt đã làm một cuộc bỏ phiếu bằng chân vô cùng can đảm hồi 1975-1979, khi họ bỏ tất cả lại cho kẻ chiến thắng để liều chết vượt biên, vượt biển, đi tìm Tự Do. Gần 2 triệu trên một dân số 40 triệu dân lúc ấy cũng tương đương 5% đấy. Và cuộc bỏ phiếu bằng chân lúc ấy đã khiến cả thế giới tỉnh ngộ về thiên đường CS. Cũng vì 5% số phiếu bằng chân ấy mà cái họa “Domino”,

theo tiên đoán của cố TT Mỹ Dwight Eisenhower đã không xảy ra, và chỉ trên một thập kỷ sau, toàn bộ Khối Cộng Đông Âu và Liên Xô tan rã.

Lý do khiến phần đông đảng phái và tổ chức chính trị không tán thành và/hoặc không dám cổ vũ cho biện pháp tẩy chay, vì họ hy vọng sẽ len lỏi được vào con số 10 phần trăm ứng cử viên ngoài đảng để trước hết hãy có tiếng nói trong quốc hội, dù là quốc hội của đảng. Cho nên theo họ, cần phải khuyến khích người dân đi bầu và bầu cho những ứng cử viên độc lập hay thuộc phe tự do dân chủ.

Hình như đã có những toan tính, tiếp xúc để một số người Việt hải ngoại có thể về nước ứng cử với tư cách cá nhân hay đảng phái. Những người chủ trương chống tẩy chay còn mơ mơ màng màng nghĩ tới một hoàn cảnh thích hợp mới qua những diễn biến xảy ra trong những liên hệ của Cộng Sản Việt Nam với Hoa Kỳ và Vatican trong tương lai!

Có thể những người này không phải không biết đến kinh nghiệm và bài học cay đắng của các đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng và Việt Cách hồi 1946, khi Việt Minh dàn xếp để biểu không cho nhóm trước 50 ghế và nhóm sau 20 ghế. Nhưng họ nhận định đúng hay sai?— rằng ngày nay tình thế đã khác 1946.

Theo thiện ý thì dầu sao những người đi bầu, hay ra ứng cử vào một cái quốc hội của Đảng chứ không phải của dân đã là một hình thức đầu hàng hay thỏa hiệp, không còn lý do khoe khoang, tự hào là mình

đấu tranh cho tự do dân chủ nữa. Quần chúng yêu chuộng tự do dân chủ không tán thành và ủng hộ một đường lối đầu hàng hay thỏa hiệp kiểu đó đâu.

Nếu có một biện pháp dung hòa thì đó là, một mặt tuyệt đại đa số vẫn theo chủ trương của Khối 8406 kêu gọi toàn dân tẩy chay bầu cử. Một mặt làm ngơ cho một vài tổ chức, hay cá nhân ra ứng cử với tư cách riêng. Lời hô hào tẩy chay càng được phổ biến rộng rãi, càng được nhiều đoàn thể tổ chức, đảng phái và các lãnh tụ tôn giáo trong nước ngầm hỗ trợ, thì càng hy vọng Cộng Đảng phải bó buộc mở rộng thêm phạm vi ứng cử để có thể hình thành một cuộc bầu cử đa đảng, tiến tới hủy bỏ điều 4 hiến pháp 1992, là căn nguyên của cái quốc hội quái thai là “Quốc Hội” của đảng.

Cũng gần giống như màn kịch góp ý trước đại hội X của đảng. lần này các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước cũng đã bắt đầu đưa ra những lời phê bình, nhắc nhở với đảng về việc tổ chức bầu cử sao cho “dân chủ” hơn! Ví dụ đã có ý kiến của hai nhà trí thức nổi tiếng Phan Đình Diệu và Lê Đăng Doanh nói trên. Ngoài ra còn có rất nhiều nhân vật khác trong đảng hoặc trong chính quyền cũng lên tiếng như các ông Nguyễn Anh Tuấn, nhà báo, Nguyễn Đình Hương (Mười Hương), cựu ủy viên trung ương đảng, cựu phó trưởng ban Tổ Chức đảng, Dương Trung Quốc, Trần Quốc Thuận, phó chủ nhiệm văn phòng “Quốc Hội”, Lưu Văn Đạt, giáo sư, Huỳnh

Đàm, tổng thư ký mặt trận Tổ Quốc v.v..., mặc dù tất cả những người đó đều quá biết, nói thì nói chứ có ai nghe đâu. Chúng tôi chỉ xin ghi lại đây ý kiến văn gọn của nhà báo Nguyễn Anh Tuấn:

“Có ý kiến cho rằng đại biểu quốc hội thật, nhưng chất lượng giả.”

Thực ra không phải chỉ có chất lượng là giả. Cả cái quốc hội cũng giả nốt. Và giả đã sáu chục năm nay rồi! Mà quốc hội đã giả thì đương nhiên đại biểu QH phải là giả. **Quốc** Hội theo định nghĩa phải là tổ chức hội nghị của **Quốc** Gia, do **Quốc** dân bầu ra. Đảng này cái gọi là “quốc hội” ở đây lại là của đảng, do đảng dàn xếp để chọn ứng cử viên mà 90% là đảng viên. Thì gọi là quốc hội chỉ là mạo nhận, cướp danh.

Có điều mắc mớ là đảng đã có cái đại xảo trá để dụ cho toàn dân đi bầu trong ngày bầu cử để “hợp thức hóa” cái QH do đảng chế tạo đó. Vì vậy mà cả dân tộc há miệng mắc quai. Chính mình đã bỏ phiếu tán thành cái chế độ độc tài giả dối ấy thì còn nói sao được nữa? Nay linh mục Lý và Khối 8406 đưa ra lời kêu gọi tẩy chay bầu cử QH của đảng, là mạnh dạn xung phong mở đường cho toàn dân thoát ra khỏi cái thế há miệng mắc quai ấy!

Thiết tưởng các cơ quan ngôn luận, các nhà lãnh đạo các đảng phái quốc gia, các tổ chức đoàn thể cộng đồng, cộng đoàn, quân sự và dân sự của người Việt hải ngoại trên khắp thế giới nên xét lại thái độ

thờ ơ lạnh nhạt của mình đối với một lời kêu gọi tha thiết, chân thành cho một giải pháp chính trị hợp pháp, bất bạo động và – nếu được sự tán trợ và góp tiếng nói của quý vị – có thể rất hữu hiệu này.

20-3-2007

Tái Bút:

Khi mở máy để gửi bài này tới *DCV Online*, thì chúng tôi được đọc bài của ông Nguyễn Minh Cần nhiệt liệt cổ vũ cho khẩu hiệu “Tẩy Chay Bầu Cử Độc Đảng”. Xin hoan nghênh những ý kiến xác đáng và rõ ràng của nha đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ Nguyễn Minh Cần. Và mong bài này được chuyển lên nhiều mạng để đến được người dân trong nước.

19. Hãy nhắm trúng tâm điểm

Tháng 5 là tháng Cộng Sản Việt Nam mừng 5 ngày lễ lớn: Quốc Tế Lao Động, ngày của giai cấp công nhân (1-5).¹ ngày sinh của Các Mác (5-5-1818), kỷ niệm chiến thắng Điện Biên (7-5-54), ngày mặt trận Việt Minh ra đời (19-5-1941), và ngày sinh của “bác Hồ” (19-5-1890).

Năm nay tháng 5, đối với Việt Cộng, còn có thêm một ngày hội lớn. Đó là ngày 20-5-07, ngày toàn dân đi bầu quốc hội.” (!)

Bài này được viết vào đúng lúc Cộng Sản Việt Nam đang chuẩn bị ráo riết cho cuộc bầu cử cái gọi là Quốc Hội đó. Cũng nằm trong chương trình chuẩn bị đó, ngày 30-3-2007, họ đưa ra xử và kết án

¹ Thực ra ngày QTLĐ là ngày hội chung cho công nhân toàn thế giới, ở Mỹ ngày này được gọi là May Day, (đánh dấu sự thành công của công nhân Úc cách nay đúng 151 năm (21-4-1856), tranh đấu đòi quyền được hưởng mọi quyền lợi với thời lượng mỗi ngày chỉ làm 8 tiếng), không phải của giới vô sản theo chủ nghĩa CS. Nhưng Việt Cộng thường mừng lễ này theo tinh thần riêng.

linh mục Nguyễn Văn Lý (8 năm tù) và những nhà đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do trong Khối 8406, vì tổ chức này cùng với linh mục Lý hô hào ***tẩy chay bầu cử kiểu “đảng cử dân bầu”***.

Nhân dịp này, để mở đầu cho bài viết, chúng tôi xin nhắc lại một câu hỏi đã nhiều lần được nêu lên: Tại sao đã biết bầu cử theo kiểu đảng-cử-dân-bầu là phi dân chủ, là trò hề lộ bịch trơ trẽn mà nhân dân ta cứ “ngoa ngoãn” tới phòng phiếu suốt sáu chục năm qua, trải qua 11 lần bầu cử?

Có nhiều nguyên nhân. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất mà chúng tôi muốn nói đến ở đây là huyền thoại Hồ Chí Minh, “*cha già dân tộc*”, “*anh hùng dân tộc*”. Hồ Chí Minh là người được Cộng Sản Việt Nam cùng với bộ máy tuyên truyền đồ sộ hiện đại của Cộng Sản Quốc Tế suốt trong nhiều thập niên đã đề cao là người có công đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, giành độc lập, thống nhất cho tổ quốc Việt Nam. Rồi, vì ảnh hưởng của luận điệu tuyên truyền ấy, một phần lớn dư luận thế giới đã nói theo, viết theo. Ảnh hưởng đó thậm chí còn khiến ngay một số trí thức phe quốc gia chống Cộng cũng lập lại rằng, “nói gì thì nói cái công giành Độc Lập của ông Hồ là lớn lắm”.² Đó là chưa kể nhiều nhà đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do, xuất thân từ hàng

² Chỉ xin nêu một danh tính, giáo sư Hoàng Xuân Hãn mà, cách đây 5 năm, chúng tôi đã có một bài nêu lên trường hợp của ông và phản bác nhận định của ông.

ngũ những cựu cán bộ CS phản tỉnh, phản kháng³ vẫn ôm lấy thần tượng, huyền thoại Hồ Chí Minh để chống chế độ mà ông ta đã tạo dựng suốt trong nhiều thập kỷ (!).

Về huyền thoại Hồ Chí Minh nói chung, thì đã có nhiều người viết rồi. Trong đó phải kể đến các tác giả Trần Gia Phụng và Lữ Phương, tuy rằng lập trường của hai người hoàn toàn khác nhau. Nhưng theo tôi, chúng ta không nên chú trọng đến những cái râu ria bề ngoài, dễ khiến đi lạc vào một khu rừng rậm, mà chỉ nên đánh thẳng vào tâm điểm, là huyền thoại Cha Già Dân Tộc.

Chính cái huyền thoại chủ yếu này đã biến con người Hồ Chí Minh thành một thần tượng “linh thiêng” của chế độ. Trong những lúc nguy nan nhất, như kể từ khi phải đối phó với phong trào đòi Tự Do Dân Chủ bùng phát với Khối 8406 chẳng hạn, Cộng đảng đã kêu gọi toàn đảng, toàn dân hãy học tập “đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh”.⁴ Họ chỉ sợ lỡ mà thần tượng sụp đổ thì chế độ cũng tan tành.

Chính vì thế mà các đảng phái quốc gia, các phong trào, tổ chức đấu tranh cho dân chủ tự do càng phải đặt trọng tâm vào việc phá vỡ huyền thoại này, đánh

³ Chúng tôi cũng chỉ nêu một tên: ông Lữ Phương, mà tôi đã dành hẳn một chương sách trong cuốn *Tâm Sự Nước Non. Ai Giết Hồ Chí Minh?* để nói lên cái sai lầm cơ bản của ông này.

⁴ Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7-1-2007 bắt dân cả nước học tập trong 4 năm!

đổ thần tượng này. Xin nhắc lại, huyền thoại anh hùng dân tộc, thần tượng “cha già dân tộc”.

Nhưng việc đó khó đến đâu? Có thể làm được không? Và làm như thế nào?

Trước hết, việc phá vỡ huyền thoại này là việc vô cùng khó khăn. Thứ nhất, vì chính ông Hồ và những phụ tá thân cận nhất của ông ta đều là những chuyên gia lão luyện về khoa tuyên truyền đã tác tạo nên thần tượng đó.⁵ Nghiên cứu về tính chất, nội dung và kỹ thuật tuyên truyền, ai cũng rõ thần tượng là một trong ba yếu tố quan trọng hàng đầu của tuyên truyền (chính nghĩa, thần tượng và biểu tượng).

Thứ đến, các chính khách và cán bộ phe Quốc Gia, ban đầu bị Cộng Sản lừa, mà lại không nắm vững và/hoặc không coi trọng kỹ thuật tuyên truyền như các cán bộ Cộng Sản, nên đã không nhìn thấy sớm âm mưu tạo thần tượng của Cộng Sản để kịp thời phản bác và lật đổ. Trong khi đó thì hàng ngày phe Cộng Sản không ngừng củng cố, tô vẽ thần tượng ấy.

⁵ Những cán bộ Cộng Sản từng được ông Hồ đích thân đào tạo, và/hay được đào tạo tại học viện Lao Động Đông Phương (từng mệnh danh là trường Stalin), hoặc tại trường Hoàng Phố ở Hoa Nam là trường chung của cả Quốc, Cộng Trung hoa một thời. Trong số những cán bộ cao cấp cộng sản Việt Nam viết tiểu sử của lãnh tụ chỉ xin kể Trường Chinh người được coi là viết tiểu sử Hồ hay nhất, sau đó là Phạm Văn Đồng, Văn Tiến Dũng, Phùng Thế Tài và Võ Nguyên Giáp. Riêng họ Võ có tới 5 cuốn viết về ông Hồ, chưa kể một cuốn hồi ký *Những Năm Tháng Không Thế Nào Quên*, trong đó ông Hồ được nói đến nhiều hơn chính tác giả.

Kẻ thiết kế và đúc khuôn đầu tiên là chính ông Hồ, như sẽ nói sau. Kế đó là những phụ tá hàng đầu của ông ta là Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, tay nào cũng viết tiểu sử đề cao, thần thánh hóa ông Hồ. Thậm chí Võ Nguyên Giáp có đến 5 cuốn loại đó.

Thế rồi từ những cuốn tiểu sử đó mà các cán bộ cấp dưới cỡ Hồng Hà không ngừng nhắc lại, tô vẽ thêm, các nhà báo và sử gia ngoại quốc, kể cả Pháp, Mỹ lại cứ theo đó nói theo, viết theo như những phát kiến độc đáo của mình.

Nếu vào thư viện ta sẽ thấy gần trăm tác phẩm Anh, Pháp... ca ngợi ông Hồ là nhà ái quốc, là anh hùng dân tộc. Cụm từ “Cha Già Dân Tộc” do ông Hồ sáng chế cũng được nhắc lại một cách tự hào.

Trong số tác phẩm ngoại quốc ca tụng họ Hồ mà nếu trưng dẫn ở đây sẽ quá dài,⁶ chúng tôi chỉ xin trích dẫn mấy câu trong hai cuốn từ điển Bách Khoa Anh và Mỹ, là những tự điển mà sinh viên, giáo sư vẫn thường tra cứu hàng ngày, trong số các sinh viên và giáo sư ấy, càng ngày càng có thêm nhiều con cháu chúng ta:

*“Lãnh đạo phong trào ái quốc Việt Nam gần ba thập kỷ, ông Hồ là một trong những người xướng xuất phong trào chống thực dân tại Á Châu sau thế chiến II”.*⁷

⁶ Trong 42 chương, 2 phần đầu, cuốn *Hồ Chí Minh – Nhận Định Tổng Hợp* chúng tôi đã trích dẫn một số lớn.

⁷ *Encyclopedia Britannica*, 2000, tập 5 trang 953-955.

“Hồ Chí Minh được nhiều người tôn kính như một nhà ái quốc và một nhà giải phóng”.⁸

Các tác giả từ điển Bách Khoa cũng như các sử gia ngoại quốc, khi ca ngợi ông Hồ là nhà ái quốc, là nhà giải phóng chống thực dân, dĩ nhiên họ cũng phải có bằng chứng, lấy từ những công trình nghiên cứu lịch sử chiến tranh Việt Nam. Mà đã rõ, lịch sử được viết bởi kẻ thắng. Cuối cùng phe ông Hồ đã thắng. Cho nên họ viết sử theo ý họ. Điều này dễ hiểu. Nhưng cũng không thiếu gì sử gia Pháp, Mỹ, và cả sử gia người Việt Quốc Gia cũng lại căn cứ vào sử của Việt Cộng, và của các sử gia ngoại quốc thiên cộng để viết.

Vậy “lịch sử” chiến tranh Việt Nam đã ghi nhận như thế nào về vai trò giải phóng của ông Hồ? Về công trạng của ông Hồ?

Nếu chỉ nhìn vào các sự kiện thuần túy lịch sử, không đếm xỉa đến nguồn gốc, tính chất phức tạp của cuộc chiến Việt Nam và đặt nó vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn bộ, toàn cầu, toàn diện của cộng sản thế giới, thì người ta thường chỉ thấy những điều sau đây:

Ông Hồ và đảng Cộng Sản của ông đã làm cuộc cách mạng Tháng Tám (1945) thành công. Ông Hồ là người đã đọc bản tuyên ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945. Ông và đồ đệ ruột của ông đã tổ chức bầu quốc

⁸ *Encyclopedia Americana*, 2000, tập 14, trang 253.

hội đầu tiên (đầu năm 1946) trong đó có sự tham gia của các đảng phái quốc gia (70 ghế biểu không), chúng tôi ông được quốc dân tôn làm lãnh tụ, chủ tịch nước. Vì thế CS thường tôn ông là người khai sáng ra nước Việt Nam mới. Từ đó mới hợp thức hóa danh xưng “cha già dân tộc”, chẳng khác gì một thứ “quốc phụ”, như (Ataturk) Mustapha Kemal (1881-1938) của nước Thổ mới, đầu thế kỷ trước.

Cũng căn cứ vào các sự kiện thuần túy lịch sử thì chính ông Hồ cho lệnh phát khởi cuộc kháng chiến chống Pháp từ ngày 19 tháng 12 năm 1946 đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ, khiến Pháp phải rút lui. Như vậy không thể bảo ông Hồ không có công trong việc thu hồi nền độc lập cho Việt Nam.

Những người phủ nhận công này có thể dựa vào việc Nhật Bản đã trao độc lập từ người Pháp trả cho chính phủ Nam Triều, lúc ấy dưới quyền vua Bảo Đại, vì ngày 11-3- 45 (hai ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương) vua Bảo Đại đã tuyên cáo hủy bỏ các hiệp ước (đặt Việt Nam dưới sự cai trị và đô hộ của người Pháp) ký với Pháp trước rồi. Nhưng các người Cộng Sản vẫn thường nói rằng độc lập từ tay người Nhật, không tốn một viên đạn, là thứ độc lập trong vòng cương tỏa của Nhật, không có gì bảo đảm. Vả lại chỉ mấy tháng sau chính vua Bảo Đại đã “tự ý” trao quyền lại cho Việt Minh do ông Hồ lãnh đạo, với câu nói lịch sử: *“Trẫm tha làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước bị*

trị. Như vậy ông Hồ chẳng những có công giành độc lập mà còn có công phá bỏ chế độ phong kiến nữa.

Còn về việc thống nhất đất nước, không những chỉ có tài liệu phía Cộng kể công. Cả các sử gia và các nhà lãnh đạo Mỹ cũng nhận Hoa Kỳ thất trận. Chúng ta không thể nói khác được. Những tác phẩm chiến sử của nhiều nhân vật quốc gia trong Việt Nam Cộng Hòa trước, mô tả những chiến tích oai hùng, can trường, gan dạ đáng thán phục của quân sĩ miền Nam, hay mô tả tác phong đáng lấy làm gương sáng về tài chỉ huy và đức độ của nhiều tướng lãnh VNCH, chỉ để an ủi con cháu chúng ta rằng “thua nhưng không hèn”. Tuy nhiên những tác phẩm ấy không đổi thua thành thắng được. Trừ phi, vâng, trừ phi, chúng ta đánh đổ được thần tượng Hồ Chí Minh và giải thể cái chế độ hiện nay trong một thời gian vắn, trước khi thế hệ chúng ta không còn ở trên đời này. Bằng không sẽ không tránh được cảnh bị con cháu các thế hệ tương lai chê cười, oán trách, sao cha ông chúng lại cùng với quân Pháp, quân Mỹ chống lại đạo quân giải phóng của Hồ Chí Minh và đảng CSVN, khiến tiến trình giành độc lập và thống nhất tổ quốc bị chậm lại và tổn thêm xương máu.

Nếu chỉ đọc tài liệu CS và của các sử gia ngoại quốc, viết theo CS, thì quả tình hầu như không thể nào đả phá được thần tượng yêu nước Hồ Chí Minh. Nhưng nếu hiểu rõ lý thuyết CS, chủ trương đường lối và nhất là chiến lược sách lược đấu tranh của Lê-

nin thì có thể chứng minh ngược lại một cách dễ dàng. Cái khó là ở chỗ làm thế nào để cho quảng đại quần chúng Việt Nam, thường ít học, hiểu được những vấn đề phức tạp về lý thuyết và chiến lược, sách lược. Vì vậy có một số người chủ trương, không nên đánh thẳng vào thần tượng Hồ Chí Minh trước, mà hãy dùng chính thần tượng Hồ Chí Minh để đánh đổ chế độ. (Nghĩa là dùng những lời nói giả dối, đạo đức giả của Hồ Chí Minh “hay gương sáng bác HỒ” mà cho đến nay chẳng những cán bộ CS mà đại đa số nhân dân trẻ đều thuộc nằm lòng). Và sau khi chế độ đã đổ thì đương nhiên thần tượng HCM cũng sẽ nhào theo.

Chúng tôi không tán thành phương pháp này. Làm vậy chẳng khác gì đầu hàng trước khi giao chiến. Chúng tôi nghĩ chỉ có đánh đổ thần tượng HCM, phá vỡ huyền thoại “cha già dân tộc HCM” thì mới sớm giải thể được chế độ hiện nay. Huyền thoại này còn thì Cộng đảng còn lý do nắm quyền độc tôn. Nhân dân sẽ dễ bị họ thuyết phục rằng: ông Hồ và đảng CS do ông thành lập và lãnh đạo trong chiến tranh, đi đến chiến thắng hai cường quốc lớn, thì ngày nay đảng này xứng đáng và có quyền lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước. “Được làm vua, thua làm giặc”. Theo đúng tục ngữ đó, người CS tự cho mình là vua. Chế độ hiện nay chẳng khác gì, mà còn tệ hơn, một chế độ quân chủ chuyên chế thời phong kiến. Và họ bảo “toàn dân” chấp nhận chế độ ấy.

Bằng chứng là qua 11 lần bầu cử “Quốc Hội của Đảng”, nhân dân vẫn “ngoan ngoãn” đi bầu cho đảng.

Thực tế đó được Cộng đảng dùng để chứng minh với nhân dân và các chính phủ dân chủ trên thế giới: Đây nền “chuyên chính vô sản, triệu lần dân chủ hơn các chế độ Tây Phương” ở Việt Nam được toàn dân chấp nhận qua các cuộc bầu cử “tự do”. Đó là một hình thức trưng cầu dân ý gián tiếp. Vì vậy duy trì và củng cố nền chuyên chính vô sản là hợp ý dân. Xin quý vị đừng xen vào nội bộ của chúng tôi.

Thực tế về mối bang giao hiện nay giữa Hoa Kỳ và một số quốc gia dân chủ với nhà cầm quyền CS cũng như những thắng lợi mà họ thu lượm được trong các cuộc trao đổi về kinh tế, thương mại v.v... chúng tôi tỏ rằng các nước tin vào lập luận đó, vì thực ra họ vẫn bị ảnh hưởng của thần tượng cha già dân tộc chi phối từ nhiều thập niên trước.

Sở dĩ cử tri “ngoan ngoãn” đi bầu cho cái quốc hội của đảng đó, để gián tiếp nói lời chấp nhận nền độc tài đảng trị, là vì họ được nhồi nhét quanh năm suốt tháng rằng ông Hồ và đảng CSVN có công rất lớn với quốc dân. Công giành độc lập và thống nhất đất nước! Trong khi tiếng nói và các công trình nghiên cứu của phe ta lại quá yếu ớt và bị ngăn chặn, hầu như không tới tai nhân dân trong nước.

Chúng tôi còn nghĩ sở dĩ Việt Nam Cộng Hòa đã thua, và cả siêu cường Mỹ cũng đã thua cũng vì huyền thoại Cha Già Dân Tộc này. Phong trào phản

chiến ở miền Nam một thời, phong trào phản chiến rầm rộ sôi động tại Mỹ vào đầu thập niên 70 thế kỷ trước đều bắt nguồn từ huyền thoại này. Vì theo lý luận rất logic, ông Hồ đã được toàn dân tôn là cha già dân tộc, được toàn dân tin cậy, ủy thác cho lãnh đạo cuộc kháng chiến, thì cuộc kháng chiến đó là cuộc kháng chiến của một dân tộc tự vệ chống ngoại xâm. Nó có chính nghĩa. Bất cứ cuộc chiến nào chống lại một dân tộc do các lực lượng yêu nước lãnh đạo đều phi nghĩa.

Vì vậy cách nay hơn ba năm chúng tôi đã có bài “*Xin Đừng Oán Trách Nàng*” để gọi là “bào chữa” cho những văn nghệ sĩ và nhân dân phản chiến, chống chiến tranh của Mỹ nhắm vào Việt Nam. Trong đó có nêu đích danh cô đào Jane Fonda và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn... và cả nghị sĩ John Kerry (lúc ấy đang chuẩn bị tranh cử chức tổng thống Mỹ). Trong bài đó chúng tôi đã cực lực lên án và phản bác lập luận của những nhà báo thiên tả, và những sử gia thiên cộng đã mô tả ông Hồ là nhà ái quốc, nhắc lại lập luận của cộng sản một cách vô trách nhiệm. Trong số những nhà báo được nêu tên có những tên tuổi với những giải thưởng báo chí nổi danh như Neil Sheehan và David Halberstam... Những nhà báo ấy đáng kết tội hơn những tài tử, nghệ sĩ hay cựu chiến binh nhiều. Chẳng những Tổng Thống Nixon sau này (1986, với cuốn *No More Vietnams*), mà cả Tổng Thống Diệm khi còn sống (1963) đã nói trước, nếu

ta thua là vì những nhà báo loại đó. (Ít nhất có khoa học giả Hà Vĩnh Phương và sử gia Stanley Karnow đã nói về lời tiên tri này.)

Lý luận của tôi rất đơn giản: Ông Hồ đã là anh hùng dân tộc, cha già dân tộc, là nhà ái quốc và nhà giải phóng dân tộc, thì đem quân chống lại ông ta là phi nghĩa. Phản chiến mới là chính đáng.

Chính vì phong trào phản chiến mà Mỹ đã thua. Nó làm tê liệt mọi sức phấn đấu của một cường quốc nguyên tử. Trong tình hình đó, không chính quyền nào có can đảm đi ngược lại một phong trào rộng lớn ảnh hưởng dư luận toàn thế giới như vậy. Vì vậy bom nguyên tử cũng thành vô dụng. Nhắc lại mấy câu về “*Nực cười châu chấu đá xe, tưởng rằng chấu chết ai dè xe nghiêng*” khiến nhiều người tự ái phần nộ. Nhưng kết quả đáng tiếc lại đúng là như vậy.

Với chiến thắng ngoạn mục đó, thần tượng Hồ Chí Minh càng được củng cố, bồi đắp thêm. Cho đến nay thì đã có nhiều ngôi đền thờ Hồ Chí Minh như một Bồ Tát. Đã có những ngôi chùa đưa tượng ông ta đặt ở chính điện, trước cả tượng Đức Phật.

Tất cả các sách giáo khoa đều thi nhau ca tụng công đức, tài ba của ông Hồ, khiến quá nửa dân số Việt Nam ngày nay (sinh ra khoảng trước, sau 1975) hàng ngày học tập qua những sách giáo khoa đó thường coi ông Hồ như vị thánh, vị “đại anh hùng dân tộc”. Ông Lữ Phương, tự cho mình là phản tỉnh, vẫn còn gọi ông Hồ như vậy cơ mà.

Trong tình huống ấy, nhất thiết phải phá vỡ huyền thoại, đánh sập thần tượng Hồ Chí Minh “cha già dân tộc”.

Nếu đa số nhân dân trong nước và phần lớn dư luận quốc tế đều tin như đinh đóng cột rằng ông Hồ là anh hùng dân tộc, có công đánh thắng hai cường quốc để giành độc lập và thống nhất cho tổ quốc Việt Nam, thì tất cả những cố gắng để chứng minh ông Hồ có nhiều VỖ, có con rơi; hay ông Hồ có toan tính làm tay sai cho thực dân Pháp khi nộp đơn ngày 15-9-1911 xin Pháp cho vào học trường thuộc địa, với đầy đủ thủ bút, chữ ký của Paul Nguyễn Tất Thành; hay tố cáo ông ta phải chịu trách nhiệm về cái chết của hàng triệu người trong Cải Cách Ruộng Đất, tổng công kích Tết Mậu Thân, và nhiều cuộc đàn áp đẫm máu khác v.v..., hay về tội ông bán đứng nhà cách mạng Phan Bội Châu, và cả bao nhiêu tội ác khác do chiến tranh gây ra, đều sẽ không đi đến đâu. Người dân đã bị nhồi sọ, và dư luận thế giới sẽ lý luận rằng: Ông Hồ đã là “cha già dân tộc”, đã có “công cực lớn”, đã được toàn dân tôn thờ như một vị Bồ Tát, thì những lời tố cáo vụn vặt vừa kể chỉ là vu khống, do những kẻ bại trận, hận thù viết ra.

Hoặc giả có người không quá khích đến thế thì cũng nghi ngờ, cho rằng những bằng chứng đưa ra để tố cáo ông Hồ không đứng vững.

Thậm chí có người còn bào chữa cho ông Hồ: có vợ có con rơi thì đã sao. Các vua chúa thời phong

kiến có hàng trăm, thậm chí cả chục ngàn cung phi, các ông quốc trưởng trên thế giới, cụ thể là gần đây cựu Tổng Thống Mitterand của Pháp, cựu Tổng Thống Bill Clinton của Mỹ cũng bê bối chuyện ngoại tình một cách lộ liễu có sao đâu. Còn như nộp đơn xin học trường thuộc địa của Pháp đâu nhất thiết phải chỉ vì mục đích phục vụ nước Pháp. Học cái hay của kẻ thù để sau này lập chí lớn chống lại kẻ thù hầu giải phóng dân tộc thì có gì đáng trách? Còn những mưu mô xảo quyết trong ngoại giao, trong liên hệ với các đảng đối lập, thậm chí những vụ chém giết, đầu tố, nếu vì mục đích chiến thắng kẻ thù, giành độc lập, thì đều có thể tự bào chữa là tại chiến tranh, hay vì mục đích cao cả giành độc lập. (Cộng sản vẫn thường chủ trương cứu cánh biện minh cho phương tiện.)

Thậm chí CS còn có thể nói ngược lại là vì phe “ngụy” phe “Việt Gian” làm tay sai cho thực dân, đế quốc chống lại nhân dân do “nhà ái quốc” Hồ Chí Minh lãnh đạo, cho nên mới làm cho hàng triệu người chết như vậy. Chứ nếu thực dân đừng ngoan cố, đế quốc đừng xâm lăng, “bọn Việt gian” đừng cấu kết với thực dân, đế quốc, thì đâu dân và lính hai bên có phải chết nhiều đến thế, v.v.

Không phải chúng tôi tưởng tượng ra những lý luận trên. Chính nhiều tác giả CS và cả phi cộng sản đã từng bào chữa cho ông Hồ như vậy.

Trái lại những tác giả người Việt Hải Ngoại, khi

nhắm đánh đổ thần tượng Hồ Chí Minh thường tố cáo ông ta và đảng CS làm tay sai cho Liên Xô hay Trung Quốc. Lập luận đó có thể dễ được chấp nhận bởi những nạn nhân của CS, những chính khách và tướng sĩ trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam trước đây. Nhưng đối với những thành phần này, không cần phải đánh đổ thần tượng hay huyền thoại Hồ Chí Minh. Mục đích phải nhắm vào đảng viên CS và nhân dân trong nước, hoặc vào nhân dân thế giới, nhất là các nhà báo, sử gia quốc tế. Mà đối với những đối tượng sau này thì lập luận cho rằng ông Hồ làm tay sai cho Liên Xô và Trung Cộng, không có tính thuyết phục, khi mà họ thấy rõ ràng những thực tại như sau:

Cho đến 1955, thời đệ nhất Cộng Hòa, tại Sài Gòn vẫn còn có dinh Norodom trước kia là phủ Toàn Quyền Đông Dương, phủ Cao Ủy Pháp, tổng hành dinh của chế độ thực dân, và ngay cả sau khi Pháp đã trao trả độc lập cho chính quyền Bảo Đại, cái dinh đó vẫn còn là biểu hiệu của sự hiện diện của Pháp chi phối mọi hoạt động của chính quyền Bảo Đại. Các tên đường tại thủ đô Sài Gòn và các thành phố lớn đều mang tên danh nhân Pháp. Quân đội viễn chinh Pháp vẫn còn nhan nhản trên lãnh thổ Việt Nam. Những trận đánh lớn chống Việt Minh Cộng Sản đều do các danh tướng Pháp chỉ huy. Điển hình và rõ ràng nhất là trận Điện Biên Phủ. Số sĩ quan Việt Nam tham gia chống Việt Minh

CS tại đây rất ít, trong số đó có đại úy Phạm Văn Phú. sau này là tướng tư lệnh vùng hai chiến thuật đã tuần tiết khi miền Nam thất thủ. Còn lại tuyệt đại đa số là tướng lãnh (De Castries), sĩ quan và binh lính Pháp. Còn phía Việt Minh Cộng Sản hầu hết là tướng lãnh (Võ Nguyên Giáp) và sĩ quan, binh lính Việt Nam. Hai khuôn mặt Trung quốc thường được nhắc tới bên cạnh Võ Nguyên Giáp là hai tướng Trần Canh và Vi Quốc Thanh chỉ đóng vai “cố vấn” (ít là bề ngoài, một cách công khai), vì dưới quyền họ không thấy có sự hiện diện của những đơn vị tác chiến Trung Cộng.

Tại miền Bắc trong thời gian ấy cũng không có phủ toàn quyền, bộ tư lệnh quân sự của Liên Xô hay Trung Quốc. Các tên đường tại thủ đô Hà Nội hầu hết mang tên Việt Nam.

Chúng ta hãy đặt mình vào địa vị của người ngoại cuộc. Nhìn vào hai thực trạng ở hai miền Nam, Bắc lúc ấy, lập luận cho rằng Hà Nội lệ thuộc vào ngoại bang hơn Sài Gòn không đứng vững.

Vì vậy nếu chỉ nhìn sự kiện lịch sử mà đánh giá, thì chắc chắn không đánh đổ được thần tượng hay huyền thoại Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc, hay “cha già dân tộc”. Vì những sự kiện ấy xác nhận ông Hồ và đảng CS Việt Nam có công đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập.

Về công lao thống nhất Tổ Quốc cũng tương tự như vậy. Nếu chỉ căn cứ vào những sự kiện thuần

túy lịch sử, người ngoài sẽ thấy: Liền ngay sau khi mọi nền tảng pháp lý của Đệ Nhất Cộng Hòa – hiến pháp, quốc hội... - sụp đổ cùng với cái chết của vị tổng thống đầu tiên, Hà Nội đã ra nghị quyết số 9 tháng 12 năm 1963 cấp tốc đưa thêm cán binh vào Nam. Tình hình miền Nam càng ngày càng tồi tệ, bắt buộc Mỹ phải đổ quân tác chiến ồ ạt vào. Bắt đầu bằng 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến, cộng với xe tăng, trọng pháo (8-3-1965). Với một chính quyền tạm bợ. không có cơ sở pháp lý như chính phủ Phan Huy Quát lúc ấy bị coi như chính phủ bù nhìn, vì làm ngơ, hay bất lực. để quân ngoại quốc tự tiện tiến vào lãnh thổ của mình không do một lời yêu cầu hay một thỏa ước song phương, dư luận báo chí thế giới, kể cả Hoa Kỳ đều coi cuộc chống trả của quân Hà Nội là chính đáng. Tuy gần hai năm sau Trung Cộng cũng đưa vào Bắc Việt 320,000 quân, nhưng chỉ hạn chế tại một số vùng xa ở miền cực Bắc mà nhân dân Bắc Việt bị cấm nghiêm ngặt không được bén mảng đến gần. Báo chí ngoại quốc lại tuyệt đối không được thông báo. Thành ra nhân dân trong nước và thế giới chỉ thấy quân Mỹ nhan nhản mà không thấy quân Liên Xô, Trung Cộng. Hơn nữa Bắc Việt còn dùng những mảnh lời tuyên truyền hạ đẳng, bắt những tù binh Mỹ, trong đó có nhiều phi công bị bắn rơi trong những cuộc dội bom miền Bắc, đi diễu hành tại các thành phố lớn, rồi đưa lên truyền hình tố cáo với dư luận thế giới. Trong khi đó, tại miền Nam không

thấy những cảnh tương tự. Vì vậy mà dư luận coi như cuộc kháng chiến của Bắc Việt chống Mỹ cứu nước là có chính nghĩa.

Cho nên khi Cộng quân chiến thắng khiến Mỹ phải rút và Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, thì cái công “thống nhất đất nước” được dư luận thế giới ghi nhận là công của ông Hồ, mặc dù lúc ấy ông ta đã chết được gần 6 năm rồi.

Tóm lại, với cái nhìn phiến diện của một sử gia thuần túy, không thể nào phá vỡ được huyền thoại hay thần tượng Hồ Chí Minh. Vậy phải có cái nhìn như thế nào?

Như chúng tôi đã từng trình bày nhiều lần trên mạng và trên sách báo, muốn đánh đổ thần tượng Hồ Chí Minh, phải đặt ông ta và cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ cộng sản có tính toàn cầu toàn diện, thường trực.⁹

Trước thời Copernicus (thế kỷ 16) và Galileo (thế kỷ 17), loài người, trong số đó không thiếu những nhà khoa học, nhìn lên bầu trời thì thấy mặt trời xoay quanh trái đất. Dù họ đứng ở một bãi biển, hay trên nóc nhà, hoặc ngay trên đỉnh núi Everest. Họ không thể thấy được rằng trái đất xoay quanh mặt trời. Chỉ cho đến khi Galileo tìm ra quỹ đạo của trái đất, và

⁹ Vấn đề khá rộng lớn và nhiều khê này đã được nêu lên và giải đáp trong cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*, dày 777 trang, do Tủ Sách Tiếng Quê Hương, Virginia xuất bản năm 2003 và tái bản năm 2006.

chứng minh bằng toán học thiên văn, người ta mới tin là trái đất xoay quanh mặt trời. Nếu Galileo cũng chỉ đứng nguyên tại chỗ trên mặt đất, dù là trên đỉnh núi cao nhất, mà không cố, bằng những phương trình phức tạp của toán học, và bằng óc tưởng tượng phi thường của một nhà bác học thiên văn, “bay” ra ngoài trái đất hàng vạn dặm để từ ngoài nhìn vào thái dương hệ. thì ông cũng sẽ chỉ thấy mặt trời xoay quanh trái đất như mọi người đồng thời mà thôi. Nhưng ông đã tìm ra quỹ đạo của trái đất và biết, và chứng minh được rằng trái đất xoay chung quanh chính nó và quay chung quanh mặt trời.

Theo chúng tôi, cũng tương tự như vậy, bao lâu chúng ta chưa đặt cuộc chiến Việt Nam vào trong khuôn khổ (hay quỹ đạo) cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu của Cộng Sản, và nắm vững các nguyên lý và quy luật của cuộc chiến đó thì chúng ta vẫn thấy cuộc chiến mà ông Hồ và đảng CS Việt Nam thi hành là một cuộc chiến vì chủ nghĩa dân tộc, và vì thế ông có công giành độc lập, thống nhất cho tổ quốc.

Trong những tác phẩm trước đây, nhất là cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* chúng tôi đã cố làm công việc đó. Ở đây chỉ xin tóm tắt trong vài trang.

Trước hết xin hãy nhìn cuộc chiến Việt Nam là một điểm nóng trong cái gọi là chiến tranh lạnh. Cái chiến tranh gọi là lạnh này thực ra là thế chiến 3. Thế chiến 3 này khởi sự quy mô ngay khi thế chiến 2 chưa kết thúc (trước 1945). Nhưng nó đã nhen nhúm từ

khi Tuyên Ngôn Cộng Sản ra đời (đầu năm 1848). Với thuyết duy vật biện chứng và duy vật sử quan của Mác và Engels, nó là cuộc chiến tranh giai cấp. Giai cấp thì ở nước nào cũng có. Vậy nó là toàn cầu. Nó chủ trương tiêu diệt mọi giai cấp để cuối cùng đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính. Lúc ấy thế giới sẽ là thế giới đại đồng, một thú thiên đường ngay ở trần gian. Với chủ trương đó kèm theo chủ trương phá bỏ quyền tư hữu, là quyền bẩm sinh thiên nhiên và linh thiêng của con người, các ông tổ thuyết Cộng Sản đã ngang nhiên tuyên chiến với toàn thể nhân loại.

Đến khi chủ trương này được Liên Xô phát động công khai qua các cuộc sát nhập, thôn tính và xâm nhập các nước Đông Âu, rồi dùng các chi bộ CS, các đảng CS dưới quyền chỉ huy của Đệ Tam Quốc Tế, tức của Liên Xô, để xâm chiếm nhiều quốc gia khác, thì các cường quốc Tây Phương mới nhìn thấy mối nguy của họa CS. Và tìm cách đối phó, ngăn chặn. Lúc ấy không chỉ có các cường quốc Tây Phương, mà hầu như toàn thể thế giới đều được đặt trong tình trạng chiến tranh với CS. Cộng sản chủ chiến, khai chiến trước. Thế giới Tự Do chỉ tự vệ.

Nói đến đây không thể không nói đến chiến lược sách lược Lê-nin qua *Đề Cương Về Chủ Nghĩa Thực Dân Và Chủ Nghĩa Dân Tộc*. Theo đó, để tiến hành thế chiến 3, nhằm đi tới mục tiêu hủy diệt mọi giai cấp, thiết lập chuyên chính vô sản, cần phải chia cuộc

chiến ra nhiều giai đoạn sách lược. Trong đó sách lược dùng phong trào dân tộc tại các nước bị trị, để tĩa dần lực lượng của các cường quốc dân chủ trên thế giới mà Cộng Sản mệnh danh là bọn đế quốc, thực dân. Sách lược này đã đánh lừa và thu hút được một số lãnh tụ các nước thuộc địa.

Đặc biệt ở Việt Nam, người thực hiện sách lược này lại là một cán bộ quan trọng của Quốc Tế III là Hồ Chí Minh. Ông này theo lệnh Quốc Tế 3 thành lập đảng CS Đông Dương để chống Pháp. Mục tiêu gần là giành độc lập. Nhưng mục tiêu xa và cũng là mục tiêu tối hậu là tiến tới thế giới đại đồng với chuyên chính vô sản. Chỉ nhìn mục tiêu gần, không thấy mục tiêu tối hậu, thì sẽ không thể nào hiểu được cuộc chiến Việt Nam.

Tuy ngày nay chủ nghĩa cộng sản đã phá sản, và trên thực tế không còn ảnh hưởng gì. Nhưng muốn tìm hiểu về cuộc chiến Việt Nam nói riêng và cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu nói chung, không thể nào không ôn lại một cách tóm tắt đại cương của thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đầu mối của chiến tranh ý thức hệ toàn cầu.

Cộng Sản chủ nghĩa của Mác, qua tuyên ngôn cộng sản, chủ yếu *tấn công quyền tư hữu* là quyền căn bản của con người. Túc của mọi người trên khắp trái đất. Cuộc chiến toàn cầu đã nhen nhúm từ đó.

Duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của Mác

chủ trương *đấu tranh giai cấp*. Giai cấp là một yếu tố phổ quát. Mọi nước trên thế giới đều có giai cấp.

Duy vật lịch sử cho rằng lịch sử loài người bắt đầu bằng chế độ cộng sản nguyên thủy, qua các chế độ nô lệ, phong kiến đến chế độ tư bản, rồi tất yếu phải đến chế độ cộng sản, là chế độ cuối cùng, trong đó giới vô sản trên toàn thế giới, sau khi xóa bỏ mọi giai cấp khác sẽ lên nắm quyền chuyên chính. Lúc ấy sẽ không còn chính phủ. Mọi tài sản sẽ thành của chung. Thế giới sẽ thành thế giới *đại đồng*.

Trong tất cả những điều đó, chỉ cần nắm vững 3 yếu tố căn bản là *quyền tư hữu, chiến tranh giai cấp, chế độ đại đồng với chuyên chính vô sản*, là chúng ta sẽ thấy cuộc chiến tranh mà Cộng sản tiến hành là cuộc chiến toàn cầu, toàn diện thường trực và trường kỳ. Chỉ khi nào thế giới không còn giai cấp nào khác giai cấp vô sản, nghĩa là chỉ sau khi phe cộng sản toàn thắng mọi đế quốc, làm bá chủ hoàn cầu, lúc ấy mới hết chiến tranh.

Như vậy rõ ràng khái niệm chế độ đại đồng với chuyên chính vô sản hoàn toàn loại bỏ khái niệm dân tộc. Thế thì tại sao Lê-nin sau khi đã thành công trong “cách mạng tháng 10 lại đưa ra *Đề Cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân*?

Lê-nin không bao giờ dám làm ngược giáo điều của Mác. Ông ta cũng chủ trương thế giới đại đồng và chuyên chính vô sản, sau khi khối cộng toàn thắng. Ông ta không thể cổ võ cho chủ nghĩa dân tộc vì chủ

nghĩa dân tộc được. Mà chỉ dùng chủ nghĩa dân tộc, chống thực dân đế quốc, hòng làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, được ông ta coi như giai đoạn cuối cùng của tư bản chủ nghĩa mà thôi. Nói cách khác chủ nghĩa dân tộc chỉ là sách lược giai đoạn nhằm tiến tới một thế giới đại đồng phi chính phủ, phi dân tộc.

Hồ Chí Minh khi đọc được *Đề Cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân* đã la lớn lên rằng ông ta đã tìm thấy cảm nang, ánh sáng, vì lúc đó có thể ông ta chưa hiểu ý nghĩa sách lược của đề cương đó.

Nhưng về sau, sau khi đã được đào tạo kĩ để trở thành cán bộ cao cấp của Quốc Tế Cộng Sản, được bầu vào ủy ban trung ương (Quốc Tế Nông Dân) Quốc Tế 3 ở đại hội V, rồi được trao phó một nhiệm vụ quan trọng bí mật, dưới tấm bình phong là thông ngôn cho phái đoàn (Nga lãnh đạo bởi) Borodin cạnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên, nhất là sau khi đã được cử làm đại diện của Quốc Tế III, chủ trì việc thống nhất 3 đảng CS ở Đông Dương để thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng, thì không thể bảo ông ta còn ngây thơ tin vào chủ trương dân tộc vì chủ nghĩa dân tộc” của Lê-nin nữa.

Tất cả những gì chúng tôi vừa trình bày một cách tóm lược tối đa về lý thuyết và chiến lược, sách lược giai đoạn của Cộng Sản đã được trình bày một cách chi tiết hơn, trong cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*. Nếu cần tham khảo thêm xin mời đọc tác phẩm nói trên (từ trang 479 đến trang 502).

Nhân đây chúng tôi cũng xin mở một dấu ngoặc để có đôi lời giải thích tại sao đã nhắc đến đại danh của nhà bác học Ý Galileo của thế kỷ 17. Khi nêu danh nhà bác học này, chúng tôi chỉ muốn dùng một hình ảnh để làm tỉ dụ cho dễ hiểu một vấn đề phức tạp. Sự so sánh là một hình thức suy loại, trên hai bình diện khác nhau: Vấn đề Cộng sản, với chiến tranh ý thức hệ, là một vấn đề nhân văn, xã hội học. Còn vấn đề quả đất xoay quanh mặt trời là một vấn đề khoa học tự nhiên chính xác. Xin nhắc lại, đây là một sự so sánh *suy loại* (analogy) trên hai bình diện khác nhau.

Nhân sự so sánh này có một vị độc giả Đoàn Chim Việt (với bút danh Lê Duy Khoa) đã hiểu lầm, cho rằng chúng tôi dám tự ví mình với Galileo. Để trả lời ông, tôi đã dẫn chứng lời của tôi trả lời phỏng vấn của bà Ngô Thị Hiền, chủ tịch Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam. Trong bài phỏng vấn trên đài Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại ngày 15 tháng 9 năm 2003, bà Ngô Thị Hiền đã hỏi: tác giả có ý muốn so sánh mình với nhà bác học Galileo chăng, thì chúng tôi đã thừa rằng chúng tôi không có ý dám lấy ngọn đèn dầu mà ví với ngọn đèn pha. Chúng tôi cũng nói rõ rằng không chỉ có mình tôi biết đặt ông Hồ vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu của Cộng Sản. Trước tôi, đã có nhiều người làm việc đó. Và những người đó đã không lầm như một số sử gia, nhà báo ngoại quốc, mà cho rằng ông Hồ là anh

hùng ái quốc, cha già dân tộc. Và phần đông những người biết làm như vậy đều là những nạn nhân của CS hoặc đã từng chung đụng với CS và chứng kiến tận mắt những việc làm tàn bạo theo chủ trương duy vật vô thần vô tôn giáo, vô tổ quốc của CS.

Ngoài 2 vấn đề về lý thuyết Mác-xít về quyền tư hữu, chiến tranh giai cấp và chuyên chính vô sản và về chiến lược, sách lược đấu tranh của Lê-nin qua đề cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân vừa nêu còn ba vấn đề nữa cũng cần nghiên cứu. Một là vai trò lãnh đạo phong trào cộng sản thế giới của Quốc Tế III tức Quốc Tế Cộng Sản. Hai là nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản được coi là vũ khí chủ soái trong chiến tranh ý thức hệ.

Ba là vai trò của Hồ Chí Minh trong việc vẽ kiểu đồng thời đúc cốt cho bức tượng “cha già dân tộc.

Bốn trong năm vấn đề vừa nêu đã được trình bày tóm tắt (những tương đối đầy đủ hơn) trong chương 43 của cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp*.

Ở đây chúng tôi xin nói riêng một cách hết sức tóm tắt về vấn đề cuối cùng là vai trò tự vẽ kiểu và đúc cốt tượng của chính ông Hồ.¹⁰ Từ khi đảng CS xác nhận: Trần Dân Tiên, tác giả cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh, dưới nhan đề *Những Mẩu Chuyện về Đời Hoạt Động của Hồ Chủ Tịch* chính là “bác Hồ”, thì

¹⁰ Muốn biết đầy đủ chi tiết xin mời xem chương 9 về Trần Dân Tiên trong cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* nói trên (từ trang 163-180).

việc phá vỡ huyền thoại và đánh đổ thần tượng Hồ Chí Minh trở nên dễ dàng hơn.

Cuốn sách này được ông Hồ viết trong năm 1947, hoàn tất vào đầu năm 1948. Liền sau đó nó được dịch ra tiếng Pháp mang sang Ngưỡng Quảng, thủ đô Miến Điện, dịch ra tiếng Anh và nhiều tiếng khác để tung ra khắp nơi. Nó có trước bất cứ cuốn tiểu sử nào của Hồ Chí Minh. Vì vậy nó là cái mô hình nguyên thủy và là cái cốt lõi của huyền thoại “Cha già dân tộc”. Vì trong cuốn sách đó lần đầu tiên độc giả được thấy những chữ “*Cha già dân tộc*”. Xin trích lại hai đoạn văn đã được trích dẫn trong chương sách thượng dẫn:

Trần Dân Tiên, tức Hồ Chí Minh, viết:

*“Nhân dân Việt Nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ Tịch vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ Tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ Tịch. Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh... Nhiều nhà báo và người ngoại quốc rất ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam đối với vị **Cha già Hồ Chí Minh**... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng yêu nước, yêu nhân dân của Hồ Chủ Tịch... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của Người... Chủ tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân...”*¹¹ Mọi người kính mến Hồ Chủ Tịch,

¹¹ Sách đã dẫn trang 62.

*nhất là thanh niên và nhi đồng. Ở ngoài mặt trận khi xung phong các chiến sĩ hô lớn: Vì tổ quốc, vì Bác Hồ tiến lên! Vì Bác Hồ mà những người lao động trong nhà máy và trên đồng ruộng tăng thêm năng suất. Đối với nhi đồng tên bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chi nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn. Nhân dân gọi chủ tịch là Cha Già của dân tộc, vì Hồ Chủ Tịch là người con trung thành nhất của Tổ Quốc Việt Nam”.*¹²

Dĩ nhiên trong cuốn sách của Trần Dân Tiên, những chữ “cha già dân tộc” còn được nhắc đến nhiều lần nữa.

Những ai không nghiên cứu về khoa tuyên truyền, và không biết sự quan trọng của cuốn sách về mặt tuyên truyền, dĩ nhiên chỉ thấy đây là một việc làm ngớ ngẩn đáng đem ra chế diễu, hoặc đả kích sự tự đề cao đến lối bịch tro trên của Hồ Chí Minh.

Nhưng nếu lấy tư cách một chuyên viên về tuyên truyền chính trị, nhìn vào lịch sử chiến tranh vào năm 1946- 47, là lúc Việt Minh cộng sản đang xính vính vì các cuộc tấn công của quân Pháp, thì mới thấy được lý do vì sao trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn nguy hiểm ấy, mà lãnh tụ Việt Minh lại chịu để nhiều thì giờ viết tự truyện, tự đề cao mình một cách “khôi hài” như vậy. Đó không phải là tự khoe để phỉ chí tự mãn. Đó là một kiệt tác về tuyên truyền để

¹² SĐD trang 165-166.

phác họa nên những nét chính của một thần tượng, làm chất liệu phong phú cho công tác tuyên truyền, đẩy bộ đội, nhân dân lẫn xả vào cuộc chiến và bắt nhân dân thế giới phải nỗ lực, lên tiếng ủng hộ.

Chính tuyệt tác tuyên truyền này đã cứu vãn sinh mạng chính trị của ông Hồ và đưa mặt trận Việt Minh ra khỏi ngõ bí. Cho đến khi mọi sự đã xong xuôi, Cộng sản đã toàn thắng thì thần tượng Hồ Chí Minh đã hoàn thành và càng ngày càng vững vàng hơn suốt thời gian 60 năm qua. Đến lúc đó thì chuyện đập sập thần tượng đó đã trở nên vô cùng khó khăn. Ngày nay có mấy nhà báo, sử gia nào đã trót bị lừa mà ca ngợi họ Hồ theo đúng ý muốn của ông ta dám can đảm nói lên rằng mình bị lừa? Họ vẫn im thin thít một cách đáng khinh. Cho nên việc vạch trần bộ mặt thật của Hồ Chí Minh phải là của người Quốc Gia, chứ không có ai khác.

Khi đã biết chế độ cộng sản mà Mác tiên đoán, sau khi diệt xong Tư Bản, xóa sạch mọi giai cấp để chỉ còn giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính, tức độc tài toàn diện, chính là chế độ *đại đồng*, thì sẽ hiểu tại sao trong bài thơ thất ngôn bát cú Hồ Chí Minh viết để tặng Đức Trần Hưng Đạo tại đền Kiếp Bạc lại có hai câu:

*Bác đưa một nước qua nô lệ
Tôi dắt năm châu tới đại đồng*¹³

¹³ Nguyên văn toàn bài thơ như sau:
Vịnh đền Kiếp Bạc

Lời lẽ này chẳng những chứng tỏ ông ta là con người vô cùng kiêu ngạo, xấc láo, mà còn cho thấy cái mộng hảo huyền của một con người cuồng tín. Họ Hồ mơ mơ màng màng tưởng như chế độ đại đồng mà Mác hứa đã tới rồi. Nhưng không biết đó chỉ là ảo mộng. Vì mục đích muốn cùng với những lãnh tụ cộng sản thế giới dắt nhân loại trong năm châu bốn biển tới cái ảo ảnh (thế giới đại đồng) đó mà ông ta đưa toàn dân ta vào cuộc chiến khốc liệt suốt ba chục năm. Chứ tuyệt nhiên không phải vì ông ta muốn đưa dân tộc tới độc lập, thống nhất. Độc lập, thống nhất đạt được chỉ nhằm củng cố quyền lực của đảng Cộng sản hòng tiếp tục con đường dẫn tới ảo mộng thế giới đại đồng theo gót Liên Xô và Trung Cộng.

Chúng tôi chỉ nêu lên ở đây một trong nhiều chứng liệu, tiềm ẩn trong lý thuyết Mác-xít, có thể dùng để đả phá huyền thoại “cha già dân tộc” hay “anh hùng yêu nước” Hồ Chí Minh.¹⁴

*Cũng tai cũng mắt, cũng anh hùng
 Tôi, bác cùng chung chi kiếm cung.
 Bác phá quân Nguyên thanh kiếm bạc,
 Tôi trừ giặc Pháp lá cờ hồng
 Bác đưa một nước qua nô lệ
 Tôi dắt năm châu tới đại đồng (MV viết chữ đậm)
 Bác có khôn thiêng cười một tiếng
 Rằng tôi cách mệnh đã thành công*

¹⁴ Khi đã am tường về chủ nghĩa Mác-xít thì sẽ hiểu mục đích của ông Hồ và đồng đảng nhắm khi cho làm cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu, rồi sau đó áp dụng chế độ hợp tác hóa công nông thương nghiệp, cho thi hành chiến dịch đánh tư sản và thiết lập

Tóm lại tâm điểm của huyền thoại Hồ Chí Minh chính là huyền thoại “cha già dân tộc”. Nó nằm chính giữa và được vây phủ bởi hàng tá huyền thoại khác (như huyền thoại mắt có hai con người, huyền thoại về đôi dép râu, huyền thoại lá gói bánh chưng cho dân, huyền thoại chiếc áo ấm cho bộ đội, huyền thoại cuộc sống giản dị, hy sinh hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình để hết tâm sức vào việc cứu nước v.v...) để tạo nên cái hào quang xung quanh thần tượng Hồ Chí Minh đến nay đã được CS nâng lên hàng “Bồ Tát”. Muốn đánh đổ thần tượng Hồ Chí Minh, phải nhắm đúng tâm điểm. Đừng để bị lạc vào khu rừng rậm các huyền thoại khác.

Huyền thoại “cha già dân tộc”. nếu nhìn một cách phiến diện theo sử liệu về cuộc chiến Việt Nam thì hầu như không thể chứng minh với thế giới rằng nó sai. Phải tìm hiểu nguồn gốc của chiến tranh Việt Nam, bắt nguồn từ cuộc chiến ý thức hệ CS. Rồi đặt ông Hồ và cuộc chiến Việt Nam vào trong bối cảnh (quỹ đạo) chiến tranh ý thức hệ toàn cầu.

Muốn tìm hiểu nguồn gốc này không thể không nghiên cứu về [1] lý thuyết chủ nghĩa Cộng Sản: duy

chuyên chính (tức nền độc tài toàn diện) vô sản. Không nhìn những sự việc đó dưới lăng kính chủ nghĩa Mác Lê thì sẽ lầm tưởng đó là những việc chính đáng cần làm để thu phục đại chúng hòng tiến hành thắng lợi cuộc chiến chống thực dân, đế quốc, đem lại độc lập thống nhất tổ quốc, rồi sau đó lãnh đạo toàn dân xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh.

vật biện chứng, duy vật sử quan. Tuyên Ngôn Cộng Sản, lịch sử 4 quốc tế cộng sản, trong đó Quốc Tế III là quan trọng nhất, lịch sử Liên Xô; [2] sách lược giai đoạn của Lê-nin nhằm lợi dụng chủ nghĩa dân tộc chống chủ nghĩa thực dân, để quốc trong chiến tranh ý thức hệ, chiến tranh giai cấp; [3] vai trò lãnh đạo quyết định của Quốc Tế III, tức Quốc Tế Cộng Sản (mà thực tế là Liên Xô) trong cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu, toàn diện; [4] vũ khí chủ soái của chiến tranh ý thức hệ là khoa tuyên truyền; và sau cùng [5] kiệt tác (tuyên truyền) *Những Mẫu Chuyện về Đời Hoạt Động của Hồ Chủ Tịch* do chính ông Hồ trước tác dưới bút hiệu Trần Dân Tiên.

Mục đích bài này không phải là phá vỡ huyền thoại hay đánh sập thần tượng “cha già dân tộc”. Chúng tôi chỉ nêu lên tâm điểm và những khó khăn rồi tạm đưa ra một phương pháp chung cho công việc đó.

Quý độc giả nào muốn biết chúng tôi đã áp dụng những phương pháp cụ thể nào, lập luận ra sao và sử dụng những tài liệu nào nhằm khôi phục lại bộ mặt thật của nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh xin mời đọc cuốn *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* thượng dẫn.

Trước khi chấm hết, tưởng cũng cần nêu lên một thực tại lịch sử thế giới đáng chú ý. Với sự sụp đổ của các nước Cộng Sản Đông Âu cuối thập niên 80 và sự tan rã của Liên Xô đầu thập niên 90 thế kỷ trước, cái

gọi là thế giới đại đồng mà Mác đoán mò và hứa hão đã hiển nhiên biến mất như một ảo ảnh. Không còn ai tin nữa, kể cả những người Cộng Sản Việt Nam. Vì thế Việt Cộng có thể chối phăng: Chúng tôi có theo Liên Xô đi tìm thế giới đại đồng đâu. Chúng tôi chỉ tranh đấu giành độc lập thống nhất cho Tổ Quốc. Nhiều người có thể tin. Vì nay làm gì còn Liên Xô. Còn Liên Bang Nga ngày nay đâu có dẫn dắt Cộng sản Việt Nam đi tìm thế giới đại đồng.

Nhưng bao lâu họ còn nhân danh đảng Cộng Sản, một tổ chức theo thuyết Mác-xít, để thống trị nhân dân ta một cách (*chuyên chính*) độc tài. áp bức như hiện nay, thì bấy lâu còn chứng tỏ họ chưa từ bỏ cái ảo tưởng về một thế giới đại đồng của một học thuyết đã hết thời.

Sự ngoan cố, cố đấm ăn xôi, bằng mọi cách, duy trì cái chính thể *độc tài* toàn diện hiện nay, theo mô hình “*chuyên chính vô sản*”...¹⁵ của thuyết Mác-xít hoang tưởng, vẫn còn đang chứng minh một cách hùng hồn rằng Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản của ông ta không hề chiến đấu vì chủ nghĩa dân tộc, mà vì một chủ nghĩa ngoại lai hão huyền, mặc dù cái chủ thuyết đó đã phá sản.

Nam Cali 24-4-2007

¹⁵ Nhiều lần chúng tôi đã nhấn mạnh, chuyên chính (vô sản), từ nguyên tự (Dictature, dictatorship...) chỉ có nghĩa đơn giản là độc tài (của giai cấp vô sản). Và vô sản ở đây thực tế chỉ là đảng

Cộng Sản, hay một nhóm người lãnh đạo đảng Cộng Sản. Chuyên chính vô sản là cứu cánh và trung tâm điểm của thuyết Mác-xít. Vì thế mà tất cả các chế độ Cộng Sản (được mệnh danh là xã hội chủ nghĩa) trên thế giới từ trước tới nay đều áp dụng một chế độ độc tài (chuyên chính), dù rằng đảng lý ra chuyên chính vô sản chỉ nên được đưa ra áp dụng khi đã bá chủ thế giới, mới đúng chủ trương của Mác.

20. Linh mục Chân Tín định siết cổ “đảng ta”

Phát biểu trên diễn đàn Đàn Chim Việt ngày 10-4-2006 về *Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ* của 118 chiến sĩ Dân Chủ, chúng tôi có nói là những đòi hỏi ghi trong tuyên ngôn không thể nào Hà Nội dám nhượng bộ. Chi nguyên cho tự do báo chí không thôi cũng là tự *siết cổ* mình rồi.

Thì chỉ hai hôm sau được tin, đã có một tờ báo in 27 trang xuất hiện ngay ở trong nước mà không đợi ai cho phép. Đó là bán nguyệt san ***Tự Do Ngôn Luận*** ra ngày 15-4-2006... do linh mục Chân Tín làm “tổng biên tập”. Trong lời mở đầu ông đã minh định rằng mục đích của tờ báo nhằm khẳng định và thực hiện những quyền dân sự và chính trị đã được ghi trong Công Ước Quốc Tế (điều 19, 2) do Liên Hiệp Quốc biểu quyết năm 1966.

Ai cũng biết Chân Tín là một trong 15 linh mục Công Giáo ký bản tuyên ngôn, cùng với 117 vị khác và đã cùng với 3 linh mục ở Huế kêu gọi tẩy chay bầu cử theo kiểu đảng cử dân bầu. Nhưng ít người

trẻ biết Chân Tín có một quá trình đấu tranh cho tự do dân chủ bắt đầu từ 40 năm trước. Thời Đệ Nhị Cộng Hòa ông đã có tờ **Đổi Diện**, rồi **Đồng Dao**, và sau 1975 có tờ **Đứng Dậy** sớm bị bắt “nằm xuống”.

Chân Tín tên thật là Nguyễn Tín, sinh ngày 15-11-1920 là linh mục Công Giáo thuộc dòng Chúa Cứu Thế chuyên về giảng thuyết. Ông là một nhà hùng biện nổi tiếng. Đầu thập niên 90 thế kỷ trước ông đã làm say mê thánh giả tại giáo đường nhà dòng tại đường Kỳ Đồng, Sài Gòn. Nhà thờ không đủ chỗ chứa hàng ngàn giáo dân và cả “lương dân”, người ta đã phải đứng ra sân để nghe 3 bài giảng về SÁM HỎI gây xôn xao trong dân chúng và chính quyền thời ấy.

Nay ở tuổi 86 ông vẫn không ngừng lên tiếng đòi tự do dân chủ. Tờ báo thô sơ, nhỏ bé lúc ban đầu, *TỰ DO NGÔN LUẬN* chắc chắn không phải chỉ là tờ báo của riêng nhóm ông, mà có thể đây là tiếng nói của tập thể 118 người đã ký vào Tuyên Ngôn Dân Chủ Tự Do. Và như vậy nếu đứng vững trong bước đầu, nó sẽ phát triển để xứng danh là cơ quan ngôn luận của một tổ chức đấu tranh có tầm vóc.

Đây là một tờ báo bất hợp pháp đầu tiên kể từ khi đảng CS lên cầm quyền dám thách thức chế độ độc đảng, độc quyền ngôn luận, nắm trọn trong tay trên 600 tờ báo, mà từ chủ bút đến phóng viên đều là người của đảng.

Nó nhắc chúng ta nhớ lại tờ **Truyền Thống Kháng Chiến** của Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến

Cũ của nhóm Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng... gần 20 năm trước. Tờ báo này chỉ ra được 3 số là bị đóng cửa, mặc dù nó không phải là báo chui, mà là cơ quan ngôn luận chính thức của cái “câu lạc bộ” đã được đảng cho phép thành lập.

Nó cũng nhắc lại những tờ *Nhân Văn*, *Giai Phẩm*, Đất Mới của phong trào “trăm hoa đua nở”, đúng nửa thế kỷ trước, bắt nguồn từ chính sách sửa sai sau cải cách ruộng đất, và sự khuyến khích phê bình và tự phê của “đảng ta”. Người ta đã giăng bẫy và rình rập để bắt những con mồi thơ ngây cả tin vào trò hề bịp bợm của “lãnh đạo”. Hàng loạt trí thức văn thi sĩ bị bắt và cho đi tù, đi an trí tại những nơi rừng thiêng nước độc.

Nó cũng nhắc nhớ lại những tờ *La Clôche Félée*, *La Lutte* (Pháp ngữ), Đấu Tranh (Việt ngữ), *L'Avant-Garde* (Tiền Phong), *Le Peuple* (Dân Chúng) v.v.. thời Pháp thuộc, thập niên 20, thế kỷ trước. Tờ sau cùng do Nguyễn Văn Trấn phụ trách. Những tờ báo trên đều do những người CS, (đệ tam và cả đệ tứ) chủ trương, mà nhà cầm quyền thực dân Pháp đã không cấm, cũng không bắt buộc phải xin phép, chỉ cần đơn giản khai báo (simple déclaration) là đủ. Nhắc lại để so sánh chế độ này với chế độ thực dân Pháp hòng nhìn rõ đảng CS đã đưa dân ta thụt lùi đến mức nào trong 80 năm qua.

Một tờ báo mới xuất hiện một cách bất hợp pháp trong chế độ độc tài CS, cũng nhắc những ai

đã đọc Stalin (*Les principes du Léninisme*) nhớ lại rằng vào thời kỳ đảng CS Nga mới ra đời, những người Bolshevicks cũng cố gắng bằng mọi cách ra được một tờ báo bất hợp pháp (xin lỗi quên tên). Theo Stalin, thì đó là cái *khâu* chính trong chuỗi dây chuyền chiến lược, sách lược, để giải quyết những khó khăn ban đầu của cách mạng CS tại Nga. Đó là những năm tiền Cách Mạng Tháng 10¹ Tờ báo giúp các đảng viên liên lạc với nhau, để thống nhất chỉ huy, nêu rõ đường lối, chính sách. Nó cũng là nơi để các đảng viên cùng nhau học hỏi thêm về lý tưởng cách mạng, về kỹ thuật đấu tranh, và bồi đắp, củng cố lòng tin vân vân. Nó cũng chính là vũ khí sắc bén độc nhất, trong khi chưa có khả năng tiến hành đấu tranh vũ trang, bạo lực.

Trong cuộc đấu tranh hiện nay các nhà dân chủ trong nước, hẳn không chủ trương đấu tranh vũ trang hay bạo lực. Cho nên một tờ báo là điều kiện không thể thiếu để làm tròn sứ mạng. Nhưng đưa ra tuyên ngôn, rồi chỉ sau một tuần cho in và phổ biến một tờ báo bất hợp pháp ngay trước ngày đại hội X của ĐCS khai mạc là một thách thức lớn. Có thể nói các chiến sĩ dân chủ muốn dồn nhà cầm quyền CS vào chân tường rồi ra tay “*siết cổ*”, không để cho họ tự siết cổ. Đảng CSVN thế là đang đứng trước cái thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu đàn áp phong trào, tịch

¹ Gợi theo lịch cũ của Nga, tức ngày 7-11-1917.

thu và truy lùng các tờ báo đã tung đi, thì để lộ rõ trước thế giới và nhân dân trong nước cái tội đàn áp tự do dân chủ, nhổ toẹt vào bộ mặt dân chủ giả hiệu được mệnh danh là nền dân chủ triệu lần dân chủ hơn các nước Tây Phương. Còn nếu không có phản ứng gì, để cho tờ báo tới tay nhân dân, thì phong trào dân chủ sẽ tiến mạnh để một ngày nào đó sẽ đồn ĐCS vào đường cùng.

Bàn tay yếu ớt của nhà tu già có *siết cổ* được con hổ dữ không, còn tùy thuộc vào sự ủng hộ và hưởng ứng của quảng đại quần chúng trong nước. Và sự ủng hộ này chắc chắn sẽ có, nếu những người chủ trương Tự Do Dân Chủ thực lòng yêu nước thương dân, không bị đang cầm quyền trong nước, hay một thế lực ngoại lai nào lợi dụng, lừa mị, hay lái đi một hướng nào đó bất lợi cho quyền lợi dân tộc. Một ngày không xa mọi sự sẽ rõ ràng.

Trong khi chờ đợi, người Việt hải ngoại nên ủng hộ, cổ vũ và tiếp tay cho việc duy trì và phát triển tờ báo với tổng biên tập Chân Tín. Quyết không để nó bị nhà cầm quyền tịch thu, thủ tiêu và bắt giam những người chủ trương.

Nếu quý bạn muốn biết thêm về quá trình đấu tranh của nhà tu “tổng biên tập” này, xin mời đọc chương 15 (từ trang 335 đến 356), cuốn *Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hư* của Minh Võ tái bản năm 2004.

21. Tin tặc và sự thật thật

Ngày cuốn hồi ký *Lớn Lên Với Đất Nước* của Vy Thanh do nhà xuất bản Sự Thật Thật xuất bản ra mắt ở Quận Cam cũng là ngày tin tặc tấn công Đàn Chim Việt Online lần thứ 2 trong vòng một tuần lễ. Sự trùng hợp khiến tôi nhớ lại những chuyện ngày xưa liên hệ đến chuyện ngày nay.

Chắc ít bạn trẻ ở bên Nga ngày nay biết rằng thời còn mồ ma Stalin ở Liên Xô cũ có 2 tờ báo quan trọng nhất là tờ *Izvestia* (Tin Tức) và tờ *Pravda* (Sự Thật). Lúc ấy dân Nga thường nói nhỏ với nhau: Trong *Pravda* không có *Izvestia*. Còn trong *Izvestia* thì không có *Pravda*. Hai câu này muốn hiểu là trong tờ *Pravda* không có tờ *Izvestia*, và trong tờ *Izvestia* thì không có tờ *Pravda* cũng được. Nhưng như vậy thì là “*vérité de la palice*” (ngớ ngẩn). Nói chỉ để cười cho vui theo kiểu chơi chữ dí dỏm. Mà hiểu là trong tờ *Pravda* không có tin tức, còn trong *Tin Tức* (*Izvestia*) thì không có sự thực, (toàn chuyện dối trá) cũng được. Và đó mới chính là ý

nghĩa của lời người dân Nga. Sự kiện này nói lên một điều là cái chuyện bịa đặt, nói dối đã thành nếp sống của người Cộng Sản.

Ở Hà Nội trước đây có một nhà xuất bản cũng bắt chước Liên Xô lấy tên là SỰ THẬT. Có lẽ vì ai cũng biết sự thật của CS là sự thật giả, cho nên ngày nay khi tác giả Vy Thanh muốn dùng hai chữ *Sự Thật* để đặt tên cho nhà xuất bản ông đã phải thêm vào tính từ THẬT ở sau, thành *Sự Thật Thật*, để nhân dân trong nước, từng quen với nhà xuất bản Sự Thật của CS, khỏi ngộ nhận. Nhu cầu phân biệt sự thật thật với sự thật (giả), quả tình chỉ có trong thời buổi xã hội chủ nghĩa này, (xhcn = xạo hết chỗ nói). Chuyện khó tin mà có thật.

Nếp sống giả dối, nói một đằng làm một nẻo đã khởi sự từ sự kiện ông Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng CS ngày 11/11/1945. Trong thực tế đảng đó vẫn tồn tại, sinh hoạt đều đặn, càng ngày càng kết nạp thêm đảng viên, số đảng viên không ngừng tăng nhanh từ con số vài ngàn ban đầu lên đến gần trăm ngàn khi nó biến dạng thành đảng Lao Động ngày 3 tháng 3 năm 1951. Và đến năm 1960 (ngày 3 tháng 2), thì ông Hồ đã không thềm giấu nữa mà tuyên bố trắng ra là đảng ta đã 30 tuổi! Nếu nó đã thực sự giải tán để biến thành hội Nghiên Cứu Mác-xít thì sao nó lại được 30 tuổi vào năm 1960. Giấu đầu hở đuôi là vậy.

Những điều gian dối tiếp diễn liên tục từ 1945.

Cũng ông Hồ đã nói dối toàn dân và đánh lừa dư luận thế giới bằng cuốn sách mỏng 168 trang, nhan đề *h* dưới bút hiệu Trần Dân Tiên (xuất bản và dịch ra tiếng Pháp, đưa ngay sang Ngưỡng Quảng, thủ đô Miến Điện để dịch ra tiếng Anh rồi xuất bản năm 1948), trong đó ông tự phong mình là người yêu nước, là “cha già dân tộc”. (Trần Dân Tiên, tức Hồ Chí Minh nói dối rằng toàn dân gọi ông là “Cha Già Dân Tộc”. Lúc ấy nhân dân chưa mấy người biết nhiều về thân thế của ông.) Ông còn núp dưới bút hiệu TDT để tự khen mình là khiêm nhường, không muốn viết về mình. Khiêm nhường hay kiêu ngạo và cực kỳ gian dối?

Noi gương ông, cán bộ CS, núp dưới danh hiệu mặt trận Việt Minh đã thi nhau nói dối, đến độ trong giữa thập kỷ 40 nơi nơi trong nước đã xuất hiện sự so sánh đầy ý nghĩa thực tiễn: “*Nói dối như Vẹm*”. Vẹm là phát âm của 2 chữ VM, viết tắt của Việt Minh. Bằng cách nói dối trắng trợn với mục đích tuyên truyền người CS đã làm cho tuyên truyền, vốn là một khoa học về chiến tranh ý thức hệ, trở thành đồng nghĩa với nói dối. Tiếc thay!

Cũng chính vì sự gian dối, nói một đằng làm một nẻo mà phát sinh câu nói của một nhà lãnh đạo miền Nam (Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu): “*Đừng nghe những gì CS nói, mà hãy nhìn những gì CS làm.*”

Trên nửa thế kỷ đắm chìm trong giả dối. Truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ của Việt Nam đã biến đổi

đến không còn nhận diện được nữa. Không còn biết phân biệt đâu là chân đâu là giả! Đường như ở đâu người ta cũng đóng kịch với nhau.

Sở dĩ tác giả Vy Thanh, một cựu cán bộ trí vận cao cấp phản tỉnh, đã phải xuất bản sách của mình dưới cái tên Sự Thật Thật là vì trong hồi ký của mình ông đã vén màn bí mật cho độc giả thấy Sự Thật viết hoa trong chế độ CS. Vào thời ông còn niên thiếu, ông đã được chứng kiến những vụ giết người dã man rùng rợn đến độ ngày nay nhớ lại ông vẫn còn ghê rợn. Nếu không do chính mắt thấy tai nghe, thì không thể nào tin được đó là sự thật. Ông đã nói về việc CS giết Đức Huỳnh Phú Sổ, giáo chủ Phật Giáo Hòa Hảo, và vô số đạo hữu Phật Giáo Hòa Hảo. Chính mắt ông đã chứng kiến vụ xử bắn em ruột của Đức Huỳnh Phú Sổ và con của một tướng lãnh Hòa Hảo là Trần Văn Soái, thường được gọi là Năm Lửa.

Chính vì sợ sự thật, sợ những tin tức chính xác được loan tải trên những mạng lưới thông tin điện tử gần đây, nhất là kể từ khi có chiến dịch “Góp Ý”, rồi sự ra đời của Tuyên Ngôn Dân Chủ Tự Do 8406, nhóm Tin Tặc mà ai cũng đoán được nguồn gốc từ đâu, đã điên cuồng dùng mọi kỹ thuật tinh vi để đánh phá những cơ quan thông tin đại chúng có ảnh hưởng lớn đối với độc giả trong nước này.

Trong số nạn nhân của sự tấn công phá hoại này, chỉ bằng vào những gì cá nhân tôi biết, ngoài *Đàn Chim Việt* bị tấn công hai lần, (*) còn có *Người Việt*

Online, và *Việt Nam Exodus*. Ai cũng biết *Người Việt* là nhật báo lớn nhất và nhiều độc giả nhất ở hải ngoại. *Việt Nam Exodus* thì mới ra chưa được bao lâu, phạm vi hoạt động và ảnh hưởng chưa thể nào sánh với *Đàn Chim Việt* và *Người Việt Online* được. Cả *Người Việt* lẫn *Việt Nam Exodus* thì lại không có được phần tham gia ý kiến và thảo luận trên mạng như *Đàn Chim Việt*. Nhưng *VN Exodus* đã kéo chú ý của độc giả, và thính giả, bằng những tài liệu mới được phát giác và công bố, và có phần âm thanh, phát đi tiếng nói của những chứng nhân quan trọng, như bà Mỹ Dung, tức Dung Krall, ái nữ của cựu đại sứ của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Liên Xô, rồi tại Pháp, là Đặng Quang Minh, hay của bạn ông này là tác giả Vy Thanh nói trên. Đáng chú ý hơn nữa là suốt mấy tháng nay, *Việt Nam Exodus* còn cung cấp cho độc giả những chứng từ lấy từ chính những văn bản gốc của các người CS, để chứng minh ông Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước.

Đàn Chim Việt bị tấn công có lẽ cũng vì lý do tương tự. Trong nhiều tháng qua *Đàn Chim Việt* đã đưa lên mạng những bài viết nhắm thẳng vào tử huyệt của chế độ là thần tượng Hồ Chí Minh. Trong phần trao đổi ý kiến, những cán bộ CS vào đọc *Đàn Chim Việt* đã hốt hoảng la lên: *để tài quá cũ rồi, nhắc lại làm gì cho nhàm!* Nhưng thực sự họ kinh sợ đến chết. Nếu thần tượng Hồ Chí Minh sụp đổ, thì lập tức giới trẻ trong nước sẽ hàng hàng lớp lớp đứng

lên sau lưng các chiến sĩ Dân Chủ Tự Do và kéo theo lớp quần chúng đông đảo đòi Tự Do Dân Chủ và bầu cử tự do, tẩy chay bầu cử theo kiểu đảng cử dân bầu.

Những kẻ sợ tự do dân chủ càng đánh càng phá các phương tiện truyền thông đại chúng chuyên trình bày cho thính chúng, độc giả, và nhân dân trong nước những sự thực bị vùi lấp dưới lớp thời gian đầy bụi bặm của gian dối xảo quyệt, thì càng chứng tỏ sức mạnh và tác dụng của truyền thông đại chúng, nhất là truyền thông điện toán.

Sự việc Đoàn Chim Việt bị tấn công lần thứ hai chỉ một ngày sau khi đăng ý kiến của nhà báo Bùi Tín cảm ơn độc giả đã đọc ông, trong đó ông khẳng định yêu nước theo kiểu của ông Hồ Chí Minh thì thà đừng yêu nước còn hơn. Ông viết, nguyên văn:

“Tôi nói: nhầm lẫn của ông Hồ về đường lối, về học thuyết đấu tranh, chọn cho một đảng, cho một nước kéo dài 70 năm, dẫn đến chiến tranh, tang thương, tàn phá, chia rẽ, tụt hậu, hậu quả thật kinh hoàng..., mà người lãnh đạo đến nay vẫn còn chưa tỉnh! “Yêu nước” như thế thì tệ hại gấp triệu lần thà như không yêu nước!

“Trên thực tế, đây là Tội Ác viết hoa, là tội ác nhân lên triệu triệu lần.”

Sự việc này cho thấy những lời lẽ có tình có lý ở một bài trước của ông (*Tâm tình với bạn trẻ trong nước về ông Hồ Chí Minh*) trong đó ông viết, ông nghĩ ông Hồ cũng yêu nước theo kiểu của ông ta,

theo hoàn cảnh và tâm tình của ông ta... đã gây được cảm tình của độc giả trẻ, chưa hiểu rõ về ông Hồ. Rồi chỉ sau khi đã gây được cảm tình của giới trẻ, ông mới lên tiếng nói rõ hơn, rằng “yêu nước” theo kiểu của ông Hồ là tội ác!

Người CS rất sành về tuyên truyền chính trị là môn mà ông Hồ đã học và dạy ở trường Stalin, cũng còn gọi là trường Lao Động Đông Phương, và chỉ một mình ông là người Á Đông được theo học ở trường đại học Lê-nin. Trong gần 5 năm học tại đây chẳng những ông học về tuyên truyền mà còn về tình báo gián điệp, và mọi chiến lược chiến thuật du kích chiến, những chiến thuật, kỹ thuật xâm nhập, lũng đoạn, thao túng, tranh đấu tại nghị trường, cũng như trên các diễn đàn chính trị, tại các cuộc hội thảo về chính trị, kinh tế, giáo dục văn hóa v.v... Ông Hồ đã dạy lại cho các đồ đệ thân cận nhất của ông hồi còn ở Hoa Nam. Ông còn giới thiệu họ vào trường Hoàng Phố của Trung Hoa Quốc Dân Đảng (hồi ấy đang theo đuổi chính sách thân Nga dung Cộng), rồi trường Quân Chính Diên An của Mao Trạch Đông.

Vì tuyên truyền là vũ khí chủ soái của CS, nên họ không muốn để cho bất cứ đối phương nào sử dụng vũ khí này hơn họ.

Họ có tới 600 tờ báo. Nhưng chỉ một tờ dành cho tự nhân ngoài đảng họ cũng không dám cho. Vì họ tự biết họ đang ở thế yếu, tức thế nói dối, thế bưng bít, thế độc quyền. Để cho một tờ tự do xuất hiện

chẳng khác nào tự siết cổ mình. Vì thế mà khi nhóm linh mục Chân Tín, Phan Văn Lợi và một số nhà dân chủ tự do ra tờ *Tự Do Ngôn Luận*, mà không xin phép, bất chấp mọi hiểm nguy, chúng tôi đã ví von rằng *linh mục Chân Tín định siết cổ đảng ta*. Dĩ nhiên định hay muốn là một chuyện, còn có làm được không thì còn phải nhờ vào sự tán thành, ủng hộ, hưởng ứng của nhân dân, nhất là giới trẻ.

Cho nên khi ông Bùi Tín, dùng cái chiêu thức lấy lòng giới trẻ còn chưa hiểu đời, chưa biết được mưu sâu của “đảng ta”, rồi sau đó nói rõ cho họ biết cái kiểu “yêu nước” của ông Hồ là Tội Ác viết hoa, thì Hà Nội thất kinh! Không thể để cho Đàn Chim Việt tiếp tục đăng những luận điệu “sát cộng” như thế này được.

Thiết tưởng, đứng về phương diện tuyên truyền mà nói, thì những bài của Trần Mạnh Hảo (góp ý), phê bình chỉ trích chủ nghĩa Mác, hay của những Lê Nhân, Nguyễn Thái Hoàng, Nguyễn Thái Bình, Võ Quế Dương... mạt sát ông Hồ Chí Minh, hay, và nhất là, sách của Hoàng Quốc Kỳ, Việt Thường đối với Hà Nội, không đáng sợ bằng những lời dụ ngọt theo kiểu mật ngọt chết ruồi của Bùi Tín, và của những tác giả nghiên cứu thận trọng. Những người này viết và nói có tình có lý, một cách công bình, khách quan, những gì tốt nói tốt, những gì xấu nói xấu, không ngần ngại khen ông Hồ là người có chí, có tài, được rèn luyện đến nơi đến chốn về mọi mặt kỹ thuật chính trị, mà

các nhà lãnh đạo các đảng phái quốc gia thực sự yêu nước không có được. Nhưng chỉ tiếc một điều là ông Hồ đã dùng những ưu điểm đó vào việc giết hại đồng bào cho một chủ nghĩa phi nhân, một học thuyết không tưởng, chứ không phải vì lý tưởng dân tộc. Quan trọng là những bằng chứng xác thực không thể chối cãi để chứng minh điều sau cùng này.

Ngày nay Hà Nội đã biết rõ cái độc quyền báo chí của họ khó giữ được nguyên vẹn. Vì ngoài báo in còn báo nói, báo điện tử trên mạng. Nếu không dựng lên những bức tường lửa, nếu không đánh phá liên tục các mạng có uy tín, thì những báo điện tử này sẽ thay đổi được tâm trạng giới trẻ ở trong nước, và đến lúc đó thì không có phương cách gì chống đỡ cho chế độ được nữa.

Tóm lại, sở dĩ tin tặc tấn công, đánh phá các báo điện tử là vì Hà Nội khiếp sợ *sự thật thật*, là cái sẽ toàn thắng sự giả dối, mệnh danh là sự thật (giả).

Trước khi kết thúc, chúng tôi mạo muội cầu mong các cơ quan truyền thông cùng chung một lý tưởng tự do dân chủ và muốn giải thể chế độ thối nát hiện nay bằng một chế độ dân chủ tiến bộ, sẽ hiểu rõ ưu điểm và sức mạnh của báo điện toán để cùng chung sức bảo vệ phương tiện truyền thông mới mẻ và hữu hiệu này, phát triển nó, tổ chức nó thành một hệ thống quy mô rộng lớn hòng đối phó với những bức tường lửa và sự đánh phá vô trách nhiệm, bỉ ổi và phi pháp này.

Cũng hy vọng rằng trong tương lai, báo điện toán sẽ không chỉ nhằm phê bình chỉ trích những sai trái, tội lỗi của chế độ hiện hữu mà còn quy tụ một số đông các nhà chuyên môn về các vấn đề chính trị, ngoại giao, công pháp quốc tế, vấn đề tổ chức công quyền theo thể chế dân chủ, cũng như một loạt những vấn đề kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội khác cần thiết phải tiên liệu cho một chế độ hậu CS tương lai. Mong lắm thay!

Nam Cali 06/06/06

(*) **DCVOnline**: Trong gần hai tuần, từ ngày 26-5 đến 6-6-2006, tin tặc đã tấn công phá hoại *DCVOnline* rất nhiều lần. Khi vẫn còn kẻ thù của cuộc vận động dân chủ, những kẻ khiếp sợ tự do báo chí, sợ sự thật, thì *DCVOnline* vẫn còn có thể tiếp tục bị tấn công phá hoại.

DCVOnline sẽ vượt mọi khó khăn để có mặt với bạn đọc toàn cầu trong vai trò truyền thông độc lập.

Phụ lục:

Dưới đây chúng tôi xin nêu ra vài ý kiến của bạn đọc về bài này để rộng đường dư luận.

Ý kiến Bạn đọc

Nói leo

Địa cầu

TRÍCH: “Cũng hy vọng rằng trong tương lai, báo điện toán sẽ không chỉ nhằm phê bình chỉ trích

những sai trái, tội lỗi của chế độ hiện hữu mà còn quy tụ một số đông các nhà chuyên môn về các vấn đề chính trị, ngoại giao, công pháp quốc tế, vấn đề tổ chức công quyền theo thể chế dân chủ, cũng như một loạt những vấn đề kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội khác cần thiết phải tiên liệu cho một chế độ hậu CS tương lai. Mong lắm thay!” Nguồn: Minh Võ, bài chú.

Một lần nữa tác giả Minh Võ đã có những ý kiến, lý lẽ rất powerful, rất xác đáng, sẽ làm cộng sản phải sợ muốn chết.

Xin phép được trích lại điều trên của tác giả Minh Vũ để bày tỏ sự đồng ý và nhấn mạnh đến tính cách cần thiết của vấn đề. Bởi vì ngày tàn của chế độ độc tài toàn trị cộng sản không còn xa lắm, những điều như trên cần được chuẩn bị, thảo luận, hướng dẫn căn kẽ...

Sát Cộng

QN

“... Tóm lại, sở dĩ tin tặc tấn công, đánh phá các báo điện tử là vì Hà Nội khiếp sợ sự thật thật, là cái sẽ toàn thắng sự giả dối, mệnh danh là sự thật (giá)...”

Bọn CSVN cũng giống như các chế độ toàn trị khác, RẤT SỢ SỰ THẬT, vậy mà để nói dối cho thêm phần can đảm, các báo chí, nhà xuất bản thường lấy tên rất trái ngược như: Sự Thật thì lại chuyên nói dối như Vẹm.

Còn tụi tin tặc kia, thì đã tỏ rõ 2 việc:

1. Bọn trẻ xấu đó thiếu khả năng nhận biết đúng

sai, không phân biệt được giữa tài năng thật sự làm lợi ích cho nhân quần xã hội với tài vật vãnh, lấu cá, khôn lỏi, chỉ làm tay sai, lợi cho một thiểu số xấu xa. Học đòi cái xấu thì rất nhanh, còn cái tốt thì lại chậm tiếp thu. Đó cũng là sản phẩm của chế độ CSVN

2. Nhà nước CSVN nếu không trực tiếp lãnh đạo, xúi bẩy bọn trẻ xấu đó làm tin tặc, thì ít nhất cũng đã dung dưỡng cho bọn đó hoạt động công khai. Trong khi đó, những người muốn hoạt động lành mạnh, dân chủ thì lại bị cấm đoán, bắt tù tội, chí vì dịch, viết, đăng những bài viết về dân chủ. Sự phân biệt đối xử đó đã chứng tỏ là nhà cầm quyền CSVN có tiếp tay, bảo trợ, mà lại hèn hạ vờ như không biết, không thấy, không nghe gì về vụ tin tặc vừa rồi... Còn cãi chầy cãi cối gì không???

Pham Duy Thoại

Berlin - Germany

Mỗi lần tôi vào DCV cái trước tiên tôi muốn biết là bao nhiêu người đang đọc DCV như tôi (Ai đang online?). Trước đây thì trung bình khoảng hơn 300. Hiện thời thì số đọc giả đã tăng hơn 100 %, khoảng 6 đến 700 người.

Đây là một hiện tượng đáng mừng nhưng chưa đủ. Nhiều khi tôi đặt câu hỏi, với những nội dung như từ trước đến giờ DCV muốn đến với từng lớp nào ? Có lẽ, đúng như tác giả bài viết đã nhận định, những bài viết rất có giá trị của Lê Nhân, Nguyễn Thái Hoàng không thể nào làm bạn đọc trẻ tuổi trong

nước “nuốt” nổi. Nếu ngày nay trẻ tuổi trong nước vẫn còn tôn vinh một thần tượng Hồ Chủ Tịch thì đó cũng là điều rất dễ hiểu. Vì từ trong bụng mẹ đã phải nghe ra rả về lòng “yêu nước” của Bác, Bác là tất cả, Bác xuất hiện trong mọi lãnh vực của cuộc sống.

Vì vậy CSVN rất sợ họ sẽ không còn chỗ bám víu, nếu mọi người, nhất là tuổi trẻ VN, đều biết đến sự thật về con người HCM.

Tôi đề nghị với BBT DCV mở Đề Mục “Tìm hiểu về HCM” với những lời lẽ ôn hòa như của anh Bùi Tín. Con đường tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ sẽ ngắn đi rất nhiều, khi thần tượng này sụp đổ.

Như vậy ngắn gọn “ĐỪNG SỢ TUYÊN TRUYỀN CỦA CS, MÀ TUYÊN TRUYỀN ĐỂ CS SỢ”

Việt Hồn

Bắc Cali - Hoa Kỳ

Đúng như tác giả Minh Võ đã trình bày, CSVN rất sợ sự thật về HCM bị lộ trần. Sự đánh phá DCV khiến cho các bài viết từ trước đến nay về HCM thông thường được lưu trữ trong mục “Bài đã đăng” nay đã không còn nữa. Đó là mục đích của tin tặc.

Vấn đề chính hiện nay là nhân vật Hồ Chí Minh. Chỉ khi nào mà người dân trong nước có được tự do ngôn luận, có tự do báo chí thì thần tượng Hồ Chí Minh sụp đổ dễ dàng. Không hẳn mọi người ai ai cũng say mê thần Tượng HCM mà chính vì sự sợ hãi trước chiến thuật khủng bố trừ dập mà đảng CSVN đã áp đặt khiến người dân phải câm lặng hầu cho

cuộc sống được an toàn. Tuổi trẻ cần được giải độc bằng những bài viết đúng đắn, lý luận vững chắc, bằng những câu chuyện thật dưới chế độ tự do người dân được luật pháp che chở như thế nào, quyền lợi của người dân ra sao... để mang ra so sánh dưới chế độ HCM thì thành quả đối với giới trẻ sẽ tốt hơn. Còn một việc làm nữa là làm sao cho các tài liệu về HCM được phổ biến về trong nước càng nhiều càng tốt vì người dân trong nước không phải ai cũng có internet để theo dõi. Tất cả đều cần đến sự góp sức của các bạn trẻ hải ngoại. Mong thay!

22. Đấu tranh cho một lá cờ

Ngày thứ bảy, 5-8-2006 tại thính đường Rose Center, thuộc thành phố Westminster, nơi có khu Little Saigon, thường được mệnh danh là “thủ đô tỵ nạn”, thống đốc tiểu bang California Arnold Schwarzenegger đã ký sắc lệnh công nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ “*để từ nay người Việt có quyền chính thức treo lá cờ của mình trong các buổi lễ của tiểu bang.*”

Ông coi đây là một cơ hội tuyệt vời để vinh danh hơn nửa triệu người Việt Nam đã chọn Cali làm nơi sinh sống và đã đóng góp cho sự phồn vinh của quê hương thứ hai này. Luật sư Trần Thái Văn, dân biểu tiểu bang, một trong những người đã tích cực nhất để vận động cho việc này đã đứng sát bên Thống Đốc và được ông tặng một trong hai cây bút dùng để ký văn kiện lịch sử này.

California là tiểu bang thứ 9¹ trong số 50 tiểu bang

¹ Được biết, vừa mới có thêm 3 tiểu bang nữa: Minnesota, Ohio, Oklahoma; như vậy tổng cộng đã có 12 tiểu bang.

của Hoa Kỳ đã công nhận lá cờ này, từng là quốc kỳ của Việt Nam Cộng Hòa trước kia. Tám tiểu bang kia là: Louisiana, Hawaii, New Jersey, Virginia, Colorado, Georgia, Florida và Texas. Ngoài ra cũng phải ghi nhận, thành phố Westminster của California đã là thành phố đầu tiên trong số hơn một trăm thành phố của Mỹ công nhận cờ vàng.

Có người dè bủ nói rằng những viên chức Mỹ công nhận cờ vàng của cộng đồng người Mỹ gốc Việt chẳng qua chỉ vì muốn lấy phiếu của một sắc dân trong những cuộc bầu cử sắp tới. Chẳng có gì đáng lấy làm hãnh diện.

Tuy nhiên, nếu quả thực như thế đi chăng nữa thì cũng phải nhìn nhận là các cá nhân, hay/và cộng đồng người Việt tại các địa phương này đã biết lợi dụng điều đó để lá cờ mà dưới đó họ đã từng phục vụ tổ quốc được các chính quyền địa phương tôn vinh, và cho họ được phép duy trì như một biểu tượng tôn quý, mặc dù ngày nay nó không còn tượng trưng cho một quốc gia nào nữa.

Điều khiến nhiều người còn dè dặt, và kêu gọi không nên quá lạc quan, là vì đây chưa phải là luật do quốc hội tiểu bang ký.

Một sự kiện xảy ra cũng liên quan tới lá cờ vàng tại Úc chỉ một tuần trước đó gợi nhớ tới phản ứng dữ dội của nhà cầm quyền CS tại Việt Nam, rất bức tức, mỗi khi một tiểu bang, hay thành phố công nhận lá cờ này. Tờ nhật báo Herald Sun ở Melbourne ngày 31

tháng 7 đã đăng bài của ký giả Neil Wilson nhan đề *“Bàn tay của Hà Nội đằng sau vụ sỉ nhục về quốc kỳ.”*

Tác giả bài báo cho biết ông Bruce Billson, bộ trưởng bộ Cựu Chiến Binh Úc đã bị áp lực không ngừng của tòa đại sứ Cộng Sản Việt Nam, nên đã *“đòi hỏi chi hội Cựu Chiến Binh ở Dandenong không bao giờ được treo là quốc kỳ của cựu đồng Minh Nam Việt Nam; nếu không sẽ bị mất ngân khoản 40.000 Úc Kim.”* Ngân khoản này đã được dự trù để cấp cho hội CCB trong năm 2006 để bảo trì tượng đài Chiến Sĩ Việt-Úc ở Victoria.

Nhưng ông John Wells, chủ tịch ủy ban đặc trách tượng đài nói: *“Ông bộ trưởng muốn làm gì với ngân khoản đó thì làm. Chúng tôi không chơi trò chính trị. Là cờ này là một sự thực lịch sử.”*

Phản ứng dữ dội, không ngừng nghỉ của Cộng Sản đối với lá quốc kỳ của Việt Nam Cộng Hòa trước 1975 cho thấy rõ hai điều: Thứ nhất, họ biết cuộc chiến ý thức hệ chưa hề chấm dứt. Lá cờ của đối phương còn tung bay là sức chiến đấu của đối phương còn tồn tại. Thứ hai, trong cuộc chiến ý thức hệ, lấy tuyên truyền làm vũ khí chủ soái, thì biểu tượng là lá cờ, tụ điểm của niềm tin và sức chiến đấu. Tuyên truyền bắt buộc phải có một biểu tượng và một thần tượng. Họ có thần tượng Hồ Chí Minh được duy trì bằng mọi giá và bồi đắp liên tục. Đụng vào thần tượng này tức khắc toàn bộ hệ thống chế độ

run bắn lên như cơ thể giật nảy khi có gì chạm vào những điểm nhạy cảm nhất của hệ thống thần kinh.

Câu nói *“Lá cờ này là một sự thực lịch sử”* của ông John Wells khiến tất cả những ai đang tranh đấu cho một Việt Nam tự do dân chủ nhớ một sự thực lịch sử khác là tất cả những ai đã từng chiến đấu, tranh đấu chống cộng sản trong dĩ vãng để bảo vệ lá cờ đó (xuất hiện sau khi Cộng Sản cướp chính quyền) đều chiến đấu vì lý tưởng tự do của nhân loại chống sự nô dịch hóa của một chủ nghĩa không tưởng, cực ác, mưu toan đưa cả nhân loại trở lại thời kỳ đồ đá. Các nước Úc, Mỹ, Tân Tây Lan, Pháp, Thái Lan, Phi Luật Tân, Hàn Quốc... chiến đấu bên cạnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa trong thập kỷ 60 rõ ràng không phải vì mục đích thực dân, đế quốc, như CS từng tuyên truyền, mà là để bảo vệ một miền Nam tự do đang bị Cộng Sản xâm lăng bằng đủ mọi hình thái chiến tranh, vũ trang và phi vũ trang.

Nhưng cũng có một thực tế lịch sử, không thể không nhấn mạnh ở đây. Đó là cuộc chiến đấu của phe tự do tại miền Nam Việt Nam, của tất cả những người, những nước vừa nêu đã thất bại. Kể cả siêu cường Mỹ với quyết tâm bảo vệ Miền Nam mà họ từng gọi là tiền đồn của thế giới tự do. Mặc dù đây chỉ là sự thất bại cục bộ mà cơ duyên đã dẫn tới một chiến thắng toàn bộ vào đầu thập niên 90, thế kỷ trước. Dầu sao thất bại vẫn là thất bại.

Và hơn nữa, cũng là một thực tế không thể phủ

nhận, là cho đến nay vẫn còn có nhiều người khẳng định, Việt Nam Cộng Hòa không thua, vì có chính nghĩa. mà chỉ bị phản bội và bỏ rơi. Nhiều người viết hồi ký, hay bút ký chiến tranh, đề cao những thành tích, chiến công của mình hay đơn vị mình trong chiến tranh. với hàm ý “chúng tôi đã chiến đấu anh dũng. Đáng lý chúng tôi không thua, nếu không bị Mỹ bỏ rơi”! Họ nhất định cho rằng Mỹ không thua. Mỹ chỉ giả vờ thua để lấy cớ bỏ rơi đồng minh một cách chính đáng. Mỹ bỏ Miền Nam VN vì Mỹ đã bắt tay được với Trung Cộng, và Liên Xô! (Họ quên rằng Nixon và Kissinger chỉ thử quay sang Trung Cộng và Liên Xô để tìm cách gỡ một thế cờ bí ở Việt Nam, để có thể rút chân ra khỏi vũng lầy Việt Nam, sau khi đã thấy không còn cách nào thủ thắng ở đây.)

Hai thực tế này cho thấy nguyên nhân tại sao cho đến nay Việt Nam vẫn chưa được “giải phóng” khỏi một chế độ “chuyên chính” đàn áp, lạc hậu, trong khi tại hàng chục nước Đông Âu và Liên Xô chuyên chính vô sản chỉ còn là một kỷ niệm đau buồn.

Karl von Clausewitz đã viết, đại ý, sau một chiến bại quan trọng, các phần tử bên thua thường đổ lỗi cho nhau. Chỉ cho đến khi nào mọi phía đồng ý được với nhau về lý do thất trận thì mới có khả năng phản công để giành lại phần thắng.

Sau thất bại 1975, một số giới chức VNCH đổ lỗi cho Mỹ phản bội, bỏ rơi đồng minh. Rất nhiều người Mỹ, trong đó có nhiều sử gia và nhà báo tên tuổi kết

tội lãnh đạo miền Nam thối nát, quân sĩ thiếu kỷ luật và tinh thần chiến đấu. Thậm chí mới cách nay không lâu những giới chức cao cấp nhất của Hoa Kỳ cũng bảo VNCH thua vì không muốn chiến đấu, và CS thắng vì họ tỏ ra yêu nước hơn.

Riêng về phía VNCH cũ thì một đảng bảo nguyên nhân của sự thất bại của VNCH là vì ông Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo. độc tài gia đình trị, bị các tướng lãnh làm đảo chính giết đi, khiến miền Nam mất một cơ hội bằng vàng.

Đến nay vẫn còn có giáo sư đại học Mỹ viết sách chỉ trích chính quyền Eisenhower “ngu ngốc” cử một tín đồ sùng đạo Công Giáo lãnh đạo một quốc gia mà tuyệt đại đa số theo Phật Giáo, còn Công Giáo chỉ vãn vẹn 8% dân số. Vì thế đã sa lầy ở Việt Nam và mang lấy “hội chứng Việt Nam.

Nhưng không ít người lại cho là chính quyền Dân Chủ Mỹ đã mắc sai lầm chiến lược nghiêm trọng khi chủ trương hạ ông Diệm, một lãnh tụ được dân miền Nam bầu lên một cách hợp hiến hợp pháp, làm cho miền Nam xáo trộn trong một thời gian dài. Quân tác chiến Mỹ phải ồ ạt kéo vào mới cứu vãn được tình hình chỉ trong mấy năm...

Người thì bảo, chỉ nguyên một việc Mỹ tự ý đem quân tác chiến vào mà không tham khảo ý kiến của chính quyền miền Nam (lúc ấy do lãnh tụ Đại Việt, một cự tướng chống cộng, bác sĩ Phan Huy Quát, làm thủ tướng), và không có một hiệp ước song

phương về việc này, cũng đủ để cho tuyên truyền CS tấn công một cách mạnh mẽ và chí tử rằng họ có chính nghĩa khi kháng chiến chống Mỹ xâm lược, còn chính quyền miền Nam chỉ là bù nhìn, quân sĩ miền Nam chỉ là lính đánh thuê cho bọn cướp nước.

Những cuộc cãi vã và đổ lỗi cho nhau trong hàng ngũ VNCH và đồng minh còn nhiều, mà khó tìm ra giải pháp dung hòa hay nguyên nhân đích thực của sự thất trận.

Chúng tôi đã có lần mạo muội thử đưa ra một quan điểm về việc này, và nêu lên những nguyên nhân chính của sự thất trận của phía tự do, gồm cả VNCH và đồng minh, nhất là Mỹ. Xin được miễn nhắc lại ở đây những điều đã được trình bày trong hai bài báo “Tại sao thua?” và “Why we lost?” lần lượt được đăng tải vào dịp kỷ niệm thất trận 30-4-2005 và 30-4-2006. Nhưng, sau hơn ba chục năm tranh chấp về nguyên nhân của sự thất trận, có thể nói, hầu hết mọi người đều đã mất kiên nhẫn để qua những bài học lịch sử, tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi không có gì hấp dẫn, mà còn làm mình bực bội này.

Nhiều người nghĩ rằng cứ giương cao ngọn cờ vàng ba sọc đỏ ở nhiều thành phố Mỹ chừng nào thì CS chóng sụp đổ chừng ấy. Không biết bao nhiêu nỗ lực đáng khen đã dồn cho mục tiêu này. Kết quả là lòng người ở hải ngoại có phần chần tịt tin hơn. Nhưng điều đó chưa có tác dụng gì với lòng dân trong nước.

Vì vậy cũng không ít người nghĩ, hãy dồn nỗ lực cho việc dựng lại lá cờ đỏ ở trong nước, hay ít nhất quật ngã lá cờ đỏ sao vàng, là điều thiết thực hơn.

Đó là chưa kể cũng có những người không ngần ngại đưa ra đề nghị: các cộng đồng người Việt hải ngoại hãy quên đi dĩ vãng, quên luôn lá cờ vàng ba sọc đỏ đi, vì nó chỉ gợi nhớ lại sự thất bại chua cay mà thôi. Hoặc nên xếp vào kho kỷ niệm cả 2 lá cờ tượng trưng cho hai lực lượng đối kháng, thù địch từng chia rẽ dân tộc suốt hơn nửa thế kỷ. Không nên chào cờ, không nên treo cờ đỏ nữa, vì chỉ tổ kéo dài sự thù hận, chia rẽ. Nhưng những người này quên một thực tế trước mắt là họ chỉ có thể xếp lá cờ vàng, chứ lá cờ đỏ thì vẫn tung bay khắp nơi trong nước và trên thế giới, tại Liên Hiệp Quốc.

Một số nhà tranh đấu trẻ ở trong nước, phần đông lớn lên sau 1975, không dính dáng gì đến lá cờ vàng, hoặc không biết gì đến nguồn gốc của nó và cái mà nó tượng trưng, đã có lý để không quan tâm đến lá cờ vàng, mà cả đời họ chưa được thấy. Họ nghĩ chỉ cần nhắm hạ lá cờ máu, mà không cần đứng dưới hay nêu cao lá cờ nào khác.

Nhưng nếu họ có dịp đến những hội trường của cộng đồng người Việt ở Mỹ, ở Úc hay một số nước châu Âu để dự các buổi nói chuyện hay họp mặt của các tổ chức, đoàn thể chính trị, văn hoá, tôn giáo v.v... thậm chí của ngay một hội ái hữu rất nhỏ nào đó, họ cũng đã bắt buộc, dù muốn hay không, phải đứng

nghiêm chính chào lá “quốc kỳ bại trận” năm xưa của cộng đồng người Việt tỵ nạn. Nếu họ thấy được sự tôn nghiêm, thành kính nào đó toát ra từ những buổi lễ như vậy, hẳn sẽ có lúc họ tự hỏi: Tranh đấu có cần một lá cờ không? Và nếu không thích lá cờ này thì phải chọn lá cờ nào? Chẳng lẽ tranh đấu mà không có ngọn cờ nào? Trong khi lá cờ đỏ chói của CS vẫn tung bay khắp nơi trong nước và tại Liên Hiệp Quốc...

Có người sẽ trả lời thay: “Hãy để quốc hội tương lai quyết định về quốc kỳ”. Về nguyên tắc rất đúng: Quốc kỳ tương lai phải để quốc hội do toàn dân bầu ra trong một cuộc bầu cử tự do. Nhưng trong hoàn cảnh thực tế hiện tại, khi chưa có bầu cử tự do, chưa có quốc hội tự do, câu trả lời đó chẳng ăn nhằm gì với câu hỏi về một lá cờ hiện tại. Nó chỉ là một sự né tránh một nhu cầu trước mắt, vì không biết phải chọn một lá cờ nào cho thích hợp. Nếu chưa đoàn kết được để chọn ra một lá cờ tạm thời có khả năng thay thế lá cờ cũ, thì giản dị nhất và cũng thực tế nhất là hãy tạm thời tiếp tục chấp nhận lá cờ đã từng tượng trưng cho sự chiến đấu chống cộng trong dĩ vãng. Nhất là nếu quan niệm rằng cuộc chiến ý thức hệ vẫn tiếp tục, như phe Cộng nghĩ, thì càng có lý do để duy trì lá cờ đỏ.

Nhưng nói vậy không có nghĩa là các chiến sĩ tự do dân chủ tranh đấu nhằm mục đích tái lập nền đệ nhất, hay đệ nhị Cộng Hòa ở miền Nam Việt Nam trước đây.

Lá cờ này chỉ tạm thời thay cho một lá cờ sẽ được chính thức công nhận trong tương lai, với điều kiện là cuộc đấu tranh đem lại thắng lợi, và lá cờ đỏ sao vàng bị hạ xuống ở trong nước cũng như trên trường quốc tế.

Và theo thiển kiến, thắng lợi thực sự sẽ chẳng bao giờ đến, bao lâu người Việt hải ngoại, với những tổ chức đấu tranh đa dạng đang hoạt động nhằm giải thể chế độ CS, vẫn chỉ mãi mê say sưa với thú “chiến thắng phù du” là thành tích dựng được thật nhiều cờ vàng ba sọc đỏ trên những miền đất lạ, xa tắp, bên ngoài quê hương, mà quên rằng, mục tiêu đấu tranh của chúng ta là dựng được lá cờ tự do dân chủ ở trên quê hương.

Vì vậy, lá cờ (tạm thời dùng cờ vàng ba sọc đỏ) là biểu tượng, để quy tụ mọi nỗ lực của mọi tổ chức đấu tranh trong một cuộc chiến ý thức hệ vẫn còn đang tiếp diễn. Mà cuộc chiến ý thức hệ này, không thể thành công, nếu không có những chiến lược sách lược đấu tranh theo bản chất chiến tranh ý thức hệ, trên các mặt trận tuyên truyền, văn hoá, v.v... bằng các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại, trong đó điện toán và các làn sóng điện vô tuyến chiếm vị trí hàng đầu.

Trên đây là đôi điều suy nghĩ riêng tư về một biểu tượng cũ mà nhiều người cho rằng cần phải duy trì và giương cao trong phong trào đấu tranh cho tự do dân chủ ở trong nước. Chắc chắn cuộc thảo luận về

đề tài này sẽ sôi nổi. Nhưng cũng mong rằng những ý kiến đưa ra, dù từ quan điểm nào, sẽ hướng về một giải pháp cụ thể, thực tế và có ích lợi nhất cho mục đích tối hậu mà mọi người theo đuổi là giải thể một chế độ phi nhân, lỗi thời, đã phân hóa truyền thống dân tộc và đưa cả nước tụt hậu rất xa so với những nước không Cộng sản trong vùng.

Không đạt được mục tiêu tối hậu này, hay ít nhất không phá vỡ được huyền thoại “anh hùng dân tộc”, huyền thoại “cha già dân tộc” của Hồ Chí Minh, thì dù chúng ta có cầm hàng triệu lá cờ vàng ba sọc đỏ ở ngoại quốc cũng sẽ không ngăn cấm được con cháu chúng ta trong tương lai tìm cách triệt hạ những lá cờ đó, cũng như triệt hạ những tượng đài chiến sĩ Việt Mỹ, Việt Úc, v.v... mà chúng coi như những dấu tích, chứng tích về một sự “phản quốc” của cha ông chúng.

Con cháu chúng ta rất có thể sẽ suy nghĩ một cách hết sức đơn sơ, mà lại rất khó phản biện rằng: Nếu Hồ Chí Minh đã là đại anh hùng dân tộc, như một số nhà tranh đấu trong nước (tiếc thay!) còn thành thực tin như vậy, và các pho sử thế giới hãy còn ghi như thế, mà không có những bộ sách nghiêm túc cải chính một cách thuyết phục, thì những kẻ đứng dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ, để chống lại họ Hồ và đảng của ông ta chỉ là những kẻ phản quốc, Việt gian, hay lính đánh thuê cho ngoại bang.

Thiết nghĩ cần phải phòng ngừa đừng để cho con

cháu chúng ta kết án cha ông của chúng một cách sai lầm như thế.

Với chất xám, tiền của, phương tiện của các cộng đồng người Việt hải ngoại, và của một số tổ chức đấu tranh giàu có hiện nay, cộng với những phương tiện truyền thông hiện đại, việc này không phải không làm được. Miễn là phải có một nội dung nghiêm túc, xác đáng và hướng đấu tranh đúng, chủ yếu nhằm vào các mục tiêu và đối tượng ở trong nước.²

12-08-2006

² Bài này đã đăng trên *Đàn Chim Việt Online* ngày 18-8-2006. Trong vòng 3 ngày đã có trên 600 ý kiến độc giả tranh luận sôi nổi.

23. Cố Tổng Thống Ronald Reagan và Giáo Hoàng John Paul II

(trong biến cố Balan đưa đến sự sụp đổ của khối CS Đông Âu)

Tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ Ronald Reagan đã qua đời ngày thứ bảy, 05-06-2004, hưởng thọ 93 tuổi. Nhiều nhân vật tên tuổi quốc tế đã lên tiếng ca ngợi ông là vĩ nhân và nhắc đến công lao của ông trong việc đánh sập khối cộng được tượng trưng bởi bức tường Bá Linh là nơi ông đã chỉ vào đó mà nói với cựu Tổng Thống Liên Xô Gorbachev rằng cần phải phá bỏ nó đi. Chính ông này đã phát biểu là nếu không có Reagan thì sự việc đã không xảy ra như nó đã xảy ra. Để ghi lại thành tích này, cựu Tổng Thống Bill Clinton, thuộc đảng Dân Chủ cũng phát biểu là nên khắc họa một mảnh của bức tường đó nơi tòa nhà mang tên Reagan đặt tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Nhân dịp này chúng tôi xin cống hiến bạn đọc một số dữ kiện lịch sử liên quan đến công lao to tát của ông trong sự sụp đổ thành linh của khối cộng sản Đông Âu vào năm 1989.

Trước hết tưởng cũng nên thêm rằng trong việc đánh đổ khối cộng, ba vị tổng thống của đảng Cộng

Hòa đã góp phần quyết định. Đó là Tổng Thống Nixon, Tổng Thống Bush (cha) và đặc biệt là Tổng Thống Reagan.

Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại thường trách cố Tổng Thống Nixon bỏ rơi VNCH. Một số người Mỹ, vì lý do phản chiến hay một lý do nào khác, thường chê Tổng Thống Nixon “điều hâu, hiểu chiến”. Ngoài ra còn có vụ Watergate làm ông bị ô danh và phải từ chức.

Nhưng về phương diện chống cộng sản thì ai cũng phải công nhận Nixon là người có quyết tâm và chiến lược, sách lược khôn khéo, tài tình. Ông đã can đảm rút được quân đội Mỹ đang sa lầy ở chiến trường VN về nước trong danh dự. Kế đó là sách lược “ngoại giao bóng bàn” với Bắc Kinh. Hiệp ước chống phi đạn với Liên Xô. Rồi chiến dịch bao vây nước này bằng kinh tế... vân vân.

Đến thời Tổng Thống Reagan thì Liên Xô đã bị dụ vào cuộc chạy đua vũ trang đến đút hơi với kế hoạch phòng thủ, *chiến tranh giữa các vì sao* (Star war). Rồi những cuộc tiếp xúc của R. Reagan, và G. Bush, với Gorbachev và Giáo Hoàng John Paul II (Gioan Phao-lô đệ nhị).

Và còn biết bao điều nằm trong những kế hoạch tối mật ít người biết. Cho đến khi mọi chuyện đã xong xuôi, đầu năm 1992, ta mới được biết rằng trong thập kỷ 80 giữa chính quyền Reagan của đảng Cộng Hòa và tòa thánh Vatican với đương kim giáo

hoàng đã có một *Liên Minh Bí Mật Thần Thánh* với mục đích chung là đánh sập chế độ cộng sản ở Đông Âu, khởi sự từ Ba Lan, là nước rộng nhất (120,725 dặm vuông) và cũng đông dân số nhất (khoảng 35 triệu) với trên 80% là tín đồ công giáo.

Tại sao lại chọn Ba Lan làm khởi điểm?

Bởi vì Ba Lan là nước lớn nhất nằm ngay ở giữa và là tổng hành dinh của hiệp ước Varsovie, có biên giới chung với Liên Xô, Tiệp Khắc và Đông Đức. Vị giáo hoàng lúc ấy lại là người Ba Lan, đã từng là nạn nhân của cộng sản, rồi khi làm giáo hoàng còn bị CS thuê người ám sát mà không chết, cũng như chính Tổng Thống Reagan từng chết hụt trong một cuộc ám sát cách đó chỉ có sáu tuần.

Chỉ nguyên việc này cũng đủ làm cho Reagan tin rằng mọi sự đã được an bài theo sự quan phòng của Thượng Đế. Nói theo ngôn ngữ Á Đông thì đây là cái cơ duyên (hay duyên trời) khiến hai vĩ nhân của thời đại gần nhau, hợp tác với nhau để cùng chung sức đương đầu với sự ác.

Hai đoàn phụ tá cùng một quyết tâm tại Hoa Thịnh Đốn và Vatican

Một cơ duyên khác ở cấp thấp hơn là chung quanh Reagan lúc ấy có rất nhiều phụ tá tài ba là người công giáo rất mộ đạo cũng cùng một quyết tâm phá tan chế độ cộng sản vô đạo. Trong số này, có những khuôn mặt nổi bật như giám đốc Trung

Ương Tình Báo William Casey, các cố vấn an ninh William Clark, Richard Allen, các đại sứ William Wilson (cạnh Vatican) và Vernon Walters (đại sứ Lưu Động) và ngay cả ngoại trưởng Alexander Haig. Về phía giáo quyền, tại Mỹ lúc ấy còn có Hồng Y John Kroll mà thân phụ sinh trưởng ở Balan, là vị hồng y có những mối liên hệ gắn bó nhất với Giáo Hoàng ở Vatican, và cũng là vị hồng y sẵn sàng đón tiếp những con chiên nhiều quyền lực trong chính quyền Reagan lúc ấy như Casey và Walters để mưu tính những kế hoạch mật nhằm cứu nhân loại khỏi họa cộng sản.

Sự tiếp xúc giữa các nhân vật quan trọng trong chính quyền Reagan với giáo hội Công Giáo không qua hệ thống giáo quyền thông thường mà qua cá nhân các yếu nhân như Giám Mục Bronislav Dabrowski phụ tá cho Hồng Y Glemp ở Ba Lan, hay Hồng Y John Krol ở Philadelphia.

Giám đốc CIA Casey và cố vấn an ninh Clark thường tiếp xúc và xin ý kiến của Tổng Giám Mục Pio Laghi vào những buổi sáng sớm, bàn thảo với ông về nhiều vấn đề thế giới, nhưng phần lớn đặt ưu tiên cho tình hình Ba Lan.

Liền sau khi lãnh tụ cộng sản Ba Lan, tướng Wojciech Jaruzelski tuyên bố thiết quân luật vào ngày 13 tháng 12 năm 1981, hạ lệnh bắt giam khoảng 6,000 lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết (CĐĐK), xử tử chín người và cấm công đoàn này hoạt động, Tổng

Thống Reagan liền gọi Giáo Hoàng để xin cố vấn. Ngoại Trưởng Haig cũng lập tức phái đại sứ lưu động Walters lên đường sang Vatican xin yết kiến Giáo Hoàng và Hồng Y Agostino Casaroli, Bộ Trưởng Ngoại Giao của Tòa Thánh. Walters đã đóng vai trò con thoi giữa Hoa Thịnh Đốn và Vatican, đích thân gặp Giáo Hoàng tổng cộng 12 lần. Còn giám đốc CIA Casey thì hẳn có dịp sang Âu Châu hay Trung Đông là lại ghé xin yết kiến Giáo Hoàng trước tiên.

Tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng Giám Mục Pio Laghi cũng tới gặp đích thân Tổng Thống Reagan ít nhất là 6 lần. Và thường ông không vào cổng chính để tránh sự soi mói của phóng viên báo chí. Giám đốc CIA Casey và cố vấn an ninh Clark cũng thường lên đến thăm TGM Laghi vào buổi sáng sớm để bàn cách đối phó với tình hình Ba Lan, nhất là để bàn thảo về những điều cần phải nhờ đến Giáo Hoàng.

Liên Minh không hiệp ước

Về phần tổng thống của siêu cường Mỹ thì ngày 7 tháng 6 năm 1982, ông đã đích thân lãnh đạo một phái đoàn đến triều yết vị lãnh tụ tinh thần của gần một tỉ người công giáo trên thế giới. Trong khi ông cùng với đức John Paul II đàm đạo tại thư viện Vatican (gần một tiếng đồng hồ), thì ở một văn phòng bên cạnh Ngoại Trưởng Haig cùng cố vấn an ninh Thẩm Phán William Clark cũng mật đàm với đức Hồng Y Agostino Casaroli, Bộ Trưởng Ngoại

Giao Vatican và phụ tá ngoại trưởng là Tổng Giám Mục Achille Silvestrini để bàn về những kế hoạch chi tiết.

Cố vấn an ninh đầu tiên của Tổng Thống Reagan là Richard Allen đã nói về kết quả cuộc gặp gỡ này như sau: “*Đây là một liên minh bí mật vĩ đại nhất của mọi thời.*”

Tuy gọi là liên minh bí mật, nhưng thực ra chẳng có một mật ước thành văn nào giữa Vatican và Hoa Thịnh Đốn. Và cho đến nay mặc dù cơ quan truyền thông Mỹ đã tiết lộ một số sự việc do các yếu nhân Vatican và Hoa Thịnh Đốn thực hiện để đưa tới sự sụp đổ của Ba Lan, rồi Đông Âu... nhưng Vatican vẫn không hề hé môi xác nhận, phủ nhận hay bình luận gì về những tiết lộ của báo chí Hoa Kỳ.

Những kế hoạch chiến lược phi quân sự

Theo tiết lộ của tờ *Time*, trước khi đi gặp Giáo Hoàng, Tổng Thống Mỹ đã có sẵn kế hoạch tấn công toàn khối Xô Viết bằng những biện pháp sau:

- Sáng kiến *phòng thủ chiến lược*, thường được gọi là *chiến tranh giữa các vì sao*, nhằm lôi Liên Xô vào một cuộc chạy đua vũ trang mà Hoa Kỳ nhìn thấy trước là đối thủ sẽ phải bỏ cuộc vì tài nguyên đã hầu cạn kiệt.

- Hoạt động bí mật nhằm khuyến khích những phong trào cải cách tại 3 nước Hung, Tiệp và nhất là Ba Lan.

- Viện trợ tài chính cho những quốc gia nào trong khối hiệp ước Varsovie sẵn lòng bảo vệ nhân quyền, cải cách chính trị, kinh tế theo chế độ thị trường tự do.

- Bao vây kinh tế Liên Xô bằng cách vận động Nhật Bản và các cường quốc Tây Phương không cung cấp cho nước này những kỹ thuật cao. Tập trung nỗ lực vào việc phá hỏng kế hoạch thâm ngoại tệ của Liên Xô bằng hệ thống ống dẫn dầu dài 3,600 dặm chạy suốt từ Tây Bá Lợi Á đến tận nước Pháp.

- Tăng cường sử dụng hệ thống phát thanh gồm các đài Tự Do, đài Tiếng Nói Hoa Kỳ và đài Âu Châu Tự Do nhắm vào nhân dân các nước Đông Âu, hầu cho họ thấy rõ và so sánh tính chất thật sự của chế độ mà họ đang sống với chế độ tự do bên ngoài.

Sách lược cụ thể của “liên minh” với CĐĐK

Đó là chiến lược chung có tính bao quát. Cuộc mật đàm giữa Tổng Thống Ronald Reagan và Giáo Hoàng John Paul II ngày 7 tháng 6 năm 1982 nhằm đề ra sách lược giai đoạn cụ thể xoay vào một khâu chiến lược chủ yếu là làm thế nào cứu vãn Công Đoàn Đoàn Kết Ba Lan khỏi tan rã trước sức tấn công của Jaruzelski. Nếu trước sức tấn công tàn bạo của chính quyền cộng sản mà tổ chức này tồn tại được và tiếp tục hoạt động thì tình hình có thể đảo ngược.

CĐĐK là một tổ chức chính trị có cái vỏ bọc kiên cố vì đồng thời nó cũng là một tổ chức nghiệp đoàn

có tính “xã hội chủ nghĩa” như mọi tổ chức của cộng sản, nghĩa là gồm những công nhân mà Marx coi là đội tiên phong trong cuộc đấu tranh cách mạng, đấu tranh giai cấp. Nó có tới 10 triệu đoàn viên, đại đa số là công nhân Công Giáo, thường cầu nguyện khi gặp khó khăn, hay trước khi hành sự. Lãnh tụ của nó là một công nhân Công Giáo quả cảm, anh thợ điện Lech Walesa.

Chỉ cần CĐĐK tồn tại, nó sẽ có thể biến chế độ Ba Lan cộng sản thành một chế độ dân chủ tự do ở giữa lòng khối cộng sản Varsovie. Có thể coi đây như “một quân domino của Eisenhower” ngày nào.

Với niềm tin tưởng đó, tòa Bạch Ốc đã cùng với Vatican, qua mạng lưới thông tin liên lạc bình thường và bí mật của Vatican giữa Tòa Thánh với hàng giáo sĩ trong nội địa Ba Lan để chuyển tới CĐĐK sự viện trợ tài chính và tiếp tế dồi dào về kỹ thuật để CĐĐK có thể tồn tại và tiếp tục hoạt động bí mật, chờ cơ hội thuận tiện sẽ quật khởi.

Chính Giáo Hoàng John Paul II đích thân liên lạc bằng vô tuyến điện với Hồng Y Jozef Glemp tại thủ đô Ba Lan Varsovie. Ngài cũng phái về quê hương của ngài những đặc sứ bí mật để thu lượm tại chỗ những thông tin cần thiết hầu nắm vững tình hình về phía chính phủ cũng như về phía Công Đoàn; đồng thời cũng để truyền đạt những huấn thị khôn ngoan sáng suốt theo đó đoàn viên Công Đoàn có thể sinh hoạt mà không bị khám phá và tiêu diệt, và

biết cách tranh đấu ở một mức độ tương đối ôn hòa với sự khôn khéo nhưng dũng cảm cần thiết, không gây cố cho chính quyền đàn áp dã man gây sự bùng nổ không cần thiết vào lúc mọi sự chưa chín mùi.

Các nhà lãnh đạo chính quyền Mỹ đã phải công nhận là những tin tức mà Giáo Hoàng nhận được từ hàng giáo sĩ và giáo dân trong nước của Người về tình hình chính trị nội địa Ba Lan chính xác và mau lẹ hơn những tin tức mà Mỹ nhận trực tiếp từ các nguồn tin tình báo Mỹ rất nhiều. Dĩ nhiên là không kể những tin tình báo quân sự thì Tòa Thánh không hơn được CIA. Người ta tiết lộ rằng lúc ấy làm việc cho CIA có cả một Thứ Trưởng Quốc Phòng Ba Lan và một viên đại tá trong Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lục Ba Lan, đại tá Ryszard Kuklinski.

Đáp lại những tin tức về tình hình Ba Lan, phía Hoa Kỳ đã chuyển vào nước này những đồ tiếp tế dư dật về mọi mặt tài chính, kinh tế, kỹ thuật giúp cho CĐĐK có thể chẳng những tồn tại mà còn tích cực hoạt động bí mật gây sức ép cực mạnh đối với chính quyền cộng sản.

CĐĐK có một văn phòng liên lạc bí mật đặt tại thủ đô Brussels của Bỉ, qua đó những nhân viên của Tòa Thánh cũng như của CIA Mỹ có thể liên lạc một cách an toàn với CĐĐK trong nước. Nhưng Tòa Thánh còn có cả một hệ thống giáo quyền ở trong nước gồm hàng trăm giám mục và hàng vạn linh mục. Những vị này đều có thể là thông tin viên, liên

lạc viên, là những hộp thư sống. Những căn hầm bên dưới nền một số nhà thờ cũng có thể là những trạm giao liên, những nơi tiếp thu hay tạm lưu giữ các máy móc và tài liệu tuyên truyền từ bên ngoài gửi tới. Ngoài ra, còn một số đông các chuyên viên về phong trào lao động, về tổ chức công đoàn người ngoại quốc đang hoạt động chính thức công khai tại Ba Lan cũng có thể đóng vai trung gian chuyển đạt những thông điệp từ Vatican hay chuyển giao những đồ tiếp liệu kỹ thuật từ Hoa Thịnh Đốn.

Vai trò của Giáo Hoàng và tính bất bạo động của sự can thiệp

Vì đây là một *liên minh thánh thiện* với Tòa Thánh nên người ta không ngạc nhiên khi nhận thấy trong số hàng viện trợ chẳng bao giờ có súng ống, đạn dược, thuốc nổ. Cũng không có những cố vấn quân sự hay tình báo gián điệp... như đã từng xảy ra trong vụ Iran Contrad, Vịnh Con Heo hay trong chiến tranh Việt Nam trước đây.

Viện trợ quan trọng nhất, có tính quyết định, chính là những huấn thị khôn ngoan, dè dặt của Tòa Thánh, đặt quyền lợi của nước Chúa, quyền lợi của Con Người trên hết. Những huấn thị của Giáo Hoàng cho đoàn chiên đồng hương của người, cũng như những lời cố vấn dành cho các giới chức cao cấp của Hoa Kỳ, khi tiếp xúc với Người được coi như những tinh hoa về văn minh Thiên Chúa Giáo rút

ra từ 2000 năm kinh nghiệm của Giáo Hội. Nhà báo Carl Bernstein (giải Pulitzer về báo chí) đã thuật lại lời Tổng Giám Mục Pio Laghi nói với ông về những cuộc gặp gỡ giữa ông và đại sứ lưu động Walters như sau: *“Vai trò của tôi chủ yếu là giúp Vernon (Walters) được dễ dàng gặp Đức Thánh Cha. Đức Thánh Cha biết rõ dân tộc của Người. Đó là một hoàn cảnh rất ư phức tạp nhiều khi làm sao để nhấn mạnh về nhân quyền, về tự do tôn giáo và cố làm sao giữ cho CĐĐK khỏi chết mà không khiêu khích thêm chính quyền cộng sản. Nhưng tôi đã bảo Vernon: Hãy lắng nghe Đức Thánh Cha. Tòa Thánh có 2000 năm kinh nghiệm về vấn đề này.”*

Vì chính quyền Mỹ biết lắng nghe Giáo Hoàng, và vì con chiên đồng hương của Giáo Hoàng chịu lắng nghe và làm theo huấn thị của Người nên kết quả cụ thể là CĐĐK đã nhận được một cách dồi dào và kín đáo, an toàn những món tiền lớn, những máy móc tối tân về thông tin và truyền tin, về vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình, những máy in, mực in, giấy in, những tài liệu hướng dẫn việc sử dụng và điều khiển, điều hành các máy móc tân kỳ phức tạp này.

Nhờ vậy, chẳng bao lâu sau ngày đại khủng bố, Công Đoàn tại Ba Lan đã có khoảng 400 tập san, trong số đó có tờ lên tới 30,000 ấn bản. Những cuốn sách lớn và những tập tài liệu mỏng thách đố chính quyền cộng sản được in ra và phổ biến có hàng ngàn.

Những tác phẩm hài hước châm biếm dành cho con nít với những dụ ngôn, dã sử với hình Jaruzelski xấu xí kinh tởm, chủ nghĩa cộng sản như con rồng đỏ, còn Walesa thì uy nghi lắm liệt như một hiệp sĩ anh hùng... Dưới hầm sâu của các giáo đường hay của tư thất các giáo hữu, hàng triệu người xem những cuốn băng video chống cộng được sản xuất ở ngoại quốc nhập lậu vào Ba Lan.

Với những máy móc tinh vi về truyền thanh truyền hình do CIA Mỹ cung cấp, các chuyên viên của CĐĐK có thể xen vào giữa các chương trình truyền thanh truyền hình của chính phủ cộng sản những khẩu hiệu như “*Công Đoàn Đoàn Kết bất diệt!*” hoặc “*Hãy kháng chiến!*”...

Cũng với các máy phát sóng tối tân được cung cấp từ bên ngoài qua các trạm bí mật nói trên, các chuyên viên của CĐĐK có thể làm cho các chương trình truyền hình của nhà nước phải gián đoạn trong chốc lát để xen vào những lời kêu gọi đình công, xuống đường, mít tinh, biểu tình v.v... Người ta thấy những điều đó xảy ra vào lúc nghỉ giải lao giữa hai hiệp đấu thể thao, là lúc khán thính giả không cảm thấy bị quấy rối một cách bức mình. Những lúc đó cũng là lúc thường thấy thành linh xuất hiện một vài biểu ngữ thật lớn kêu gọi kháng chiến chống cộng. Điều này thường hay xảy ra giữa những trận túc cầu tranh giải vô địch có rất đông khán giả.

Những kết quả thu lượm được

Khi mà những sự việc trên xảy ra thường xuyên và đồng loạt một cách rất mau chóng và rất bất ngờ tại nhiều nơi cùng một lúc, thì cảnh sát đành bó tay. Hành động quyết liệt ồ ạt những kiên trì khôn ngoan nhẫn nhục của cả chục triệu đoàn viên được sự chúc lành của Tòa Thánh đã thay đổi tâm trạng của hơn ba chục triệu nhân dân Ba Lan khiến chính quyền cộng sản phải *dần dần từng bước, do dự, dè dặt* nhượng bộ trước sức ép mãnh liệt về kinh tế, chính trị của Vatican và Hoa Thịnh Đốn.

Các nhà tù được mở ra và vụ án dự định dành cho Lech Walesa được bãi bỏ. Các đảng viên cộng sản quay ra đấu tranh với nhau, nền kinh tế suy sụp vì những cuộc đình công bãi thị, biểu tình trong nước và sự bao vây kinh tế cấm vận từ bên ngoài.

Ngày 19 tháng 2 năm 1987, sau khi chính quyền cộng sản Ba Lan hứa mở đối thoại với Giáo Hội, Tổng Thống Reagan đã hạ lệnh bãi bỏ cấm vận. Bốn tháng sau Giáo Hoàng được hàng triệu con chiên hoan hô chào đón khi ngài đi khắp nước Ba Lan rao giảng về nhân quyền và ca tụng CĐĐK. Năm tháng sau đến lượt lãnh tụ Liên Xô Gorbachev viếng thăm Ba Lan và, như cùng “đồng lõa” với Vatican và Hoa Thịnh Đốn, đã ra hiệu cho Jaruzelski hiểu rằng Mạc Tư Khoa nhìn nhận chính phủ Ba Lan không thể cầm quyền mà không có sự hợp tác của Công Đoàn Đoàn Kết.

Ngày 5 tháng 4 năm 1989, hai bên ký thỏa hiệp

hợp pháp hóa CĐĐK và cùng kêu gọi tổ chức bầu cử quốc hội vào tháng 6. Cuối cùng, vào tháng 12-1990, sau 9 năm bị bắt giữ anh thợ điện Lech Walesa đã được bầu làm tổng thống Ba Lan.

Có một điều đáng lưu ý: trong suốt bài báo dài 8 trang, ký giả Bernstein không ghi được một lời tuyên bố nào dù vắn gọn của Giáo Hoàng mà chỉ ghi rằng vị phụ tá thân cận của Ngài khuyên các giới chức ở Hoa Thịnh Đốn hãy lắng nghe (và làm theo?) lời Ngài.

Và nhìn vào những gì chính quyền Mỹ cũng như CĐĐK đã làm theo như Bernstein tường thuật thì thấy rõ: Chính quyền của Tổng Thống Reagan đã không viện trợ quân sự, không cho súng đạn, không gửi cố vấn quân sự tới, cũng không dọa thả bom tinh khôn... Trái lại chỉ có các kỹ thuật máy móc tân kỳ dành cho các phương tiện truyền thông và tiền. Về phía CĐĐK cũng vậy, không thấy có bạo động. Không có những vụ nổ bom quyết tử trên xe hơi. Không có ám sát. Chỉ có nhiều, rất nhiều truyền đơn, nhiều tranh hí họa, nhiều khẩu hiệu trên truyền thanh truyền hình, nhiều biểu ngữ giữa sân bóng đá, v.v.

Tóm lại, cuộc chiến thắng hoàn toàn bằng chính trị, ngoại giao, áp lực kinh tế và tuyên truyền. Đó là điều đáng làm cho những tổ chức chính trị thiếu phương tiện quân sự hùng hậu lấy làm an ủi và hy vọng, nếu họ biết vận dụng đúng mức những phương pháp và phương tiện phi vũ trang, bắt bạo động.

06-6-2004

Thư mục

Bawerk, Eugene von Bohm, *Karl Marx and The Chose of His System* (1898).

Bùi Tín, *Hoa Xuyên Tuyết* (1991).

Clausewitz, Karl von, *On War (Chiến Luận)*.

Courtois, Stéphane, *The Black Book of Communism: Crimes, Terror, Repression*, (Hắc Thư của Cộng Sản) Harvard University Press, 1999.

Crozier, Brian, *Strategy of Survival*, Arlington House (New Rochelle, N.Y.) 1978.

Đỗ Tiến Đức, *Má Hồng*, Orange County, California 2004.

Encyclopedia Americana

Encyclopedia Britannica

Fall, Bernard B.

- *The Two Vietnams*, Frederick A. Praeger, 1967.

- *Ho Chi Minh on Revolution*, Praeger, 1967.

Giáo Hoàng Pio IX, Tông Huấn (Papal Encyclical) “*Qui Pluribus*” Nov. 6th, 1846.

Halberstam, David

- *The Making of a Quagmire, America and Vietnam during the Kennedy Era*, Rowman & Littlefield Publishers Inc., 2008.

- *Ho*, McGraw-Hill Companies, 1986.

Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn Tập*.

Hồ Sỹ Khuê, *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*. NXB Văn Nghệ, 1992.

Hoàng Lạc, *Why America Lost the Vietnam War?*

Hoàng Văn Đào, *Lịch Sử Đấu tranh Cận Đại, 1927-1954*, VNQDD. 2006.

Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biên Cả*.

Holzer, Henry Mark, và **Erika Holzer**, *Aid and Comfort, Jane Fonda in North Vietnam*. McFarland & Company, 2002.

Hồng Hà, *Bác Hồ Trên Đất Nước Lê-nin*.

Jacobs, Seth, *America's Miracle Man in Vietnam: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia*, Duke University Press Books, 2005

Karnow, Stanley, *Vietnam A History*, Penguin, 1984

Khrushchev, Nikita. *Khrushchev Remembers*. Little Brown & Company, 1970.

Lê Quế Lâm, *Việt Nam Thắng và Bại*, Úc, 1993.

Lenin, Valdimir I., *Một Bước Tiến Hai Bước Lùi: Cuộc Khủng Hoảng Trong Đảng Ta*, 1904.

Mao Trạch Đông, *Trì Cựu Chiến Luận*.

McGrath, John M., *Prisoner of War*. US Naval Institute Press, 1975.

McNamara, Robert, *In Retrospect, Tragedy and Lessons from Vietnam* (Nhìn Lại, Thảm Kịch và Những Bài Học từ Cuộc Chiến Việt Nam), Random House, Inc. NY, 1995.

McNamara, Robert S. và James G. Blight, Robert K. Brigham, Thomas J. Biersteker, Herbert Y. Schandler *Argument Without End: In Search of Answers to the Vietnam Tragedy*, Public Affairs, 1999.

Minh Võ

- Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc, Diễn Đàn Giáo Dân, 2009.

- Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê, lần in thứ 3 năm 2002.

- Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng San, Sài Gòn 1963, tái bản lần 2 tại CA năm 2007.

Newman, John M., *JFK and Vietnam*, A Time Warner Co., 1992.

Nguyễn Cao Kỳ, *How We Lost The War*.

Nguyễn Gia Kiểng, *Tổ Quốc Ăn Năn*, Paris, 2000.

Nguyễn Kỳ Phong, *Vũng Lầy của Bạch Ốc*. từ sách TQH. 2006

Nguyễn Phú Đức, *Vietnam: Pourquoi Les États Unis Ont - Ils Perdu La Guerre?*, Godefroy de Bouillon, 1996.

Nguyễn Tiến Hưng, *Khi đồng minh tháo chạy*, 2005.

Nguyễn Văn Trấn, *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, 1995.

Nixon, Richard M.

- 1999 - *Victory Without War*, NXB Simon and Schuster, NY, London, Tokyo, Sydney, 1988.

- *No More Vietnams*, Comet, 1986.

- *The Real War*, Warner Books Inc. NY, 1980.

Patti, Archimedes, *Why Vietnam? Prelude to America's Albatross*, University of California Press, 1981.

Phạm Kim Vinh, *Cái Chết của Nam Việt Nam*.

Phùng Thế Tài, *Bác Hồ Những Kỷ Niệm Không Quên*.

Schlesinger, Arthur M. Jr., *A Thousand Days: John F. Kennedy in the White House* Houghton Mifflin Company, 1965.

Sheehan, Neil,

- *A Bright Shining Lie*, Random House, 1988.

- *After The War Was Over*, Random House USA Inc., 1992.

Simkhovitch, Vladimir, *Marxism versus Socialism (Chủ Nghĩa Mác Chống Chủ Nghĩa Xã Hội)*.

Strausz-Hupé, Robert & William R. Kintner, James E. Dougherty and Alvin J. Cottrell, *Protracted Conflict*, New York, Harper, 1959.

Taylor, Maxwell, *Swords And Plowshares (Thanh Gươm Và Lưỡi Cày)*, W.W. Norton & Company, Inc. N.Y., 1972,

Thích Quảng Độ, *Phật Giáo Việt Nam, Thống Nhất Phật Giáo*, nxb Tin, Paris, 1994.

Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, nxb Trẻ, 2005.

Trường Chinh, *Trường Kỳ Kháng Chiến, Nhất Định Thắng Lợi*.

Trương Tử Phòng, *Cái Chết của Nam Việt Nam*.

Văn Tiến Dũng, *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, 1996.

Võ Nguyên Giáp, *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên*, nxb QĐND, Hà Nội, 2001.

Vy Thanh, *Lớn Lên Với Đất Nước*, xnb Sự Thật Thật, 2006.

Xuân Vũ, *Mạng Người Lá Rụng*, Xuân Thu, 1989.

Tạp Chí

Kỷ Yếu của Hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại tháng 10 năm 2005

Le Monde, Pháp, 1-5-1975.

Người Việt, Nhật báo, ngày 28-2-05, 11-3-05, và 22-3-05, mục Diễn Đàn.

The Reader's Digest năm 1961.

US News & World Report, 10-8-1998.

Văn Nghệ Tiên Phong, Số tháng 3 năm 2004.

Danh mục

A

A Phú Hãn, 316, 322, 323, 324, 325, 326, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 336, 338, 341, 360

Abdullah, 324

Acheson, Dean G., 109, 111, 169, 201

Adams, Eddie, 267

Ai Cập, 130, 322, 334, 337, 338, 396

Alexandri, 30

Allen, Richard, 524, 526

André, Max, 198

Annan, Kofi A., 320

ANZUS, 111, 199

Auriol, Vincent, 28, 47, 196, 219, 354,

B

Ba Lan, 68, 100, 107, 108, 120, 139, 173, 256, 364, 366, 393, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534

Ba Làng, 396, 403

Bắc Hàn, 18, 64, 131, 150, 371,

Baez, Joan, 270

Bakunin, 100

Ban Mê Thuật, 154

Bandung, (Băng-
đung) 130, 396

Bảo Đại, 27, 28, 29, 45, 47, 49, 54, 55, 57, 58, 59, 70, 81, 196, 218, 219, 220, 238, 354, 355, 356, 461, 469,

- Bawerk, Eugene von** 313, 314, 315, 319, 320,
Bohm, 94, 100 329 330, 331, 332, 333, 335,
Beesly, Edward Spencer, 338, 343, 361, 362, 363,
 100 367, 368, 369, 370, 522
Beria, Lavrentiy Pavlov-
ich, 398, 399, 401 **Bửu Lộc**, 45, 219
Bernstein, Edward, 94 **C**
Bidault, George, 198 **Cách Mạng Tháng Tám**,
 42, 43, 44, 86, 288, 356, 460
Bình Giả, 31 **Cải Cách Ruộng Đất**, 60,
Blaizot, 30 122, 143, 148, 207, 283,
Bollaert, Émile, 27, 49 285, 389, 393, 401, 403,
Borodin, 35, 36, 37, 299, 413, 415, 467, 483, 491
 477 **Cao Hồng Lĩnh**, 294
Botkin, Richard, 188 **Cao Ngọc Oánh**, 420, 425
Brest-Litovsk, 95 **Cao Ngọc Phượng** (Sur bà
Brezhnev, Leonid, 193 Chân Không), 439
Brigham, Robert, 188 **Carmichael, Stokely**, 270
Brocheux, Pierre, 290 **Carpentier, Marcel M.**, 30
Browne, Malcolm, 115 **Casaroli, Agostino**, 525
Brussels, 529 **Casey, William** 524, 525
Budapest, 120, 393 **Ceausescu**, 102, 256
Bùi Công Trùng, 404 **CENTO**, 111, 199
Bùi Minh Quốc, 279 **Chân Tín**, 269, 327, 376,
Bùi Tiến Dũng, 420 385, 441, 489, 490, 493, 502
Bùi Tín, 156, 207, 280, 291, **Chennault, Claire**, 41
 414, 500, 502, 507 **Chiến tranh Đông Dương**
Bush, George, 119, 150, I, 21, 30
 158, 173, 193, 201, 237,

- Chiến tranh Đông Dương** II, 13, 21
- Chiến tranh Việt Pháp**, 22, 149, 164, 200, 211, 217
- Chiến tranh ý thức hệ**, 13, 15, 24, 26, 27, 29, 30, 35, 59, 68, 89, 90, 92, 93, 96, 98, 99, 110, 112, 113, 114, 115, 120, 121, 122, 124, 126, 128, 130, 131, 132, 137, 138, 139, 147, 149, 150, 152
- Chính Phủ Liên Hiệp**, 44, 46, 70, 77, 86
- Chirac, Jacques**, 322
- Chu Ân Lai**, 118, 130, 396,
- Chu Văn Tấn**, 404
- Churchill, Winston**, 50, 109, 176
- Clark, Ramsey**, 270
- Clark, William** 524, 525
- Clausewitz, Karl von**, 25, 74, 120, 126, 160, 180, 513
- Clinton, Bill**, 234, 468, 521
- Cogny, René**, 30
- Colby, William**, 230
- COMECON**, 95, 110, 111
- Cồn Dầu**, 18
- Conein, Lou**, 72
- Công Đoàn Đoàn Kết (CĐĐK)**, 524, 527, 528, 529, 531, 532, 533, 534
- Công Xã Paris**, 100, 102
- Courtois, Stéphane**, 411
- Crozier, Brian**, 94, 125
- Cuba**, 131, 296,
- D, Đ**
- D/C Kim**, 77
- Dabrowski, Bronislaw**, 524
- De Castries**, 470
- De Tassigny, De Lattre**, 30, 355
- Delteil, Henri**, 29
- Djilas, Milovan**, 134, 414, 419
- Duiker, William**, 273, 290
- Dulles, Allen**, 160, 201
- Dulles, Foster**, 111, 112, 160, 201
- Dung Krall (Mỹ Dung)**, 499
- Dương Bạch Mai**, 404

- Dương Đức Hiền**, 11, 60, 209, 238
Dương Quỳnh Hoa, 60
Dương Thu Hương, 156, 207, 244, 245, 281, 412, 420, 428, 429
Dương Văn Minh, 79, 153
Đài Loan, 111, 118, 234, 302
Đại Việt Quốc Dân Đảng, 76, 442, 450
Đại Việt, 82
đảng Lao Động, 107, 285, 342, 496
đảng Thăng Tiến Việt Nam, 381, 438, 443, 445
Đào Chu Khải, 43
Đào Duy Anh, 404
Đào Duy Quát, 428
Đào Minh Quân, 82
Đặng Kim Giang, 404
Đặng Nguyên Hùng, 294
Đặng Thúc Hứa, 37
Đặng Văn Cáp, 294
Đặng Xuân Hồng, 300
Đệ Tam Quốc Tế, 302, 474
Điện Biên Phủ, 66, 356, 357, 461, 469
- Đinh Quang Anh Thái**, 428
Đỗ Đức Kiên, 404
Đỗ Mậu, 53, 79
Đỗ Mười, 282, 439
Đỗ Nam Hải, 370, 438, 443
Đông Âu, 9, 15, 78, 81, 95, 108, 111, 119, 120, 131, 132, 135, 138, 139, 143, 145, 162, 173, 199, 214, 255, 256, 257, 258, 321, 342, 394, 427, 450, 474, 485, 515, 521, 523, 526, 527
Đồng Chiêm, 18
Đông Dương Cộng Sản Đảng, 38, 477
- E, F, G**
Eastman, Max, 23, 94, 125, 201, 346, 359
Eisenhower, 50, 111, 112, 118, 176, 182, 200, 450, 514, 528
Engels, Friedrich 25, 161, 199, 213, 214, 231, 474
Erdogan, Recep Tayyip, 361

- Élysée, hiệp ước, 28, 47, 219, 354, 355
- Fall, Bernard**, 50, 301
- Fen, Charles**, 41
- Ferrero, Benita**, 423, 432
- Fisher, Louis**, 134, 202, 267
- Fonda, Jane Seymour**, 15, 237, 263, 264, 265, 267, 270, 271, 276, 277, 465
- Fontainebleau**, 404
- Forrestal, Michael**, 170
- Gates, Bill**, 423, 432
- Genève**, 29, 30, 49, 55, 100, 113, 130, 170, 201, 219, 220, 402, 403
- Giang Trạch Dân**, 326-327
- Giáo Hoàng John Paul II**, 15, 119, 150, 521, 522, 527, 528
- Giáo Hoàng Phao-lô VI**, 137, 265
- Giáo Hoàng Piô IX**, 94, 100, 199
- Gide, André**, 134, 202, 209, 267
- Glomp, Jozef**, 524, 528
- Goebbels**, 166
- Gorbachev**, 119, 120, 146, 150, 251, 257, 521, 522, 533
- Gore, Al**, 315
- H**
- Hà Đông**, 43, 440
- Hà Đông (Công tử)**, 238
- Hà Giang**, 42
- Hà Huy Tập**, 301, 403
- Hạ Long**, 27, 47, 219
- Hà Mạnh Khởi**, 281
- Hà Sỹ Phu**, 232, 242, 390, 420
- Hà Văn Trường**, 298
- Hà Vĩnh Phương**, 466
- Haig, Alexander**, 524, 525
- Hải Phòng**, 66, 192, 265, 519
- Halberstam, David**, 53, 65, 115, 144, 158, 271, 273, 277, 465
- Hammer, Allen**, 68
- Hàn Quốc**, 95, 136, 224, 512
- Harkins, Paul**, 177
- Harriman, Averell**, 169, 170, 201,
- Helliwell, Paul**, 41

- hiệp định Sơ Bộ**, 28, 44, 238
- Hillsman, Rogers**, 169
- Hitler**, 105, 397
- Hoa Nam**, 10, 38, 41, 44, 77, 86, 127, 136, 166, 291, 292, 403, 458, 501,
- Hoàng Cẩm**, 394, 437
- Hoàng Cơ Minh**, 226, 234
- Hoàng Hữu Quýnh**, 207
- Hoàng Lạc**, 157
- Hoàng Minh Chính**, 209, 279, 390, 409, 412, 413,
- Hoàng Minh Giám**, 42
- Hoàng Ngọc Hiến**, 236, 237, 370
- Hoàng Phủ Ngọc Tường**, 266
- Hoàng Quốc Kỳ**, 502
- Hoàng Quốc Việt**, 402
- Hoàng Sa**, 17
- Hoàng Tiến**, 209, 279
- Hoàng Văn Chí**, 11, 60, 207, 258, 402,
- Hoàng Văn Đào**, 39, 42, 43, 76, 78
- Hoàng Văn Hoan**, 37, 38, 291, 292, 293, 295, 296
- Hoàng Văn Thái**, 404
- Hoàng Xuân Hãn**, 11, 61, 89, 258, 274, 291, 349, 350, 351, 456
- Horn, Gyula**, 257
- Hồ Cẩm Đào**, 432
- Hồ Cẩm Duệ**, 423, 432
- Hồ Chí Minh**, 10, 11, 12, 17, 19, 21, 28, 29, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 48, 49, 53, 55, 56, 61, 62, 63, 64, 73, 74, 76, 82, 86, 89, 106, 113, 114, 115, 123, 127, 128, 136, 137, 139, 142, 143, 144, 146, 147, 148, 151, 156, 166, 168, 170, 171, 173, 178, 189, 198, 200, 209, 210, 211, 212, 214, 220, 235, 237, 238, 240, 243, 244, 248, 253, 258, 259, 260, 261, 267, 268, 269, 271-272, 273, 274, 277, 278, 281, 283, 284, 286, 288, 289, 290, 292, 293, 296, 298, 301, 302, 305, 349, 350, 351, 352, 356, 357, 365, 366, 370, 373, 386, 389,

- 390, 391, 393, 395, 396, **Huỳnh Thúc Kháng**, 238
 397, 399, 400, 401, 402,
 403, 405, 406, 407, 408, **I, J, K**
 409, 410, 411, 412, 413, **Iliescu, Ion**, 256
 414, 415, 423, 427, 437, **Indonesia**, 130
 456, 457, 459, 460, 462, **Iran**, 18, 326, 338, 371, 530,
 463, 466, 467, 468, 469, **Iraq**, 14, 159, 324, 326, 338,
 470, 472, 473, 475, 477, 360, 363, 365, 367, 369,
 479, 480, 481, 482, 483, 370, 371, 374, 376, 381,
 484, 485, 486, 496, 497, 383, 384, 385, 442
 499, 500, 502, 507, 511, **Jaruzelski, Wojciech**, 524,
 519. 527, 532, 533,
Hồ Học Lãm, 27, 38, 39, **Jebsen, Thérèse**, 437
 45, 292, 293, 294, 295 **Johnson, Lyndon B.**, 31,
Hồ Quang, 296 32, 50, 65, 72, 114, 176, 183,
Hồ Sỹ Khuê, 71 191, 192, 270
Hồ Tùng Mậu, 38, 300 **Karnow, Stanley**, 158, 271,
Hồ Viết Thắng, 402 274, 466, 158
hội nghị 2K, 120 **Kennedy, John F. Jr.**, 179
Hồng Hà, 291, 298, 299, **Kennedy, John F.**, 32, 51,
 300, 301, 303, 304, 305, 459 52, 66, 69, 71, 73, 130, 170,
Hùng Cường, 282 176, 178, 179, 182, 270, 396
Hussein, Saddam, 338, **Kennedy, John F. (thư**
 362, 371 **viện)**, 69
Huỳnh Đàm, 451-452 **Kerry, John**, 15, 237, 270,
Huỳnh Phú Sổ, 404, 498 465
Huỳnh Tấn Mẫm, 266 **Khái Hưng**, 404
Huỳnh Tấn Phát, 168, 207 **Khamenei, Ayatollah Ali**,

326, 338

Khối 8406, 14, 377, 379, 381, 433, 434, 438, 442, 443, 444, 448, 451, 452, 456, 457

Khrushchev, Nikita, 47, 130, 131, 144, 145, 148, 248, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 408, 411, 412, 415,

Kiều Quán Hoa, 118

Kim Đại Trọng (Kim Dae-Jung), 150

Kissinger, Henry, 118, 157, 158, 160, 169, 172, 191, 192, 513

Koestler, Arthur, 134, 202, 267

Komintern, 99, 103, 104, 107, 407, 412

Kravchenko, Victor, 134

Krestintern, 136

Kroll, John, 524

Kuklinski, Ryszard, 529

Kuwait, 334, 371

Kwasniewski, Alexander, 256

L

Lacouture, Jean, 267, 405

Laden, Osama bin, 316, 323, 324, 326, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 336, 337, 341, 343, 364

Lan Khai, 404

Lansdale, Edward, 185

Lâm Đức Thọ, 38, 300, 301, 304, 403

Lê Bá Bình, 188

Lê Chí Quang, 232

Lê Công Cầu, 436

Lê Duẩn, 168, 255, 282, 283,

Lê Đạt, 394, 437

Lê Đăng Doanh, 409, 433, 434, 451

Lê Đức Anh, 251, 282

Lê Đức Thọ, 66, 192, 255, 282, 283, 400, 405

Lê Giản, 401

Lê Hồng Anh, 282

Lê Hồng Hà, 279

Lê Hồng Phong, 300, 403

Lê Hồng Sơn, 38, 300

Lê Hữu Mục, 236

Lê Khả Phiêu, 282

Lê Khắc Quyến , 266	120, 122, 126, 127, 132,
Lê Khang , 76	143, 147, 162, 163, 166,
Lê Liêm , 404	185, 197, 207, 208, 213,
Lê Minh Đảo , 155	224, 273, 275, 298, 299,
Lê Minh Nghĩa , 404	300, 397, 402, 421, 462-
Lê Nguyên Vỹ , 153	463, 474, 476, 477, 479,
Lê Nhân , 389, 390, 400,	485, 501
410, 502, 506	Liên Hiệp Pháp , 28, 47, 58,
Lê Quảng Đạt , 300	59, 70
Lê Quế Lâm , 155	Liên Hiệp Quốc , 47, 54,
Lê Quốc Quân , 437	64, 118, 320, 321, 370, 378,
Lê Quốc Trụ , 294	383, 396, 397, 445, 489,
Lê Thị Công Nhân , 438,	516, 517
446, 447	Liêu Trọng Khải , 300
Lê Thị Hằng , 444	Lincoln, Abraham , 230
Lê Trọng Tấn , 404	Loan Lý , 18
Lê Văn Hưng , 153	Lodge, Cabot , 170
Lê Văn Lan , 400	Luchma, Leonid , 257
Lê Văn Lương , 402	Lukashenko, Alexander ,
Lê Văn Nuôi , 266	257
Lê Văn Quang , 400	Lữ Phương , 12, 61, 273,
Lê Văn Tám , 210	291, 388, 412, 414, 457, 466
Lê Xuân Khoa , 12, 13, 22,	Lưu Quốc Long , 300
89, 149, 195, 200, 203, 205,	Lưu Văn Đạt , 451
211, 217, 221, 258	Lý Đông A , 404
Lê-nin , 24, 34, 35, 36, 42,	Lý Quang Diệu , 230
43, 44, 76, 92, 99, 102, 103,	Lý Thụy , 37, 300
104, 105, 106, 107, 113,	Lý Tông Bá , 82

Lý Tổng, 226, 234

M

Mã Lai, 35, 166, 291

Mác (Karl Marx), 12, 34-

36, 91-94, 96, 97, 98, 99-102, 104, 107, 122-124,

127, 128, 131, 133-135,

140, 141, 143, 144, 150,

163, 165, 185, 207, 213,

214, 224, 227, 230, 242,

247, 249, 266, 267, 275,

281, 285, 300, 354, 402,

407, 411, 420, 421, 424,

427, 440, 455, 474-476,

479, 482, 483, 484, 486,

487, 496, 502

Maddox, tàu, 189

Mai Hữu Xuân, 80

Maneli, Mieczyslaw, 68

Manuilski, 299,

Mao Trạch Đông, 45, 83,

92, 159, 199, 213, 282, 284,

406, 413, 501

Marshall, George C., 95,

109, 110, 111, 201

Mậu Thân, 27, 60, 192,

405, 406, 467

McCone, 177

McGarr, 177

McNamara, 175, 176, 178,

179, 182, 183, 187, 189,

191-193, 270

Miến Điện, 35, 268, 302,

480, 497

Mitterand, 468

Moo-Hyun, Roh 150

Moyar, Mark, 32

Munich, 95

Musharaff, Pervez, 322

Mussolini, 310

N

Nam Dương, 35, 162, 291,

302, 396

Nam Hàn, 64, 149, 150,

224

Nam Tư, 130, 134, 396

NATO, 111, 199, 321, 361

Navarre, Henry, 30

Nehru, 396

Newman, John M., 158

Nghiêm Kế Tổ, 40

Nghiêm Xuân Yêm, 209,

238

Ngô Đình Diệm, 4, 13, 17,

- 19, 21, 30, 31, 45, 46, 49, 50-
53, 55, 67, 68, 71, 72, 73-75,
82, 83, 85, 86, 89, 114, 115,
121, 125, 149, 156, 171, 176,
182, 187, 198, 219, 271,
327, 343-345, 359, 397, 514
Ngô Đình Nhu, 68, 69, 72,
63, 91
Ngô Thị Hiến, 478
Nguyễn Ái Quốc, 26, 37,
38, 299, 300, 304, 403
Nguyễn An Ninh, 269
Nguyễn Anh Tuấn, 451
Nguyễn Bá Cẩn, 82
Nguyễn Bách Khoa, 238
Nguyễn Bình Thành, 444
Nguyễn Bình, 404
Nguyễn Cao Kỳ, 53, 157,
372, 434, 435, 438
Nguyễn Chánh Thi, 53
Nguyễn Chí Thiện, 209,
281
Nguyễn Đan Quế, 226,
279, 372
Nguyễn Đình Hương, 451
Nguyễn Đình Huy, 226,
372
Nguyễn Đình Lê, 215, 400
Nguyễn Đồng Chi, 236
Nguyễn Giản Khanh, 300
Nguyễn Hà Phan, 282
Nguyễn Hải Thần, 27, 38,
39, 42, 45, 70, 218, 238,
292, 294
Nguyễn Hiến Lê, 154
Nguyễn Hiếu, 404
Nguyễn Hộ, 414, 491
Nguyễn Hồng Quang, 410
Nguyễn Huệ Chi, 236,
237, 370
Nguyễn Hữu Chánh, 82
Nguyễn Hữu Đang, 209
Nguyễn Hữu Giải, 385,
441
Nguyễn Hữu Luyện, 235,
236
Nguyễn Hữu Thọ, 168
Nguyễn Khắc Toàn, 390,
409, 422, 444
Nguyễn Khắc Viện, 60
Nguyễn Khánh, 31
Nguyễn Khoa Diễm, 282
Nguyễn Khoa Nam, 153
Nguyễn Kim Diễm, 441
Nguyễn Mạnh Tường, 10,
60, 151, 209, 238, 394, 404

- Nguyễn Minh Cần, 293, 401, 453
 Nguyễn Minh Nghĩa, 404
 Nguyễn Nam Khánh, 251
 Nguyễn Ngọc Hạnh, 226, 234
 Nguyễn Ngọc Lan, 269
 Nguyễn Ngọc Linh, 80
 Nguyễn Ngọc Loan, 267
 Nguyễn Ngọc Sơn, 43
 Nguyễn Phan Long, 45
 Nguyễn Phong, 438, 443, 444
 Nguyễn Phú Đức, 157
 Nguyễn Tấn Dũng, 423, 432, 437
 Nguyễn Tất Thành, 401, 408, 467
 Nguyễn Tất Trung, 408
 Nguyễn Thái Bình, 391, 502
 Nguyễn Thái Hoàng, 391, 400, 410, 502, 506
 Nguyễn Thái Học, 77
 Nguyễn Thanh Giang, 243, 279
 Nguyễn Thế Nghiệp, 43, 296
 Nguyễn Thế Truyền, 269
 Nguyễn Thị Anh Đào, 378, 444
 Nguyễn Thị Năm, 293
 Nguyễn Thiện Tâm, 12, 279, 285, 278, 288, 291, 305, 388, 412
 Nguyễn Trọng Vĩnh, 82
 Nguyễn Tường Tam, 40, 45, 218, 238
 Nguyễn Văn An, 282, 410
 Nguyễn Văn Bé, 409
 Nguyễn Văn Chúc, 82, 355
 Nguyễn Văn Đài, 438, 447
 Nguyễn Văn Giải, 376
 Nguyễn Văn Hinh, 57
 Nguyễn Văn Linh, 345, 434
 Nguyễn Văn Lý, 14, 232, 372, 376, 377, 385, 434, 438, 439, 441, 442, 444, 456
 Nguyễn Văn Tâm, 46
 Nguyễn Văn Tạo, 401
 Nguyễn Văn Thi, 409
 Nguyễn Văn Thiệu, 55, 59, 66, 79, 82, 149, 154, 155, 184, 497

- Nguyễn Văn Trấn**, 281, 157, 191, 192, 234, 401, 282, 491
Nguyễn Văn Xuân, 27, 45
Nguyễn Việt Tiến, 420, 425
Nguyễn Vịnh, 404
Nguyễn Vũ Bình, 232, 390
Nguyễn Xiển, 10, 60, 209, 238
Nguyễn Xuân Nghĩa, 156
Nilópski, 302
Nixon, Richard, 14, 23, 51, 53, 54, 65-67, 72, 94, 109, 114, 115, 117-121, 125-128, 130, 138, 139, 149, 150, 157, 158, 169, 171, 172, 176, 178, 191-193, 265, 271, 347, 402, 465, 513, 522
Nolting, Frederick, 176
Nông Đức Mạnh, 131, 396, 400, 407, 408, 410, 420
Nông Thị Xuân, 401
- P**
Pakistan, 118, 322-324, 329-331, 333, 334, 337
Paris, 27, 65, 66, 100, -102, 157, 191, 192, 234, 401, 402, 404, 441,
Patti, Archimedes, 41, 42, 142, 405
Phạm Duy, 434, 435, 438
Phạm Gia Khiêm, 437
Phạm Hồng Thái, 38, 235
Phạm Huy Thông, 60
Phạm Khải Hoàn, 77
Phạm Kim Vinh (Trương Tử Phòng), 53
Phạm Quế Dương, 232, 279, 390
Phạm Thế Duyệt, 282, 428
Phạm Văn Đồng, 38, 296, 434, 458, 459,
Phạm Văn Lưu, 69
Phạm Văn Phú, 153, 470
Phạm Văn Trà, 282
Phạm Xuân Ẩn, 128
Phan Anh, 60
Phan Bội Châu, 26, 34, 37, 38, 39, 49, 53, 249, 292, 301, 391, 467
Phan Chu Trinh, 269
Phan Đình Diệm, 409, 433, 434, 451
Phan Hoàng, 404

- Phan Huy Lê**, 210
- Phan Huy Quát**, 31, 75, 471, 514
- Phan Khôi**, 394
- Phan Thế Hải**, 409
- Phan Văn Khải**, 391, 423, 432
- Phan Văn Lợi**, 376, 385, 441, 502
- Phan Văn Trường**, 269
- Pháp**, 11, 13, 22, 28, 30, 37, 48, 62, 100, 105, 111, 118, 122, 138, 149, 161, 164, 173, 174, 195, 198, 200, 205, 217, 218, 219, 225, 240, 245, 264, 268, 274, 290, 294, 295, 301, 319, 322, 350, 355-357, 434, 461, 467-469, 512
- Phi Luật Tân**, 136, 512
- Phùng Chí Kiên**, 298
- Phùng Quán**, 394, 437
- Phùng Thế Tài**, 291, 297, 458
- Picasso**, 209, 267
- Pignon**, 30
- Laghi, Pio** 524, 525, 531
- Potsdam**, 95, 109, 110, 120
- Poznan**, 120, 393
- Praha**, 120
- Putin**, 322, 325
- Q, R**
- Quảng Dưỡng**, 43
- Quinn-Judge, Sophie**, 273
- Quốc Tế Cộng Sản**, 24, 33, 99, 103, 104, 110, 136, 137, 139, 148, 149, 163, 169, 199, 200, 205, 209, 213, 249, 290, 298-305, 477, 479, 485
- Quốc Tế I**, 100-102, 124
- Quốc Tế II**, 101, 102, 124,
- Quốc Tế III**, 99, 101, 103-106, 124, 127, 136, 147, 162, 166, 199, 275, 305, 407, 475, 477, 479, 485
- Quốc Tế IV**, 124
- Quỳnh Lưu (Nghệ An)**, 120, 393, 403
- Reagan, Ronald**, 15, 119, 133, 173, 193, 201, 312, 411, 521-527, 533, 534
- Rice, Condoleezza**, 367, 437
- Ripley, John**, 188

Romania, 120, 256

Russell, Bertrand, 209, 267, 281

S

Sainteny, Jean, 405

Sakharov, Andrei Dimitrievich, 134

Salan, Raoul A. L. 30, 142

Salt 2, hội nghị, 149

Sampson, Ronald D., 264

Sartre, Jean-Paul, 267, 209, 214

Schlesinger, Arthur M., 73

Schwarzenegger, Arnold, 509

SEATO, 111, 199

Shaw, William, 41

Sheehan, Neil, 115, 158, 271, 273, 277, 345, 465

Shevardnadze, Edward A., 257

Silone, Ignazio, 134, 202, 209, 267, 413, 414

Silvestrini, Achille 526

Simkhovitch, Vladimir, 94

Singapore, 230, 303

Smith, Adam, 91

Solzhenitsyn, Alexander, 23, 94, 125, 134, 201, 347, 359

Sơn Tùng, 400

Spender, Stephen, 134

Stalin, 34, 105, 106, 109, 147, 197, 213, 282, 284, 298, 393-399, 408, 411, 413, 415, 458, 492, 495, 501

Strausz-Hupé, Robert, 23, 94, 121, 125, 160, 169, 201, 359

T

Tạ Bá Tòng, 491

Tạ Quang Bửu, 29

Taliban, 316, 322-326, 329-333, 335, 336, 338, 340, 341

Tam Sa, 17

Tào Cương Xuyên, 423, 432

Taylor, Maxwell, 50, 114, 176, 177, 185

Tâm Tâm Xã, 26, 38, 292, 299, 300

- Tân Tây Lan**, 111, 138, 199, 512
- Thái Hà**, 18
- Thái Lan**, 35, 37, 136, 166, 234, 291, 295, 512
- Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội**, 26, 38, 295, 300, 304
- Thế Chiến III**, 23, 78, 94, 95, 117, 124, 125, 130, 347, 359, 366, 23, 78, 94, 95, 117, 124, 125, 130, 135, 180, 181, 183
- Thích Chí Thắng**, 436
- Thích Đức Hải**, 440, 441
- Thích Đức Nghiệp**, 435
- Thích Giác Nhiên**, 435
- Thích Huyền Quang**, 61
- Thích Lệ Trang**, 435
- Thích Nhật Ban**, 436
- Thích Nhất Hạnh**, 372, 434, 435, 439
- Thích Quảng Độ**, 61, 232, 410, 435, 437, 439, 441
- Thích Thiện Minh**, 372, 436
- Thích Thiện Tánh**, 435
- Thích Trí Quang**, 61, 337
- Thiên An Môn**, 253
- Thượng Hải**, 65, 66, 118, 130, 149, 192
- Thụy Khuê**, 274, 350
- Tiếp Khắc**, 120
- tòa Khâm Sứ**, 17
- Todd, Olivier**, 267
- Tôn Dật Tiên**, 34, 37, 107, 477
- Tôn Thất Đính**, 80
- Trần Bá**, 279, 281
- Trần Canh**, 30, 470
- Trần Chung Ngọc**, 53
- Trần Dân Tiên**, 144, 167, 211, 248, 268, 399, , 407, 479-481, 485, 497
- Trần Dần**, 437
- Trần Danh Tuyên**, 401
- Trần Đại Nghĩa**, 60
- Trần Đại Sơn**, 279, 281
- Trần Đình Bình**, 420, 425
- Trần Đình Hoan**, 282
- Trần Độ**, 132, 232
- Trần Đức Lương**, 282, 326
- Trần Đức Thảo**, 10, 60, 209, 214, 238, 404
- Trần Hồng**, 226, 234

- Trần Hưng Đạo**, 61, 145, 482
- Trần Huy Liệu**, 113, 127, 166, 210, 211
- Trần Khuê**, 232, 279, 390, 400
- Trần Mạnh Hảo**, 409, 422, 502
- Trần Quốc Hoàn**, 401
- Trần Quốc Thuận**, 451
- Trần Quốc Vượng**, 400
- Trần Thái Văn**, 509
- Trần Thiện Khiêm**, 80
- Trần Trọng Kim**, 11, 28, 113, 274, 291, 350, 356
- Trần Trường**, 235
- Trần Văn Bá**, 226
- Trần Văn Đôn**, 80
- Trần Văn Hai**, 153
- Trần Văn Hữu**, 45
- Trần Văn Soái**, 498
- Trần Văn Thủy**, 237, 370
- Trần Văn Tuyên**, 75
- Triều Tiên**, 22, 113, 120, 121, 130
- Trịnh Công Sơn**, 15, 277, 465
- Trịnh Đình Thảo**, 10, 238
- Truman, Harry**, 109, 200, 272
- Trung Hoa Quốc Dân Đảng**, 35, 37, 38, 40, 107, 218, 477, 501
- Trương Béo**, 300, 301, 403
- Trương Bội Công**, 38, 45
- Trường Chinh**, 159, 402, 458, 459
- Trương Đức Duy**, 423, 432
- Trương Như Tảng**, 60
- Trương Phát Khuê**, 40, 142
- Trương Tấn Sang**, 282
- Trương Triệu Vũ**, 281
- Trương Tử Anh**, 45, 76, 77, 404
- Trương Văn Lĩnh**, 300
- Trương Vũ**, 237
- Tù Chí Kiên**, 294
- Tù Đôn Tín**, 423, 432
- Tưởng Giới Thạch**, 159
- U, V**
- Ung Văn Khiêm**, 404
- Vaisse, Maurice**, 58
- Valluy, Jean Étienne** 30
- Vatican**, 137, 173, 265,

- 366, 378, 435-437, 450,
522-526, 528, 530, 533
Văn Cao, 404
Văn Tiến Dũng, 22, 188,
345, 458
Vi Đăng Tường, 294
Vi Quốc Thanh, 30, 470
Việt Minh, 28-30 38-41,
43, 47- 49, 58, , 62, 77, 113,
137, 174, 196, 200, 208-
211, 218-220, 258, 292,
293, 295, 342, 355-357,
450, 455, 461, 469, 470,
481, 482, 497
Việt Nam Cách Mệnh
Đồng Minh Hội, 27, 38-
40, 42
Việt Nam Độc Lập Đồng
Minh Hội, 27, 38, 291, 293,
295, 296
Việt Nam Phục Quốc
Đồng Minh Hội, 39
Việt Nam Quang Phục
Hội, 39
Việt Nam Quốc Dân
Đảng, 39, 42, 77, 260, 294,
296, 297, 389
Việt Tân, 82
Việt Thường, 502
Vịnh Con Heo, 73, 530
Vĩnh Yên, 43, 76, 405, 406
Võ Đại Tôn, 226, 234
Võ Nguyên Giáp, 38, 42,
82, 113, 127, 166, 168, 198,
251, 296, 297, 370, 394,
396, 401, 403-406, , 458,
459, 470
Võ Quế Dương, 391, 395,
400, 502
Võ Văn Kiệt, 408
Voslensky, Michael, 419
Vũ Cao Quận, 279, 281,
446, 447
Vũ Đình Huỳnh, 401, 404
Vũ Đức Khiển, 282
Vũ Hồng Khanh, 40, 42,
44, 45, 75, 217 238, 296,
297
Vũ Kỳ, 405, 408
Vũ Minh Ngọc, 279, 281
Vũ Thư Hiên, 207, 291,
401
Vương Thúc Oánh, 300
Vy Thanh, 495, 496, 498,
499

W, X, Y, Z

Waldner, Benita Ferrero,

423

Walesa, Lech, 256, 528,

532, 533, 534

Wells, John, 511, 512

Wright, Richard, 134

Walters, Vernon 524, 525,

531

Watergate, 191, 522

Wilson, William 524

Xô Viết Nghệ Tĩnh, 48,

106, 143, 148

Xuân Vũ, 56, 207

Ỗ Lan, 437

Yalta, 95, 108-110, 130

Yeltsin, Boris, 81, 251

Young, Marilyn, 158

